

THƯ MỤC QUỐC GIA THÁNG 09 NĂM 2026

THÔNG TIN HỌC VÀ TÁC PHẨM TỔNG QUÁT

1. Bùi Thị Thanh Diệu. Giáo trình Kỹ năng thông tin / Bùi Thị Thanh Diệu (ch.b.), Bùi Hà Phương, Phan Thị Quỳnh. - H. : Khoa học xã hội, 2025. - 263 tr. : minh họa ; 24 cm. - 1000b
ĐTTS ghi: Trường Đại học Khánh Hòa. - Thư mục: tr. 254-263 s640748
2. Đoàn Hồng Phúc. Tiểu ban Thông tấn - Báo chí tỉnh Rạch Giá - Những năm tháng không quên (1961 - 1975) / B.s.: Đoàn Hồng Phúc, Trương Thanh Nhã. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2026. - 343 tr. : ảnh, bảng ; 21 cm. - 415b
ĐTTS ghi: Hội Nhà báo tỉnh Kiên Giang. - Phụ lục: tr. 321-340 s637441
3. Ngày 2-7-1976 rạng rỡ Thành phố Hồ Chí Minh / Nam Bộ tuyển chọn. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2026. - 102 tr. : ảnh ; 12x17 cm. - 70000đ. - 1000b s640715
4. Tô Đình Tuân. Dấu ấn 30 năm nghề báo : Chọn lọc những bài viết của tác giả ghi dấu hơn 30 năm làm báo (1995 - 2025); kỷ niệm 50 năm Giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (30-4-1975 - 30-4-2025); 100 năm Báo chí Cách mạng Việt Nam (21-6-1925 - 21-6-2025) và 80 năm Quốc khánh (2-9-1945 - 2-9-2025) / Tô Đình Tuân. - In lần thứ 2. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2026. - 384 tr. : ảnh ; 24 cm. - 160000đ. - 1000b s640833

TIN HỌC, TRI THỨC VÀ HỆ THỐNG

5. Bài tập Tin học 6 / Hà Đăng Cao Tùng (ch.b.), Nguyễn Hải Châu, Đinh Thị Hạnh Mai, Hoàng Thị Mai. - Tái bản lần thứ 5. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 100 tr. : minh họa ; 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 15000đ. - 49000b s639561
6. Bài tập Tin học 7 / Hà Đăng Cao Tùng (ch.b.), Nguyễn Hải Châu, Bùi Việt Hà... - Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 91 tr. : minh họa ; 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 14000đ. - 34800b s639562
7. Bài tập Tin học 8 / Hà Đăng Cao Tùng (ch.b.), Nguyễn Hải Châu, Hoàng Thị Mai. - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 120 tr. : minh họa ; 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 18000đ. - 13000b s639563
8. Bài tập Tin học 11 - Định hướng tin học ứng dụng / Phạm Thế Long (ch.b.), Nguyễn Nam Hải, Dương Quỳnh Nga... - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 99 tr. : minh họa ; 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 18000đ. - 2000b s639564
9. Bình dân học vụ số - Kỹ năng số cho mọi người / Huỳnh Văn Sơn (ch.b.), Nguyễn Thị Xuân Yến, Tạ Thanh Trung... - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 124 tr. : minh họa ; 27 cm. - 83000đ. - 2000b s638859
10. Các nhà khoa học đặt câu hỏi như thế nào? : Một cuốn sách về phương pháp khoa học : Dành cho thiếu nhi / Lời: Madeline J. Hayes ; Tranh: Srimalie Bassani ; Trang Rose dịch. - H. : Kim Đồng, 2026. - 32 tr. : tranh màu ; 21 cm. - 35000đ. - 2000b s637866
11. Chinh phục Olympic Tin học: Từ tư duy đến thuật toán - Bí kíp lập trình chuyên nghiệp / Đặng Xuân Thọ (ch.b.), Đào Thị Minh, Nguyễn Tiến Thành... - H. : Khoa học Tự nhiên và Công nghệ, 2026. - 192 tr. : bảng ; 21 cm. - 250000đ. - 300b s640755
12. Cox, Andrew. AI cho tri thức / Andrew Cox, Mike Thelwall ; Hyo dịch. - H. : Kim Đồng, 2026. - 151 tr. ; 21 cm. - (AI for everything). - 50000đ. - 1500b

Tên sách tiếng Anh: AI for knowledge. - Thư mục: tr. 139-149 s637729

13. Cù Việt Dũng. Bài giảng Một số chủ đề trong thiết kế phần mềm / Cù Việt Dũng (ch.b.), Lê Nguyễn Tuấn Thành. - H. : Bách khoa Hà Nội, 2026. - 235 tr. : hình vẽ ; 27 cm. - 360000đ. - 80b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Thủy lợi. Khoa Công nghệ thông tin. - Thư mục: tr. 235 s638646

14. Đặng Thành Trung. Giáo trình Lập trình trực quan C# / Đặng Thành Trung (ch.b.), Trần Hải Long, Vũ Thị Xuyên. - H. : Đại học Sư phạm, 2026. - 223 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 115000đ. - 500b

Thư mục: tr. 221 s640793

15. Giáo dục năng lực số lớp 6 : Sách dành cho giáo viên / Nguyễn Hoài Nam, Tạ Thanh Trung (ch.b.), Lê Thị Thúy An... - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh, 2026. - 119 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 60000đ. - 2000b

Thư mục: tr. 119 s637514

16. Giáo dục năng lực số lớp 7 : Sách dành cho giáo viên / Nguyễn Hoài Nam, Tạ Thanh Trung (ch.b.), Lê Thị Thúy An... - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh, 2026. - 131 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 60000đ. - 2000b

Thư mục: tr. 131 s637515

17. Giáo dục năng lực số lớp 8 : Sách dành cho giáo viên / Nguyễn Hoài Nam, Tạ Thanh Trung (ch.b.), Lê Thị Thúy An... - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh, 2026. - 139 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 60000đ. - 2000b

Thư mục: tr. 139 s637516

18. Giáo dục năng lực số lớp 9 : Sách dành cho giáo viên / Nguyễn Hoài Nam, Tạ Thanh Trung (ch.b.), Lê Thị Thúy An... - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh, 2026. - 127 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 60000đ. - 2000b

Thư mục: tr. 127 s637517

19. Giáo dục năng lực số và trí tuệ nhân tạo lớp 6 / Huỳnh Ngọc Thanh (ch.b.), Tô Thị Vân Anh, Nguyễn Trí Dũng... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 63 tr. : minh họa ; 27 cm. - 29000đ. - 2500b s638933

20. Giáo dục năng lực số và trí tuệ nhân tạo lớp 7 / Huỳnh Ngọc Thanh (ch.b.), Tô Thị Vân Anh, Nguyễn Trí Dũng... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 63 tr. : minh họa ; 27 cm. - 29000đ. - 2500b s638934

21. Giáo dục năng lực số và trí tuệ nhân tạo lớp 8 / Huỳnh Ngọc Thanh (ch.b.), Tô Thị Vân Anh, Nguyễn Trí Dũng... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 63 tr. : minh họa ; 27 cm. - 29000đ. - 2500b s638935

22. Giáo dục năng lực số và trí tuệ nhân tạo lớp 9 / Huỳnh Ngọc Thanh (ch.b.), Tô Thị Vân Anh, Nguyễn Trí Dũng... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 63 tr. : minh họa ; 27 cm. - 29000đ. - 2500b s638936

23. Giáo dục phát triển năng lực số lớp 8 / Lê Anh Vinh (ch.b.), Vương Quốc Anh, Đào Ngọc Chính... - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 72 tr. : minh họa ; 27 cm. - 45000đ. - 3000b s638947

24. Giáo dục phát triển năng lực số lớp 9 / Lê Anh Vinh (ch.b.), Vương Quốc Anh, Đào Ngọc Chính... - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 71 tr. : minh họa ; 27 cm. - 45000đ. - 3000b s638948

25. Hastings, Janna. AI trong khám phá khoa học / Janna Hastings ; Hyo dịch. - H. : Kim Đồng, 2026. - 183 tr. : hình vẽ ; 21 cm. - (AI for everything). - 60000đ. - 1500b
Tên sách tiếng Anh: AI for scientific discovery. - Thư mục: tr. 153-179 s637728
26. Himpsl, Franz. Sống thư thái trong thời đại AI / Franz Himpsl, Dirk Von Gehlen ; Dịch: Lương Chi Mai, Lê Quang. - H. : Kim Đồng, 2026. - 219 tr. ; 21 cm. - 70000đ. - 2000b s637831
27. Hướng dẫn ôn thi tốt nghiệp Trung học phổ thông môn Tin học năm học 2025 - 2026 / Trần Văn Hưng, Hồ Vĩnh Thắng (ch.b.), Lê Hiếu... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 204 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 90000đ. - 1000b s639540
28. Lê Trung Dũng. Bài giảng Vi xử lý / Lê Trung Dũng (ch.b.), Ngô Quang Vĩ, Bùi Văn Đại. - H. : Bách khoa Hà Nội, 2026. - 327 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 436000đ. - 80b
ĐTTS ghi: Trường Đại học Thủy lợi. Khoa Điện - Điện tử. Bộ môn Kỹ thuật Điều khiển & Tự động hóa. - Thư mục: tr. 327 s638652
29. Ngô Hải Anh. Giáo trình An toàn bảo mật thông tin / Ngô Hải Anh. - H. : Khoa học Tự nhiên và Công nghệ, 2026. - 279 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 360000đ. - 100b
ĐTTS ghi: Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam. Học viện Khoa học và Công nghệ. - Phụ lục: tr. 201-278. - Thư mục: tr. 279 s640768
30. Nguyễn Thị Hồng Yến. Giáo trình Mạng máy tính / Nguyễn Thị Hồng Yến (ch.b.), Trần Thái Bảo. - H. : Khoa học xã hội, 2026. - 219 tr. : minh họa ; 24 cm. - 319000đ. - 500b
ĐTTS ghi: Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vĩnh Long. - Thư mục: tr. 218-219 s638629
31. Nguyễn Thị Thu Trang. Giáo trình Phương pháp luận nghiên cứu khoa học / Nguyễn Thị Thu Trang (ch.b.), Đặng Hữu Phúc. - Tái bản lần 2. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Công nghiệp Tp. Hồ Chí Minh, 2026. - 193 tr. : minh họa ; 24 cm. - 50000đ. - 2000b
Thư mục: tr. 180-182. - Phụ lục: tr. 183-193 s640042
32. Nguyễn Trọng Đức. Kiến trúc máy tính / Nguyễn Trọng Đức (ch.b.), Phạm Trung Minh, Nguyễn Cảnh Toàn. - Hải Phòng : Nxb. Hàng hải, 2026. - 129 tr. : hình vẽ, bảng ; 25 cm. - 86000đ. - 20b
Thư mục: tr. 129 s640023
33. Nguyễn Văn Lượng. Làm sao để con sử dụng AI an toàn và hiệu quả : Đừng trở thành "nạn nhân" của AI, cuốn sách đặc biệt dành cho quý phụ huynh, nhà trường và thanh thiếu niên / Nguyễn Văn Lượng. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2026. - 385 tr. : minh họa ; 21 cm. - 185000đ. - 1000b
Phụ lục: tr. 364-379 s641000
34. Ôn luyện Tin học cấp trung học phổ thông từ cơ bản đến nâng cao : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 / Đỗ Văn Nhỏ (ch.b.), Vũ Thị Dung, Trần Thị Hiền... - Huế : Đại học Huế, 2026. - 259 tr. : minh họa ; 24 cm. - 130000đ. - 1000b s637501
35. Ôn tập hè: Toán - Ngữ văn - Tiếng Anh lớp 6 / Tôn Thân, Lê Thị Minh Nguyệt, Lương Quỳnh Trang. - Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 108 tr. : minh họa ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 48000đ. - 3000b s639493
36. Ôn tập hè: Toán - Ngữ văn - Tiếng Anh lớp 8 / Tôn Thân, Lê Thị Minh Nguyệt, Lương Quỳnh Trang. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 116 tr. : minh họa ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 50000đ. - 4000b s639494

37. Phạm Văn Ất. Giáo trình C++ & lập trình hướng đối tượng / Phạm Văn Ất (ch.b.), Lê Trường Thông. - Tái bản có sửa chữa, bổ sung. - H. : Bách khoa Hà Nội, 2026. - 487 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 195000đ. - 2000b
Phụ lục: tr. 419-487 s638494
38. Prescott, Tony. Trí tuệ nhân tạo dưới lăng kính tâm lý học / Tony Prescott ; Hoàng Long dịch. - H. : Kim Đồng, 2026. - 183 tr. : hình vẽ ; 21 cm. - 60000đ. - 2000b
Tên sách tiếng Anh: The psychology of artificial intelligence s637826
39. Prooijen, Jan-Willem Van. Thuyết âm mưu dưới lăng kính tâm lý học / Jan-Willem Van Prooijen ; Trần Khánh Hưng dịch. - H. : Kim Đồng, 2026. - 146 tr. ; 21 cm. - 50000đ. - 2000b
Tên sách tiếng Anh: The psychology of conspiracy theories. - Thư mục: tr. 140-142 s637828
40. "Rác trí tuệ nhân tạo (AI)" - Thách thức trong kỉ nguyên số : Sách chuyên khảo / Nguyễn Văn Thành, Cù Xuân Vũ (ch.b.), Lục Anh Tuấn... - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2026. - 199 tr. ; 24 cm. - 1000b
Thư mục: tr. 193-198 s638600
41. Søråa, Roger A. AI vì sự đa dạng / Roger A. Søråa ; Quỳnh Anh dịch. - H. : Kim Đồng, 2026. - 199 tr. : hình vẽ, ảnh ; 21 cm. - (AI for everything). - 65000đ. - 1500b
Tên sách tiếng Anh: AI for diversity. - Thư mục: tr. 161-196 s637727
42. Tài liệu ứng dụng công nghệ thông tin và năng lực số cơ bản / Lê Nhật Duy (ch.b.), Giảng Thanh Trọn, Từ Thị Xuân Hiền... - Tái bản lần 1. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Công nghiệp Tp. Hồ Chí Minh, 2026. - 331 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 130000đ. - 2000b
Thư mục: tr. 331 s640041
43. Tin học 6 / Nguyễn Chí Công (tổng ch.b.), Hà Đăng Cao Tùng (ch.b.), Đinh Thị Hạnh Mai, Hoàng Thị Mai. - Tái bản lần thứ 5. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 75 tr. : minh họa ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 9000đ. - 515400b
Đầu bìa sách ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo s639417
44. Tin học 7 / Nguyễn Chí Công (tổng ch.b.), Hà Đăng Cao Tùng (ch.b.), Phan Anh... - Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 83 tr. : minh họa ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 9600đ. - 382700b
Đầu bìa sách ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo s638946
45. Tin học 9 / Nguyễn Chí Công (tổng ch.b.), Hà Đăng Cao Tùng (ch.b.), Phan Anh... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 91 tr. : minh họa ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 12700đ. - 260000b s639422
46. Tin học 9 / Nguyễn Chí Công (tổng ch.b.), Hà Đăng Cao Tùng (ch.b.), Phan Anh... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 91 tr. : minh họa ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 11500đ. - 343500b
Đầu bìa sách ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo s639418
47. Tin học 10 / Phạm Thế Long (tổng ch.b.), Đào Kiến Quốc (ch.b.), Bùi Việt Hà... - Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 168 tr. : minh họa ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 20500đ. - 223400b
Đầu bìa sách ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo s639419
48. Tin học 11 - Định hướng tin học ứng dụng / Phạm Thế Long (tổng ch.b.), Bùi Việt Hà, Đào Kiến Quốc (ch.b.)... - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 152 tr. : minh họa ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 19000đ. - 117400b

Đầu bìa sách ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo s639420

49. Tin học 12 - Định hướng tin học ứng dụng / Phạm Thế Long (tổng ch.b.), Bùi Việt Hà, Đào Kiến Quốc (ch.b.)... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 156 tr. : minh họa ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 19500đ. - 97400b

Đầu bìa sách ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo s639421

50. Trần Ngọc Tân. Hướng dẫn sử dụng AI "siêu mạnh" Google Gemini & Google AI studio : Tạo video - hình ảnh - slide - ứng dụng trong 30s / Trần Ngọc Tân. - H. : Dân trí, 2026. - 159 tr. : minh họa ; 21 cm. - 180000đ. - 10000b s640074

51. Trí tuệ nhân tạo lớp 6 / Hà Đăng Cao Tùng, Hoàng Thị Mai, Lê Anh Vinh (ch.b.)... - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 108 tr. : minh họa ; 27 cm. - 48000đ. - 30000b s638997

52. Trí tuệ nhân tạo lớp 7 / Hà Đăng Cao Tùng, Hoàng Thị Mai, Lê Anh Vinh (ch.b.)... - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 84 tr. : minh họa ; 27 cm. - 39000đ. - 30000b s638998

53. Trí tuệ nhân tạo lớp 8 / Hà Đăng Cao Tùng, Hoàng Thị Mai, Lê Anh Vinh (ch.b.)... - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 88 tr. : minh họa ; 27 cm. - 40000đ. - 30000b s638999

54. Trí tuệ nhân tạo lớp 9 / Hà Đăng Cao Tùng, Hoàng Thị Mai, Lê Anh Vinh (ch.b.)... - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 80 tr. : minh họa ; 27 cm. - 39000đ. - 30000b s639000

55. Trí tuệ nhân tạo lớp 10 / Hà Đăng Cao Tùng, Hoàng Thị Mai, Lê Anh Vinh (ch.b.)... - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 88 tr. : minh họa ; 27 cm. - 40000đ. - 20000b s639001

56. Trí tuệ nhân tạo lớp 11 / Hà Đăng Cao Tùng, Hoàng Thị Mai, Lê Anh Vinh (ch.b.)... - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 100 tr. : minh họa ; 27 cm. - 45000đ. - 20000b s639002

57. Trí tuệ nhân tạo lớp 12 / Hà Đăng Cao Tùng, Hoàng Thị Mai, Lê Anh Vinh (ch.b.)... - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 120 tr. : minh họa ; 27 cm. - 53000đ. - 20000b s639003

58. Từ Nghêu. OpenClaw - Ứng dụng AI tự động hóa trong công việc : Hướng dẫn chi tiết cách cài đặt, thiết lập và sử dụng OpenClaw... / Từ Nghêu. - H. : Công Thương, 2026. - 482 tr. : hình vẽ, bảng ; 21 cm. - (Tủ sách AI). - 269000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Trung: OpenClaw 实战指南 : 零基础打造会干活的AI 数字员工 s637471

59. Vở thực hành Tin học 6 / Hà Đăng Cao Tùng, Nguyễn Hải Châu, Đinh Thị Hạnh Mai, Hoàng Thị Mai. - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 80 tr. : minh họa ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 34000đ. - 5000b s639423

60. Vở thực hành Tin học 7 / Hà Đăng Cao Tùng, Nguyễn Hải Châu, Đinh Thị Hạnh Mai, Hoàng Thị Mai. - Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 80 tr. : minh họa ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 34000đ. - 5000b s639424

61. Vũ Cao Đàm. Giáo trình Phương pháp luận nghiên cứu khoa học / Vũ Cao Đàm. - Tái bản lần thứ 17. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 207 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 78000đ. - 2000b

Phụ lục: tr. 173-204. - Thư mục: tr. 205 s639895

TRIẾT HỌC

62. Antoninus, Marcus Aurelius. Suy tưởng = Meditations / Marcus Aurelius Antoninus ; Đinh Hồng Phúc dịch ; Minh họa: Việt Nam. - H. : Thế giới, 2026. - 365 tr. : ảnh ; 21 cm. - 220000đ. - 2200b s640375

63. Ayawawa. Yêu thông minh : Sổ tay sinh tồn cho phụ nữ trong tình yêu : Dành cho tuổi trưởng thành / Ayawawa ; Thu Hương dịch. - H. : Kim Đồng, 2026. - 279 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - 95000đ. - 2000b

Tên thật tác giả: Dương Băng Dương. - Tên sách tiếng Trung: 幸福爱 : 从新手到高手的爱情修习课 s637770

64. Bài tập Giáo dục công dân 6 / Nguyễn Thị Toan (ch.b.), Nguyễn Hà An, Nguyễn Thị Hoàng Anh... - Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 56 tr. : bảng, tranh vẽ ; 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 10000đ. - 120396b s639745

65. Bài tập Giáo dục công dân 6 / Nguyễn Thị Toan (ch.b.), Nguyễn Hà An, Nguyễn Thị Hoàng Anh... - Tái bản lần thứ 5. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 56 tr. : bảng, tranh vẽ ; 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 10000đ. - 19000b s639746

66. Bài tập Giáo dục công dân 7 / Nguyễn Thị Toan (ch.b.), Nguyễn Hà An, Nguyễn Thị Hoàng Anh... - Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 55 tr. : bảng ; 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 10000đ. - 12000b s639747

67. Bài tập Giáo dục công dân 8 / Nguyễn Thị Toan (ch.b.), Nguyễn Hà An, Nguyễn Thị Hoàng Anh... - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 60 tr. : bảng ; 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 10000đ. - 3000b s639748

68. Bài tập Giáo dục công dân 9 / Nguyễn Thị Toan (ch.b.), Trần Thị Mai Phương, Nguyễn Hà An... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 64 tr. : bảng ; 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 9000đ. - 1500b s639749

69. Bloom. Giá như có ai đó dạy tôi trưởng thành : Trưởng thành theo hệ 4.0 / Bloom. - Tái bản. - H. : Văn học, 2026. - 214 tr. : hình vẽ ; 21 cm. - 96000đ. - 500b s640465

70. Bùi Quốc Tuấn. Trả lại tính nữ cho em - Trả lại tính nam cho anh : Bí mật trở thành cặp đôi hạnh phúc bền vững. Tìm về đúng sức mạnh tạo hóa ban tặng / Bùi Quốc Tuấn, Bùi Oanh Happygirl. - Tái bản. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2026. - 159 tr. : ảnh ; 20 cm. - (Bộ sách "Về nhà hạnh phúc"). - 389000đ. - 1000b s640830

71. Busch, Christian. Làm chủ vận may : Nghệ thuật và khoa học nắm bắt cơ hội = Connect the dots : The art and science of creating good luck / Christian Busch ; Phương Nguyễn dịch. - H. : Công Thương, 2026. - 343 tr. : hình vẽ, biểu đồ ; 24 cm. - 239000đ. - 3000b s639984

72. Cao Minh Công. Trách nhiệm công vụ và đạo đức công chức ở Việt Nam hiện nay : Sách chuyên khảo / Cao Minh Công. - H. : Khoa học xã hội, 2026. - 283 tr. ; 24 cm. - 260000đ. - 200b

Thư mục: tr. 267-283 s638636

73. Carnegie, Dale. Quảng gánh lo đi và vui sống = How to stop worrying and start living / Dale Carnegie ; Nguyễn Hiến Lê dịch. - H. : Hồng Đức, 2026. - 338 tr. ; 21 cm. - 90000đ. - 1000b s640901

74. Cave, Stephen. Tranh biện nhỏ về câu hỏi lớn - Ta có nên chọn cuộc sống vĩnh hằng? : Dành cho tuổi trưởng thành / Stephen Cave, John Martin Fischer ; Jack Frogg dịch. - H. : Kim Đồng, 2026. - 247 tr. ; 24 cm. - (2045 Book - Hành trang cho người trẻ). - 120000đ. - 1000b

Tên sách tiếng Anh: Should you choose to live forever: A debate. - Thư mục: tr. 238-244 s637789

75. Cẩm nang kỹ năng - Kỹ năng giải quyết vấn đề / Thuần Du, Xuân Linh, Minh An... - H. : Kim Đồng, 2026. - 69 tr. : tranh màu ; 21 cm. - (Tủ sách Kiến thức và kỹ năng sống)(Nhi đồng - Kỹ năng sống; T.3). - 50000đ. - 7200b s637775

76. Chade Meng Tan. Search inside yourself : Tạo ra lợi nhuận, vượt qua đại dương và thay đổi thế giới / Chade Meng Tan ; Kiều Anh Tú dịch. - In lần 26. - H. : Công Thương, 2026. - 345 tr. : tranh vẽ ; 22 cm. - 179000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Anh: Search inside yourself: The unexpected path to achieving success, happiness s637488

77. Christine Li. 5 phút rèn luyện tính tự kỉ luật / Christine Li ; Đặng Phương Hoa dịch. - H. : Hồng Đức, 2026. - 190 tr. ; 21 cm. - 67000đ. - 2000b

Thư mục: tr. 184-187 s640888

78. Chuyện nhỏ, đừng lo! : Sách dành cho trẻ từ 5 - 10 tuổi / Joy Berry ; Chung Quý dịch. - Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 32 tr. : tranh màu ; 21 cm. - (Bộ sách Kỹ năng giúp trẻ tư duy tích cực). - 28000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Anh: Let's talk about feeling worried s638453

79. Cohen, Herb. Bạn có thể đàm phán bất cứ điều gì = You can negotiate anything / Herb Cohen ; Dịch: Nguyễn Vũ Thành, Minh Khôi. - Tái bản lần thứ 9. - H. : Công Thương, 2026. - 361 tr. ; 21 cm. - 179000đ. - 3000b s637470

80. Cùng chơi, thế mới vui! : Sách dành cho trẻ từ 5 - 10 tuổi / Joy Berry ; Chung Quý dịch. - Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 32 tr. : tranh màu ; 21 cm. - (Bộ sách Kỹ năng giúp trẻ tư duy tích cực). - 28000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Anh: Let's talk about playing with others s639913

81. Cư xử công bằng : Sách dành cho trẻ từ 5 - 10 tuổi / Joy Berry ; Lê Ngọc dịch. - Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 32 tr. : tranh màu ; 21 cm. - (Bộ sách Kỹ năng giúp trẻ tư duy tích cực). - 28000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Anh: Let's talk about being fair s639912

82. Dám nhận lỗi và sửa sai : Sách dành cho trẻ từ 5 - 10 tuổi / Joy Berry ; Chung Quý dịch. - Tái bản lần thứ 6. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 32 tr. : tranh màu ; 21 cm. - (Bộ sách Kỹ năng giúp trẻ tư duy tích cực). - 28000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Anh: Let's talk about feeling guilty s639911

83. Dưới đáy giếng nhìn lên / Đáy Giếng. - H. : Dân trí, 2026. - 220 tr. : hình vẽ ; 20 cm. - 95000đ. - 1000b

Tên thật nhóm tác giả: Đoàn Xuyên, Minh Khoa s640077

84. Đỉnh Đức Hoàng. Ảo ảnh trong xã hội dư thừa kết nối / Đỉnh Đức Hoàng. - H. : Dân trí, 2026. - 293 tr. : minh họa ; 22 cm. - 195000đ. - 1000b s640084

85. Định luật Murphy : Những nguyên tắc cốt lõi theo trẻ suốt cả cuộc đời. 28 bài học trí tuệ giúp trẻ rèn tâm luyện tính : Truyện tranh dành cho trẻ em / Hồ Thuyết Tân Ngữ ; Sư Tử dịch. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 175 tr. : tranh màu ; 24 cm. - 128000đ. - 50000b

Tên sách tiếng Trung: 漫画少年学墨菲定律 s638444

86. Đồng Đồng Áp. Thiếu niên không muộn phiền - Gỡ rối tâm lý tuổi teen / Đồng Đồng Áp ; Bích Hường dịch. - H. : Văn học, 2026. - 395 tr. : minh họa ; 23 cm. - 180000đ. - 3000b

Tên sách tiếng Trung: 少年不烦恼 小学生心理健康漫画书 s640202

87. Fischer, Bob. Tranh biện nhỏ về câu hỏi lớn - Ta nợ động vật điều gì? : Dành cho tuổi trưởng thành / Bob Fischer, Anja Jauernig ; Nguyễn Hương dịch. - H. : Kim Đồng, 2026. - 307 tr. ; 24 cm. - 145000đ. - 1000b

Tên sách tiếng Anh: What do we owe other animals : A debate. - Thư mục: tr. 293-296 s637790

88. Giáo dục công dân 6 / Nguyễn Thị Toan (tổng ch.b.), Trần Thị Mai Phương (ch.b.), Nguyễn Hà An... - Tái bản lần thứ 5. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 59 tr. : minh họa ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 7500đ. - 48100b
 Đầu bìa sách ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo s638954
89. Giáo dục công dân 7 / Nguyễn Thị Toan (tổng ch.b.), Trần Thị Mai Phương (ch.b.), Nguyễn Hà An... - Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 63 tr. : minh họa ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 7900đ. - 392500b
 Đầu bìa sách ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo s638955
90. Giáo dục công dân 9 / Nguyễn Thị Toan (tổng ch.b.), Trần Thị Mai Phương (ch.b.), Nguyễn Hà An... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 55 tr. : minh họa ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 6700đ. - 390400b
 Đầu bìa sách ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo s638956
91. Giáo trình Luật sư và đạo đức nghề luật sư / Ngô Thị Ngọc Vân, Tống Thị Thanh Thanh (ch.b.), Lê Mai Anh... - Tái bản lần thứ 6. - H. : Tư pháp, 2026. - 383 tr. : bảng ; 24 cm. - 74000đ. - 4014b
 ĐTTS ghi: Học viện Tư pháp. - Thư mục: tr. 373-378 s640752
92. Goleman, Daniel. Trí tuệ xúc cảm : Lý giải tại sao người kém thông minh lại thành công hơn những người thông minh / Daniel Goleman ; Dịch: Nguyễn Lê Phương, Phạm Thị Thu Hà. - Tái bản lần thứ 14. - H. : Công Thương, 2026. - 396 tr. ; 24 cm. - 199000đ. - 3000b
 Tên sách tiếng Anh: Emotional intelligence : Why it can matter more than IQ. - Phụ lục: tr. 365-390 s640005
93. Hill, Napoleon. Chiến thắng con quỷ trong bạn / Napoleon Hill ; Nguyệt Hạ dịch. - H. : Văn học, 2026. - 282 tr. ; 21 cm. - 119000đ. - 5000b s640200
94. Hoàng Khải Đoàn. Thay đổi một suy nghĩ, thay đổi cả cuộc đời : Người khác đối xử thế nào với bạn là do bạn dạy / Hoàng Khải Đoàn ; Phương Linh dịch. - Tái bản lần 7. - H. : Văn học, 2026. - 399 tr. : hình vẽ ; 23 cm. - 160000đ. - 2000b s640413
95. J. Krishnamurti. Tự do vượt trên sự hiểu biết = Freedom from the known : Sách tham khảo / J. Krishnamurti ; Hoàng Tuấn dịch. - Tái bản. - H. : Hồng Đức, 2026. - 143 tr. ; 21 cm. - 68000đ. - 1000b s640975
96. Jacob Oh. Tôi muốn một mối quan hệ không tổn thương / Jacob Oh ; Mai Anh Tuấn dịch. - H. : Văn học, 2026. - 351 tr. ; 21 cm. - 148000đ. - 2000b
 Tên sách tiếng Hàn: 나도 상처 없는 인간관계를 하고 싶다 s640182
97. Jay, Meg. Tuổi 20 những năm tháng quyết định cuộc đời bạn = The defining decade / Meg Jay ; Ngọc Bích dịch. - Tái bản lần thứ 10. - H. : Văn học, 2026. - 266 tr. : bảng ; 21 cm. - 3000b s640383
98. Jorathe Năng Tím. Tuổi trẻ và tương lai / Jorathe Năng Tím. - H. : Hồng Đức, 2026. - 114 tr. ; 21 cm. - 105000đ. - 1000b
 Phụ lục: tr. 70-113 s640893
99. Khazan, Olga. Là tôi, nhưng tốt hơn : Giải mã khả năng thay đổi tính cách = Me, but better : The science and promise of personality change / Olga Khazan ; Dịch: Hạ Khuê, Xuân Uyên. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2026. - 294 tr. ; 21 cm. - 130000đ. - 1000b
 Phụ lục: tr. 291-293 s640839
100. Không sợ bị đau : Sách dành cho trẻ từ 5 - 10 tuổi / Joy Berry ; Chung Quý dịch. - Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 32 tr. : tranh màu ; 21 cm. - (Bộ sách Kỹ năng giúp trẻ tư duy tích cực). - 28000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Anh: Let's talk about getting hurt s639909

101. Kiên trì, không nản chí : Sách dành cho trẻ từ 5 - 10 tuổi / Joy Berry ; Lê Ngọc dịch. - Tái bản lần thứ 6. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 32 tr. : tranh màu ; 21 cm. - (Bộ sách Kỹ năng giúp trẻ tư duy tích cực). - 28000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Anh: Let's talk about feeling frustrated s639910

102. Kim Jin Woo. Kích hoạt Dopamine / Kim Jin Woo ; Mai Anh Tuấn dịch. - H. : Văn học, 2026. - 163 tr. : hình vẽ ; 18 cm. - 92000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Hàn: 도파민 트리거 s640583

103. Lạc Phàm. Điều con muốn nói : Hướng dẫn trẻ cách giao tiếp và bày tỏ cảm xúc / Lạc Phàm ; Minh Thúy dịch. - H. : Văn học, 2026. - 263 tr. : tranh màu ; 23 cm. - 130000đ. - 3000b

Tên sách tiếng Trung: 妈妈,我想对你说沟通力养成绘本 s640211

104. Liêu Trí Phong. Mỗi lần vấp ngã là một lần trưởng thành / Liêu Trí Phong ; Trần Yên dịch. - In lần thứ 3. - H. : Văn học, 2026. - 375 tr. ; 21 cm. - 120000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Trung: 每一次受伤,都是一种成长 s640378

105. Lily of the Valley. Quyền năng của hoa : Lời thầm thì cảm xúc từ thiên nhiên / Lily of the Valley ; Minh họa: Huyền Anh (hajazana). - H. : Kim Đồng, 2026. - 99 tr. : tranh màu + 1 phong bì, 5 postcard ; 21 cm. - 95000đ. - 2000b s637774

106. Lưu Dung. Đom đóm thì thầm bên cửa sổ : Nhìn nhận nội tâm, mở rộng và khám phá thế giới bên trong mình / Lưu Dung ; Ngân Nguyễn dịch. - H. : Hồng Đức, 2026. - 295 tr. ; 24 cm. - (Hành trang vào đời cho GenZ). - 238000đ. - 1000b

Tên sách tiếng Anh: Murmur at the glow worm windows s640951

107. Lưu Dung. Phép màu của lời nói : Biến điều không thể thành có thể chỉ bằng lời nói / Lưu Dung ; Ngân Nguyễn dịch. - H. : Hồng Đức, 2026. - 311 tr. : tranh vẽ ; 24 cm. - (Hành trang vào đời cho GenZ). - 255000đ. - 1000b

Tên sách tiếng Anh: The charm of speaking s640950

108. Lưu Dung. Tôi không dạy bạn sống gian dối : Kỹ năng tự vệ giúp nhìn rõ thế giới đầy những toan tính / Lưu Dung ; Ngân Nguyễn dịch. - H. : Hồng Đức, 2026. - 343 tr. ; 24 cm. - (Hành trang vào đời cho GenZ). - 278000đ. - 1000b

Tên sách tiếng Anh: Cheat or treat s640952

109. Mã Hiểu Giai. Khi lòng an nhiên, nơi đâu cũng là miền bình yên / Mã Hiểu Giai ; Ngô Thanh Hương dịch. - H. : Công Thương, 2026. - 279 tr. : bìa ; 21 cm. - 139000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Trung: 向内寻找:重塑你的安全感 s637487

110. Makoto Saito. Ikigai - Kaizen - Hansei: Bộ 3 trí tuệ minh triết Nhật Bản : Cẩm nang sống đời viên mãn / Makoto Saito ; Lữ Thứ dịch. - H. : Hồng Đức, 2026. - 228 tr. : ảnh ; 21 cm. - 126000đ. - 1000b

Dịch từ nguyên bản tiếng Anh: Ikigai - Kaizen - Hansei: The triad of timeless Japanese secrets s640883

111. Metz, Thaddeus. Tranh biện nhỏ về câu hỏi lớn - Điều gì khiến cuộc sống có ý nghĩa? : Dành cho tuổi trưởng thành / Thaddeus Metz, Joshua W. Seachris ; Hoàng Thu Phương dịch. - H. : Kim Đồng, 2026. - 339 tr. ; 24 cm. - 155000đ. - 1000b

Tên sách tiếng Anh: What makes life meaningful : A debate. - Thư mục: tr. 319-334 s637788

112. Miêu Thiều Nữ. 100 cách yêu thương bản thân / Miêu Thiều Nữ ; Minh Thúy dịch. - H. : Hồng Đức, 2026. - 271 tr. : hình vẽ ; 21 cm. - 140000đ. - 3000b

Tên sách tiếng Trung: 爱自己的100种方式 s640914

113. Moore, Susie. Ngưng tìm lượt thích : Buông bỏ nhu cầu được công nhận để sống cuộc đời tự do và tuyệt vời = Stop checking your likes : Shake off the need for approval and live an incredible life / Susie Moore ; Dịch: Xuân Thư, Xuân Uyên. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2026. - 308 tr. ; 21 cm. - 140000đ. - 1000b

Phụ lục: tr. 289-296 s640835

114. Mosley, Sterlin L. Giải mã kẻ ái kỷ : 27 phân nhóm ái kỷ - Phân loại theo 9 loại tính cách Enneagram và 3 động lực bản năng / Sterlin L. Mosley ; Phạm Anh Thư dịch. - H. : Dân trí, 2026. - 478 tr. : hình vẽ ; 21 cm. - (Tủ sách Sống khác). - 189000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Anh: The narcissist in you and everyone else s640082

115. Muốn được quan tâm, đừng nên vô tâm : Sách dành cho trẻ từ 5 - 10 tuổi / Joy Berry ; Lê Ngọc dịch. - Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 32 tr. : tranh màu ; 21 cm. - (Bộ sách Kỹ năng giúp trẻ tự duy tích cực). - 28000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Anh: Let's talk about needing attention s639908

116. Ngạn Hy. Đi ra thế giới ngắm nhìn bản thân / Ngạn Hy. - H. : Văn học, 2026. - 229 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - (Tủ sách Người trẻ Việt). - 119000đ. - 2000b s640880

117. Ngô Tất Tố. Lão Tử - Đạo đức kinh = 老子道- 德经 : In theo bản in của NXB Mai Lĩnh, 1942 / Ngô Tất Tố, Nguyễn Đức Tịnh. - Tái bản. - H. : Văn học, 2026. - 151 tr. ; 21 cm. - 65000đ. - 2000b s640396

118. Ngô Trần Trung Nghĩa. Mưu lược Quỷ Cốc Tử / Ngô Trần Trung Nghĩa dịch, b.s. - Tái bản. - H. : Văn học, 2026. - 255 tr. ; 24 cm. - 168000đ. - 1000b

Thư mục: tr. 253 s640416

119. Nguyễn Đình Khoa. Công việc, con ngựa & chúng ta / Nguyễn Đình Khoa, Lưu Đình Long. - H. : Dân trí, 2026. - 259 tr. : tranh vẽ ; 20 cm. - 120000đ. - 1000b s640068

120. Nguyễn Hạnh. Điều con chưa nói / Nguyễn Hạnh ; Minh họa: Lonie Nguyễn. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2026. - 89 tr. : tranh vẽ ; 19 cm. - (500 câu chuyện đạo đức). - 40000đ. - 1500b s640691

121. Nguyễn Hạnh. Tổ quốc mãi trong tim / Nguyễn Hạnh ; Minh họa: Hiền Vy. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2026. - 105 tr. : tranh vẽ ; 19 cm. - (500 câu chuyện đạo đức). - 40000đ. - 1500b s640692

122. Nguyễn Hạnh. Vượt qua nỗi sợ / Nguyễn Hạnh ; Minh họa: Hiền Vy. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2026. - 89 tr. : tranh vẽ ; 19 cm. - (500 câu chuyện đạo đức). - 40000đ. - 1500b s640690

123. Nguyễn Hiến Lê. Lão Tử - Đạo đức kinh / Nguyễn Hiến Lê. - H. : Hồng Đức, 2026. - 295 tr. ; 21 cm. - (Bách gia tranh minh). - 179000đ. - 2000b s640896

124. Nguyễn Hương Linh. Cẩm nang quản lý cảm xúc : Dành cho lứa tuổi 6 - 11 / Nguyễn Hương Linh, Lạc Thư ; Minh họa: Đoàn Trần Trúc Ngân. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Kim Đồng, 2026. - 70 tr. : tranh màu ; 21 cm. - (15 bí kíp giúp trẻ an toàn). - 45000đ. - 2000b

Thư mục đầu chính văn s637764

125. Nguyễn Phương Bảo An. Kể chuyện gương dũng cảm / Nguyễn Phương Bảo An b.s. - Tái bản lần thứ 11. - H. : Văn học, 2026. - 293 tr. : ảnh, tranh vẽ ; 21 cm. - 75000đ. - 2000b s640387

126. Nguyễn Thị Bắc Thái. Kỹ luật tự giác giúp trẻ thành công : Những nguyên tắc giúp con tỏa sáng / Lời: Nguyễn Thị Bắc Thái ; Minh họa: Hà An. - H. : Văn học, 2026. - 93 tr. : tranh màu ; 23 cm. - 79000đ. - 3000b s640184

127. Nguyễn Thị Bắc Thái. 500 câu chuyện nhỏ, bài học lớn - Đắc nhân tâm: Từ chối và tha thứ / Nguyễn Thị Bắc Thái b.s. - H. : Văn học, 2026. - 104 tr. ; 21 cm. - (Gieo mầm phẩm chất). - 58000đ. - 5000b s640357

128. Nguyễn Thị Bắc Thái. 500 câu chuyện nhỏ, bài học lớn - Lòng bao dung / Nguyễn Thị Bắc Thái b.s. - H. : Văn học, 2026. - 99 tr. ; 21 cm. - (Gieo mầm phẩm chất). - 58000đ. - 5000b s640356

129. Nguyễn Thị Bắc Thái. 500 câu chuyện nhỏ, bài học lớn - Lòng hiếu thảo / Nguyễn Thị Bắc Thái b.s. - H. : Văn học, 2026. - 105 tr. : bảng, tranh vẽ ; 21 cm. - (Gieo mầm phẩm chất). - 58000đ. - 5000b s640140

130. Nguyễn Thị Bắc Thái. 500 câu chuyện nhỏ, bài học lớn - Lòng nhân ái / Nguyễn Thị Bắc Thái b.s. - H. : Văn học, 2026. - 110 tr. : bảng, tranh vẽ ; 21 cm. - (Gieo mầm phẩm chất). - 58000đ. - 5000b s640141

131. Nguyễn Thị Bắc Thái. 500 câu chuyện nhỏ, bài học lớn - Quảng gánh lo đi thu phục lòng người / Nguyễn Thị Bắc Thái b.s. - H. : Văn học, 2026. - 103 tr. ; 21 cm. - (Gieo mầm phẩm chất). - 58000đ. - 5000b s640172

132. Nguyễn Thị Bắc Thái. 500 câu chuyện nhỏ, bài học lớn - Sự lương thiện / Nguyễn Thị Bắc Thái b.s. - H. : Văn học, 2026. - 107 tr. ; 21 cm. - (Gieo mầm phẩm chất). - 58000đ. - 5000b s640355

133. Nguyễn Thị Bắc Thái. 500 câu chuyện nhỏ, bài học lớn - Tình mẹ / Nguyễn Thị Bắc Thái b.s. - H. : Văn học, 2026. - 109 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - (Gieo mầm phẩm chất). - 58000đ. - 5000b s640139

134. Nguyễn Thị Bắc Thái. 500 câu chuyện nhỏ, bài học lớn - Yêu thương và tha thứ / Nguyễn Thị Bắc Thái b.s. - H. : Văn học, 2026. - 100 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - (Gieo mầm phẩm chất). - 58000đ. - 5000b s640138

135. Nguyễn Thị Vân. Ảnh hưởng của tam tông, tứ đức với người phụ nữ Việt Nam hiện nay : Sách chuyên khảo / Nguyễn Thị Vân. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 163 tr. : bảng ; 24 cm. - 165000đ. - 300b
Thư mục: tr. 151-163 s639877

136. Nguyễn Việt Anh. Càng nỗ lực càng đắt giá / Nguyễn Việt Anh. - H. : Văn học, 2026. - 179 tr. : hình vẽ ; 19 cm. - 92000đ. - 1500b s640591

137. Nhật ký biết ơn / Little Rainbow. - H. : Văn học, 2026. - 60 tr. ; 21 cm. - 38000đ. - 4000b s640335

138. Niño, Oliver. Thanh tẩy trường năng lượng : Khai phá tiềm thức - Giải phóng tâm trí. Kích hoạt sức mạnh - Chữa lành cảm xúc / Oliver Niño ; Trần Thu Uyên dịch. - Tái bản, đổi tên. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 291 tr. : hình vẽ ; 21 cm. - (Tủ sách Huyền học). - 179000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Anh: Spiritual activator s638346

139. Norem, Julie K. Tôi buồn ngay cả khi pháo hoa nổ rộ : Sức mạnh tích cực của nỗi buồn / Julie K. Norem ; Bạc Hà dịch. - H. : Văn học, 2026. - 246 tr. ; 21 cm. - 109000đ. - 2000b
Tên sách tiếng Anh: The positive power of negative thinking s640123

140. Rèn phẩm chất - Nhận thành công: Kiên nhẫn / Khánh Phương ; Minh họa: TNA Art Crew. - H. : Văn học, 2026. - 67 tr. : tranh màu ; 23 cm. - 71000đ. - 5000b s640268
141. Robertson, Donald. Chủ nghĩa khắc kỷ - Từ tự chủ đến bình an = Stoicism and the art of happiness / Donald Robertson ; Hương Nguyễn dịch. - Tái bản. - H. : Dân trí, 2026. - 463 tr. ; 21 cm. - 226000đ. - 2000b
Thư mục: tr. 456-461 s639496
142. Rutherford, Albert. Rèn luyện tư duy phản biện / Albert Rutherford ; Nguyễn Ngọc Anh dịch. - H. : Công Thương, 2026. - 203 tr. ; 19 cm. - 139000đ. - 2000b
Tên sách tiếng Anh: Neuroscience and critical thinking. - Thư mục: tr. 191-203 s637468
143. Rutley, Daniel. Cân bằng cảm xúc mọi lúc mọi nơi : Để thoát khỏi hố sâu trầm cảm, lo âu và tức giận không kiểm soát / Daniel Rutley ; Tạ Thanh Hải dịch. - Tái bản lần thứ 3. - H. : Công Thương, 2026. - 456 tr. : bìa ; 21 cm. - 199000đ. - 3000b
Tên sách tiếng Anh: Escaping emotional entrapment s637469
144. Souta Shimosono. Khi cơ thể và tinh thần lên tiếng / Souta Shimosono ; Soleil dịch. - H. : Văn học, 2026. - 279 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - 130000đ. - 2000b s640115
145. Sống đẹp theo gương Bác Hồ - Lớp 6 / Nguyễn Khắc Khanh (ch.b.), Nguyễn Thế Kỷ, Nguyễn Quang Thiều, Đào Xuân Vũ. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 75 tr. : minh họa ; 27 cm. - 200b s639019
146. Sống đẹp theo gương Bác Hồ - Lớp 6 / Nguyễn Khắc Khanh (ch.b.), Nguyễn Thế Kỷ, Nguyễn Quang Thiều, Đào Xuân Vũ. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 71 tr. : minh họa ; 27 cm. - 36000đ. - 3000b s639031
147. Sống đẹp theo gương Bác Hồ - Lớp 7 / Nguyễn Khắc Khanh (ch.b.), Nguyễn Thế Kỷ, Nguyễn Quang Thiều, Đào Xuân Vũ. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 79 tr. : minh họa ; 27 cm. - 200b s639020
148. Sống đẹp theo gương Bác Hồ - Lớp 7 / Nguyễn Khắc Khanh (ch.b.), Nguyễn Thế Kỷ, Nguyễn Quang Thiều, Đào Xuân Vũ. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 71 tr. : minh họa ; 27 cm. - 36000đ. - 3000b s639032
149. Sống đẹp theo gương Bác Hồ - Lớp 8 / Nguyễn Khắc Khanh (ch.b.), Nguyễn Thế Kỷ, Nguyễn Quang Thiều, Đào Xuân Vũ. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 79 tr. : minh họa ; 27 cm. - 200b s639021
150. Sống đẹp theo gương Bác Hồ - Lớp 8 / Nguyễn Khắc Khanh (ch.b.), Nguyễn Thế Kỷ, Nguyễn Quang Thiều, Đào Xuân Vũ. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 71 tr. : minh họa ; 27 cm. - 36000đ. - 3000b s639033
151. Sống đẹp theo gương Bác Hồ - Lớp 9 / Nguyễn Khắc Khanh (ch.b.), Nguyễn Thế Kỷ, Nguyễn Quang Thiều, Đào Xuân Vũ. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 87 tr. : minh họa ; 27 cm. - 200b s639022
152. Sống đẹp theo gương Bác Hồ - Lớp 9 / Nguyễn Khắc Khanh (ch.b.), Nguyễn Thế Kỷ, Nguyễn Quang Thiều, Đào Xuân Vũ. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 72 tr. : minh họa ; 27 cm. - 36000đ. - 3000b s639034
153. Sống đẹp theo gương Bác Hồ - Lớp 10 / Nguyễn Khắc Khanh (ch.b.), Nguyễn Thế Kỷ, Nguyễn Quang Thiều, Đào Xuân Vũ. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 84 tr. : minh họa ; 27 cm. - 200b s639023

154. Sống đẹp theo gương Bác Hồ - Lớp 10 / Nguyễn Khắc Khanh (ch.b.), Nguyễn Thế Kỷ, Nguyễn Quang Thiều, Đào Xuân Vũ. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 71 tr. : minh họa ; 27 cm. - 36000đ. - 3000b s639035
155. Sống đẹp theo gương Bác Hồ - Lớp 11 / Nguyễn Khắc Khanh (ch.b.), Nguyễn Thế Kỷ, Nguyễn Quang Thiều, Đào Xuân Vũ. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 87 tr. : minh họa ; 27 cm. - 200b s639024
156. Sống đẹp theo gương Bác Hồ - Lớp 11 / Nguyễn Khắc Khanh (ch.b.), Nguyễn Thế Kỷ, Nguyễn Quang Thiều, Đào Xuân Vũ. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 72 tr. : minh họa ; 27 cm. - 36000đ. - 3000b s639036
157. Sống đẹp theo gương Bác Hồ - Lớp 12 / Nguyễn Khắc Khanh (ch.b.), Nguyễn Thế Kỷ, Nguyễn Quang Thiều, Đào Xuân Vũ. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 79 tr. : minh họa ; 27 cm. - 200b s639025
158. Sống đẹp theo gương Bác Hồ - Lớp 12 / Nguyễn Khắc Khanh (ch.b.), Nguyễn Thế Kỷ, Nguyễn Quang Thiều, Đào Xuân Vũ. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 71 tr. : minh họa ; 27 cm. - 36000đ. - 3000b s639037
159. Summerfield, Trish. Tư duy tích cực = Positive thinking : Bạn chính là những gì bạn nghĩ! / Trish Summerfield ; Dịch: Thu Vân, Phạm Thị Sen. - Tái bản. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2026. - 143 tr. : minh họa ; 20 cm. - 58000đ. - 2000b s640829
160. Tahi Book. Cơ hội đổi đời : Cuộc đời có thể thay đổi chỉ từ một quyết định đúng lúc / Tahi Book. - H. : Hồng Đức, 2026. - 335 tr. : bìa ; 24 cm. - 499000đ. - 2500b s640968
161. Tatsumi Nagisa. Làm sao bây giờ? : Bí kíp ứng xử "chuẩn không cần chỉnh" cho các bạn nhỏ / Tatsumi Nagisa ; Minh họa: Asakura Sekaiichi ; Hạt Đậu dịch. - H. : Kim Đồng, 2026. - 199 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - 60000đ. - 2000b s637824
162. Thái Ngọc Diệp. Quyền lực mềm của khí chất : Nghệ thuật giao tiếp, phong thái và lãnh đạo mềm của phụ nữ hiện đại / Thái Ngọc Diệp. - H. : Công Thương, 2026. - 139 tr. : hình vẽ, ảnh màu ; 21 cm. - 860000đ. - 300b s640013
163. The solar kingdom : Sách hướng dẫn / Modern Magic Press ; Alice dịch. - Tái bản. - H. : Thế giới, 2026. - 199 tr. : hình vẽ ; 13 cm. - 380000đ. - 3000b s640704
164. Thuy Le. Hành trình phát triển bản thân có chủ đích : Hiểu mình - Làm chủ cuộc đời - Sống đúng hướng / Thuy Le. - H. : Công Thương, 2026. - 388 tr. ; 21 cm. - 249000đ. - 1000b
Thư mục: tr. 386-388 s637474
165. Tiên Alien. Là mình - Phiên bản rực rỡ nhất / Tiên Alien. - Tái bản. - H. : Văn học, 2026. - 287 tr. ; 19 cm. - 125000đ. - 1000b s640107
166. Tiêu Trương Ngân. Trí tuệ cảm xúc cao : Cách giao tiếp giúp bạn chinh phục lòng người / Tiêu Trương Ngân ; Thiên Vi dịch. - H. : Hồng Đức, 2026. - 253 tr. ; 21 cm. - 168000đ. - 1000b
Tên sách tiếng Trung: 高情商表达 s640898
167. Trần Thái Đình. Triết học hiện sinh / Trần Thái Đình. - H. : Văn học, 2026. - 379 tr. ; 21 cm. - 195000đ. - 1000b s640199
168. Trần Thị Minh Đức. Giáo trình Tham vấn tâm lý / Trần Thị Minh Đức. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 437 tr. : minh họa ; 24 cm. - 120000đ. - 1000b
Thư mục: tr. 430-437 s638579

169. Trenton, Nick. Nghệ thuật buông bỏ : Ngừng suy diễn, thoát khỏi vòng xoáy tiêu cực và tìm về sự tự do trong tâm hồn / Nick Trenton ; Sun Tzô dịch. - H. : Văn học, 2026. - 197 tr. ; 21 cm. - 119000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Anh: The art of letting go : Stop overthinking, stop negative spirals, and find emotional freedom s640175

170. Truyện tranh giúp bé phát triển tâm lý : Hiểu quy luật tâm lý để bồi đắp tư duy sâu sắc cho trẻ 6 - 12 tuổi / Milo Steam. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2026. - 159 tr. : tranh màu ; 24 cm. - 360000đ. - 5000b s638507

171. Truyện tranh tâm lý học sinh tiểu học: Giao tiếp : Tớ vô địch trong mọi cuộc giao tiếp : Truyện tranh / Hàn Đồ ; Xiao Zhuang dịch. - H. : Dân trí, 2026. - 135 tr. : tranh màu ; 24 cm. - 80000đ. - 5000b

Tên sách tiếng Trung: 漫画小学生心理系列: 社交力 s640096

172. Truyện tranh tâm lý học sinh tiểu học: Tích cực : Càng tích cực tớ càng may mắn : Truyện tranh / Hàn Đồ ; Xiao Zhuang dịch. - H. : Dân trí, 2026. - 135 tr. : tranh màu ; 24 cm. - 80000đ. - 5000b

Tên sách tiếng Trung: 漫画小学生心理系列: 积极力 s640093

173. Truyện tranh tâm lý học sinh tiểu học: Tự chủ : Tớ có thể kiểm soát cảm xúc của mình : Truyện tranh / Hàn Đồ ; Xiao Zhuang dịch. - H. : Dân trí, 2026. - 135 tr. : tranh màu ; 24 cm. - 80000đ. - 5000b

Tên sách tiếng Trung: 漫画小学生心理系列: 自控力 s640095

174. Truyện tranh tâm lý học sinh tiểu học: Tự tin : Tớ tin rằng tớ có thể làm được : Truyện tranh / Hàn Đồ ; Xiao Zhuang dịch. - H. : Dân trí, 2026. - 135 tr. : tranh màu ; 24 cm. - 80000đ. - 5000b

Tên sách tiếng Trung: 漫画小学生心理系列: 自信力 s640094

175. Tuấn Vũ. Lược sử tâm thức : Con người tin vào Đấng tối cao, còn Đấng tối cao tin điều gì? / Tuấn Vũ. - H. : Công Thương, 2026. - 391 tr. ; 21 cm. - 199000đ. - 1000b s639979

176. Võ Văn Ba. Quyết địa tinh thư - Trạch nhật : Tổng hợp tinh hoa địa lý phong thủy trên tảng bí bản : Chọn ngày giờ theo nguyên lý cổ Đông Phương / Võ Văn Ba. - Tái bản có sửa chữa, bổ sung. - H. : Hồng Đức, 2026. - 479 tr. : bìa ; 24 cm. - 320000đ. - 1000b s640969

177. Vở thực hành Giáo dục công dân 6 / Nguyễn Thị Toan (ch.b.), Nguyễn Hà An, Mai Trung Tuấn. - Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 52 tr. : minh họa ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 25000đ. - 5000b s638951

178. Vở thực hành Giáo dục công dân 7 / Nguyễn Thị Toan (ch.b.), Trần Thị Mai Phương, Nguyễn Hà An... - Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 52 tr. : minh họa ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 25000đ. - 3000b s638952

179. Vở thực hành Giáo dục công dân 8 / Nguyễn Thị Toan (ch.b.), Trần Thị Mai Phương, Nguyễn Thị Hoàng Anh, Mai Trung Tuấn. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 60 tr. : bìa ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 29000đ. - 5000b s638953

180. Vui vẻ chấp nhận lời từ chối : Sách dành cho trẻ từ 5 - 10 tuổi / Joy Berry ; Lê Ngọc dịch. - Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 32 tr. : tranh màu ; 21 cm. - (Bộ sách Kỹ năng giúp trẻ tư duy tích cực). - 28000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Anh: Let's talk about accepting no s639907

181. Vương Khôn. Tâm lý học về cảm giác an toàn / Vương Khôn ; Minh Minh dịch. - H. : Văn học, 2026. - 243 tr. : hình vẽ, bìa ; 21 cm. - 116000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Trung: 安全感:告别不安和焦虑的心理学 s640079

182. Vượt qua nỗi thất vọng : Sách dành cho trẻ từ 5 - 10 tuổi / Joy Berry ; Lê Ngọc dịch. - Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 32 tr. : tranh màu ; 21 cm. - (Bộ sách Kỹ năng giúp trẻ tư duy tích cực). - 28000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Anh: Let's talk about feeling disappointed s639914

183. Yemoonyah, Yamile. Bảy tầng kết nối vũ trụ tâm linh : Giải mã những tầng kết nối vô hình giữa con người, thực giác và thế giới song song / Yamile Yemoonyah ; Nhung Nguyễn dịch. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 363 tr. : hình vẽ ; 21 cm. - 195000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Anh: The seven types of spirit guide. How to connect and communicate with your cosmic helpers s638347

184. Yoshi Yoshitani. Tarot of the divine : Sách hướng dẫn / Yoshi Yoshitani ; Vân Anh dịch. - Tái bản. - H. : Thế giới, 2026. - 131 tr. : hình vẽ ; 13 cm. - 300000đ. - 5000b s640705

TÔN GIÁO

185. Acarya Vasubandhu. A-tì-đạt-ma Câu-xá luận = Abhidharmakośabhāṣyam : Định bản / Acarya Vasubandhu ; Tuệ Sỹ dịch, chú. - In lần thứ 3. - H. : Hồng Đức. - 24 cm. - (Tiểu tạng luận). - 260000đ. - 1000b

T.2: Thiên 3: Phân biệt thế gian = Trīṣyam kośasthānam lokanirdeśaḥ. - 2026. - 425 tr. - Phụ lục: tr. 353-425 s640946

186. Acutis, Carlo. Con đường cao tốc lên trời : Sổ tay những câu nói của Thánh Carlo Acutis / Carlo Acutis ; Phạm Đình Ngọc dịch. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2026. - 132 tr. : ảnh, tranh vẽ ; 15 cm. - 25000đ. - 1000b s640722

187. An Mai Đỗ. Nhân cách đời tu : Những mảng màu trong huyền nhiệm cộng đoàn / An Mai Đỗ. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai. - 21 cm. - 40000đ. - 1000b

T.3. - 2024. - 169 tr. s638547

188. Bé Bennie đáng yêu : Chú chó của Thánh Mary MacKillop : Truyện thiếu nhi = Dear little Bennie : The story of Saint Mary MacKillop's dog / Diane Phillips ; Họa sĩ: Quang Hong Pham ; Rose Vu chuyển ngữ. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2026. - 28 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - 25000đ. - 2000b s640982

189. Bernet, Anne. Cha Jérôme - Canh thức trong đêm thâm / Anne Bernet ; Nhóm Sept-Fons biên dịch. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2024. - 112 tr. : ảnh ; 20 cm. - 148000đ. - 1000b

Nguyên tác tiếng Pháp: Père Jérôme - Un moine au croisement des temps s638522

190. Cát bước lên đường : Chuyện người hành hương / Nguyễn Ước dịch ; Nhóm biên dịch Sept-Fons h.đ. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2026. - 311 tr. ; 19 cm. - 62000đ. - 1000b

Nguyên tác: Откровенные рассказы странника духовному своему отцу s638245

191. Cha Julian Tenison Woods - Australia : Truyện tranh thiếu nhi = The children's story of Julian Tenison Woods: A priest, founder, missionary, educationalist, journalist and scientist / Alice Sullivan ; Họa sĩ: Quang Hong Pham ; Linh Lê chuyển ngữ. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2026. - 36 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - 25000đ. - 2000b s640984

192. Chân Quang. Đạo lý hay mỗi ngày = Daily moral insights / Chân Quang. - H. : Thế giới, 2026. - 319 tr. : hình vẽ ; 12 cm. - 50000đ. - 3000b s640706

193. Chân Quang. Hướng dẫn thiền tóm lược = The guidance on meditation / Chân Quang. - H. : Thế giới, 2026. - 159 tr. : tranh vẽ ; 17 cm. - 50000đ. - 2000b s640707

194. Chia sẻ tin mừng / Đình Tuấn, Khánh Chi, Học viện Đa Minh... - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai. - 21 cm. - 10000đ. - 8000b
 ĐTTS ghi: Huynh đoàn Giáo dân Đa Minh Việt Nam
 T.3: Niềm vui đời dâng hiến. - 2026. - 88 tr. : ảnh, tranh vẽ s640985
195. Chọn đề yêu : Thầy Roger, Cộng đoàn Taizé 1915 - 2005 / Nhóm Cầu nguyện Mactynho dịch. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2024. - 143 tr. : ảnh ; 24 cm. - 70000đ. - 1000b
 Tên sách tiếng Pháp: Choisir d'aimer s638527
196. Con chó nhỏ đáng thương : Con chó nhỏ của Thánh Mary MacKillop : Truyện thiếu nhi = The poor little dog : The children's story of Saint Mary MacKillop's dog / Diane Phillips ; Họa sĩ: Quang Hong Pham ; Minh Khoi Nguyen chuyển ngữ. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2026. - 39 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - 2000b s640981
197. Crabtree, Sam. Sửa dạy con trẻ bằng tình thương : Sự trợ giúp thiết thực cho việc nuôi dưỡng trẻ nhỏ / Sam Crabtree ; Văn Phẩm Hạt Giống dịch. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2026. - 100 tr. ; 21 cm. - 80000đ. - 1000b
 Tên sách tiếng Anh: Parenting with loving connection : Practical help for raising young children. - Phụ lục: tr. 87-100 s640998
198. Dhammapada - Kinh pháp cú : Song ngữ Việt - Anh / Thiện Tri Thức b.s. ; Dịch: Nārada Mahā Thera, Thích Minh Châu. - H. : Hồng Đức, 2026. - 423 tr. ; 15 cm. - 100000đ. - 1500b s640714
199. Đào Quang Toàn. Đức cha Đôminicô Ngải - Giám mục Sài Gòn đầu tiên / Đào Quang Toàn. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2024. - 211 tr. ; 21 cm. - 65000đ. - 1000b
 Phụ lục: tr. 195-202. - Thư mục: tr. 203-208 s638548
200. Đức Hiền. Kinh tụng Phật giáo nguyên thủy / Đức Hiền. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2026. - 1114 tr. : hình vẽ, bảng ; 16 cm. - 3000b
 Phật giáo nguyên thủy = Theravāda s640723
201. Furnish, Victor Paul. Thần học về thư thứ nhất gửi tín hữu Côrintô / Victor Paul Furnish ; Nguyễn Đức Thông dịch. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2024. - 262 tr. ; 21 cm. - 65000đ. - 1000b
 Tên sách tiếng Anh: The theology of the first letter to the Corinthians. - Thư mục: tr. 257-260 s638545
202. Giáo lý năm thứ sáu - Học viên. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2025. - 144 tr. : minh họa ; 23 cm. - 2020b
 ĐTTS ghi: Giáo phận Cần Thơ 2025. Ban Giáo lý s641004
203. Giới pháp Sa-di-ni / Thích Nữ Diệu Sơn dịch. - H. : Hồng Đức, 2026. - 521 tr. : ảnh ; 21 cm. - 2000b
 Đầu bìa sách ghi: Viện Luật học Huệ Nghiêm. - Thư mục: tr. 7-9 s640931
204. Huệ Khải. Ba tính đặc thù của giáo lý Cao Đài = The three distinctive features of Caodai teaching / Huệ Khải. - H. : Hồng Đức, 2026. - 63 tr. : hình vẽ, ảnh ; 21 cm. - (Tủ sách Nghiên cứu Cao Đài; Q.176.1). - 1500b
 ĐTTS ghi: Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ. Chương trình Chung tay ấn tống kinh sách Đại Đạo s640921
205. Huệ Khải. Giáo dục gia đình trong Đạo Cao Đài = Family education in Caodaism / Huệ Khải. - H. : Hồng Đức, 2026. - 79 tr. : hình vẽ, ảnh ; 21 cm. - (Tủ sách Nghiên cứu Cao Đài; Q.175.1). - 1500b

ĐTTS ghi: Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ. Chương trình Chung tay ấn tống kinh sách Đại Đạo
s640923

206. Huệ Khải. Sổ tay Phổ Tế : Về một cách soạn bài giảng / Huệ Khải. - H. : Hồng Đức, 2026. - 87 tr. : minh họa ; 21 cm. - (Tủ sách Nghiên cứu Cao Đài; Q.177.1). - 1500b

ĐTTS ghi: Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ. Chương trình Chung tay ấn tống kinh sách Đại Đạo
s640922

207. Huệ Tinh. Hoa xuyên chi trong gió / Huệ Tinh. - H. : Văn học, 2026. - 205 tr. ; 19 cm. - 108000đ. - 500b s640589

208. Huỳnh Thanh Bình. Bỏ Tắt cổ sự - Sứ giả của lòng từ mẫn / Huỳnh Thanh Bình. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2026. - 382 tr. : ảnh, tranh vẽ ; 24 cm. - 229000đ. - 1000b s640735

209. Hướng dẫn cử hành và sống năm Thánh 2025. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2025. - 150 tr. ; 21 cm. - 30000b

ĐTTS ghi: Giáo phận Xuân Lộc s640994

210. Javier, Edgar G. Truyền giáo và Đại kết: Tìm kiếm sự đa dạng được dung hòa / Edgar G. Javier ; Trần Xuân Sang dịch. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2025. - 198 tr. : minh họa ; 21 cm. - 40000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Anh: Mission and ecumenism: The quest for reconciled diversity. - Thư mục: tr. 173-183. - Phụ lục: tr. 185-193 s638514

211. Jeffery, Peter. Thần học dễ hiểu : Những điều căn bản của đức tin Cơ Đốc / Peter Jeffery ; Mục vụ Tiên Phong chuyển ngữ. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2026. - 114 tr. ; 20 cm. - 49000đ. - 1000b s640980

212. Journet, Charles. Như một mũi tên lửa / Charles Journet ; Nhóm Sept-Fons biên dịch. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2024. - 225 tr. ; 19 cm. - 58000đ. - 1000b

Nguyên tác tiếng Pháp: Comme une flèche de feu s638538

213. Khắc Đỗ. Dấu chân người vỡ đất uơm mầm : Truyện thơ Cha Wibaux / Khắc Đỗ. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2024. - 63 tr. ; 21 cm. - 39000đ. - 1000b s638539

214. Khắc Đỗ. Tâm sự mùa vượt qua / Khắc Đỗ. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2024. - 261 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - 84000đ. - 1000b s638542

215. Khi mặt trời nhảy múa - Cuộc gặp gỡ giữa Đức Mẹ và ba trẻ nhỏ Fatima / Giáo lý Sketching. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2024. - 30 tr. ; 20 cm. - 25000đ. - 1000b s638549

216. Kim Do Hyun. Khoa học và đức tin = Science and faith / Kim Do Hyun ; Dịch: Nguyễn Anh Tuấn, Lý Phương Trinh ; H.đ.: Nguyễn Văn Phán, Nguyễn Hồng Vy. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2024. - 115 tr. : ảnh ; 21 cm. - 81000đ. - 1000b

Tên sách tiếng Hàn: 과학과 신앙 사이 s638544

217. Kinh Pháp Cú : 423 lời vàng Phật dạy. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2025. - 115 tr. ; 27 cm. - 3000b s638663

218. Kinh Tứ thập nhị chương = 四十二章經 / Thích Phước Tịnh dịch, giải. - Tái bản lần thứ 2, có sửa chữa. - H. : Hồng Đức, 2026. - 754 tr. ; 21 cm. - 220000đ. - 2000b s640973

219. Kugler, Bruce A. Chiến trận thuộc linh : Nhận diện và chống lại công việc của kẻ thù trong đời sống bạn / Bruce A. Kugler ; Julia Nguyen dịch. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2025. - 243 tr. ; 21 cm. - 150000đ. - 500b

Tên sách tiếng Anh: Warfare in the spiritual realms: How to recognize and resist the work of the enemy in your life. - Phụ lục: tr. 171-240 s640987

220. Lawrence. Tập sống trong sự hiện diện của Thiên Chúa / Lawrence ; Phạm Đình Ngọc chuyển ngữ. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2026. - 146 tr. : tranh vẽ ; 19 cm. - 35000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Anh: The practice of the Presence of God s640724

221. Ledi Sayādaw. Tìm hiểu Pháp Duyên hệ / Ledi Sayādaw ; Pháp Thông dịch. - H. : Hồng Đức, 2026. - 425 tr. ; 21 cm. - (Phật giáo nguyên thủy). - 4000b s640926

222. Lee Jongpil. Quan điểm Nước Đức Chúa Trời - Thông suốt Tân Ước / Lee Jongpil. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2026. - 295 tr. : minh họa ; 23 cm. - 250000đ. - 1000b s641003

223. Luật sống Huynh đoàn Giáo dân Đa Minh Việt Nam. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2026. - 152 tr. ; 18 cm. - 10000b s640727

224. Murray, David. Cài đặt lại : Sống theo nhịp độ của ân điển trong nền văn hóa kiệt sức / David Murray ; Văn Phẩm Hạt Giống dịch. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2025. - 192 tr. ; 21 cm. - 120000đ. - 1000b

Phụ lục: tr. 181-192 s640989

225. 10 bài kinh tụng hàng ngày và nghi thức sám hối thường tụng. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2025. - 451 tr. : hình vẽ ; 27 cm. - 268000đ. - 5000b s638662

226. Ngải Ngô Văn Chiêu - Môn đệ đầu tiên của Cao Đài : Truyện tranh Cao Đài / Vẽ: Cọ Trắg ; Viết lời: Bửu Long. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2026. - 39 tr. : tranh vẽ ; 20 cm. - 500b

Đầu bìa sách ghi: Cơ quan Phổ thông Giáo lý Đại Đạo s640999

227. Nghi thức cầu an. - H. : Văn học, 2026. - 47 tr. ; 21 cm. - 1000b

Đầu bìa sách ghi: Giáo hội Phật giáo Việt Nam tỉnh Quảng Ninh. Chùa Ba Vàng. - Lưu hành nội bộ. - Phụ lục: tr. 41-47 s640173

228. Nghi thức tụng niệm. - H. : Hồng Đức, 2026. - 190 tr. ; 21 cm. - 25000đ. - 3000b

ĐTTS ghi: Giáo hội Phật giáo Việt Nam. Hệ phái Khất sĩ s640928

229. Nguyen Thị Tu Quynh. Lời chứng / Nguyen Thị Tu Quynh ; Quỳnh Anh dịch. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2026. - 213 tr. ; 21 cm. - 219000đ. - 500b

Dịch từ nguyên tác tiếng Pháp: Témoignage. - Tên thật tác giả: Nguyễn Thị Tú Quỳnh s640992

230. Nguyễn Đại Hùng Lộc. Cuộc đời Đức Phật Thích Ca qua tem bưu chính và bưu ảnh / Nguyễn Đại Hùng Lộc b.s. - H. : Hồng Đức, 2026. - 147 tr. : ảnh ; 20 cm. - 260000đ. - 600b

Phụ lục: tr. 135-140 s640970

231. Nguyễn Hai Tính. Giáo lý tổng quan và diễn giải : Phần tín lý của sách giáo lý : Bản văn chương trình Thần Học Vui, có bổ túc / Nguyễn Hai Tính. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2026. - 255 tr. ; 21 cm. - 65000đ. - 2000b s640988

232. Nguyễn Hạnh. Tự điển về biểu tượng, Thánh hiệu và huy hiệu Kitô giáo / Nguyễn Hạnh. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2026. - 208 tr. : hình vẽ ; 20 cm. - 200000đ. - 500b

Thư mục: tr. 11 s640991

233. Nguyễn Văn Hiệu. Sống lời Chúa / Nguyễn Văn Hiệu ch.b. ; Minh họa: Marcelino Truong. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai. - 13x14 cm. - 30000đ. - 1000b

Đầu bìa sách ghi: Bayard Việt Nam

T.98: T.5/2026. - 2026. - 177 tr. : tranh vẽ s640725

234. Những hạt giống tín thác : Suy niệm Kinh Thánh trong tĩnh lặng và với bài ca thánh / Taizé. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2024. - 137 tr. ; 23 cm. - 49000đ. - 1000b s638523

235. Những lời nguyện xanh / Ban Môi Sinh - Tỉnh Dòng Tên Việt Nam. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2026. - 147 tr. : hình vẽ ; 18 cm. - 33000đ. - 1000b s640726

236. Paneel, Henry. Thánh Camillo de Lellis, vị thánh của chữ thập đỏ : Lời tựa của Đức Cha Rodhain, giám đốc tổ chức Cứu trợ Công giáo / Henry Paneel ; Phương Đình Toại dịch. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2024. - 300 tr. : ảnh ; 21 cm. - 70000đ. - 1000b s638546

237. Phạm Hữu Quang. Giới thiệu văn chương khôn ngoan Thánh Kinh / B.s.: Phạm Hữu Quang, Phạm Đình Trí. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2025. - 955 tr. ; 24 cm. - 235000đ. - 1000b
Thư mục: tr. 953-955 s638550

238. Phạm Quỳnh. Phật giáo đại quan / Phạm Quỳnh. - H. : Dân trí, 2026. - 130 tr. ; 21 cm. - 115000đ. - 1000b
Phụ lục cuối chính văn s640075

239. Phanxicô. Thánh thiện chứ không trần tục : Ân sủng của Thiên Chúa cứu ta khỏi sự đồi bại trong lòng / Phanxicô ; Nguyễn Đức Thông dịch. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2024. - 66 tr. ; 21 cm. - 18000đ. - 1000b

Tên sách tiếng Anh: Holy, not worldly: God's grace saves us from interior corruption
s638541

240. Ratzinger, Joseph. Những người phục vụ cho niềm vui của anh em : Những suy niệm về Linh đạo người Mục tử / Joseph Ratzinger ; Nguyễn Hoàng Sơn chuyển ngữ ; Đỗ Xuân Vinh h.đ. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2024. - 118 tr. ; 21 cm. - 500b

Tên sách tiếng Đức: Diener eurer Freude: Meditationen über die priesterliche Spiritualität
s638540

241. Reaoch, Barbara. Một Giáng sinh có Chúa Giê-xu : Khám phá kế hoạch kỳ diệu của Đức Chúa Trời cho Giáng Sinh / Barbara Reaoch ; Văn Phẩm Hạt Giống dịch. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2026. - 93 tr. : hình vẽ ; 21 cm. - 50000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Anh: A Jesus Christmas s640986

242. Soo Inn Tan. 3-2-1 theo Chúa trong nhóm ba người / Soo Inn Tan ; Văn Phẩm Hạt Giống dịch. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2026. - 88 tr. ; 21 cm. - 50000đ. - 2000b s640979

243. Thanh Tùng. 24 giờ cho Chúa / Thanh Tùng. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2026. - 267 tr. ; 21 cm. - 65000đ. - 1500b s640990

244. Thân Huệ Anh. Khi Chúa chạm đến thất bại của tôi : Hành trình chữa lành và trưởng thành của người tin Chúa qua góc nhìn tâm lý / Thân Huệ Anh. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2026. - 171 tr. ; 19 cm. - 85000đ. - 1000b

Thư mục: tr. 168-171 s640728

245. Thích Chân Pháp Nguyễn. Chân tình : Cẩm nang chăm sóc người cận tử / Thích Chân Pháp Nguyễn. - In lần thứ 2. - H. : Hồng Đức, 2026. - 165 tr. ; 21 cm. - 129000đ. - 1000b

Tên thật tác giả: Trịnh Ngọc Hào. - Thư mục: tr. 164-165 s640887

246. Thích Giác Tường. Dưới mái nhà xưa : Hồi ký của sư Giác Tường sống trong những ngày khởi lửa / Thích Giác Tường. - H. : Công Thương, 2026. - 62 tr. : ảnh ; 21 cm. - 2000b s639982

247. Thích Minh Phát. Giai thoại nhà thiền / Thích Minh Phát. - H. : Hồng Đức, 2026. - 229 tr. : hình vẽ, bảng ; 18 cm. - 1000b s640718

248. Thích Minh Tuệ. Niệm Phật đạt bất niệm tự niệm bảo đảm vắng sanh / Thích Minh Tuệ. - H. : Hồng Đức, 2026. - 110 tr. ; 21 cm. - 20000đ. - 2000b s640927

249. Thích Nhất Hạnh. Hiệu lực cầu nguyện : Phiên tả pháp thoại từ ngày 7 đến ngày 13 tháng 3 năm 1996 và các bài pháp thoại về thiền và trị liệu tại làng Mai, Pháp / Thích Nhất Hạnh. - In lần thứ 4. - H. : Hồng Đức, 2026. - 180 tr. ; 21 cm. - 129000đ. - 800b s640884
250. Thích Nhuận Đức. Hiểu về Duy thức học : Nhị thập tụng (Phạm - Anh - Việt) / Thích Nhuận Đức. - Tái bản lần 1. - H. : Dân trí, 2026. - 465 tr. ; 24 cm. - 130000đ. - 100b
Phụ lục: tr. 306-463. - Thư mục: tr. 464-465 s640098
251. Thích Nữ Giác Phổ. Tỉnh thức giữa đời thường : Từ bản thể luận Phật giáo đến nghệ thuật kiến tạo hạnh phúc / Thích Nữ Giác Phổ. - H. : Hồng Đức, 2026. - 326 tr. : bảng ; 21 cm. - 168000đ. - 500b
Tên thật tác giả: Phan Thị Kim Hoa. - Thư mục: tr. 298-305. - Phụ lục: tr. 306-322 s640902
252. Thích Thái Hòa. Tứ Thánh đế từ tinh yếu đến phát triển : Bài giảng cho khóa tu Kiết Đông tại đạo tràng Liên Hoa, San Antonio, Hoa Kỳ / Thích Thái Hòa. - Huế : Nxb. Thuận Hóa, 2026. - 219 tr. ; 19 cm. - 1000b s638241
253. Tiên Sa Hải Đồng Giêsu. Hồn thơ Thiên Linh / Tiên Sa Hải Đồng Giêsu ; Đình Chuẩn dịch. - Tái bản lần 1. - H. : Văn học, 2025. - 343 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - 99000đ. - 1000b s640144
254. Tịnh Không. Nhận thức Phật giáo : Giáo dục hạnh phúc mỹ mãn / Tịnh Không ; Tuyên Lưu dịch. - Tái bản lần 4. - H. : Hồng Đức, 2026. - 288 tr. : ảnh ; 21 cm. - 12000b
Tên thật tác giả: Từ Nghiệp Hồng s640889
255. Tuệ Minh AP. Sổ chép Kinh - Chú Đại Bi / Tuệ Minh AP b.s. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2026. - 73 tr. ; 21 cm. - 60000đ. - 1000b s638543
256. Tuệ Tâm. Đại bi đánh nguyện / Tuệ Tâm. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2026. - 182 tr. ; 21 cm. - 1000b
Tên thật tác giả: Thích Tuệ Tâm. - Thư mục: tr. 182 s640997
257. Ứng dụng kinh trong khóa tu thiền tứ niệm xứ - Vipassana : Khóa tu dành cho chư ni chùa Lộc Uyển. - H. : Hồng Đức, 2026. - 323 tr. ; 21 cm. - 300b s640935
258. Ven. Beopsang. Lục tổ đàn kinh - Huệ Năng / Ven. Beopsang ; Nguyễn Thủy dịch. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 358 tr. ; 21 cm. - 180000đ. - 1000b
Tên sách tiếng Hàn: 육조단경과 마음공부 s638350
259. Vũ Văn Thiên. Người gieo giống - Năm A : Các bài giảng Chúa nhật và lễ trọng / Vũ Văn Thiên. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2025. - 501 tr. : hình vẽ ; 23 cm. - 90000đ. - 1000b s638524
260. Vũ Văn Thiên. Người gieo giống - Năm B : Các bài giảng Chúa nhật và lễ trọng / Vũ Văn Thiên. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2025. - 360 tr. : hình vẽ ; 23 cm. - 60000đ. - 1000b s638525
261. Vũ Văn Thiên. Người gieo giống - Năm C : Các bài giảng Chúa nhật và lễ trọng / Vũ Văn Thiên. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2026. - 365 tr. : tranh vẽ ; 23 cm. - 60000đ. - 1000b s638526
262. Yale, John. Tôn giáo là gì : Viết theo lời của Vivekananda / John Yale ; Vương Gia Hón dịch ; H.đ.: Vương Bang Khải, Đặng Hữu Trí. - In lần thứ 2. - H. : Hồng Đức, 2026. - 483 tr. : ảnh ; 21 cm. - 1000b s640974

KHOA HỌC XÃ HỘI, XÃ HỘI HỌC, NHÂN LOẠI HỌC, DÂN TỘC HỌC VÀ VĂN HÓA

263. Bác Hồ với thiếu nhi / Bảo tàng Hồ Chí Minh b.s. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Kim Đồng, 2026. - 66 tr. : ảnh ; 21 cm. - 60000đ. - 2000b s637649

264. Bích Ngọc. Kỹ năng giao tiếp ứng xử / Bích Ngọc b.s. - H. : Văn học, 2026. - 57 tr. : tranh màu ; 24 cm. - (Tủ sách Bồi dưỡng kỹ năng sống). - 41000đ. - 3000b s640207

265. Bùi Nguyễn Hoàng Trương. Giáo trình Cơ sở văn hóa Việt Nam / Bùi Nguyễn Hoàng Trương (ch.b.), Lê Thị Ngọc Giàu. - H. : Khoa học xã hội, 2026. - 278 tr. : minh họa ; 24 cm. - 373000đ. - 500b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vĩnh Long. - Thư mục: tr. 276-278 s638639

266. Coleman, John. Não bộ tuổi teen dưới lăng kính tâm lý học / John Coleman ; Đặng Ly dịch. - H. : Kim Đồng, 2026. - 163 tr. ; 21 cm. - 50000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Anh: The psychology of teenage brain. - Thư mục: tr. 158-163 s637827

267. Diên Khánh. Vững tin trong kỷ nguyên vươn mình / Diên Khánh. - H. : Văn học, 2026. - 193 tr. ; 21 cm. - 99000đ. - 1200b s640164

268. Đạm Phương. Đạm Phương nữ sử toàn tập. - Huế : Nxb. Thuận Hóa. - 24 cm. - 340000đ. - 350b

Tên thật tác giả: Công Nữ Đồng Canh

T.1. - 2026. - 479 tr. - Thư mục: tr. 479 s637497

269. Đạm Phương. Đạm Phương nữ sử toàn tập. - Huế : Nxb. Thuận Hóa. - 24 cm. - 360000đ. - 350b

Tên thật tác giả: Công Nữ Đồng Canh

T.2. - 2026. - 486 tr. : ảnh s637498

270. Đỗ Thị Mùi. Dân số, tài nguyên, môi trường / Đỗ Thị Mùi, Bùi Tuấn Hải. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 187 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 150000đ. - 100b

Thư mục: tr. 186-187 s639879

271. Giành chiến thắng trong giao tiếp : Làm chủ cảm xúc - Thể hiện EQ cao : Truyện tranh trẻ em / Hùng Tịnh Huyền ; Hà Linh dịch. - H. : Dân trí, 2026. - 119 tr. : tranh màu ; 24 cm. - 105000đ. - 3000b

Tên sách tiếng Trung: 沟通力(漫画 儿童) s640097

272. Gunkel, David J. AI trong giao tiếp / David J. Gunkel ; Hyo dịch. - H. : Kim Đồng, 2026. - 187 tr. : hình vẽ, ảnh ; 21 cm. - (AI for everything). - 60000đ. - 1500b

Tên sách tiếng Anh: AI for communication. - Thư mục: tr. 180-187 s637730

273. Gương sáng tuổi trẻ Việt Nam. - H. : Kim Đồng, 2026. - 215 tr. ; 21 cm. - 1220b

ĐTTS ghi: Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh. - Thư mục: tr. 214-215 s637772

274. Haidt, Jonathan. Thế hệ tuyệt vời : Giải mã cơ chế "hack não" của công nghệ. Giúp trẻ tự chủ, sáng tạo và trưởng thành vững vàng trong kỷ nguyên AI / Jonathan Haidt, Catherine Price ; Minh họa: Cynthia Yuan Cheng ; Kim Thanh dịch. - H. : Công Thương, 2026. - 247 tr. : tranh màu ; 21 cm. - 239000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Anh: The amazing generation : Your guide to fun and freedom in a screen-filled world s637462

275. Khu tập thể - Tìm lại giấc mơ thiên đường / Trần Hậu Yên Thế, Đinh Hồng Hải (ch.b.), Nguyễn Trần Đức Anh... - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 279 tr. : ảnh, bảng ; 24 cm. - 280000đ. - 1000b s639878

276. Koch, Regan. Cách tư duy về thành phố - Những nhà tư tưởng chủ chốt về đô thị / Regan Koch, Alan Latham ; Dịch: Nguyễn Ngọc Hiếu, Trịnh Thanh Tú. - H. : Công Thương, 2026. - 367 tr. ; 24 cm. - (Tủ sách Kiến tạo). - 350000đ. - 700b

Tên sách tiếng Anh: Key thinkers on cities s640007

277. Kỷ yếu Tọa đàm 70 năm Đại học Kinh tế Quốc dân và Hội Cựu chiến binh / Bùi Đức Triệu, Nguyễn Quang Đông, Hoàng Ngọc Việt... - H. : Đại học Kinh tế Quốc dân, 2026. - 131 tr. : ảnh, bảng ; 24 cm. - 150b

ĐTTS ghi: Đại học Kinh tế Quốc dân. Hội Cựu chiến binh s638292

278. Liễu Uyển Cầm. Cứ lên tiếng là tạo sức ảnh hưởng / Liễu Uyển Cầm ; Đỗ Mai Dung dịch. - H. : Hồng Đức, 2026. - 358 tr. ; 21 cm. - 218000đ. - 1000b

Tên sách tiếng Trung: 开口就是影响力 s640899

279. Morris, Desmond. Hành vi thân mật = Intimate behaviour : Một nghiên cứu kinh điển về sự thân mật của con người dưới góc độ động vật học / Desmond Morris ; Bùi Khánh Chi dịch. - H. : Dân trí, 2026. - 436 tr. ; 21 cm. - 250000đ. - 1500b

Thư mục: tr. 423-436 s640083

280. Nguyễn Thị Bắc Thái. Nhà lãnh đạo nhí tự tin - Đánh thức khả năng hiểu biết : Rèn luyện khả năng học tập và tư duy / Lời: Nguyễn Thị Bắc Thái ; Minh họa: Lam Phương. - H. : Văn học, 2026. - 94 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - 86000đ. - 3000b s640212

281. Nguyễn Thị Bắc Thái. Nhà lãnh đạo nhí tự tin - Khả năng hợp tác và lãnh đạo nhóm : Rèn luyện khả năng tỏa sáng cá nhân trong tập thể / Lời: Nguyễn Thị Bắc Thái ; Minh họa: Lam Phương. - H. : Văn học, 2026. - 94 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - 86000đ. - 3000b s640213

282. Những bông hoa đẹp / Bùi Hoài Sơn, Đinh Hiệp, Trường Giang... - H. : Nxb. Hà Nội. - 22 cm. - 500b

ĐTTS ghi: Hội đồng Thi đua - Khen thưởng thành phố Hà Nội

T.32. - 2026. - 463 tr. : ảnh màu s638368

283. Tài liệu chuyên đề Giáo dục nếp sống thanh lịch, văn minh cho học sinh Hà Nội : Dành cho học sinh lớp 6 / B.s.: Nguyễn Hữu Độ, Nguyễn Thị Ngọc Bích, Nguyễn Khắc Oánh... - Tái bản. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 31 tr. : ảnh ; 24 cm. - 16600đ. - 10010b

ĐTTS ghi: Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội s638430

284. Tài liệu chuyên đề Giáo dục nếp sống thanh lịch, văn minh cho học sinh Hà Nội : Dành cho học sinh lớp 7 / B.s.: Nguyễn Hữu Độ, Nguyễn Thị Ngọc Bích, Nguyễn Khắc Oánh... - Tái bản. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 27 tr. : ảnh ; 24 cm. - 16000đ. - 10010b

ĐTTS ghi: Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội s638431

285. Tài liệu chuyên đề Giáo dục nếp sống thanh lịch, văn minh cho học sinh Hà Nội : Dành cho học sinh lớp 8, 9 / B.s.: Nguyễn Hữu Độ, Nguyễn Thị Ngọc Bích, Nguyễn Khắc Oánh... - Tái bản. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 43 tr. : ảnh ; 24 cm. - 22400đ. - 10010b

ĐTTS ghi: Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội s638432

286. Thư viện hình ảnh đầu tiên - Gia đình và cơ thể : Song ngữ Anh - Việt. - H. : Văn học, 2025. - 19 tr. : hình vẽ ; 13 cm. - 50000đ. - 20000b s640617

287. Trần Quốc Thành. Tâm lý học xã hội / Trần Quốc Thành, Nguyễn Đức Sơn. - H. : Đại học Sư phạm, 2026. - 143 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - 75000đ. - 500b

Thư mục: tr. 142-143 s638569

288. Varoufakis, Yanis. Chủ nghĩa phong kiến công nghệ = Technofeudalism : Ngày tàn của chủ nghĩa tư bản / Yanis Varoufakis ; Lộ Đức Anh dịch ; Phan Hoàng Hà h.đ. - H. : Kim Đồng, 2026. - 359 tr. ; 21 cm. - 105000đ. - 2000b

Phụ lục: tr. 301-335 s637751

289. Võ Văn Sơn. Văn hóa - Văn học và du lịch trong bối cảnh nghiên cứu đương đại / Ch.b.: Võ Văn Sơn, Trương Hoàng Vinh, Hồ Lưu Phúc. - H. : Khoa học xã hội, 2025. - 546 tr. : minh họa ; 24 cm. - 260000đ. - 200b

Thư mục cuối mỗi bài s638638

290. Vũ Thị Cúc. Bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa của đồng bào Khmer ở Sóc Trăng : Sách chuyên khảo / Vũ Thị Cúc, Vũ Thị Bích. - H. : Khoa học xã hội, 2026. - 183 tr. ; 24 cm. - 160000đ. - 250b

Thư mục: tr. 177-183 s640744

THỐNG KÊ

291. Niên giám thống kê (tóm tắt) tỉnh Bắc Ninh 2025 / Tập thể phòng Thống kê Tổng hợp và các phòng nghiệp vụ b.s. - H. : Kinh tế - Tài chính, 2026. - 130 tr., 8 tr. biểu đồ : bảng ; 21 cm. - 300b

ĐTTS ghi: Thống kê tỉnh Bắc Ninh s638488

CHÍNH TRỊ

292. Bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trước thềm Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng : Sách chuyên khảo / Dương Trung Ý (ch.b.), Nguyễn Văn Thành, Lương Thanh Hân... - H. : Lý luận Chính trị, 2025. - 399 tr. ; 24 cm. - 500b

ĐTTS ghi: Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh. - Thư mục: tr. 393-397 s638262

293. Biên niên lịch sử Chính phủ Việt Nam / B.s.: Lê Mậu Hãn, Nguyễn Đình Lê (ch.b.), Hồ Thành Tâm... - H. : Chính trị quốc gia Sự thật. - 24 cm. - 1000b

ĐTTS ghi: Ban Chỉ đạo biên soạn Lịch sử Chính phủ Việt Nam

T.1: 1945 - 1948. - 2026. - x, 504 tr. s638601

294. Biên niên lịch sử Chính phủ Việt Nam / B.s.: Lê Mậu Hãn, Nguyễn Đình Lê (ch.b.), Hồ Thành Tâm... - H. : Chính trị quốc gia Sự thật. - 24 cm. - 1000b

ĐTTS ghi: Ban Chỉ đạo biên soạn Lịch sử Chính phủ Việt Nam

T.2: 1949 - 1955. - 2026. - vi, 620 tr. s638602

295. Biên niên lịch sử Chính phủ Việt Nam / B.s.: Lương Viết Sang, Nguyễn Thúy Quỳnh (ch.b.), Nguyễn Thị Dung Huyền... - H. : Chính trị quốc gia Sự thật. - 24 cm. - 1000b

ĐTTS ghi: Ban Chỉ đạo biên soạn Lịch sử Chính phủ Việt Nam

T.3: 1955 - 1965. - 2026. - vi, 865 tr. s638603

296. Biên niên lịch sử Chính phủ Việt Nam / B.s.: Trần Đức Cường, Nguyễn Thúy Quỳnh (ch.b.), Nguyễn Thị Dung Huyền... - H. : Chính trị quốc gia Sự thật. - 24 cm. - 1000b

ĐTTS ghi: Ban Chỉ đạo biên soạn Lịch sử Chính phủ Việt Nam

T.4: 1966 - 1976. - 2026. - vi, 881 tr. s638604

297. Biên niên lịch sử Chính phủ Việt Nam / B.s.: Lương Viết Sang, Trần Thị Vui (ch.b.), Trần Thị Xuân, Vũ Thị Hồng Dung. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật. - 24 cm. - 1000b

ĐTTS ghi: Ban Chỉ đạo biên soạn Lịch sử Chính phủ Việt Nam

T.6: 1987 - 1992. - 2026. - vi, 445 tr. s638606

298. Biên niên lịch sử công tác tuyên giáo của Đảng Cộng sản Việt Nam (1925 - 2025) / B.s.: Lại Xuân Môn, Hà Dũng Hải, Vũ Phú Dũng... - H. : Chính trị quốc gia Sự thật. - 24 cm. - 1500b
ĐTTS ghi: Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương
T.4: 2005 - 2015. - 2026. - ix, 801 tr. s637451
299. Biên niên lịch sử công tác tuyên giáo của Đảng Cộng sản Việt Nam (1925 - 2025) / B.s.: Lại Xuân Môn, Hà Dũng Hải, Vũ Phú Dũng... - H. : Chính trị quốc gia Sự thật. - 24 cm. - 1500b
ĐTTS ghi: Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương
T.5: 2016 - 2025. - 2026. - x, 1085 tr. s637452
300. Chính trị và chính sách công / Tô Trọng Mạnh, Phạm Thúy Quỳnh Nga (ch.b.), Ngô Văn Hùng... - H. : Khoa học xã hội, 2026. - 122 tr. ; 21 cm. - 155000đ. - 150b
Thư mục: tr. 121-122 s640742
301. Đảng Cộng sản Việt Nam qua các kỳ đại hội - Những quyết sách lịch sử / Vũ Trọng Lâm (ch.b.), Nguyễn Thị Mai Chi, Phạm Thị Ngọc Bích, Vũ Thị Hương. - Xuất bản lần thứ 2, có bổ sung. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2026. - 306 tr. : ảnh ; 24 cm. - 386000đ. - 2000b
Thư mục: tr. 303-305 s637453
302. Đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng, bảo vệ Đảng, Nhà nước, Nhân dân và chế độ trên môi trường mạng xã hội / Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương b.s. - Xuất bản lần thứ 2, có sửa chữa, bổ sung. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2026. - 350 tr. ; 24 cm. - 210000đ. - 1500b
ĐTTS ghi: Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương. - Thư mục: tr. 342-348 s637445
303. Đinh Quang Hải. Biên niên lịch sử Chính phủ Việt Nam / B.s.: Đinh Quang Hải (ch.b.), Lê Trung Dũng, Phạm Thị Hồng Hà. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật. - 24 cm. - 1000b
ĐTTS ghi: Ban Chỉ đạo biên soạn Lịch sử Chính phủ Việt Nam
T.10: 2007 - 2008. - 2026. - vi, 589 tr. s638610
304. Đinh Quang Hải. Biên niên lịch sử Chính phủ Việt Nam / B.s.: Đinh Quang Hải (ch.b.), Lê Trung Dũng, Phạm Thị Hồng Hà. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật. - 24 cm. - 1000b
ĐTTS ghi: Ban Chỉ đạo biên soạn Lịch sử Chính phủ Việt Nam
T.11: 2009. - 2026. - vi, 589 tr. s638611
305. Đinh Quang Hải. Biên niên lịch sử Chính phủ Việt Nam / B.s.: Đinh Quang Hải (ch.b.), Lê Trung Dũng, Phạm Thị Hồng Hà. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật. - 24 cm. - 1000b
ĐTTS ghi: Ban Chỉ đạo biên soạn Lịch sử Chính phủ Việt Nam
T.12: 2010 - 2011. - 2026. - vi, 592 tr. s638612
306. Đinh Quang Hải. Biên niên lịch sử Chính phủ Việt Nam / B.s.: Đinh Quang Hải (ch.b.), Lê Văn Phong, Hoàng Thị Hà. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật. - 24 cm. - 1000b
ĐTTS ghi: Ban Chỉ đạo biên soạn Lịch sử Chính phủ Việt Nam
T.13: 2011 - 2013. - 2026. - vi, 669 tr. s638613
307. Đinh Quang Hải. Biên niên lịch sử Chính phủ Việt Nam / B.s.: Đinh Quang Hải (ch.b.), Lê Văn Phong, Hoàng Thị Hà. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật. - 24 cm. - 1000b
ĐTTS ghi: Ban Chỉ đạo biên soạn Lịch sử Chính phủ Việt Nam
T.14: 2014 - 2016. - 2026. - vi, 531 tr. s638614
308. Giáo trình Chính trị học đại cương / Lê Hải Bình, Lý Thị Hải Yến (ch.b.), Nguyễn Văn Tài... - H. : Khoa học xã hội, 2025. - 358 tr. : bảng ; 24 cm. - 225000đ. - 1000b
ĐTTS ghi: Học viện Ngoại giao. - Thư mục cuối mỗi chương. - Phụ lục: tr. 357-358 s638634

309. Gửi trọn niềm tin / Tô Lâm, Nguyễn Phú Trọng, Trần Thanh Mẫn... - H. : Kim Đồng, 2026. - 199 tr. ; 21 cm. - 1220b

ĐTTS ghi: Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh. - Thư mục: tr. 199 s637771

310. Hội nhập quốc tế thanh niên - Một số giải pháp của Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh : Sách chuyên khảo / Đặng Vũ Cảnh Linh (ch.b.), Bùi Thị Phương Thanh, Đỗ Thị Kim Anh... - H. : Khoa học xã hội, 2026. - 286 tr. : bảng, biểu đồ ; 21 cm. - 200b

ĐTTS ghi: Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Viện Đào tạo, Bồi dưỡng cán bộ và Nghiên cứu khoa học. - Thư mục: tr. 269-274. - Phụ lục: tr. 275-286 s640016

311. Hunt, Lynn. Một lịch sử phát minh ra nhân quyền / Lynn Hunt ; Quách Trọng dịch. - H. : Văn học, 2026. - 219 tr. ; 24 cm. - (Tủ sách Kiến tạo). - 190000đ. - 1000b

Tên sách tiếng Anh: Inventing human rights. - Phụ lục: tr. 207-218 s640224

312. Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia: Pháp luật và chính sách bảo vệ quyền và lợi ích cá nhân, công dân: 50 năm xây dựng và phát triển / Trần Thị Thanh Thúy, Ngô Quang Huy, Lê Hồng Quang... - H. : Công an nhân dân. - 30 cm. - 59b

ĐTTS ghi: Bộ Công Thương. Trường Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh

T.2: Lĩnh vực Khoa học chính trị. - 2026. - 367 tr. : bảng. - Thư mục cuối mỗi bài s638680

313. Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc tế: Ngoại giao, biên phiên dịch và hợp tác quốc tế của Việt Nam trong kỷ nguyên mới = Proceedings of the international conference Vietnamese diplomacy, translation and international cooperation in the new era / Trần Quang Khải, Nguyễn Văn Nhu, Thái Hoàng Hanh Nguyen... - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2026. - 554 tr. : minh họa ; 30 cm. - 70b

ĐTTS ghi: Đại học Quốc gia Hà Nội. Trường Đại học Ngoại ngữ. - Thư mục cuối mỗi bài s638843

314. Lê Đình Tịch. Chính sách đối ngoại Mỹ: Tiếp cận từ thuyết Hiện thực mới và trường hợp Việt Nam sau khi bình thường hóa quan hệ đến nay : Sách chuyên khảo / Lê Đình Tịch. - Xuất bản lần thứ 2, có chỉnh sửa, bổ sung. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2026. - 356 tr. : bảng ; 21 cm. - 179000đ. - 1500b

Phụ lục: tr. 259-324. - Thư mục: tr. 325-352 s638506

315. Lê Thế Mẫu. Ucraina: Tâm điểm cuộc chiến giữa hai trật tự thế giới : Sách tham khảo / Lê Thế Mẫu. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2026. - 390 tr. ; 21 cm. - 189000đ. - 2000b s638592

316. Lịch sử các học thuyết chính trị / Nguyễn Đăng Dung (ch.b.), Phan Trung Ly, Lê Văn Anh... - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2026. - 531 tr. ; 24 cm. - 230000đ. - 500b s640769

317. Lịch sử Chính phủ Việt Nam / B.s.: Lê Mậu Hãn, Nguyễn Đình Lê (ch.b.), Hồ Thanh Tâm... - H. : Chính trị quốc gia Sự thật. - 24 cm. - 1000b

ĐTTS ghi: Ban Chỉ đạo biên soạn Lịch sử Chính phủ Việt Nam

T.1: 1945 - 1955. - 2026. - 506 tr. - Thư mục: tr. 500-504 s638616

318. Lịch sử Chính phủ Việt Nam / Trần Đức Cường (ch.b.), Nguyễn Thị Dung Huyền, Nguyễn Thúy Quỳnh... - H. : Chính trị quốc gia Sự thật. - 24 cm. - 1000b

ĐTTS ghi: Ban Chỉ đạo biên soạn Lịch sử Chính phủ Việt Nam

T.2: 1955 - 1976. - 2026. - 754 tr. - Thư mục: tr. 733-750 s638617

319. Lịch sử Chính phủ Việt Nam / B.s.: Nguyễn Danh Tiên (ch.b.), Hồ Tổ Lương, Nguyễn Thị Mai... - H. : Chính trị quốc gia Sự thật. - 24 cm. - 1000b

ĐTTS ghi: Ban Chỉ đạo biên soạn Lịch sử Chính phủ Việt Nam

T.3: 1976 - 2007. - 2026. - 867 tr. - Thư mục: tr. 850-864 s638618

320. Lịch sử Chính phủ Việt Nam / B.s.: Đinh Quang Hải (ch.b.), Phạm Quang Minh, Nguyễn Văn Kim... - H. : Chính trị quốc gia Sự thật. - 24 cm. - 1000b

ĐTTS ghi: Ban Chỉ đạo biên soạn Lịch sử Chính phủ Việt Nam

T.4: 2007 - 2016. - 2026. - 847 tr. - Thư mục: tr. 827-843 s638619

321. Lịch sử Chính phủ Việt Nam (1945 - 2016) giản lược / B.s.: Trần Đức Cường (ch.b.), Nguyễn Thị Dung Huyền, Lê Văn Phong, Phạm Thị Hồng Hà. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2026. - 658 tr. ; 24 cm. - 1000b

ĐTTS ghi: Ban Chỉ đạo biên soạn Lịch sử Chính phủ Việt Nam. - Thư mục: tr. 641-655 s638615

322. Lịch sử Đảng bộ huyện Cái Nước / B.s.: Nguyễn Văn Ba, Huỳnh Quốc Việt, Dương Văn Thắng (ch.b.)... - H. : Chính trị quốc gia Sự thật. - 21 cm. - 300b

ĐTTS ghi: Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau

T.2: 1975 - 2010. - 2025. - 438 tr. : ảnh màu. - Phụ lục: tr. 316-436 s638595

323. Lịch sử Đảng bộ Quân sự tỉnh Trà Vinh (1945 - 2020) / B.s.: Huỳnh Tấn Sĩ, Huỳnh Văn Nam, Nguyễn Trọng Dương... ; S.t.: Văn phòng Bộ Tư lệnh Quân khu 9... - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2026. - 459 tr. : ảnh, bảng ; 21 cm. - 250b

ĐTTS ghi: Tỉnh ủy Trà Vinh. Ban Chấp hành Đảng bộ Quân sự tỉnh Trà Vinh. - Phụ lục: tr. 437-454. - Thư mục: tr. 455-456 s637454

324. Lịch sử Đảng bộ Trường Đại học Công nghệ Thông tin, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh (2004 - 2020) / B.s.: Vũ Đức Lung, Vũ Văn Điệp, Đặng Văn Em, Nguyễn Văn Minh. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2026. - 200 tr. : minh họa ; 21 cm. - 500b

ĐTTS ghi: Đảng bộ Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh. Đảng bộ Trường Đại học Công nghệ Thông tin. - Phụ lục: tr. 153-200 s640826

325. Lịch sử Đảng bộ Trường Đại học Quốc tế - Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh (2004 - 2020) / B.s.: Hồ Nhật Quang, Lê Văn Thắng, Trần Quỳnh Hoa... - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2026. - 232 tr., 8 tr. ảnh ; 21 cm. - 200b

ĐTTS ghi: Đảng bộ Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh. Ban Chấp hành Đảng bộ Trường Đại học Quốc tế. - Thư mục: tr. 199-202. - Phụ lục: tr. 205-231 s640828

326. Lịch sử Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và phong trào thanh niên Việt Nam 1925 - 2025 / B.s.: Nguyễn Thị Dung Huyền, Trịnh Thị Hà, Phạm Thị Vượng, Đỗ Xuân Trường. - H. : Kim Đồng, 2026. - 659 tr. : ảnh, bảng ; 24 cm. - 1320b

ĐTTS ghi: Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh. - Phụ lục: tr. 619-654. - Thư mục: tr. 655-659 s637785

327. Lịch sử Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh và phong trào thiếu nhi Việt Nam / Dương Trung Quốc, Văn Tùng, Phùng Chí Nhuận... ; B.s.: Văn Tùng... - Tái bản lần thứ 7, có sửa chữa, bổ sung. - H. : Kim Đồng, 2026. - 560 tr. : ảnh màu ; 23 cm. - 180000đ. - 1020b

ĐTTS ghi: Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh. Hội đồng Trung ương. - Phụ lục: tr. 503-560 s637791

328. Lưu Phước Lượng. Luận bàn và suy ngẫm - Góc nhìn từ thực tiễn : Sách chuyên khảo / Lưu Phước Lượng. - Tái bản, có sửa chữa bổ sung. - H. : Quân đội nhân dân, 2026. - 484 tr., 20 tr. ảnh màu ; 23 cm. - 519b s638134

329. Ngô Văn Bé. Biên niên lịch sử xã Vĩnh Thới (1930 - 2025) / Ngô Văn Bé ; Nguyễn Thị Thùy Trang h.đ., bổ sung. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2026. - 331 tr. ; 21 cm. - 300b

ĐTTS ghi: Đảng bộ huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp. Ban Chấp hành Đảng bộ xã Vĩnh Thới s637438

330. Ngô Văn Bé. Lịch sử truyền thống cách mạng xã Tân Thành (1930 - 2025) / B.s.: Ngô Văn Bé (ch.b.), Nguyễn Thị Thùy Trang. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2026. - 275 tr. : minh họa ; 21 cm. - 300b

ĐTTS ghi: Đảng bộ huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp. Ban Chấp hành Đảng bộ xã Tân Thành. - Phụ lục: tr. 225-267. - Thư mục: tr. 268-272 s637440

331. Nguyễn Danh Tiên. Biên niên lịch sử Chính phủ Việt Nam / B.s.: Nguyễn Danh Tiên (ch.b.), Trần Tuấn Sơn, Vũ Trọng Hùng. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật. - 24 cm. - 1000b

ĐTTS ghi: Ban Chỉ đạo biên soạn Lịch sử Chính phủ Việt Nam

T.5: 1976 - 1987. - 2026. - vi, 753 tr. s638605

332. Nguyễn Danh Tiên. Biên niên lịch sử Chính phủ Việt Nam / B.s.: Nguyễn Danh Tiên (ch.b.), Trần Tuấn Sơn, Vũ Trọng Hùng. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật. - 24 cm. - 1000b

ĐTTS ghi: Ban Chỉ đạo biên soạn Lịch sử Chính phủ Việt Nam

T.7: 1993 - 1997. - 2026. - vi, 464 tr. s638607

333. Nguyễn Danh Tiên. Biên niên lịch sử Chính phủ Việt Nam / B.s.: Nguyễn Danh Tiên (ch.b.), Trần Tuấn Sơn, Vũ Trọng Hùng. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật. - 24 cm. - 1000b

ĐTTS ghi: Ban Chỉ đạo biên soạn Lịch sử Chính phủ Việt Nam

T.8: 1997 - 2002. - 2026. - vi, 589 tr. s638608

334. Nguyễn Danh Tiên. Biên niên lịch sử Chính phủ Việt Nam / B.s.: Nguyễn Danh Tiên (ch.b.), Trần Tuấn Sơn, Vũ Trọng Hùng. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật. - 24 cm. - 1000b

ĐTTS ghi: Ban Chỉ đạo biên soạn Lịch sử Chính phủ Việt Nam

T.9: 2003 - 2007. - 2026. - vi, 653 tr. s638609

335. Nguyễn Hoàng Huế. Quan hệ hợp tác giữa tỉnh Bình Dương với các địa phương của nước ngoài (2005 - 2020) : Sách chuyên khảo / Nguyễn Hoàng Huế. - H. : Khoa học xã hội, 2026. - 139 tr. : minh họa ; 24 cm. - 180000đ. - 250b

Thư mục: tr. 108-116. - Phụ lục: tr. 117-139 s640018

336. Nguyễn Thị Quế. Quan hệ Trung Quốc - Liên bang Nga (2012 - 2024) : Sách chuyên khảo / Nguyễn Thị Quế, Nguyễn Văn Tân. - H. : Lý luận Chính trị, 2026. - 304 tr. : bảng ; 24 cm. - 280000đ. - 100b

Thư mục: tr. 276-300. - Phụ lục cuối chính văn s638270

337. Nguyễn Văn Đông. Lịch sử truyền thống cách mạng xã Phong Hòa (1930 - 2025) / Nguyễn Văn Đông b.s. ; H.đ., bổ sung: Nguyễn Thị Thùy Trang, Lê Thành Thuận. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2026. - 319 tr. : ảnh ; 21 cm. - 300b

ĐTTS ghi: Đảng bộ huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp. Ban Chấp hành Đảng bộ xã Phong Hòa. - Phụ lục: tr. 277-316 s637437

338. Nguyễn Văn Minh. Cây cầu bắc qua nửa vòng trái đất : Bút ký, chính luận / Nguyễn Văn Minh. - H. : Công Thương, 2026. - 391 tr. : minh họa ; 21 cm. - 220000đ. - 500b s637486

339. Những vấn đề trọng yếu và định hướng lớn triển khai thực hiện Văn kiện Đại hội XIV của Đảng / Trịnh Văn Quyết, Phạm Minh Chính, Lê Minh Hưng... - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2026. - 206 tr. ; 21 cm. - 152556b

ĐTTS ghi: Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương s638594

340. Phạm Thị Thúy Vân. Tư tưởng Hồ Chí Minh về chống chủ nghĩa cá nhân trong cán bộ, Đảng viên và vận dụng ở nước ta hiện nay : Sách chuyên khảo / Phạm Thị Thúy Vân. - Tái bản lần 1. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2026. - 294 tr. ; 21 cm. - 168000đ. - 150b

Thư mục: tr. 287-294 s640771

341. Quốc Học. Tổng tuyển cử đầu tiên năm 1946 mốc son sáng ngời của thiết chế dân chủ thời đại Hồ Chí Minh / B.s.: Quốc Học, Bích Thủy. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 171 tr. : ảnh ; 21 cm. - 90000đ. - 2000b s638341

342. Sổ Đoàn viên. - H. : Công Thương, 2026. - 48 tr. ; 21 cm. - 12000đ. - 10000b
ĐTTS ghi: Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh s637467

343. Sổ Đoàn viên. - H. : Công Thương, 2026. - 47 tr. ; 21 cm. - 12000đ. - 10000b
ĐTTS ghi: Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh s637466

344. Sổ tay công tác nhân quyền cho lực lượng công an cấp xã / B.s.: Phan Anh Tuấn, Nguyễn Thị Thảo, Đặng Cẩm Hạnh... - H. : Công an nhân dân, 2026. - 200 tr. ; 21 cm. - 7010b
Lưu hành nội bộ s640938

345. Tài liệu bồi dưỡng lý luận chính trị dành cho Đảng viên mới. - Tái bản lần thứ 24, có sửa chữa, bổ sung. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2026. - 231 tr. ; 19 cm. - 60000đ. - 5000b
ĐTTS ghi: Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương s638220

346. Vũ Hoài Phương. Diễn văn chính trị Tiếng Việt - Những vấn đề lý luận và thực tiễn : Sách chuyên khảo / Vũ Hoài Phương. - H. : Khoa học xã hội, 2026. - 199 tr. ; 24 cm. - 180000đ. - 1000b

Thư mục: tr. 194-197 s638635

347. Weiner, Tim. Sứ mệnh: CIA trong thế kỷ XXI / Tim Weiner. - H. : Công an nhân dân, 2026. - 599 tr. ; 24 cm. - 362b

ĐTTS ghi: Bộ Công an. Cục B01. - Lưu hành nội bộ s638591

KINH TẾ

348. Bài tập Địa lí 12 / Lê Huỳnh, Nguyễn Thị Sơn (ch.b.), Đỗ Anh... - Tái bản lần thứ 2, có chỉnh lí, bổ sung. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 119 tr. : bảng, biểu đồ ; 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 17000đ. - 6000b s639557

349. Bài tập Giáo dục kinh tế và pháp luật 10 / Trần Thị Mai Phương (ch.b.), Nguyễn Hà An, Phạm Thị Kim Dung... - Tái bản lần thứ 4, có chỉnh lí, bổ sung. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 96 tr. : bảng ; 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 14000đ. - 5000b s639573

350. Bài tập Giáo dục kinh tế và pháp luật 11 / Nguyễn Minh Đoan, Trần Thị Mai Phương (ch.b.), Nguyễn Hà An... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 96 tr. : bảng ; 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 19000đ. - 13000b s639574

351. Bài tập Giáo dục kinh tế và pháp luật 12 / Nguyễn Minh Đoan, Trần Thị Mai Phương (ch.b.), Nguyễn Hà An... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 92 tr. : bảng ; 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 14000đ. - 1000b s639575

352. Bài tập Lịch sử và Địa lí 9 - Phần Địa lí / Đào Ngọc Hùng (ch.b.), Đỗ Anh, Nguyễn Trọng Đức... - Tái bản lần thứ 2, có chỉnh lí, bổ sung. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 92 tr. : minh họa ; 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 13000đ. - 45400b s639553

353. Baruch, Bernard. Bernard Baruch - Kẻ điều khiển con sóng phố Wall : Từ triết lý đầu tư kinh điển đến bản lĩnh dẫn dắt tâm lý thị trường, vận dụng tư duy triệu đô để kiến tạo đế chế tài chính và quyền lực / Bernard Baruch ; Huy Nguyễn dịch. - H. : Công Thương, 2026. - 390 tr. ; 21 cm. - 249000đ. - 2000b s639978

354. Blustein, Paul. Đô la Mỹ và quyền lực thống trị toàn cầu - Từ quá khứ đến tương lai : Sách tham khảo / Paul Blustein ; Dịch, h.đ.: Lê Tùng, Trọng Minh. - Xuất bản lần thứ 2. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2026. - 477 tr. : biểu đồ ; 24 cm. - 250000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Anh: King dollar - The past and future of the world's dominant currency
s637443

355. Bùi Thanh Long. Giáo trình Tài chính vi mô / Bùi Thanh Long (ch.b.), Phạm Thị Thu Hiền, Nguyễn Thái Mỹ Anh. - H. : Khoa học xã hội, 2026. - 442 tr. : bảng ; 24 cm. - 280000đ. - 200b

ĐTTS ghi: Đại học Trà Vinh. - Thư mục cuối mỗi bài s638641

356. Bùi Thị Cẩm Ngọc. Giáo trình Hệ thống thông tin bất động sản / Bùi Thị Cẩm Ngọc (ch.b.), Vũ Lệ Hà, Đặng Thu Hằng. - H. : Tài nguyên Môi trường và Bản đồ Việt Nam, 2026. - 173 tr. : minh họa ; 24 cm. - 100000đ. - 100b

Thư mục: tr. 172-173 s638621

357. Bùi Thị Cẩm Ngọc. Giáo trình Kinh tế đất ứng dụng / Ch.b.: Bùi Thị Cẩm Ngọc, Phạm Anh Tuấn. - H. : Tài nguyên Môi trường và Bản đồ Việt Nam, 2026. - 199 tr. : minh họa ; 24 cm. - 100000đ. - 100b

Thư mục: tr. 198-199 s638625

358. Cánh đồng gió nổi : Dành cho lứa tuổi 4+ / Lời: Quỳnh Hương ; Tranh: Bùi Xuân Quỳnh, NGART. - H. : Kim Đồng, 2026. - 30 tr. : tranh màu ; 23 cm. - (Nhà hoạt động môi trường nhí). - 30000đ. - 2000b s637799

359. Chen Lei. Lược sử kinh tế học lấy lợi - Quản lý tài chính : Giải thích những nguyên lý kinh tế học hóc búa theo cách hài hước và dễ hiểu nhất! / Chen Lei ; Bích Thuận dịch. - H. : Hồng Đức, 2026. - 245 tr. : minh họa ; 21 cm. - 179000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Trung: 半小时漫画经济学4BY陈磊. - Phụ lục: tr. 241-245 s640891

360. Chuyên đề học tập Địa lí 11 / Lê Huỳnh (tổng ch.b.), Nguyễn Thị Vũ Hà (ch.b.), Nguyễn Tú Linh, Phạm Thị Ngọc Quỳnh. - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 59 tr. : minh họa ; 27 cm. - 8400đ. - 42000b

Đầu bìa sách ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo s639239

361. Chuyên đề học tập Giáo dục kinh tế và pháp luật 10 / Trần Thị Mai Phương (ch.b.), Phạm Thị Kim Dung, Nguyễn Thị Toan. - Tái bản lần thứ 4, có chỉnh lí, bổ sung. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 68 tr. : minh họa ; 27 cm. - 10000đ. - 30700b

Đầu bìa sách ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo s639172

362. Collins, JL. Tư duy đầu tư - Tiền đẻ ra tiền : Đầu tư sinh lời dài hạn, tích lũy lợi nhuận tối đa, kiến tạo con đường tự do tài chính bền vững / JL Collins ; Trang Nguyễn Linh Vân dịch. - H. : Công Thương, 2026. - 427 tr. : hình vẽ ; 21 cm. - 239000đ. - 2000b s639994

363. Cú Thông Thái. 200 bài học vỡ lòng chứng khoán cho nhà đầu tư F0 / Cú Thông Thái. - H. : Công Thương, 2026. - 373 tr. : hình vẽ, tranh màu ; 21 cm. - 229000đ. - 2000b s637482

364. Đa dạng sinh học tỉnh Quảng Ninh: Hiện trạng, áp lực và đáp ứng bảo tồn / Lê Hùng Anh (ch.b.), Đỗ Văn Tứ, Nguyễn Văn Quân... - H. : Khoa học Tự nhiên và Công nghệ, 2026. - 309 tr. : minh họa ; 24 cm. - (Bộ sách chuyên khảo Tài nguyên thiên nhiên và Môi trường Việt Nam). - 235000đ. - 200b

Đầu bìa sách ghi: Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam. - Thư mục: tr. 161-172. - Phụ lục: tr. 173-309 s640764

365. Đào Lê Minh. Giáo trình Chứng khoán phái sinh và thị trường chứng khoán phái sinh / Đào Lê Minh ch.b. - H. : Công Thương, 2026. - 353 tr. : minh họa ; 25 cm. - 85000đ. - 1500b

ĐTTS ghi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Trung tâm Nghiên cứu khoa học và Đào tạo chứng khoán. - Phụ lục: tr. 310-326. - Thư mục: tr. 348-349 s640008

366. Địa lí 11 / Lê Huỳnh (tổng ch.b.), Nguyễn Thị Vũ Hà (ch.b.), Trần Thị Thanh Hà... - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 167 tr. : minh họa ; 27 cm. - 20900đ. - 184900b

Đầu bìa sách ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo s639234

367. Đo lường sinh kế trong bối cảnh biến đổi khí hậu cực đoan: Tối ưu hóa chỉ số LVI bằng kỹ thuật PCA - Thực chứng từ cộng đồng người Khmer Việt Nam : Sách chuyên khảo / Nguyễn Thị Thúy Loan (ch.b.), Diệp Thanh Tùng, Thạch Phước Bình, Lương Nguyễn Duy Thông. - H. : Kinh tế - Tài chính, 2026. - 133 tr. : minh họa ; 24 cm. - 199000đ. - 500b

ĐTTS ghi: Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long. Đại học Trà Vinh. - Thư mục: tr. 108-114. - Phụ lục: tr. 115-133 s638285

368. Đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong các doanh nghiệp Việt Nam / Từ Quang Phương, Vũ Văn Hân, Hà Thị Hậu... - H. : Kinh tế - Tài chính, 2026. - 232 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 100b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội. Khoa Quản lý kinh doanh. - Thư mục cuối mỗi bài s638678

369. Eker, T. Harv. Bí mật tư duy triệu phú = Secrets of the millionaire mind / T. Harv Eker ; Kim Liên dịch. - Tái bản. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2026. - 287 tr. ; 21 cm. - 108000đ. - 5000b s640831

370. Giáo dục kinh tế và pháp luật 10 / Trần Thị Mai Phương (ch.b.), Nguyễn Hà An, Phạm Thị Kim Dung, Nguyễn Thị Toan. - Tái bản lần thứ 4, có chỉnh lí, bổ sung. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 155 tr. : minh họa ; 27 cm. - 19200đ. - 225400b

Đầu bìa sách ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo s639173

371. Giáo dục kinh tế và pháp luật 11 / Nguyễn Minh Đoan, Trần Thị Mai Phương (ch.b.), Nguyễn Hà An... - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 147 tr. : minh họa ; 27 cm. - 18600đ. - 143600b

Đầu bìa sách ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo s639174

372. Giáo dục kinh tế và pháp luật 12 / Nguyễn Minh Đoan, Trần Thị Mai Phương (ch.b.), Nguyễn Hà An... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 139 tr. : minh họa ; 27 cm. - 17700đ. - 149600b

Đầu bìa sách ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo s639175

373. Giáo dục tài chính - Lớp 6: Học thông - Dụng khéo / Lê Thị Thúy Sen. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 40 tr. : minh họa ; 27 cm. - 20000đ. - 10000b s638868

374. Giáo dục tài chính - Lớp 7: Học thông - Dụng khéo / Lê Thị Thúy Sen. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 48 tr. : minh họa ; 27 cm. - 24000đ. - 10000b s638869

375. Giáo dục tài chính - Lớp 8: Học thông - Dụng khéo / Lê Thị Thúy Sen. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 48 tr. : minh họa ; 27 cm. - 24000đ. - 10000b s638870

376. Giáo dục tài chính - Lớp 9: Học thông - Dụng khéo / Lê Thị Thúy Sen. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 52 tr. : bảng, tranh vẽ ; 27 cm. - 26000đ. - 10000b s638871

377. Giáo dục tài chính - Lớp 11: Quản trị tài chính - Kiến tạo tương lai / Lê Thị Thúy Sen. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 52 tr. : tranh vẽ ; 27 cm. - 26000đ. - 10000b s638873

378. Giáo dục tài chính - Lớp 12: Thông minh tài chính - Tự chủ tương lai / Lê Thị Thúy Sen. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 55 tr. : minh họa ; 27 cm. - 28000đ. - 10000b s638874

379. Giáo trình Kinh tế lượng / B.s.: Vũ Thị Huyền Trang, Trịnh Thị Hường (ch.b.), Lê Thị Thu Giang... - H. : Kinh tế - Tài chính, 2026. - 301 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 150000đ. - 250b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Thương mại. - Thư mục cuối mỗi chương. - Phụ lục: tr. 290-301 s638490

380. Giáo trình Môi giới và tư vấn đầu tư chứng khoán / B.s.: Trần Đăng Khâm (ch.b.), Nguyễn Duy Hùng, Nguyễn Thị Minh Huệ... - H. : Công Thương, 2026. - 419 tr. : minh họa ; 25 cm. - 90000đ. - 1000b

ĐTTS ghi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Trung tâm Nghiên cứu khoa học và Đào tạo chứng khoán. - Thư mục cuối mỗi chương s640011

381. Giáo trình Ngân hàng thương mại / B.s.: Phan Thị Thu Hà (ch.b.), Lê Thanh Tâm, Đỗ Hoài Linh... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Đại học Kinh tế Quốc dân, 2026. - 610 tr. : minh họa ; 24 cm. - 200000đ. - 500b

ĐTTS ghi: Đại học Kinh tế Quốc dân. Viện Ngân hàng - Tài chính. - Thư mục: tr. 598-610. - Phụ lục trong chính văn s638563

382. Giáo trình Nhà nước, thị trường và quản trị quốc tế / Phạm Thị Hồng Điệp, Nguyễn Thùy Anh (ch.b.), Vũ Văn Hòa... - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2026. - 358 tr. : bảng, biểu đồ ; 24 cm. - (Tủ sách Khoa học). - 269000đ. - 400b

Thư mục: tr. 337-358 s640770

383. Giáo trình Quản lý và kinh tế được / Trần Thị Diên, Phạm Duy Hưng (ch.b.), Nguyễn Văn Thắng... - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 287 tr. : bảng ; 24 cm. - 230000đ. - 100b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Tân Trào. - Thư mục: tr. 286-287 s639881

384. Giáo trình Quy hoạch sử dụng đất : Đào tạo bậc đại học / B.s.: Vũ Thị Quý (ch.b.), Hoàng Văn Hùng, Nguyễn Quang Thi... - Thái Nguyên : Đại học Thái Nguyên, 2026. - 272 tr. : minh họa ; 24 cm. - 50b

ĐTTS ghi: Đại học Thái Nguyên. Trường Đại học Nông Lâm. - Thư mục: tr. 227-234. - Phụ lục: tr. 235-272 s638295

385. Giáo trình Tài chính - Tiền tệ / B.s.: Nguyễn Văn Tiến, Nguyễn Thị Kim Liên (ch.b.), Nguyễn Thị Kiều Nga... - H. : Kinh tế - Tài chính, 2026. - 448 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 250000đ. - 1000b

Thư mục: tr. 446-447 s640739

386. Giáo trình Tổ chức các hoạt động trong chương trình du lịch / Đỗ Hải Yến, Nguyễn Văn Tùng, Trần Thị Kim Ánh (ch.b.), Nguyễn Văn Hòa. - H. : Khoa học xã hội, 2026. - 234 tr. : minh họa ; 24 cm. - 180000đ. - 200b

Thư mục: tr. 233-234 s638630

387. Giáo trình Viễn thám và GIS ứng dụng trong quản lý đất đai / Đặng Thanh Tùng (ch.b.), Phạm Anh Tuấn, Đào Văn Khánh... - H. : Tài nguyên Môi trường và Bản đồ Việt Nam, 2026. - 251 tr. : minh họa ; 24 cm. - 200000đ. - 100b

Thư mục: tr. 248-251 s638622

388. Hà Nam Thắng. Giáo trình Bản đồ và phân vùng chức năng trong lĩnh vực thủy sản / Hà Nam Thắng (ch.b.), Mạc Như Bình. - Huế : Đại học Huế, 2026. - 184 tr. : minh họa ; 27 cm. - 180000đ. - 65b

ĐTTS ghi: Đại học Huế. Trường Đại học Nông Lâm. - Phụ lục: tr. 163-180. - Thư mục: tr. 181-184 s637606

389. Hoàng Xuân Lâm. Giáo trình Hợp đồng thông minh trong nền kinh tế số / Hoàng Xuân Lâm. - H. : Đại học Kinh tế Quốc dân, 2026. - 183 tr. : ảnh, bảng ; 24 cm. - 220000đ. - 1000b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Công nghệ và Quản lý Hữu Nghị. - Thư mục: tr. 182-183 s640733

390. Hội thảo khoa học: Ứng dụng khoa học công nghệ vào đào tạo sinh viên du lịch - Trường Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội : Đổi mới - Kết nối - Phát triển bền vững / Nguyễn Quốc Huy, Nguyễn Hồng Nhung, Nguyễn Thị Kim Oanh... - H. : Công Thương, 2026. - 154 tr. : minh họa ; 27 cm. - 30b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội. Khoa Du lịch. - Thư mục cuối mỗi bài s637594

391. Hướng dẫn ôn thi tốt nghiệp Trung học phổ thông môn Địa lí : Biên soạn theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 / Đỗ Anh Dũng, Lê Thanh Long, Huỳnh Phẩm Dũng Phát... - Tái bản lần thứ 2, có chỉnh lí, bổ sung. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 140 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 66000đ. - 2000b s639530

392. Hướng dẫn ôn thi tốt nghiệp Trung học phổ thông môn Địa lí năm học 2025 - 2026 / Nguyễn Phương Liên (ch.b.), Đỗ Anh, Nguyễn Tú Linh... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 192 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 85000đ. - 6000b s639537

393. Hướng dẫn ôn thi tốt nghiệp Trung học phổ thông môn Giáo dục kinh tế và pháp luật năm học 2025 - 2026 / Trần Thị Mai Phương, Nguyễn Thị Hồi (ch.b.), Phạm Khánh An, Nguyễn Kim Thoa. - Tái bản lần thứ 1, có chỉnh lí, bổ sung. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 183 tr. ; 27 cm. - 85000đ. - 4000b s639534

394. Kinh tế học vĩ mô : Sách chuyên khảo / B.s.: Phương Hữu Tùng, Đinh Hồng Linh, Ngô Sỹ Trung (ch.b.), Phạm Thị Hồng Nhung... - H. : Công Thương, 2026. - 171 tr. : minh họa ; 24 cm. - 150000đ. - 100b

Thư mục: tr. 170-171 s637490

395. Kinh tế thế giới 2024 và triển vọng trong bối cảnh bất định: Nhận diện xu hướng và tư duy chiến lược : Sách chuyên khảo / Vũ Thanh Hương, Nguyễn Thị Thanh Mai, Nguyễn Thị Phương Linh (ch.b.)... - H. : Kinh tế - Tài chính, 2026. - 471 tr. : bảng, biểu đồ ; 24 cm. - 299000đ. - 1000b

ĐTTS ghi: Đại học Quốc gia Hà Nội. Trường Đại học Kinh tế. - Thư mục: tr. 444-471 s638486

396. Kinh tế vi mô / Dương Thế Duy (ch.b.), Nguyễn Thái Dung, Nguyễn Thị Mai, Phan Minh Đạt. - H. : Khoa học xã hội, 2025. - 195 tr. : minh họa ; 24 cm. - 90000đ. - 1000b s638640

397. Kiyosaki, Robert T. Dạy con làm giàu = Rich dad poor dad for teens / Robert T. Kiyosaki ; Tuyết Anh biên dịch. - In lần thứ 35. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 21 cm. - 60000đ. - 1000b

T.9: Những bí mật về tiền bạc mà bạn không học ở nhà trường! = The secrets about money - That you don't learn in school!. - 2026. - 134 tr. : hình vẽ, bảng s640854

398. Kỷ yếu Hội thảo khoa học dành cho sinh viên: Phát triển bền vững trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc / Trần Nguyễn Minh Nhựt, Trương Phú Thành, Trương Quốc Thiệu... - H. : Kinh tế - Tài chính, 2026. - 685 tr. : hình vẽ, bảng ; 30 cm. - 100b

Thư mục cuối mỗi bài s638676

399. Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia: Chuyển đổi xanh, số hóa trong lĩnh vực du lịch và khách sạn: Hướng tới phát triển bền vững / Lê Huy Đức, Nguyễn Văn Lưu, Mai Hiên... - H. : Tri thức. - 27 cm. - 50b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp; Trường Đại học Thủ đô Hà Nội

T.1. - 2026. - 863 tr. : minh họa. - Thư mục cuối mỗi bài s637534

400. Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia: Chuyển đổi xanh, số hóa trong lĩnh vực du lịch và khách sạn: Hướng tới phát triển bền vững / Đào Thị Hồng, Phan Bá Hương, Mai Lý Hiền... - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 27 cm. - 50b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp; Trường Đại học Thủ đô Hà Nội

T.2. - 2026. - 631 tr. : minh họa. - Thư mục cuối mỗi bài s637535

401. Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia: Phát triển du lịch nông nghiệp gắn với phát triển cây ăn quả trong xây dựng nông thôn mới: Lý luận và kinh nghiệm thực tế / Bùi Hữu Đức, Hoàng Thị Thu Trang, Phạm Thị Hạnh... - H. : Kinh tế - Tài chính, 2026. - 275 tr. : hình vẽ, bảng ; 29 cm. - 160b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Thương mại. - Thư mục cuối mỗi bài s638677

402. Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia: Phát triển kinh tế số và nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế: Kinh nghiệm quốc tế và bài học cho Việt Nam / Đỗ Thị Hải Hà, Ngô Quốc Dũng, Vũ Trí Tuấn... - H. : Dân trí, 2026. - 359 tr. : hình vẽ, bảng ; 30 cm. - 100b

ĐTTS ghi: Chương trình Khoa học Công nghệ quốc gia KX.01/21-30. Nhiệm vụ KHCN quốc gia KX.01.15/21-30. - Phụ lục cuối mỗi bài s640109

403. Kỷ yếu Hội thảo khoa học: Rủi ro trong hoạt động ngân hàng số / Phạm Thanh Bình, Nguyễn Thị Phương Lan, Đỗ Cẩm Hiền... - H. : Công Thương, 2026. - 339 tr. : minh họa ; 27 cm. - 50b

Thư mục cuối mỗi bài s640012

404. Lê Đức Tâm. Ảnh hưởng của marketing qua mạng xã hội và sự gắn kết của du khách đến lòng trung thành điểm đến du lịch Nam Trung Bộ - Việt Nam : Sách chuyên khảo / Ch.b.: Lê Đức Tâm, Hồ Huy Tựu, Lê Chí Công. - H. : Đại học Kinh tế Quốc dân, 2026. - 263 tr. : minh họa ; 24 cm. - 200000đ. - 200b

Thư mục: tr. 181-215. - Phụ lục: tr. 216-263 s638289

405. Lê Kim Dung. Đánh giá ảnh hưởng của biến đổi khí hậu đến phát triển du lịch thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa bằng công nghệ GIS : Sách chuyên khảo / Lê Kim Dung, Lê Hà Thanh. - H. : Khoa học xã hội, 2026. - 198 tr. : minh họa ; 24 cm. - 210000đ. - 250b

Thư mục: tr. 168-175. - Phụ lục: tr. 176-198 s640022

406. Lê Minh Hoan. Cảm nhận Vườn quốc gia Việt Nam: Tuyển tập / Lê Minh Hoan ch.b. - H. : Nông nghiệp, 2026. - 103 tr. : ảnh màu ; 24 cm. - (Đọc sách cùng Xích lô). - 1000b

ĐTTS ghi: Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm s638561

407. Lê Minh Hoan. Tuyển tập Mỗi nghề một bông hoa : Không có nghề thấp kém, chỉ có những câu chuyện nghề chưa được kể! / Lê Minh Hoan. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2026. - 132 tr. : tranh màu ; 20 cm. - (Đọc sách cùng Xích lô). - 179000đ. - 2000b s640825

408. Lê Thị Thúy Sen. Giáo dục tài chính - Lớp 10: Hiểu dùng tiền - Tránh muộn phiền / Lê Thị Thúy Sen. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 44 tr. : minh họa ; 27 cm. - 22000đ. - 10000b s638872

409. Lok, Dan. Unlock IT!: Mở khóa tài chính, làm giàu doanh nghiệp / Dan Lok ; Hồ Nguyễn Kiều Mai dịch. - H. : Hồng Đức, 2026. - 214 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 179000đ. - 1000b s640945

410. Mankiw, N. Gregory. Kinh tế học vĩ mô = Principles of macroeconomics / N. Gregory Mankiw ; Khoa Kinh tế trường Đại học Kinh tế Tp. HCM dịch. - H. : Hồng Đức, 2026. - 596 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - 288000đ. - 1000b s640940

411. Mathis, Toby. Nhận thức đến đâu - Kiếm tiền đến đó / Toby Mathis ; Đỗ Minh Khánh dịch. - H. : Công Thương, 2026. - 335 tr. : minh họa ; 21 cm. - 229000đ. - 2000b
Tên sách tiếng Anh: Infinity investing s639977
412. Mô hình kinh tế thị trường xã hội sinh thái : Kinh nghiệm của một số quốc gia châu Âu và hàm ý chính sách cho Việt Nam / Ngô Thị Ngọc Anh (ch.b.), Đỗ Tất Cường, Nguyễn Thị Hồng Hạnh... - H. : Lý luận Chính trị, 2026. - 247 tr. : bảng, biểu đồ ; 21 cm. - 500b
ĐTTS ghi: Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh. - Thư mục: tr. 237-247 s638259
413. Mua hàng với giá "hời" : Sách dành cho trẻ từ 6 - 12 tuổi / Lời: Lisa Bullard ; Tranh: Mike Moran ; Lê Ngọc dịch. - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 24 tr. : tranh màu ; 20 cm. - (Giúp trẻ quản lý tài chính thông minh). - 25000đ. - 3000b
Tên sách tiếng Anh: Gabriel gets a good deal. - Thư mục: tr. 24 s639921
414. "Muốn" và "cần" - Cách tiêu tiền hợp lý : Sách dành cho trẻ 6 - 12 tuổi / Lời: Lisa Bullard ; Tranh: Christine M. Schneider ; Lê Ngọc dịch. - Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 24 tr. : tranh màu ; 21 cm. - (Giúp trẻ quản lý tài chính thông minh). - 25000đ. - 3000b
Tên sách tiếng Anh: Lily learns about want and needs. - Thư mục: tr. 24 s639920
415. Ngô Thụy Diễm Trang. Giáo trình Phát triển bền vững / Ngô Thụy Diễm Trang (ch.b.), Nguyễn Thị Hồng Điệp. - Cần Thơ : Đại học Cần Thơ, 2026. - 232 tr. : minh họa ; 24 cm. - 65000đ. - 100b
Thư mục cuối mỗi chương s640035
416. Nguyễn Đình Thiện. Năng lực cạnh tranh của Chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Thăng Long : Sách chuyên khảo / Nguyễn Đình Thiện. - H. : Kinh tế - Tài chính, 2026. - 253 tr. : bảng ; 21 cm. - 116000đ. - 300b
Thư mục: tr. 227-240. - Phụ lục: tr. 241-253 s640737
417. Nguyễn Kim Hoàng. Kinh tế đô thị - Lý luận và thực tiễn : Sách chuyên khảo / Ch.b.: Nguyễn Kim Hoàng, Đào Trường Thành. - H. : Đại học Kinh tế Quốc dân, 2026. - 327 tr. : ảnh ; 24 cm. - 300000đ. - 500b
Thư mục: tr. 319-327 s640732
418. Nguyễn Quang Phục. Sinh kế của hộ nông dân vùng ven biển thành phố Huế - Từ lý luận đến thực tiễn : Sách chuyên khảo / Ch.b.: Nguyễn Quang Phục, Nguyễn Công Định. - Huế : Đại học Huế, 2026. - 153 tr. : minh họa ; 24 cm. - 145000đ. - 50b
Thư mục: tr. 127-133. - Phụ lục: tr. 134-151 s637505
419. Nguyễn Thị Bích Thủy. Phát triển bền vững chuỗi giá trị du lịch nông nghiệp khu vực Bắc Trung Bộ : Sách chuyên khảo / Nguyễn Thị Bích Thủy. - H. : Đại học Kinh tế Quốc dân, 2026. - 203 tr. : bảng ; 24 cm. - 389000đ. - 200b
Thư mục: tr. 183-186. - Phụ lục: tr. 187-203 s640734
420. Nguyễn Văn Tiến. Giáo trình Ngân hàng thương mại / Nguyễn Văn Tiến, Đoàn Ngọc Thắng. - H. : Kinh tế - Tài chính, 2026. - 632 tr. : hình vẽ, bảng ; 21 cm. - 275000đ. - 1000b
Thư mục: tr. 631 s640736
421. Niên giám ngành Nông nghiệp và Môi trường Việt Nam. - H. : Nông nghiệp, 2025. - 77 tr. : ảnh, bảng ; 27 cm. - 2000b
ĐTTS ghi: Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam... s637600
422. Niên giám thống kê ngành Nông nghiệp và Môi trường 2024 = Statistical yearbook of Agriculture and Environment 2024. - H. : Tri thức, 2026. - 557 tr., 14 tr. biểu đồ : bảng ; 30 cm. - 70b

ĐTTS ghi: Bộ Nông nghiệp và Môi trường s637538

423. Phạm Đức Cường. Thuế và kế toán thuế trong doanh nghiệp : Lý thuyết và thực hành / Phạm Đức Cường, Trần Mạnh Dũng. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Kinh tế - Tài chính, 2026. - 553 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 399000đ. - 1000b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Kinh tế Quốc dân. Viện Kế toán - Kiểm toán. - Thư mục: tr. 549-553 s638487

424. Phát triển kinh tế biển vùng duyên hải Bắc Bộ trong bối cảnh mới : Sách chuyên khảo / Trần Thanh Tùng (ch.b.), Mai Bích Huệ, Đỗ Đức Quân... - H. : Lý luận Chính trị, 2026. - 218 tr. ; 21 cm. - 500b

ĐTTS ghi: Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh. - Thư mục: tr. 206-216 s638258

425. Phùng Mạnh Trung. Phân tích thị trường tài chính / Phùng Mạnh Trung ; Mai Khắc Thành h.đ. - Hải Phòng : Nxb. Hàng hải, 2026. - 125 tr. : hình vẽ, bảng ; 25 cm. - 88000đ. - 20b
Phụ lục: tr. 111-120. - Thư mục: tr. 121-125 s640024

426. Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh tế và quản lý : Sách chuyên khảo / Ngô Sỹ Trung, Đinh Hồng Linh, Phương Hữu Tùng (ch.b.)... - H. : Công Thương, 2026. - 281 tr. : minh họa ; 24 cm. - 250000đ. - 100b

Thư mục: tr. 274-277 s637493

427. Quản trị rủi ro tài chính liên quan khí hậu của ngân hàng thương mại: Lý luận và thực tiễn tại Việt Nam : Sách chuyên khảo / Lê Thanh Tâm (ch.b.), Trương Thị Hoài Linh, Khúc Thế Anh... - H. : Đại học Kinh tế Quốc dân, 2026. - 287 tr. : minh họa ; 24 cm. - 286000đ. - 200b

Thư mục: tr. 262-287 s638290

428. Sách hướng dẫn Tài chính cá nhân : Personal Finance / B.s.: Nguyễn Thị Hoa (ch.b.), Lê Trung Đạo, Vũ Nhữ Thăng... - H. : Hồng Đức, 2026. - 303 tr. : bảng ; 21 cm. - 102000đ. - 1000b

ĐTTS ghi: Bộ Tài chính. Trường Đại học Tài chính - Marketing. - Thư mục: tr. 303 s640912

429. Sách hướng dẫn Thị trường chứng khoán : Securities market / B.s.: Trần Văn Trung (ch.b.), Phạm Thị Quỳnh Nga, Nguyễn Xuân Dũng... - H. : Hồng Đức, 2025. - 176 tr. : bảng ; 21 cm. - 61000đ. - 1000b

ĐTTS ghi: Bộ Tài chính. Trường Đại học Tài chính - Marketing. - Thư mục: tr. 176 s640910

430. Sara Imas. Vô cùng tàn nhẫn, vô cùng yêu thương / Sara Imas ; Đặng Hồng Quân dịch. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Dân trí. - 21 cm. - 149000đ. - 1000b

Tên sách tiếng Anh: A mother's rigorous love : Financial quotient of Jewish

T.4: Bí quyết bồi dưỡng trí tuệ tài chính cho con của người Do Thái. - 2026. - 318 tr. : ảnh s639495

431. Sætra, Henrik Skaug. AI vì các mục tiêu phát triển bền vững / Henrik Skaug Sætra ; Hyo dịch. - H. : Kim Đồng, 2026. - 175 tr. : hình vẽ, bảng ; 21 cm. - (AI for everything). - 60000đ. - 1500b

Tên sách tiếng Anh: AI for the sustainable development goals. - Thư mục: tr. 155-166 s637726

432. Shi Minjun. Phát triển kinh tế xanh ở Trung Quốc: Quan niệm, đường lối và chính sách / Shi Minjun ; Dịch: Chen Xue, Yu Liyao. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2026. - 441 tr. : bảng, biểu đồ ; 27 cm. - 70b

Thư mục: tr. 397-424. - Phụ lục: tr. 425-441 s637566

433. Steve Jobs : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 6+ / Lời: Kim Wonsik ; Tranh: ChungBe Studios ; Nguyễn Thị Thắm dịch. - Tái bản lần thứ 13. - H. : Kim Đồng, 2026. - 158 tr. : tranh màu ; 21 cm. - (Chuyện kể về danh nhân thế giới). - 60000đ. - 3000b
Tên sách tiếng Anh: Who? Steve Jobs. - Phụ lục cuối chính văn s637711
434. Tài liệu tham khảo về quản lý tài chính cá nhân / B.s.: Trần Việt Dũng (ch.b.), Lê Thị Tuấn Nghĩa, Phan Anh... - H. : Công an nhân dân, 2026. - 223 tr. : hình vẽ, bảng ; 21 cm. - 152000đ. - 59b
Phụ lục: tr. 204-215. - Thư mục: tr. 216-219 s638517
435. Thống kê Năng lượng Việt Nam năm 2024. - H. : Giao thông vận tải, 2025. - 57 tr. : bảng, biểu đồ ; 21 cm. - 510b
ĐTTS ghi: Chương trình Quốc gia về sử dụng Năng lượng tiết kiệm và hiệu quả s638571
436. Thực hành nông nghiệp tốt trên một số cây trồng có giá trị kinh tế cao tại tỉnh Quảng Ngãi : Sách chuyên khảo / Trần Thanh Đức, Hoàng Thị Thái Hòa (ch.b.), Nguyễn Vĩnh Trường... - Huế : Đại học Huế, 2026. - 222 tr. : minh họa ; 24 cm. - 294000đ. - 50b
Thư mục cuối mỗi chương s637507
437. Tín dụng chính sách xã hội tại Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam : Sách chuyên khảo / B.s.: Dương Quyết Thắng, Bùi Hữu Toàn (ch.b.), Phạm Thị Hoàng Anh... - H. : Công an nhân dân, 2026. - 215 tr. ; 21 cm. - 512b
Thư mục: tr. 205-207 s638582
438. Trần Nguyễn Sông Hàn. Tiếp cận thể chế trong phát triển thị trường chứng khoán Việt Nam : Sách chuyên khảo / Trần Nguyễn Sông Hàn. - H. : Lý luận Chính trị, 2026. - 500 tr. ; 24 cm. - 456000đ. - 100b
Thư mục cuối chính văn s638269
439. Trần Nguyễn Sông Hàn. Vùng không giám sát : Nghịch lý thiết kế thể chế trên thị trường chứng khoán Việt Nam / Trần Nguyễn Sông Hàn. - H. : Kinh tế - Tài chính, 2026. - 271 tr. : ảnh, bảng ; 24 cm. - 345678đ. - 100b s638489
440. Trần Thị Đào. Bài tập Thống kê lao động / B.s.: Trần Thị Đào (ch.b.), Nguyễn Thanh Thủy, Nguyễn Thị Thanh Huyền. - H. : Bách khoa Hà Nội, 2026. - 267 tr. : minh họa ; 24 cm. - 55000đ. - 1000b
ĐTTS ghi: Trường Đại học Công đoàn. Khoa Kinh tế. - Thư mục: tr. 267 s638493
441. Trịnh Quốc Tuy. Phát triển kinh tế Việt Nam trong kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc : Sách chuyên khảo / Trịnh Quốc Tuy. - H. : Đại học Kinh tế Quốc dân, 2026. - 178 tr. ; 21 cm. - 250000đ. - 500b
Thư mục: tr. 176-178 s640731
442. Trương Chí Quang. Giáo trình Mô hình hóa trong quản lý đất đai / Trương Chí Quang (ch.b.), Phạm Thanh Vũ. - Cần Thơ : Đại học Cần Thơ, 2026. - 117 tr. : minh họa ; 24 cm. - 80000đ. - 100b
Thư mục: tr. 115-117 s640729
443. Trương Mỹ Hạnh. Một hành trình - Một niềm tin, 2016 - 2026 / B.s.: Trương Mỹ Hạnh, Đỗ Thị Thùy Dung, Huỳnh Thị Anh Thư. - H. : Giao thông vận tải, 2026. - 355 tr. : hình vẽ, ảnh ; 24 cm. - 500b s638572
444. Tự kiếm tiền không khó! : Sách dành cho trẻ từ 6 - 12 tuổi / Lời: Lisa Bullard ; Tranh: Mike Moran ; Lê Ngọc dịch. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 24 tr. : tranh màu ; 20 cm. - (Giúp trẻ quản lý tài chính thông minh). - 25000đ. - 2000b
Tên sách tiếng Anh: Ella earns her own money. - Thư mục: tr. 24 s639922

445. Vai trò của vốn xã hội trong giảm nghèo bền vững tại Tây Bắc : Nghiên cứu trường hợp tại Sơn La và Hòa Bình, giai đoạn 2016 - 2020 : Sách chuyên khảo / Vương Hồng Hà (ch.b.), Phan Thu Hằng, Lê Minh Tuyền... - H. : Công Thương, 2026. - 175 tr. : bảng ; 21 cm. - 50b

Thư mục: tr. 169-175 s637484

446. Vikrom Kromadit. Hạnh phúc thực sự / Vikrom Kromadit ; Huỳnh Ngọc Phiên dịch. - H. : Hồng Đức, 2026. - 179 tr. : ảnh, tranh vẽ ; 18 cm. - 2010b s640717

447. Võ Chí Tâm. 36 trận pháp - Phân tích mẫu hình biểu đồ : Sách tham khảo / Võ Chí Tâm. - H. : Hồng Đức, 2026. - 240 tr. : minh họa ; 21 cm. - 500000đ. - 1000b s640929

448. Võ Thế Trường. Phát triển nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Trà Vinh : Sách chuyên khảo / Võ Thế Trường. - H. : Khoa học xã hội, 2026. - 283 tr. : minh họa ; 21 cm. - 160000đ. - 200b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Trà Vinh. - Thư mục: tr. 244-253. - Phụ lục: tr. 254-283 s638628

449. Yoshitaka Kitao. Nền kinh tế token hóa : Bức tranh tương lai của tài chính / Yoshitaka Kitao ; Mihidu dịch. - H. : Công Thương, 2026. - 197 tr. : hình vẽ, bảng ; 21 cm. - 109000đ. - 1500b

Tên sách tiếng Nhật: 金融、メディア、ITが融合する日 s637464

CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ CÁC HỆ THỐNG LIÊN QUAN

450. Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học : Dành cho bậc đại học không chuyên lý luận chính trị / B.s.: Hoàng Chí Bảo, Dương Xuân Ngọc, Đỗ Thị Thạch... - Tái bản có sửa chữa, bổ sung. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2026. - 255 tr. ; 21 cm. - 64000đ. - 20000b

ĐTTS ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo. - Thư mục: tr. 250-252 s638596

451. Giáo trình Triết học : Dùng trong đào tạo trình độ thạc sĩ, tiến sĩ các ngành Khoa học xã hội và Nhân văn không chuyên ngành Triết học / Nguyễn Văn Tài, Phạm Văn Sinh (ch.b.), Nguyễn Tài Đông... - H. : Đại học Sư phạm, 2026. - 391 tr. ; 24 cm. - 120000đ. - 1000b

ĐTTS ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo s638570

452. Hồ Chí Minh. Cán bộ là cái gốc của mọi công việc / Hồ Chí Minh. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2026. - 239 tr. ; 21 cm. - (Tủ sách Vinh quang Hồ Chí Minh). - 135000đ. - 1000b s640824

453. Hồ Chí Minh. Nam Bộ thành đồng Tổ quốc / Hồ Chí Minh. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2026. - 231 tr. : bảng ; 21 cm. - (Tủ sách Vinh quang Hồ Chí Minh). - 130000đ. - 1000b s640820

454. Hồ Chí Minh. Nhân dân chúng tôi đoàn kết biết bao trong tình yêu Tổ quốc / Hồ Chí Minh. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2026. - 231 tr. ; 21 cm. - (Tủ sách Vinh quang Hồ Chí Minh). - 130000đ. - 1000b s640822

455. Hồ Chí Minh. Tội ác của chủ nghĩa thực dân / Hồ Chí Minh. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2026. - 191 tr. ; 21 cm. - (Tủ sách Vinh quang Hồ Chí Minh). - 120000đ. - 1000b s640823

456. Hồ Chí Minh. Xuân này hơn hẳn mấy xuân qua / Hồ Chí Minh. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2026. - 219 tr. : ảnh ; 21 cm. - (Tủ sách Vinh quang Hồ Chí Minh). - 125000đ. - 1000b s640821

457. Phát triển tư duy phản biện cho sinh viên trường Đại học Quảng Bình trong học tập học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học : Sách tham khảo / Nguyễn Thị Anh Khuyên (ch.b.), Phạm Đức Tiến, Nguyễn Thị Như Nguyệt... - Huế : Đại học Huế, 2026. - 114 tr. : bảng, biểu đồ ; 24 cm. - 68000đ. - 50b

Thư mục: tr. 113-114 s637506

458. Phong cách ứng xử Hồ Chí Minh: Nội dung và giá trị / Hoàng Diệu Thảo (ch.b.), Phạm Văn Minh, Trần Thị Hợi... - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2026. - 191 tr. ; 21 cm. - 115000đ. - 1000b

Thư mục: tr. 186-189 s640909

459. Từ điển tư tưởng Hồ Chí Minh giản yếu: Việt - Khmer = វិចិត្រនៃគំនិតអារម្មណ៍ហ្វីឌីមីញូមូលសង្ខេប: វៀត - ខ្មែរ / B.s.: Võ Thị Kim Huệ (ch.b.), Nguyễn Xuân Phong, Lâm Thị Kho... ; Kim Văn Tính biên dịch ; Sơn Chanh Đa h.đ. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2026. - 158 tr. ; 24 cm. - 500b

ĐTTS ghi: Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh. Học viện Chính trị Khu vực IV. - Phụ lục: tr. 128-147. - Thư mục: tr. 148-151 s638599

PHÁP LUẬT

460. Alston, Philip. Quyền con người quốc tế: Văn bản và tư liệu : Sách tham khảo / Philip Alston ; Dịch thuật: Viện Quyền con người, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2026. - 2078 tr. ; 27 cm. - 1500b

Dịch từ nguyên tác tiếng Anh: International human rights: Text and materials s637536

461. Đại diện pháp luật giữa vợ và chồng - Những vấn đề pháp lý và thực tiễn : Sách chuyên khảo / B.s.: Lê Vĩnh Châu, Nguyễn Phương Ân (ch.b.), Ngô Khánh Tùng, Đặng Lê Phương Uyên. - H. : Công an nhân dân, 2026. - 295 tr. ; 21 cm. - 179000đ. - 410b

Thư mục: tr. 279-290 s638585

462. Đinh Thị Hương Giang. Pháp luật về kiểm soát xung đột lợi ích trong hoạt động công vụ ở Việt Nam : Sách chuyên khảo / Đinh Thị Hương Giang. - H. : Công an nhân dân, 2026. - 199 tr. ; 21 cm. - 200000đ. - 200b

Thư mục: tr. 173-192 s638515

463. Giáo trình Học thuyết pháp lý / Phan Trung Hiền (ch.b.), Bùi Thanh Tường Vinh, Huỳnh Thị Sinh Hiền, Nguyễn Lan Hương. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2026. - 244 tr. : minh họa ; 24 cm. - 163000đ. - 1500b

ĐTTS ghi: Đại học Cần Thơ. Khoa Luật. - Phụ lục: tr. 221-233. - Thư mục: tr. 234-241 s637446

464. Giáo trình Kỹ năng mềm trong nghề luật / Lê Thị Thúy Nga (ch.b.), Trần Bình An, Lê Mai Anh... - Tái bản lần thứ 6. - H. : Tư pháp, 2026. - 451 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - 93000đ. - 3114b

ĐTTS ghi: Học viện Tư pháp. - Thư mục: tr. 439-445 s640751

465. Giáo trình Luật Đất đai / Lưu Quốc Thái (ch.b.), Phạm Văn Võ, Huỳnh Minh Phương... - Tái bản lần thứ 5, có sửa đổi, bổ sung. - H. : Công an nhân dân, 2026. - 514 tr. ; 21 cm. - 156000đ. - 1500b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh. - Thư mục: tr. 506-514 s640905

466. Giáo trình Nghiệp vụ đấu giá tài sản / B.s.: Nguyễn Xuân Thu, Lê Thị Hương Giang (ch.b.), Nguyễn Quỳnh Thoa... - Tái bản lần thứ 3. - H. : Tư pháp. - 24 cm. - 344000đ. - 314b

- ĐTTS ghi: Học viện Tư pháp
T.1: Phần chung. - 2026. - 619 tr. : bảng. - Thư mục: tr. 599-615 s638293
467. Giáo trình Nghiệp vụ đầu giá tài sản / B.s.: Nguyễn Xuân Thu, Nguyễn Thị Thu Hồng (ch.b.), Cao Kim Ngân... - Tái bản lần thứ 3. - H. : Tư pháp. - 24 cm. - 360000đ. - 314b
ĐTTS ghi: Học viện Tư pháp
T.2: Phần Kỹ năng. - 2026. - 650 tr. : bảng. - Thư mục: tr. 604-623 s640750
468. Hướng dẫn môn học Công pháp quốc tế / Nguyễn Thị Hồng Yến, Lê Thị Anh Đào (ch.b.), Nguyễn Thị Kim Ngân... - H. : Công an nhân dân, 2026. - 327 tr. : bảng ; 21 cm. - 100000đ. - 1000b
Thư mục: tr. 323-326 s638583
469. Hướng dẫn môn học Luật Tổ tụng hình sự : Sách tham khảo / Trần Thị Liên (ch.b.), Vũ Gia Lâm, Nguyễn Thị Mai, Ngô Thị Vân Anh. - H. : Công an nhân dân, 2026. - 511 tr. ; 21 cm. - 180000đ. - 1000b
Thư mục cuối mỗi chương s638587
470. Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia: Pháp luật và chính sách bảo vệ quyền và lợi ích cá nhân, công dân: 50 năm xây dựng và phát triển / Lê Minh Hùng, Lê Xuân Hoàng, Hồ Hồng Nhung... - H. : Công an nhân dân. - 30 cm. - 109b
ĐTTS ghi: Bộ Công Thương. Trường Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh
T.1: Lĩnh vực Khoa học Pháp lý. - 2026. - 727 tr. : biểu đồ. - Thư mục cuối mỗi chương s638679
471. Lê Thị Lo. Sổ tay Tìm hiểu pháp luật về đất đai và nhà ở / B.s.: Lê Thị Lo, Đào Thị Anh Tuyết. - H. : Kinh tế - Tài chính, 2025. - 95 tr. ; 15 cm. - 10000b
ĐTTS ghi: Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh. Sở Tư pháp s638218
472. Lê Văn Minh. Đùng phạm tội vì thiếu hiểu biết / Lê Văn Minh (ch.b.), Nguyễn Thy Nga, Nguyễn Phương Anh. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2026. - 78 tr. ; 19 cm. - 43000đ. - 1000b s638240
473. Luật Hình sự Việt Nam (Phần chung) - Lý luận, thực tiễn và hướng dẫn học : Sách chuyên khảo / Cao Thị Oanh (ch.b.), Nguyễn Kim Chi, Lưu Hoài Bảo... - H. : Công an nhân dân, 2026. - 503 tr. : bảng ; 24 cm. - 290000đ. - 1000b
Thư mục: tr. 481-489 s638510
474. Luật Tổ tụng hành chính (sửa đổi, bổ sung năm 2025) và văn bản quy định, hướng dẫn chi tiết thi hành. - H. : Kinh tế - Tài chính, 2025. - 443 tr. ; 27 cm. - 420000đ. - 2000b
ĐTTS ghi: Quốc hội s638673
475. Luật Tư pháp người chưa thành niên (sửa đổi, bổ sung năm 2025) và hệ thống các văn bản về thủ tục tổ tụng hình sự đối với người chưa thành niên. - H. : Kinh tế - Tài chính, 2025. - 479 tr. : bảng ; 27 cm. - 420000đ. - 2000b s638674
476. Nghị quyết số 68-NQ/TW của Bộ Chính trị: Đột phá để phát triển kinh tế tư nhân - Hỏi và đáp / B.s.: Nguyễn Thái Bình (ch.b.), Nguyễn Thị Hồng Tâm, Trần Hà Trang... - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2026. - 230 tr. ; 19 cm. - 99000đ. - 2000b
Thư mục: tr. 214 s638219
477. Nguyễn Đức Thắng. Pháp luật bảo hiểm hàng hải Anh (Đối chiếu Hoa Kỳ và Việt Nam) : Phân tích nguyên tắc, án lệ và cơ chế vận hành bảo hiểm hàng hải theo pháp luật Anh, đồng thời đối chiếu với một số nội dung trong thực tiễn pháp luật Hoa Kỳ và Việt Nam / Nguyễn Đức Thắng. - H. : Kinh tế - Tài chính, 2026. - 283 tr. ; 25 cm. - 145000đ. - 1000b s640740

478. Những vấn đề pháp lý về chứng chỉ lưu ký không có quyền biểu quyết : Sách chuyên khảo / Phan Thị Thành Dương (ch.b.), Nguyễn Thị Thu Hiền, Nguyễn Thị Thúy... - H. : Công an nhân dân, 2026. - xvii, 192 tr. ; 21 cm. - 118000đ. - 1000b

Thư mục cuối chính văn s638584

479. Phạm Thanh Hữu. Hỏi - Đáp Bộ luật Lao động (hiện hành) / Phạm Thanh Hữu. - Xuất bản lần thứ 2, có sửa chữa, bổ sung. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2026. - 436 tr. ; 21 cm. - 180000đ. - 1500b s638598

480. Pháp luật về kiểm soát hành vi lạm dụng vị trí thống lĩnh thị trường qua dữ liệu cá nhân trên nền tảng số trung gian : Sách tham khảo / Ch.b.: Cao Đình Lành, Đồng Thị Huyền Nga, Trần Tuấn Sơn, Lê Thị Nhật Linh. - Huế : Nxb. Huế, 2026. - 181 tr. ; 21 cm. - 130000đ. - 30b

ĐTTS ghi: Đại học Huế. Trường Đại học Luật. - Thư mục: tr. 173-181 s640339

481. Pháp luật về kinh doanh dịch vụ phẫu thuật thẩm mỹ: Lý luận và thực tiễn : Sách chuyên khảo / B.s.: Lê Thị Hải Ngọc, Nguyễn Văn Nhung, Văn Phạm Kim Xuyên (ch.b.)... - H. : Công an nhân dân, 2026. - 239 tr. ; 21 cm. - 200000đ. - 179b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Luật, Đại học Huế. - Thư mục: tr. 228-239 s638513

482. Sổ tay Hướng dẫn thực thi, hỏi đáp các quy định về SPS ngành hàng động vật, sản phẩm động vật / B.s.: Ngô Xuân Nam, Nguyễn Thị Huyền, Đinh Đức Hiệp... - H. : Công Thương, 2025. - 117 tr. : minh họa ; 21 cm. - 1000b

ĐTTS ghi: Bộ Nông nghiệp và Môi trường. Văn phòng SPS Việt Nam. - Thư mục: tr. 116-117 s637479

483. Sổ tay Hướng dẫn thực thi, hỏi đáp các quy định về SPS ngành hàng thủy sản / B.s.: Ngô Xuân Nam, Nguyễn Thị Huyền, Đinh Đức Hiệp... - H. : Công Thương, 2025. - 117 tr. : minh họa ; 21 cm. - 1000b

ĐTTS ghi: Bộ Nông nghiệp và Môi trường. Văn phòng SPS Việt Nam. - Thư mục: tr. 116-117 s637480

484. Sổ tay Nghiệp vụ về xử lý vi phạm hành chính : Phục vụ công tác thi hành pháp luật xử phạt vi phạm hành chính. - Đồng Tháp : Sở Tư pháp tỉnh Đồng Tháp, 2026. - 49 tr. : hình vẽ ; 21 cm. - 500b

Đầu bìa sách ghi: Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp. Sở Tư pháp s639999

485. Sổ tay Pháp luật về trợ giúp pháp lý và các quy định pháp luật có liên quan : Chương trình Mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025. - H. : Kinh tế - Tài chính, 2025. - 79 tr. ; 15 cm. - 15000b

ĐTTS ghi: Sở Tư pháp tỉnh Tây Ninh. Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước s638217

486. Sổ tay Tìm hiểu pháp luật : Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ năm 2024, Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012, sửa đổi, bổ sung năm 2025 và Nghị định số 168/2024/NĐ-CP ngày 26/12/2024 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về trật tự, an toàn giao thông trong lĩnh vực giao thông đường bộ; trừ điểm, phục hồi điểm giấy phép lái xe. - H. : Kinh tế - Tài chính, 2025. - 79 tr. ; 15 cm. - 6000b

ĐTTS ghi: Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh. Sở Tư pháp s638216

487. Trần Mai Vân. Pháp luật về đất di tích lịch sử - văn hóa : Sách chuyên khảo / Trần Mai Vân. - H. : Lý luận Chính trị, 2026. - 216 tr. : bảng ; 21 cm. - 240000đ. - 100b

Thư mục: tr. 201-209. - Phụ lục: tr. 210-213 s638266

488. Trần Thị Ngọc Kim. Hướng dẫn học tập môn Luật Hình sự - Một số tội phạm cụ thể / Trần Thị Ngọc Kim. - H. : Công an nhân dân, 2026. - 304 tr. ; 21 cm. - 138000đ. - 1000b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Đà Lạt. - Thư mục: tr. 299-302 s638586

489. Trần Văn Tuấn. Tư pháp người chưa thành niên trong pháp luật Việt Nam: Bình luận về xử lý chuyển hướng, hình phạt và tố tụng : Sách chuyên khảo / Trần Văn Tuấn. - H. : Công an nhân dân, 2026. - 223 tr. : bảng ; 21 cm. - 260000đ. - 50b

Thư mục: tr. 216-223 s638518

490. Trịnh Xuân Thắng. Cơ chế pháp lý kiểm soát quyền lập quy của Chính phủ Việt Nam : Sách chuyên khảo / Trịnh Xuân Thắng. - H. : Khoa học xã hội, 2026. - 246 tr. ; 24 cm. - 180000đ. - 200b

Thư mục: tr. 239-246 s638633

491. Văn bản quản lý nhà nước về di sản văn hóa, năm 2025. - H. : Văn học, 2026. - 790 tr. : bảng ; 22 cm. - 520b

ĐTTS ghi: Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Cục Di sản văn hóa. - Phụ lục trong chính văn s640220

492. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Bộ luật Lao động (hiện hành). - H. : Tư pháp, 2026. - 198 tr. ; 19 cm. - 80000đ. - 216b s638233

493. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Luật Bảo hiểm tiền gửi. - H. : Kinh tế - Tài chính, 2026. - 39 tr. ; 21 cm. - 20000đ. - 10000b s638446

494. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Luật Bảo vệ bí mật nhà nước. - H. : Kinh tế - Tài chính, 2026. - 47 tr. ; 21 cm. - 22000đ. - 10000b s638464

495. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Luật Báo chí. - H. : Kinh tế - Tài chính, 2026. - 55 tr. ; 21 cm. - 24000đ. - 10000b s638469

496. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Luật Chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù. - H. : Kinh tế - Tài chính, 2026. - 55 tr. ; 21 cm. - 24000đ. - 10000b s638466

497. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Luật Công nghệ cao. - H. : Kinh tế - Tài chính, 2026. - 63 tr. ; 21 cm. - 27000đ. - 10000b s638455

498. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Luật Dân số. - H. : Kinh tế - Tài chính, 2026. - 31 tr. ; 21 cm. - 18000đ. - 10000b s638454

499. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Luật Dẫn độ. - H. : Kinh tế - Tài chính, 2026. - 47 tr. ; 21 cm. - 22000đ. - 10000b s638461

500. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Luật Dự trữ quốc gia. - H. : Kinh tế - Tài chính, 2026. - 31 tr. ; 21 cm. - 17000đ. - 10000b s638457

501. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Luật Đất đai năm 2024 (sửa đổi, bổ sung năm 2025). - H. : Công an nhân dân, 2026. - 407 tr. ; 21 cm. - 120000đ. - 1000b s638588

502. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Luật Đầu tư. - H. : Kinh tế - Tài chính, 2026. - 143 tr. : bảng ; 21 cm. - 52000đ. - 10000b

Phụ lục: tr. 85-138 s638480

503. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Luật Giáo dục đại học. - H. : Kinh tế - Tài chính, 2026. - 53 tr. ; 21 cm. - 24000đ. - 10000b

ĐTTS ghi: Quốc hội s638474

504. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Luật Giáo dục nghề nghiệp. - H. : Kinh tế - Tài chính, 2026. - 55 tr. ; 21 cm. - 24000đ. - 10000b s638459

505. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Luật Hàng không dân dụng Việt Nam. - H. : Kinh tế - Tài chính, 2026. - 119 tr. ; 21 cm. - 42000đ. - 10000b s638477

506. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Luật Phục hồi, phá sản. - H. : Kinh tế - Tài chính, 2026. - 127 tr. ; 21 cm. - 46000đ. - 10000b s638476

507. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Luật Quản lý thuế. - H. : Kinh tế - Tài chính, 2026. - 119 tr. ; 21 cm. - 42000đ. - 10000b s638479

508. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Luật Quy hoạch. - H. : Kinh tế - Tài chính, 2026. - 103 tr. : bảng ; 21 cm. - 37000đ. - 10000b

Phụ lục: tr. 92-97 s638484

509. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường. - H. : Kinh tế - Tài chính, 2026. - 173 tr. ; 21 cm. - 62000đ. - 10000b s638482

510. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 10 luật có liên quan đến an ninh, trật tự. - H. : Kinh tế - Tài chính, 2026. - 63 tr. ; 21 cm. - 23000đ. - 10000b s638458

511. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ. - H. : Kinh tế - Tài chính, 2026. - 27 tr. ; 21 cm. - 11000đ. - 10000b s638465

512. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản. - H. : Kinh tế - Tài chính, 2026. - 31 tr. ; 21 cm. - 13000đ. - 10000b s638450

513. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điều ước quốc tế. - H. : Kinh tế - Tài chính, 2026. - 19 tr. ; 21 cm. - 11000đ. - 10000b s638462

514. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục. - H. : Kinh tế - Tài chính, 2026. - 31 tr. ; 21 cm. - 13000đ. - 10000b s638452

515. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Lý lịch tư pháp. - H. : Kinh tế - Tài chính, 2026. - 31 tr. ; 21 cm. - 13000đ. - 10000b

ĐTTS ghi: Quốc hội s638472

516. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống tham nhũng. - H. : Kinh tế - Tài chính, 2026. - 15 tr. ; 21 cm. - 11000đ. - 10000b s638460

517. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý nợ công. - H. : Kinh tế - Tài chính, 2026. - 23 tr. ; 21 cm. - 12000đ. - 10000b s638451

518. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn. - H. : Kinh tế - Tài chính, 2026. - 31 tr. ; 21 cm. - 13000đ. - 10000b s638447

519. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ. - H. : Kinh tế - Tài chính, 2026. - 47 tr. ; 21 cm. - 18000đ. - 10000b s638456

520. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thống kê. - H. : Kinh tế - Tài chính, 2026. - 19 tr. ; 21 cm. - 12000đ. - 10000b s638468

521. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tiếp công dân, Luật Khiếu nại, Luật Tố cáo. - H. : Kinh tế - Tài chính, 2026. - 23 tr. ; 21 cm. - 12000đ. - 10000b

ĐTTS ghi: Quốc hội s638471

522. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Luật Thi hành án dân sự. - H. : Kinh tế - Tài chính, 2026. - 183 tr. ; 21 cm. - 64000đ. - 10000b s638483

523. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Luật Thi hành án hình sự. - H. : Kinh tế - Tài chính, 2026. - 255 tr. ; 21 cm. - 88000đ. - 10000b s638478

524. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú. - H. : Kinh tế - Tài chính, 2026. - 87 tr. ; 21 cm. - 35000đ. - 10000b s638481

525. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Luật Thương mại (hiện hành). - H. : Tư pháp, 2026. - 174 tr. ; 19 cm. - 70000đ. - 216b s638235

526. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Luật Tiết kiệm, chống lãng phí. - H. : Kinh tế - Tài chính, 2026. - 47 tr. ; 21 cm. - 22000đ. - 10000b s638470

527. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Luật Tòa án chuyên biệt tại Trung tâm tài chính quốc tế. - H. : Kinh tế - Tài chính, 2026. - 39 tr. ; 21 cm. - 20000đ. - 10000b s638449

528. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Luật Tổ tụng hành chính năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2019, 2024, 2025). - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2026. - 344 tr. ; 19 cm. - 130000đ. - 6000b s638221

529. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Luật Trọng tài thương mại (hiện hành). - H. : Tư pháp, 2026. - 75 tr. ; 19 cm. - 42000đ. - 216b s638236

530. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Luật Tư pháp người chưa thành niên (hiện hành). - H. : Tư pháp, 2026. - 231 tr. ; 19 cm. - 90000đ. - 216b s638234

531. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Luật Tương trợ tư pháp về dân sự. - H. : Kinh tế - Tài chính, 2026. - 31 tr. ; 21 cm. - 18000đ. - 10000b s638448

532. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Luật Tương trợ tư pháp về hình sự. - H. : Kinh tế - Tài chính, 2026. - 39 tr. ; 21 cm. - 20000đ. - 10000b s638467

533. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Luật Viên chức. - H. : Kinh tế - Tài chính, 2026. - 47 tr. ; 21 cm. - 22000đ. - 10000b
ĐTTS ghi: Quốc hội s638473

534. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Luật Xây dựng. - H. : Kinh tế - Tài chính, 2026. - 127 tr. ; 21 cm. - 46000đ. - 10000b
ĐTTS ghi: Quốc hội s638475

HÀNH CHÍNH CÔNG VÀ QUÂN SỰ

535. Cao Thiên An. Câu chuyện về một người anh hùng / Cao Thiên An. - Tái bản có sửa chữa, bổ sung. - H. : Công an nhân dân, 2026. - 263 tr. : ảnh màu ; 21 cm. - 300000đ. - 200b s638520

536. Giáo dục quốc phòng và an ninh 10 / Nghiêm Viết Hải (tổng ch.b.), Đoàn Chí Kiên (ch.b.), Ngô Gia Bắc... - Tái bản lần thứ 4, có chỉnh lí, bổ sung. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 83 tr. : minh họa ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 11400đ. - 149800b
Đầu bìa sách ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo s638966

537. Giáo dục quốc phòng và an ninh 11 / Nghiêm Viết Hải (tổng ch.b.), Đoàn Chí Kiên (ch.b.), Hoàng Ngọc Bình... - Tái bản lần thứ 3, có chỉnh lí, bổ sung. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 67 tr. : minh họa ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 9500đ. - 125000b
Đầu bìa sách ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo s638967

538. Giáo trình Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật / Cao Ngọc Báu (ch.b.), Đào Đức Hải, Nguyễn Hoàng Thắng, Ngô Nhã Lam Duy. - Cần Thơ : Đại học Cần Thơ, 2026. - 68 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 99000đ. - 50b

Thư mục cuối mỗi chương s638273

539. Giáo trình Vận động quần chúng trong quản lý nhà nước về an ninh trật tự : Dành cho đào tạo trình độ thạc sĩ, ngành Quản lý nhà nước về an ninh trật tự / B.s.: Lê Văn Thiệu (ch.b.), Trần Nam Trung, Ngô Quang Cảnh, Nguyễn Thanh Trung. - H. : Công an nhân dân, 2026. - 143 tr. ; 21 cm. - 110b

Thư mục: tr. 134-139 s638516

540. Hoạt động giám sát của Hội đồng nhân dân trong quá trình tổ chức chính quyền đô thị ở Thành phố Hồ Chí Minh : Sách chuyên khảo / Quách Thị Minh Phượng (ch.b.), Nguyễn Thị Thảo, Nguyễn Đình Phúc... - H. : Lý luận Chính trị, 2026. - 223 tr. : biểu đồ, sơ đồ ; 21 cm. - 500b

ĐTTS ghi: Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh s638260

541. Học viện Hậu cần - 75 năm vững bước dưới Quân kỳ Quyết thắng (15.6.1951 - 15.6.2026). - H. : Quân đội nhân dân, 2026. - 80 tr. ; 19 cm. - 369b s638238

542. Hợp tác an ninh ba bên Mỹ - Anh - Australia (AUKUS) và hợp tác bộ tứ Mỹ - Ấn Độ - Australia - Nhật Bản (QUAD): Tác động đến Việt Nam : Sách chuyên khảo / Nguyễn Văn Dương (ch.b.), Thái Văn Long, Phan Văn Nhân... - H. : Lý luận Chính trị, 2026. - 223 tr. ; 21 cm. - 500b

ĐTTS ghi: Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh. - Thư mục: tr. 205-220 s638261

543. Hội thảo khoa học: Công tác giáo dục quốc phòng và an ninh của lực lượng Công an nhân dân - Thực trạng và định hướng phát triển, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong kỷ nguyên mới / Trần Quốc Tỏ, Trần Việt Khoa, Nguyễn Văn Thành... ; B.s.: Nguyễn Văn Chính... - H. : Công an nhân dân, 2026. - 400 tr. : bảng ; 27 cm. - 39b

ĐTTS ghi: Bộ Công an. Học viện Cảnh sát nhân dân. - Lưu hành nội bộ. - Thư mục cuối mỗi bài s638681

544. Khung năng lực lãnh đạo, quản lý : Kỷ nguyên mới, năng lực mới / Lê Quân (ch.b.), Hồ Như Hải, Tạ Huy Hùng... - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 228 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 200000đ. - 1430b

Phụ lục: tr. 171-225. - Thư mục: tr. 226-227 s639880

545. Kỷ yếu lãnh đạo, chỉ huy lực lượng vũ trang nhân dân tỉnh Cà Mau (1945 - 2025) / B.s.: Nguyễn Thanh Phong, Lê Quang Luật, Trương Bình Khương, Lê Văn Giới. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2026. - 322 tr. : ảnh, bảng ; 27 cm. - 300b

ĐTTS ghi: Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Cà Mau s638657

546. Lê Huy Vịnh. Tuyển tập một số vấn đề lý luận và thực tiễn trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc / Lê Huy Vịnh. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2026. - 743 tr. ; 24 cm. - 550b s638620

547. Lịch sử công tác tham mưu lực lượng vũ trang tỉnh Bến Tre (1945 - 2025) / B.s.: Nguyễn Thanh Xuân, Mai Văn Chính, Nguyễn Văn Cường, Bùi Phương Bình. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2026. - 302 tr. : ảnh, bảng ; 24 cm. - 1000b

ĐTTS ghi: Đảng ủy - Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Bến Tre. - Phụ lục: tr. 279-298. - Thư mục: tr. 299-300 s637442

548. Lịch sử Lữ đoàn Tăng thiết giáp 416, Quân khu 9 (1976 - 2026) / B.s.: Lê Văn Tân, Đặng Văn Tọa, Trần Thành (ch.b.)... - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2026. - 534 tr. : ảnh, bảng ; 21 cm. - 300b

ĐTTS ghi: Đảng ủy - Bộ Tư lệnh Quân khu 9. Đảng ủy - Ban Chỉ huy Lữ đoàn 416. - Phụ lục: tr. 487-531 s637450

549. Lịch sử Trường Quân sự tỉnh Kiên Giang (1960 - 2020) / B.s.: Lê Văn Nhòng, Cao Thanh Bình (ch.b.), Nguyễn Minh Phụng, Trương Tuấn Anh. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2026. - 258 tr. : ảnh, bảng ; 21 cm. - 350b

ĐTTS ghi: Đảng ủy - Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Kiên Giang. Đảng ủy - Ban Giám hiệu Trường Quân sự tỉnh. - Phụ lục: tr. 238-255. - Thư mục cuối chính văn s637455

550. Ngô Trần Trung Nghĩa. Tôn Tử binh pháp và 36 kế / Ngô Trần Trung Nghĩa dịch, b.s. - H. : Văn học, 2026. - 303 tr. ; 24 cm. - 258000đ. - 1000b s640227

551. Nguyễn Minh Tâm. Đoàn chuyên gia quân sự Liên Xô tại Việt Nam trong kháng chiến chống Mỹ (1955 - 1975) : Tư liệu lịch sử / Nguyễn Minh Tâm, Hoàng Thị Hồng Hoa. - H. : Văn học, 2026. - 207 tr. : ảnh ; 21 cm. - 112000đ. - 1000b

Thư mục: tr. 155-170. - Phụ lục: tr. 171-205 s640118

552. Nguyễn Thanh Giang. Đánh giá hiệu quả quản lý hành chính nhà nước về giáo dục từ góc độ văn hóa : Sách chuyên khảo / Nguyễn Thanh Giang. - H. : Văn hóa dân tộc, 2026. - 307 tr. : bảng ; 21 cm. - 175000đ. - 100b

Phụ lục: tr. 205-290. - Thư mục: tr. 291-307 s639992

553. Nguyễn Thị Hồng Hạnh. Giáo trình Giám sát và thanh tra trong quản lý sử dụng đất / Ch.b.: Nguyễn Thị Hồng Hạnh, Nguyễn Thị Khuy. - H. : Tài nguyên Môi trường và Bản đồ Việt Nam, 2026. - 199 tr. : minh họa ; 24 cm. - 100000đ. - 100b

Thư mục: tr. 197-199 s638624

554. Nguyễn Thị Thanh Nga. Mối quan hệ trong quản lý các khu di tích quốc gia đặc biệt Lam Kinh và Bà Triệu : Sách chuyên khảo / Nguyễn Thị Thanh Nga. - H. : Khoa học xã hội, 2026. - 310 tr. : minh họa ; 21 cm. - 168000đ. - 500b

Phụ lục: tr. 246-291. - Thư mục: tr. 292-310 s640015

555. Phan Thanh Hải. Lịch sử Lữ đoàn 226 - Đoàn cao xạ Quang Trung (1965 - 2025) Đơn vị Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân / B.s.: Phan Thanh Hải, Nguyễn Trung Kiên, Nguyễn Xuân Toàn. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2026. - 498 tr. : minh họa ; 21 cm. - 300b

ĐTTS ghi: Bộ Tư lệnh Quân khu 9. Lữ đoàn 226. - Phụ lục: tr. 448-495. - Thư mục: tr. 496 s637449

556. Trần Mỹ Hải Lộc. Hợp tác quốc phòng của Ấn Độ (2007 - 2025): Định vị vai trò chủ thể cung cấp an ninh tại khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương : Sách chuyên khảo / Trần Mỹ Hải Lộc. - H. : Khoa học xã hội, 2026. - 262 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 168000đ. - 100b

Thư mục: tr. 221-262 s640021

557. Trần Ngọc Thỏ. Cuộc đời và binh nghiệp : Hồi ký / Trần Ngọc Thỏ. - Xuất bản lần thứ 5, có sửa chữa, bổ sung. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2026. - 224 tr., 28 tr. ảnh ; 21 cm. - 400b s637448

558. Trần Thành. Lịch sử công tác bảo đảm hậu cần - kỹ thuật lực lượng vũ trang tỉnh Đồng Tháp (1975 - 2025) / B.s.: Trần Thành, Nguyễn Văn Bùi. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2026. - 292 tr. : minh họa ; 21 cm. - 300b

ĐTTS ghi: Bộ Tư lệnh Quân khu 9. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Đồng Tháp. - Thư mục: tr. 288-289 s637456

559. Trần Thành. Lịch sử lực lượng vũ trang nhân dân tỉnh Kiên Giang (1975 - 2025) / B.s.: Trần Thành, Nguyễn Minh Phụng, Trương Tuấn Anh. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2026. - 451 tr. : ảnh, bảng ; 21 cm. - 400b

ĐTTS ghi: Đảng ủy, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Kiên Giang. - Phụ lục: tr. 399-449 s637457

560. Trần Thành. Lịch sử Trung đoàn bộ binh 924, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Tiền Giang (1988 - 2025) / B.s.: Trần Thành, Bùi Ngọc Kim Sơn, Đoàn Thị Thúy Oanh. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2026. - 282 tr. ; 21 cm. - 300b

ĐTTS ghi: Đảng ủy, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Tiền Giang. Đảng ủy, Ban Chỉ huy Trung đoàn bộ binh 924. - Phụ lục: tr. 246-278. - Thư mục: tr. 279-280 s638593

561. Vai trò và trách nhiệm của chính quyền đô thị các thành phố trực thuộc Trung ương trong bảo đảm an ninh con người : Sách chuyên khảo / Phạm Thị Ngọc Dung (ch.b.), Lục Việt Dũng, Vũ Ngọc Hà... - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2026. - 319 tr. : bảng ; 21 cm. - 300b

ĐTTS ghi: Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh. - Thư mục: tr. 309-313 s638535

562. Xây dựng Quân đội nhân dân Việt Nam tinh, gọn, mạnh - Giá trị, ý nghĩa và định hướng / Nguyễn Xuân Thắng, Nguyễn Văn Thành, Trịnh Văn Quyết... ; B.s.: Trần Việt Khoa... - H. : Quân đội nhân dân. - 27 cm. - 198000đ. - 225b

ĐTTS ghi: Bộ Quốc phòng. Học viện Quốc phòng
T.1. - 2026. - 300 tr. - Thư mục cuối mỗi bài s637532

563. Xây dựng Quân đội nhân dân Việt Nam tinh, gọn, mạnh - Giá trị, ý nghĩa và định hướng / Nguyễn Văn Nghĩa, Bế Xuân Trường, Trần Minh Hưởng... ; B.s.: Trần Việt Khoa... - H. : Quân đội nhân dân. - 27 cm. - 433000đ. - 225b

ĐTTS ghi: Bộ Quốc phòng. Học viện Quốc phòng
T.2. - 2026. - 656 tr. - Thư mục trong chính văn s637533

CÁC VẤN ĐỀ XÃ HỘI VÀ DỊCH VỤ XÃ HỘI

564. Bích Ngọc. Kỹ năng bảo vệ bản thân / Bích Ngọc b.s. - H. : Văn học, 2026. - 57 tr. : tranh màu ; 24 cm. - (Tủ sách Bồi dưỡng kỹ năng sống). - 41000đ. - 3000b s640208

565. Bích Ngọc. Kỹ năng tự thoát hiểm / Bích Ngọc b.s. - H. : Văn học, 2026. - 57 tr. : tranh màu ; 24 cm. - (Tủ sách Bồi dưỡng kỹ năng sống). - 41000đ. - 3000b s640206

566. Dòng sông im lặng : Dành cho lứa tuổi 4+ / Lời: Quỳnh Hương ; Tranh: Bùi Xuân Quỳnh, NGART. - H. : Kim Đồng, 2026. - 27 tr. : tranh màu ; 23 cm. - (Nhà hoạt động môi trường nhí). - 30000đ. - 2000b s637797

567. Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và hoạt động hỗ trợ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt hiện nay : Sách chuyên khảo / Phạm Ngọc Linh, Đặng Vũ Cảnh Linh (ch.b.), Nguyễn Thị Bình... - H. : Khoa học xã hội, 2026. - 368 tr. : bảng, biểu đồ ; 21 cm. - 168000đ. - 200b

ĐTTS ghi: Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh. Học viện Thanh thiếu niên. - Thư mục: tr. 357-368 s640017

568. Đoàn Thị Cúc. Giáo trình Kỹ năng giao tiếp trong công tác xã hội / Đoàn Thị Cúc. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 200 tr. : bảng ; 24 cm. - 176000đ. - 100b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Tân Trào. - Thư mục: tr. 198-199 s639874

569. Giáo trình Chính sách đối với người khuyết tật / Đinh Nguyễn Trang Thu (ch.b.), Nguyễn Xuân Hải, Trần Thị Thiệp, Trần Thị Bích Ngọc. - H. : Đại học Sư phạm, 2026. - 151 tr. : bảng ; 24 cm. - 75000đ. - 1000b

Phụ lục: tr. 139-145. - Thư mục: tr. 146-149 s640794

570. Giáo trình Môi trường và con người / B.s.: Lê Hùng Anh (ch.b.), Nguyễn Thị Lan Bình, Trần Trí Dũng... - Tái bản lần 2 có sửa chữa, bổ sung. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Công nghiệp Tp. Hồ Chí Minh, 2026. - 213 tr. : minh họa ; 24 cm. - 55000đ. - 3000b

Thư mục cuối mỗi chương s640039

571. Hà Mỹ Di. Hồ sơ tâm lý học - Tội ác bất thường hay bản chất con người : 18+ / Hà Mỹ Di ; Từ Khâm dịch. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 165 tr. ; 24 cm. - 129000đ. - 2000b s638370

572. Học viện An ninh nhân dân - 80 năm xây dựng và phát triển / B.s.: Dương Xuân Khiêm, Nguyễn Đình Hoa, Nguyễn Hải Lý... - H. : Công an nhân dân, 2026. - 180 tr. : ảnh, bảng ; 24 cm. - 362b

ĐTTS ghi: Bộ Công an. Học viện An ninh nhân dân. - Lưu hành nội bộ. - Phụ lục: tr. 163-176 s640941

573. Khi cơn bão tới : Dành cho lứa tuổi 4+ / Lời: Quỳnh Hương ; Tranh: Bùi Xuân Quỳnh, NGART. - H. : Kim Đồng, 2026. - 31 tr. : tranh màu ; 23 cm. - (Nhà hoạt động môi trường nhí). - 30000đ. - 2000b s637798

574. Lịch sử lực lượng Quản lý xuất nhập cảnh (1953 - 2023) / B.s.: Nguyễn Hữu Quang, Phạm Tất Thành, Bùi Thị Nhung... - H. : Công an nhân dân, 2026. - 376 tr. ; 24 cm. - 312b

ĐTTS ghi: Bộ Công an. Cục Quản lý xuất nhập cảnh. - Lưu hành nội bộ. - Thư mục: tr. 360-371 s638589

575. Lực lượng Tham mưu Công an nhân dân thành phố Hà Nội - 80 năm Truyền thống lịch sử và phát triển (1946 - 2026) / B.s.: Đội Pháp chế và Quản lý khoa học, Đội Tham mưu Tổng hợp. - H. : Công an nhân dân, 2026. - 344 tr. : ảnh màu ; 24 cm. - 400b

ĐTTS ghi: Công an thành phố Hà Nội. - Lưu hành nội bộ s638590

576. Mã Ngọc Thê. Giáo trình Dự án trong công tác xã hội / Mã Ngọc Thê. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 172 tr. : bảng ; 24 cm. - 160000đ. - 100b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Tân Trào. - Thư mục: tr. 104. - Phụ lục: tr. 105-171 s639873

577. Nguyễn Kim Hoàng. Biên niên lịch sử Trại giam Xuân Hà - 30 năm xây dựng và phát triển (01/6/1996 - 01/6/2026) / B.s.: Nguyễn Kim Hoàng, Hoàng Anh Sáng, Nguyễn Thị Hiền. - H. : Công an nhân dân, 2026. - 248 tr. : ảnh màu ; 24 cm. - 412b

ĐTTS ghi: Bộ Công an. Cục Cảnh sát quản lý trại giam, cơ sở giáo dục bắt buộc, trường giáo dưỡng. Trại giam Xuân Hà. - Phụ lục: tr. 181-243 s640959

578. Nguyễn Thị Bắc Thái. Kiến thức an toàn - Biết thoát hiểm và bảo vệ bản thân : Kỹ năng sinh tồn thông minh của trẻ em / Nguyễn Thị Bắc Thái b.s. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2026. - 111 tr. : tranh vẽ ; 19 cm. - 40000đ. - 3000b s638231

579. Nguyễn Thị Thùy Trang. Hợp tác khu vực ứng phó với biến đổi khí hậu - Hành trình của ASEAN : Sách chuyên khảo / Nguyễn Thị Thùy Trang. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2026. - 234 tr. : bảng ; 24 cm. - 120000đ. - 100b

ĐTTS ghi: Đại học Quốc gia Hà Nội. Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn. - Thư mục: tr. 209-232 s638576

580. Nguyễn Xuân Lộc. Giáo trình Cơ sở biến đổi khí hậu / Nguyễn Xuân Lộc (ch.b.), Lê Anh Tuấn. - Cần Thơ : Đại học Cần Thơ, 2026. - 268 tr. : minh họa ; 24 cm. - 100000đ. - 300b
Thư mục cuối mỗi chương s638274

581. Quiz! Khoa học kì thú: Khoa học điều tra : Dành cho lứa tuổi 6+ / Tranh, lời: An Kwang Hyeon ; Sun Tzô dịch. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Kim Đồng, 2026. - 185 tr. : tranh màu ; 21 cm. - (Tủ sách Bổ trợ kiến thức nhà trường). - 75000đ. - 5000b

Tên sách tiếng Hàn: 퀴즈! 과학상식 38. 과학수사 s637702

582. Sách hướng dẫn môn Nguyên lý bảo hiểm / B.s.: Nguyễn Việt Hồng Anh (ch.b.), Phạm Thanh Truyền, Nguyễn Trần Xuân Linh... - H. : Hồng Đức, 2026. - 217 tr. : bảng ; 21 cm. - 74000đ. - 1000b

ĐTTS ghi: Bộ Tài chính. Trường Đại học Tài chính - Marketing. - Thư mục cuối mỗi chương. - Phụ lục: tr. 207-217 s640911

583. Tài liệu nghiệp vụ kỹ thuật hình sự dành cho Công an cấp xã / B.s.: Lê Xuân Cường (ch.b.), Đặng Văn Đoàn, Trịnh Tuấn Toàn... - H. : Công an nhân dân, 2026. - 368 tr. : minh họa ; 21 cm. - 20012b

ĐTTS ghi: Bộ Công an. Viện Khoa học hình sự. - Lưu hành nội bộ. - Thư mục: tr. 358-360 s640908

584. Trịnh Phương Ngọc. Giáo trình Môi trường và con người / Trịnh Phương Ngọc. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 203 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 178000đ. - 100b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Tân Trào. - Thư mục: tr. 203 s639875

585. Võ Hoàng Tùng. Tái chế chất thải / Võ Hoàng Tùng, Lã Đức Dương ; Nguyễn Thị Hoài Phương h.đ. - Hải Phòng : Nxb. Hàng hải, 2026. - 140 tr. : minh họa ; 25 cm. - 108000đ. - 20b

Thư mục: tr. 136-140 s640026

GIÁO DỤC

586. Akihiro Shimizu. Học chủ động, thành công chủ động / Akihiro Shimizu, Naoki Yao ; Thu Hằng dịch. - H. : Kim Đồng, 2026. - 219 tr. : hình vẽ, bảng ; 21 cm. - 75000đ. - 2000b s637710

587. Âm nhạc 1 / Đỗ Thị Minh Chính (tổng ch.b.), Mai Linh Chi, Nguyễn Thị Phương Mai... - Tái bản lần thứ 6. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 55 tr. : bảng, tranh màu ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 7000đ. - 483400b s638875

588. Âm nhạc 2 / Hoàng Long, Đỗ Thị Minh Chính (tổng ch.b.), Nguyễn Thị Thanh Bình... - Tái bản lần thứ 5. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 60 tr. : bảng, tranh màu ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 7500đ. - 428800b s638876

589. Âm nhạc 3 / Hoàng Long, Đỗ Thị Minh Chính (tổng ch.b.), Nguyễn Thị Thanh Bình (ch.b.)... - Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 63 tr. : bảng, tranh màu ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 7900đ. - 201896b s638877

590. Âm nhạc 5 / Đỗ Thị Minh Chính (tổng ch.b.), Nguyễn Thị Thanh Bình (ch.b.), Mai Linh Chi... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 75 tr. : minh họa ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 8500đ. - 389400b s638878

591. Âm nhạc STEAM lớp 2 / Đặng Khánh Nhật, Mai Linh Chi, Vũ Thanh Thủy, Trần Ngọc Tú. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 68 tr. : minh họa ; 27 cm. - 33000đ. - 5000b s638883

592. Âm nhạc STEAM lớp 3 / Đặng Khánh Nhật, Mai Linh Chi, Vũ Thanh Thủy, Trần Ngọc Tú. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 68 tr. : minh họa ; 27 cm. - 33000đ. - 5000b s638884

593. Âm nhạc STEAM lớp 4 / Đặng Khánh Nhật, Mai Linh Chi, Vũ Thanh Thủy, Trần Ngọc Tú. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 76 tr. : minh họa ; 27 cm. - 37000đ. - 5000b s638885

594. Âm nhạc STEAM lớp 5 / Đặng Khánh Nhật, Mai Linh Chi, Vũ Thanh Thủy, Trần Ngọc Tú. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 76 tr. : minh họa ; 27 cm. - 37000đ. - 5000b s638886

595. 35 đề ôn luyện Tiếng Việt 3 / Dương Thị Hương (ch.b.), Nguyễn Hoàng Anh, Vũ Thị Lan, Nguyễn Thu Phương. - Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 100 tr. : minh họa ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 45000đ. - 8000b s639406

596. 35 đề ôn luyện Tiếng Việt 4 / Dương Thị Hương (ch.b.), Vũ Huy Kiếm, Nguyễn Thu Phương. - Tái bản lần thứ 2, có chỉnh lí. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 28000đ. - 8000b

T.1. - 2026. - 51 tr. : bảng s639338

597. 35 đề ôn luyện Tiếng Việt 4 / Dương Thị Hương (ch.b.), Nguyễn Hoàng Anh, Nguyễn Thu Phương. - Tái bản lần thứ 2, có chỉnh lí. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 28000đ. - 8000b

T.2. - 2026. - 56 tr. : minh họa s639339

598. 35 đề ôn luyện Toán 2 / Lê Anh Vinh (ch.b.), Nguyễn Áng, Phùng Như Thụy. - Tái bản lần thứ 5. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 99 tr. : minh họa ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 47000đ. - 10000b s639041

599. 35 đề ôn luyện Toán 4 / Lê Anh Vinh (ch.b.), Nguyễn Minh Hải, Bùi Bá Mạnh, Phùng Như Thụy. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 32000đ. - 10000b

T.1. - 2026. - 63 tr. : hình vẽ, bảng s639042

600. 35 đề ôn luyện Toán 5 / Lê Anh Vinh (ch.b.), Nguyễn Áng, Nguyễn Minh Hải, Bùi Bá Mạnh. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 32000đ. - 10000b

T.2. - 2026. - 64 tr. : hình vẽ, bảng s639043

601. Bác Hồ và những bài học về đạo đức, lối sống dành cho học sinh lớp 1 : Thầy cô, cha mẹ hỗ trợ - hướng dẫn cho học sinh đọc và học / Nguyễn Văn Tùng (ch.b.), Đoàn Thị Thúy Hạnh, Võ Thanh Hà. - Tái bản lần thứ 8. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 32 tr. : tranh màu ; 27 cm. - 23000đ. - 30000b s638887

602. Bác Hồ và những bài học về đạo đức, lối sống dành cho học sinh lớp 2 / Nguyễn Văn Tùng ch.b. - Tái bản lần thứ 11. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 31 tr. : bảng, tranh vẽ ; 27 cm. - 23000đ. - 30000b

ĐTTS ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo s638888

603. Bác Hồ và những bài học về đạo đức, lối sống dành cho học sinh lớp 3 / Nguyễn Văn Tùng ch.b. - Tái bản lần thứ 11. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 35 tr. : bảng, tranh vẽ ; 27 cm. - 23000đ. - 30000b

ĐTTS ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo s638889

604. Bác Hồ và những bài học về đạo đức, lối sống dành cho học sinh lớp 4 / Nguyễn Văn Tùng (ch.b.), Nguyễn Quốc Luân. - Tái bản lần thứ 11. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 31 tr. : bảng, tranh vẽ ; 27 cm. - 23000đ. - 30000b

ĐTTS ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo s638890

605. Bác Hồ và những bài học về đạo đức, lối sống dành cho học sinh lớp 5 / Nguyễn Văn Tùng (ch.b.), Phan Thị Hương Giang, Hồ Thị Hương. - Tái bản lần thứ 11. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 36 tr. : bảng, tranh vẽ ; 27 cm. - 23000đ. - 30000b

ĐTTS ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo s638891

606. Bài giảng và hướng dẫn học Toán lớp 3 : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới; Định hướng phát triển năng lực. Dừng kèm SGK: Kết nối tri thức với cuộc sống / Lê Thị Nương. - Tái bản lần 1. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 24 cm. - 65000đ. - 1000b

- T.1. - 2025. - 136 tr. : hình vẽ, bảng s638580
607. Bài học STEM 2 / Tưởng Duy Hải (ch.b.), Trần Bích Ngọc, Lê Thị Thu Huyền... - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 79 tr. : minh họa ; 26 cm. - 33000đ. - 15000b s639601
608. Bài học STEM 3 / Tưởng Duy Hải (ch.b.), Trần Ngọc Bích, Cao Hồng Huệ... - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 83 tr. : minh họa ; 26 cm. - 33000đ. - 15000b s639602
609. Bài tập củng cố kiến thức và phát triển năng lực môn Tiếng Việt 3 / Đặng Khánh Chi, Đặng Thảo Nguyên. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 27 cm. - 31000đ. - 16000b
T.1. - 2026. - 64 tr. : minh họa s638816
610. Bài tập củng cố kiến thức và phát triển năng lực môn Tiếng Việt 3 / Đặng Khánh Chi, Đặng Thảo Nguyên. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 27 cm. - 31000đ. - 16000b
T.2. - 2026. - 60 tr. : minh họa s638817
611. Bài tập củng cố kiến thức và phát triển năng lực môn Tiếng Việt 4 / Nguyễn Thị Thu Thủy (ch.b.), Nguyễn Thị Phương Thảo, Nguyễn Thị Chinh... - Tái bản lần 1. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 27 cm. - 31000đ. - 16000b
T.1. - 2026. - 72 tr. : minh họa s638818
612. Bài tập củng cố kiến thức và phát triển năng lực môn Tiếng Việt 5 / Nguyễn Thị Dung, Nguyễn Quỳnh Hoa, Nguyễn Thanh Huyền, Nguyễn Bích Liên. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 27 cm. - 31000đ. - 16000b
T.1. - 2026. - 68 tr. : minh họa s638819
613. Bài tập củng cố kiến thức và phát triển năng lực môn Tiếng Việt 5 / Nguyễn Thị Dung, Nguyễn Quỳnh Hoa, Nguyễn Thanh Huyền, Nguyễn Bích Liên. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 27 cm. - 31000đ. - 16000b
T.2. - 2026. - 68 tr. : minh họa s638820
614. Bài tập củng cố kiến thức và phát triển năng lực môn Toán 3 / Trần Thúy Nga (ch.b.), Phạm Thị Hải Châu, Phạm Thị Hồng Hạnh. - Tái bản lần 1. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 27 cm. - 31000đ. - 16000b
T.2. - 2026. - 59 tr. : minh họa s638836
615. Bài tập củng cố kiến thức và phát triển năng lực môn Toán 4 / Trần Thúy Nga (ch.b.), Phạm Thị Hải Châu, Phạm Thị Hồng Hạnh. - Tái bản lần 1. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 27 cm. - 31000đ. - 16000b
T.1. - 2026. - 56 tr. : minh họa s638837
616. Bài tập củng cố kiến thức và phát triển năng lực môn Toán 5 / Nguyễn Đỗ Chiến, Dương Tiến Tài, Nguyễn Thị Hồng Phương... - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 27 cm. - 31000đ. - 16000b
T.2. - 2026. - 72 tr. : minh họa s638838
617. Bài tập hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 11 / Nguyễn Thanh Bình (ch.b.), Lê Văn Cầu, Dương Thị Thu Hà... - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 63 tr. : bảng, sơ đồ ; 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 12000đ. - 4000b s639755
618. Bài tập phát triển năng lực môn Tiếng Việt lớp 1 : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới. Dùng cho buổi học thứ hai trong ngày / Lê Phương Nga (ch.b.), Thạch Thị Lan Anh. - H. : Đại học Sư phạm. - 27 cm. - 26000đ. - 4500b
T.1. - 2026. - 48 tr. : minh họa s638693

619. Bài tập phát triển năng lực môn Tiếng Việt lớp 1 : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới. Dùng cho buổi học thứ hai trong ngày / Lê Phương Nga (ch.b.), Thạch Thị Lan Anh.
- H. : Đại học Sư phạm. - 27 cm. - 26000đ. - 5000b
T.2. - 2026. - 47 tr. : minh họa s638694

620. Bài tập phát triển năng lực môn Tiếng Việt lớp 2 : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới. Dùng cho buổi học thứ hai trong ngày / Đỗ Xuân Thảo (ch.b.), Phan Thị Hồ Điệp.
- H. : Đại học Sư phạm. - 27 cm. - 26000đ. - 5000b
T.1. - 2026. - 68 tr. : minh họa s638685

621. Bài tập phát triển năng lực môn Tiếng Việt lớp 2 : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới. Dùng cho buổi học thứ hai trong ngày / Đỗ Xuân Thảo (ch.b.), Trần Thị Hiền Lương, Xuân Thị Nguyệt Hà. - H. : Đại học Sư phạm. - 27 cm. - 26000đ. - 4000b
T.2. - 2026. - 63 tr. : minh họa s638686

622. Bài tập phát triển năng lực môn Tiếng Việt lớp 3 : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới. Dùng cho buổi học thứ hai trong ngày / Đỗ Xuân Thảo (ch.b.), Phan Thị Hồ Điệp, Xuân Thị Nguyệt Hà. - H. : Đại học Sư phạm. - 27 cm. - 26000đ. - 5000b
T.1. - 2026. - 75 tr. : minh họa s638687

623. Bài tập phát triển năng lực môn Tiếng Việt lớp 3 : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới. Dùng cho buổi học thứ hai trong ngày / Đỗ Xuân Thảo (ch.b.), Phan Thị Hồ Điệp, Xuân Thị Nguyệt Hà. - H. : Đại học Sư phạm. - 27 cm. - 26000đ. - 5000b
T.2. - 2026. - 71 tr. : minh họa s638688

624. Bài tập phát triển năng lực môn Tiếng Việt lớp 4 : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới. Dùng cho buổi học thứ hai trong ngày / Đỗ Xuân Thảo (ch.b.), Phan Thị Hồ Điệp, Xuân Thị Nguyệt Hà. - H. : Đại học Sư phạm. - 27 cm. - 30000đ. - 5000b
T.1. - 2026. - 87 tr. : minh họa s638689

625. Bài tập phát triển năng lực môn Tiếng Việt lớp 4 : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới. Dùng cho buổi học thứ hai trong ngày / Đỗ Xuân Thảo (ch.b.), Phan Thị Hồ Điệp, Xuân Thị Nguyệt Hà. - H. : Đại học Sư phạm. - 27 cm. - 30000đ. - 5000b
T.2. - 2026. - 80 tr. : minh họa s638690

626. Bài tập phát triển năng lực môn Tiếng Việt lớp 5 : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới. Dùng cho buổi học thứ hai trong ngày / Đỗ Xuân Thảo (ch.b.), Phan Thị Hồ Điệp, Xuân Thị Nguyệt Hà. - H. : Đại học Sư phạm. - 27 cm. - 30000đ. - 5000b
T.1. - 2026. - 88 tr. : minh họa s638691

627. Bài tập phát triển năng lực môn Tiếng Việt lớp 5 : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới. Dùng cho buổi học thứ hai trong ngày / Đỗ Xuân Thảo (ch.b.), Phan Thị Hồ Điệp, Xuân Thị Nguyệt Hà. - H. : Đại học Sư phạm. - 27 cm. - 30000đ. - 5000b
T.2. - 2026. - 79 tr. : minh họa s638692

628. Bài tập phát triển năng lực môn Toán lớp 1 : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới. Dùng cho buổi học thứ hai trong ngày / Đỗ Tiến Đạt (tổng ch.b.), Trần Thúy Nga (ch.b.), Nguyễn Hoài Anh... - H. : Đại học Sư phạm. - 27 cm. - 26000đ. - 3500b
T.1. - 2026. - 64 tr. : hình vẽ, bảng s638695

629. Bài tập phát triển năng lực môn Toán lớp 1 : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới. Dùng cho buổi học thứ hai trong ngày / Đỗ Tiến Đạt (tổng ch.b.), Trần Thúy Nga (ch.b.), Nguyễn Hoài Anh... - H. : Đại học Sư phạm. - 27 cm. - 26000đ. - 4500b
T.2. - 2026. - 60 tr. : hình vẽ, bảng s638696

630. Bài tập phát triển năng lực môn Toán lớp 5 : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới. Dùng cho buổi học thứ hai trong ngày / Đỗ Tiến Đạt (tổng ch.b.), Trần Thúy Nga (ch.b.), Nguyễn Hoài Anh... - H. : Đại học Sư phạm. - 27 cm. - 30000đ. - 5000b

T.1. - 2026. - 84 tr. : minh họa s638697

631. Bài tập phát triển năng lực môn Toán lớp 5 : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới. Dùng cho buổi học thứ hai trong ngày / Đỗ Tiến Đạt (tổng ch.b.), Trần Thúy Nga (ch.b.), Nguyễn Hoài Anh... - H. : Đại học Sư phạm. - 27 cm. - 30000đ. - 5000b

T.2. - 2026. - 84 tr. : minh họa s638698

632. Bài tập Tiếng Anh lớp 3 : Có đáp án : Biên soạn theo sách giáo khoa Tiếng Anh Global Success / Bùi Văn Vinh (ch.b.), Thái Văn Anh, Nguyễn Thị Phương Anh, Dương Thị Hồng Diệp. - H. : Nxb. Hà Nội. - 27 cm. - (Tủ sách Học tốt Tiếng Anh)(Global Success). - 82000đ. - 2500b

T.1. - 2026. - 151 tr. : hình vẽ, bảng s638745

633. Bài tập Tiếng Anh lớp 3 : Có đáp án : Biên soạn theo sách giáo khoa Tiếng Anh Global Success / Bùi Văn Vinh (ch.b.), Thái Văn Anh, Nguyễn Thị Phương Anh, Dương Thị Hồng Diệp. - H. : Nxb. Hà Nội. - 27 cm. - (Tủ sách Học tốt Tiếng Anh)(Global Success). - 75000đ. - 2500b

T.2. - 2026. - 138 tr. : hình vẽ, bảng s638746

634. Bài tập Tiếng Việt 1 : Sách thực nghiệm : Dùng cho học sinh phổ thông nước CHDCND Lào - Trình độ A1 / Hoàng Hòa Bình (ch.b.), Nguyễn Khánh Hà, Nguyễn Thị Phương Thảo, Lê Thị Đoàn Trang. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 92 tr. : hình vẽ, tranh màu ; 27 cm. - 200b

ĐTTS ghi: Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam s639312

635. Bài tập Tiếng Việt 2 : Sách thực nghiệm : Dùng cho học sinh phổ thông nước CHDCND Lào - Trình độ A1 / Hoàng Hòa Bình (ch.b.), Cao Việt Hà, Nguyễn Khánh Hà... - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 104 tr. : minh họa ; 27 cm. - 200b

ĐTTS ghi: Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam s639313

636. Bài tập Tiếng Việt 3 : Sách thực nghiệm : Dùng cho học sinh phổ thông nước CHDCND Lào - Trình độ A1 / Trần Thị Hiền Lương (ch.b.), Nguyễn Khánh Hà, Nguyễn Thị Kim Oanh... - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 76 tr. : bảng, tranh vẽ ; 27 cm. - 200b

ĐTTS ghi: Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam s639314

637. Bài tập Tiếng Việt 4 : Sách thực nghiệm : Dùng cho học sinh phổ thông nước CHDCND Lào - Trình độ A1 / Trần Thị Hiền Lương (ch.b.), Nguyễn Khánh Hà, Nguyễn Thị Kim Oanh... - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 68 tr. : bảng, tranh vẽ ; 27 cm. - 200b

ĐTTS ghi: Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam s639315

638. Bài tập Tiếng Việt 5 : Sách thực nghiệm : Dùng cho học sinh phổ thông nước CHDCND Lào - Trình độ A1 / Trần Thị Hiền Lương (ch.b.), Nguyễn Khánh Hà, Nguyễn Thị Kim Oanh... - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 68 tr. : bảng, tranh vẽ ; 27 cm. - 200b

ĐTTS ghi: Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam s639316

639. Bài tập Toán nâng cao lớp 4 : Mở rộng kiến thức sách giáo khoa / Trần Thị Kim Cương. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 195 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 80000đ. - 3000b s638729

640. Bé chơi và làm quen với chữ cái : Tăng cường tiếng Việt cho trẻ mẫu giáo 3 - 4 tuổi vùng dân tộc thiểu số / Nguyễn Minh Thảo, Đỗ Thị Lan Thư. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 31 tr. : tranh vẽ ; 24 cm. - 13500đ. - 5000b s639653

641. Bé chơi và làm quen với chữ cái : Tăng cường tiếng Việt cho trẻ mẫu giáo 4 - 5 tuổi vùng dân tộc thiểu số / Nguyễn Minh Thảo, Đỗ Thị Lan Thư. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 31 tr. : tranh vẽ ; 24 cm. - 13500đ. - 6000b s639654

642. Bé chơi và làm quen với chữ cái : Tăng cường tiếng Việt cho trẻ mẫu giáo 5 - 6 tuổi vùng dân tộc thiểu số / Nguyễn Minh Thảo, Đỗ Thị Lan Thư. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 31 tr. : tranh vẽ ; 24 cm. - 13500đ. - 8000b s639655

643. Bé hoạt động và khám phá chủ đề - Chủ đề Bé lên mẫu giáo : Theo Chương trình Giáo dục mầm non : Dành cho trẻ 24 - 36 tháng tuổi / Nguyễn Thị Hiếu, Nguyễn Thanh Giang. - Tái bản lần thứ 8. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 12 tr. : tranh vẽ ; 19x27 cm. - 7500đ. - 2000b s640544

644. Bé hoạt động và khám phá chủ đề - Chủ đề Bé và các bạn : Theo Chương trình Giáo dục mầm non : Dành cho trẻ 24 - 36 tháng tuổi / Vũ Huyền Trinh, Nguyễn Minh Huyền, Nguyễn Thị Giang. - Tái bản lần thứ 7. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 12 tr. : tranh vẽ ; 19x27 cm. - 7500đ. - 2000b s640540

645. Bé hoạt động và khám phá chủ đề - Chủ đề Các bác, các cô trong nhà trẻ : Theo Chương trình Giáo dục mầm non : Dành cho trẻ 24 - 36 tháng tuổi / Nguyễn Minh Thảo, Vũ Thu Hằng, Nguyễn Thị Giang. - Tái bản lần thứ 7. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 12 tr. : tranh vẽ ; 19x27 cm. - 7500đ. - 2000b s640541

646. Bé hoạt động và khám phá chủ đề - Chủ đề Cây và những bông hoa đẹp : Theo Chương trình Giáo dục mầm non : Dành cho trẻ 24 - 36 tháng tuổi / Nguyễn Minh Thảo, Vũ Huyền Trinh. - Tái bản lần thứ 8. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 12 tr. : tranh vẽ ; 19x27 cm. - 7500đ. - 2000b s640543

647. Bé hoạt động và khám phá chủ đề - Chủ đề Đồ chơi, đồ dùng quen thuộc của bé : Theo Chương trình Giáo dục mầm non : Dành cho trẻ 24 - 36 tháng tuổi / Nguyễn Minh Thảo, Vũ Thu Hằng. - Tái bản lần thứ 7. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 12 tr. : tranh vẽ ; 19x27 cm. - 7500đ. - 2000b s640539

648. Bé hoạt động và khám phá chủ đề - Chủ đề Mẹ và những người thân yêu của bé : Theo Chương trình Giáo dục mầm non : Dành cho trẻ 24 - 36 tháng tuổi / Vũ Thu Hằng, Vũ Huyền Trinh. - Tái bản lần thứ 7. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 12 tr. : tranh vẽ ; 19x27 cm. - 7500đ. - 2000b s640538

649. Bé hoạt động và khám phá chủ đề - Chủ đề Ngày Tết và mùa xuân : Theo Chương trình Giáo dục mầm non : Dành cho trẻ 24 - 36 tháng tuổi / Nguyễn Thị Hiếu, Nguyễn Thanh Giang. - Tái bản lần thứ 7. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 12 tr. : tranh vẽ ; 19x27 cm. - 7500đ. - 2000b s640542

650. Bé học chữ cái tiếng Việt - Chữ thường / Vân Hương b.s. - H. : Mỹ thuật. - 24 cm. - (Bé tự tin vào Lớp 1). - 12000đ. - 5000b
T.1. - 2026. - 31 tr. : tranh vẽ s638312

651. Bé học nét cơ bản / Vân Hương b.s. - H. : Mỹ thuật, 2026. - 23 tr. : tranh màu ; 24 cm. - (Bé tự tin bước vào Lớp 1). - 12000đ. - 5000b s638314

652. Bé học Toán : Hành trang cho bé tự tin vào lớp 1 / Thúy Hà, Thanh Hương, Anh Đào. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 79 tr. : tranh màu ; 27 cm. - (Tâm thế vào Lớp 1). - 65000đ. - 5000b s638737

653. Bé khám phá khoa học : Dành cho trẻ 4 - 5 tuổi / Nguyễn Thanh Giang. - Tái bản lần thứ 11. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 28 tr. : minh họa ; 27 cm. - 10500đ. - 40000b s639181

654. Bé khám phá khoa học : Dành cho trẻ 5 - 6 tuổi / Nguyễn Thanh Giang. - Tái bản lần thứ 11. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 31 tr. : minh họa ; 27 cm. - 11500đ. - 40000b s639182

655. Bé khám phá khoa học về môi trường xung quanh : Theo Chương trình Giáo dục mầm non : Dành cho trẻ 24 - 36 tháng tuổi / Nguyễn Thị Hằng, Nguyễn Thị Thanh Dung ; Họa sĩ: Đặng Hồng Quân. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 24 tr. : tranh vẽ ; 24 cm. - 12000đ. - 3000b s639661

656. Bé khám phá khoa học về môi trường xung quanh : Theo Chương trình Giáo dục mầm non : Dành cho trẻ 3 - 4 tuổi / Nguyễn Thị Thanh Huyền, Vũ Phương Liên ; Họa sĩ: Nagasawa Group. - Tái bản lần thứ 14. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 28 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - 12000đ. - 17000b s639662

657. Bé khám phá khoa học về môi trường xung quanh : Theo Chương trình Giáo dục mầm non : Dành cho trẻ 4 - 5 tuổi / Nguyễn Thị Thanh Huyền, Vũ Phương Liên ; Họa sĩ: Nagasawa Group. - Tái bản lần thứ 14. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 32 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - 12000đ. - 24000b s639663

658. Bé khám phá khoa học về môi trường xung quanh : Theo Chương trình Giáo dục mầm non : Dành cho trẻ 5 - 6 tuổi / Nguyễn Thị Thanh Huyền, Vũ Phương Liên ; Họa sĩ: Nagasawa Group. - Tái bản lần thứ 14. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 36 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - 12000đ. - 24000b s639664

659. Bé làm quen và tập tô các nét cơ bản : Dành cho trẻ 4 - 5 tuổi / Nguyễn Thị Minh Thảo, Trương Thị Minh Phương. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 31 tr. : hình vẽ ; 27 cm. - 13500đ. - 10000b s639197

660. Bé làm quen với chữ cái : Dành cho lớp mẫu giáo ghép / Hoàng Thị Hoài Thu ; Minh họa: Đặng Hồng Quân, Trần Ngọc Ánh. - Tái bản lần thứ 8. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 38 tr. : tranh vẽ ; 24 cm. - 12500đ. - 200000b s639652

661. Bé làm quen với chữ cái : Dành cho trẻ 4 - 6 tuổi / Huyền Linh. - H. : Văn học, 2026. - 57 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - (Bé tự tin vào lớp Một). - 27000đ. - 10000b s640299

662. Bé làm quen với chữ cái : Biên soạn theo Chương trình Giáo dục mầm non mới : 4 - 5 tuổi / Vân Hương b.s. - H. : Mỹ thuật. - 24 cm. - (Giúp bé vững bước vào Lớp 1). - 12000đ. - 5000b

Q.1. - 2026. - 31 tr. : tranh vẽ s638313

663. Bé làm quen với chữ nhỏ : Dành cho trẻ 4 - 6 tuổi / Huyền Linh. - H. : Văn học, 2026. - 61 tr. ; 24 cm. - (Bé tự tin vào lớp Một). - 27000đ. - 10000b s640306

664. Bé làm quen với chữ số / Vân Hương b.s. - H. : Mỹ thuật, 2026. - 23 tr. : tranh vẽ ; 24 cm. - (Bé tự tin bước vào Lớp 1). - 12000đ. - 5000b s638315

665. Bé làm quen với chữ số : Biên soạn theo Chương trình Giáo dục mầm non mới : 5 - 6 tuổi / Vân Hương b.s. - H. : Mỹ thuật, 2026. - 23 tr. : tranh màu ; 24 cm. - (Giúp bé vững bước vào Lớp 1). - 12000đ. - 5000b s638318

666. Bé làm quen với chữ số : Dành cho trẻ 4 - 6 tuổi / Huyền Linh. - H. : Văn học, 2026. - 45 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - (Bé tự tin vào lớp Một). - 27000đ. - 10000b s640304

667. Bé làm quen với Toán / Huyền Linh. - H. : Văn học, 2026. - 24 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - (Hành trang cho bé vào Lớp 1). - 15000đ. - 10000b s640291

668. Bé làm quen với Toán : Dành cho lớp mẫu giáo ghép / Nguyễn Thị Thanh Dung ; Họa sĩ: Đặng Hồng Quân. - Tái bản lần thứ 8. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 40 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - 12500đ. - 20000b s639636

669. Bé làm quen với Toán : Dành cho trẻ 4 - 6 tuổi / Huyền Linh. - H. : Văn học, 2026. - 45 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - (Bé tự tin vào lớp Một). - 27000đ. - 10000b s640301

670. Bé làm quen với Toán : Dành cho trẻ 5 - 6 tuổi / Nguyễn Thị Thanh Huyền, Nguyễn Thị Phương Thảo. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - (Tủ sách Bé vào Lớp 1). - 8000đ. - 7000b

Q.2: Màu sắc, hình dạng. - 2026. - 23 tr. : hình vẽ s639641

671. Bé làm quen với Toán : Dành cho trẻ 5 - 6 tuổi / Nguyễn Thị Thanh Huyền, Nguyễn Thị Phương Thảo. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - (Tủ sách Bé vào Lớp 1). - 8000đ. - 8000b

Q.3: Thêm - Bớt, Tách - Gộp. - 2026. - 23 tr. : hình vẽ s639642

672. Bé làm quen với Toán : Dành cho trẻ 5 - 6 tuổi / Nguyễn Thị Thanh Huyền, Nguyễn Thị Phương Thảo. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - (Tủ sách Bé vào Lớp 1). - 8000đ. - 5000b

Q.4: So sánh. - 2026. - 23 tr. : hình vẽ s639643

673. Bé làm quen với Toán : Dành cho trẻ 5 - 6 tuổi / Nguyễn Thị Thanh Huyền, Nguyễn Thị Phương Thảo. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - (Tủ sách Bé vào Lớp 1). - 8000đ. - 3000b

Q.5: Các hoạt động phát triển trí tuệ, tư duy logic. - 2026. - 23 tr. : hình vẽ s639644

674. Bé làm quen với Toán học : Biên soạn theo Chương trình Giáo dục mầm non : 5 - 6 tuổi / Vân Hương b.s. - H. : Mỹ thuật, 2026. - 23 tr. : tranh vẽ ; 24 cm. - (Giúp bé vững bước vào Lớp 1). - 12000đ. - 5000b s638316

675. Bé làm quen với Toán học : Biên soạn theo Chương trình Giáo dục mầm non mới : 4 - 5 tuổi / Vân Hương b.s. - H. : Mỹ thuật, 2026. - 23 tr. : tranh vẽ ; 24 cm. - (Giúp bé vững bước vào Lớp 1). - 12000đ. - 5000b s638317

676. Bé nhận biết chữ cái và tập tô các nét cơ bản : Dành cho trẻ 4 - 5 tuổi / Hoàng Thị Nho, Phùng Thị Ngọc Oanh ; Họa sĩ: Đặng Hồng Quân. - Tái bản lần thứ 10. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 36 tr. : tranh vẽ ; 24 cm. - 12500đ. - 15000b s639650

677. Bé nhận biết chữ cái và tập tô các nét cơ bản : Dành cho trẻ 5 - 6 tuổi / Hoàng Thị Nho, Phùng Thị Ngọc Oanh ; Họa sĩ: Đặng Hồng Quân. - Tái bản lần thứ 10. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 36 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - 12500đ. - 36000b s639649

678. Bé tập đọc và tập viết : Làm quen với mẫu chữ cái : Dành cho trẻ chuẩn bị vào Lớp 1 / Lê Tuệ Minh, Lê Thu Ngọc. - In lần thứ 15. - H. : Đại học Sư phạm, 2026. - 23 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - (Tủ sách Bé vào lớp Một). - 10000đ. - 10000b s638528

679. Bé tập làm thủ công theo chủ đề : Theo Chương trình Giáo dục mầm non : Dành cho trẻ 3 - 4 tuổi / Nguyễn Thị Hiếu. - Tái bản lần thứ 13. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 20 tr. : tranh vẽ ; 19x27 cm. - 8500đ. - 15000b s640533

680. Bé tập làm thủ công theo chủ đề : Theo Chương trình Giáo dục mầm non : Dành cho trẻ 4 - 5 tuổi / Nguyễn Thị Hiếu. - Tái bản lần thứ 13. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 24 tr. : tranh vẽ ; 19x27 cm. - 9000đ. - 15000b s640532

681. Bé tập làm thủ công theo chủ đề : Theo Chương trình Giáo dục mầm non : Dành cho trẻ 5 - 6 tuổi / Nguyễn Thị Hiếu. - Tái bản lần thứ 13. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 32 tr. : tranh vẽ ; 19x27 cm. - 11500đ. - 10000b s640531

682. Bé tập tạo hình : Dành cho lớp mẫu giáo ghép / Trương Thị Hiền ; Họa sĩ: Nagasawa. - Tái bản lần thứ 8. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 40 tr. : tranh vẽ ; 19x27 cm. - 13000đ. - 20000b s640527

683. Bé tập tô các nét cơ bản : Dành cho trẻ 3 - 4 tuổi / Hoàng Thị Nho, Phùng Thị Ngọc Oanh ; Họa sĩ: Đặng Hồng Quân. - Tái bản lần thứ 11. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 24 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - 12500đ. - 5000b s639648

684. Bé tập tô và tập ghép vần 1 : Dành cho trẻ chuẩn bị vào lớp 1 / Lê Tuệ Minh, Lê Thu Ngọc. - In lần thứ 15. - H. : Đại học Sư phạm. - 24 cm. - (Tủ sách Bé vào lớp Một). - 10000đ. - 10000b

T.1. - 2026. - 23 tr. : tranh màu s638566

685. Bé tập tô, tập viết chữ to : Phiên bản mới : Dành cho trẻ em 4 - 6 tuổi / Thanh Hương. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 87 tr. : tranh màu ; 27 cm. - (Bé tự tin vào Lớp 1)(Hành trang cho bé chuẩn bị vào Lớp 1). - 80000đ. - 5000b s638789

686. Bé tập vẽ, tập tô màu theo chủ đề : Theo Chương trình Giáo dục mầm non : Dành cho trẻ 3 - 4 tuổi / Nguyễn Thị Hiếu. - Tái bản lần thứ 13. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 23 tr. : tranh vẽ ; 19x27 cm. - 9000đ. - 6000b s640530

687. Bé tập vẽ, tập tô màu theo chủ đề : Theo Chương trình Giáo dục mầm non : Dành cho trẻ 4 - 5 tuổi / Nguyễn Thị Hiếu. - Tái bản lần thứ 13. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 23 tr. : tranh vẽ ; 19x27 cm. - 9000đ. - 10000b s640529

688. Bé tập vẽ, tập tô màu theo chủ đề : Theo Chương trình Giáo dục mầm non : Dành cho trẻ 5 - 6 tuổi / Nguyễn Thị Hiếu. - Tái bản lần thứ 12. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 23 tr. : tranh vẽ ; 19x27 cm. - 9000đ. - 8000b s640528

689. Bé tập viết : Dành cho trẻ chuẩn bị vào lớp một / Nguyễn Như Quỳnh b.s. - H. : Nxb. Hà Nội. - 24 cm. - 17000đ. - 6000b

T.1. - 2026. - 39 tr. s638418

690. Bé tập viết chữ và số : Tập viết theo nhóm chữ, nét cơ bản, 29 chữ cái, 11 chữ ghép, 10 số : Dành cho trẻ 5 - 6 tuổi / Thúy Hà, Thanh Hương. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 48 tr. ; 27 cm. - (Bé tự tin vào Lớp 1). - 38000đ. - 5000b s638790

691. Bé tô màu và học tiếng Anh theo chủ đề: Các loài chim : Dành cho học sinh mầm non / ABBooks. - Thanh Hóa : Nxb. Thanh Hóa, 2026. - 16 tr. : tranh vẽ ; 27 cm. - (Bé thỏa sức sáng tạo phát triển IQ - EQ - CQ). - 12000đ. - 10000b s638682

692. Bé tô màu và học tiếng Anh theo chủ đề: Động vật biển : Dành cho học sinh mầm non / ABBooks. - Thanh Hóa : Nxb. Thanh Hóa, 2026. - 16 tr. : tranh vẽ ; 27 cm. - (Bé thỏa sức sáng tạo phát triển IQ - EQ - CQ). - 12000đ. - 10000b s638683

693. Bé với 5 điều Bác Hồ dạy : Dành cho trẻ 3 - 4 tuổi / Nguyễn Bá Minh, Lý Thị Hằng, Cao Thị Hồng Nhung. - Tái bản lần thứ 7. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 24 tr. : ảnh, tranh vẽ ; 27 cm. - 18000đ. - 15000b

ĐTTS ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo. Vụ Giáo dục Mầm non s639185

694. Bé với 5 điều Bác Hồ dạy : Dành cho trẻ 4 - 5 tuổi / Nguyễn Bá Minh, Lý Thị Hằng, Cao Thị Hồng Nhung. - Tái bản lần thứ 7. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 23 tr. : ảnh, tranh vẽ ; 27 cm. - 18000đ. - 20000b

ĐTTS ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo. Vụ Giáo dục Mầm non s639186

695. Bé với 5 điều Bác Hồ dạy : Dành cho trẻ 5 - 6 tuổi / Nguyễn Bá Minh, Lý Thị Hằng, Cao Thị Hồng Nhung. - Tái bản lần thứ 7. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 27 tr. : tranh vẽ ; 27 cm. - 18000đ. - 20000b

ĐTTS ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo. Vụ Giáo dục Mầm non s639187

696. Bộ đề kiểm tra môn Tiếng Việt lớp 1 : Biên soạn theo Chương trình Sách giáo khoa mới / Phạm Thị Kim Chi. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2026. - 96 tr. : hình vẽ ; 27 cm. - 45000đ. - 1000b s637560

697. Bộ đề kiểm tra môn Tiếng Việt lớp 3 : Biên soạn theo Chương trình Sách giáo khoa mới / Phạm Thị Kim Chi. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2026. - 147 tr. ; 27 cm. - 65000đ. - 1000b s637561

698. Bộ đề kiểm tra môn Tiếng Việt lớp 3 : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới / Lê Thị Nương. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2026. - 136 tr. : bảng ; 24 cm. - 58000đ. - 1500b s640774

699. Bộ đề luyện thi Violympic Trạng nguyên Tiếng Việt trên Internet lớp 3 / Phạm Huy Hoàng. - Tái bản lần 2. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2026. - 160 tr. ; 24 cm. - 78000đ. - 1500b s638581

700. Bộ đề ôn tập hè Tiếng Việt lớp 3 lên lớp 4 : Biên soạn theo Chương trình Sách giáo khoa mới. Phiên bản đặc biệt 5.0 - Dùng cho các bộ sách / Vũ Ngọc Hân, Nguyễn Thị Hạnh, Nguyễn Thị Thu Hà. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 80 tr. : minh họa ; 27 cm. - 65000đ. - 15000b s638796

701. Bồi dưỡng kĩ năng giải Toán lớp 4 : Kiến thức trọng tâm. Bài tập rèn luyện theo từng chủ đề... / Trần Ngọc Bích (ch.b.), Đoàn Thị Minh Thái. - H. : Đại học Sư phạm, 2026. - 211 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 145000đ. - 2000b s638702

702. Bồi dưỡng theo chuyên đề Toán 5 : Các bài toán lí thú bồi dưỡng học sinh giỏi : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới / Nguyễn Văn Nho. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2026. - 160 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 69000đ. - 1500b s640783

703. Bồi dưỡng Tiếng Việt lớp 3 : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới / Lê Phương Liên. - H. : Đại học Sư phạm, 2026. - 152 tr. : minh họa ; 24 cm. - 65000đ. - 1500b s638277

704. Bồi dưỡng Toán lớp 3 : Theo Chương trình Tiểu học mới. Định hướng phát triển năng lực / Nguyễn Đức Tấn, Tô Thị Yến. - H. : Đại học Sư phạm. - 24 cm. - 52000đ. - 1500b T.2. - 2026. - 116 tr. : hình vẽ, bảng s640801

705. Các hoạt động giáo dục giới : Dành cho trẻ 4 - 5 tuổi / Vũ Thị Huyền Trang, Vũ Thị Thu Hằng, Đặng Thị Trang. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 19 tr. : hình vẽ, tranh màu ; 27 cm. - 11000đ. - 5000b s639188

706. Các hoạt động giáo dục giới : Dành cho trẻ 5 - 6 tuổi / Vũ Thị Huyền Trang, Vũ Thị Thu Hằng, Đặng Thị Trang. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 19 tr. : hình vẽ, tranh màu ; 27 cm. - 11000đ. - 10000b s639189

707. Các hoạt động giáo dục tình cảm, kĩ năng xã hội : Trẻ 24 - 36 tháng tuổi / Cao Thị Hồng Nhung, Lương Thị Bình. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 16 tr. : tranh vẽ ; 27 cm. - 9000đ. - 10000b s639009

708. Các hoạt động giáo dục tình cảm, kĩ năng xã hội : Trẻ 3 - 4 tuổi / Cao Thị Hồng Nhung, Lương Thị Bình. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 24 tr. : tranh vẽ ; 27 cm. - 13000đ. - 15000b s639010

709. Các hoạt động giáo dục tình cảm, kĩ năng xã hội : Trẻ 3 - 4 tuổi / Cao Thị Hồng Nhung, Lương Thị Bình. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 24 tr. : tranh vẽ ; 27 cm. - 13000đ. - 15000b s639011

710. Các hoạt động giáo dục tình cảm, kỹ năng xã hội : Trẻ 4 - 5 tuổi / Cao Thị Hồng Nhung, Lương Thị Bình. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 24 tr. : tranh vẽ ; 27 cm. - 13000đ. - 35000b s639012

711. Các hoạt động giáo dục tình cảm, kỹ năng xã hội : Trẻ 5 - 6 tuổi / Cao Thị Hồng Nhung, Lương Thị Bình. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 24 tr. : tranh vẽ ; 27 cm. - 13000đ. - 40000b s639013

712. Các hoạt động giúp bé khám phá và tiếp cận công nghệ : Chuẩn bị cho trẻ em 5 tuổi vào học lớp 1. Đáp ứng yêu cầu liên thông Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 : Trẻ 5 - 6 tuổi / Nguyễn Thị Ánh Nguyệt, Phạm Thị Thu Hương. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 28 tr. : hình vẽ, tranh màu ; 27 cm. - (Phát triển nhận thức; Q.2). - 14000đ. - 10000b s639195

713. Các hoạt động giúp bé khám phá và tiếp cận công nghệ : Trẻ 4 - 5 tuổi / Nguyễn Thị Ánh Nguyệt, Phạm Thị Thu Hương. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 28 tr. : hình vẽ, tranh màu ; 27 cm. - 14000đ. - 10000b s639194

714. Các hoạt động giúp bé làm quen với Toán : Chuẩn bị cho trẻ em 5 tuổi vào học lớp 1 : Trẻ 5 - 6 tuổi / Nguyễn Thị Thanh Huyền, Thanh Tâm. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 35 tr. : hình vẽ ; 27 cm. - (Phát triển nhận thức; Q.1). - 16000đ. - 15000b s639146

715. Các hoạt động giúp trẻ 3 - 4 tuổi khám phá chủ đề - Chủ đề Nghề nghiệp : Theo quan điểm lấy trẻ làm trung tâm / Đặng Thanh Thảo, Nguyễn Thị Thắng. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 20 tr. : tranh vẽ ; 19x27 cm. - 10000đ. - 3000b s640545

716. Các hoạt động giúp trẻ 4 - 5 tuổi khám phá chủ đề - Chủ đề Thế giới thực vật : Theo quan điểm lấy trẻ làm trung tâm / Dương Thị Thanh Tình, Đỗ Thị Lan Thư. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 20 tr. : tranh vẽ ; 19x27 cm. - 10000đ. - 3000b s640546

717. Các hoạt động giúp trẻ làm quen với phương tiện và quy định giao thông : Dành cho trẻ 5 - 6 tuổi / Cao Thị Hồng Nhung, Nguyễn Thị Bích Thảo, Phạm Thanh Hoa. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 28 tr. : hình vẽ, tranh màu ; 27 cm. - 15000đ. - 30000b s639183

718. Các hoạt động giúp trẻ làm quen với phương tiện và quy định giao thông : Dành cho trẻ 5 - 6 tuổi / Cao Thị Hồng Nhung, Nguyễn Thị Bích Thảo, Phạm Thanh Hoa. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 28 tr. : hình vẽ, tranh màu ; 27 cm. - 15000đ. - 40000b s639198

719. Các hoạt động tạo hình : Dành cho trẻ 24 - 36 tháng tuổi / Nguyễn Thị Hằng, Đào Thị Mai Hương, Trần Thị Mai Nhi... ; Minh họa: Đặng Hồng Quân, Quỳnh Hoa. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 24 tr. : tranh vẽ ; 19x27 cm. - 9500đ. - 100000b s640534

720. Các hoạt động tạo hình : Dành cho trẻ 3 - 4 tuổi / Nguyễn Thị Hằng, Đào Thị Mai Hương, Trần Thị Mai Nhi... ; Minh họa: Đặng Hồng Quân, Quỳnh Hoa. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 28 tr. : tranh vẽ ; 19x27 cm. - 10500đ. - 65000b s640535

721. Các hoạt động tạo hình : Dành cho trẻ 4 - 5 tuổi / Nguyễn Thị Hằng, Đào Thị Mai Hương, Trần Thị Mai Nhi... ; Minh họa: Đặng Hồng Quân, Quỳnh Hoa. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 32 tr. : tranh vẽ ; 19x27 cm. - 11500đ. - 80000b s640536

722. Các hoạt động tạo hình : Dành cho trẻ 5 - 6 tuổi / Nguyễn Thị Hằng, Đào Thị Mai Hương, Trần Thị Mai Nhi... ; Minh họa: Nguyễn Quang Vinh, Đặng Hồng Quân. - Tái bản lần

thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 36 tr. : tranh vẽ ; 19x27 cm. - 13000đ. - 110000b s640537

723. Công nghệ 3 / Lê Huy Hoàng (tổng ch.b.), Đặng Văn Nghĩa (ch.b.), Dương Giáng Thiên Hương... - Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 63 tr. : minh họa ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 7900đ. - 403300b

Đầu bìa sách ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo s639425

724. Công nghệ 4 / Lê Huy Hoàng (tổng ch.b.), Đặng Văn Nghĩa (ch.b.), Đồng Huy Giới... - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 63 tr. : minh họa ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 7600đ. - 382100b

Đầu bìa sách ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo s639426

725. Công nghệ 5 / Lê Huy Hoàng (tổng ch.b.), Đặng Văn Nghĩa (ch.b.), Dương Giáng Thiên Hương... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 51 tr. : minh họa ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 6300đ. - 400800b

Đầu bìa sách ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo s639427

726. Cùng bé học chữ cái và tập tô chữ : Dành cho trẻ 5 - 6 tuổi / Trần Thị Tuyết Hoa. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - (Bé chuẩn bị vào Lớp 1). - 9500đ. - 15000b

T.1. - 2026. - 31 tr. : hình vẽ s639646

727. Cùng bé học chữ cái và tập tô chữ : Dành cho trẻ 5 - 6 tuổi / Trần Thị Tuyết Hoa. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - (Bé chuẩn bị vào Lớp 1). - 9500đ. - 15000b

T.2. - 2026. - 31 tr. : hình vẽ s639647

728. Cùng bé học Toán : Dành cho bé từ 5 - 6 tuổi / Văn Hương b.s. - H. : Mỹ thuật. - 24 cm. - (Bé tự tin bước vào Lớp 1). - 12000đ. - 5000b

T.1. - 2026. - 23 tr. s638319

729. Cùng bé nhận biết và tập tô chữ số : Dành cho trẻ 5 - 6 tuổi / Trần Thị Tuyết Hoa. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 31 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - (Bé chuẩn bị vào Lớp 1). - 9500đ. - 10000b s639645

730. Cùng em bồi dưỡng ôn hè Tiếng Việt lớp 1 lên lớp 2 : Biên soạn theo bộ sách thống nhất toàn quốc, định hướng phát triển năng lực : Thiết kế theo Chương trình SGK Kết nối tri thức với cuộc sống / Hương Giang, Trung Anh, Thùy Trang. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 64 tr. : minh họa ; 27 cm. - 55000đ. - 20000b s638794

731. Cùng em bồi dưỡng ôn hè Tiếng Việt lớp 4 lên lớp 5 : Biên soạn theo bộ sách thống nhất toàn quốc, định hướng phát triển năng lực : Thiết kế theo Chương trình SGK Kết nối tri thức với cuộc sống / Hương Giang, Trung Anh, Thùy Trang. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 64 tr. : minh họa ; 27 cm. - 55000đ. - 20000b s638795

732. Cùng em bồi dưỡng ôn hè Toán lớp 1 lên lớp 2 : Thiết kế theo Chương trình SGK Kết nối tri thức với cuộc sống : Định hướng phát triển năng lực. Biên soạn theo bộ sách thống nhất toàn quốc / Hương Giang, Trung Anh, Thùy Trang. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 64 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 55000đ. - 20000b s638763

733. Cùng em bồi dưỡng ôn hè Toán lớp 4 lên lớp 5 : Thiết kế theo Chương trình SGK Kết nối tri thức với cuộc sống : Định hướng phát triển năng lực. Biên soạn theo bộ sách thống nhất toàn quốc / Hương Giang, Trung Anh, Thùy Trang. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 64 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 55000đ. - 20000b s638764

734. Cùng em khám phá thơ văn : Dành cho học sinh lớp 2 / Nguyễn Trâm Anh, Ngô Thị Khuyên. - Nghệ An : Nxb. Nghệ An, 2026. - 107 tr. : tranh vẽ ; 24 cm. - 39500đ. - 1000b s639959

735. Cùng em ôn luyện môn Toán lớp 2 : Sách dành cho học sinh lớp 2 / Lê Thị Hồng Gấm, Phạm Thị Dân, Lại Văn Thu. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh. - 27 cm. - 32000đ. - 3000b

Q.2. - 2025. - 96 tr. : hình vẽ, bảng s637630

736. Cùng em ôn luyện môn Toán lớp 5 / Nguyễn Thị Thu Hằng, Lại Văn Thu. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh. - 27 cm. - 40000đ. - 3000b

Q.2. - 2026. - 104 tr. : hình vẽ, bảng s637631

737. Dàn bài Tập làm văn 4 : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới / Lê Phương Liên. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2026. - 128 tr. : bảng ; 24 cm. - 59000đ. - 1500b s640778

738. Dạy học phát triển năng lực trong xu thế toàn cầu hóa / Nguyễn Thanh Thùy (ch.b.), Phạm Thị Yên, Võ Thị Thủy, Vũ Duy Trinh. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh, 2026. - 159 tr. : minh họa ; 24 cm. - 120000đ. - 500b

Thư mục: tr. 157-159 s637518

739. Delors, Jacques. Học tập: Kho báu tiềm ẩn : Báo cáo gửi UNESCO của Ủy ban quốc tế về giáo dục cho thế kỉ XXI / Jacques Delors ; Dịch: Tống Liên Anh, Nguyễn Thị Vân Anh. - H. : Công Thương, 2026. - 356 tr. ; 24 cm. - (Tủ sách Học tập suốt đời). - 209000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Anh: Learning: The treasure within : Report to UNESCO of the International Commission on Education for the twenty-first century. - Phụ lục: tr. 331-355 s637492

740. Dương Hữu Tông. Dạy học phân số ở cấp Tiểu học theo hướng tiếp cận từ lịch sử, chương trình và sách giáo khoa : Sách chuyên khảo / Dương Hữu Tông. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 148 tr. : bảng ; 24 cm. - 100b

Thư mục: tr. 143-147 s639872

741. Đánh giá năng lực, phẩm chất học sinh theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới / Trịnh Thúy Giang, Nguyễn Thị Thanh Hồng, Nguyễn Nam Phương... - H. : Đại học Sư phạm, 2026. - 139 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 75000đ. - 500b

Thư mục: tr. 134-135 s638282

742. Đào Thiện Quốc. Cơ bản về Tài nguyên Giáo dục Mở cho Giáo dục Đại học : Sách tham khảo / Đào Thiện Quốc, Thái Kim Phụng. - H. : Đại học Kinh tế Quốc dân, 2026. - 183 tr. : minh họa ; 24 cm. - 250000đ. - 200b

ĐTTS ghi: Viện Nghiên cứu, Đào tạo và Phát triển Tài nguyên Giáo dục Mở (InOER). - Thư mục: tr. 180-183 s638291

743. Đạo đức 1 / Nguyễn Thị Toan (tổng ch.b.), Trần Thành Nam (ch.b.), Lê Thị Tuyết Mai, Lục Thị Nga. - Tái bản lần thứ 6. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 71 tr. : tranh màu ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 8800đ. - 423500b

Đầu bìa sách ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo s638905

744. Đạo đức 2 / Nguyễn Thị Toan (tổng ch.b.), Trần Thành Nam (ch.b.), Nguyễn Thị Hoàng Anh... - Tái bản lần thứ 5. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 71 tr. : tranh màu ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 8800đ. - 413600b

Đầu bìa sách ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo s638906

745. Đạo đức 3 / Nguyễn Thị Toan (tổng ch.b.), Trần Thành Nam (ch.b.), Nguyễn Thị Hoàng Anh... - Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 67 tr. : minh họa ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 8400đ. - 422100b

Đầu bìa sách ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo s638907

746. Đạo đức 4 / Nguyễn Thị Toan (tổng ch.b.), Trần Thành Nam (ch.b.), Nguyễn Thị Hoàng Anh, Nguyễn Ngọc Dung. - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 64 tr. : minh họa ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 7700đ. - 387400b

Đầu bìa sách ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo s638908

747. Đạo đức 5 / Nguyễn Thị Toan (tổng ch.b.), Trần Thành Nam (ch.b.), Nguyễn Thị Hoàng Anh, Nguyễn Ngọc Dung. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 63 tr. : minh họa ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 7600đ. - 365200b

Đầu bìa sách ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo s638909

748. Đề kiểm tra Tiếng Anh 4 : Dùng kèm SGK Tiếng Anh 4 Global Success : Có đáp án / Nguyễn Hoàng Thanh Ly, Nguyễn Văn Hai, Hồ Tấn Mẫn. - H. : Đại học Sư phạm, 2026. - 128 tr. : minh họa ; 27 cm. - 80000đ. - 1500b s638703

749. Đề kiểm tra Tiếng Anh 5 : Dùng kèm SGK Tiếng Anh 5 Global Success : Có đáp án / Nguyễn Hoàng Thanh Ly, Nguyễn Văn Hai, Hồ Tấn Mẫn. - H. : Đại học Sư phạm, 2026. - 159 tr. : minh họa ; 27 cm. - 88000đ. - 1500b s638704

750. Đề giải Toán con phải giải tính 1 : Dành cho học sinh lớp 1 : Biên soạn theo Chương trình Sách giáo khoa mới nhất / Nguyễn Văn Quyền, Nguyễn Văn Quân, Uyên Uyên. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 72 tr. : bảng ; 27 cm. - 48000đ. - 20000b s638759

751. Đề giải Toán con phải giải tính 2 : Dành cho học sinh lớp 2 : Biên soạn theo Chương trình Sách giáo khoa mới nhất / Nguyễn Văn Quyền, Nguyễn Văn Quân, Uyên Uyên. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 72 tr. : bảng ; 27 cm. - 40000đ. - 20000b s638760

752. Đề giải Toán con phải giải tính 3 : Dành cho học sinh lớp 3 : Biên soạn theo Chương trình Sách giáo khoa mới nhất / Nguyễn Văn Quyền, Nguyễn Văn Quân, Uyên Uyên. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 72 tr. : bảng ; 27 cm. - 48000đ. - 20000b s638761

753. Đinh Thanh Tuyền. Lí luận và phương pháp tổ chức hoạt động phát triển ngôn ngữ tuổi mầm non / Đinh Thanh Tuyền. - H. : Đại học Sư phạm, 2026. - 343 tr. : minh họa ; 24 cm. - 125000đ. - 1000b

Thư mục: tr. 303-311. - Phụ lục: tr. 312-343 s640811

754. Em nói tiếng Việt : Dành cho học sinh lớp 1 vùng dân tộc thiểu số / Mai Ngọc Chừ (ch.b.), Hoàng Thị Lý, Nguyễn Thị Kim Oanh... - Tái bản lần thứ 6. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 112 tr. ; 27 cm. - 30000đ. - 10000b

ĐTTS ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo. Đề án Tăng cường Tiếng Việt cho học sinh tiểu học vùng dân tộc thiểu số s639340

755. Giải toán có lời văn 4 : Theo Chương trình GDPT mới / Phạm Đình Thực. - H. : Đại học Sư phạm, 2026. - 112 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 52000đ. - 1500b s640800

756. Giáo dục an toàn giao thông dành cho học sinh lớp 1 / Hán Thị Thu Hiền, Trần Thị Ngọc Quỳnh, Nguyễn Thị Quỳnh Trang, Nguyễn Hà Trang. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 27 tr. : tranh màu ; 27 cm. - 16000đ. - 15000b s638897

757. Giáo dục an toàn giao thông dành cho học sinh lớp 2 / Hán Thị Thu Hiền, Trần Thị Ngọc Quỳnh, Nguyễn Thị Quỳnh Trang, Nguyễn Hà Trang. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 35 tr. : tranh màu ; 27 cm. - 16000đ. - 15000b s638898

758. Giáo dục an toàn giao thông dành cho học sinh lớp 3 / Hán Thị Thu Hiền, Trần Thị Ngọc Quỳnh, Nguyễn Thị Quỳnh Trang, Nguyễn Hà Trang. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 35 tr. : bảng, tranh màu ; 27 cm. - 16000đ. - 15000b s638899

759. Giáo dục an toàn giao thông dành cho học sinh lớp 4 / Hán Thị Thu Hiền, Trần Thị Ngọc Quỳnh, Nguyễn Thị Quỳnh Trang, Nguyễn Hà Trang. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 31 tr. : bảng, tranh màu ; 27 cm. - 16000đ. - 15000b s638900

760. Giáo dục an toàn giao thông dành cho học sinh lớp 5 / Hán Thị Thu Hiền, Trần Thị Ngọc Quỳnh, Nguyễn Thị Quỳnh Trang, Nguyễn Hà Trang. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 31 tr. : tranh màu ; 27 cm. - 16000đ. - 15000b s638901

761. Giáo dục an toàn giao thông lớp 1 / Đỗ Thành Trung, Nguyễn Nguyệt Hồng. - Tái bản lần thứ 12. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 23 tr. : ảnh ; 24 cm. - (An toàn giao thông cho em). - 12000đ. - 5000b s639633

762. Giáo dục an toàn giao thông lớp 5 / Đỗ Thành Trung, Nguyễn Nguyệt Hồng. - Tái bản lần thứ 12. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 27 tr. : ảnh ; 24 cm. - (An toàn giao thông cho em). - 12000đ. - 5000b s639634

763. Giáo dục an toàn trường học - Lớp 1 / Phạm Việt Cường (ch.b.), Vũ Thị Lan Anh, Nguyễn Thị Vân Hương... - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 39 tr. : minh họa ; 26 cm. - 30000đ. - 10000b s639618

764. Giáo dục an toàn trường học - Lớp 2 / Phạm Việt Cường (ch.b.), Vũ Thị Lan Anh, Nguyễn Thị Vân Hương... - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 39 tr. : minh họa ; 26 cm. - 30000đ. - 10000b s639619

765. Giáo dục an toàn trường học - Lớp 3 / Phạm Việt Cường (ch.b.), Vũ Thị Lan Anh, Nguyễn Thị Vân Hương... - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 39 tr. : minh họa ; 26 cm. - 30000đ. - 10000b s639620

766. Giáo dục an toàn trường học - Lớp 4 / Phạm Việt Cường (ch.b.), Vũ Thị Lan Anh, Nguyễn Thị Vân Hương... - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 35 tr. : tranh vẽ ; 26 cm. - 30000đ. - 10000b s639621

767. Giáo dục an toàn trường học - Lớp 5 / Phạm Việt Cường (ch.b.), Vũ Thị Lan Anh, Nguyễn Thị Vân Hương... - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 47 tr. : minh họa ; 26 cm. - 30000đ. - 10000b s639622

768. Giáo dục phát triển năng lực số lớp 3 / Lê Anh Vinh (ch.b.), Nguyễn Minh Hải, Đỗ Duy Hiếu... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 64 tr. : minh họa ; 27 cm. - 35000đ. - 5000b s638902

769. Giáo dục phát triển năng lực số lớp 4 / Lê Anh Vinh (ch.b.), Nguyễn Minh Hải, Đỗ Duy Hiếu... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 60 tr. : minh họa ; 27 cm. - 35000đ. - 5000b s638903

770. Giáo dục phát triển năng lực số lớp 5 / Lê Anh Vinh (ch.b.), Nguyễn Minh Hải, Đỗ Duy Hiếu... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 60 tr. : minh họa ; 27 cm. - 35000đ. - 5000b s638904

771. Giáo dục quyền và bổn phận của trẻ em lớp 3 / Nguyễn Đức Khuông, Phan Văn Hùng. - Tái bản lần thứ 11. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2026. - 39 tr. : ảnh, tranh vẽ ; 24 cm. - (Tủ sách Môi trường giáo dục an toàn thân thiện). - 16000đ. - 5000b s640789

772. Giáo dục STEM lớp 1 / Lê Anh Vinh (ch.b.), Đặng Thị Phương Anh, Lê Tiến Bình...
- Tái bản lần thứ 3, có chỉnh lí. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 47 tr. : minh họa ; 27 cm. - 32000đ. - 5000b s638918

773. Giáo dục STEM lớp 2 / Lê Anh Vinh (ch.b.), Đặng Thị Phương Anh, Lê Tiến Bình...
- Tái bản lần thứ 3, có chỉnh lí. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 51 tr. : minh họa ; 27 cm. - 32000đ. - 5000b s638919

774. Giáo dục STEM lớp 3 / Lê Anh Vinh (ch.b.), Đặng Thị Phương Anh, Lê Tiến Bình...
- Tái bản lần thứ 3, có chỉnh lí. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 51 tr. : minh họa ; 27 cm. - 32000đ. - 5000b s638920

775. Giáo dục STEM lớp 4 / Lê Anh Vinh (ch.b.), Đặng Thị Phương Anh, Lê Tiến Bình...
- Tái bản lần thứ 3, có chỉnh lí. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 47 tr. : minh họa ; 27 cm. - 32000đ. - 5000b s638921

776. Giáo dục STEM lớp 5 / Lê Anh Vinh (ch.b.), Đặng Thị Phương Anh, Lê Tiến Bình...
- Tái bản lần thứ 3, có chỉnh lí. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 55 tr. : minh họa ; 27 cm. - 32000đ. - 5000b s638922

777. Giáo dục tài chính - Lớp 1: Hiểu đúng về tiền / Lê Thị Thúy Sen. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 56 tr. : minh họa ; 27 cm. - 28000đ. - 10000b s638864

778. Giáo dục tài chính - Lớp 2: Hiểu đúng về tiền / Lê Thị Thúy Sen. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 56 tr. : minh họa ; 27 cm. - 28000đ. - 10000b s638865

779. Giáo dục tài chính - Lớp 3: Hiểu đúng về tiền / Lê Thị Thúy Sen. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 56 tr. : bảng, tranh vẽ ; 27 cm. - 28000đ. - 10000b s639147

780. Giáo dục tài chính - Lớp 4: Hiểu đúng về tiền / Lê Thị Thúy Sen. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 56 tr. : minh họa ; 27 cm. - 28000đ. - 10000b s638866

781. Giáo dục tài chính - Lớp 5: Hiểu đúng về tiền / Lê Thị Thúy Sen. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 48 tr. : minh họa ; 27 cm. - 24000đ. - 10000b s638867

782. Giáo dục thể chất 1 / Nguyễn Duy Quyết (tổng ch.b.), Lê Anh Thơ (ch.b.), Đỗ Mạnh Hưng... - Tái bản lần thứ 6. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 95 tr. : minh họa ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 12200đ. - 248000b

Đầu bìa sách ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo s639486

783. Giáo dục thể chất 2 / Nguyễn Duy Quyết, Hồ Đắc Sơn (tổng ch.b.), Lê Anh Thơ (ch.b.)... - Tái bản lần thứ 5. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 95 tr. : minh họa ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 12100đ. - 206800b

Đầu bìa sách ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo s638943

784. Giáo dục thể chất 4 / Nguyễn Duy Quyết (tổng ch.b.), Nguyễn Hồng Dương (ch.b.), Đỗ Mạnh Hưng... - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 91 tr. : minh họa ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 11700đ. - 149400b

Đầu bìa sách ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo s639487

785. Giáo dục Văn hóa - Nghệ thuật lớp 1 / Nguyễn Khắc Khanh (ch.b.), Nguyễn Quang Thiều, Phạm Thị Ngọc Bích... - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 68 tr. : minh họa ; 27 cm. - 200b s639148

786. Giáo dục Văn hóa - Nghệ thuật lớp 1 / Nguyễn Khắc Khanh (ch.b.), Nguyễn Quang Thiều, Phạm Thị Ngọc Bích... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 68 tr. : minh họa ; 27 cm. - 35000đ. - 3000b s639160

787. Giáo dục Văn hóa - Nghệ thuật lớp 2 / Nguyễn Khắc Khanh (ch.b.), Nguyễn Quang Thiều, Phạm Thị Ngọc Bích... - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 68 tr. : minh họa ; 27 cm. - 200b s639149

788. Giáo dục Văn hóa - Nghệ thuật lớp 2 / Nguyễn Khắc Khanh (ch.b.), Nguyễn Quang Thiều, Phạm Thị Ngọc Bích... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 68 tr. : minh họa ; 27 cm. - 35000đ. - 3000b s639161

789. Giáo dục Văn hóa - Nghệ thuật lớp 3 / Nguyễn Khắc Khanh (ch.b.), Nguyễn Quang Thiều, Phạm Thị Ngọc Bích... - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 68 tr. : minh họa ; 27 cm. - 200b s639150

790. Giáo dục Văn hóa - Nghệ thuật lớp 3 / Nguyễn Khắc Khanh (ch.b.), Nguyễn Quang Thiều, Phạm Thị Ngọc Bích... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 68 tr. : minh họa ; 27 cm. - 35000đ. - 3000b s639162

791. Giáo dục Văn hóa - Nghệ thuật lớp 4 / Nguyễn Khắc Khanh (ch.b.), Nguyễn Quang Thiều, Phạm Thị Ngọc Bích... - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 68 tr. : minh họa ; 27 cm. - 200b s639151

792. Giáo dục Văn hóa - Nghệ thuật lớp 4 / Nguyễn Khắc Khanh (ch.b.), Nguyễn Quang Thiều, Phạm Thị Ngọc Bích... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 68 tr. : minh họa ; 27 cm. - 35000đ. - 3000b s639163

793. Giáo dục Văn hóa - Nghệ thuật lớp 5 / Nguyễn Khắc Khanh (ch.b.), Nguyễn Quang Thiều, Phạm Thị Ngọc Bích... - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 68 tr. : minh họa ; 27 cm. - 200b s639152

794. Giáo dục Văn hóa - Nghệ thuật lớp 5 / Nguyễn Khắc Khanh (ch.b.), Nguyễn Quang Thiều, Phạm Thị Ngọc Bích... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 68 tr. : minh họa ; 27 cm. - 35000đ. - 3000b s639164

795. Giáo trình Giáo dục học phổ thông / Trịnh Thúy Giang, Nguyễn Thị Thanh Hồng (ch.b.), Nguyễn Thị Thanh Trà... - H. : Đại học Sư phạm, 2026. - 191 tr. ; 24 cm. - 105000đ. - 500b

Thư mục: tr. 185-187 s640795

796. Giáo trình Lí luận dạy học / Đỗ Hương Trà, Phó Đức Hòa (ch.b.), Nguyễn Thị Thế Bình... - H. : Đại học Sư phạm, 2026. - 183 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 80000đ. - 1000b
Thư mục cuối mỗi chương s638568

797. Giúp bé làm quen với Toán qua hình vẽ : Theo định hướng Chương trình Giáo dục mầm non : Trẻ 3 - 4 tuổi / Nguyễn Thị Thanh Giang. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 19 tr. : tranh vẽ ; 24 cm. - 10000đ. - 112000b s639635

798. Giúp bé phát triển tình cảm - kĩ năng xã hội : Trẻ 24 - 36 tháng tuổi / Nguyễn Thị Ngân, Hoàng Thị Kim Nhung, Lâm Thùy Uyên ; Họa sĩ: Phùng Duy Tùng, Đặng Hồng Quân. - Tái bản lần thứ 8. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 16 tr. : tranh vẽ ; 24 cm. - 12000đ. - 14000b s639658

799. Giúp bé phát triển tình cảm - kĩ năng xã hội : Trẻ 3 - 4 tuổi / Nguyễn Thị Ngân, Hoàng Thị Kim Nhung, Lâm Thùy Uyên ; Họa sĩ: Hải Nam, Đặng Hồng Quân. - Tái bản lần thứ 13. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 20 tr. : tranh vẽ ; 24 cm. - 12000đ. - 10000b s639651

800. Giúp bé phát triển tình cảm - kĩ năng xã hội : Trẻ 4 - 5 tuổi / Nguyễn Thị Ngân, Hoàng Thị Kim Nhung, Lâm Thùy Uyên ; Họa sĩ: Phùng Duy Tùng, Nguyễn Thị Quỳnh Hoa. - Tái bản lần thứ 13. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 20 tr. : tranh vẽ ; 24 cm. - 12000đ. - 13000b s639659

801. Giúp bé phát triển tình cảm - kỹ năng xã hội : Trẻ 5 - 6 tuổi / Nguyễn Thị Ngân, Hoàng Thị Kim Nhung, Lâm Thùy Uyên ; Họa sĩ: Phùng Thu Linh... - Tái bản lần thứ 13. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 24 tr. : tranh vẽ ; 24 cm. - 12000đ. - 14000b s639660

802. Giúp con học giỏi Toán lớp 1 : Theo Chương trình Sách giáo khoa mới. Dùng chung cho bộ sách giáo khoa CD, KNTT, CTST / Thanh Hương, Minh Phương. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 76 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 50000đ. - 5000b s638758

803. Giúp em học giỏi từ và câu Tiếng Việt lớp 4 : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới / Võ Thị Minh Trang. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2026. - 156 tr. : bảng ; 24 cm. - 70000đ. - 1500b s640775

804. Giúp em học tốt Tiếng Việt lớp 3 : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới / Lê Thị Nương. - H. : Đại học Sư phạm. - 24 cm. - 59000đ. - 1500b T.2. - 2026. - 132 tr. : bảng s640804

805. Giúp em học tốt từ vựng Tiếng Anh 2 / Nguyễn Hoàng Thanh Ly, Phi Quỳnh. - H. : Đại học Sư phạm, 2026. - 56 tr. : minh họa ; 27 cm. - 55000đ. - 2000b s637549

806. Giúp em học tốt từ vựng Tiếng Anh 3 / Nguyễn Hoàng Thanh Ly, Phi Quỳnh. - H. : Đại học Sư phạm, 2026. - 74 tr. : minh họa ; 27 cm. - 62000đ. - 2000b s637550

807. Giúp em học tốt từ vựng Tiếng Anh 4 / Nguyễn Hoàng Thanh Ly, Phi Quỳnh. - H. : Đại học Sư phạm, 2026. - 74 tr. : minh họa ; 27 cm. - 62000đ. - 2000b s637551

808. Giúp em học tốt từ vựng Tiếng Anh 5 / Nguyễn Hoàng Thanh Ly, Phi Quỳnh. - H. : Đại học Sư phạm, 2026. - 75 tr. : minh họa ; 27 cm. - 62000đ. - 2000b s637552

809. Hành trang cho bé tự tin vào lớp 1 - Bước đầu tập viết : Phiên bản mới : Video hướng dẫn tập viết chi tiết / Thúy Hà, Thanh Hương, Anh Đào. - H. : Nxb. Hà Nội. - 27 cm. - (Tâm thế vào Lớp 1). - 38000đ. - 5000b Q.1. - 2026. - 47 tr. s638770

810. Hành trang cho bé tự tin vào lớp 1 - Bước đầu tập viết : Phiên bản mới : Video hướng dẫn tập viết chi tiết / Thúy Hà, Thanh Hương, Anh Đào. - H. : Nxb. Hà Nội. - 27 cm. - (Tâm thế vào Lớp 1). - 38000đ. - 5000b Q.2. - 2026. - 48 tr. s638771

811. Hành trang cho bé tự tin vào lớp 1 - Luyện viết : Phiên bản mới : Video hướng dẫn tập viết chi tiết / Thúy Hà, Thanh Hương, Anh Đào. - H. : Nxb. Hà Nội. - 27 cm. - (Tâm thế vào Lớp 1). - 38000đ. - 5000b Q.1: Vở ô ly có mẫu chữ: Nét cơ bản và chữ số. - 2026. - 47 tr. s638772

812. Hành trang cho bé tự tin vào lớp 1 - Luyện viết : Phiên bản mới : Video hướng dẫn tập viết chi tiết / Thúy Hà, Thanh Hương, Anh Đào. - H. : Nxb. Hà Nội. - 27 cm. - (Tâm thế vào Lớp 1). - 38000đ. - 5000b Q.2: Vở ô ly có mẫu chữ: Chữ cái và chữ ghép. - 2026. - 47 tr. s638773

813. Hành trang cho bé tự tin vào lớp 1 - Luyện viết : Phiên bản mới : Video hướng dẫn tập viết chi tiết / Thúy Hà, Thanh Hương, Anh Đào. - H. : Nxb. Hà Nội. - 27 cm. - (Tâm thế vào Lớp 1). - 36000đ. - 5000b Q.3: Vở ô ly có mẫu chữ: Tiếng, từ, câu. - 2026. - 40 tr. s638774

814. Hành trang cho trẻ vào lớp 1 : Dành cho trẻ 5 - 6 tuổi / Thu Thủy, Nguyễn Thị Thanh Hòa, Nguyễn Thị Hạnh, Hà Thị Giang. - Tái bản lần thứ 5. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 48 tr. : hình vẽ, tranh màu ; 27 cm. - 19000đ. - 20000b s639200

815. Hành trang công dân số lớp 1 / Quách Tất Kiên (ch.b.), Cao Hồng Huệ, Trần Ngọc Khoa... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 83 tr. : minh họa ; 27 cm. - 35000đ. - 5000b s638927

816. Hành trang công dân số lớp 2 / Quách Tất Kiên (ch.b.), Cao Hồng Huệ, Trần Ngọc Khoa... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 80 tr. : minh họa ; 27 cm. - 35000đ. - 5000b s638928

817. Hành trang công dân số lớp 3 / Quách Tất Kiên (ch.b.), Cao Hồng Huệ, Trần Ngọc Khoa... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 72 tr. : minh họa ; 27 cm. - 35000đ. - 5000b s638929

818. Hành trang công dân số lớp 4 / Quách Tất Kiên (ch.b.), Cao Hồng Huệ, Trần Ngọc Khoa... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 68 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 35000đ. - 5000b s638930

819. Hành trang công dân số lớp 5 / Quách Tất Kiên (ch.b.), Cao Hồng Huệ, Trần Ngọc Khoa... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 71 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 35000đ. - 5000b s638931

820. Hành trang giúp bé tự tin vào lớp 1 / Nguyễn Thị Hiền. - Thanh Hóa : Nxb. Thanh Hóa. - 27 cm. - 52000đ. - 1000b
Q.1. - 2026. - 60 tr. s637588

821. Hành trang giúp bé tự tin vào lớp 1 / Nguyễn Thị Hiền. - Thanh Hóa : Nxb. Thanh Hóa. - 27 cm. - 50000đ. - 1000b
Q.2. - 2026. - 52 tr. s637589

822. Hành trình lí tưởng - Tuổi trẻ Việt Nam - Lớp 1 / Nguyễn Khắc Khanh (ch.b.), Nguyễn Hữu Thuận, Nguyễn Quang Thiều, Đào Xuân Vũ. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 64 tr. : minh họa ; 27 cm. - 200b s638980

823. Hành trình lí tưởng - Tuổi trẻ Việt Nam - Lớp 1 / Nguyễn Khắc Khanh (ch.b.), Nguyễn Hữu Thuận, Nguyễn Quang Thiều, Đào Xuân Vũ. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 60 tr. : minh họa ; 27 cm. - 32000đ. - 3000b s638968

824. Hành trình lí tưởng - Tuổi trẻ Việt Nam - Lớp 2 / Nguyễn Khắc Khanh (ch.b.), Nguyễn Hữu Thuận, Nguyễn Quang Thiều, Đào Xuân Vũ. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 71 tr. : minh họa ; 27 cm. - 200b s638981

825. Hành trình lí tưởng - Tuổi trẻ Việt Nam - Lớp 2 / Nguyễn Khắc Khanh (ch.b.), Nguyễn Hữu Thuận, Nguyễn Quang Thiều, Đào Xuân Vũ. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 59 tr. : minh họa ; 27 cm. - 32000đ. - 3000b s638969

826. Hành trình lí tưởng - Tuổi trẻ Việt Nam - Lớp 3 / Nguyễn Khắc Khanh (ch.b.), Nguyễn Hữu Thuận, Nguyễn Quang Thiều, Đào Xuân Vũ. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 79 tr. : minh họa ; 27 cm. - 200b s638982

827. Hành trình lí tưởng - Tuổi trẻ Việt Nam - Lớp 3 / Nguyễn Khắc Khanh (ch.b.), Nguyễn Hữu Thuận, Nguyễn Quang Thiều, Đào Xuân Vũ. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 59 tr. : minh họa ; 27 cm. - 32000đ. - 3000b s638970

828. Hành trình lí tưởng - Tuổi trẻ Việt Nam - Lớp 4 / Nguyễn Khắc Khanh (ch.b.), Nguyễn Hữu Thuận, Nguyễn Quang Thiều, Đào Xuân Vũ. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 71 tr. : minh họa ; 27 cm. - 200b s638983

829. Hành trình lí tưởng - Tuổi trẻ Việt Nam - Lớp 4 / Nguyễn Khắc Khanh (ch.b.), Nguyễn Hữu Thuận, Nguyễn Quang Thiều, Đào Xuân Vũ. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 59 tr. : minh họa ; 27 cm. - 32000đ. - 3000b s638971

830. Hành trình lí tưởng - Tuổi trẻ Việt Nam - Lớp 5 / Nguyễn Khắc Khanh (ch.b.), Nguyễn Hữu Thuận, Nguyễn Quang Thiều, Đào Xuân Vũ. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 66 tr. : minh họa ; 27 cm. - 200b s638984

831. Hành trình lí tưởng - Tuổi trẻ Việt Nam - Lớp 5 / Nguyễn Khắc Khanh (ch.b.), Nguyễn Hữu Thuận, Nguyễn Quang Thiều, Đào Xuân Vũ. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 59 tr. : minh họa ; 27 cm. - 32000đ. - 3000b s638972

832. Hành trình lí tưởng - Tuổi trẻ Việt Nam - Lớp 6 / Nguyễn Khắc Khanh (ch.b.), Nguyễn Hữu Thuận, Nguyễn Quang Thiều, Đào Xuân Vũ. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 83 tr. : minh họa ; 27 cm. - 200b s638985

833. Hành trình lí tưởng - Tuổi trẻ Việt Nam - Lớp 6 / Nguyễn Khắc Khanh (ch.b.), Nguyễn Hữu Thuận, Nguyễn Quang Thiều, Đào Xuân Vũ. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 72 tr. : minh họa ; 27 cm. - 36000đ. - 3000b s638973

834. Hành trình lí tưởng - Tuổi trẻ Việt Nam - Lớp 7 / Nguyễn Khắc Khanh (ch.b.), Nguyễn Hữu Thuận, Nguyễn Quang Thiều, Đào Xuân Vũ. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 82 tr. : minh họa ; 27 cm. - 200b s638986

835. Hành trình lí tưởng - Tuổi trẻ Việt Nam - Lớp 7 / Nguyễn Khắc Khanh (ch.b.), Nguyễn Hữu Thuận, Nguyễn Quang Thiều, Đào Xuân Vũ. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 71 tr. : minh họa ; 27 cm. - 36000đ. - 3000b s638974

836. Hành trình lí tưởng - Tuổi trẻ Việt Nam - Lớp 8 / Nguyễn Khắc Khanh (ch.b.), Nguyễn Hữu Thuận, Nguyễn Quang Thiều, Đào Xuân Vũ. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 84 tr. : minh họa ; 27 cm. - 200b s638987

837. Hành trình lí tưởng - Tuổi trẻ Việt Nam - Lớp 8 / Nguyễn Khắc Khanh (ch.b.), Nguyễn Hữu Thuận, Nguyễn Quang Thiều, Đào Xuân Vũ. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 71 tr. : minh họa ; 27 cm. - 36000đ. - 3000b s638975

838. Hành trình lí tưởng - Tuổi trẻ Việt Nam - Lớp 9 / Nguyễn Khắc Khanh (ch.b.), Nguyễn Hữu Thuận, Nguyễn Quang Thiều, Đào Xuân Vũ. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 86 tr. : minh họa ; 27 cm. - 200b s638988

839. Hành trình lí tưởng - Tuổi trẻ Việt Nam - Lớp 9 / Nguyễn Khắc Khanh (ch.b.), Nguyễn Hữu Thuận, Nguyễn Quang Thiều, Đào Xuân Vũ. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 72 tr. : minh họa ; 27 cm. - 36000đ. - 3000b s638976

840. Hành trình lí tưởng - Tuổi trẻ Việt Nam - Lớp 10 / Nguyễn Khắc Khanh (ch.b.), Nguyễn Hữu Thuận, Nguyễn Quang Thiều, Đào Xuân Vũ. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 75 tr. : minh họa ; 27 cm. - 200b s638989

841. Hành trình lí tưởng - Tuổi trẻ Việt Nam - Lớp 10 / Nguyễn Khắc Khanh (ch.b.), Nguyễn Hữu Thuận, Nguyễn Quang Thiều, Đào Xuân Vũ. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 72 tr. : minh họa ; 27 cm. - 36000đ. - 3000b s638977

842. Hành trình lí tưởng - Tuổi trẻ Việt Nam - Lớp 11 / Nguyễn Khắc Khanh (ch.b.), Nguyễn Hữu Thuận, Nguyễn Quang Thiều, Đào Xuân Vũ. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 87 tr. : minh họa ; 27 cm. - 200b s638990

843. Hành trình lí tưởng - Tuổi trẻ Việt Nam - Lớp 11 / Nguyễn Khắc Khanh (ch.b.), Nguyễn Hữu Thuận, Nguyễn Quang Thiều, Đào Xuân Vũ. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 72 tr. : minh họa ; 27 cm. - 36000đ. - 3000b s638978
844. Hành trình lí tưởng - Tuổi trẻ Việt Nam - Lớp 12 / Nguyễn Khắc Khanh (ch.b.), Nguyễn Hữu Thuận, Nguyễn Quang Thiều, Đào Xuân Vũ. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 83 tr. : minh họa ; 27 cm. - 200b s638991
845. Hành trình lí tưởng - Tuổi trẻ Việt Nam - Lớp 12 / Nguyễn Khắc Khanh (ch.b.), Nguyễn Hữu Thuận, Nguyễn Quang Thiều, Đào Xuân Vũ. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 71 tr. : minh họa ; 27 cm. - 36000đ. - 3000b s638979
846. Hình dạng = Shapes : Tuổi 2+ / Phương Nhung dịch. - H. : Mỹ thuật, 2026. - 13 tr. : tranh màu ; 9 cm. - (Peppa Pig. Thư viện học tập của tớ). - 29750đ. - 3000b s638247
847. Hoàng Anh. 300 tình huống giao tiếp sư phạm / Hoàng Anh, Đỗ Thị Châu. - Tái bản lần thứ 8. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 370 tr. ; 21 cm. - 102000đ. - 700b
Thư mục: tr. 369-370 s639833
848. Hoàng Ngọc Đạo. Phương pháp giáo dục cơ bản : Dùng tiếp cận học sinh trong trường phổ thông / Hoàng Ngọc Đạo. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2025. - 295 tr. ; 21 cm. - 120000đ. - 1000b
Thư mục: tr. 292-294 s638521
849. Hoàng Ngọc Hiền. Sổ dự giờ : Dùng trong các cơ sở giáo dục mầm non / Hoàng Ngọc Hiền. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 79 tr. : bảng ; 30 cm. - 30000đ. - 10000b s639823
850. Hoạt động giáo dục bảo vệ môi trường lớp 1 / Nguyễn Thị Vân Hương (ch.b.), Nguyễn Thị Hồng Chuyên, Tưởng Duy Hải... - Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 55 tr. : minh họa ; 26 cm. - 32000đ. - 10000b s639628
851. Hoạt động giáo dục bảo vệ môi trường lớp 2 / Nguyễn Thị Vân Hương (ch.b.), Nguyễn Thị Hồng Chuyên, Tưởng Duy Hải... - Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 59 tr. : minh họa ; 26 cm. - 32000đ. - 10000b s639629
852. Hoạt động giáo dục bảo vệ môi trường lớp 3 / Nguyễn Thị Vân Hương (ch.b.), Nguyễn Thị Hồng Chuyên, Tưởng Duy Hải... - Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 55 tr. : minh họa ; 26 cm. - 32000đ. - 10000b s639630
853. Hoạt động giáo dục bảo vệ môi trường lớp 4 / Nguyễn Thị Vân Hương (ch.b.), Nguyễn Thị Hồng Chuyên, Tưởng Duy Hải... - Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 59 tr. : minh họa ; 26 cm. - 32000đ. - 10000b s639631
854. Hoạt động giáo dục bảo vệ môi trường lớp 5 / Nguyễn Thị Vân Hương (ch.b.), Nguyễn Thị Hồng Chuyên, Tưởng Duy Hải... - Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 63 tr. : minh họa ; 26 cm. - 32000đ. - 10000b s639632
855. Hoạt động giáo dục STEM lớp 3 / Tưởng Duy Hải (ch.b.), Nguyễn Ngọc Ánh, Nguyễn Thanh Hường... - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 63 tr. : minh họa ; 26 cm. - 37000đ. - 5000b s639603
856. Hoạt động giáo dục STEM lớp 4 / Tưởng Duy Hải (ch.b.), Trần Bá Trình, Mai Thị Kim Tuyến, Vũ Thị Yến. - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 55 tr. : minh họa ; 26 cm. - 37000đ. - 5000b s639604

857. Hoạt động giáo dục STEM lớp 5 / Tường Duy Hải (ch.b.), Trần Minh Đức, Trần Bá Trình, Mai Thị Kim Tuyền. - Tái bản lần thứ 6. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 71 tr. : minh họa ; 26 cm. - 25000đ. - 1000b s639605

858. Hoạt động làm quen với Toán : Dành cho trẻ 24 - 36 tháng tuổi / Vũ Thị Thanh Huyền, Nguyễn Thị Thu Hà, Đào Thị Yên, Trương Thị Lê Vân ; Minh họa: Đặng Hồng Quân. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 20 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - 10500đ. - 70000b s639637

859. Hoạt động làm quen với Toán : Dành cho trẻ 3 - 4 tuổi / Vũ Thị Thanh Huyền, Nguyễn Thị Thu Hà, Đào Thị Yên, Trương Thị Lê Vân ; Minh họa: Đặng Hồng Quân. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 28 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - 11500đ. - 70000b s639638

860. Hoạt động làm quen với Toán : Dành cho trẻ 5 - 6 tuổi / Vũ Thị Thanh Huyền, Nguyễn Thị Thu Hà, Đào Thị Yên, Trương Thị Lê Vân ; Minh họa: Đặng Hồng Quân. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - 12500đ. - 100000b

Q.1. - 2026. - 24 tr. : hình vẽ s639639

861. Hoạt động làm quen với Toán : Dành cho trẻ 5 - 6 tuổi / Vũ Thị Thanh Huyền, Nguyễn Thị Thu Hà, Đào Thị Yên, Trương Thị Lê Vân ; Minh họa: Đặng Hồng Quân. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - 11500đ. - 100000b

Q.2. - 2026. - 24 tr. : hình vẽ s639640

862. Hoạt động tạo hình : Theo định hướng Chương trình Giáo dục mầm non mới : Dành cho trẻ 5 - 6 tuổi / Nguyễn Thanh Hương. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 36 tr. : tranh vẽ ; 19x27 cm. - 13500đ. - 137000b s640547

863. Hoạt động trải nghiệm 1 / Bùi Sỹ Tụng (tổng ch.b.), Nguyễn Thanh Bình (ch.b.), Vũ Thị Lan Anh... - Tái bản lần thứ 6. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 87 tr. : bảng, tranh màu ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 10800đ. - 493400b

Đầu bìa sách ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo s638910

864. Hoạt động trải nghiệm 2 / Lưu Thu Thủy, Bùi Sỹ Tụng (tổng ch.b.), Nguyễn Thụy Anh (ch.b.)... - Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 92 tr. : minh họa ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 13900đ. - 182000b s638932

865. Hoạt động trải nghiệm 2 / Lưu Thu Thủy, Bùi Sỹ Tụng (tổng ch.b.), Nguyễn Thụy Anh (ch.b.)... - Tái bản lần thứ 5. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 92 tr. : minh họa ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 12100đ. - 214800b

Đầu bìa sách ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo s638911

866. Hoạt động trải nghiệm 3 / Lưu Thu Thủy (tổng ch.b.), Nguyễn Thụy Anh (ch.b.), Nguyễn Thị Thanh Bình... - Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 107 tr. : minh họa ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 14000đ. - 210100b

Đầu bìa sách ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo s638912

867. Hoạt động trải nghiệm 4 / Lưu Thu Thủy (tổng ch.b.), Nguyễn Thụy Anh (ch.b.), Nguyễn Thị Thanh Bình... - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 91 tr. : minh họa ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 12200đ. - 207700b

Đầu bìa sách ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo s638913

868. Hoạt động trải nghiệm 5 / Lưu Thu Thủy (tổng ch.b.), Nguyễn Thụy Anh (ch.b.), Nguyễn Thị Thanh Bình... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 99 tr. : minh họa ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 13100đ. - 201600b

Đầu bìa sách ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo s638914

869. Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 6 / Lưu Thu Thủy, Bùi Sỹ Tụng (tổng ch.b.), Hoàng Thị Hạnh (ch.b.)... - Tái bản lần thứ 5. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 51 tr. : minh họa ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 67000đ. - 519700b
 Đầu bìa sách ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo s638937
870. Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 7 / Lưu Thu Thủy (tổng ch.b.), Trần Thị Thu (ch.b.), Nguyễn Thanh Bình... - Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 64 tr. : minh họa ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 8100đ. - 375900b
 Đầu bìa sách ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo s638938
871. Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 9 / Lưu Thu Thủy (tổng ch.b.), Trần Thị Thu (ch.b.), Nguyễn Thanh Bình... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 63 tr. : minh họa ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 7700đ. - 371400b
 Đầu bìa sách ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo s638939
872. Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 10 / Lưu Thu Thủy (tổng ch.b.), Nguyễn Thanh Bình (ch.b.), Lê Văn Cầu... - Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 75 tr. : minh họa ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 9100đ. - 330300b
 Đầu bìa sách ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo s638940
873. Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 11 / Lưu Thu Thủy (tổng ch.b.), Nguyễn Thanh Bình (ch.b.), Lê Văn Cầu... - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 72 tr. : minh họa ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 9000đ. - 221800b
 Đầu bìa sách ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo s638941
874. Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 12 / Lưu Thu Thủy (tổng ch.b.), Nguyễn Thanh Bình (ch.b.), Lê Văn Cầu... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 91 tr. : minh họa ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 12100đ. - 158000b
 Đầu bìa sách ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo s638942
875. Học bằng chơi - Các hoạt động giúp trẻ làm quen với chữ viết : 5 - 6 tuổi / Nguyễn Thị Minh Thảo, Phạm Thị Thu Hương. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 32 tr. : hình vẽ ; 27 cm. - 13000đ. - 40000b s639177
876. Học bằng chơi - Các hoạt động giúp trẻ làm quen với Toán : Trẻ 24 - 36 tháng tuổi / Nguyễn Thị Bích Thảo, Nguyễn Ngọc Huyền, Phạm Thanh Hoa. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 20 tr. : hình vẽ, tranh màu ; 27 cm. - 10000đ. - 33000b s639184
877. Học bằng chơi - Các hoạt động giúp trẻ làm quen với Toán : Trẻ 3 - 4 tuổi / Nguyễn Thị Bích Thảo, Nguyễn Ngọc Huyền, Phạm Thanh Hoa. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 20 tr. : hình vẽ, tranh màu ; 27 cm. - 10000đ. - 30000b s639196
878. Hướng dẫn học Tiếng Anh 1 / Nguyễn Sơn Nam. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - 150000đ. - 2000b
 T.2. - 2025. - 100 tr. : minh họa s639456
879. Hướng dẫn học Tiếng Anh 2 / Nguyễn Sơn Nam. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - 150000đ. - 2000b
 T.1. - 2025. - 115 tr. : minh họa s639457
880. Hướng dẫn học Tiếng Anh 2 / Nguyễn Sơn Nam. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - 150000đ. - 2000b
 T.2. - 2025. - 132 tr. : minh họa s639458
881. Hướng dẫn học Tiếng Anh 3 / Nguyễn Sơn Nam. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - 150000đ. - 2000b
 T.1. - 2025. - 99 tr. : minh họa s639459

882. Hướng dẫn học Tiếng Anh 3 / Nguyễn Sơn Nam. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - 150000đ. - 2000b
T.2. - 2025. - 79 tr. : minh họa s639460
883. Hướng dẫn học Tiếng Anh 4 / Nguyễn Sơn Nam. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - 150000đ. - 2000b
T.1. - 2025. - 100 tr. : minh họa s639461
884. Hướng dẫn học Tiếng Anh 4 / Nguyễn Sơn Nam. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - 150000đ. - 2000b
T.2. - 2025. - 99 tr. : minh họa s639462
885. Hướng dẫn học Tiếng Anh 5 / Nguyễn Sơn Nam. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - 150000đ. - 2000b
T.1. - 2025. - 131 tr. : minh họa s639463
886. Hướng dẫn học Tiếng Anh 5 / Nguyễn Sơn Nam. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - 150000đ. - 2000b
T.2. - 2025. - 139 tr. : minh họa s639464
887. Hướng dẫn học Tiếng Việt 2 / Bùi Thị Tú. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - 150000đ. - 2000b
T.1. - 2025. - 99 tr. : minh họa s639365
888. Hướng dẫn học Tiếng Việt 3 / Bùi Thị Tú. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - 150000đ. - 2000b
T.1. - 2025. - 108 tr. : bảng, tranh vẽ s639366
889. Hướng dẫn học Tiếng Việt 3 / Bùi Thị Tú. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - 150000đ. - 2000b
T.2. - 2025. - 112 tr. : minh họa s639367
890. Hướng dẫn học Tiếng Việt 4 / Bùi Thị Tú. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - 150000đ. - 2000b
T.1. - 2025. - 91 tr. : sơ đồ s639368
891. Hướng dẫn học Tiếng Việt 4 / Bùi Thị Tú. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - 150000đ. - 2000b
T.2. - 2025. - 91 tr. : sơ đồ s639369
892. Hướng dẫn học Tiếng Việt 5 / Bùi Thị Tú. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - 150000đ. - 2000b
T.1. - 2025. - 103 tr. s639370
893. Hướng dẫn học Tiếng Việt 5 / Bùi Thị Tú. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - 150000đ. - 2000b
T.2. - 2025. - 107 tr. : bảng, sơ đồ s639371
894. Hướng dẫn học Toán 3 / Nguyễn Thúy Hằng. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - 150000đ. - 2000b
T.1. - 2025. - 108 tr. : hình vẽ, bảng s639054
895. Hướng dẫn học và làm bài Tiếng Việt 4 : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới / Phạm Ngọc Thắm. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 24 cm. - 62000đ. - 1500b
T.2. - 2026. - 132 tr. s640776
896. Hướng dẫn tổ chức thực hiện Chương trình Giáo dục mầm non : Mẫu giáo bé (3 - 4 tuổi) : Theo Thông tư 51/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 sửa đổi, bổ sung một số nội dung

của Chương trình Giáo dục mầm non / Lê Thu Hương, Trần Thị Ngọc Trâm, Lê Thị Ánh Tuyết (ch.b.)... - Tái bản lần thứ 17. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 192 tr. : minh họa ; 27 cm. - 60000đ. - 1500b s638850

897. Hướng dẫn tổ chức thực hiện Chương trình Giáo dục mầm non : Mẫu giáo lớn (5 - 6 tuổi) : Theo Thông tư 51/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Chương trình Giáo dục mầm non / Lê Thu Hương, Trần Thị Ngọc Trâm, Lê Thị Ánh Tuyết (ch.b.)... - Tái bản lần thứ 17. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 230 tr. : minh họa ; 27 cm. - 60000đ. - 1700b s638852

898. Hướng dẫn tổ chức thực hiện Chương trình Giáo dục mầm non : Mẫu giáo nhỡ (4 - 5 tuổi) : Theo Thông tư 51/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Chương trình Giáo dục mầm non / Lê Thu Hương, Trần Thị Ngọc Trâm, Lê Thị Ánh Tuyết (ch.b.)... - Tái bản lần thứ 16. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 208 tr. : minh họa ; 27 cm. - 60000đ. - 1500b s638851

899. Hướng dẫn viết các dạng đoạn văn và bài văn : Dành cho học sinh tiểu học... / Nguyễn Thị Quỳnh (ch.b.), Mộc Nhiên, Nguyễn Thị Nga... - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 237 tr. : bảng ; 27 cm. - 225000đ. - 1000b s638718

900. Khám phá khoa học công nghệ : Dành cho trẻ 24 - 36 tháng tuổi / Tạ Thị Thanh Thảo, Trần Thị Kim Uyên, Trần Thị Hải Yến ; Minh họa: Đặng Hồng Quân. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 12 tr. : hình vẽ ; 27 cm. - 15000đ. - 5000b s639190

901. Khám phá khoa học công nghệ : Dành cho trẻ 3 - 4 tuổi / Tạ Thị Thanh Thảo, Trần Thị Kim Uyên, Trần Thị Hải Yến ; Minh họa: Quỳnh Hoa. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 16 tr. : hình vẽ, tranh màu ; 27 cm. - 15000đ. - 5000b s639191

902. Khám phá khoa học công nghệ : Dành cho trẻ 4 - 5 tuổi / Tạ Thị Thanh Thảo, Trần Thị Kim Uyên, Trần Thị Hải Yến ; Minh họa: Quỳnh Hoa. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 20 tr. : hình vẽ ; 27 cm. - 18000đ. - 5000b s639192

903. Khám phá khoa học công nghệ : Dành cho trẻ 5 - 6 tuổi / Tạ Thị Thanh Thảo, Trần Thị Kim Uyên, Trần Thị Hải Yến ; Minh họa: Phùng Thu Linh. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 24 tr. : hình vẽ ; 27 cm. - 18000đ. - 5000b s639193

904. Khoa học 4 / Vũ Văn Hùng (tổng ch.b.), Phan Thanh Hà (ch.b.), Nguyễn Thị Thanh Chi... - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 123 tr. : minh họa ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 15100đ. - 174100b

Đầu bìa sách ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo s639444

905. Kilbane, Clare R. Sử dụng công nghệ trong lớp học phân hóa : Chiến lược và công cụ để thiết kế hoạt động học tập hấp dẫn, hiệu quả và công bằng = Using technology in a differentiated classroom : Strategies and tools for designing engaging, effective, efficient, and equitable learning / Clare R. Kilbane, Natalie B. Milman ; Dịch: Nguyễn Thế Hiện, Tô Nguyễn Gia Khoa ; Nguyễn Thị Thanh Thủy h.đ. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 203 tr. : minh họa ; 27 cm. - 150000đ. - 1000b s638862

906. Kỹ yếu Hội thảo khoa học quốc gia: Triết học giáo dục - Những vấn đề lý luận và thực tiễn ở Việt Nam hiện nay / Nguyễn Duy Nhiên, Lê Văn Đoán, Phạm Quỳnh... - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 559 tr. : minh họa ; 27 cm. - 200b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Sư phạm Hà Nội. - Thư mục cuối mỗi bài s638857

907. Kỹ năng hành chính - văn phòng tại cơ sở giáo dục trong bối cảnh chuyển đổi số / B.s.: Phạm Thị Tuyết Minh, Phạm Công Hiệp (ch.b.), Trần Thị Hảo... - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 99 tr. : minh họa ; 24 cm. - 95000đ. - 35b

Thư mục: tr. 96-99 s639887

908. Kỹ năng ứng phó với bắt nạt và bạo lực học đường : Dành cho trẻ em từ 6 tuổi trở lên / Lời: Carine Simonet ; Minh họa: Anne Guillard ; Thành Đạt dịch. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 29 tr. : tranh màu ; 22 cm. - (Tủ sách Cùng con trưởng thành). - 50000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Pháp: Le harcèlement - Tu veux qu'on en parle? s638332

909. Làm quen với chữ cái và tăng cường tiếng Việt : Trẻ 4 - 5 tuổi vùng dân tộc thiểu số / Hoàng Thị Hoài Thu, Đào Thị Yên ; Minh họa: Đặng Hồng Quân, Trần Ngọc Ánh. - Tái bản lần thứ 6. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 30 tr. : tranh vẽ ; 24 cm. - 12000đ. - 4000b s639656

910. Làm quen với chữ cái và tăng cường tiếng Việt : Trẻ 5 - 6 tuổi vùng dân tộc thiểu số / Hoàng Thị Hoài Thu, Đào Thị Yên ; Minh họa: Đặng Hồng Quân, Trần Ngọc Ánh. - Tái bản lần thứ 7. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 42 tr. : tranh màu ; 24 cm. - 12000đ. - 3000b s639657

911. Làm quen với chữ số và Toán / Huyền Linh. - H. : Văn học, 2026. - 56 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - (Cùng bé vào lớp Một). - 31000đ. - 5000b s640296

912. Làm quen với chữ số và Toán / Khánh Huyền. - H. : Văn học, 2026. - 56 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - (Tủ sách Bé vào lớp Một). - 29000đ. - 5000b s640297

913. Làm toán không sợ sai - Cộng trừ trong phạm vi 10 / Thanh Hương. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 18 tr. : tranh màu ; 23 cm. - (Viết xóa được). - 45000đ. - 3000b s638337

914. Làm toán không sợ sai - So sánh / Thanh Hương. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 18 tr. : tranh màu ; 23 cm. - (Viết xóa được). - 45000đ. - 3000b s638335

915. Làm toán không sợ sai - Tập đếm / Thanh Hương. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 18 tr. : tranh màu ; 23 cm. - (Viết xóa được). - 45000đ. - 4000b s638334

916. Lang-Raad, Nathan. Trợ lí AI trong lớp học - Kết hợp công nghệ và trái tim người thầy : The AI assist - Strategies for integrating AI into the very human act of teaching / Nathan Lang-Raad ; Dịch: Phạm Thế Long... - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 199 tr. : bảng ; 27 cm. - (Giáo dục trong kỉ nguyên AI: Tri thức - Công nghệ - Tương lai). - 130000đ. - 1000b

Thư mục: tr. 186 s639176

917. Lập kế hoạch và thiết kế các hoạt động giáo dục trong trường mầm non : Mẫu giáo 3 - 4 tuổi / Đặng Thị Lê Na, Đào Thị Diễm, Phạm Thị Hiền, Phan Vũ Quỳnh Nga. - Tái bản lần thứ 5. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 259 tr. : bảng ; 27 cm. - 72000đ. - 1000b s638848

918. Lập kế hoạch và thiết kế các hoạt động giáo dục trong trường mầm non : Mẫu giáo 4 - 5 tuổi / Đặng Thị Lê Na, Đào Thị Diễm, Phạm Thị Hiền, Phan Vũ Quỳnh Nga. - Tái bản lần thứ 5. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 287 tr. : bảng ; 27 cm. - 75000đ. - 1000b s638849

919. Lê Thị Hường. Kích hoạt não thông qua dạy đọc chữ tiếng Việt sớm cho trẻ / Lê Thị Hường. - H. : Khoa học xã hội, 2026. - 152 tr. : minh họa ; 24 cm. - 250000đ. - 1000b

Thư mục: tr. 113-116. - Phụ lục: tr. 117-152 s640745

920. Lê Thị Minh Hoa. Đánh giá năng lực, phẩm chất học sinh tiểu học : Dành cho học viên cao học Giáo dục tiểu học / Lê Thị Minh Hoa. - Hải Phòng : Nxb. Hàng hải, 2026. - 131 tr. : bảng ; 25 cm. - 106000đ. - 30b

Thư mục: tr. 119 s640025

921. Lịch sử và Địa lí 4 / Ch.b.: Vũ Minh Giang, Nghiêm Đình Vỹ, Đào Ngọc Hùng (tổng ch.b.)... - Tái bản lần thứ 3, có chỉnh lí, bổ sung. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 123 tr. : minh họa ; 27 cm. - 16000đ. - 184000b

Đầu bìa sách ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo s639225

922. Lịch sử và Địa lí 5 / Ch.b.: Vũ Minh Giang, Nghiêm Đình Vỳ, Đào Ngọc Hùng (tổng ch.b.)... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 119 tr. : minh họa ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 15800đ. - 215000b s639223

923. Lịch sử và Địa lí 5 / Ch.b.: Vũ Minh Giang, Nghiêm Đình Vỳ, Đào Ngọc Hùng (tổng ch.b.)... - Tái bản lần thứ 2, có chỉnh lí, bổ sung. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 119 tr. : minh họa ; 27 cm. - 15500đ. - 201300b

Đầu bìa sách ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo s639226

924. Luân lý giáo khoa thư / B.s.: Trần Trọng Kim, Nguyễn Văn Ngọc, Đặng Đình Phúc, Đỗ Thận. - In lần thứ 12. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2026. - 169 tr. : tranh vẽ ; 20 cm. - 135000đ. - 1000b s640871

925. Luyện đọc 1 : Rèn kĩ năng đọc trơn, đọc hiểu cho học sinh lớp 1 : Theo Chương trình Sách giáo khoa mới - KN / Minh Phương, Thanh Hương. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 77 tr. : bảng, tranh màu ; 30 cm. - (Tủ sách Kết nối tri thức). - 60000đ. - 5000b s638802

926. Luyện đọc lớp 1 : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 / Lê Phương Nga (ch.b.), Trần Thị Quỳnh Nga. - Tái bản lần thứ 6. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 71 tr. : tranh vẽ ; 27 cm. - 300000đ. - 3000b s639503

927. Luyện đọc lớp 3 : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 / Lê Phương Nga (ch.b.), Trần Thị Quỳnh Nga. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 87 tr. : ảnh, tranh vẽ ; 27 cm. - 40000đ. - 2000b s638782

928. Luyện đọc lớp 5 : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 / Lê Phương Nga (ch.b.), Nguyễn Thị Dung, Lương Thị Hiền. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 87 tr. : minh họa ; 27 cm. - 40000đ. - 2000b s638783

929. Luyện đọc Tiếng Việt 1 : Bí quyết giúp con đọc siêu nhanh : Dành cho bé từ 5 - 6 tuổi : Chương trình thống nhất trên toàn quốc theo định hướng giáo dục mở / Hương Giang, Trung Anh. - H. : Nxb. Hà Nội. - 27 cm. - 60000đ. - 10000b

Q.2. - 2026. - 64 tr. : minh họa s638800

930. Luyện tập làm văn lớp 2 / Phạm Thị Hồng (ch.b.), Vũ Huy Kiếm, Dương Thị Hương. - Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 87 tr. : minh họa ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 39000đ. - 5000b s639358

931. Luyện tập làm văn lớp 3 / Phạm Thị Hồng (ch.b.), Vũ Huy Kiếm, Dương Thị Hương. - Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 96 tr. : minh họa ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 45000đ. - 5000b s639359

932. Luyện tập làm văn lớp 5 / Dương Thị Hương (ch.b.), Vũ Huy Kiếm, Nguyễn Thu Phương. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 112 tr. : bảng, sơ đồ ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 49000đ. - 5000b s639360

933. Luyện tập Tiếng Việt lớp 1 / Đặng Thị Hảo Tâm (ch.b.), Phạm Kim Chung, Trần Kim Phượng. - Tái bản lần thứ 6. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 32000đ. - 10000b

T.1. - 2026. - 68 tr. : minh họa s639348

934. Luyện tập Tiếng Việt lớp 1 / Đặng Thị Hảo Tâm (ch.b.), Nguyễn Thu Trang, Trần Kim Phượng. - Tái bản lần thứ 6. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 32000đ. - 10000b

T.2. - 2026. - 68 tr. : minh họa s639349

935. Luyện tập Tiếng Việt lớp 2 / Phạm Thị Chín, Trần Kim Phụng, Đặng Thị Hào Tâm.
- Tái bản lần thứ 5. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 35000đ. - 15000b

T.1. - 2026. - 72 tr. : minh họa s639350

936. Luyện tập Tiếng Việt lớp 2 / Đặng Thị Hào Tâm, Nguyễn Hiền Trang, Trần Kim Phụng, Nguyễn Thu Trang. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 35000đ. - 15000b

T.2. - 2026. - 68 tr. : minh họa s639351

937. Luyện tập Tiếng Việt lớp 3 / Phạm Thị Hồng (ch.b.), Trần Kim Phụng, Nguyễn Thu Trang. - Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 35000đ. - 15000b

T.1. - 2026. - 72 tr. : minh họa s639352

938. Luyện tập Tiếng Việt lớp 3 / Phạm Thị Hồng (ch.b.), Đặng Thị Hào Tâm, Nguyễn Thu Trang. - Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 35000đ. - 15000b

T.2. - 2026. - 71 tr. : minh họa s639353

939. Luyện tập Tiếng Việt lớp 4 / Đặng Thị Hào Tâm (ch.b.), Phạm Kim Chung, Nguyễn Thu Trang. - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 35000đ. - 15000b

T.1. - 2026. - 75 tr. : minh họa s639354

940. Luyện tập Tiếng Việt lớp 4 / Đặng Thị Hào Tâm (ch.b.), Nguyễn Hiền Trang, Nguyễn Thu Trang. - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 35000đ. - 15000b

T.2. - 2026. - 72 tr. : tranh vẽ s639355

941. Luyện tập Tiếng Việt lớp 5 / Nguyễn Lê Hằng, Nguyễn Hiền Trang (ch.b.), Phạm Kim Chung, Nguyễn Thu Trang. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 35000đ. - 15000b

T.1. - 2026. - 75 tr. : bảng, tranh vẽ s639356

942. Luyện tập Tiếng Việt lớp 5 / Nguyễn Lê Hằng, Nguyễn Hiền Trang (ch.b.), Vũ Thanh Trà, Nguyễn Thu Trang. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 35000đ. - 15000b

T.2. - 2026. - 76 tr. : bảng, tranh vẽ s639357

943. Luyện tập Toán 1 / Nguyễn Thị Hiền. - Thanh Hóa : Nxb. Thanh Hóa. - 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 60000đ. - 3000b

T.1. - 2026. - 96 tr. : hình vẽ, bảng s637590

944. Luyện tập Toán lớp 2 / Lê Anh Vinh (ch.b.), Vũ Duy Càng, Nguyễn Minh Hải, Hoàng Quế Hương. - Tái bản lần thứ 5. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 35000đ. - 15000b

T.1. - 2026. - 80 tr. : hình vẽ, bảng s639075

945. Luyện tập Toán lớp 2 / Lê Anh Vinh (ch.b.), Vũ Duy Càng, Nguyễn Minh Hải, Hoàng Quế Hương. - Tái bản lần thứ 5. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 35000đ. - 15000b

T.2. - 2026. - 84 tr. : hình vẽ, bảng s639076

946. Luyện tập Toán lớp 3 / Lê Anh Vinh (ch.b.), Vũ Duy Cảnh, Hoàng Quế Hương. - Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 35000đ. - 15000b

T.1. - 2026. - 72 tr. : hình vẽ, bảng s639077

947. Luyện tập Toán lớp 3 / Lê Anh Vinh (ch.b.), Vũ Duy Cảnh, Nguyễn Minh Hải. - Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 35000đ. - 15000b

T.2. - 2026. - 80 tr. : hình vẽ, bảng s639078

948. Luyện tập Toán lớp 4 / Lê Anh Vinh (ch.b.), Vũ Duy Cảnh, Hoàng Quế Hương, Nguyễn Văn Lưu. - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 35000đ. - 15000b

T.1. - 2026. - 80 tr. : hình vẽ, bảng s639079

949. Luyện tập Toán lớp 4 / Lê Anh Vinh (ch.b.), Vũ Duy Cảnh, Nguyễn Minh Hải. - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 35000đ. - 15000b

T.2. - 2026. - 80 tr. : hình vẽ, bảng s639080

950. Luyện tập Toán lớp 5 / Lê Anh Vinh (ch.b.), Vũ Duy Cảnh, Hoàng Quế Hương. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 35000đ. - 15000b

T.1. - 2026. - 76 tr. : hình vẽ, bảng s639081

951. Luyện tập Toán lớp 5 / Lê Anh Vinh (ch.b.), Vũ Duy Cảnh, Nguyễn Minh Hải, Nguyễn Văn Lưu. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 35000đ. - 15000b

T.2. - 2026. - 80 tr. : hình vẽ, bảng s639082

952. Luyện từ và câu lớp 2 / Trần Kim Phụng (ch.b.), Vũ Thị Thanh Hương, Vũ Thanh Trà. - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 80 tr. : minh họa ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 39000đ. - 5000b s639361

953. Luyện từ và câu lớp 3 / Trần Kim Phụng (ch.b.), Phạm Thị Việt Nhân, Vũ Thanh Trà. - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 84 tr. : minh họa ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 39000đ. - 5000b s639362

954. Luyện từ và câu lớp 4 / Trần Kim Phụng (ch.b.), Nguyễn Thị Mai, Vũ Thanh Trà. - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 79 tr. : minh họa ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 39000đ. - 5000b s639363

955. Luyện từ và câu lớp 5 / Trần Kim Phụng (ch.b.), Phạm Thị Việt Nhân, Vũ Thanh Trà. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 84 tr. : bảng, tranh vẽ ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 39000đ. - 5000b s639364

956. Luyện viết : Trọn bộ : Nét cơ bản, chữ cái, chữ ghép, chữ số / Hương Giang, Trung Anh. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 96 tr. ; 27 cm. - (Hành trang vào Lớp 1). - 60000đ. - 50000b s638792

957. Luyện viết 1 : Dành cho học sinh tiền Tiểu học / Thùy Dương b.s. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 51 tr. ; 27 cm. - (Hành trang cho bé vào Lớp 1). - 60000đ. - 7000b s638791

958. Luyện viết chữ - Học từ vựng Tiếng Anh 1 : Theo Chương trình Sách giáo khoa (Global Success) / Alice Beatrice. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 32 tr. : hình vẽ ; 27 cm. - 30000đ. - 10000b s638775

959. Luyện viết chữ - Học từ vựng Tiếng Anh 2 : Theo Chương trình Sách giáo khoa (Global Success) / Alice Beatrice. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 32 tr. : hình vẽ ; 27 cm. - 30000đ. - 10000b s638776
960. Luyện viết chữ - Học từ vựng Tiếng Anh 3 : Theo Chương trình Sách giáo khoa (Global Success) / Alice Beatrice. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 52 tr. : hình vẽ ; 27 cm. - 38000đ. - 10000b s638777
961. Luyện viết chữ cái / Huyền Linh. - H. : Văn học, 2026. - 60 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - (Cùng bé vào lớp Một). - 31000đ. - 5000b s640293
962. Luyện viết chữ cái / Khánh Huyền. - H. : Văn học. - 24 cm. - (Tủ sách Bé vào lớp Một). - 29000đ. - 5000b
Q.2. - 2026. - 60 tr. : ảnh, hình vẽ s640298
963. Luyện viết chữ đẹp / Huyền Linh. - H. : Văn học, 2026. - 32 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - (Hành trang cho bé vào Lớp 1). - 15000đ. - 10000b s640286
964. Luyện viết chữ ghép / Huyền Linh. - H. : Văn học, 2026. - 60 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - 31000đ. - 5000b s640295
965. Luyện viết chữ hoa : Luyện chữ hoa theo nhóm. Luyện viết từ và câu / Thùy Dương b.s. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 52 tr. ; 27 cm. - 40000đ. - 5000b s638778
966. Luyện viết chữ mẫu giáo / Huyền Linh. - H. : Văn học, 2026. - 56 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - (Cùng bé vào lớp Một). - 31000đ. - 5000b s640294
967. Luyện viết đúng chính tả 1 / Mai Anh, Thanh Thảo. - H. : Văn học, 2026. - 101 tr. : minh họa ; 24 cm. - 45000đ. - 5000b s640308
968. Luyện viết đúng chính tả 2 / Mai Anh, Thanh Thảo. - H. : Văn học, 2026. - 101 tr. : minh họa ; 24 cm. - 45000đ. - 5000b s640309
969. Luyện viết đúng chính tả 3 / Mai Anh, Thanh Thảo. - H. : Văn học, 2026. - 101 tr. : minh họa ; 24 cm. - 45000đ. - 5000b s640310
970. Luyện viết đúng chính tả 4 / Hồng Nhung, Thanh Thảo. - H. : Văn học, 2026. - 101 tr. : minh họa ; 24 cm. - 45000đ. - 5000b s640311
971. Luyện viết đúng chính tả 5 / Hồng Nhung, Thanh Thảo. - H. : Văn học, 2026. - 101 tr. : minh họa ; 24 cm. - 45000đ. - 5000b s640312
972. Luyện viết đúng viết đẹp lớp 2 / Phạm Kim Chung, Hoàng Minh Thúy. - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 24000đ. - 5000b T.1. - 2026. - 44 tr. s639205
973. Luyện viết lớp 1 : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông năm 2018 / Lê Phương Nga (ch.b.), Thạch Thị Lan Anh. - Tái bản lần thứ 6. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - 20000đ. - 2000b
T.1. - 2026. - 39 tr. s639718
974. Luyện viết lớp 1 : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông năm 2018 / Lê Phương Nga (ch.b.), Thạch Thị Lan Anh. - Tái bản lần thứ 6. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - 20000đ. - 2000b
T.2. - 2026. - 35 tr. s639719
975. Luyện viết lớp 2 : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 / Lê Phương Nga (ch.b.), Thạch Thị Lan Anh. - H. : Nxb. Hà Nội. - 24 cm. - 20000đ. - 2000b
T.1. - 2026. - 39 tr. s638410

976. Luyện viết lớp 2 : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 / Lê Phương Nga (ch.b.), Thạch Thị Lan Anh. - H. : Nxb. Hà Nội. - 24 cm. - 20000đ. - 2000b
T.2. - 2026. - 39 tr. s638411
977. Màu sắc = Colours : Tuổi 2+ / Phương Nhung dịch. - H. : Mỹ thuật, 2026. - 13 tr. : tranh màu ; 9 cm. - (Peppa Pig. Thư viện học tập của tớ). - 29750đ. - 3000b s638248
978. Mỹ thuật 2 / Đoàn Thị Mỹ Hương, Đinh Gia Lê (tổng ch.b.), Trần Thị Biển (ch.b.)... - Tái bản lần thứ 5. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 64 tr. : minh họa ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 7900đ. - 473900b
Đầu bìa sách ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo s638957
979. Mỹ thuật 3 / Nguyễn Xuân Nghi (tổng ch.b.), Trần Thị Biển, Đoàn Thị Mỹ Hương (ch.b.)... - Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 64 tr. : minh họa ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 7900đ. - 460300b
Đầu bìa sách ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo s638958
980. Mỹ thuật 4 / Đinh Gia Lê (tổng ch.b.), Trần Thị Biển, Đoàn Thị Mỹ Hương (ch.b.)... - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 63 tr. : minh họa ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 7900đ. - 410200b
Đầu bìa sách ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo s638959
981. Mỹ thuật 5 / Đinh Gia Lê (tổng ch.b.), Trần Thị Biển, Đoàn Thị Mỹ Hương (ch.b.)... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 63 tr. : minh họa ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 7900đ. - 428800b
Đầu bìa sách ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo s638960
982. 500 bài toán cơ bản và nâng cao lớp 1 : Đánh giá năng lực phát triển tư duy. Biên soạn theo chương trình, sách giáo khoa mới / Nguyễn Đức Tấn (ch.b.), Tạ Hồ Thị Dung, Nguyễn Đức Phát. - Tái bản lần 5. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2026. - 142 tr. : minh họa ; 27 cm. - 71000đ. - 3000b s637576
983. Năng lực động viên học sinh của giáo viên tiểu học : Sách chuyên khảo / Nguyễn Thị Tuấn Anh, Phan Thanh Long (ch.b.), Nguyễn Thị Ngọc Giàu... - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 191 tr. : bảng ; 24 cm. - 152000đ. - 200b
Thư mục: tr. 178-191 s639888
984. Nguyễn Hạnh. Áp lực học đường = Student burnout / Nguyễn Hạnh, Nguyễn Duy Linh. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2026. - 112 tr. ; 20 cm. - (Tủ sách Tâm lý học đường). - 70000đ. - 500b s640996
985. Nguyễn Hạnh. Cái bẫy so sánh = The comparison trap / Nguyễn Hạnh, Nguyễn Duy Linh. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2026. - 176 tr. : hình vẽ ; 20 cm. - (Tủ sách Tâm lý học đường). - 85000đ. - 500b s640995
986. Nguyễn Thanh Nga. Tư duy thiết kế và giáo dục hướng nghiệp / Nguyễn Thanh Nga (ch.b.), Tạ Thanh Trung. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh, 2026. - 155 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 140000đ. - 200b
ĐTTS ghi: Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh. - Thư mục: tr. 152-155 s637520
987. Nguyễn Thị Thanh Huyền. Sổ theo dõi chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ / Nguyễn Thị Thanh Huyền. - Tái bản lần thứ 9. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 72 tr. : bảng ; 27 cm. - 14500đ. - 3000b s639542

988. Nguyễn Thị Thu Hiền. Giáo dục giá trị văn hóa truyền thống cho sinh viên Việt Nam trong bối cảnh hội nhập : Sách chuyên khảo / Nguyễn Thị Thu Hiền. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2026. - 342 tr. : minh họa ; 24 cm. - (Tủ sách Khoa học). - 175000đ. - 300b

ĐTTS ghi: Đại học Quốc gia Hà Nội. Trường Quốc tế. - Thư mục: tr. 231-241. - Phụ lục: tr. 243-342 s638573

989. Nguyễn Trọng Lăng. Giao tiếp sư phạm mầm non trong môi trường đa văn hóa / Nguyễn Trọng Lăng (ch.b.), Phan Thị Nở, Nguyễn Thị Hoàng Yến. - H. : Khoa học xã hội, 2026. - 206 tr. : bìa ; 24 cm. - 138000đ. - 200b

ĐTTS ghi: Đại học Trà Vinh. - Thư mục: tr. 200-206 s640746

990. Nguyễn Trọng Lăng. Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục : Sách tham khảo / Nguyễn Trọng Lăng (ch.b.), Thái Văn Long. - H. : Khoa học xã hội, 2026. - 238 tr. : bìa ; 24 cm. - 148000đ. - 200b

ĐTTS ghi: Đại học Trà Vinh. - Thư mục: tr. 223-225. - Phụ lục: tr. 226-238 s640749

991. Những bài văn kể chuyện lớp 4 : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới / S.t., b.s.: Tạ Thanh Sơn, Nguyễn Thị Hoài, Thái Thanh Vân... - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2026. - 92 tr. ; 24 cm. - 45000đ. - 1500b s640779

992. Những bài văn miêu tả lớp 4 : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới / Tuyển chọn, b.s.: Tạ Thanh Sơn, Lê Thanh Hải, Nguyễn Ngọc Hà... - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2026. - 98 tr. ; 24 cm. - 48000đ. - 1500b s640777

993. Ôn hè Tiếng Anh lớp 1 lên lớp 2 / Hương Lê b.s. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 59 tr. : hình vẽ, bìa ; 27 cm. - 40000đ. - 1000b s638741

994. Ôn hè Tiếng Anh lớp 2 lên lớp 3 / Hương Lê b.s. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 67 tr. : hình vẽ, bìa ; 27 cm. - 40000đ. - 1000b s638742

995. Ôn hè Tiếng Anh lớp 3 lên lớp 4 / Hương Lê b.s. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 55 tr. : hình vẽ, bìa ; 27 cm. - 40000đ. - 1000b s638743

996. Ôn hè Tiếng Anh lớp 4 lên lớp 5 / Hương Lê b.s. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 51 tr. : hình vẽ, bìa ; 27 cm. - 40000đ. - 1000b s638744

997. Ôn hè Tiếng Việt 3 : Dành cho học sinh lớp 3 lên lớp 4 : Theo Chương trình Sách giáo khoa mới nhất / Nguyễn Văn Quyền, Uyển Uyển, Nguyễn Hương Ly. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 72 tr. : minh họa ; 27 cm. - 40000đ. - 20000b s638798

998. Ôn hè Toán 3 : Dành cho học sinh lớp 3 lên lớp 4 : Theo Chương trình Sách giáo khoa mới nhất / Nguyễn Văn Quyền, Uyển Uyển, Nguyễn Hương Ly. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 72 tr. : minh họa ; 27 cm. - 40000đ. - 20000b s638799

999. Ôn kiến thức, rèn kỹ năng Tiếng Việt 1 : Giúp em học ôn trong hè : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 / Nguyễn Phương, Mạc Đăng Khôi. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 40 tr. : minh họa ; 27 cm. - 29800đ. - 2000b s638808

1000. Ôn kiến thức, rèn kỹ năng Tiếng Việt 2 : Giúp em học ôn trong hè : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 / Nguyễn Phương, Mạc Đăng Khôi. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 36 tr. : minh họa ; 27 cm. - 29800đ. - 2000b s638809

1001. Ôn kiến thức, rèn kỹ năng Tiếng Việt 3 : Giúp em học ôn trong hè : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 / Nguyễn Phương, Mạc Đăng Khôi. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 32 tr. : minh họa ; 27 cm. - 29800đ. - 1000b s638810

1002. Ôn kiến thức, rèn kỹ năng Tiếng Việt 4 : Giúp em học ôn trong hè : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 / Nguyễn Phương, Mạc Đăng Khôi. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 36 tr. : minh họa ; 27 cm. - 29800đ. - 1000b s638811

1003. Ôn kiến thức, rèn kỹ năng Toán 1 : Giúp em học ôn trong hè : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 / Vũ Thị Ái Nhu, Đào Hồng Hạnh. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 40 tr. : bảng, tranh vẽ ; 27 cm. - 29800đ. - 2000b s638804

1004. Ôn kiến thức, rèn kỹ năng Toán 2 : Giúp em học ôn trong hè : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 / Vũ Thị Ái Nhu, Đào Hồng Hạnh. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 48 tr. : minh họa ; 27 cm. - 29800đ. - 2000b s638805

1005. Ôn kiến thức, rèn kỹ năng Toán 3 : Giúp em học ôn trong hè : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 / Nguyễn Việt An. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 44 tr. : minh họa ; 27 cm. - 29800đ. - 1000b s638806

1006. Ôn kiến thức, rèn kỹ năng Toán 4 : Giúp em học ôn trong hè : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 / Nguyễn Việt An. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 44 tr. : minh họa ; 27 cm. - 29800đ. - 1000b s638807

1007. Ôn luyện môn Tiếng Việt lớp 2 : Sách dành cho học sinh lớp 2 / Lại Thị Hồng Gấm, Phạm Thị Dân, Lại Văn Thu. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh. - 27 cm. - 32000đ. - 3000b

Q.2. - 2026. - 80 tr. : ảnh, bảng s637608

1008. Ôn luyện môn Tiếng Việt lớp 4 / Nguyễn Thị Vân, Lại Văn Thu. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh. - 27 cm. - 38000đ. - 3000b

Q.2. - 2026. - 96 tr. : minh họa s637629

1009. Ôn luyện trong hè dành cho học sinh lớp 1: Toán - Tiếng Việt - Kỹ năng sống / Trần Diên Hiền, Mai Bá Bắc, Lê Phương Nga, Lê Thị Chi. - Tái bản lần thứ 5. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 83 tr. : minh họa ; 24 cm. - 30000đ. - 3000b s638412

1010. Ôn luyện trong hè dành cho học sinh lớp 2: Toán - Tiếng Việt - Kỹ năng sống / Trần Diên Hiền, Lê Phương Nga, Lê Thị Chi. - Tái bản lần thứ 4. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 87 tr. : minh họa ; 24 cm. - 30000đ. - 3000b s638413

1011. Ôn luyện trong hè dành cho học sinh lớp 3: Toán - Tiếng Việt - Kỹ năng sống / Trần Diên Hiền, Trần Thị Mai, Lê Thị Chi. - Tái bản lần thứ 3. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 83 tr. : minh họa ; 24 cm. - 30000đ. - 3000b s638414

1012. Ôn luyện trong hè dành cho học sinh lớp 4: Toán - Tiếng Việt - Kỹ năng sống / Trần Diên Hiền, Trần Thị Mai, Lê Thị Chi. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 87 tr. : minh họa ; 24 cm. - 30000đ. - 3000b s638415

1013. Ôn luyện trong hè dành cho học sinh lớp 5: Toán - Tiếng Việt - Kỹ năng sống / Trần Diên Hiền, Trần Thị Mai, Lê Thị Chi. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 87 tr. : minh họa ; 24 cm. - 30000đ. - 1500b s638416

1014. Ôn tập hè Tiếng Việt 1 : Dành cho học sinh lớp 1 lên lớp 2 / Đặng Kim Nga, Nguyễn Khánh Hà (ch.b.), Nguyễn Hoàng Mỹ Anh, Vũ Trọng Đông. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh, 2026. - 72 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 35000đ. - 10000b s637619

1015. Ôn tập hè Tiếng Việt 2 : Dành cho học sinh lớp 2 lên lớp 3 / Đặng Kim Nga, Nguyễn Khánh Hà (ch.b.), Nguyễn Hoàng Mỹ Anh, Vũ Trọng Đông. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh, 2026. - 96 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 35000đ. - 10000b s637620

1016. Ôn tập hệ Tiếng Việt 3 : Dành cho học sinh lớp 3 lên lớp 4 / Đặng Kim Nga, Nguyễn Khánh Hà (ch.b.), Nguyễn Hoàng Mỹ Anh, Vũ Trọng Đông. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh, 2026. - 91 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 35000đ. - 10000b s637621

1017. Ôn tập hệ Tiếng Việt 4 : Dành cho học sinh lớp 4 lên lớp 5 / Đặng Kim Nga, Nguyễn Khánh Hà (ch.b.), Nguyễn Hoàng Mỹ Anh, Vũ Trọng Đông. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh, 2026. - 92 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 35000đ. - 10000b s637622

1018. Ôn tập hệ Tiếng Việt 5 : Dành cho học sinh lớp 5 lên lớp 6 / Đặng Kim Nga, Nguyễn Khánh Hà (ch.b.), Nguyễn Hoàng Mỹ Anh, Vũ Trọng Đông. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh, 2026. - 92 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 35000đ. - 10000b s637623

1019. Ôn tập hệ Toán 1 : Dành cho học sinh lớp 1 lên lớp 2 / Đỗ Tiến Đạt (ch.b.), Đỗ Đức Bình, Trần Thúy Nga. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh, 2026. - 72 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 35000đ. - 10000b s637624

1020. Ôn tập hệ Toán 2 : Dành cho học sinh lớp 2 lên lớp 3 / Đỗ Tiến Đạt (ch.b.), Đỗ Đức Bình, Trần Thúy Nga. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh, 2026. - 80 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 35000đ. - 10000b s637625

1021. Ôn tập hệ Toán 3 : Dành cho học sinh lớp 3 lên lớp 4 / Đỗ Tiến Đạt (ch.b.), Đỗ Đức Bình, Trần Thúy Nga. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh, 2026. - 72 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 35000đ. - 10000b s637626

1022. Ôn tập hệ Toán 4 : Dành cho học sinh lớp 4 lên lớp 5 / Đỗ Tiến Đạt (ch.b.), Đỗ Đức Bình, Trần Thúy Nga. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh, 2026. - 68 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 35000đ. - 10000b s637627

1023. Ôn tập hệ Toán 5 : Dành cho học sinh lớp 5 lên lớp 6 / Đỗ Tiến Đạt (ch.b.), Đỗ Đức Bình, Trần Thúy Nga. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh, 2026. - 80 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 35000đ. - 10000b s637628

1024. Phát triển chương trình giáo dục nhà trường theo tiếp cận dự án học tập dành cho trẻ mẫu giáo : Dành cho cán bộ quản lý và giáo viên mầm non / Cao Thị Hồng Nhung, Nguyễn Thị Thành, Trịnh Thị Xim... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 63 tr. : minh họa ; 27 cm. - 44000đ. - 2000b s638853

1025. Phát triển năng lực trong môn Tiếng Việt 1 : Phù hợp với bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống / Trần Thị Hiền Lương. - Tái bản lần thứ 3. - H. : Nxb. Hà Nội. - 26 cm. - 32000đ. - 5000b

T.1. - 2026. - 83 tr. : hình vẽ s639973

1026. Phát triển năng lực trong môn Tiếng Việt 1 : Phù hợp với bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống / Trần Thị Hiền Lương, Xuân Thị Nguyệt Hà. - Tái bản lần thứ 3. - H. : Nxb. Hà Nội. - 26 cm. - 32000đ. - 5000b

T.2. - 2026. - 79 tr. : tranh vẽ s639974

1027. Phát triển năng lực trong môn Tiếng Việt 2 : Phù hợp với bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống / Trần Thị Hiền Lương, Xuân Thị Nguyệt Hà. - Tái bản lần thứ 3. - H. : Nxb. Hà Nội. - 26 cm. - 32000đ. - 4000b

T.1. - 2026. - 79 tr. : minh họa s639975

1028. Phát triển năng lực trong môn Tiếng Việt 2 : Phù hợp với bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống / Trần Thị Hiền Lương, Xuân Thị Nguyệt Hà. - Tái bản lần thứ 3. - H. : Nxb. Hà Nội. - 26 cm. - 32000đ. - 4000b

T.2. - 2026. - 79 tr. : minh họa s639976

1029. Phát triển năng lực trong môn Toán 1 : Phù hợp với bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống / Hoàng Mai Lê, Nguyễn Đức Mạnh. - Tái bản lần thứ 3. - H. : Nxb. Hà Nội. - 26 cm. - 32000đ. - 5000b

T.1. - 2026. - 79 tr. : minh họa s639967

1030. Phát triển năng lực trong môn Toán 1 : Phù hợp với bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống / Hoàng Mai Lê, Nguyễn Đức Mạnh. - Tái bản lần thứ 3. - H. : Nxb. Hà Nội. - 26 cm. - 32000đ. - 5000b

T.2. - 2026. - 75 tr. : minh họa s639968

1031. Phát triển năng lực trong môn Toán 2 : Phù hợp với bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống / Hoàng Mai Lê, Nguyễn Đức Mạnh. - Tái bản lần thứ 3. - H. : Nxb. Hà Nội. - 26 cm. - 32000đ. - 4000b

T.1. - 2026. - 79 tr. : minh họa s639969

1032. Phát triển năng lực trong môn Toán 2 : Phù hợp với bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống / Hoàng Mai Lê, Nguyễn Đức Mạnh. - Tái bản lần thứ 3. - H. : Nxb. Hà Nội. - 26 cm. - 32000đ. - 4000b

T.2. - 2026. - 75 tr. : minh họa s639970

1033. Phát triển năng lực trong môn Toán 3 : Phù hợp với bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống / Hoàng Mai Lê, Nguyễn Đức Mạnh. - Tái bản lần thứ 4. - H. : Nxb. Hà Nội. - 26 cm. - 32000đ. - 4000b

T.1. - 2026. - 83 tr. : minh họa s639971

1034. Phát triển năng lực trong môn Toán 3 : Phù hợp với bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống / Hoàng Mai Lê, Nguyễn Đức Mạnh. - Tái bản lần thứ 4. - H. : Nxb. Hà Nội. - 26 cm. - 32000đ. - 4000b

T.2. - 2026. - 79 tr. : minh họa s639972

1035. Phát triển và nâng cao Tiếng Việt 4 : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới / Phạm Văn Công. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2026. - 156 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - 68000đ. - 1500b s640780

1036. Phiếu bài tập cuối tuần môn Tiếng Anh lớp 2 / Đỗ Thị Ngọc Hiền (ch.b.), Trương Thị Ngọc Minh. - Tái bản lần thứ 5. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 76 tr. : hình vẽ, bảng ; 30 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 39000đ. - 2000b s639509

1037. Phiếu bài tập cuối tuần môn Tiếng Anh lớp 3 / Đỗ Thị Ngọc Hiền (ch.b.), Lê Thị Huyền, Trương Thị Ngọc Minh. - Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 76 tr. : minh họa ; 30 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 39000đ. - 2000b s639510

1038. Phiếu bài tập cuối tuần môn Tiếng Anh lớp 4 / Đỗ Thị Ngọc Hiền (ch.b.), Lê Thị Huyền. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 76 tr. : minh họa ; 30 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 39000đ. - 2000b s639511

1039. Phiếu bài tập cuối tuần môn Tiếng Anh lớp 5 / Đỗ Thị Ngọc Hiền (ch.b.), Lê Thị Huyền. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 76 tr. : minh họa ; 30 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 39000đ. - 2000b s639512

1040. Phiếu bài tập cuối tuần môn Tiếng Việt lớp 1 / Lê Thị Lan Anh, Nguyễn Hiền Trang. - Tái bản lần thứ 6. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 72 tr. : hình vẽ, bảng ; 30 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 39000đ. - 2000b s639513

1041. Phiếu bài tập cuối tuần môn Tiếng Việt lớp 2 / Hoàng Minh Thúy (ch.b.), Nguyễn Hiền Trang. - Tái bản lần thứ 5. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 72 tr. : minh họa ; 30 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 39000đ. - 2000b s639514

1042. Phiếu bài tập cuối tuần môn Tiếng Việt lớp 3 / Hoàng Thị Minh Hương (ch.b.), Nguyễn Hiền Trang, Nguyễn Thu Trang. - Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 76 tr. : hình vẽ, bảng ; 30 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 39000đ. - 2000b s639515

1043. Phiếu bài tập cuối tuần môn Tiếng Việt lớp 4 / Hoàng Thị Minh Hương (ch.b.), Nguyễn Hiền Trang, Phạm Thị Bình, Nguyễn Thu Trang. - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 76 tr. : hình vẽ, bảng ; 30 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 39000đ. - 2000b s639516

1044. Phiếu bài tập cuối tuần môn Tiếng Việt lớp 5 / Vũ Thị Lan, Nguyễn Hiền Trang (ch.b.), Phạm Thị Bình, Nguyễn Thu Trang. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 76 tr. : hình vẽ, bảng ; 30 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 39000đ. - 2000b s639517

1045. Phiếu bài tập cuối tuần môn Toán lớp 1 / Vũ Dương Thụy (ch.b.), Vũ Văn Dương, Nguyễn Đức Mạnh, Phùng Như Thụy. - Tái bản lần thứ 6. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 76 tr. : hình vẽ, bảng ; 30 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 39000đ. - 10000b s639504

1046. Phiếu bài tập cuối tuần môn Toán lớp 2 / Vũ Dương Thụy (ch.b.), Vũ Văn Dương, Vũ Thị Thanh Hương... - Tái bản lần thứ 5. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 76 tr. : hình vẽ, bảng ; 30 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 39000đ. - 10000b s639505

1047. Phiếu bài tập cuối tuần môn Toán lớp 3 / Lê Anh Vinh (ch.b.), Vũ Văn Dương, Vũ Thị Thanh Hương... - Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 76 tr. : hình vẽ, bảng ; 30 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 39000đ. - 10000b s639506

1048. Phiếu bài tập cuối tuần môn Toán lớp 4 / Lê Anh Vinh (ch.b.), Vũ Văn Dương, Vũ Văn Luân... - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 76 tr. : hình vẽ, bảng ; 30 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 39000đ. - 10000b s639507

1049. Phiếu bài tập cuối tuần môn Toán lớp 5 / Lê Anh Vinh (ch.b.), Vũ Văn Dương, Vũ Văn Luân... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 76 tr. : minh họa ; 30 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 39000đ. - 10000b s639508

1050. Phiếu bài tập cuối tuần phát triển năng lực Tiếng Anh 1 : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới / Nguyễn Ánh Mai, Lê Hải Anh. - H. : Đại học Sư phạm, 2026. - 70 tr. : minh họa ; 27 cm. - 39000đ. - 2000b s638715

1051. Phiếu bài tập cuối tuần phát triển năng lực Tiếng Anh 2 : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới / Nguyễn Ánh Mai, Lê Hải Anh. - H. : Đại học Sư phạm, 2026. - 70 tr. : minh họa ; 27 cm. - 39000đ. - 2000b s638716

1052. Phiếu bài tập cuối tuần phát triển năng lực Tiếng Anh 3 : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới / Nguyễn Ánh Mai, Lê Hải Anh. - H. : Đại học Sư phạm, 2026. - 70 tr. : minh họa ; 27 cm. - 39000đ. - 2000b s638717

1053. Phiếu bài tập cuối tuần phát triển năng lực Tiếng Việt 1 : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới / Vũ Lan Chi, Trịnh Thị Hương, Trần Thị Phương Thảo. - H. : Đại học Sư phạm, 2026. - 72 tr. : minh họa ; 27 cm. - 39000đ. - 1500b s638710

1054. Phiếu bài tập cuối tuần phát triển năng lực Tiếng Việt 2 : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới / Vũ Lan Chi, Trịnh Thị Hương, Trần Thị Phương Thảo. - H. : Đại học Sư phạm, 2026. - 72 tr. : minh họa ; 27 cm. - 39000đ. - 5000b s638711

1055. Phiếu bài tập cuối tuần phát triển năng lực Tiếng Việt 3 : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới / Vũ Lan Chi (ch.b.), Cao Thu Hà, Trịnh Thị Hương, Cao Thị Ngọc Trâm. - H. : Đại học Sư phạm, 2026. - 72 tr. : minh họa ; 27 cm. - 39000đ. - 5000b s638712

1056. Phiếu bài tập cuối tuần phát triển năng lực Tiếng Việt 4 : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới / Vũ Nhã Uyên (ch.b.), Nguyễn Phương Anh, Cao Thu Hà, Trịnh Thị Hương. - H. : Đại học Sư phạm, 2026. - 72 tr. : minh họa ; 27 cm. - 39000đ. - 5000b s638713

1057. Phiếu bài tập cuối tuần phát triển năng lực Tiếng Việt 5 : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới / Vũ Nhã Uyên (ch.b.), Nguyễn Phương Anh, Cao Thu Hà, Cao Thị Ngọc Trâm. - H. : Đại học Sư phạm, 2026. - 72 tr. : minh họa ; 27 cm. - 39000đ. - 4500b s638714

1058. Phiếu bài tập cuối tuần phát triển năng lực Toán 1 : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới / Vũ Lan Chi, Nguyễn Ngọc Diễm, Cao Thu Hà, Cao Thị Ngọc Trâm. - H. : Đại học Sư phạm, 2026. - 72 tr. : minh họa ; 27 cm. - 39000đ. - 4000b s638705

1059. Phiếu bài tập cuối tuần phát triển năng lực Toán 2 : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới / Vũ Lan Chi, Nguyễn Ngọc Diễm, Cao Thu Hà, Cao Thị Ngọc Trâm. - H. : Đại học Sư phạm, 2026. - 72 tr. : minh họa ; 27 cm. - 39000đ. - 5000b s638706

1060. Phiếu bài tập cuối tuần phát triển năng lực Toán 3 : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới / Vũ Lan Chi (ch.b.), Nguyễn Ngọc Diễm, Chữ Thị Ngọc, Trần Thị Phương Thảo. - H. : Đại học Sư phạm, 2026. - 72 tr. : minh họa ; 27 cm. - 39000đ. - 5000b s638707

1061. Phiếu bài tập cuối tuần phát triển năng lực Toán 4 : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới / Vũ Nhã Uyên (ch.b.), Chữ Thị Ngọc, Nguyễn Ngọc Diễm, Trần Thị Phương Thảo. - H. : Đại học Sư phạm, 2026. - 72 tr. : minh họa ; 27 cm. - 39000đ. - 4500b s638708

1062. Phiếu bài tập cuối tuần phát triển năng lực Toán 5 : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới / Vũ Nhã Uyên (ch.b.), Nguyễn Ngọc Diễm, Trịnh Thị Hương, Trần Thị Phương Thảo. - H. : Đại học Sư phạm, 2026. - 72 tr. : minh họa ; 27 cm. - 39000đ. - 4800b s638709

1063. Phiếu bài tập cuối tuần Tiếng Anh 3 : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới của Bộ Giáo dục và Đào tạo : 35 tuần học / Thùy Dương. - H. : Tri thức, 2026. - 100 tr. : hình vẽ, bảng ; 30 cm. - (Global Success). - 75000đ. - 3000b s637548

1064. Phiếu tự đánh giá cuối tuần và kiểm tra định kì môn Tiếng Việt 1 : Phù hợp với kế hoạch dạy học bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống / Trần Thị Mai (ch.b.), Trần Hải Toàn, Nguyễn Thị Thủy, Nguyễn Huyền Trang. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 75 tr. : hình vẽ, bảng ; 26 cm. - 48000đ. - 4000b s639613

1065. Phiếu tự đánh giá cuối tuần và kiểm tra định kì môn Tiếng Việt 2 : Phù hợp với kế hoạch dạy học bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống / Trần Thị Mai (ch.b.), Trần Hải Toàn, Nguyễn Thị Thủy, Nguyễn Huyền Trang. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 75 tr. : hình vẽ, bảng ; 26 cm. - 48000đ. - 4000b s639614

1066. Phiếu tự đánh giá cuối tuần và kiểm tra định kì môn Tiếng Việt 3 : Phù hợp với kế hoạch dạy học bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống / Trần Thị Mai (ch.b.), Trần Hải Toàn, Nguyễn Thị Thủy, Nguyễn Huyền Trang. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 75 tr. : hình vẽ, bảng ; 26 cm. - 48000đ. - 4000b s639615

1067. Phiếu tự đánh giá cuối tuần và kiểm tra định kì môn Tiếng Việt 4 : Phù hợp với kế hoạch dạy học bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống / Trần Thị Mai (ch.b.), Trần Hải Toàn, Nguyễn Thị Thủy, Nguyễn Huyền Trang. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 79 tr. : hình vẽ, bảng ; 26 cm. - 48000đ. - 4000b s639616

1068. Phiếu tự đánh giá cuối tuần và kiểm tra định kì môn Tiếng Việt 5 : Phù hợp với kế hoạch dạy học bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống / Trần Thị Mai (ch.b.), Trần Hải Toàn, Nguyễn Thị Thủy, Nguyễn Huyền Trang. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 80 tr. : bảng ; 26 cm. - 48000đ. - 4000b s639617

1069. Phiếu tự đánh giá cuối tuần và kiểm tra định kì môn Toán 1 : Phù hợp với kế hoạch dạy học bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống / Hoàng Mai Lê (ch.b.), Lê Thu Huyền, Phan Duy Nghĩa, Tô Thị Thanh Thủy. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 79 tr. : hình vẽ, bảng ; 26 cm. - 48000đ. - 4000b s639623

1070. Phiếu tự đánh giá cuối tuần và kiểm tra định kì môn Toán 2 : Phù hợp với kế hoạch dạy học bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống / Hoàng Mai Lê (ch.b.), Lê Thu Huyền, Phan Duy Nghĩa, Hoàng Thị Thanh Ngọc. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 79 tr. : hình vẽ, bảng ; 26 cm. - 48000đ. - 4000b s639624

1071. Phiếu tự đánh giá cuối tuần và kiểm tra định kì môn Toán 3 : Phù hợp với kế hoạch dạy học bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống / Hoàng Mai Lê (ch.b.), Lê Thu Huyền, Phan Duy Nghĩa, Tô Thị Thanh Thủy. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 79 tr. : hình vẽ, bảng ; 26 cm. - 48000đ. - 4000b s639625

1072. Phiếu tự đánh giá cuối tuần và kiểm tra định kì môn Toán 4 : Phù hợp với kế hoạch dạy học bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống / Hoàng Mai Lê (ch.b.), Lê Thu Huyền, Phan Duy Nghĩa, Nguyễn Thị Hương. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 83 tr. : minh họa ; 26 cm. - 48000đ. - 4000b s639626

1073. Phiếu tự đánh giá cuối tuần và kiểm tra định kì môn Toán 5 : Phù hợp với kế hoạch dạy học bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống / Hoàng Mai Lê (ch.b.), Lê Thu Huyền, Phan Duy Nghĩa. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 83 tr. : hình vẽ, bảng ; 26 cm. - 48000đ. - 4000b s639627

1074. Phở Đức Hòa. Tổ chức hoạt động trải nghiệm ở tiểu học / Phở Đức Hòa, Vũ Thị Lan Anh. - H. : Đại học Sư phạm, 2026. - 103 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 65000đ. - 1000b
Thư mục: tr. 102-103 s639993

1075. Rau củ quả = Fruits and vegetables : Tuổi 2+ / Phương Nhung dịch. - H. : Mỹ thuật, 2026. - 13 tr. : tranh màu ; 9 cm. - (Peppa Pig. Thư viện học tập của tó). - 29750đ. - 3000b s638246

1076. Rèn kĩ năng cộng trừ trong phạm vi 20 : Bí quyết giúp con 4 - 6 tuổi tính toán nhanh / Thanh Hương, Minh Phương. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 67 tr. : hình vẽ ; 27 cm. - (Chào Lốp 1). - 50000đ. - 5000b s638740

1077. Rèn kĩ năng cộng trừ trong phạm vi 10 : Bí quyết giúp con 4 - 6 tuổi tính toán nhanh / Thanh Hương, Minh Phương. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 48 tr. : hình vẽ ; 27 cm. - (Chào Lốp 1). - 38000đ. - 5000b s638739

1078. Rèn kĩ năng cộng trừ trong phạm vi 100 : Bí quyết học giỏi Toán cho trẻ 6 - 7 tuổi / Thanh Hương, Minh Phương. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 55 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 38000đ. - 5000b s638768

1079. Rèn kĩ năng học tốt Toán 1 : Hỗ trợ phát triển năng lực giải Toán / Trần Thị Kim Cương, Tạ Hoàng Đồng. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 215 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 85000đ. - 3000b s638732

1080. Rèn kĩ năng học tốt Toán 5 : Hỗ trợ phát triển năng lực giải Toán / Trần Thị Kim Cương, Tạ Hoàng Đồng. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 223 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 90000đ. - 3000b s638733

1081. Rèn kĩ năng tính nhanh, tính nhẩm 1 : Bí quyết học giỏi Toán cho trẻ 5 - 7 tuổi / Thanh Hương, Minh Phương. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 51 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 38000đ. - 5000b s638767

1082. Sách tương tác giúp bé thông minh - Nhận biết hình dạng / Lời: Magda Garguláková ; Tranh: Marie Urbánková ; Thu Huyền dịch. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 12 tr. : tranh màu ; 18 cm. - 118000đ. - 3000b

Tên sách tiếng Anh: Shapes s640522

1083. Sách tương tác giúp bé thông minh - Nhận biết màu sắc / Lời: Magda Garguláková ; Tranh: Marie Urbánková ; Thu Huyền dịch. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 12 tr. : tranh màu ; 18 cm. - 118000đ. - 3000b

Tên sách tiếng Anh: Colours s640521

1084. Sách tương tác giúp bé thông minh - Nhận biết số đếm / Lời: Magda Garguláková ; Tranh: Marie Urbánková ; Thu Huyền dịch. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 12 tr. : tranh màu ; 18 cm. - 118000đ. - 3000b

Tên sách tiếng Anh: Numbers s640520

1085. Sẵn sàng cho việc học đọc, học viết : Trẻ 5 - 6 tuổi / Nguyễn Thị Minh Thảo, Nguyễn Thúy Hằng, Trần Thị Thu Trang. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Chuẩn bị cho trẻ em 5 tuổi vào học Lớp 1). - 20000đ. - 30000b

Q.2. - 2026. - 35 tr. : hình vẽ s639199

1086. Seelig, Tina. Nếu tôi biết được khi còn 20 = What I wish I knew when I was 20 / Tina Seelig ; Hồng Nhật dịch. - In lần thứ 32. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2026. - 251 tr. ; 21 cm. - 80000đ. - 1000b s640868

1087. Sổ liên lạc : Trao đổi thông tin giữa cơ sở giáo dục mầm non với gia đình / Nguyễn Thị Ánh Nguyệt, Phạm Thanh Hoa. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 24 tr. : tranh vẽ ; 24 cm. - 9000đ. - 30000b s639822

1088. Sổ sức khỏe : Dành cho trẻ mầm non : Theo Thông tư 13/2016/TTLT-BYT-BGDĐT ngày 12/5/2016 quy định công tác y tế trường học / Trần Thu Phương. - Tái bản lần thứ 14. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 48 tr. : bảng ; 21 cm. - 10500đ. - 70000b s639817

1089. Sổ tay Kiến thức tiếng Việt tiểu học / Nguyễn Thanh Lâm, Nguyễn Tú Phương. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 195 tr. : bảng ; 18 cm. - 45000đ. - 3000b

Phụ lục: tr. 187. - Thư mục: tr. 188 s638243

1090. Sổ tay Kiến thức Toán tiểu học / Nguyễn Anh Vũ. - Tái bản lần 1. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 270 tr. : hình vẽ, bảng ; 18 cm. - 57000đ. - 3000b s638242

1091. Sổ theo dõi sức khỏe trẻ mẫu giáo : 3 - 6 tuổi / Đào Minh Hiền, Đào Thị Yên. - Tái bản lần thứ 6. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 36 tr. : bảng, biểu đồ ; 21 cm. - 10500đ. - 50000b s639820

1092. Sổ theo dõi sức khỏe trẻ mẫu giáo : Dành cho trẻ từ 3 đến 6 tuổi : Dùng trong các cơ sở giáo dục mầm non / Nguyễn Minh Huyền, Nguyễn Thị Hải Yến. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 36 tr. : bảng, biểu đồ ; 21 cm. - 10500đ. - 150000b s639819

1093. Sổ theo dõi sức khỏe trẻ nhà trẻ : 3 - 36 tháng tuổi / Đào Minh Hiền, Đào Thị Yên. - Tái bản lần thứ 6. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 28 tr. : bảng, biểu đồ ; 21 cm. - 8500đ. - 30000b s639818

1094. Sổ theo dõi tài sản lớp mẫu giáo / Nguyễn Thị Thanh Huyền. - Tái bản lần thứ 10. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 32 tr. : bảng ; 19x27 cm. - 11000đ. - 10000b s640548

1095. Số đếm = Numbers : Tuổi 2+ / Phương Nhung dịch. - H. : Mỹ thuật, 2026. - 13 tr. : tranh màu ; 9 cm. - (Peppa Pig. Thư viện học tập của tớ). - 29750đ. - 3000b s638249

1096. Sống đẹp theo gương Bác Hồ - Lớp 1 / Nguyễn Khắc Khanh (ch.b.), Nguyễn Thế Kỷ, Nguyễn Quang Thiều, Đào Xuân Vũ. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 51 tr. : minh họa ; 27 cm. - 200b s639014

1097. Sống đẹp theo gương Bác Hồ - Lớp 1 / Nguyễn Khắc Khanh (ch.b.), Nguyễn Thế Kỷ, Nguyễn Quang Thiều, Đào Xuân Vũ. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 51 tr. : minh họa ; 27 cm. - 32000đ. - 3000b s639026

1098. Sống đẹp theo gương Bác Hồ - Lớp 2 / Nguyễn Khắc Khanh (ch.b.), Nguyễn Thế Kỷ, Nguyễn Quang Thiều, Đào Xuân Vũ. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 60 tr. : minh họa ; 27 cm. - 200b s639015

1099. Sống đẹp theo gương Bác Hồ - Lớp 2 / Nguyễn Khắc Khanh (ch.b.), Nguyễn Thế Kỷ, Nguyễn Quang Thiều, Đào Xuân Vũ. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 60 tr. : minh họa ; 27 cm. - 32000đ. - 3000b s639027

1100. Sống đẹp theo gương Bác Hồ - Lớp 3 / Nguyễn Khắc Khanh (ch.b.), Nguyễn Thế Kỷ, Nguyễn Quang Thiều, Đào Xuân Vũ. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 67 tr. : minh họa ; 27 cm. - 200b s639016

1101. Sống đẹp theo gương Bác Hồ - Lớp 3 / Nguyễn Khắc Khanh (ch.b.), Nguyễn Thế Kỷ, Nguyễn Quang Thiều, Đào Xuân Vũ. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 60 tr. : minh họa ; 27 cm. - 32000đ. - 3000b s639028

1102. Sống đẹp theo gương Bác Hồ - Lớp 4 / Nguyễn Khắc Khanh (ch.b.), Nguyễn Thế Kỷ, Nguyễn Quang Thiều, Đào Xuân Vũ. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 63 tr. : minh họa ; 27 cm. - 200b s639017

1103. Sống đẹp theo gương Bác Hồ - Lớp 4 / Nguyễn Khắc Khanh (ch.b.), Nguyễn Thế Kỷ, Nguyễn Quang Thiều, Đào Xuân Vũ. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 60 tr. : minh họa ; 27 cm. - 32000đ. - 3000b s639029

1104. Sống đẹp theo gương Bác Hồ - Lớp 5 / Nguyễn Khắc Khanh (ch.b.), Nguyễn Thế Kỷ, Nguyễn Quang Thiều, Đào Xuân Vũ. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 63 tr. : minh họa ; 27 cm. - 200b s639018

1105. Sống đẹp theo gương Bác Hồ - Lớp 5 / Nguyễn Khắc Khanh (ch.b.), Nguyễn Thế Kỷ, Nguyễn Quang Thiều, Đào Xuân Vũ. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 60 tr. : minh họa ; 27 cm. - 32000đ. - 3000b s639030

1106. STEAM cho trẻ mầm non / Hoàng Thị Kim Nhung, Nguyễn Thị Mai, Nguyễn Thị Sương Lan ; Minh họa: Đặng Hồng Quân. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - 15000đ. - 7000b

Q.1. - 2026. - 24 tr. : ảnh, tranh vẽ s638915

1107. STEAM cho trẻ mầm non / Hoàng Thị Kim Nhung, Nguyễn Thị Mai, Nguyễn Thị Sương Lan ; Minh họa: Nguyễn Thị Quỳnh Hoa. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - 15000đ. - 8000b

Q.2. - 2026. - 24 tr. : bảng, tranh vẽ s638916

1108. STEAM cho trẻ mầm non / Hoàng Thị Kim Nhung, Nguyễn Thị Mai, Nguyễn Thị Sương Lan ; Minh họa: Phùng Thu Linh. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - 15000đ. - 10000b

Q.3. - 2026. - 24 tr. : bảng, tranh vẽ s638917

1109. Tài liệu chuyên đề Giáo dục nếp sống thanh lịch, văn minh cho học sinh Hà Nội : Dùng cho học sinh lớp 1 / B.s.: Nguyễn Hữu Độ, Nguyễn Thị Ngọc Bích, Nguyễn Khắc Oánh... - Tái bản. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 35 tr. : tranh màu ; 24 cm. - 17000đ. - 15010b

ĐTTS ghi: Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội s638425

1110. Tài liệu chuyên đề Giáo dục nếp sống thanh lịch, văn minh cho học sinh Hà Nội :
Dùng cho học sinh lớp 2 / B.s.: Nguyễn Hữu Độ, Nguyễn Thị Ngọc Bích, Nguyễn Khắc Oánh...
- Tái bản. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 39 tr. : tranh màu ; 24 cm. - 19500đ. - 15010b

ĐTTS ghi: Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội s638426

1111. Tài liệu chuyên đề Giáo dục nếp sống thanh lịch, văn minh cho học sinh Hà Nội :
Dùng cho học sinh lớp 3 / B.s.: Nguyễn Hữu Độ, Nguyễn Thị Ngọc Bích, Nguyễn Khắc Oánh...
- Tái bản. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 39 tr. : tranh màu ; 24 cm. - 19500đ. - 15010b

ĐTTS ghi: Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội s638427

1112. Tài liệu chuyên đề Giáo dục nếp sống thanh lịch, văn minh cho học sinh Hà Nội :
Dùng cho học sinh lớp 4 / B.s.: Nguyễn Hữu Độ, Nguyễn Thị Ngọc Bích, Nguyễn Khắc Oánh...
- Tái bản. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 31 tr. : tranh màu ; 24 cm. - 16600đ. - 15010b

ĐTTS ghi: Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội s638428

1113. Tài liệu chuyên đề Giáo dục nếp sống thanh lịch, văn minh cho học sinh Hà Nội :
Dùng cho học sinh lớp 5 / B.s.: Nguyễn Hữu Độ, Nguyễn Thị Ngọc Bích, Nguyễn Khắc Oánh...
- Tái bản. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 30 tr. : tranh màu ; 24 cm. - 16600đ. - 15010b

ĐTTS ghi: Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội s638429

1114. Tài liệu giáo dục an toàn giao thông dành cho học sinh lớp 1 / Trịnh Hoài Thu,
Phạm Thị Lan Anh, Nguyễn Văn Quyết... - Tái bản lần thứ 5. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026.
- 24 tr. : bảng, tranh màu ; 27 cm. - 15000đ. - 10000b

ĐTTS ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo s639004

1115. Tài liệu giáo dục an toàn giao thông dành cho học sinh lớp 2 / Trịnh Hoài Thu,
Phạm Thị Lan Anh, Nguyễn Văn Quyết... - Tái bản lần thứ 5. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026.
- 24 tr. : bảng, tranh màu ; 27 cm. - 15000đ. - 10000b

ĐTTS ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo s639005

1116. Tài liệu giáo dục an toàn giao thông dành cho học sinh lớp 3 / Trịnh Hoài Thu,
Phạm Thị Lan Anh, Nguyễn Văn Quyết... - Tái bản lần thứ 5. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026.
- 24 tr. : bảng, tranh màu ; 27 cm. - 15000đ. - 10000b

ĐTTS ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo s639006

1117. Tài liệu giáo dục an toàn giao thông dành cho học sinh lớp 4 / Trịnh Hoài Thu,
Phạm Thị Lan Anh, Nguyễn Văn Quyết... - Tái bản lần thứ 5. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026.
- 24 tr. : bảng, tranh màu ; 27 cm. - 15000đ. - 10000b

ĐTTS ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo s639007

1118. Tài liệu giáo dục an toàn giao thông dành cho học sinh lớp 5 / Trịnh Hoài Thu,
Phạm Thị Lan Anh, Nguyễn Văn Quyết... - Tái bản lần thứ 5. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026.
- 24 tr. : bảng, tranh màu ; 27 cm. - 15000đ. - 10000b

ĐTTS ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo s639008

1119. Tài liệu song ngữ Tiếng Việt - Tiếng Bahnar: Phổ biến chính sách phổ cập giáo dục,
xóa mù chữ = Hla bơ-ar toblơ hadoi Nờr Việt - Nờr Bahnar: Towroi towbất trong pokăp khô
lườt gah todrong potho, poklaiuh uh kơ bất chư. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 167 tr. : bảng
; 20 cm. - 730b

ĐTTS ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo. Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn
mới giai đoạn 2021 - 2025. - Phụ lục: tr. 88-90 s639825

1120. Tài liệu song ngữ Tiếng Việt - Tiếng Chăm: Phổ biến chính sách phổ cập giáo dục,
xóa mù chữ. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 175 tr. : bảng ; 20 cm. - 730b

ĐTTS ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo. Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025. - Phụ lục: tr. 83-85 s639829

1121. Tài liệu song ngữ Tiếng Việt - Tiếng Êđê: Phổ biến chính sách phổ cập giáo dục, xóa mù chữ = Hă cih dua mta klei blũ Klei Yuăn - Klei Êđê: Hưn bi mujũm hđră mtrũn kơ bưă mto mjuăť, msir klei amăOanh thaao hă. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 151 tr. : bảng ; 20 cm. - 2030b

ĐTTS ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo. Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025. - Phụ lục: tr. 76-78 s639827

1122. Tài liệu song ngữ Tiếng Việt - Tiếng Jrai: Phổ biến chính sách phổ cập giáo dục, xóa mù chữ = Howdrôm hă dua Toloi Yuan - Toloi Jrai: Pơhing hyu hodră bưă porohaih tơi potô pojưăť, lom bum booh hă. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 152 tr. : bảng ; 20 cm. - 2030b

ĐTTS ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo. Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025. - Phụ lục: tr. 76-78 s639828

1123. Tài liệu song ngữ Tiếng Việt - Tiếng Mnông: Phổ biến chính sách phổ cập giáo dục, xóa mù chữ = Săm bưť bar ntil nau ngoi nau ngoi Yuăn - Nau ngoi bu nong: Mboh ntuh nau yoh ndi mpeh tĩng kan nau nĩm nti, ăn gĩť rplay săm bưť. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 167 tr. : bảng ; 20 cm. - 730b

ĐTTS ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo. Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025. - Phụ lục: tr. 86-88 s639824

1124. Tài liệu song ngữ Tiếng Việt - Tiếng Mông: Phổ biến chính sách phổ cập giáo dục, xóa mù chữ = Đeiv ntour aoz zangv lul lul Viêx - lul Hmôngz: Heik kra cêr chei cxix cxuô kruôz kra, cxuôv đĩs muôs ntour. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 167 tr. : bảng ; 20 cm. - 730b

ĐTTS ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo. Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025. - Phụ lục: tr. 87-89 s639826

1125. Take note! Toán 5 : Biên soạn theo Chương trình Sách giáo khoa Kết nối tri thức với cuộc sống / Mai Quỳnh (ch.b.), Thanh Lan. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 60 tr. : minh họa ; 21 cm. - 68000đ. - 10000b s638363

1126. 80 năm Giáo dục, phát triển đất nước / B.s.: Lê Anh Vinh (ch.b.), Đoàn Thị Thúy Hạnh, Nguyễn Hồng Thuận... - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 1207 tr. : minh họa ; 27 cm. - 700b

ĐTTS ghi: Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam. - Phụ lục: tr. 1184-1207 s638863

1127. Tăng cường luyện viết lớp 1 : Biên soạn theo Chương trình Sách giáo khoa mới : Phiên bản đặc biệt 5.0 / Vũ Ngọc Hân. - H. : Nxb. Hà Nội. - 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 50000đ. - 15000b

T.1. - 2026. - 80 tr. s638784

1128. Tăng cường Tiếng Việt 3 : Dành cho học sinh lớp 3 vùng dân tộc thiểu số / Mai Ngọc Chừ, Nguyễn Thị Phương Thảo (ch.b.), Nguyễn Thị Kim Oanh, Bùi Văn Thành. - Tái bản lần thứ 5. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 127 tr. : minh họa ; 27 cm. - 30000đ. - 10000b

ĐTTS ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo. Đề án Tăng cường Tiếng Việt cho học sinh tiểu học vùng dân tộc thiểu số s639342

1129. Tăng cường Tiếng Việt 4 : Tài liệu dành cho học sinh lớp 4 vùng dân tộc thiểu số / Mai Ngọc Chừ, Nguyễn Thị Phương Thảo (ch.b.), Nguyễn Thị Kim Oanh... - Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 123 tr. : minh họa ; 27 cm. - 30000đ. - 10000b

ĐTTS ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo. Đề án Tăng cường Tiếng Việt cho học sinh tiểu học vùng dân tộc thiểu số s639343

1130. Tăng cường Tiếng Việt 5 : Tài liệu dành cho học sinh lớp 5 vùng dân tộc thiểu số / Mai Ngọc Chừ, Nguyễn Thị Phương Thảo (ch.b.), Thạch Thị Lan Anh... - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 87 tr. : minh họa ; 27 cm. - 28000đ. - 10000b

ĐTTS ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo. Đề án Tăng cường Tiếng Việt cho học sinh tiểu học vùng dân tộc thiểu số s639344

1131. Tăng cường Tiếng Việt cho học sinh tiểu học vùng dân tộc thiểu số : Tài liệu dành cho học sinh lớp 2 vùng dân tộc thiểu số / Mai Ngọc Chừ, Nguyễn Thị Phương Thảo (ch.b.), Nguyễn Thị Kim Oanh... - Tái bản lần thứ 6. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 119 tr. : minh họa ; 27 cm. - 30000đ. - 10000b

ĐTTS ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo. Đề án Tăng cường Tiếng Việt cho học sinh tiểu học vùng dân tộc thiểu số s639341

1132. Tâm lý học giáo dục / Nguyễn Thị Tứ (ch.b.), Đinh Quỳnh Châu, Lý Minh Tiên... - Tái bản lần 5. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh, 2026. - 184 tr. ; 24 cm. - 90000đ. - 2000b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh. - Thư mục cuối chính văn s637530

1133. Tập đánh vần Tiếng Việt theo sơ đồ tư duy : Bí quyết giúp trẻ chinh phục ngôn ngữ : 4 - 6 tuổi... / Nguyễn Thị Hoài Dung, Nhật Minh. - H. : Văn học, 2026. - 115 tr. : minh họa ; 19x26 cm. - 118000đ. - 6000b s640604

1134. Tập làm văn 4 : Biên soạn theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới / Phạm Ngọc Thắm. - H. : Đại học Sư phạm, 2026. - 156 tr. : hình vẽ, ảnh ; 24 cm. - 75000đ. - 1500b s640967

1135. Tập tô - Tập viết chữ cái / Huyền Linh. - H. : Văn học. - 24 cm. - (Hành trang cho bé vào Lớp 1). - 15000đ. - 10000b

Q.1. - 2026. - 36 tr. : hình vẽ s640283

1136. Tập tô - Tập viết chữ cái / Huyền Linh. - H. : Văn học. - 24 cm. - (Hành trang cho bé vào Lớp 1). - 15000đ. - 10000b

Q.2. - 2026. - 36 tr. : hình vẽ, ảnh s640284

1137. Tập tô - Tập viết chữ cái theo nhóm tương đồng / Huyền Linh. - H. : Văn học, 2026. - 32 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - (Hành trang cho bé vào Lớp 1). - 15000đ. - 10000b s640285

1138. Tập tô - Tập viết chữ cái và chữ ghép / Huyền Linh. - H. : Văn học, 2026. - 36 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - (Hành trang cho bé vào Lớp 1). - 15000đ. - 10000b s640290

1139. Tập tô - Tập viết chữ mẫu giáo / Huyền Linh. - H. : Văn học, 2026. - 32 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - (Hành trang cho bé vào Lớp 1). - 15000đ. - 10000b s640287

1140. Tập tô - Tập viết chữ số / Huyền Linh. - H. : Văn học, 2026. - 32 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - (Hành trang cho bé vào Lớp 1). - 15000đ. - 10000b s640288

1141. Tập tô - Tập viết nét cơ bản / Huyền Linh. - H. : Văn học, 2026. - 36 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - (Hành trang cho bé vào Lớp 1). - 15000đ. - 10000b s640289

1142. Tập tô chữ - Chữ cái viết hoa : Dành cho bé chuẩn bị vào lớp 1 / Chính An, Nhóm GVĐHSP Ngữ văn. - Tái bản lần thứ 4. - Thanh Hóa : Nxb. Thanh Hóa, 2025. - 23 tr. ; 24 cm. - (Vui cùng chữ viết - Luyện chữ đẹp, rèn tính nết). - 10000đ. - 10000b s640814

1143. Tập tô chữ - Chữ số : Dành cho bé chuẩn bị vào lớp 1 / Chính An, Nhóm GVĐHSP Ngữ văn. - Tái bản lần 4. - Thanh Hóa : Nxb. Thanh Hóa, 2025. - 23 tr. ; 24 cm. - (Vui cùng chữ viết - Luyện chữ đẹp, rèn tính nết). - 10000đ. - 10000b s640815

1144. Tập tô chữ cái : Hành trang cho bé chuẩn bị vào lớp 1 / Nguyễn Thị Thúy Hà, Lê Thị Thanh Hương. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 23 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - 15000đ. - 5000b s638420

1145. Tập tô chữ mẫu giáo : Luyện viết theo mẫu chữ mới / Minh Hà b.s. - H. : Mỹ thuật, 2026. - 23 tr. : ảnh, tranh vẽ ; 24 cm. - (Tập tô)(Chuẩn bị cho bé vào Lớp 1). - 12000đ. - 5000b s638310

1146. Tập tô chữ số : Hành trang cho bé chuẩn bị vào lớp 1 / Nguyễn Thị Thúy Hà, Lê Thị Thanh Hương. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 23 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - 15000đ. - 5000b s638419

1147. Tập tô nét cơ bản / Huyền Linh. - H. : Văn học, 2026. - 64 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - (Cùng bé vào lớp Một). - 31000đ. - 5000b s640292

1148. Tập tô nét cơ bản : Dành cho trẻ chuẩn bị vào lớp 1 / Lê Tuệ Minh, Lê Thu Ngọc. - H. : Đại học Sư phạm, 2026. - 23 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - (Tủ sách Bé vào Lớp 1). - 10000đ. - 10000b s640809

1149. Tập tô nét cơ bản : Hành trang cho bé chuẩn bị vào lớp 1 / Nguyễn Thị Thúy Hà, Lê Thị Thanh Hương. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 23 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - 15000đ. - 5000b s638421

1150. Tập tô nét cơ bản : Luyện viết theo mẫu chữ mới / Minh Hà b.s. - H. : Mỹ thuật, 2026. - 23 tr. : ảnh, tranh vẽ ; 24 cm. - (Tập tô)(Chuẩn bị cho bé vào Lớp 1). - 12000đ. - 5000b s638311

1151. Tập tô số : Luyện viết theo mẫu chữ mới / Minh Hà b.s. - H. : Mỹ thuật, 2026. - 23 tr. : ảnh, tranh vẽ ; 24 cm. - (Tập tô)(Chuẩn bị cho bé vào Lớp 1). - 12000đ. - 5000b s638309

1152. Tập viết 1 / Bùi Mạnh Hùng, Phạm Kim Chung. - Tái bản lần thứ 6. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 9000đ. - 80000b
T.1. - 2026. - 52 tr. s639707

1153. Tập viết 1 / Đặng Khánh Chi, Đặng Thảo Nguyên. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 27 cm. - 19000đ. - 10000b
T.1. - 2026. - 48 tr. s637567

1154. Tập viết 1 / Bùi Mạnh Hùng, Phạm Kim Chung. - Tái bản lần thứ 6. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 8000đ. - 47000b
T.2. - 2026. - 48 tr. s639708

1155. Tập viết 1 / Nguyễn Thị Thơm, Đặng Thị Huệ. - Tái bản lần 1. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 27 cm. - 19000đ. - 10000b
T.2. - 2026. - 48 tr. s637568

1156. Tập viết 1 - Ôn luyện thông minh / Lý Minh Đức (ch.b.), Lê Thị Mai Lan, Trần Thị Ngọc Quỳnh. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - 16000đ. - 30000b
T.1. - 2026. - 51 tr. s639201

1157. Tập viết 1 - Ôn luyện thông minh / Lý Minh Đức (ch.b.), Lê Thị Mai Lan, Trần Thị Ngọc Quỳnh. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - 16000đ. - 30000b
T.2. - 2026. - 47 tr. s639202

1158. Tập viết 1 (Tích hợp phát triển năng lực số) / Trần Minh Hương (ch.b.), Thạch Thị Lan Anh, Trần Thị Quỳnh Nga. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 18000đ. - 260000b

T.1. - 2026. - 48 tr. s639715

1159. Tập viết 1 (Tích hợp phát triển năng lực số) / Trần Minh Hương (ch.b.), Thạch Thị Lan Anh, Trần Thị Quỳnh Nga. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 18000đ. - 260000b

T.2. - 2026. - 48 tr. s639716

1160. Tập viết 2 / Bùi Mạnh Hùng (ch.b.), Trần Thị Hiền Lương, Vũ Thị Lan. - Tái bản lần thứ 5. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 7000đ. - 229100b

T.1. - 2026. - 40 tr. s639709

1161. Tập viết 2 / Đặng Khánh Chi, Đặng Thảo Nguyên. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 27 cm. - 19000đ. - 10000b

T.1. - 2026. - 40 tr. s637569

1162. Tập viết 2 / Bùi Mạnh Hùng (ch.b.), Trần Thị Hiền Lương, Đặng Thị Hảo Tâm. - Tái bản lần thứ 5. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 6000đ. - 233300b

T.2. - 2026. - 36 tr. s639710

1163. Tập viết 2 / Đặng Khánh Chi, Đặng Thảo Nguyên. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 27 cm. - 19000đ. - 10000b

T.2. - 2026. - 36 tr. s637570

1164. Tập viết 2 - Ôn luyện thông minh / Lý Minh Đức (ch.b.), Lê Thị Mai Lan, Trần Thị Ngọc Quỳnh. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - 15000đ. - 30000b

T.1. - 2026. - 39 tr. s639404

1165. Tập viết 2 - Ôn luyện thông minh / Lý Minh Đức (ch.b.), Lê Thị Mai Lan, Trần Thị Ngọc Quỳnh. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - 15000đ. - 30000b

T.2. - 2026. - 35 tr. s639203

1166. Tập viết 2 (Tích hợp phát triển năng lực số) / Trần Minh Hương (ch.b.), Trần Thị Quỳnh Nga, Vũ Thị Lan. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 26 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 16000đ. - 263000b

T.1. - 2026. - 40 tr. s639717

1167. Tập viết 3 / Đặng Khánh Chi, Đặng Thảo Nguyên. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 27 cm. - 19000đ. - 10000b

T.1. - 2026. - 40 tr. s637571

1168. Tập viết 3 / Trần Thị Hiền Lương (ch.b.), Phạm Kim Chung. - Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 6000đ. - 203700b

T.1. - 2026. - 40 tr. s639711

1169. Tập viết 3 / Đặng Khánh Chi, Đặng Thảo Nguyên. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 27 cm. - 19000đ. - 10000b

T.2. - 2026. - 40 tr. s637572

1170. Tập viết 3 / Trần Thị Hiền Lương (ch.b.), Phạm Kim Chung. - Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 6000đ. - 224000b

T.2. - 2026. - 40 tr. : tranh vẽ s639712

1171. Tập viết 3 - Ôn luyện thông minh / Lý Minh Đức (ch.b.), Lê Thị Mai Lan, Trần Thị Ngọc Quỳnh. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - 15000đ. - 30000b
T.1. - 2026. - 39 tr. s639204
1172. Tập viết 3 - Ôn luyện thông minh / Lê Minh Đức (ch.b.), Lê Thị Mai Lan, Trần Thị Ngọc Quỳnh. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - 15000đ. - 30000b
T.2. - 2026. - 36 tr. s639405
1173. Tập viết chữ ghép : Hành trang cho bé chuẩn bị vào lớp 1 và học sinh lớp 1 : Tự tin vững bước / Nguyễn Thị Thúy Hà. - Tái bản lần thứ 7. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2026. - 44 tr. ; 24 cm. - 16000đ. - 5000b s640790
1174. Tập viết số và chữ : Theo mẫu chữ viết cải cách lớp 1 : Dành cho bé 4 - 5 tuổi / Chính An, Nhóm Giáo viên ĐHSP. - Thanh Hóa : Nxb. Thanh Hóa, 2025. - 23 tr. ; 24 cm. - (Chuẩn bị cho bé vào Lớp 1). - 10000đ. - 10000b s638296
1175. Thu Thủy. Sổ tay hướng dẫn Bồi dưỡng thường xuyên cán bộ quản lý và giáo viên mầm non theo quy định hiện nay / Thu Thủy, Lê Mỹ Dung. - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 47 tr. ; 21 cm. - 15000đ. - 1500b
Phụ lục: tr. 18-45. - Thư mục: tr. 46-47 s639821
1176. Thụy Anh. Học viện Thiên thần : Gieo mầm cảm xúc - Trí tuệ - Kỹ năng cho bé / Thụy Anh, Phương Hiền, Minh Minh. - H. : Kim Đồng. - 28 cm. - (Tủ sách Kiến thức và kỹ năng sống. Báo Thiếu niên Tiền phong và Nhi đồng). - 40000đ. - 5000b
Q.5+6/2026. - 2026. - 42 tr. : minh họa s637541
1177. Thử sức trạng nguyên nhỏ tuổi Toán 5 : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới / Đỗ Trung Hiệu (ch.b.), Đỗ Trung Kiên. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 24 cm. - 69000đ. - 1500b
T.1. - 2026. - 152 tr. : hình vẽ s640781
1178. Thử sức trạng nguyên nhỏ tuổi Toán 5 : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới / Đỗ Trung Hiệu (ch.b.), Đỗ Trung Kiên. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 24 cm. - 69000đ. - 1500b
T.2. - 2026. - 160 tr. : hình vẽ s640782
1179. Thử thách không sợ sai - Tư duy logic / Thanh Hương. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 18 tr. : tranh màu ; 23 cm. - (Viết xóa được). - 45000đ. - 3000b s638336
1180. Thực hành giải Toán lớp 3 : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới / Nguyễn Văn Tiến. - H. : Đại học Sư phạm. - 24 cm. - 72000đ. - 1500b
T.2. - 2026. - 160 tr. : minh họa s638278
1181. Thực hành giải Toán lớp 4 : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới / Nguyễn Văn Tiến. - H. : Đại học Sư phạm. - 24 cm. - 65000đ. - 1500b
T.2. - 2026. - 152 tr. : minh họa s638279
1182. Thực hành kỹ năng sống dành cho học sinh lớp 1 / Huỳnh Văn Sơn (ch.b.), Mai Mỹ Hạnh, Mai Hiền Lê... - Tái bản lần thứ 9. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 59 tr. : bảng, tranh vẽ ; 27 cm. - 25000đ. - 20000b
ĐTTS ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo s638892
1183. Thực hành kỹ năng sống dành cho học sinh lớp 2 / Huỳnh Văn Sơn (ch.b.), Mai Mỹ Hạnh, Nguyễn Thanh Huân... - Tái bản lần thứ 9. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 64 tr. : minh họa ; 27 cm. - 25000đ. - 20000b
ĐTTS ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo s638893

1184. Thực hành kỹ năng sống dành cho học sinh lớp 3 / Huỳnh Văn Sơn (ch.b.), Nguyễn Hữu Long, Nguyễn Thị Diễm My... - Tái bản lần thứ 9. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 64 tr. : minh họa ; 27 cm. - 25000đ. - 20000b

ĐTTS ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo s638894

1185. Thực hành kỹ năng sống dành cho học sinh lớp 4 / Huỳnh Văn Sơn (ch.b.), Nguyễn Thị Minh Hồng, Nguyễn Hoàng Xuân Huy... - Tái bản lần thứ 9. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 68 tr. : minh họa ; 27 cm. - 25000đ. - 20000b

ĐTTS ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo s638895

1186. Thực hành kỹ năng sống dành cho học sinh lớp 5 / Huỳnh Văn Sơn (ch.b.), Mai Mỹ Hạnh, Nguyễn Thị Minh Hồng... - Tái bản lần thứ 9. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 64 tr. : minh họa ; 27 cm. - 25000đ. - 20000b

ĐTTS ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo s638896

1187. Tiếng Anh 1 - Global Success : Sách bài tập / Hoàng Văn Vân (tổng ch.b.), Nguyễn Quốc Tuấn (ch.b.), Nguyễn Thị Lan Anh... - Tái bản lần thứ 6, có chỉnh lí, bổ sung. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 68 tr. : hình vẽ ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 35000đ. - 85000b s639465

1188. Tiếng Anh 1 - Global Success : Sách học sinh / Hoàng Văn Vân (tổng ch.b.), Nguyễn Quốc Tuấn (ch.b.), Nguyễn Thị Lan Anh... - Tái bản lần thứ 6. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 75 tr. : hình vẽ ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 20500đ. - 73500b

Đầu bìa sách ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo s639471

1189. Tiếng Anh 2 - Global Success : Sách bài tập / Hoàng Văn Vân (tổng ch.b.), Lương Quỳnh Trang (ch.b.), Nguyễn Thị Lan Anh... - Tái bản lần thứ 5, có chỉnh lí, bổ sung. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 68 tr. : hình vẽ ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 35000đ. - 83000b s639466

1190. Tiếng Anh 2 - Global Success : Sách học sinh / Hoàng Văn Vân (tổng ch.b.), Lương Quỳnh Trang (ch.b.), Nguyễn Thị Lan Anh... - Tái bản lần thứ 5. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 75 tr. : hình vẽ ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 19900đ. - 40000b

Đầu bìa sách ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo s639472

1191. Tiếng Anh 3 - Global Success : Sách bài tập / Hoàng Văn Vân (tổng ch.b.), Phan Hà (ch.b.), Nguyễn Thị Hải Hà... - Tái bản lần thứ 4, có chỉnh lí, bổ sung. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 119 tr. : hình vẽ ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 62000đ. - 180000b s639467

1192. Tiếng Anh 3 - Global Success : Sách học sinh / Hoàng Văn Vân (tổng ch.b.), Phan Hà (ch.b.), Nguyễn Thị Hải Hà... - Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 19300đ. - 150000b

Đầu bìa sách ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo

T.2. - 2026. - 75 tr. : minh họa s639473

1193. Tiếng Anh 4 - Global Success : Sách học sinh / Hoàng Văn Vân (tổng ch.b.), Nguyễn Quốc Tuấn (ch.b.), Phan Hà... - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 20300đ. - 110000b

Đầu bìa sách ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo

T.1. - 2026. - 80 tr. : minh họa s639474

1194. Tiếng Anh 4 - Global Success : Sách học sinh / Hoàng Văn Vân (tổng ch.b.), Nguyễn Quốc Tuấn (ch.b.), Phan Hà... - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 19500đ. - 149900b

Đầu bìa sách ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo

T.2. - 2026. - 75 tr. : minh họa s639475

1195. Tiếng Anh 5 - Global Success : Sách học sinh / Hoàng Văn Vân (tổng ch.b.), Trần Hương Quỳnh (ch.b.), Phan Hà... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 20200đ. - 109500b

Đầu bìa sách ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo

T.1. - 2026. - 80 tr. : minh họa s639476

1196. Tiếng Trung dành cho học sinh tiểu học = 小学语文课本 : Sách bài tập / B.s.: Vương Ngụy (ch.b.), Kim Phi Phi, Vương Lô ; Nguyễn Thị Minh Hồng dịch. - Tái bản. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh. - 29 cm. - 198000đ. - 3000b

T.1. - 2026. - 48 tr. : hình vẽ, tranh vẽ s637610

1197. Tiếng Việt 1 : Sách thực nghiệm : Dùng cho giáo viên phổ thông nước CHDCND Lào - Trình độ A1 / Hoàng Hòa Bình (ch.b.), Nguyễn Khánh Hà, Nguyễn Thị Phương Thảo, Lê Thị Đoàn Trang. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 108 tr. : bảng ; 27 cm. - 150b

ĐTTS ghi: Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam s639300

1198. Tiếng Việt 1 : Sách thực nghiệm : Dùng cho học sinh phổ thông nước CHDCND Lào - Trình độ A1 / Hoàng Hòa Bình (ch.b.), Nguyễn Khánh Hà, Nguyễn Thị Phương Thảo, Lê Thị Đoàn Trang. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 108 tr. : minh họa ; 27 cm. - 2600b

ĐTTS ghi: Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam s639288

1199. Tiếng Việt 1 : Dành cho buổi học thứ hai / Bùi Mạnh Hùng (ch.b.), Trần Kim Phụng, Chu Thị Phương. - Tái bản lần thứ 6. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 40000đ. - 10000b

T.1. - 2026. - 72 tr. : minh họa s639278

1200. Tiếng Việt 1 / Bùi Mạnh Hùng (tổng ch.b.), Vũ Kim Bảng, Trịnh Cẩm Lan... - Tái bản lần thứ 6. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 22500đ. - 132800b

Đầu bìa sách ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo

T.2. - 2026. - 175 tr. : minh họa s639258

1201. Tiếng Việt 1 : Dành cho buổi học thứ hai / Bùi Mạnh Hùng (ch.b.), Đỗ Hồng Dương, Trịnh Cẩm Lan. - Tái bản lần thứ 6. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 38000đ. - 10000b

T.2. - 2026. - 68 tr. : minh họa s639279

1202. Tiếng Việt 2 : Sách thực nghiệm : Dùng cho giáo viên phổ thông nước CHDCND Lào - Trình độ A1 / Hoàng Hòa Bình (ch.b.), Cao Việt Hà, Nguyễn Khánh Hà... - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 108 tr. ; 27 cm. - 150b

ĐTTS ghi: Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam s639301

1203. Tiếng Việt 2 : Sách thực nghiệm : Dùng cho học sinh phổ thông nước CHDCND Lào - Trình độ A1 / Hoàng Hòa Bình (ch.b.), Cao Việt Hà, Nguyễn Khánh Hà... - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 112 tr. : minh họa ; 27 cm. - 2600b

ĐTTS ghi: Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam s639289

1204. Tiếng Việt 2 / Bùi Mạnh Hùng (tổng ch.b.), Trần Thị Hiền Lương (ch.b.), Đỗ Hồng Dương... - Tái bản lần thứ 5. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 18600đ. - 162700b

Đầu bìa sách ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo

T.1. - 2026. - 143 tr. : minh họa s639259

1205. Tiếng Việt 2 : Dành cho buổi học thứ hai / Trần Thị Hiền Lương (ch.b.), Xuân Thị Nguyệt Hà, Đào Tiến Thi, Hoàng Minh Thúy. - Tái bản lần thứ 5. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 38000đ. - 10000b

T.1. - 2026. - 67 tr. : minh họa s639280

1206. Tiếng Việt 2 / Bùi Mạnh Hùng (tổng ch.b.), Trần Thị Hiền Lương (ch.b.), Lê Thị Lan Anh... - Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 21000đ. - 185000b

Đầu bìa sách ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo

T.2. - 2025. - 143 tr. : minh họa s639277

1207. Tiếng Việt 2 / Bùi Mạnh Hùng (tổng ch.b.), Trần Thị Hiền Lương (ch.b.), Lê Thị Lan Anh... - Tái bản lần thứ 5. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 18600đ. - 213400b

Đầu bìa sách ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo

T.2. - 2026. - 143 tr. : minh họa s639260

1208. Tiếng Việt 2 : Dành cho buổi học thứ hai / Trần Thị Hiền Lương (ch.b.), Xuân Thị Nguyệt Hà, Đào Tiến Thi, Hoàng Minh Thúy. - Tái bản lần thứ 5. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 37000đ. - 10000b

T.2. - 2026. - 64 tr. : minh họa s639281

1209. Tiếng Việt 3 : Sách thực nghiệm : Dùng cho giáo viên phổ thông nước CHDCND Lào / Trần Thị Hiền Lương (ch.b.), Nguyễn Khánh Hà, Nguyễn Thị Kim Oanh... - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 56 tr. : bảng ; 27 cm. - 150b

ĐTTS ghi: Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam s639302

1210. Tiếng Việt 3 : Sách thực nghiệm : Dùng cho học sinh phổ thông nước CHDCND Lào - Trình độ A1 / Trần Thị Hiền Lương (ch.b.), Nguyễn Khánh Hà, Nguyễn Thị Kim Oanh... - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 104 tr. : minh họa ; 27 cm. - 2600b

ĐTTS ghi: Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam. - Phụ lục: tr. 102-103 s639290

1211. Tiếng Việt 3 / Bùi Mạnh Hùng (tổng ch.b.), Trần Thị Hiền Lương (ch.b.), Đỗ Hồng Dương... - Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 19400đ. - 161400b

Đầu bìa sách ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo

T.1. - 2026. - 151 tr. : minh họa s639261

1212. Tiếng Việt 3 : Dành cho buổi học thứ hai / Trần Thị Hiền Lương (ch.b.), Phạm Thị Chín, Xuân Thị Nguyệt Hà, Đào Tiến Thi. - Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 36000đ. - 10000b

T.1. - 2026. - 64 tr. : minh họa s639282

1213. Tiếng Việt 3 / Bùi Mạnh Hùng (tổng ch.b.), Trần Thị Hiền Lương (ch.b.), Lê Thị Lan Anh... - Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 18200đ. - 222900b

Đầu bìa sách ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo

T.2. - 2026. - 143 tr. : minh họa s639262

1214. Tiếng Việt 3 : Dành cho buổi học thứ hai / Trần Thị Hiền Lương (ch.b.), Phạm Thị Chín, Xuân Thị Nguyệt Hà, Đào Tiến Thi. - Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 38000đ. - 10000b

T.2. - 2026. - 68 tr. : minh họa s639283

1215. Tiếng Việt 4 : Sách thực nghiệm : Dùng cho giáo viên phổ thông nước CHDCND Lào - Trình độ A1 / Trần Thị Hiền Lương (ch.b.), Nguyễn Khánh Hà, Nguyễn Thị Kim Oanh...
- H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 72 tr. : bìa ; 27 cm. - 150b
ĐTTS ghi: Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam s639303
1216. Tiếng Việt 4 : Sách thực nghiệm : Dùng cho học sinh phổ thông nước CHDCND Lào - Trình độ A1 / Trần Thị Hiền Lương (ch.b.), Nguyễn Khánh Hà, Nguyễn Thị Kim Oanh...
- H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 104 tr. : minh họa ; 27 cm. - 2600b
ĐTTS ghi: Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam. - Phụ lục: tr. 98-103 s639291
1217. Tiếng Việt 4 : Dành cho buổi học thứ hai / Trần Thị Hiền Lương (ch.b.), Phạm Thị Chín, Xuân Thị Nguyệt Hà, Đào Tiến Thi. - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 37000đ. - 10000b
T.1. - 2026. - 64 tr. : minh họa s639284
1218. Tiếng Việt 4 / Bùi Mạnh Hùng (tổng ch.b.), Trần Thị Hiền Lương (ch.b.), Vũ Thị Thanh Hương... - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 18500đ. - 205500b
Đầu bìa sách ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo
T.2. - 2026. - 143 tr. : minh họa s639263
1219. Tiếng Việt 4 : Dành cho buổi học thứ hai / Trần Thị Hiền Lương (ch.b.), Phạm Thị Chín, Xuân Thị Nguyệt Hà, Đào Tiến Thi. - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 34000đ. - 10000b
T.2. - 2026. - 60 tr. : minh họa s639285
1220. Tiếng Việt 5 : Sách thực nghiệm : Dùng cho giáo viên phổ thông nước CHDCND Lào - Trình độ A1 / Trần Thị Hiền Lương (ch.b.), Nguyễn Khánh Hà, Nguyễn Thị Kim Oanh...
- H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 72 tr. : bìa ; 27 cm. - 150b
ĐTTS ghi: Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam s639304
1221. Tiếng Việt 5 : Sách thực nghiệm : Dùng cho học sinh phổ thông nước CHDCND Lào - Trình độ A1 / Trần Thị Hiền Lương (ch.b.), Nguyễn Khánh Hà, Nguyễn Thị Kim Oanh...
- H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 128 tr. : minh họa ; 27 cm. - 2600b
ĐTTS ghi: Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam. - Phụ lục: tr. 122-127 s639292
1222. Tiếng Việt 5 / Bùi Mạnh Hùng (tổng ch.b.), Trần Thị Hiền Lương (ch.b.), Đỗ Hồng Dương... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 20000đ. - 144600b
Đầu bìa sách ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo
T.1. - 2026. - 167 tr. : minh họa s639264
1223. Tiếng Việt 5 : Dành cho buổi học thứ hai / Trần Thị Hiền Lương (ch.b.), Phạm Thị Chín, Xuân Thị Nguyệt Hà, Đào Tiến Thi. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 38000đ. - 10000b
T.1. - 2026. - 67 tr. : minh họa s639286
1224. Tiếng Việt 5 / Bùi Mạnh Hùng (tổng ch.b.), Trần Thị Hiền Lương (ch.b.), Lê Thị Lan Anh... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 18600đ. - 192100b
Đầu bìa sách ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo
T.2. - 2026. - 159 tr. : minh họa s639265
1225. Tiếng Việt 5 : Dành cho buổi học thứ hai / Trần Thị Hiền Lương (ch.b.), Phạm Thị Chín, Xuân Thị Nguyệt Hà, Đào Tiến Thi. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 37000đ. - 10000b

- T.2. - 2026. - 64 tr. : minh họa s639287
1226. Tin học 3 / Nguyễn Chí Công (tổng ch.b.), Hoàng Thị Mai (ch.b.), Phan Anh... - Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 75 tr. : minh họa ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 9200đ. - 441300b
 Đầu bìa sách ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo s639415
1227. Tin học 4 / Nguyễn Chí Công (tổng ch.b.), Hoàng Thị Mai (ch.b.), Phan Anh... - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 75 tr. : minh họa ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 9300đ. - 401200b
 Đầu bìa sách ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo s638945
1228. Tin học 5 / Nguyễn Chí Công (tổng ch.b.), Hoàng Thị Mai (ch.b.), Phan Anh... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 84 tr. : minh họa ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 9700đ. - 379000b
 Đầu bìa sách ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo s639416
1229. Toán 1 / Hà Huy Khoái (tổng ch.b.), Lê Anh Vinh (ch.b.), Nguyễn Áng... - Tái bản lần thứ 6. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 12900đ. - 235600b
 ĐTTS ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo
 T.2. - 2026. - 107 tr. : hình vẽ, bảng s639124
1230. Toán 1 : Dành cho buổi học thứ hai / Nguyễn Áng, Hoàng Mai Lê, Phùng Như Thụy. - Tái bản lần thứ 6. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 37000đ. - 10000b
 T.2. - 2026. - 68 tr. : hình vẽ, bảng s639115
1231. Toán 2 / Hà Huy Khoái (tổng ch.b.), Lê Anh Vinh (ch.b.), Nguyễn Áng... - Tái bản lần thứ 5. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 173000đ. - 164000b
 ĐTTS ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo
 T.1. - 2026. - 139 tr. : hình vẽ, bảng s639125
1232. Toán 2 : Dành cho buổi học thứ hai / Vũ Văn Dương, Vũ Thị Thanh Hương, Hoàng Mai Lê, Phùng Như Thụy. - Tái bản lần thứ 5. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 37000đ. - 10000b
 T.1. - 2026. - 67 tr. : hình vẽ, bảng s639116
1233. Toán 2 / Hà Huy Khoái (tổng ch.b.), Lê Anh Vinh (ch.b.), Nguyễn Áng... - Tái bản lần thứ 5. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 170000đ. - 220400b
 ĐTTS ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo
 T.2. - 2026. - 139 tr. : hình vẽ, bảng s639126
1234. Toán 2 : Dành cho buổi học thứ hai / Nguyễn Áng, Hoàng Mai Lê, Phùng Như Thụy. - Tái bản lần thứ 5. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 37000đ. - 10000b
 T.2. - 2026. - 68 tr. : hình vẽ, bảng s639117
1235. Toán 3 / Hà Huy Khoái (tổng ch.b.), Lê Anh Vinh (ch.b.), Nguyễn Áng... - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 15500đ. - 166000b
 T.1. - 2025. - 123 tr. : minh họa s639127

1236. Toán 3 / Hà Huy Khoái (tổng ch.b.), Lê Anh Vinh (ch.b.), Nguyễn Áng... - Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 15500đ. - 220400b

ĐTTS ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo

T.1. - 2026. - 123 tr. : hình vẽ, bảng s639128

1237. Toán 3 : Dành cho buổi học thứ hai / Lê Anh Vinh (ch.b.), Vũ Văn Dương, Vũ Thị Thanh Hương... - Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 36000đ. - 10000b

T.1. - 2026. - 60 tr. : hình vẽ, bảng s639118

1238. Toán 3 / Hà Huy Khoái (tổng ch.b.), Lê Anh Vinh (ch.b.), Nguyễn Áng... - Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 15900đ. - 225800b

Đầu bìa sách ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo

T.2. - 2026. - 127 tr. : bảng, tranh vẽ s639129

1239. Toán 3 : Dành cho buổi học thứ hai / Lê Anh Vinh (ch.b.), Nguyễn Áng, Hoàng Mai Lê, Phùng Như Thụy. - Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 36000đ. - 10000b

T.2. - 2026. - 59 tr. : hình vẽ, bảng s639119

1240. Toán 4 / Hà Huy Khoái (tổng ch.b.), Lê Anh Vinh (ch.b.), Nguyễn Áng... - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - 15000đ. - 202600b

ĐTTS ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo

T.1. - 2026. - 131 tr. : minh họa s639130

1241. Toán 4 : Dành cho buổi học thứ hai / Lê Anh Vinh (ch.b.), Vũ Văn Dương, Vũ Thị Thanh Hương... - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 38000đ. - 10000b

T.1. - 2026. - 68 tr. : minh họa s639120

1242. Toán 4 / Hà Huy Khoái (tổng ch.b.), Lê Anh Vinh (ch.b.), Nguyễn Áng... - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - 12700đ. - 195800b

ĐTTS ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo

T.2. - 2026. - 119 tr. : minh họa s639131

1243. Toán 4 : Dành cho buổi học thứ hai / Lê Anh Vinh (ch.b.), Nguyễn Áng, Hoàng Mai Lê, Phùng Như Thụy. - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 34000đ. - 10000b

T.2. - 2026. - 60 tr. : hình vẽ, bảng s639121

1244. Toán 5 / Hà Huy Khoái (tổng ch.b.), Lê Anh Vinh (ch.b.), Nguyễn Áng... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 18500đ. - 200000b

T.1. - 2026. - 139 tr. : hình vẽ, bảng s639132

1245. Toán 5 : Dành cho buổi học thứ hai / Lê Anh Vinh (ch.b.), Vũ Văn Dương, Vũ Thị Thanh Hương... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 38000đ. - 10000b

T.1. - 2026. - 68 tr. : hình vẽ, bảng s639122

1246. Toán 5 / Hà Huy Khoái (tổng ch.b.), Lê Anh Vinh (ch.b.), Nguyễn Áng... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - 17500đ. - 194400b

ĐTTS ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo

T.2. - 2026. - 135 tr. : tranh vẽ s639133

1247. Toán 5 : Dành cho buổi học thứ hai / Lê Anh Vinh (ch.b.), Nguyễn Áng, Hoàng Mai Lê, Phùng Như Thụy. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 36000đ. - 10000b
T.2. - 2026. - 64 tr. : hình vẽ, bảng s639123
1248. Toán 6 : Dành cho buổi học thứ hai / Lê Anh Vinh (ch.b.), Phạm Hồng Diệp, Đặng Thị Thu Huệ... - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - 31000đ. - 5000b
T.1. - 2026. - 83 tr. : hình vẽ, bảng s639055
1249. Toán 6 : Dành cho buổi học thứ hai / Lê Anh Vinh (ch.b.), Phạm Hồng Diệp, Đặng Thị Thu Huệ... - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - 33000đ. - 5000b
T.2. - 2026. - 87 tr. : hình vẽ, bảng s639056
1250. Toán 7 : Dành cho buổi học thứ hai / Lê Anh Vinh (ch.b.), Phạm Hồng Diệp, Đặng Thị Thu Huệ... - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - 37000đ. - 5000b
T.1. - 2026. - 95 tr. : hình vẽ, bảng s639057
1251. Toán 7 : Dành cho buổi học thứ hai / Lê Anh Vinh (ch.b.), Phạm Hồng Diệp, Đặng Thị Thu Huệ... - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - 37000đ. - 5000b
T.2. - 2026. - 91 tr. : hình vẽ, bảng s639058
1252. Toán 8 : Dành cho buổi học thứ hai / Lê Anh Vinh (ch.b.), Phạm Hồng Diệp, Đặng Thị Thu Huệ... - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - 35000đ. - 5000b
T.1. - 2026. - 91 tr. : hình vẽ, bảng s639059
1253. Toán 8 : Dành cho buổi học thứ hai / Lê Anh Vinh (ch.b.), Phạm Hồng Diệp, Đặng Thị Thu Huệ... - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - 35000đ. - 5000b
T.2. - 2026. - 91 tr. : hình vẽ, bảng s639060
1254. Toán 9 : Dành cho buổi học thứ hai / Lê Anh Vinh (ch.b.), Phạm Hồng Diệp, Đặng Thị Thu Huệ... - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - 33000đ. - 5000b
T.1. - 2026. - 87 tr. : hình vẽ, bảng s639061
1255. Toán 9 : Dành cho buổi học thứ hai / Lê Anh Vinh (ch.b.), Phạm Hồng Diệp, Đặng Thị Thu Huệ... - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - 35000đ. - 5000b
T.2. - 2026. - 87 tr. : hình vẽ, bảng s639062
1256. Toán chuyên đề Số đo thời gian và Toán chuyển động lớp 5 : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới / Phạm Đình Thực. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2026. - 141 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - 68000đ. - 1500b s638509
1257. Toán học vui vẻ : Hoạt động sáng tạo phát triển tư duy : 2+ / Tiên Phong b.s. - H. : Nxb. Hà Nội. - 24 cm. - 25000đ. - 5000b
T.1. - 2026. - 32 tr. : hình vẽ, bảng s638433
1258. Toán học vui vẻ : Hoạt động sáng tạo phát triển tư duy : 2+ / Tiên Phong b.s. - H. : Nxb. Hà Nội. - 24 cm. - 25000đ. - 5000b
T.2. - 2026. - 32 tr. : hình vẽ, bảng s638434
1259. Toán học vui vẻ : Hoạt động sáng tạo phát triển tư duy : 2+ / Tiên Phong b.s. - H. : Nxb. Hà Nội. - 24 cm. - 25000đ. - 5000b
T.3. - 2026. - 32 tr. : hình vẽ, bảng s638435
1260. Toán học vui vẻ : Hoạt động sáng tạo phát triển tư duy : 2+ / Tiên Phong b.s. - H. : Nxb. Hà Nội. - 24 cm. - 25000đ. - 5000b
T.4. - 2026. - 32 tr. : hình vẽ, bảng s638436

1261. Toán nâng cao 1 : Theo Chương trình Tiểu học mới / Phạm Đình Thực. - H. : Đại học Sư phạm, 2026. - 88 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - 49000đ. - 1000b s640803

1262. Trải nghiệm bị lạm dụng, bỏ bê và sức khỏe tâm thần của học sinh trung học / Nguyễn Thị Ngọc Bé (ch.b.), Nguyễn Phương Hồng Ngọc, Đậu Minh Long... - Huế : Đại học Huế, 2026. - 224 tr. : bìa ; 27 cm. - 268000đ. - 50b

Thư mục: tr. 182-209. - Phụ lục: tr. 210-224 s637605

1263. Trạng Nguyên. Montessori phương pháp giáo dục toàn diện cho trẻ em : Phát triển IQ - Bí quyết rèn luyện tư duy não bộ / Trạng Nguyên b.s. - H. : Văn học. - 26 cm. - 59000đ. - 20000b

T.1: Khả năng tập trung. - 2026. - 32 tr. : minh họa s640330

1264. Trạng Nguyên. Montessori phương pháp giáo dục toàn diện cho trẻ em : Phát triển IQ - Bí quyết rèn luyện tư duy não bộ / Trạng Nguyên b.s. - H. : Văn học. - 26 cm. - 59000đ. - 20000b

T.2: Khả năng tư duy logic. - 2026. - 32 tr. : minh họa s640331

1265. Trạng Nguyên. Montessori phương pháp giáo dục toàn diện cho trẻ em : Phát triển IQ - Bí quyết rèn luyện tư duy não bộ / Trạng Nguyên b.s. - H. : Văn học. - 26 cm. - 59000đ. - 20000b

T.3: Khả năng phán đoán. - 2026. - 32 tr. : minh họa s640332

1266. Trạng Nguyên. Montessori phương pháp giáo dục toàn diện cho trẻ em : Phát triển IQ - Bí quyết rèn luyện tư duy não bộ / Trạng Nguyên b.s. - H. : Văn học. - 26 cm. - 59000đ. - 20000b

T.4: Khả năng phân tích quan sát. - 2026. - 32 tr. : minh họa s640333

1267. Trần Hữu Tiến. Cuộc đời của một nhà giáo / Trần Hữu Tiến. - H. : Lý luận Chính trị, 2026. - 199 tr. : ảnh màu ; 21 cm. - 100b s638267

1268. Trần Thị Minh Thành. Giáo trình Quản lý hành vi của trẻ khuyết tật trí tuệ / Trần Thị Minh Thành (ch.b.), Nguyễn Nữ Tâm An. - H. : Đại học Sư phạm, 2026. - 207 tr. : minh họa ; 24 cm. - 85000đ. - 1000b

Thư mục: tr. 207 s640813

1269. Trí tuệ nhân tạo lớp 1 / Hoàng Thị Mai, Hà Đăng Cao Tùng, Lê Anh Vinh (ch.b.)... - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 76 tr. : minh họa ; 27 cm. - 36000đ. - 40000b s638992

1270. Trí tuệ nhân tạo lớp 2 / Hoàng Thị Mai, Hà Đăng Cao Tùng, Lê Anh Vinh (ch.b.)... - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 80 tr. : minh họa ; 27 cm. - 39000đ. - 40000b s638993

1271. Trí tuệ nhân tạo lớp 3 / Hoàng Thị Mai, Hà Đăng Cao Tùng, Lê Anh Vinh (ch.b.)... - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 88 tr. : minh họa ; 27 cm. - 40000đ. - 40000b s638994

1272. Trí tuệ nhân tạo lớp 4 / Hoàng Thị Mai, Hà Đăng Cao Tùng, Lê Anh Vinh (ch.b.)... - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 96 tr. : minh họa ; 27 cm. - 43000đ. - 40000b s638995

1273. Trí tuệ nhân tạo lớp 5 / Hoàng Thị Mai, Hà Đăng Cao Tùng, Lê Anh Vinh (ch.b.)... - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 92 tr. : minh họa ; 27 cm. - 42000đ. - 40000b s638996

1274. Truyện đọc 1 / Bùi Mạnh Hùng (ch.b.), Phạm Thị Hồng, Nguyễn Thị Ngọc Minh, Đặng Thị Hào Tâm. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 64 tr. : ảnh, tranh vẽ ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 35000đ. - 5000b s639501

1275. Truyện đọc 3 / Phạm Thị Hồng (ch.b.), Đỗ Hồng Dương, Lê Thị Nga. - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 64 tr. : tranh vẽ ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 35000đ. - 5000b s639502

1276. Truyện đọc phát triển năng lực đọc hiểu và kể chuyện lớp 2 : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 / Nguyễn Thị Hà Châu, Lại Thị Mai Hương, Nguyễn Thị Hồng Ngân... - Tái bản lần thứ 5. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 78 tr. : tranh màu ; 27 cm. - 29000đ. - 10000b s639497

1277. Truyện đọc phát triển năng lực đọc hiểu và kể chuyện lớp 3 : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 / Nguyễn Thị Hà Châu, Lại Thị Mai Hương, Nguyễn Thị Hồng Ngân... - Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 70 tr. : minh họa ; 27 cm. - 29000đ. - 10000b s639498

1278. Truyện đọc phát triển năng lực đọc hiểu và kể chuyện lớp 4 : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 / Nguyễn Thị Hà Châu, Lại Thị Mai Hương, Nguyễn Thị Hồng Ngân... - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 72 tr. : bảng, tranh màu ; 27 cm. - 29000đ. - 10000b s639499

1279. Truyện đọc phát triển năng lực đọc hiểu và kể chuyện lớp 5 : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 / Nguyễn Thị Hà Châu, Lại Thị Mai Hương, Nguyễn Thị Hồng Ngân... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 83 tr. : bảng, tranh vẽ ; 27 cm. - 29000đ. - 10000b s639500

1280. Tuyển chọn đề ôn luyện và tự kiểm tra Toán 2 : Ôn tập lí thuyết và bổ sung bài tập ngoài giờ / Trần Thị Kim Cương. - Tái bản lần 2. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 215 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 85000đ. - 3000b s638736

1281. Tuyển chọn những bài văn miêu tả 4 / S.t., tuyển chọn: Tạ Đức Hiền, Ngô Thu Yến, Nguyễn Minh Hòa... - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 127 tr. ; 27 cm. - 55000đ. - 3000b s638801

1282. Tự nhiên và Xã hội 1 / Vũ Văn Hùng (tổng ch.b.), Nguyễn Thị Thấn (ch.b.), Đào Thị Hồng... - Tái bản lần thứ 5. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 123 tr. : minh họa ; 27 cm. - 17000đ. - 132000b s638748

1283. Tự nhiên và Xã hội 2 / Vũ Văn Hùng (tổng ch.b.), Nguyễn Thị Thấn (ch.b.), Phan Thanh Hà... - Tái bản lần thứ 5. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 119 tr. : minh họa ; 27 cm. - 15400đ. - 197700b

ĐTTS ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo s638749

1284. Tự nhiên và Xã hội 3 / Vũ Văn Hùng (tổng ch.b.), Nguyễn Thị Thấn (ch.b.), Phan Thanh Hà... - Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 123 tr. : minh họa ; 27 cm. - 15900đ. - 202100b

ĐTTS ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo s638750

1285. Ứng xử ngoài xã hội : Học cách diễn đạt và ứng xử ở môi trường công cộng / Trung tâm Nghiên cứu Tâm lí trẻ em b.s. ; Minh Thu dịch. - Tái bản lần thứ 3. - H. : Kim Đồng, 2026. - 150 tr. : tranh vẽ ; 24 cm. - (Kĩ năng xã hội cho học sinh tiểu học; T.9). - 86000đ. - 2000b s637794

1286. Vở bài tập - Thực hành Tiếng Việt 1 / Lê Phương Nga (ch.b.), Thạch Thị Lan Anh. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 29000đ. - 5000b

T.1. - 2026. - 72 tr. : hình vẽ, bảng s639680

1287. Vở bài tập - Thực hành Tiếng Việt 1 / Lê Phương Nga (ch.b.), Thạch Thị Lan Anh. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 29000đ. - 5000b

T.2. - 2026. - 68 tr. : hình vẽ, bảng s639681

1288. Vở bài tập - Thực hành Tiếng Việt 4 / Lê Phương Nga (ch.b.), Lê Thị Mai An, Nguyễn Thị Hiền. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 33000đ. - 5000b

T.2. - 2026. - 104 tr. : hình vẽ, bảng s639701

1289. Vở bài tập - Thực hành Tiếng Việt 5 / Lê Phương Nga (ch.b.), Lê Thị Mai An, Nguyễn Thị Hằng. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 33000đ. - 5000b

T.1. - 2026. - 115 tr. : bảng s639702

1290. Vở bài tập - Thực hành Toán 1 / Lê Anh Vinh (ch.b.), Hoàng Quế Hương, Vũ Văn Luân. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 29000đ. - 5000b

T.1. - 2026. - 95 tr. : hình vẽ, bảng s639864

1291. Vở bài tập - Thực hành Toán 1 / Lê Anh Vinh (ch.b.), Hoàng Quế Hương, Vũ Văn Luân. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 29000đ. - 5000b

T.2. - 2026. - 80 tr. : hình vẽ, bảng s639865

1292. Vở bài tập - Thực hành Toán 4 / Lê Anh Vinh (ch.b.), Hoàng Quế Hương, Vũ Văn Luân. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 33000đ. - 5000b

T.1. - 2026. - 115 tr. : hình vẽ, bảng s639866

1293. Vở bài tập - Thực hành Toán 4 / Lê Anh Vinh (ch.b.), Hoàng Quế Hương, Vũ Văn Luân. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 33000đ. - 5000b

T.2. - 2026. - 115 tr. : hình vẽ, bảng s639867

1294. Vở bài tập - Thực hành Toán 5 / Lê Anh Vinh (ch.b.), Hoàng Quế Hương, Vũ Văn Luân. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 33000đ. - 5000b

T.1. - 2026. - 119 tr. : hình vẽ, bảng s639868

1295. Vở bài tập - Thực hành Toán 5 / Lê Anh Vinh (ch.b.), Hoàng Quế Hương, Vũ Văn Luân. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 33000đ. - 5000b

T.2. - 2026. - 120 tr. : hình vẽ, bảng s639869

1296. Vở bài tập Âm nhạc 2 (Tích hợp phát triển năng lực số) / Đặng Khánh Nhật (ch.b.), Trần Ngọc Tú, Mai Linh Chi, Vũ Thanh Thủy. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 35 tr. : tranh vẽ ; 24 cm. - 13000đ. - 45000b s639598

1297. Vở bài tập Âm nhạc 4 / Đỗ Thị Minh Chính (ch.b.), Nguyễn Thị Thanh Bình, Mai Linh Chi... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 39 tr. : tranh vẽ ; 24 cm. - 7000đ. - 132049b s639599

1298. Vở bài tập Âm nhạc 5 (Tích hợp phát triển năng lực số) / Đặng Khánh Nhật (ch.b.), Trần Ngọc Tú, Mai Linh Chi, Vũ Thanh Thủy. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 35 tr. : bảng, tranh vẽ ; 24 cm. - 14000đ. - 77000b s639600

1299. Vở bài tập chính tả phân biệt âm - vần : Biên soạn theo Chương trình SGK mới : Giúp con học tốt Tiếng Việt 1 / Thanh Hương, Minh Phương. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 64 tr. : tranh màu ; 27 cm. - 48000đ. - 5000b s638793

1300. Vở bài tập Công nghệ 3 / Đặng Văn Nghĩa (ch.b.), Dương Giáng Thiên Hương, Lê Xuân Quang... - Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 32 tr. : minh họa ; 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 7000đ. - 9000b s639568

1301. Vở bài tập Công nghệ 4 / Đặng Văn Nghĩa (ch.b.), Đồng Huy Giới, Dương Giáng Thiên Hương... - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 36 tr. : minh họa ; 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 6000đ. - 1000b s639569

1302. Vở bài tập Công nghệ 4 (Tích hợp phát triển năng lực số) / Vũ Thị Ngọc Thúy (ch.b.), Đặng Minh Đức, Nguyễn Thị Hoa. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 48 tr. : minh họa ; 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 16000đ. - 47000b s639571

1303. Vở bài tập Công nghệ 5 (Tích hợp phát triển năng lực số) / Vũ Thị Ngọc Thúy (ch.b.), Đặng Minh Đức, Nguyễn Thị Hoa. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 40 tr. : minh họa ; 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 14000đ. - 80000b s639572

1304. Vở bài tập Đạo đức 1 / Nguyễn Thị Toan (ch.b.), Trần Thành Nam, Lê Thị Tuyết Mai, Lục Thị Nga. - Tái bản lần thứ 6. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 63 tr. : tranh vẽ ; 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 11000đ. - 14000b s639742

1305. Vở bài tập Đạo đức 2 / Nguyễn Thị Toan (ch.b.), Nguyễn Thị Hoàng Anh, Nguyễn Ngọc Dung... - Tái bản lần thứ 5. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 63 tr. : bảng, tranh vẽ ; 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 11000đ. - 4000b s639743

1306. Vở bài tập Đạo đức 3 / Nguyễn Thị Toan (ch.b.), Nguyễn Thị Hoàng Anh, Nguyễn Ngọc Dung... - Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 51 tr. : ảnh, tranh vẽ ; 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 9000đ. - 4000b s639744

1307. Vở bài tập Đạo đức 3 (Tích hợp phát triển năng lực số) / Nguyễn Thị Toan (ch.b.), Nguyễn Thị Hoàng Anh, Nguyễn Ngọc Dung, Đặng Xuân Điều. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 51 tr. : bảng, tranh vẽ ; 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 17000đ. - 81000b s639740

1308. Vở bài tập Đạo đức 5 (Tích hợp phát triển năng lực số) / Nguyễn Thị Toan (ch.b.), Nguyễn Thị Hoàng Anh, Nguyễn Ngọc Dung, Đặng Xuân Điều. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 59 tr. : bảng, tranh vẽ ; 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 20000đ. - 66000b s639741

1309. Vở bài tập Hoạt động trải nghiệm 1 / Bùi Sỹ Tụng (ch.b.), Lê Thị Luận, Lưu Danh Văn. - Tái bản lần thứ 6. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 43 tr. : minh họa ; 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 9000đ. - 25000b s639750

1310. Vở bài tập Hoạt động trải nghiệm 1 (Tích hợp phát triển năng lực số) / Đinh Thị Kim Thoa (ch.b.), Đặng Xuân Điều, Vũ Phương Liên... - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 43 tr. : minh họa ; 24 cm. - 15000đ. - 50000b s639756

1311. Vở bài tập Hoạt động trải nghiệm 2 / Nguyễn Thụy Anh. - Tái bản lần thứ 5. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 68 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 12000đ. - 29000b s639751

1312. Vở bài tập Hoạt động trải nghiệm 4 (Tích hợp phát triển năng lực số) / Đinh Thị Kim Thoa (ch.b.), Vũ Phương Liên, Lại Thị Yến Ngọc... - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 72 tr. : minh họa ; 24 cm. - 22000đ. - 66000b s639752

1313. Vở bài tập Hoạt động trải nghiệm 5 (Tích hợp phát triển năng lực số) / Đinh Thị Kim Thoa (ch.b.), Nguyễn Hồng Kiên, Nguyễn Thị Bích Liên... - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 72 tr. : minh họa ; 24 cm. - 22000đ. - 69000b s639757

1314. Vở bài tập Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 7 / Trần Thị Thu (ch.b.), Nguyễn Thanh Bình, Dương Thị Thu Hà... - Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 71 tr. : minh họa ; 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 12000đ. - 3000b s639753
1315. Vở bài tập Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 10 / Nguyễn Thanh Bình (ch.b.), Lê Văn Cầu, Trần Thị Tố Oanh... - Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 68 tr. : bảng ; 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 10000đ. - 4000b s639754
1316. Vở bài tập Khoa học 4 / Vũ Văn Hùng (ch.b.), Nguyễn Thị Thanh Chi, Phan Thanh Hà... - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 79 tr. : minh họa ; 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 13000đ. - 39100b s639582
1317. Vở bài tập Khoa học 5 (Tích hợp phát triển năng lực số) / Lý Vương Ngọc Minh (ch.b.), Phan Thanh Hà, Nguyễn Thị Thanh Phúc. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 72 tr. : minh họa ; 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 22000đ. - 73000b s639583
1318. Vở bài tập Lịch sử và Địa lí 4 / Nguyễn Thị Thu Thủy, Trần Thị Hà Giang (ch.b.), Đào Thị Hồng... - Tái bản lần thứ 3, có chỉnh lí, bổ sung. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 99 tr. : minh họa ; 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 16000đ. - 29000b s639544
1319. Vở bài tập Lịch sử và Địa lí 5 / Nguyễn Thị Thu Thủy, Trần Thị Hà Giang (ch.b.), Đào Thị Hồng... - Tái bản lần thứ 2, có chỉnh lí, bổ sung. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 108 tr. : minh họa ; 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 14000đ. - 15000b s639545
1320. Vở bài tập Lịch sử và Địa lí 5 (Tích hợp phát triển năng lực số) / Dương Thị Oanh (ch.b.), Nguyễn Tú Linh, Đặng Thị Phương, Trần Thị Lan. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 92 tr. : ảnh, bảng ; 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 28000đ. - 133000b s639543
1321. Vở bài tập Mỹ thuật 1 / Đinh Gia Lê (ch.b.), Phạm Duy Anh, Trần Thị Biễn. - Tái bản lần thứ 6. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 47 tr. : minh họa ; 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 10000đ. - 103900b s639584
1322. Vở bài tập Mỹ thuật 2 / Đoàn Thị Mỹ Hương, Đinh Gia Lê (ch.b.), Phạm Duy Anh... - Tái bản lần thứ 5. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 47 tr. : minh họa ; 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 10000đ. - 104800b s639585
1323. Vở bài tập Mỹ thuật 2 (Tích hợp phát triển năng lực số) / Phạm Duy Anh, Đào Thị Hà. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 48 tr. : minh họa ; 24 cm. - 18000đ. - 221000b s639594
1324. Vở bài tập Mỹ thuật 3 / Nguyễn Xuân Nghị (ch.b.), Phạm Duy Anh, Trần Thị Biễn... - Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 48 tr. : minh họa ; 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 8000đ. - 66000b s639586
1325. Vở bài tập Mỹ thuật 3 (Tích hợp phát triển năng lực số) / Phạm Duy Anh, Đào Thị Hà. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 48 tr. : minh họa ; 24 cm. - 18000đ. - 202000b s639595
1326. Vở bài tập Mỹ thuật 4 / Đinh Gia Lê (ch.b.), Phạm Duy Anh, Trần Thị Biễn... - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 47 tr. : minh họa ; 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 9000đ. - 98000b s639587
1327. Vở bài tập Mỹ thuật 4 (Tích hợp phát triển năng lực số) / Phạm Duy Anh, Đào Thị Hà. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 48 tr. : minh họa ; 24 cm. - 18000đ. - 200000b s639596
1328. Vở bài tập Mỹ thuật 5 / Đinh Gia Lê (ch.b.), Phạm Duy Anh, Trần Thị Biễn... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 47 tr. : minh họa ; 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 7000đ. - 92400b s639588
1329. Vở bài tập Mỹ thuật 5 (Tích hợp phát triển năng lực số) / Phạm Duy Anh, Đào Thị Hà. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 48 tr. : minh họa ; 24 cm. - 18000đ. - 177000b s639597

1330. Vở bài tập nâng cao Tiếng Việt 2 / Nguyễn Thị Phương Nga (ch.b.), Phạm Thị Chín, Nguyễn Bảo Khanh. - Tái bản lần thứ 5. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 39000đ. - 8000b

T.1. - 2026. - 79 tr. : hình vẽ, bảng s639249

1331. Vở bài tập nâng cao Tiếng Việt 2 / Nguyễn Thị Phương Nga (ch.b.), Phạm Thị Bình, Nguyễn Bảo Khanh. - Tái bản lần thứ 5. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 39000đ. - 8000b

T.2. - 2026. - 71 tr. : minh họa s639250

1332. Vở bài tập nâng cao Tiếng Việt 3 / Nguyễn Thị Phương Nga, Phạm Thị Bình, Nguyễn Thị Dung. - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 39000đ. - 8000b

T.1. - 2026. - 71 tr. : bảng, tranh vẽ s639334

1333. Vở bài tập nâng cao Tiếng Việt 3 / Nguyễn Thị Phương Nga, Phạm Thị Chín, Phạm Thị Bình. - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 39000đ. - 8000b

T.2. - 2026. - 71 tr. : minh họa s639335

1334. Vở bài tập nâng cao Tiếng Việt 4 / Nguyễn Thị Phương Nga, Phạm Kim Chung, Nguyễn Thu Phương. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 39000đ. - 8000b

T.1. - 2026. - 76 tr. : hình vẽ, bảng s639336

1335. Vở bài tập nâng cao Tiếng Việt 5 / Nguyễn Thị Phương Nga, Phạm Kim Chung, Nguyễn Thu Phương. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 39000đ. - 8000b

T.1. - 2026. - 84 tr. : bảng, sơ đồ s639337

1336. Vở bài tập nâng cao Toán 1 / Vũ Dương Thụy (ch.b.), Nguyễn Áng, Vũ Mai Hương. - Tái bản lần thứ 6. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 39000đ. - 10000b

T.2. - 2026. - 80 tr. : hình vẽ, bảng s639110

1337. Vở bài tập nâng cao Toán 2 / Vũ Dương Thụy (ch.b.), Nguyễn Áng, Vũ Mai Hương. - Tái bản lần thứ 5. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 49000đ. - 7000b

T.2. - 2026. - 112 tr. : hình vẽ, bảng s639111

1338. Vở bài tập nâng cao Toán 3 / Lê Anh Vinh (ch.b.), Vũ Văn Dương, Vũ Thị Thanh Hương... - Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 49000đ. - 7000b

T.2. - 2026. - 107 tr. : hình vẽ, bảng s639112

1339. Vở bài tập nâng cao Toán 4 / Lê Anh Vinh (ch.b.), Nguyễn Áng, Hoàng Quế Hương, Vũ Văn Luân. - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 49000đ. - 10000b

T.1. - 2026. - 120 tr. : hình vẽ, bảng s639113

1340. Vở bài tập nâng cao Toán 4 / Lê Anh Vinh (ch.b.), Vũ Văn Dương, Vũ Thị Thanh Hương... - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 49000đ. - 7000b

T.2. - 2026. - 116 tr. : minh họa s639114

1341. Vở bài tập nâng cao Toán 5 / Lê Anh Vinh (ch.b.), Vũ Văn Dương, Vũ Thị Thanh Hương... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 49000đ. - 10000b

T.1. - 2026. - 116 tr. : hình vẽ, bảng s639107

1342. Vở bài tập nâng cao Toán 5 / Lê Anh Vinh (ch.b.), Nguyễn Áng, Hoàng Quế Hương, Vũ Văn Luân. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 49000đ. - 7000b

T.2. - 2026. - 120 tr. : minh họa s639108

1343. Vở bài tập thực hành Tiếng Việt 4 / Nguyễn Thị Thu Hà, Nguyễn Thị Hà Phương, Nguyễn Thị Dung. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 27 cm. - 31000đ. - 16000b

T.1. - 2026. - 84 tr. : hình vẽ s638831

1344. Vở bài tập thực hành Tiếng Việt 5 / Nguyễn Thị Dung, Nguyễn Thanh Huyền, Phạm Anh Mỹ, Đào Trúc Quỳnh. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 27 cm. - 31000đ. - 16000b

T.1. - 2026. - 84 tr. : hình vẽ s638832

1345. Vở bài tập thực hành Toán 1 / Huỳnh Bích Thảo, Nguyễn Huy Mạnh, Nguyễn Mạnh Dũng. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 27 cm. - 31000đ. - 16000b

T.1. - 2026. - 56 tr. : hình vẽ s638821

1346. Vở bài tập thực hành Toán 1 / Huỳnh Bích Thảo, Nguyễn Huy Mạnh, Nguyễn Mạnh Dũng. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 27 cm. - 31000đ. - 16000b

T.2. - 2026. - 59 tr. : hình vẽ s638822

1347. Vở bài tập thực hành Toán 2 / Huỳnh Bích Thảo, Nguyễn Huy Mạnh, Nguyễn Mạnh Dũng. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 27 cm. - 31000đ. - 16000b

T.1. - 2026. - 80 tr. : hình vẽ s638823

1348. Vở bài tập thực hành Toán 2 / Huỳnh Bích Thảo, Nguyễn Huy Mạnh, Nguyễn Mạnh Dũng. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 27 cm. - 31000đ. - 16000b

T.2. - 2026. - 80 tr. : hình vẽ s638824

1349. Vở bài tập thực hành Toán 3 / Huỳnh Bích Thảo, Nguyễn Huy Mạnh, Nguyễn Mạnh Dũng. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 27 cm. - 31000đ. - 16000b

T.1. - 2026. - 80 tr. : hình vẽ s638825

1350. Vở bài tập thực hành Toán 3 / Huỳnh Bích Thảo, Nguyễn Huy Mạnh, Nguyễn Mạnh Dũng. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 27 cm. - 31000đ. - 16000b

T.2. - 2026. - 80 tr. : hình vẽ s638826

1351. Vở bài tập thực hành Toán 4 / Huỳnh Bích Thảo, Nguyễn Huy Mạnh, Nguyễn Mạnh Dũng. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 27 cm. - 31000đ. - 16000b

T.1. - 2026. - 84 tr. : hình vẽ s638827

1352. Vở bài tập thực hành Toán 4 / Huỳnh Bích Thảo, Nguyễn Huy Mạnh, Nguyễn Mạnh Dũng. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 27 cm. - 31000đ. - 16000b

T.2. - 2026. - 84 tr. : hình vẽ s638828

1353. Vở bài tập thực hành Toán 5 / Huỳnh Bích Thảo, Nguyễn Huy Mạnh, Nguyễn Mạnh Dũng. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 27 cm. - 31000đ. - 16000b

T.1. - 2026. - 84 tr. : hình vẽ s638829

1354. Vở bài tập thực hành Toán 5 / Huỳnh Bích Thảo, Nguyễn Huy Mạnh, Nguyễn Mạnh Dũng. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 27 cm. - 31000đ. - 16000b

T.2. - 2026. - 84 tr. : hình vẽ s638830

1355. Vở bài tập Tiếng Việt 1 / Bùi Mạnh Hùng (ch.b.), Lê Thị Lan Anh, Vũ Thị Thanh Hương... - Tái bản lần thứ 6. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 13000đ. - 80000b

T.1. - 2026. - 72 tr. : minh họa s639682

1356. Vở bài tập Tiếng Việt 1 / Bùi Mạnh Hùng (ch.b.), Vũ Kim Bảng, Trịnh Cẩm Lan... - Tái bản lần thứ 6. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 13000đ. - 175900b

T.2. - 2026. - 72 tr. : minh họa s639683

1357. Vở bài tập Tiếng Việt 1 - Ôn luyện thông minh / Trần Thị Hiền Lương (ch.b.), Nguyễn Phương Nga, Vũ Hoài Vân. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - 23000đ. - 30000b

T.1. - 2026. - 88 tr. : minh họa s639394

1358. Vở bài tập Tiếng Việt 1 - Ôn luyện thông minh / Trần Thị Hiền Lương (ch.b.), Nguyễn Thị Bích, Nguyễn Phương Nga. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - 23000đ. - 30000b

T.2. - 2026. - 91 tr. : minh họa s639395

1359. Vở bài tập Tiếng Việt 1 (Tích hợp phát triển năng lực số) / Trần Minh Hương (ch.b.), Trần Thị Quỳnh Nga, Vũ Thị Lan... - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 20000đ. - 261000b

T.1. - 2026. - 60 tr. : minh họa s639673

1360. Vở bài tập Tiếng Việt 2 / Trần Thị Hiền Lương (ch.b.), Đỗ Hồng Dương, Vũ Thị Thanh Hương... - Tái bản lần thứ 5. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 14000đ. - 80000b

T.1. - 2026. - 76 tr. : minh họa s639684

1361. Vở bài tập Tiếng Việt 2 / Trần Thị Hiền Lương (ch.b.), Lê Thị Lan Anh, Trịnh Cẩm Lan... - Tái bản lần thứ 5. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 14000đ. - 80000b

T.2. - 2026. - 76 tr. : minh họa s639685

1362. Vở bài tập Tiếng Việt 2 - Ôn luyện thông minh / Trần Thị Hiền Lương (ch.b.), Nguyễn Thị Bích, Nguyễn Phương Nga... - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - 25000đ. - 30000b

T.1. - 2026. - 100 tr. : minh họa s639396

1363. Vở bài tập Tiếng Việt 2 - Ôn luyện thông minh / Trần Thị Hiền Lương (ch.b.), Nguyễn Thị Hạnh, Nguyễn Thị Kim Oanh... - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - 25000đ. - 30000b

T.2. - 2026. - 96 tr. : bảng, tranh màu s639397

1364. Vở bài tập Tiếng Việt 2 (Tích hợp phát triển năng lực số) / Trần Minh Hương (ch.b.), Vũ Thị Lan, Trần Thị Quỳnh Nga... - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 22000đ. - 260000b

T.2. - 2026. - 72 tr. : minh họa s639674

1365. Vở bài tập Tiếng Việt 3 / Trần Thị Hiền Lương (ch.b.), Đỗ Hồng Dương, Nguyễn Thị Kim Oanh, Trần Kim Phụng. - Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 12000đ. - 110000b

T.1. - 2026. - 75 tr. : hình vẽ, bảng s639686

1366. Vở bài tập Tiếng Việt 3 / Trần Thị Hiền Lương (ch.b.), Lê Thị Lan Anh, Nguyễn Lê Hằng... - Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 11000đ. - 90000b

T.2. - 2026. - 71 tr. : minh họa s639687

1367. Vở bài tập Tiếng Việt 3 - Ôn luyện thông minh / Trần Thị Hiền Lương (ch.b.), Nguyễn Thị Hạnh, Đặng Thị Lanh... - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - 25000đ. - 30000b
T.1. - 2026. - 99 tr. : bảng, tranh màu s639398
1368. Vở bài tập Tiếng Việt 3 - Ôn luyện thông minh / Trần Thị Hiền Lương (ch.b.), Nguyễn Thị Hạnh, Đặng Thị Lanh... - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - 25000đ. - 30000b
T.2. - 2026. - 103 tr. : bảng, tranh màu s639399
1369. Vở bài tập Tiếng Việt 3 (Tích hợp phát triển năng lực số) / Trần Minh Hương (ch.b.), Thạch Thị Lan Anh, Trần Thị Quỳnh Nga... - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 22000đ. - 261000b
T.2. - 2026. - 72 tr. : minh họa s639675
1370. Vở bài tập Tiếng Việt 4 - Ôn luyện thông minh / Trần Thị Hiền Lương (ch.b.), Trương Phương Nga, Nguyễn Thị Kim Oanh... - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - 25000đ. - 30000b
T.1. - 2026. - 112 tr. : bảng, tranh màu s639400
1371. Vở bài tập Tiếng Việt 4 - Ôn luyện thông minh / Trần Thị Hiền Lương (ch.b.), Đặng Thị Lanh, Trương Phương Nga... - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - 25000đ. - 30000b
T.2. - 2026. - 108 tr. : bảng, tranh màu s639401
1372. Vở bài tập Tiếng Việt 4 (Tích hợp phát triển năng lực số) / Trần Minh Hương (ch.b.), Lương Thị Hiền, Trần Thị Quỳnh Nga... - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 30000đ. - 263000b
T.1. - 2026. - 99 tr. : minh họa s639676
1373. Vở bài tập Tiếng Việt 4 (Tích hợp phát triển năng lực số) / Trần Minh Hương (ch.b.), Lương Thị Hiền, Trần Thị Quỳnh Nga... - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 30000đ. - 260000b
T.2. - 2026. - 95 tr. : minh họa s639677
1374. Vở bài tập Tiếng Việt 5 / Trần Thị Hiền Lương (ch.b.), Đỗ Hồng Dương, Nguyễn Lê Hằng... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 16000đ. - 270000b
T.1. - 2025. - 124 tr. : minh họa s639688
1375. Vở bài tập Tiếng Việt 5 / Trần Thị Hiền Lương (ch.b.), Đỗ Hồng Dương, Nguyễn Lê Hằng... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 16000đ. - 212600b
T.1. - 2026. - 124 tr. : minh họa s639689
1376. Vở bài tập Tiếng Việt 5 / Trần Thị Hiền Lương (ch.b.), Lê Thị Lan Anh, Đỗ Hồng Dương... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 16000đ. - 210100b
T.2. - 2026. - 119 tr. : minh họa s639690
1377. Vở bài tập Tiếng Việt 5 - Ôn luyện thông minh / Trần Thị Hiền Lương (ch.b.), Trương Phương Nga, Nguyễn Thị Kim Oanh... - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - 25000đ. - 30000b
T.1. - 2026. - 111 tr. : bảng, tranh màu s639402
1378. Vở bài tập Tiếng Việt 5 - Ôn luyện thông minh / Trần Thị Hiền Lương (ch.b.), Trương Phương Nga, Nguyễn Thị Kim Oanh... - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - 25000đ. - 30000b
T.2. - 2026. - 108 tr. : bảng, tranh màu s639403

1379. Vở bài tập Tiếng Việt 5 (Tích hợp phát triển năng lực số) / Trần Minh Hương (ch.b.), Trần Thị Quỳnh Nga, Vũ Thị Lan... - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 30000đ. - 263000b

T.1. - 2026. - 99 tr. : minh họa s639678

1380. Vở bài tập Tiếng Việt 5 (Tích hợp phát triển năng lực số) / Trần Minh Hương (ch.b.), Trần Thị Quỳnh Nga, Vũ Thị Lan... - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 30000đ. - 259000b

T.2. - 2026. - 100 tr. : minh họa s639679

1381. Vở bài tập Tiếng Việt tăng cường lớp 4 : Biên soạn theo Chương trình Sách giáo khoa mới : Phiên bản đặc biệt 5.0 / Vũ Ngọc Hân, Nguyễn Thị Hạnh. - H. : Nxb. Hà Nội. - 27 cm. - (Bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống). - 60000đ. - 15000b

T.1. - 2026. - 120 tr. : minh họa s638786

1382. Vở bài tập Tiếng Việt tăng cường lớp 5 : Biên soạn theo Chương trình Sách giáo khoa mới : Phiên bản đặc biệt 5.0 / Vũ Ngọc Hân, Phạm Thị Nhã, Nguyễn Thị Thùy Linh, Trần Thị Thu Hà. - H. : Nxb. Hà Nội. - 27 cm. - (Bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống). - 60000đ. - 15000b

T.1. - 2026. - 116 tr. : minh họa s638787

1383. Vở bài tập Tin học 3 / Hoàng Thị Mai (ch.b.), Nguyễn Hải Châu, Nguyễn Thu Hiền... - Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 64 tr. : minh họa ; 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 10000đ. - 10000b s639558

1384. Vở bài tập Tin học 3 (Tích hợp phát triển năng lực số) / Hoàng Thị Mai (ch.b.), Hà Đăng Cao Tùng. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 60 tr. : minh họa ; 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 20000đ. - 52000b s639565

1385. Vở bài tập Tin học 4 / Hoàng Thị Mai (ch.b.), Nguyễn Hải Châu, Hà Đăng Cao Tùng. - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 68 tr. : minh họa ; 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 10000đ. - 21000b s639559

1386. Vở bài tập Tin học 4 (Tích hợp phát triển năng lực số) / Hoàng Thị Mai (ch.b.), Hà Đăng Cao Tùng. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 71 tr. : minh họa ; 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 22000đ. - 90000b s639566

1387. Vở bài tập Tin học 5 / Hoàng Thị Mai (ch.b.), Nguyễn Hải Châu, Hà Đăng Cao Tùng. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 76 tr. : minh họa ; 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 10000đ. - 24000b s639560

1388. Vở bài tập Tin học 5 (Tích hợp phát triển năng lực số) / Hoàng Thị Mai (ch.b.), Hà Đăng Cao Tùng. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 72 tr. : minh họa ; 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 22000đ. - 91000b s639567

1389. Vở bài tập Toán 1 / Lê Anh Vinh (ch.b.), Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương... - Tái bản lần thứ 5. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 16000đ. - 321849b

T.1. - 2026. - 108 tr. : minh họa s639848

1390. Vở bài tập Toán 1 / Lê Anh Vinh (ch.b.), Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương... - Tái bản lần thứ 6. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 16000đ. - 80000b

T.1. - 2026. - 108 tr. : minh họa s639849

1391. Vở bài tập Toán 1 / Lê Anh Vinh (ch.b.), Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương... - Tái bản lần thứ 6. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 16000đ. - 60000b

T.2. - 2026. - 108 tr. : minh họa s639850

1392. Vở bài tập Toán 1 - Ôn luyện thông minh / Lê Anh Vinh (ch.b.), Hoàng Quế Hương, Vũ Văn Luân... - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - 23000đ. - 30000b

T.1. - 2026. - 83 tr. : hình vẽ, bảng s639083

1393. Vở bài tập Toán 1 - Ôn luyện thông minh / Lê Anh Vinh (ch.b.), Hoàng Quế Hương, Vũ Văn Luân... - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - 23000đ. - 30000b

T.2. - 2026. - 76 tr. : hình vẽ, bảng s639084

1394. Vở bài tập Toán 1 (Tích hợp phát triển năng lực số) / Lê Anh Vinh (ch.b.), Hoàng Quế Hương, Vũ Văn Luân... - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 25000đ. - 264000b

T.1. - 2026. - 76 tr. : minh họa s639858

1395. Vở bài tập Toán 1 (Tích hợp phát triển năng lực số) / Lê Anh Vinh (ch.b.), Hoàng Quế Hương, Vũ Văn Luân... - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 22000đ. - 261000b

T.2. - 2026. - 72 tr. : minh họa s639859

1396. Vở bài tập Toán 2 / Lê Anh Vinh (ch.b.), Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương... - Tái bản lần thứ 5. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 20000đ. - 110000b

T.1. - 2026. - 136 tr. : minh họa s639851

1397. Vở bài tập Toán 2 / Lê Anh Vinh (ch.b.), Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương... - Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 19000đ. - 220000b

T.2. - 2026. - 128 tr. : minh họa s639852

1398. Vở bài tập Toán 2 / Lê Anh Vinh (ch.b.), Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương... - Tái bản lần thứ 5. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 19000đ. - 80000b

T.2. - 2026. - 128 tr. : minh họa s639853

1399. Vở bài tập Toán 2 - Ôn luyện thông minh / Lê Anh Vinh (ch.b.), Hoàng Quế Hương, Vũ Văn Luân... - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - 25000đ. - 30000b

T.1. - 2026. - 115 tr. : hình vẽ, bảng s639085

1400. Vở bài tập Toán 2 - Ôn luyện thông minh / Lê Anh Vinh (ch.b.), Hoàng Quế Hương, Vũ Văn Luân... - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - 25000đ. - 30000b

T.2. - 2026. - 111 tr. : hình vẽ, bảng s639086

1401. Vở bài tập Toán 2 (Tích hợp phát triển năng lực số) / Lê Anh Vinh (ch.b.), Hoàng Quế Hương, Vũ Văn Luân... - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 29000đ. - 263000b

T.1. - 2026. - 107 tr. : minh họa s639860

1402. Vở bài tập Toán 2 (Tích hợp phát triển năng lực số) / Lê Anh Vinh (ch.b.), Hoàng Quế Hương, Vũ Văn Luân... - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 29000đ. - 261000b

T.2. - 2026. - 104 tr. : minh họa s639861

1403. Vở bài tập Toán 3 / Lê Anh Vinh (ch.b.), Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương... - Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 17000đ. - 90000b

T.1. - 2026. - 115 tr. : minh họa s639854

1404. Vở bài tập Toán 3 / Lê Anh Vinh (ch.b.), Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương... - Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 18000đ. - 134200b

T.2. - 2026. - 128 tr. : minh họa s639855

1405. Vở bài tập Toán 3 - Ôn luyện thông minh / Lê Anh Vinh (ch.b.), Hoàng Quế Hương, Vũ Văn Luân... - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - 25000đ. - 30000b

T.1. - 2026. - 103 tr. : hình vẽ, bảng s639087

1406. Vở bài tập Toán 3 - Ôn luyện thông minh / Lê Anh Vinh (ch.b.), Hoàng Quế Hương, Vũ Văn Luân... - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - 25000đ. - 30000b

T.2. - 2026. - 107 tr. : hình vẽ, bảng s639088

1407. Vở bài tập Toán 3 (Tích hợp phát triển năng lực số) / Lê Anh Vinh (ch.b.), Hoàng Quế Hương, Vũ Văn Luân... - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 28000đ. - 84000b

T.2. - 2026. - 92 tr. : hình vẽ, bảng s639862

1408. Vở bài tập Toán 4 / Lê Anh Vinh (ch.b.), Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương... - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 20000đ. - 80000b

T.1. - 2026. - 136 tr. : minh họa s639856

1409. Vở bài tập Toán 4 - Ôn luyện thông minh / Lê Anh Vinh (ch.b.), Hoàng Quế Hương, Vũ Văn Luân... - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - 25000đ. - 30000b

T.1. - 2026. - 108 tr. : hình vẽ, bảng s639089

1410. Vở bài tập Toán 4 - Ôn luyện thông minh / Lê Anh Vinh (ch.b.), Hoàng Quế Hương, Vũ Văn Luân... - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - 25000đ. - 30000b

T.2. - 2026. - 111 tr. : hình vẽ, bảng s639090

1411. Vở bài tập Toán 4 (Tích hợp phát triển năng lực số) / Lê Anh Vinh (ch.b.), Hoàng Quế Hương, Vũ Văn Luân... - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 30000đ. - 77000b

T.2. - 2026. - 107 tr. : hình vẽ, bảng s639863

1412. Vở bài tập Toán 5 / Lê Anh Vinh (ch.b.), Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 18000đ. - 210800b

T.1. - 2026. - 136 tr. : minh họa s639857

1413. Vở bài tập Toán 5 - Ôn luyện thông minh / Lê Anh Vinh (ch.b.), Hoàng Quế Hương, Vũ Văn Luân... - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - 25000đ. - 30000b

T.1. - 2026. - 104 tr. : hình vẽ, bảng s639091

1414. Vở bài tập Toán 5 - Ôn luyện thông minh / Lê Anh Vinh (ch.b.), Hoàng Quế Hương, Vũ Văn Luân... - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - 25000đ. - 30000b

T.2. - 2026. - 111 tr. : hình vẽ, bảng s639092

1415. Vở bài tập Toán phát triển tư duy : Phiên bản mới 5.0 : Biên soạn theo Chương trình Sách giáo khoa mới : Cho bé 5 - 6 tuổi, chuẩn bị vào lớp 1 / Thúy Hà, Thanh Hương. - H. :

Nxb. Hà Nội, 2026. - 63 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - (Bé tự tin vào Lớp 1). - 60000đ. - 5000b s638765

1416. Vở bài tập Tự nhiên và Xã hội 1 / Vũ Văn Hùng (ch.b.), Đào Thị Hồng, Phương Hà Lan... - Tái bản lần thứ 6. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 79 tr. : minh họa ; 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 13000đ. - 43600b s639576

1417. Vở bài tập Tự nhiên và Xã hội 1 (Tích hợp phát triển năng lực số) / Nguyễn Thị Thu Hằng (ch.b.), Lương Việt Thái, Phương Thảo. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 71 tr. : minh họa ; 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 22000đ. - 5300b s639579

1418. Vở bài tập Tự nhiên và Xã hội 2 / Vũ Văn Hùng (ch.b.), Đào Thị Hồng, Phương Hà Lan... - Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 80 tr. : minh họa ; 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 13000đ. - 43600b s639577

1419. Vở bài tập Tự nhiên và Xã hội 2 (Tích hợp phát triển năng lực số) / Nguyễn Thị Thu Hằng (ch.b.), Lương Việt Thái, Phương Thảo. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 72 tr. : minh họa ; 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 22000đ. - 54000b s639580

1420. Vở bài tập Tự nhiên và Xã hội 2 (Tích hợp phát triển năng lực số) / Vũ Văn Hùng (ch.b.), Đào Thị Hồng, Phương Hà Lan... - Tái bản lần thứ 5. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 80 tr. : minh họa ; 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 13000đ. - 30200b s639578

1421. Vở bài tập Tự nhiên và Xã hội 3 (Tích hợp phát triển năng lực số) / Nguyễn Thị Thu Hằng (ch.b.), Lương Việt Thái, Phương Thảo. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 72 tr. : minh họa ; 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 22000đ. - 53000b s639581

1422. Vở Bé học tiếng Việt : Dành cho trẻ 5 - 6 tuổi / Lê Hồng Đăng, Lê Thị Ngọc Ánh. - In lần thứ 13. - H. : Đại học Sư phạm. - 24 cm. - (Hành trang cho bé vào Lớp 1). - 15000đ. - 10000b

Q.2: Bé học văn. - 2026. - 31 tr. : hình vẽ, bảng s638284

1423. Vở Bé làm quen với chữ số : Dành cho trẻ mẫu giáo / Lê Hồng Đăng, Lê Thị Ngọc Ánh. - In lần thứ 15. - H. : Đại học Sư phạm, 2026. - 23 tr. ; 24 cm. - (Mai em vào Lớp 1). - 15000đ. - 10000b s640807

1424. Vở Bé làm quen với Toán : Dành cho trẻ mẫu giáo / Lê Hồng Đăng, Lê Thị Ngọc Ánh. - In lần thứ 14. - H. : Đại học Sư phạm, 2026. - 24 tr. : tranh vẽ ; 24 cm. - (Mai em vào Lớp 1). - 15000đ. - 10000b s638565

1425. Vở Bé tập viết : Dành cho trẻ 5 - 6 tuổi / Lê Hồng Đăng, Lê Thị Ngọc Ánh. - In lần thứ 14. - H. : Đại học Sư phạm. - 24 cm. - (Hành trang cho bé vào Lớp 1). - 15000đ. - 10000b Q.2. - 2025. - 36 tr. s640808

1426. Vở luyện viết 1 : Theo Chương trình Sách giáo khoa mới / Minh Phương, Thanh Hương. - H. : Nxb. Hà Nội. - 27 cm. - 29500đ. - 5000b Q.1. - 2026. - 51 tr. s638779

1427. Vở luyện viết 1 : Kết nối tri thức với cuộc sống: Dựa theo nội dung vở tập viết / Nguyễn Thị Hiền. - Thanh Hóa : Nxb. Thanh Hóa. - 24 cm. - 35000đ. - 3000b Q.2. - 2026. - 56 tr. s637531

1428. Vở luyện viết 1 : Theo Chương trình Sách giáo khoa mới / Minh Phương, Thanh Hương. - H. : Nxb. Hà Nội. - 27 cm. - 29500đ. - 5000b Q.2. - 2026. - 51 tr. s638780

1429. Vở luyện viết Chính tả lớp 5 / Minh Hương (ch.b.), Trần Thị Ngọc Quỳnh. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 18000đ. - 5000b

T.1. - 2026. - 55 tr. : tranh vẽ s639713

1430. Vở luyện viết Chính tả lớp 5 / Minh Hương (ch.b.), Trần Thị Ngọc Quỳnh. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 18000đ. - 5000b

T.2. - 2026. - 51 tr. : tranh vẽ s639714

1431. Vở luyện viết chữ đẹp lớp 1 : Dành cho học sinh Đồng bằng sông Cửu Long / Nguyễn Xuân Hoàng. - Tái bản lần thứ 6. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - 19000đ. - 17030b

T.1. - 2026. - 47 tr. s639720

1432. Vở luyện viết chữ đẹp lớp 1 : Dành cho học sinh tỉnh Gia Lai / Nguyễn Văn Tùng (ch.b.), Trần Thị Mai Hương, Lương Thị Xuân Tâm, Lê Đình Thanh. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - 17000đ. - 8033b

T.1. - 2026. - 35 tr. s639730

1433. Vở luyện viết chữ đẹp lớp 1 : Dành cho học sinh Đồng bằng sông Cửu Long / Nguyễn Xuân Hoàng. - Tái bản lần thứ 6. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - 19000đ. - 14530b

T.2. - 2026. - 48 tr. : bảng s639721

1434. Vở luyện viết chữ đẹp lớp 1 : Dành cho học sinh tỉnh Gia Lai / Nguyễn Văn Tùng (ch.b.), Trần Thị Hải Lý, Lương Thị Xuân Tâm, Lê Đình Thanh. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - 17000đ. - 8033b

T.2. - 2026. - 31 tr. s639731

1435. Vở luyện viết chữ đẹp lớp 2 : Dành cho học sinh Đồng bằng sông Cửu Long / Nguyễn Xuân Hoàng. - Tái bản lần thứ 6. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - 19000đ. - 15530b

T.1. - 2026. - 44 tr. : bảng s639722

1436. Vở luyện viết chữ đẹp lớp 2 : Dành cho học sinh tỉnh Gia Lai / Nguyễn Văn Tùng (ch.b.), Trần Thị Mai Hương, Lương Thị Xuân Tâm, Lê Đình Thanh. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - 17000đ. - 8033b

T.1. - 2026. - 36 tr. s639732

1437. Vở luyện viết chữ đẹp lớp 2 : Dành cho học sinh Đồng bằng sông Cửu Long / Nguyễn Xuân Hoàng. - Tái bản lần thứ 6. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - 19000đ. - 14030b

T.2. - 2026. - 44 tr. : bảng s639723

1438. Vở luyện viết chữ đẹp lớp 2 : Dành cho học sinh tỉnh Gia Lai / Nguyễn Văn Tùng (ch.b.), Trần Thị Mai Hương, Lương Thị Xuân Tâm, Lê Đình Thanh. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - 17000đ. - 8033b

T.2. - 2026. - 35 tr. s639733

1439. Vở luyện viết chữ đẹp lớp 3 : Dành cho học sinh Đồng bằng sông Cửu Long / Nguyễn Thanh Phong. - Tái bản lần thứ 6. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - 19000đ. - 15530b

T.1. - 2026. - 44 tr. : bảng s639724

1440. Vở luyện viết chữ đẹp lớp 3 : Dành cho học sinh tỉnh Gia Lai / Nguyễn Văn Tùng (ch.b.), Trần Thị Hải Lý, Lương Thị Xuân Tâm, Lê Đình Thanh. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - 17000đ. - 8033b

T.1. - 2026. - 36 tr. s639734

1441. Vở luyện viết chữ đẹp lớp 3 : Dành cho học sinh Đồng bằng sông Cửu Long / Nguyễn Thanh Phong. - Tái bản lần thứ 6. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - 19000đ. - 13030b
T.2. - 2026. - 44 tr. : bảng s639725
1442. Vở luyện viết chữ đẹp lớp 3 : Dành cho học sinh tỉnh Gia Lai / Nguyễn Văn Tùng (ch.b.), Trần Thị Hải Lý, Lương Thị Xuân Tâm, Lê Đình Thanh. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - 17000đ. - 8033b
T.2. - 2026. - 36 tr. s639735
1443. Vở luyện viết chữ đẹp lớp 4 : Dành cho học sinh Đồng bằng sông Cửu Long / Trần Công Thành. - Tái bản lần thứ 6. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - 19000đ. - 17030b
T.1. - 2026. - 40 tr. : bảng s639726
1444. Vở luyện viết chữ đẹp lớp 4 : Dành cho học sinh tỉnh Gia Lai / Nguyễn Văn Tùng (ch.b.), Trần Thị Mai Hương, Lương Thị Xuân Tâm, Lê Đình Thanh. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - 17000đ. - 8033b
T.1. - 2026. - 36 tr. s639736
1445. Vở luyện viết chữ đẹp lớp 4 : Dành cho học sinh Đồng bằng sông Cửu Long / Trần Công Thành. - Tái bản lần thứ 6. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - 19000đ. - 13530b
T.2. - 2026. - 38 tr. : bảng s639727
1446. Vở luyện viết chữ đẹp lớp 4 : Dành cho học sinh tỉnh Gia Lai / Nguyễn Văn Tùng (ch.b.), Trần Thị Mai Hương, Lương Thị Xuân Tâm, Lê Đình Thanh. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - 17000đ. - 8033b
T.2. - 2026. - 35 tr. s639737
1447. Vở luyện viết chữ đẹp lớp 5 : Dành cho học sinh Đồng bằng sông Cửu Long / Nguyễn Văn A. - Tái bản lần thứ 6. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - 19000đ. - 13530b
T.1. - 2026. - 40 tr. : bảng s639728
1448. Vở luyện viết chữ đẹp lớp 5 : Dành cho học sinh tỉnh Gia Lai / Nguyễn Văn Tùng (ch.b.), Trần Thị Hải Lý, Lương Thị Xuân Tâm, Lê Đình Thanh. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - 17000đ. - 8033b
T.1. - 2026. - 36 tr. s639738
1449. Vở luyện viết chữ đẹp lớp 5 : Dành cho học sinh Đồng bằng sông Cửu Long / Nguyễn Văn A. - Tái bản lần thứ 6. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - 19000đ. - 8530b
T.2. - 2026. - 40 tr. : bảng s639729
1450. Vở luyện viết chữ đẹp lớp 5 : Dành cho học sinh tỉnh Gia Lai / Nguyễn Văn Tùng (ch.b.), Trần Thị Hải Lý, Lương Thị Xuân Tâm, Lê Đình Thanh. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - 17000đ. - 8033b
T.2. - 2026. - 35 tr. s639739
1451. Vở luyện viết hăng ngày : Chương trình dành cho bé bắt đầu học tiền tiểu học / Nguyễn Hà Ngọc Vân. - H. : Nxb. Hà Nội. - 24 cm. - 65000đ. - 5000b
Q.1: Nét cơ bản và chữ cái. - 2026. - 104 tr. s638417
1452. Vở luyện viết lớp 4 / Nguyễn Thu Trang (ch.b.), Vũ Thanh Mai. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 20000đ. - 5000b
T.1. - 2026. - 39 tr. s639703
1453. Vở luyện viết lớp 4 / Nguyễn Thu Trang (ch.b.), Vũ Thanh Mai. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 20000đ. - 5000b
T.2. - 2026. - 39 tr. s639704

1454. Vở luyện viết lớp 5 / Nguyễn Thu Trang (ch.b.), Nguyễn Hoàng Anh, Phạm Thị Bình, Lê Thị Nga. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 20000đ. - 5000b

T.1. - 2026. - 39 tr. s639705

1455. Vở luyện viết lớp 5 / Nguyễn Thu Trang (ch.b.), Nguyễn Hoàng Anh, Phạm Thị Bình, Lê Thị Nga. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 20000đ. - 5000b

T.2. - 2026. - 39 tr. s639706

1456. Vở ô li Bài tập Tiếng Việt tăng cường lớp 3 : Biên soạn theo Chương trình Sách giáo khoa mới : Phiên bản đặc biệt 5.0 / Vũ Ngọc Hân, Nguyễn Thị Trang, Nguyễn Thị Ngọc. - H. : Nxb. Hà Nội. - 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 60000đ. - 15000b

T.1. - 2026. - 112 tr. s638785

1457. Vở ô li Bài tập Toán tăng cường lớp 1 : Ghi nhớ thông minh cùng sơ đồ tư duy : Chương trình mới theo định hướng giáo dục mở / Hương Giang, Trung Anh. - H. : Nxb. Hà Nội. - 27 cm. - 60000đ. - 10000b

T.1. - 2026. - 76 tr. : hình vẽ, bảng s638762

1458. Vở ô li Bài tập Toán tăng cường lớp 2 : Biên soạn theo Chương trình Sách giáo khoa mới : Phiên bản đặc biệt 5.0 / Vũ Ngọc Hân, Nông Thị Vân Hương. - H. : Nxb. Hà Nội. - 27 cm. - (Bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống). - 60000đ. - 20000b

T.1. - 2026. - 120 tr. : hình vẽ s638725

1459. Vở ô li Bài tập Toán tăng cường lớp 2 : Biên soạn theo Chương trình Sách giáo khoa mới : Phiên bản đặc biệt 5.0 / Vũ Ngọc Hân, Nông Thị Vân Hương. - H. : Nxb. Hà Nội. - 27 cm. - (Bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống). - 60000đ. - 15000b

T.2. - 2026. - 120 tr. : hình vẽ s638726

1460. Vở ô li Bài tập Toán tăng cường lớp 3 : Biên soạn theo Chương trình Sách giáo khoa mới : Phiên bản đặc biệt 5.0 / Vũ Ngọc Hân, Nông Thị Vân Hương. - H. : Nxb. Hà Nội. - 27 cm. - (Bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống). - 60000đ. - 15000b

T.1. - 2026. - 120 tr. : hình vẽ s638727

1461. Vở ô li Bài tập Toán tăng cường lớp 3 : Biên soạn theo Chương trình Sách giáo khoa mới : Phiên bản đặc biệt 5.0 / Vũ Ngọc Hân, Nông Thị Vân Hương. - H. : Nxb. Hà Nội. - 27 cm. - (Bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống). - 60000đ. - 15000b

T.2. - 2026. - 120 tr. : hình vẽ s638728

1462. Vở ô li theo mẫu chữ lớp 1 : Bám sát SGK: Kết nối tri thức với cuộc sống / Hoàng Sơn, Nam Thuận. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 24 cm. - 29000đ. - 1500b

T.1. - 2026. - 48 tr. s640785

1463. Vở ôn tập hè Tiếng Anh 5 : Biên soạn theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới / Nguyễn Hoàng Thanh Ly, Nguyễn Văn Hai. - H. : Đại học Sư phạm, 2026. - 120 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - 60000đ. - 1000b s640805

1464. Vở rèn chữ cỡ nhỏ : Luyện chữ cỡ nhỏ chuẩn 3/4 li cho học sinh tiểu học và người yêu chữ : Biên soạn theo Chương trình SGK mới / Thúy Hà, Thanh Hương. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 64 tr. ; 27 cm. - 45000đ. - 5000b s638769

1465. Vở Tập làm văn lớp 2 / Xuân Thị Nguyệt Hà (ch.b.), Nguyễn Thanh Hồng, Cao Tuyết Minh. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 21000đ. - 3000b

T.1. - 2026. - 56 tr. : bảng, tranh vẽ s639665

1466. Vở Tập làm văn lớp 2 / Xuân Thị Nguyệt Hà (ch.b.), Nguyễn Thanh Hồng, Cao Tuyết Minh. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 20000đ. - 3000b

T.2. - 2026. - 52 tr. : tranh vẽ s639666

1467. Vở Tập làm văn lớp 3 / Xuân Thị Nguyệt Hà (ch.b.), Nguyễn Thanh Hồng, Cao Tuyết Minh. - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 18000đ. - 3000b

T.1. - 2026. - 60 tr. : tranh vẽ s639667

1468. Vở Tập làm văn lớp 3 / Xuân Thị Nguyệt Hà (ch.b.), Nguyễn Thanh Hồng, Cao Tuyết Minh. - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 16000đ. - 3000b

T.2. - 2026. - 52 tr. : tranh vẽ s639668

1469. Vở Tập làm văn lớp 4 / Xuân Thị Nguyệt Hà (ch.b.), Nguyễn Thanh Hồng, Cao Tuyết Minh. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 18000đ. - 3000b

T.1. - 2026. - 63 tr. : tranh vẽ s639669

1470. Vở Tập làm văn lớp 4 / Xuân Thị Nguyệt Hà (ch.b.), Nguyễn Thanh Hồng, Cao Tuyết Minh. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 18000đ. - 3000b

T.2. - 2026. - 67 tr. : tranh vẽ s639670

1471. Vở Tập làm văn lớp 5 / Xuân Thị Nguyệt Hà (ch.b.), Nguyễn Thanh Hồng, Cao Tuyết Minh. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 23000đ. - 3000b

T.1. - 2026. - 51 tr. : tranh vẽ, bảng s639671

1472. Vở Tập làm văn lớp 5 / Xuân Thị Nguyệt Hà (ch.b.), Nguyễn Thanh Hồng, Cao Tuyết Minh. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 23000đ. - 3000b

T.2. - 2026. - 68 tr. : tranh vẽ s639672

1473. Vở tập tô chữ : Dành cho trẻ 4 - 6 tuổi / Huyền Linh. - H. : Văn học, 2026. - 61 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - (Bé tự tin vào lớp Một). - 27000đ. - 10000b s640303

1474. Vở tập tô chữ : Dành cho trẻ mẫu giáo / Lê Hồng Đăng, Lê Thị Ngọc Ánh. - H. : Đại học Sư phạm. - 24 cm. - (Mai em vào Lớp 1). - 15000đ. - 10000b

T.1. - 2026. - 31 tr. : tranh vẽ s638529

1475. Vở tập tô chữ : Dành cho trẻ mẫu giáo / Lê Hồng Đăng, Lê Thị Ngọc Ánh. - In lần thứ 15. - H. : Đại học Sư phạm. - 24 cm. - (Mai em vào Lớp 1). - 15000đ. - 10000b

T.2. - 2026. - 31 tr. : tranh vẽ s638283

1476. Vở tập tô chữ hoa : Dành cho trẻ 4 - 6 tuổi / Huyền Linh. - H. : Văn học, 2026. - 48 tr. ; 24 cm. - (Bé tự tin vào lớp Một). - 27000đ. - 10000b s640300

1477. Vở tập tô chữ mẫu giáo : Dành cho trẻ 4 - 6 tuổi / Huyền Linh. - H. : Văn học, 2026. - 61 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - (Bé tự tin vào lớp Một). - 27000đ. - 10000b s640302

1478. Vở tập tô chữ số : Dành cho trẻ 4 - 6 tuổi / Huyền Linh. - H. : Văn học, 2026. - 49 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - (Bé tự tin vào lớp Một). - 27000đ. - 10000b s640305

1479. Vở tập tô nét cơ bản : Dành cho trẻ 4 - 6 tuổi / Huyền Linh. - H. : Văn học, 2026. - 61 tr. : tranh vẽ ; 24 cm. - (Bé tự tin vào lớp Một). - 27000đ. - 10000b s640307

1480. Vở tập tô, tập viết cho trẻ trước khi vào lớp 1 : Biên soạn theo Thông tư số 23/2023/TT-BGDĐT / Lê Thu Hà, Nguyễn Ngọc Mai. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 40 tr. ; 24 cm. - 18000đ. - 8000b s638409

1481. Vở tập viết - Chữ cái viết hoa : Chuẩn mẫu chữ viết trong trường tiểu học theo Bộ GD & ĐT / Chính An, Nhóm Giáo viên ĐHSP. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh, 2026. - 31 tr. ; 24 cm. - (Bé chuẩn bị vào Lớp 1). - 17000đ. - 10000b s637526

1482. Vở tập viết - Chữ cái viết hoa : Chuẩn mẫu chữ viết trong trường tiểu học theo Bộ GD & ĐT / Chính An, Nhóm Giáo viên ĐHSP. - Tái bản. - Thanh Hóa : Nxb. Thanh Hóa, 2026. - 31 tr. ; 24 cm. - (Bé chuẩn bị vào Lớp 1). - 12000đ. - 10000b s640816

1483. Vở tập viết chữ cái viết hoa : Chuẩn mẫu chữ viết trong trường tiểu học theo Bộ GD & ĐT / Chính An, Nhóm Giáo viên ĐHSP. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh, 2026. - 31 tr. ; 24 cm. - (Bé chuẩn bị vào Lớp 1). - 17000đ. - 10000b s637522

1484. Vở tập viết chữ cái viết thường : Chuẩn mẫu chữ viết trong trường tiểu học theo Bộ GD & ĐT / Chính An, Nhóm Giáo viên ĐHSP. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh, 2026. - 31 tr. ; 24 cm. - (Bé chuẩn bị vào Lớp 1). - 17000đ. - 10000b s637525

1485. Vở tập viết chữ số : Chuẩn mẫu chữ viết trong trường tiểu học theo Bộ GD & ĐT / Chính An, Nhóm Giáo viên ĐHSP. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh, 2026. - 31 tr. ; 24 cm. - (Bé chuẩn bị vào Lớp 1). - 17000đ. - 10000b s637527

1486. Vở tập viết chữ số : Chuẩn mẫu chữ viết trong trường tiểu học theo Bộ GD & ĐT / Chính An, Nhóm Giáo viên ĐHSP. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh, 2026. - 31 tr. ; 24 cm. - (Bé chuẩn bị vào Lớp 1). - 17000đ. - 10000b s637523

1487. Vở tập viết nét cơ bản / Chính An, Nhóm Giáo viên ĐHSP. - Tái bản. - Thanh Hóa : Nxb. Thanh Hóa, 2026. - 31 tr. ; 24 cm. - (Bé chuẩn bị vào Lớp 1). - 12000đ. - 10000b s640076

1488. Vở tập viết nét cơ bản : Chuẩn mẫu chữ viết trong trường tiểu học theo Bộ GD & ĐT / Chính An, Nhóm Giáo viên ĐHSP. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh, 2026. - 31 tr. ; 24 cm. - (Bé chuẩn bị vào Lớp 1). - 17000đ. - 10000b s637524

1489. Vở tập viết nét cơ bản : Chuẩn mẫu chữ viết trong trường tiểu học theo Bộ GD & ĐT / Chính An, Nhóm Giáo viên ĐHSP. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh, 2026. - 31 tr. ; 24 cm. - (Bé chuẩn bị vào Lớp 1). - 17000đ. - 10000b s637521

1490. Vở tập viết: Chữ cái viết thường / Chính An, Nhóm Giáo viên ĐHSP. - Tái bản. - Thanh Hóa : Nxb. Thanh Hóa, 2026. - 31 tr. ; 24 cm. - (Bé chuẩn bị vào Lớp 1). - 12000đ. - 10000b s640817

1491. Vở thực hành luyện viết tăng cường 1 : Theo Chương trình SGK Kết nối tri thức với cuộc sống / Bùi Trang b.s. - H. : Nxb. Hà Nội. - 27 cm. - 48000đ. - 3000b Q.1. - 2026. - 88 tr. s638781

1492. Vở thực hành Tiếng Việt 1 / Bùi Mạnh Hùng (ch.b.), Lê Thị Lan Anh, Nguyễn Hoàng Anh... - Tái bản lần thứ 6. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 38000đ. - 15000b T.1. - 2026. - 88 tr. : minh họa s639324

1493. Vở thực hành Tiếng Việt 1 / Bùi Mạnh Hùng (ch.b.), Phạm Thị Chín, Trần Kim Phượng, Đặng Thị Hào Tâm. - Tái bản lần thứ 6. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 35000đ. - 15000b T.2. - 2026. - 76 tr. : minh họa s639325

1494. Vở thực hành Toán 1 / Lê Anh Vinh (ch.b.), Nguyễn Áng, Nguyễn Minh Hải... - Tái bản lần thứ 6. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 42000đ. - 30000b

T.1. - 2026. - 100 tr. : minh họa s639063

1495. Vở thực hành Toán 1 / Lê Anh Vinh (ch.b.), Nguyễn Áng, Nguyễn Minh Hải... - Tái bản lần thứ 6. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 42000đ. - 30000b

T.2. - 2026. - 96 tr. : minh họa s639064

1496. Vở thực hành Toán 2 / Lê Anh Vinh (ch.b.), Nguyễn Áng, Nguyễn Minh Hải... - Tái bản lần thứ 5. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 42000đ. - 30000b

T.1. - 2026. - 95 tr. : minh họa s639065

1497. Vở thực hành Toán 2 / Lê Anh Vinh (ch.b.), Vũ Văn Dương, Nguyễn Minh Hải... - Tái bản lần thứ 5. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 45000đ. - 30000b

T.2. - 2026. - 104 tr. : minh họa s639066

1498. Vở thực hành Toán 3 / Lê Anh Vinh (ch.b.), Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương... - Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 45000đ. - 30000b

T.1. - 2026. - 108 tr. : minh họa s639067

1499. Vở thực hành Toán 3 / Lê Anh Vinh (ch.b.), Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương... - Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 45000đ. - 30000b

T.2. - 2026. - 104 tr. : minh họa s639068

1500. Vở thực hành Toán 4 / Lê Anh Vinh (ch.b.), Nguyễn Áng, Nguyễn Minh Hải... - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 45000đ. - 20000b

T.1. - 2026. - 112 tr. : minh họa s639069

1501. Vở thực hành Toán 4 / Lê Anh Vinh (ch.b.), Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương... - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 45000đ. - 20000b

T.2. - 2026. - 112 tr. : hình vẽ, bảng s639070

1502. Vở thực hành Toán 5 / Lê Anh Vinh (ch.b.), Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 45000đ. - 20000b

T.1. - 2026. - 120 tr. : hình vẽ, bảng s639071

1503. Vũ Thị Mai Hương. Giáo trình Rèn luyện kỹ năng nghiệp vụ sư phạm trong đào tạo giáo viên / Vũ Thị Mai Hương (ch.b.), Kiều Phương Thùy, Nguyễn Thị Mai Lan. - H. : Đại học Sư phạm, 2026. - 223 tr. : minh họa ; 24 cm. - 105000đ. - 2000b

Thư mục: tr. 217-219 s640792

1504. Xiu Ying Wei. Harvard bốn rưỡi sáng : Bí kíp thành công của Harvard dành cho bạn trẻ / Xiu Ying Wei ; Phan Thu Vân dịch. - H. : Thế giới, 2026. - 432 tr. ; 21 cm. - 169000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Anh: Harvard's 4:30 A.M s640397

THƯƠNG MẠI, CÁC PHƯƠNG TIỆN TRUYỀN THÔNG VÀ GIAO THÔNG VẬN TẢI

1505. Huỳnh Thị Nhân. Bí mật đường tắt vào nghề Xuất nhập khẩu - Logistics / Huỳnh Thị Nhân. - Tái bản lần 2. - H. : Dân trí, 2026. - 324 tr. : minh họa ; 24 cm. - 386000đ. - 3000b s640086

1506. Lương Minh Chính. Giáo trình Đường sắt / Lương Minh Chính. - H. : Bách khoa Hà Nội, 2026. - 443 tr. : minh họa ; 27 cm. - 513000đ. - 80b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Thủy lợi. Khoa Công trình. - Thư mục: tr. 440-443 s638649

1507. Nguyễn Quốc Cường. Giáo trình Marketing căn bản / Nguyễn Quốc Cường (ch.b.), Trần Phi Hoàng, Lê Bảo Hân. - Tái bản lần 1. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Công nghiệp Tp. Hồ Chí Minh, 2026. - 313 tr. : bảng ; 24 cm. - 120000đ. - 1000b

Thư mục: tr. 310-313 s640040

1508. Nguyễn Thanh Tuyền. Thương nhân Việt Nam xưa - Đôi dòng lược sử / Nguyễn Thanh Tuyền. - In lần thứ 2 có bổ sung. - H. : Hồng Đức, 2026. - 251 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - 210000đ. - 500b

Thư mục: tr. 246-251 s640939

1509. Nguyễn Văn Thắng. Thương mại sản phẩm ngành nghề tỉnh Bình Dương - Thực trạng và một số giải pháp khuyến nghị : Sách chuyên khảo / Nguyễn Văn Thắng. - H. : Khoa học xã hội, 2025. - 95 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 120000đ. - 250b

Thư mục: tr. 91-95 s640019

1510. Nguyễn Xuân Long. Nghiệp vụ đại lý hàng hải và môi giới tàu / Nguyễn Xuân Long ; Phan Văn Hưng h.đ. - Hải Phòng : Nxb. Hàng hải, 2026. - 179 tr. : minh họa ; 25 cm. - 108000đ. - 200b

Thư mục: tr. 138. - Phụ lục: tr. 139-179 s638299

1511. Sổ tay hướng dẫn thực thi, hỏi đáp các quy định về SPS ngành hàng rau quả / Soạn thảo: Ngô Xuân Nam, Nguyễn Thị Huyền, Đinh Đức Hiệp... - H. : Công Thương, 2025. - 117 tr. : minh họa ; 21 cm. - 1000b

ĐTTS ghi: Bộ Nông nghiệp và Môi trường. Văn phòng SPS Việt Nam. - Thư mục: tr. 116-117 s637477

1512. Sổ tay hướng dẫn thực thi, hỏi đáp các quy định về SPS trong xuất khẩu nông - lâm - thủy sản vào thị trường EU / Soạn thảo: Ngô Xuân Nam, Nguyễn Thị Huyền, Đinh Đức Hiệp... - H. : Công Thương, 2025. - 117 tr. : minh họa ; 21 cm. - 500b

ĐTTS ghi: Bộ Nông nghiệp và Môi trường. Văn phòng SPS Việt Nam. - Phụ lục: tr. 113-115. - Thư mục: tr. 116-117 s637475

1513. Sổ tay hướng dẫn thực thi, hỏi đáp các quy định về SPS trong xuất khẩu nông - lâm - thủy sản vào thị trường Hồi giáo / Soạn thảo: Ngô Xuân Nam, Nguyễn Thị Huyền, Đinh Đức Hiệp... - H. : Công Thương, 2025. - 117 tr. : minh họa ; 21 cm. - 500b

ĐTTS ghi: Bộ Nông nghiệp và Môi trường. Văn phòng SPS Việt Nam. - Phụ lục: tr. 75-116. - Thư mục: tr. 117 s637478

1514. Sổ tay hướng dẫn thực thi, hỏi đáp các quy định về SPS trong xuất khẩu nông - lâm - thủy sản vào thị trường Úc / Soạn thảo: Ngô Xuân Nam, Nguyễn Thị Huyền, Đinh Đức Hiệp... - H. : Công Thương, 2025. - 117 tr. : minh họa ; 21 cm. - 500b

ĐTTS ghi: Bộ Nông nghiệp và Môi trường. Văn phòng SPS Việt Nam. - Phụ lục: tr. 114-115. - Thư mục: tr. 116-117 s637476

PHONG TỤC, NGHI LỄ VÀ VĂN HÓA DÂN GIAN

1515. Ai mua hành tôi : Truyện tranh : Song ngữ Việt - Anh : Dành cho trẻ em từ 3 - 9 tuổi / Lời: Thùy Dương ; Tranh: Cá - Kim Nhi Lê. - H. : Văn học, 2026. - 16 tr. : tranh màu ; 21 cm. - (Tủ sách Người kể chuyện)(Truyện cổ tích Việt Nam). - 16000đ. - 2000b s640662

1516. Andersen, Hans Christian. Truyện cổ Andersen / Mạnh Chương dịch. - Tái bản. - H. : Văn học, 2026. - 715 tr. ; 21 cm. - 120000đ. - 1000b s640458

1517. Bạch Tuyết và bảy chú lùn : Truyện tranh / Tranh: Ngọc Khuê ; Lời, b.s.: Nhóm GV ĐHSP Ngữ văn. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh, 2026. - 12 tr. : tranh màu ; 27 cm. - (Tủ sách Phát triển ngôn ngữ Tiếng Việt)(Truyện cổ tích thế giới). - 15000đ. - 5000b s637632

1518. Bánh chưng bánh giầy : Truyện tranh / Tranh: Ngọc Khuê ; Lời, b.s.: Nhóm GV ĐHSP Ngữ văn. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh, 2026. - 12 tr. : tranh màu ; 27 cm. - (Tủ sách Phát triển ngôn ngữ Tiếng Việt)(Truyện cổ tích Việt Nam đặc sắc). - 15000đ. - 5000b s637637

1519. Bụng làm dạ chịu : Truyện tranh / Tranh: Ngọc Khuê ; Lời, b.s.: Nhóm GV ĐHSP Ngữ văn. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh, 2026. - 12 tr. : tranh màu ; 27 cm. - (Tủ sách Phát triển ngôn ngữ Tiếng Việt)(Truyện cổ tích Việt Nam đặc sắc). - 15000đ. - 5000b s637641

1520. Ca dao, tục ngữ bằng tranh : Dành cho lứa tuổi 6+ / B.s.: Nguyễn Hùng Vĩ, Trịnh Khánh Hà, Trịnh Khánh Thiên, Trịnh Cẩm Hằng ; Minh họa: Vương Linh. - Tái bản lần thứ 11. - H. : Kim Đồng, 2026. - 176 tr. : minh họa ; 21 cm. - 80000đ. - 2000b
Thư mục cuối chính văn s637773

1521. Câu đố về các đồ vật / Nguyễn Văn s.t., tuyển chọn. - H. : Văn học, 2026. - 128 tr. ; 20 cm. - 45000đ. - 1000b
Thư mục: tr. 127 s640336

1522. Câu đố về các loài động vật / Nguyễn Văn s.t., tuyển chọn. - H. : Văn học, 2026. - 119 tr. ; 20 cm. - 45000đ. - 1000b
Thư mục: tr. 118 s640337

1523. Câu đố về các loài thực vật / Nguyễn Văn s.t., tuyển chọn. - H. : Văn học, 2026. - 115 tr. : tranh vẽ ; 20 cm. - 45000đ. - 1000b
Thư mục: tr. 114 s640338

1524. Cậu bé người gỗ Pinocchio : Truyện tranh : Dành cho trẻ em từ 3 - 9 tuổi / Hà Giang dịch. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 23 tr. : tranh màu ; 21 cm. - (Tủ sách Người kể chuyện)(Truyện kể cho bé trước giờ đi ngủ. Ngày xưa ngày xưa). - 16000đ. - 2000b s640406

1525. Cậu bé Tích Chu : Truyện tranh / Lời: Huyền Linh ; Tranh: Funti Kidbooks. - H. : Văn học, 2026. - 16 tr. : tranh màu ; 21 cm. - (Truyện cổ tích Việt Nam cho bé). - 24000đ. - 5000b s640257

1526. Cậu bé Tích Chu : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 3+ / Tranh: Trương Hiếu ; Nhiên Hà b.s. - Tái bản lần thứ 15. - H. : Kim Đồng, 2026. - 23 tr. : tranh màu ; 21 cm. - (Tranh truyện dân gian Việt Nam). - 20000đ. - 2000b s637695

1527. Cây khế : Truyện tranh / Lời: Huyền Linh ; Tranh: Funti Kidbooks. - H. : Văn học, 2026. - 15 tr. : tranh màu ; 21 cm. - (Truyện cổ tích Việt Nam cho bé). - 24000đ. - 5000b s640328

1528. Cây khế : Truyện tranh / Tranh: Ngọc Khuê ; Lời, b.s.: Nhóm GV ĐHSP Ngữ văn.
- Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh, 2026. - 12 tr. : tranh màu ; 27 cm. -
(Tủ sách Phát triển ngôn ngữ Tiếng Việt)(Truyện cổ tích Việt Nam đặc sắc). - 15000đ. - 5000b
s637635

1529. Cây tre trăm đốt : Truyện tranh / B.s. lời: Minh Long ; Tranh: Khánh Hòa. - Tái bản
lần thứ 14. - H. : Văn học, 2026. - 12 tr. : tranh màu ; 27 cm. - (Truyện cổ tích Việt Nam dành
cho thiếu nhi). - 15000đ. - 3000b s640431

1530. Cây tre trăm đốt : Truyện tranh / Lời: Huyền Linh ; Tranh: Funti Kidbooks. - H. :
Văn học, 2026. - 16 tr. : tranh màu ; 21 cm. - (Truyện cổ tích Việt Nam cho bé). - 24000đ. -
5000b s640258

1531. Cây tre trăm đốt : Truyện tranh / Tranh: Ngọc Khuê ; Lời, b.s.: Nhóm GV ĐHSP
Ngữ văn. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh, 2026. - 12 tr. : tranh màu ;
27 cm. - (Tủ sách Phát triển ngôn ngữ Tiếng Việt)(Truyện cổ tích Việt Nam đặc sắc). - 15000đ.
- 5000b s637634

1532. Chú cuội : Truyện tranh / Lời: Huyền Linh ; Tranh: Funti Kidbooks. - H. : Văn học,
2026. - 16 tr. : tranh màu ; 21 cm. - (Truyện cổ tích Việt Nam cho bé). - 24000đ. - 5000b
s640263

1533. Chung Thanh Thủy. Văn học dân gian Cà Mau - Bước đầu sưu tầm nhận định /
Chung Thanh Thủy. - H. : Văn học, 2026. - 224 tr. : ảnh màu ; 21 cm. - 400b

ĐTTS ghi: Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật tỉnh Cà Mau. - Thư mục: tr. 223-224
s640179

1534. Chuyện kể hằng đêm - Cô bé quàng khăn đỏ : Phỏng theo truyện cổ Grimm : Truyện
tranh : Dành cho trẻ em từ 2 - 8 tuổi / Tuệ Văn dịch. - In lần thứ 12. - H. : Văn học, 2026. - 20
tr. : tranh màu ; 21 cm. - (Tủ sách Người kể chuyện). - 16000đ. - 1500b

Tên sách tiếng Trung: 让孩子受益一生的好童话8册 s640438

1535. Chuyện kể hằng đêm - Cô bé quàng khăn đỏ : Phỏng theo truyện cổ Grimm : Truyện
tranh : Dành cho trẻ em từ 2 - 8 tuổi / Tuệ Văn dịch. - In lần thứ 12. - H. : Văn học, 2026. - 20
tr. : tranh màu ; 21 cm. - (Tủ sách Người kể chuyện). - 16000đ. - 1500b

Tên sách tiếng Trung: 让孩子受益一生的好童话8册 s640437

1536. Có công mài sắt có ngày nên kim : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 3+ / Tranh: Lê
Minh Hải ; Hồng Hà b.s. - Tái bản lần thứ 12. - H. : Kim Đồng, 2026. - 31 tr. : tranh màu ; 21
cm. - (Tranh truyện dân gian Việt Nam). - 20000đ. - 2000b s637694

1537. Cóc kiện trời : Truyện tranh / Lời: Huyền Linh ; Tranh: Funti Kidbooks. - H. : Văn
học, 2026. - 16 tr. : tranh màu ; 21 cm. - (Truyện cổ tích Việt Nam cho bé). - 24000đ. - 5000b
s640262

1538. Cóc kiện trời : Truyện tranh : Song ngữ Việt - Anh : Dành cho trẻ em từ 3 - 9 tuổi /
Lời: Thùy Dương ; Tranh: Cá - Finger Print Studio. - In lần thứ 4. - H. : Văn học, 2026. - 16 tr.
: tranh màu ; 21 cm. - (Tủ sách Người kể chuyện)(Truyện cổ tích Việt Nam). - 16000đ. - 2000b
s640663

1539. Cô bé bán diêm : Phỏng theo truyện cổ Andersen : Truyện tranh : Dành cho trẻ em
từ 3 - 10 tuổi / Tuệ Văn dịch. - In lần thứ 12. - H. : Văn học, 2026. - 20 tr. : tranh màu ; 21 cm.
- (Tủ sách Người kể chuyện)(Truyện cổ tích thế giới hay nhất). - 16000đ. - 1500b s640436

1540. Cô bé Lọ Lem : Phỏng theo truyện cổ Grimm : Truyện tranh : Dành cho trẻ em từ 3 - 10 tuổi / Tuệ Văn dịch. - In lần thứ 12. - H. : Văn học, 2026. - 20 tr. : tranh màu ; 21 cm. - (Tủ sách Người kể chuyện)(Truyện cổ tích thế giới hay nhất). - 16000đ. - 1500b s640434

1541. Cô bé Lọ Lem : Truyện tranh / Tranh: Ngọc Khuê ; Lời, b.s.: Nhóm GV ĐHSP Ngữ văn. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh, 2026. - 12 tr. : tranh màu ; 27 cm. - (Tủ sách Phát triển ngôn ngữ Tiếng Việt)(Truyện cổ tích thế giới). - 15000đ. - 5000b s637639

1542. Cô bé Lọ Lem : Truyện tranh : Dành cho trẻ em từ 3 - 9 tuổi / Hà Giang dịch. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 23 tr. : tranh màu ; 21 cm. - (Tủ sách Người kể chuyện)(Truyện kể cho bé trước giờ đi ngủ. Ngày xưa ngày xưa). - 16000đ. - 2000b s638438

1543. Đồng dao cho bé học lễ giáo / Tuệ An b.s. ; Minh họa: Minh Khang. - H. : Văn học, 2026. - 31 tr. : hình vẽ ; 23 cm. - (Giúp bé phát triển khả năng giao tiếp và tư duy ngôn ngữ). - 27000đ. - 3000b s640187

1544. Đồng dao cho bé tập nói / Tuệ An b.s. ; Minh họa: Minh Khang. - H. : Văn học, 2026. - 31 tr. : hình vẽ ; 23 cm. - (Giúp bé phát triển khả năng giao tiếp và tư duy ngôn ngữ). - 27000đ. - 3000b s640185

1545. Đức Thành. Nghệ thuật nói chuyện và xã giao hàng ngày / Đức Thành b.s. - H. : Hồng Đức, 2026. - 171 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - 65000đ. - 2000b s640894

1546. Đức Thành. Thọ mai gia lễ: Phong tục dân gian về tục cưới hỏi ma chay của người Việt Nam / Đức Thành b.s. - H. : Hồng Đức, 2026. - 183 tr. : bảng ; 24 cm. - 85000đ. - 2500b s640948

1547. Giáo trình Văn hóa và nghệ thuật ẩm thực Việt Nam / Hà Thúy Mai (ch.b.), Bùi Thị Thanh Thủy, Phí Ngọc Hoàng, Mai Thị Vân Hương. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 167 tr. : bảng ; 24 cm. - 158000đ. - 100b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Tân Trào. - Thư mục cuối mỗi chương s639882

1548. Grimm, Jacob. Truyện cổ Grimm / Jacob Grimm, Wilhelm Grimm ; Lương Văn Hồng dịch ; Minh họa: Otto Ubbelohde. - Tái bản lần thứ 12. - H. : Kim Đồng. - 19 cm. - (Văn học Đức. Tác phẩm chọn lọc). - 65000đ. - 2000b

T.2. - 2026. - 345 tr. : tranh vẽ s638174

1549. Grimm, Jacob. Truyện cổ Grimm / Jacob Grimm, Wilhelm Grimm ; Lương Văn Hồng dịch ; Minh họa: Otto Ubbelohde. - Tái bản lần thứ 12. - H. : Kim Đồng. - 19 cm. - (Văn học Đức. Tác phẩm chọn lọc). - 65000đ. - 2000b

T.3. - 2026. - 344 tr. : tranh vẽ s638175

1550. Grimm, Jacob. Truyện cổ Grimm / Jacob Grimm, Wilhelm Grimm ; Lương Văn Hồng dịch ; Minh họa: Otto Ubbelohde. - Tái bản lần thứ 11. - H. : Kim Đồng. - 19 cm. - (Văn học Đức. Tác phẩm chọn lọc). - 65000đ. - 2000b

T.4. - 2026. - 311 tr. : tranh vẽ s638176

1551. Hoàng Minh Tường. Tín ngưỡng thờ Cá Ông - Làng biển Diêm Phố xã Vạn Lộc, tỉnh Thanh Hóa / Hoàng Minh Tường. - H. : Văn hóa dân tộc, 2026. - 322 tr. : ảnh, bảng ; 21 cm. - 150000đ. - 500b

Tên thật tác giả: Hoàng Bá Tường. - Phụ lục: tr. 301-318. - Thư mục: tr. 319-322 s639986

1552. Hướng dẫn bài trí thờ tự tại các di tích trên địa bàn tỉnh Nghệ An. - Tái bản có chỉnh lí, bổ sung. - Nghệ An : Nxb. Nghệ An, 2026. - 139 tr. : minh họa ; 24 cm. - 800b

ĐTTS ghi: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Nghệ An. - Thư mục: tr. 134-137 s639956

1553. Lê Đức Quy. Khám phá lễ hội Thành phố Hồ Chí Minh / Lê Đức Quy, Huỳnh Ái Thy ; Minh họa: Diễm Phúc. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2026. - 67 tr. : tranh màu ; 21 cm. - (Kể chuyện lễ hội). - 90000đ. - 1500b s638463
1554. Lê Hữu Tâm. Văn khấn cổ truyền Việt Nam / Lê Hữu Tâm s.t., b.s. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 231 tr. ; 24 cm. - 169000đ. - 2000b s638372
1555. Lưu Minh Trị. Việt Nam - Lễ hội truyền thống / Lưu Minh Trị b.s. - Thanh Hóa : Nxb. Thanh Hóa, 2026. - 304 tr. : ảnh ; 24 cm. - 300b s638275
1556. My Châu Trọng Thủy : Truyện tranh / Tranh: Ngọc Khuê ; Lời, b.s.: Nhóm GV ĐHSP Ngữ văn. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh, 2026. - 12 tr. : tranh màu ; 27 cm. - (Tủ sách Phát triển ngôn ngữ Tiếng Việt)(Truyện cổ tích Việt Nam đặc sắc). - 15000đ. - 5000b s637642
1557. Nàng Bạch Tuyết và bảy chú lùn : Truyện tranh : Dành cho trẻ em từ 3 - 9 tuổi / Hà Giang dịch. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 22 tr. : tranh màu ; 21 cm. - (Tủ sách Người kể chuyện)(Truyện kể cho bé trước giờ đi ngủ. Ngày xưa ngày xưa). - 16000đ. - 2000b s638437
1558. Nàng tiên cá : Truyện tranh / Tranh: Ngọc Khuê ; Lời, b.s.: Nhóm GV ĐHSP Ngữ văn. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh, 2026. - 12 tr. : tranh màu ; 27 cm. - (Tủ sách Phát triển ngôn ngữ Tiếng Việt)(Truyện cổ tích thế giới). - 15000đ. - 5000b s637640
1559. Nguyễn Duy Tân. Mẫu phát biểu lễ cưới / Nguyễn Duy Tân. - H. : Hồng Đức, 2026. - 47 tr. ; 24 cm. - 250000đ. - 3000b s640936
1560. Nguyễn Duy Tân. Mẫu phát biểu tang lễ / Nguyễn Duy Tân. - H. : Hồng Đức, 2026. - 39 tr. ; 24 cm. - 250000đ. - 3000b s640937
1561. Nguyễn Phương Bảo An. Kể chuyện trí thông minh / Nguyễn Phương Bảo An b.s. - Tái bản lần thứ 12. - H. : Văn học, 2026. - 283 tr. ; 21 cm. - 68000đ. - 2000b
Thư mục: tr. 279 s640386
1562. Nguyễn Thị Kim Ngân. Giáo trình sau đại học Phương pháp luận nghiên cứu văn học dân gian / Nguyễn Thị Kim Ngân. - Tái bản lần thứ 1. - Huế : Đại học Huế, 2026. - 507 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 336000đ. - 500b
ĐTTS ghi: Đại học Huế. Trường Đại học Sư phạm. - Thư mục: tr. 491-507 s637508
1563. Phạm Thị Thanh. Những bài đồng dao cho bé : Minh họa bằng tranh theo chủ đề : Dành cho trẻ tập nói, tập đọc / Phạm Thị Thanh b.s. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 63 tr. : tranh màu ; 29 cm. - 60000đ. - 3000b s638721
1564. Quán Vi Miên. Văn hóa Thái - Tìm hiểu và khám phá / Quán Vi Miên. - Nghệ An : Nxb. Nghệ An. - 21 cm. - 150000đ. - 200b
T.8. - 2026. - 487 tr. - Thư mục: tr. 486 s640067
1565. Sầm Văn Bình. Mảnh đất của Khủng Tinh / Sầm Văn Bình s.t., b.s. - H. : Văn hóa dân tộc, 2026. - 519 tr. ; 24 cm. - 200b
Thư mục: tr. 517 s639991
1566. Sinh vật thần thoại khắp thế gian : Dành cho lứa tuổi 8+ / Epic b.s. ; Minh họa: Tú Ngộ. - Tái bản lần thứ 5. - H. : Kim Đồng, 2026. - 247 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - 79000đ. - 2000b s637753

1567. Sọ Dừa : Truyện tranh / Lời: Huyền Linh ; Tranh: Funti Kidbooks. - H. : Văn học, 2026. - 16 tr. : tranh màu ; 21 cm. - (Truyện cổ tích Việt Nam cho bé). - 24000đ. - 5000b s640261

1568. Sọ Dừa : Truyện tranh / Tranh: Ngọc Khuê ; Lời, b.s.: Nhóm GV ĐHSP Ngữ văn. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh, 2026. - 12 tr. : tranh màu ; 27 cm. - (Tủ sách Phát triển ngôn ngữ Tiếng Việt)(Truyện cổ tích Việt Nam đặc sắc). - 15000đ. - 5000b s637643

1569. Sơn Tinh - Thủy Tinh : Truyện tranh / Tranh: Ngọc Khuê ; Lời, b.s.: Nhóm GV ĐHSP Ngữ văn. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh, 2026. - 12 tr. : tranh màu ; 27 cm. - (Tủ sách Phát triển ngôn ngữ Tiếng Việt)(Truyện cổ tích Việt Nam đặc sắc). - 15000đ. - 5000b s637636

1570. Sơn Tinh - Thủy Tinh : Truyện tranh : Song ngữ Việt - Anh : Dành cho trẻ em từ 3 - 9 tuổi / Lời: Thùy Dương ; Tranh: Cá - Finger Print Studio. - In lần thứ 4. - H. : Văn học, 2026. - 16 tr. : tranh màu ; 21 cm. - (Tủ sách Người kể chuyện)(Truyện cổ tích Việt Nam). - 16000đ. - 2000b s640660

1571. Sơn Tinh Thủy Tinh : Truyện tranh / Lời: Huyền Linh ; Tranh: Funti Kidbooks. - H. : Văn học, 2026. - 16 tr. : tranh màu ; 21 cm. - (Truyện cổ tích Việt Nam cho bé). - 24000đ. - 5000b s640260

1572. Sự tích bánh chưng bánh giầy : Truyện tranh / Lời: Huyền Linh ; Tranh: Funti Kidbooks. - H. : Văn học, 2026. - 16 tr. : tranh màu ; 21 cm. - (Truyện cổ tích Việt Nam cho bé). - 24000đ. - 5000b s640259

1573. Sự tích cây vú sữa : Truyện tranh / Lời: Huyền Linh ; Tranh: Funti Kidbooks. - H. : Văn học, 2026. - 16 tr. : tranh màu ; 21 cm. - (Truyện cổ tích Việt Nam cho bé). - 24000đ. - 5000b s640324

1574. Sự tích dưa hấu : Truyện tranh / Tranh: Ngọc Khuê ; Lời, b.s.: Nhóm GV ĐHSP Ngữ văn. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh, 2026. - 12 tr. : tranh màu ; 27 cm. - (Tủ sách Phát triển ngôn ngữ Tiếng Việt)(Truyện cổ tích Việt Nam đặc sắc). - 15000đ. - 5000b s637645

1575. Sự tích Hồ Gươm : Truyện tranh / Lời: Huyền Linh ; Tranh: Funti Kidbooks. - H. : Văn học, 2026. - 16 tr. : tranh màu ; 21 cm. - (Truyện cổ tích Việt Nam cho bé). - 24000đ. - 5000b s640325

1576. Sự tích quả dưa hấu : Truyện tranh / Lời: Huyền Linh ; Tranh: Funti Kidbooks. - H. : Văn học, 2026. - 16 tr. : tranh màu ; 21 cm. - (Truyện cổ tích Việt Nam cho bé). - 24000đ. - 5000b s640326

1577. Sự tích trầu cau : Truyện tranh / Lời: Huyền Linh ; Tranh: Funti Kidbooks. - H. : Văn học, 2026. - 16 tr. : tranh màu ; 21 cm. - (Truyện cổ tích Việt Nam cho bé). - 24000đ. - 5000b s640327

1578. Sự tích trầu cau : Truyện tranh / Tranh: Ngọc Khuê ; Lời, b.s.: Nhóm GV ĐHSP Ngữ văn. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh, 2026. - 12 tr. : tranh màu ; 27 cm. - (Tủ sách Phát triển ngôn ngữ Tiếng Việt)(Truyện cổ tích Việt Nam đặc sắc). - 15000đ. - 5000b s637644

1579. Tấm Cám : Truyện tranh / Lời: Huyền Linh ; Tranh: Funti Kidbooks. - H. : Văn học, 2026. - 16 tr. : tranh màu ; 21 cm. - (Truyện cổ tích Việt Nam cho bé). - 24000đ. - 5000b s640322

1580. Tấm Cám : Truyện tranh / Tranh: Ngọc Khuê ; Lời, b.s.: Nhóm GV ĐHSP Ngữ văn.
- Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh, 2026. - 12 tr. : tranh màu ; 27 cm. -
(Tủ sách Phát triển ngôn ngữ Tiếng Việt)(Truyện cổ tích Việt Nam đặc sắc). - 15000đ. - 5000b
s637633

1581. Tấm Cám : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 3+ / Tranh: Mai Long ; Hồng Hà b.s.
- Tái bản lần thứ 25. - H. : Kim Đồng, 2026. - 31 tr. : tranh màu ; 21 cm. - (Tranh truyện dân
gian Việt Nam). - 20000đ. - 2000b s637696

1582. Tấm Cám : Truyện tranh : Song ngữ Việt - Anh : Dành cho trẻ em từ 3 - 9 tuổi /
Lời: Thùy Dương ; Tranh: Cá - Tammy Do. - H. : Văn học, 2026. - 16 tr. : tranh màu ; 21 cm.
- (Tủ sách Người kể chuyện)(Truyện cổ tích Việt Nam). - 16000đ. - 2000b s640661

1583. Thạch Sa Phone. Giá trị giáo dục trong dân ca Khmer ở Đồng bằng sông Cửu Long
= តម្លៃអប់រំក្នុងតន្ត្រីប្រជាប្រិយខ្មែរ នៅដែនដីសម្បទាន្តមេគង្គ : Sách chuyên khảo /
Thạch Sa Phone. - H. : Khoa học xã hội, 2026. - 266 tr. ; 24 cm. - 180000đ. - 100b
ĐTTS ghi: Đại học Trà Vinh s640747

1584. Thạch Sanh : Truyện tranh / Lời: Huyền Linh ; Tranh: Funti Kidbooks. - H. : Văn
học, 2026. - 16 tr. : tranh màu ; 21 cm. - (Truyện cổ tích Việt Nam cho bé). - 24000đ. - 5000b
s640323

1585. Thạch Sanh : Truyện tranh / Tranh: Ngọc Khuê ; Lời, b.s.: Nhóm GV ĐHSP Ngữ
văn. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh, 2026. - 12 tr. : tranh màu ; 27
cm. - (Tủ sách Phát triển ngôn ngữ Tiếng Việt)(Truyện cổ tích Việt Nam đặc sắc). - 15000đ. -
5000b s637646

1586. Thánh Gióng : Truyện tranh / Lời: Huyền Linh ; Tranh: Funti Kidbooks. - H. : Văn
học, 2026. - 16 tr. : tranh màu ; 21 cm. - (Truyện cổ tích Việt Nam cho bé). - 24000đ. - 5000b
s640321

1587. Thánh Gióng : Truyện tranh / Minh Long b.s. lời ; Tranh: Khánh Hòa. - Tái bản lần
thứ 15. - H. : Văn học, 2026. - 12 tr. : tranh màu ; 27 cm. - (Truyện cổ tích Việt Nam dành cho
thiếu nhi). - 15000đ. - 3000b s640427

1588. Thánh Gióng : Truyện tranh / Tranh: Ngọc Khuê ; Lời, b.s.: Nhóm GV ĐHSP Ngữ
văn. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh, 2026. - 12 tr. : tranh màu ; 27
cm. - (Tủ sách Phát triển ngôn ngữ Tiếng Việt)(Truyện cổ tích Việt Nam đặc sắc). - 15000đ. -
5000b s637638

1589. Thần thoại Hy Lạp / Nguyễn Văn Khoa dịch, giới thiệu. - Tái bản lần 5. - H. : Văn
học, 2026. - 709 tr. : tranh vẽ ; 24 cm. - 295000đ. - 1000b s640469

1590. Thỏ và Rùa chạy thi : Phỏng theo truyện ngụ ngôn Aesop : Truyện tranh : Dành cho
trẻ em từ 3 - 10 tuổi / Tuệ Văn dịch. - In lần thứ 10. - H. : Văn học, 2026. - 20 tr. : tranh màu ;
21 cm. - (Tủ sách Người kể chuyện)(Truyện cổ tích thế giới hay nhất). - 16000đ. - 1500b
s640435

1591. Trần Hậu Yên Thế. Nghệ Việt tinh tuyển / Trần Hậu Yên Thế (ch.b.), Nguyễn Đức
Hòa, Hồ Hữu Long. - H. : Kim Đồng, 2026. - 351 tr. : tranh vẽ ; 16 cm. - 85000đ. - 2000b
Thư mục: tr. 146-151. - Phụ lục: tr. 153-351 s638204

1592. Truyện cổ tích Nhật Bản: Cô gái vẽ mèo và những câu chuyện khác / Kể lại:
Delphine Vaufrey ; Thành Đạt dịch. - H. : Văn học, 2026. - 41 tr. : tranh màu ; 25 cm. - (Tủ
sách Người kể chuyện). - 48000đ. - 2000b s640270

1593. Truyện cổ tích Nhật Bản: Kintaro - Cậu bé vàng và những câu chuyện khác / Kể lại: Alexandre Bonnefoy ; Thành Đạt dịch. - H. : Văn học, 2026. - 41 tr. : tranh màu ; 25 cm. - (Tủ sách Người kể chuyện). - 48000đ. - 2000b s640272

1594. Truyện cổ tích Nhật Bản: Momotaro - Cậu bé Quả Đào và những câu chuyện khác / Kể lại: Alexandre Bonnefoy ; Thành Đạt dịch. - H. : Văn học, 2026. - 41 tr. : tranh màu ; 25 cm. - (Tủ sách Người kể chuyện). - 48000đ. - 2000b s640271

1595. Truyện cổ tích Nhật Bản: Sự tích chàng Urashima Taro và những câu chuyện khác / Kể lại: Delphine Vaufrey ; Thành Đạt dịch. - H. : Văn học, 2026. - 41 tr. : tranh màu ; 25 cm. - (Tủ sách Người kể chuyện). - 48000đ. - 2000b s640269

1596. Truyện ngụ ngôn Aesop : Truyện dành cho trẻ từ 5 tuổi / Kể lại: Stefania Leonardi Harley ; Dịch: Việt Dung, Thu Nga ; Quý Thao h.đ. ; Minh họa: Alessandra Fusi... - H. : Mỹ thuật, 2026. - 124 tr. : tranh màu ; 28 cm. - (Tủ sách Vàng cho con). - 150000đ. - 1500b

Tên sách tiếng Anh: The most beautiful Aesop's fables s638325

1597. Tuyển tập 50 năm sưu tầm, nghiên cứu văn hóa dân gian các dân tộc tỉnh Quảng Ngãi (1975 - 2025) / Cao Chư, Cao Nguyễn Ngọc Anh, Mai Bá Ân... - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 542 tr. ; 24 cm. - 1000b

ĐTTS ghi: Hội Văn học Nghệ thuật tỉnh Quảng Ngãi s640505

1598. Tuyển tập truyện cổ tích Việt Nam : Dành cho thiếu nhi / Hà Minh tuyển chọn. - Tái bản lần thứ 12. - H. : Văn học, 2026. - 199 tr. : tranh màu ; 27 cm. - 125000đ. - 3000b s640398

1599. Tuyển tập Truyện ngụ ngôn hay nhất / Nguyễn Châu Nguyên tuyển chọn. - Tái bản lần 4. - H. : Văn học, 2026. - 215 tr. : tranh màu ; 23 cm. - 90000đ. - 3000b s640460

1600. Vịt con xấu xí : Phỏng theo truyện cổ Andersen : Truyện tranh : Dành cho trẻ em từ 3 - 10 tuổi / Tuệ Văn dịch. - In lần thứ 12. - H. : Văn học, 2026. - 20 tr. : tranh màu ; 21 cm. - (Tủ sách Người kể chuyện)(Truyện cổ tích thế giới hay nhất). - 16000đ. - 1500b s640433

1601. Vịt con xấu xí : Truyện tranh : Dành cho trẻ em từ 3 - 9 tuổi / Hà Giang dịch. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 23 tr. : tranh màu ; 21 cm. - (Tủ sách Người kể chuyện)(Truyện kể cho bé trước giờ đi ngủ. Ngày xưa ngày xưa). - 16000đ. - 2000b s638439

NGÔN NGỮ

1602. Ahn Jean Myung. Ngữ pháp tiếng Hàn thông dụng - Sơ cấp / Ahn Jean Myung, Lee Kyung Ah, Han Hoo Young ; Trang Thơm biên dịch. - H. : Hồng Đức, 2026. - 379 tr. : minh họa ; 24 cm. - 250000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Hàn: 초급한국어문법. - Phụ lục: tr. 346-376 s640963

1603. Ai? : Truyện tranh = Who? : Picture book / Written: Mary Roberts ; Ill.: Broose Johnson. - H. : Văn học, 2026. - 13 tr. : tranh màu ; 19 cm. - (GrapeSEED baby; Set 4 Board Book 5). - 46500đ. - 1000b s640630

1604. 3000 từ vựng tiếng Anh thông dụng nhất / The Windy. - H. : Hồng Đức, 2026. - 316 tr. : hình vẽ ; 13 cm. - 82000đ. - 2000b

Phụ lục: tr. 305-316 s640710

1605. Bài tập Tiếng Anh 6 theo chủ đề / Minh Luận, Nguyễn Hoàng Thanh Ly. - H. : Đại học Sư phạm, 2026. - 120 tr. : ảnh, bảng ; 27 cm. - 78000đ. - 1000b s637555

1606. Bài tập Tiếng Anh 7 theo chủ đề / Minh Luận, Nguyễn Hoàng Thanh Ly. - H. : Đại học Sư phạm, 2026. - 120 tr. : minh họa ; 27 cm. - 78000đ. - 1000b s637556

1607. Bài tập Tiếng Anh 10 = English exercises 10 : Dùng kèm SGK Tiếng Anh 10 Global Success / Minh Luận, Nguyễn Hoàng Thanh Ly. - H. : Đại học Sư phạm, 2026. - 156 tr. : bảng ; 27 cm. - 88000đ. - 2000b s637557

1608. Bài tập Tiếng Việt 6 : Sách thực nghiệm : Dùng cho học sinh phổ thông nước CHDCND Lào - Trình độ A2 / Nguyễn Thị Hạnh (ch.b.), Đào Thị Bình, Bùi Thị Diễm... - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 72 tr. : bảng, tranh màu ; 27 cm. - 200b

ĐTTS ghi: Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam. - Phụ lục: tr. 68-72 s639317

1609. Bài tập Tiếng Việt 7 : Sách thực nghiệm : Dùng cho học sinh phổ thông nước CHDCND Lào - Trình độ A2 / Nguyễn Thị Hạnh (ch.b.), Đào Thị Bình, Bùi Thị Diễm... - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 84 tr. : minh họa ; 27 cm. - 200b

ĐTTS ghi: Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam. - Phụ lục: tr. 79-84 s639318

1610. Bài tập Tiếng Việt 8 : Sách thực nghiệm : Dùng cho học sinh phổ thông nước CHDCND Lào - Trình độ A2 / Đào Thị Bình (ch.b.), Bùi Thị Diễm, Đỗ Thu Hà... - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 88 tr. : tranh màu, bảng ; 27 cm. - 200b

ĐTTS ghi: Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam. - Phụ lục: tr. 83-88 s639319

1611. Bài tập Tiếng Việt 9 : Sách thực nghiệm : Dùng cho học sinh phổ thông nước CHDCND Lào - Trình độ A2 / Đào Thị Bình (ch.b.), Bùi Thị Diễm, Đỗ Thu Hà... - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 87 tr. : bảng, tranh vẽ ; 27 cm. - 200b

ĐTTS ghi: Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam. - Phụ lục: tr. 82-87 s639320

1612. Bài tập Tiếng Việt 10 : Sách thực nghiệm : Dùng cho học sinh phổ thông nước CHDCND Lào - Trình độ B1 / Nguyễn Thị Hồng Vân (ch.b.), Nguyễn Thị Quế Anh, Đỗ Thu Hà... - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 67 tr. : bảng, tranh vẽ ; 27 cm. - 100b

ĐTTS ghi: Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam. - Phụ lục: tr. 61-67 s639321

1613. Bài tập Tiếng Việt 11 : Sách thực nghiệm : Dùng cho học sinh phổ thông nước CHDCND Lào - Trình độ B1 / Nguyễn Thị Hồng Vân (ch.b.), Nguyễn Thị Quế Anh, Đỗ Thu Hà... - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 71 tr. : minh họa ; 27 cm. - 100b

ĐTTS ghi: Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam. - Phụ lục: tr. 64-71 s639322

1614. Bài tập Tiếng Việt 12 : Sách thực nghiệm : Dùng cho học sinh phổ thông nước CHDCND Lào - Trình độ B1 / Nguyễn Thị Hồng Vân (ch.b.), Nguyễn Thị Quế Anh, Đỗ Thu Hà... - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 79 tr. : ảnh, tranh vẽ ; 27 cm. - 100b

ĐTTS ghi: Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam. - Phụ lục: tr. 70-79 s639323

1615. Bài tập trắc nghiệm Tiếng Anh 8 : Dùng kèm SGK Tiếng Anh 8 Global Success : Không đáp án / Nguyễn Hoàng Thanh Ly, Nguyễn Thị Kim Lan, Nguyễn Văn Hai. - H. : Đại học Sư phạm, 2026. - 156 tr. ; 27 cm. - 88000đ. - 2000b s637558

1616. Bạn trốn ở đâu thế? = Where do you hide? : Truyện tranh / Mary Roberts ; Minh họa: Dan Gracey. - H. : Văn học, 2026. - 15 tr. : tranh màu ; 19 cm. - (GrapeSEED baby). - 46500đ. - 1000b s640640

1617. Bánh quy cảm xúc : Truyện tranh = Cookie faces : Picture book / Written: Mary Roberts ; Ill.: Dan Gracey. - H. : Văn học, 2026. - 15 tr. : tranh màu ; 19 cm. - (GrapeSEED baby; Set 4 Picture Book 3). - 16500đ. - 1000b s640638

1618. Bộ đề kiểm tra Tiếng Anh lớp 6 : Có đáp án : Biên soạn theo sách giáo khoa Tiếng Anh Global Success (Kết nối tri thức với cuộc sống) / Nguyễn Thị Thu Huế. - H. : Nxb. Hà Nội. - 27 cm. - (Tủ sách Học tốt Tiếng Anh)(Global Success). - 90000đ. - 2500b

- T.2. - 2026. - 167 tr. s638747
1619. Bộ đề thi tuyển sinh vào lớp 10 môn Tiếng Anh / Lưu Hoàng Trí. - H. : Đại học Sư phạm, 2026. - 176 tr. ; 24 cm. - 82000đ. - 1500b s640966
1620. Bùi Minh Toán. Tiếng Việt thực hành / Bùi Minh Toán (ch.b.), Lê A, Đỗ Việt Hùng. - Tái bản lần thứ 25. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 279 tr. : bìa ; 21 cm. - 65000đ. - 1500b
Phụ lục: tr. 253-278 s639830
1621. Bữa tiệc sinh nhật của DeeDee : Truyện tranh = DeeDee's birthday party: Picture book / Written: Abby Danbi Lee ; Ill.: Broose Johnson. - H. : Văn học, 2026. - 13 tr. : tranh màu ; 19 cm. - (GrapeSEED baby; Set 4 Board Book 3). - 46500đ. - 1000b s640634
1622. Câu hỏi trắc nghiệm chuyên đề ngữ pháp tiếng Anh : Tài liệu ôn thi THPT Quốc gia / Vĩnh Bá s.t., tuyển chọn. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2026. - 303 tr. ; 24 cm. - 135000đ. - 1500b
Thư mục: tr. 302 s638578
1623. Chiếc mũ yêu thích của con : Truyện tranh = My favorite hat : Picture book / Written: Mary Roberts ; Ill.: Dan Gracey. - H. : Văn học, 2026. - 15 tr. : tranh màu ; 19 cm. - (GrapeSEED baby; Set 4 Picture Book 2). - 46500đ. - 1000b s640635
1624. Chinh phục 8+ luyện thi vào lớp 10 môn Tiếng Anh theo chủ đề : Sách ôn luyện cho các bộ sách giáo khoa mới của Bộ Giáo dục và Đào tạo / Dương Hương (ch.b.), Lâm Mỹ An. - H. : Dân trí, 2026. - 331 tr. : bìa ; 30 cm. - 159000đ. - 1500b s640110
1625. Chính Bình. Động từ bất quy tắc & ngữ pháp tiếng Anh căn bản / Chính Bình. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh, 2026. - 40 tr. : bìa ; 20 cm. - 15000đ. - 10000b s637529
1626. Con không biết ạ : Truyện tranh = I don't know : Picture book / Written: Abby Danbi Lee ; Ill.: Dan Gracey. - H. : Văn học, 2026. - 15 tr. : tranh màu ; 19 cm. - (GrapeSEED baby; Set 4 Picture Book 5). - 46500đ. - 1000b s640637
1627. Dẫn nhập phân tích hội thoại và áp dụng vào tiếng Việt / Nguyễn Thị Hạnh, Nguyễn Thị Bích Ngọc, Nguyễn Thị Thùy Minh (ch.b.)... - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 467 tr. ; 24 cm. - 335000đ. - 1000b s639906
1628. Đỗ Hiếu. 5000 từ vựng tiếng Đức thông dụng cấp độ A1 - C1 / Đỗ Hiếu. - H. : Hồng Đức, 2026. - 491 tr. : bìa, tranh vẽ ; 17 cm. - 189000đ. - 2000b s640716
1629. Đỗ Nhung. Giao tiếp tiếng Anh thật dễ dàng = Easy english conversation / Đỗ Nhung. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Hồng Đức, 2026. - 243 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - 198000đ. - 2000b s640956
1630. Đỗ Thúy Hằng. Phiên dịch Việt - Hàn thực chiến cùng các chủ đề thông dụng = 일상 주제로 배우는 베트남어-한국어 실전 통역 / Đỗ Thúy Hằng, Lê Thị Thanh Mai. - H. : Hồng Đức, 2026. - 340 tr. : minh họa ; 21 cm. - 165000đ. - 2000b
Thư mục: tr. 310-311. - Phụ lục: tr. 312-337 s640906
1631. Động từ bất quy tắc & ngữ pháp tiếng Anh căn bản / B.s.: Nguyễn Khoa Nhật Nam, Nguyễn Lê Quỳnh Như, Lê Hoàng Diệu My... - Tái bản lần thứ 3. - H. : Thế giới, 2026. - 47 tr. : bìa, sơ đồ ; 21 cm. - 18000đ. - 10000b s640352
1632. Giáo trình chuẩn HSK 1 = HSK 标准教程 1 / B.s.: Khương Lê Bình (ch.b.), Vương Phương, Vương Phong, Lưu Lê Bình ; Nguyễn Thị Minh Hồng dịch. - Tái bản. - Tp. Hồ Chí

Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2026. - 141 tr. : minh họa ; 29 cm. - 198000đ. - 5000b s637614

1633. Giáo trình chuẩn HSK 2 = HSK 标准教程 2 : Sách bài tập / B.s.: Khương Lê Bình (ch.b.), Vương Phong, Lưu Lê Bình, Vương Phương ; Nguyễn Thị Minh Hồng dịch. - Tái bản. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2026. - 166 tr. : minh họa ; 29 cm. - 188000đ. - 3000b s637612

1634. Giáo trình chuẩn YCT 2 : Sách bài tập = YCT 标准教程 2 : 活动手册 / B.s.: Tô Anh Hà (ch.b.), Vương Lôi, Lữ Diêm Huy ; Nguyễn Thị Minh Hồng dịch. - Tái bản. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2026. - 49 tr. : minh họa ; 29 cm. - 68000đ. - 5000b s637611

1635. Hà An. Sổ tay từ vựng tiếng Trung HSK 9 cấp : HSK 1 - 2 - 3 / Hà An b.s. - H. : Văn hóa dân tộc, 2026. - 224 tr. : bảng ; 21 cm. - 250000đ. - 10000b s639987

1636. Hà Anh. 5000 từ vựng HSK : HSK 1 - 6 级. Bí kíp chinh phục kỳ thi HSK / Hà Anh. - H. : Dân trí, 2026. - 426 tr. : bảng ; 21 cm. - 220000đ. - 5000b s640081

1637. Hoàng Văn Phong. Bí quyết học tiếng Anh cho người mất gốc / Hoàng Văn Phong. - Tái bản lần 2. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 153 tr. : minh họa ; 24 cm. - 86000đ. - 500b s638424

1638. Hoàng Văn. 3000 từ vựng tiếng Trung thông dụng / Hoàng Văn ch.b. - H. : Hồng Đức, 2026. - 123 tr. ; 15 cm. - 120000đ. - 2000b s640713

1639. Huyền Windy. Mind map hack - Tiếng Anh cho người bắt đầu / Huyền Windy ; Nguyễn Thanh Vân h.đ. - H. : Hồng Đức, 2026. - 235 tr. : bảng, tranh vẽ ; 24 cm. - 298000đ. - 3000b

Tên thật tác giả: Nguyễn Thu Huyền s640957

1640. Huyền Windy. Mind map hack phát âm tiếng Anh / Huyền Windy ; Nguyễn Thanh Vân h.đ. - H. : Hồng Đức, 2026. - 176 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 219000đ. - 3000b

Tên thật tác giả: Nguyễn Thu Huyền s640958

1641. Hướng dẫn ôn luyện thi vào lớp 10 môn Tiếng Anh : Theo định hướng phát triển năng lực / Nguyễn Thị Y Anh, Nguyễn Thị Ngọc Anh, Đinh Thị Cẩm Lai, Thân Lê Nguyên Phương. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 196 tr. ; 24 cm. - 70000đ. - 1000b s639779

1642. Hướng dẫn ôn tập và làm bài thi vào lớp 10 môn Tiếng Anh : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 / Vũ Thị Liên Hương (ch.b.), Phạm Đình Duẩn, Trần Thị Mỹ Dung... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 160 tr. ; 24 cm. - 55000đ. - 6000b s639782

1643. Hướng dẫn ôn thi tốt nghiệp Trung học phổ thông môn Tiếng Anh năm học 2025 - 2026 / Chu Quang Bình (ch.b.), Đỗ Trọng Hoàng, Nguyễn Văn Cường... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 208 tr. ; 27 cm. - 95000đ. - 3000b s639533

1644. Hướng dẫn ôn thi tốt nghiệp Trung học phổ thông môn Tiếng Anh năm học 2025 - 2026 / Nguyễn Thị Kim Phượng (ch.b.), Hồ Thị Thanh Huyền, Bùi Trí Vũ Nam. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 215 tr. : bảng ; 27 cm. - 85000đ. - 5000b s639526

1645. Hướng dẫn ôn thi vào lớp 10 môn Tiếng Anh : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 / Mai Anh Ngọc (ch.b.), Nguyễn Thị Y Anh, Nguyễn Mạnh Cường... - Tái bản lần thứ 1, có chỉnh lý, bổ sung. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 180 tr. : bảng ; 27 cm. - 50000đ. - 10000b s639522

1646. Hướng dẫn ôn thi vào lớp 10 môn Tiếng Anh : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 / Nguyễn Thế Hải (ch.b.), Nguyễn Trí Đạt, Phan Công Hậu, Hoàng Phương. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 199 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 70000đ. - 10000b s639518

1647. Hướng dẫn ôn thi vào lớp 10 môn Tiếng Anh : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 / Nguyễn Thế Hải (ch.b.), Nguyễn Trí Đạt, Phan Công Hậu, Hoàng Phương. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 199 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 70000đ. - 7000b s639519

1648. Hướng dẫn ôn thi vào lớp 10 môn Tiếng Anh theo định hướng phát triển năng lực / Trần Kim Duyên, Trần Nguyễn Thụy Thoại Lan, Trần Cao Bội Ngọc... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 200 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 68000đ. - 10000b s639525

1649. Hwang Seo Yoon. Speaking matrix - 30 giây nói tiếng Anh như gió : Kích não - Phương pháp nói tiếng Anh matrix / Hwang Seo Yoon ; Kim Tae Yoon h.đ. ; Đặng Thu Hà dịch. - H. : Hồng Đức, 2026. - 210 tr. : hình vẽ, bảng ; 21 cm. - 119000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Hàn: 스피킹 매트릭스 - 30초 영어 말하기; Tên sách tiếng Anh: Speaking matrix - 30 second speaking in English s640918

1650. Jeong Eui Sang. Keep it up! - Tiếng Nhật cấp tốc cho người mới bắt đầu / Jeong Eui Sang ; Phạm Thị Huyền dịch. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 239 tr. : minh họa ; 26 cm. - 189000đ. - 1500b s638378

1651. Khác nhau và giống nhau : Truyện tranh = Different and same : Picture book / Written: Mary Roberts ; Ill.: Broose Johnson. - H. : Văn học, 2026. - 13 tr. : tranh màu ; 19 cm. - (GrapeSEED baby; Set 4 Board Book 4). - 46500đ. - 1000b s640631

1652. Khương Lê Bình. Giáo trình chuẩn HSK 3 = HSK 标准教程 3 / B.s.: Khương Lê Bình (ch.b.), Vu Diệu, Lý Lâm ; Nguyễn Thị Minh Hồng dịch. - Tái bản. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2026. - 207 tr. : minh họa ; 29 cm. - 288000đ. - 5000b s637615

1653. Khương Lê Bình. Giáo trình chuẩn HSK 4 : Sách bài tập = HSK 标准教程 4 : 练习册 / B.s.: Khương Lê Bình (ch.b.), Đồng Chính, Trương Quân ; Nguyễn Thị Minh Hồng dịch. - Tái bản. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh. - 29 cm. - 158000đ. - 3000b T.2. - 2026. - 123 tr. : ảnh, bảng s637613

1654. Khương Lê Bình. Giáo trình chuẩn HSK 5 = HSK 标准教程 5 / B.s.: Khương Lê Bình (ch.b.), Lỗ Giang, Lưu Sướng ; Nguyễn Thị Minh Hồng dịch. - Tái bản. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh. - 29 cm. - 278000đ. - 5000b T.1. - 2026. - 195 tr. : minh họa s637616

1655. Khương Lê Bình. Giáo trình chuẩn HSK 6 = HSK 标准教程 6 / B.s.: Khương Lê Bình (ch.b.), Yêu Thư Quân, Dương Tuệ Chân ; Nguyễn Thị Minh Hồng dịch. - Tái bản. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh. - 29 cm. - 298000đ. - 2000b T.1. - 2026. - 244 tr. : minh họa s637617

1656. Khương Lê Bình. Giáo trình chuẩn HSK 6 = HSK 标准教程 6 / B.s.: Khương Lê Bình (ch.b.), Yêu Thư Quân, Dương Tuệ Chân ; Nguyễn Thị Minh Hồng dịch. - Tái bản. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh. - 29 cm. - 298000đ. - 2000b T.2. - 2026. - 251 tr. : minh họa s637618

1657. Khuru Chiêu Du. Học chữ Hán qua những câu chuyện - Đời sống hằng ngày / Khuru Chiêu Du ; Diệu Như dịch. - H. : Văn học, 2026. - 198 tr. : tranh vẽ ; 24 cm. - 255000đ. - 2000b
Tên sách tiếng Trung: 有故事的汉字-走进生活篇 s640205
1658. Khuru Chiêu Du. Học chữ Hán qua những câu chuyện - Khám phá vạn vật / Khuru Chiêu Du ; Diệu Như dịch. - H. : Văn học, 2026. - 198 tr. : tranh vẽ ; 24 cm. - 255000đ. - 2000b
Tên sách tiếng Trung: 有故事的汉字-认识万物篇 s640204
1659. Khuru Chiêu Du. Học chữ Hán qua những câu chuyện - Thiên nhiên quanh ta / Khuru Chiêu Du ; Diệu Như dịch. - H. : Văn học, 2026. - 198 tr. : tranh vẽ ; 24 cm. - 255000đ. - 2000b
Tên sách tiếng Trung: 有故事的汉字-亲近自然篇 s640203
1660. Kiến thức trọng tâm môn Tiếng Anh trung học cơ sở / Trần Thanh Hải, Lê Văn Khôi, Huỳnh Văn Lý... - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 128 tr. : bảng ; 24 cm. - 49000đ. - 5000b s639787
1661. Kim Tae Yoon. Speaking matrix - 3 phút nói tiếng Anh như gió : Kích não - Phương pháp nói tiếng Anh matrix / Kim Tae Yoon ; Đặng Thu Hà dịch. - H. : Hồng Đức, 2026. - 279 tr. : hình vẽ, bảng ; 21 cm. - 139000đ. - 1000b
Tên sách tiếng Hàn: 스피킹 매트릭스- 3분 영어 말하기; Tên sách tiếng Anh: Speaking matrix - 3 minute speaking in English s640917
1662. Lê Minh Quốc. Tiếng Việt - Từ lời ăn tiếng nói người Việt / Lê Minh Quốc. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2026. - 428 tr. ; 20 cm. - 175000đ. - 1000b
Thư mục: tr. 426-428 s640844
1663. Lê Văn Hùng. Take note - 3000 từ vựng tiếng Anh thông dụng nhất / Lê Văn Hùng. - H. : Hồng Đức, 2026. - 304 tr. : bảng ; 24 cm. - 169000đ. - 2000b s640964
1664. Luyện tập Tiếng Anh 6 : Bồi dưỡng học sinh khá, giỏi / Nguyễn Hoàng Thanh Ly, Nguyễn Văn Hai. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2026. - 156 tr. : minh họa ; 27 cm. - 88000đ. - 1000b s638833
1665. Luyện tập Tiếng Anh 7 : Bồi dưỡng học sinh khá, giỏi / Nguyễn Hoàng Thanh Ly, Nguyễn Văn Hai, Nguyễn Minh Luận. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2026. - 160 tr. : minh họa ; 27 cm. - 98000đ. - 1000b s638834
1666. Luyện tập Tiếng Anh 9 : Bồi dưỡng học sinh khá, giỏi / Nguyễn Hoàng Thanh Ly, Nguyễn Văn Hai. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2026. - 147 tr. : minh họa ; 27 cm. - 88000đ. - 1000b s638835
1667. Mã Tiến Phi. Luyện nói tiếng Trung Quốc cấp tốc : Trình độ sơ cấp = 汉语口语速成 : 基础篇 / B.s.: Mã Tiến Phi (ch.b.), Lý Đức Quân, Thành Văn ; Nguyễn Thị Minh Hồng dịch. - Bản thứ 3. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh. - 26 cm. - (Bộ sách Học tiếng Trung Quốc cấp tốc dành cho người nước ngoài). - 158000đ. - 5000b
T.1. - 2026. - 148 tr. : bảng, tranh vẽ s637609
1668. Maii. Người bình thường tập lớn : Phiên bản tô chữ tiếng Trung / Maii ; Glori dịch. - H. : Văn học, 2026. - 103 tr. ; 21 cm. - 79000đ. - 1500b
Tên thật tác giả: Nguyễn Ngọc Mai s640158
1669. Minh Nguyệt. Tự học cấp tốc 3000 từ vựng tiếng Anh qua gốc từ / Minh Nguyệt, Lê Oanh. - H. : Hồng Đức, 2026. - 303 tr. : bảng, tranh vẽ ; 24 cm. - 168000đ. - 2000b s640953

1670. 100 từ vựng tiếng Anh theo chủ đề cho bé / Beatrice Tinarelli ; Phương Nhung dịch. - H. : Mỹ thuật, 2026. - 29 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - 89000đ. - 2000b s638324
1671. 5000 từ vựng tiếng Trung HSK 1 - 6 / NHT Books b.s. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 280 tr. : bảng ; 21 cm. - 180000đ. - 5000b s638355
1672. Ngô Phương Anh. Mô hình lớp học tự chủ trong đào tạo ngoại ngữ - Một số vấn đề lý luận và thực tiễn : Sách chuyên khảo / Ngô Phương Anh. - Tái bản lần thứ 1, có chỉnh lí. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 335 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 190000đ. - 300b
Thư mục: tr. 323-335 s639889
1673. Nguyễn Đình Việt. Mô hình tri nhận miền ý niệm vật dụng trong tiếng Việt : Sách chuyên khảo / Nguyễn Đình Việt. - H. : Khoa học xã hội, 2026. - 247 tr. ; 24 cm. - 220000đ. - 500b
Thư mục: tr. 231-238. - Phụ lục: tr. 239-247 s638632
1674. Nguyễn Thị Linh. Thực chiến tiếng Trung văn phòng và công xưởng : Giao tiếp chuyên nghiệp - Phản xạ tự tin nơi công sở và nhà máy / Nguyễn Thị Linh ch.b. - In lần 2. - H. : Hồng Đức, 2026. - 206 tr. : bảng, tranh vẽ ; 24 cm. - 345000đ. - 2000b s640947
1675. Nguyễn Thị Thùy Châu. Mind map từ vựng tiếng Thái Lan = ผังคำศัพท์ภาษาไทย / Nguyễn Thị Thùy Châu. - H. : Hồng Đức, 2026. - 255 tr. : tranh màu ; 24 cm. - 196000đ. - 2000b s640961
1676. Nguyễn Thị Thùy Châu. Tập viết tiếng Thái Lan : Bảng viết chữ cái và ghép vần / Nguyễn Thị Thùy Châu. - H. : Hồng Đức, 2026. - 118 tr. : bảng ; 24 cm. - 88000đ. - 2000b s640978
1677. Nguyễn Thu Huyền. Tự học tiếng Anh cấp tốc cho người mới bắt đầu = Instant self-study English for beginners / Nguyễn Thu Huyền (ch.b.), The Windy. - H. : Hồng Đức, 2026. - 238 tr. : hình vẽ, bảng ; 21 cm. - 129000đ. - 5000b s640904
1678. Nguyễn Thu Huyền. Ứng dụng siêu trí nhớ 6000 từ vựng tiếng Anh thông dụng nhất / Ch.b.: The Windy, Nguyễn Thu Huyền. - H. : Hồng Đức, 2026. - 586 tr. : hình vẽ ; 15 cm. - 158000đ. - 3000b s640712
1679. Nguyễn Văn Khánh. Tiếng Hàn giao tiếp 4.0 / Nguyễn Văn Khánh. - Tái bản lần 8. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 24 cm. - 199000đ. - 1000b
Ph.1. - 2026. - 273 tr. : bảng s640788
1680. Nhã Lam. Mind map chữ Hán theo giáo trình Hán ngữ / Nhã Lam ch.b. - H. : Hồng Đức, 2026. - 365 tr. : minh họa ; 24 cm. - 256000đ. - 1000b s640960
1681. Nhật Phạm. Giáo trình Phát triển tiếng Trung giao tiếp và HSK 4++ : Format 3.0 ; Giáo trình dành riêng cho người Việt / Nhật Phạm b.s., The Hougong. - H. : Tri thức, 2026. - 186 tr. : minh họa ; 29 cm. - 250000đ. - 3000b s637547
1682. Nhìn con này! : Truyện tranh = Look at me! : Picture book / Written: Abby Danbi Lee ; Ill.: Broose Johnson. - H. : Văn học, 2026. - 13 tr. : tranh màu ; 19 cm. - (GrapeSEED baby; Set 4 Board Book 6). - 46500đ. - 1000b s640633
1683. Ôn tập, kiểm tra Tiếng Anh 10 : Theo cấu trúc, định dạng đề thi mới / Lưu Vạn Phước, Võ Hồ Minh Trinh, Trần Nguyễn Hoàng Phú, Nguyễn Bảo Gia Hân. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 200 tr. : bảng ; 24 cm. - 79000đ. - 2000b s639783
1684. Ôn tập, kiểm tra Tiếng Anh 11 : Theo cấu trúc, định dạng đề thi mới / Lưu Vạn Phước, Võ Hồ Minh Trinh, Trần Nguyễn Hoàng Phú, Nguyễn Bảo Gia Hân. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 199 tr. : bảng ; 24 cm. - 79000đ. - 2000b s639784

1685. Ôn thi vào lớp 10 môn Tiếng Anh / Lê Thị Thúy Hồng (ch.b.), Hoàng Thị Quỳnh Mai, Bùi Anh Dương... - Tái bản lần thứ 1, có chỉnh lí, bổ sung. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 176 tr. ; 24 cm. - 39000đ. - 20000b s639774

1686. Ôn thi vào lớp 10 môn Tiếng Anh năm học 2026 - 2027 / Phạm Ngọc Tuấn (ch.b.), Nguyễn Thị Thanh Hương, Nguyễn Thị Hoàng Lan, Phan Chí Nghĩa. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 199 tr. : bảng ; 27 cm. - 69000đ. - 30000b s639047

1687. Phạm Thị Xuân. Tự học tiếng Đức dành cho người mới bắt đầu / Phạm Thị Xuân (ch.b.), Nguyễn Thị Oanh. - H. : Hồng Đức, 2026. - 198 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 139000đ. - 2000b s640965

1688. Phạm Thị Xuân Ngọc. Giáo trình Nghe cao cấp = 高级听力教程 / Phạm Thị Xuân Ngọc, Phạm Thị Hồng Ngọc. - H. : Công Thương, 2026. - 56 tr. : ảnh ; 29 cm. - 80000đ. - 800b ĐTTS ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trường Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội. Khoa Tiếng Trung và Tiếng Nhật. - Thư mục: tr. 56 s637595

1689. Quỳnh Vũ. Mastering English grammar - 180 ngày làm chủ ngữ pháp tiếng Anh / Quỳnh Vũ. - H. : Hồng Đức, 2026. - 235 tr. : bảng, tranh vẽ ; 24 cm. - 172000đ. - 1000b s640955

1690. Ross, Adam. Crack English vocabulary - Chủ đề: Đời sống : Xây chắc 540 từ vựng tiếng Anh theo chủ đề chỉ với 30 phút mỗi ngày / Adam Ross. - H. : Hồng Đức, 2026. - 223 tr. : bảng, tranh vẽ ; 21 cm. - 158000đ. - 2000b s640895

1691. Ross, Adam. Crack English vocabulary - Chủ đề: Tự nhiên : Xây chắc 540 từ vựng tiếng Anh theo chủ đề chỉ với 30 phút mỗi ngày / Adam Ross. - H. : Hồng Đức, 2026. - 223 tr. : minh họa ; 21 cm. - 158000đ. - 2000b s640903

1692. Ross, Adam. Sổ tay Crack English vocabulary - Chủ đề: Đời sống : Xây chắc 540 từ vựng tiếng Anh theo chủ đề chỉ với 30 phút mỗi ngày / Adam Ross. - H. : Hồng Đức, 2026. - 163 tr. ; 21 cm. - 128000đ. - 2000b s640934

1693. Ross, Adam. Sổ tay Crack English vocabulary - Chủ đề: Tự nhiên : Xây chắc 540 từ vựng tiếng Anh theo chủ đề chỉ với 30 phút mỗi ngày / Adam Ross. - H. : Hồng Đức, 2026. - 163 tr. : bảng ; 21 cm. - 128000đ. - 2000b s640933

1694. Sách hỗ trợ Bài tập tiếng Trung Quốc sơ cấp 1 / Trần Thị Kim Loan (ch.b.), Nguyễn Thùy Chi, Phạm Thị Hồng Minh... - H. : Bách khoa Hà Nội, 2026. - 255 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 663000đ. - 70b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Thủy lợi. Trung tâm Đào tạo quốc tế. Bộ môn Ngôn ngữ Trung Quốc s638647

1695. Sasaki Hitoko. Luyện thi năng lực Nhật ngữ N3 : Từ vựng = 日本語総まとめN3 : 語彙 / Sasaki Hitoko, Matsumoto Noriko. - In lần thứ 18. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2026. - 115 tr. : hình vẽ, bảng ; 26 cm. - 70000đ. - 1000b

Phụ lục: tr. 107-115 s640879

1696. Sổ tay học nhanh toàn diện Tiếng Anh trung học phổ thông : Biên soạn theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới / Louis Phan, Hương Giang, Ngọc Mai. - H. : Đại học Sư phạm, 2026. - 182 tr. : bảng ; 19 cm. - 79000đ. - 2000b s640696

1697. Sổ tay kiến thức Tiếng Anh trung học cơ sở / Nguyễn Khánh Phương. - Tái bản lần 1. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 303 tr. : bảng ; 18 cm. - 63000đ. - 3000b s638244

1698. Take notes Tiếng Anh lớp 3 - 12 / Thùy Dương b.s. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 68 tr. : hình vẽ, bảng ; 20 cm. - 60000đ. - 5000b s638331

1699. Takenote - Ngữ pháp tiếng Anh = Grammar in use / Nguyễn Mai Hoa. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 118 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - 75000đ. - 12000b s638362

1700. Tất cả những bông hoa đều đẹp : Truyện tranh = All flowers are pretty : Picture book / Written: Abby Danbi Lee ; Ill.: Dan Gracey. - H. : Văn học, 2026. - 15 tr. : tranh màu ; 19 cm. - (GrapeSEED baby; Set 4 Picture Book 1). - 46500đ. - 1000b s640636

1701. Thanh Nhân. 700 động từ bất quy tắc và ngữ pháp các thì trong tiếng Anh : Bảng động từ bất quy tắc 700 từ... / Thanh Nhân, Đông Hòa. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh, 2026. - 143 tr. : bảng ; 21 cm. - (Tủ sách Khối chuyên Anh). - 60000đ. - 3000b s637528

1702. Thật nhiều, thật nhiều, thật nhiều! : Truyện tranh = A lot, a lot, a lot! : Picture book / Written: Mary Roberts ; Ill.: Broose Johnson. - H. : Văn học, 2026. - 13 tr. : tranh màu ; 19 cm. - (GrapeSEED baby; Set 4 Board Book 1). - 46500đ. - 1000b s640632

1703. Thời tiết luôn thay đổi : Truyện tranh = The weather always changes : Picture book / Written: Abby Danbi Lee ; Ill.: Broose Johnson. - H. : Văn học, 2026. - 13 tr. : tranh màu ; 19 cm. - (GrapeSEED baby; Set 4 Board Book 2). - 46500đ. - 1000b s640629

1704. Thu Huyền. 5000 từ vựng tiếng Anh thông dụng nhất : Phương pháp học - Siêu từ vựng tiếng Anh. Đột phá tư duy - Thay đổi tức thì / Thu Huyền (ch.b.), The Windy. - H. : Hồng Đức, 2026. - 500 tr. : hình vẽ ; 12 cm. - 118000đ. - 2000b
Phụ lục: tr. 489-500 s640711

1705. Thư viện hình ảnh đầu tiên - Bảng chữ cái con vật : Song ngữ Anh - Việt. - H. : Văn học, 2025. - 19 tr. : hình vẽ ; 13 cm. - 50000đ. - 2000b s640616

1706. Thực hành tiếng Trung hiệu quả : Dành cho người mới bắt đầu / B.s.: Trương Gia Quyền, Nguyễn Vũ Quỳnh Phương, Bùi Thị Hạnh Quyền... - Tái bản. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2026. - 293 tr. : minh họa ; 24 cm. - 129000đ. - 1000b s640834

1707. Tiếng Anh 6 - Global Success : Sách bài tập / Hoàng Văn Vân (tổng ch.b.), Nguyễn Thị Chi (ch.b.), Lê Kim Dung... - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 119 tr. : hình vẽ ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 64000đ. - 160000b s639468

1708. Tiếng Anh 6 - Global Success : Sách học sinh / Hoàng Văn Vân (tổng ch.b.), Nguyễn Thị Chi (ch.b.), Lê Kim Dung... - Tái bản lần thứ 5. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 16900đ. - 130000b

Đầu bìa sách ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo

T.1. - 2026. - 71 tr. : minh họa s639477

1709. Tiếng Anh 7 - Global Success : Sách bài tập / Hoàng Văn Vân (tổng ch.b.), Nguyễn Thị Chi (ch.b.), Lê Kim Dung... - Tái bản lần thứ 4, có chỉnh lí, bổ sung. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 123 tr. : hình vẽ ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 60000đ. - 120000b s639469

1710. Tiếng Anh 7 - Global Success : Sách học sinh / Hoàng Văn Vân (tổng ch.b.), Nguyễn Thị Chi (ch.b.), Lê Kim Dung... - Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 139 tr. : hình vẽ ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 33000đ. - 130000b

Đầu bìa sách ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo s639478

1711. Tiếng Anh 10 - Global Success : Sách bài tập / Hoàng Văn Vân (tổng ch.b.), Hoàng Thị Xuân Hoa (ch.b.), Chu Quang Bình... - Tái bản lần thứ 4, có chỉnh lí, bổ sung. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 115 tr. : hình vẽ ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 60000đ. - 50000b s639470

1712. Tiếng Anh 10 - Global Success : Sách học sinh / Hoàng Văn Vân (tổng ch.b.), Hoàng Thị Xuân Hoa (ch.b.), Chu Quang Bình... - Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 131 tr. : hình vẽ ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 31300đ. - 90000b

Đầu bìa sách ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo s639479

1713. Tiếng Anh 11 - Global Success : Sách học sinh / Hoàng Văn Vân (tổng ch.b.), Vũ Hải Hà (ch.b.), Chu Quang Bình... - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 131 tr. : hình vẽ ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 32500đ. - 80000b

Đầu bìa sách ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo s639480

1714. Tiếng Anh 12 - Global Success : Sách học sinh / Hoàng Văn Vân (tổng ch.b.), Vũ Hải Hà (ch.b.), Chu Quang Bình... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 155 tr. : hình vẽ ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 37900đ. - 100000b

Đầu bìa sách ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo s639481

1715. Tiếng Hàn tổng hợp dành cho người Việt Nam = 베트남인을 위한 종합 한국어 : Trung cấp 3 : Giáo trình hiệu quả dành cho người Việt Nam học tiếng Hàn : Phiên bản mới / Cho Hang Rok, Lee Mi Hye, Lê Đăng Hoan... - H. : Hồng Đức, 2026. - 335 tr. : minh họa ; 26 cm. - 189000đ. - 3000b

Phụ lục: tr. 288-335 s640971

1716. Tiếng Hàn tổng hợp dành cho người Việt Nam = 베트남인을 위한 종합 한국어 : Trung cấp 3 : Giáo trình hiệu quả dành cho người Việt Nam học tiếng Hàn : Phiên bản mới : Bản màu / Cho Hang Rok, Lee Mi Hye, Lê Đăng Hoan... - H. : Hồng Đức, 2026. - 335 tr. : minh họa ; 26 cm. - 319000đ. - 2000b

Phụ lục: tr. 288-335 s640972

1717. Tiếng Việt 6 : Sách thực nghiệm : Dùng cho giáo viên phổ thông nước CHDCND Lào - Trình độ A2 / Nguyễn Thị Hạnh (ch.b.), Đào Thị Bình, Bùi Thị Diễm... - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 76 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 100b

ĐTTS ghi: Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam s639305

1718. Tiếng Việt 6 : Sách thực nghiệm : Dùng cho học sinh phổ thông nước CHDCND Lào - Trình độ A2 / Nguyễn Thị Hạnh (ch.b.), Đào Thị Bình, Bùi Thị Diễm... - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 100 tr. : minh họa ; 27 cm. - 1900b

ĐTTS ghi: Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam. - Phụ lục: tr. 92-99 s639293

1719. Tiếng Việt 7 : Sách thực nghiệm : Dùng cho giáo viên phổ thông nước CHDCND Lào - Trình độ A2 / Nguyễn Thị Hạnh (ch.b.), Đào Thị Bình, Bùi Thị Diễm... - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 76 tr. : hình vẽ ; 27 cm. - 100b

ĐTTS ghi: Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam s639306

1720. Tiếng Việt 7 : Sách thực nghiệm : Dùng cho học sinh phổ thông nước CHDCND Lào - Trình độ A2 / Nguyễn Thị Hạnh (ch.b.), Đào Thị Bình, Bùi Thị Diễm... - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 112 tr. : minh họa ; 27 cm. - 1900b

ĐTTS ghi: Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam. - Phụ lục: tr. 103-111 s639294

1721. Tiếng Việt 8 : Sách thực nghiệm : Dùng cho giáo viên phổ thông nước CHDCND Lào - Trình độ A2 / Đào Thị Bình (ch.b.), Bùi Thị Diễm, Đỗ Thu Hà... - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 76 tr. : bảng ; 27 cm. - 100b

ĐTTS ghi: Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam s639307

1722. Tiếng Việt 8 : Sách thực nghiệm : Dùng cho học sinh phổ thông nước CHDCND Lào - Trình độ A2 / Đào Thị Bình (ch.b.), Bùi Thị Diễm, Đỗ Thu Hà... - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 128 tr. : minh họa ; 27 cm. - 1900b

- ĐTTS ghi: Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam. - Phụ lục: tr. 115-127 s639295
1723. Tiếng Việt 9 : Sách thực nghiệm : Dùng cho giáo viên phổ thông nước CHDCND Lào - Trình độ A2 / Đào Thị Bình (ch.b.), Bùi Thị Diễm, Đỗ Thu Hà... - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 79 tr. : bảng ; 27 cm. - 100b
ĐTTS ghi: Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam s639308
1724. Tiếng Việt 9 : Sách thực nghiệm : Dùng cho học sinh phổ thông nước CHDCND Lào - Trình độ A2 / Đào Thị Bình (ch.b.), Bùi Thị Diễm, Đỗ Thu Hà... - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 111 tr. : minh họa ; 27 cm. - 1900b
ĐTTS ghi: Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam. - Phụ lục: tr. 109-110 s639296
1725. Tiếng Việt 10 : Sách thực nghiệm : Dùng cho giáo viên phổ thông nước CHDCND Lào - Trình độ B1 / Nguyễn Thị Hồng Vân (ch.b.), Nguyễn Thị Quế Anh, Đỗ Thu Hà... - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 79 tr. : bảng ; 27 cm. - 50b
ĐTTS ghi: Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam s639309
1726. Tiếng Việt 10 : Sách thực nghiệm : Dùng cho học sinh phổ thông nước CHDCND Lào - Trình độ B1 / Nguyễn Thị Hồng Vân (ch.b.), Nguyễn Thị Quế Anh, Đỗ Thu Hà... - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 119 tr. : minh họa ; 27 cm. - 1200b
ĐTTS ghi: Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam. - Phụ lục: tr. 111-118 s639297
1727. Tiếng Việt 11 : Sách thực nghiệm : Dùng cho giáo viên phổ thông nước CHDCND Lào - Trình độ B1 / Nguyễn Thị Hồng Vân (ch.b.), Nguyễn Thị Quế Anh, Đỗ Thu Hà... - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 83 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 50b
ĐTTS ghi: Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam s639310
1728. Tiếng Việt 11 : Sách thực nghiệm : Dùng cho học sinh phổ thông nước CHDCND Lào - Trình độ B1 / Nguyễn Thị Hồng Vân (ch.b.), Nguyễn Thị Quế Anh, Đỗ Thu Hà... - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 115 tr. : bảng, tranh màu ; 27 cm. - 1200b
ĐTTS ghi: Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam. - Phụ lục: tr. 102-114 s639298
1729. Tiếng Việt 12 : Sách thực nghiệm : Dùng cho giáo viên phổ thông nước CHDCND Lào - Trình độ B1 / Nguyễn Thị Hồng Vân (ch.b.), Nguyễn Thị Quế Anh, Đỗ Thu Hà... - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 87 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 50b
ĐTTS ghi: Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam s639311
1730. Tiếng Việt 12 : Sách thực nghiệm : Dùng cho học sinh phổ thông nước CHDCND Lào - Trình độ B1 / Nguyễn Thị Hồng Vân (ch.b.), Nguyễn Thị Quế Anh, Đỗ Thu Hà... - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 115 tr. : bảng, tranh màu ; 27 cm. - 1200b
ĐTTS ghi: Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam. - Phụ lục: tr. 103-114 s639299
1731. Tổng ôn Tiếng Anh 9 : Dành cho học sinh luyện thi vào 10... / Trà My (ch.b.), Hồng Ngọc. - H. : Dân trí. - 27 cm. - (Sách ID - Một cuộc cách mạng Sách). - 200000đ. - 20000b T.1. - 2026. - 391 tr. : minh họa s640102
1732. Translation 2 / Tong Hung Tam, Do Thi Thanh Ha (b.s.), Pham Thi Dieu Linh... - H. : Kinh tế - Tài chính, 2026. - 434 tr. : ảnh, bảng ; 24 cm. - 160000đ. - 100b
Đầu bìa sách ghi: Ministry of Finance. Academy of Policy and Development s640741
1733. Trần Mạnh Tường. 360 động từ bất quy tắc và cách dùng các thì tiếng Anh / Trần Mạnh Tường. - Tái bản. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 95 tr. : hình vẽ, bảng ; 21 cm. - 19000đ. - 5000b s638441
1734. Trần Thanh Sang. Tự học 2500 từ vựng tiếng Hàn thông dụng: Sơ cấp : Bước đầu chinh phục tiếng Hàn bằng Infographic / Trần Thanh Sang. - H. : Hồng Đức, 2026. - 367 tr. : minh họa ; 24 cm. - 248000đ. - 2000b s640954

1735. Trần Thị Hiền. Giáo trình Kỹ năng viết tổng hợp = 综合写作课程 (I) / Ch.b.: Trần Thị Hiền, Dương Thị Kim Cúc. - H. : Công Thương, 2026. - 79 tr. : bảng ; 29 cm. - 80000đ. - 800b

ĐTTS ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trường Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội. Khoa Tiếng Trung và Tiếng Nhật s637596

1736. Trần Thị Phương Lý. Giáo trình Ngôn ngữ học tri nhận / Trần Thị Phương Lý (ch.b.), Trần Thế Phi, Ngô Tuyết Phượng. - Huế : Đại học Huế, 2026. - 323 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 135000đ. - 300b

ĐTTS ghi: Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Trường Đại học Sài Gòn. - Thư mục: tr. 295-304. - Phụ lục: tr. 310-323 s637509

1737. Trần Tuyết Hạnh. Giáo trình Khái quát về lý thuyết dịch = 翻译理论概述 / Trần Tuyết Hạnh, Đào Thị Thúy Hằng. - H. : Công Thương, 2026. - 46 tr. : bảng ; 29 cm. - 80000đ. - 800b

ĐTTS ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trường Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội. Khoa Tiếng Trung và Tiếng Nhật s637597

1738. Trò chơi vui nhộn = The fun game : Truyện tranh / Abby Danbi Lee ; Minh họa: Dan Gracey. - H. : Văn học, 2026. - 15 tr. : tranh màu ; 19 cm. - (GrapeSEED baby; Set 4 Picture Book 4). - 46500đ. - 1000b s640639

1739. Trọng điểm kiến thức lớp 10 - Môn Anh : Định hướng nội dung chuẩn Chương trình SGK mới / Nguyễn Thị Diệu Linh, Nguyễn Lê Hà Linh. - H. : Dân trí, 2026. - 199 tr. : bảng ; 24 cm. - 180000đ. - 30000b s640089

1740. Tuệ Tinh. Sổ tay từ vựng tiếng Trung New HSK 3 = 新汉语水平考试(HSK) 词汇学习手册. 三级 : 973 từ vựng thiết yếu cho trình độ trung cấp / Tuệ Tinh b.s. - H. : Thế giới, 2026. - 431 tr. ; 18 cm. - 148000đ. - 3000b s640698

1741. Tự học tiếng Nga cho người mới bắt đầu / Nguyễn Thị Lệ Quyên (ch.b.), Nhâm Thị Vân Anh, Nguyễn Bích Ngọc, Đỗ Thị Hồng Nhung. - H. : Hồng Đức, 2026. - 259 tr. : hình vẽ, bảng ; 21 cm. - 158000đ. - 2000b s640907

1742. Tự tin sử dụng tiếng Anh như người bản xứ = 3000 must - know English words / Lighthouse writers. - H. : Thế giới, 2026. - 338 tr. : bảng, tranh màu ; 15 cm. - 130000đ. - 3000b s640697

1743. Vở bài tập Tiếng Anh 9 - Global Success : Sách học sinh / Lương Quỳnh Trang (ch.b.), Quang Thị Hoàn, Hoàng Thị Hồng Hải, Nguyễn Thị Kim Phượng. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 143 tr. : hình vẽ ; 27 cm. - 42000đ. - 20000b s639482

1744. Vở thực hành Tiếng Anh 6 / Hoàng Thị Xuân Hoa (ch.b.), Hoàng Hải Anh, Bùi Thị Ánh Dương... - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 100 tr. : hình vẽ ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 38000đ. - 2000b s639483

1745. Vở thực hành Tiếng Anh 7 / Nguyễn Thị Kim Phượng (ch.b.), Trần Thị Hiếu Thủy. - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 112 tr. : hình vẽ ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 45000đ. - 2000b s639484

1746. Vở thực hành Tiếng Anh 8 / Nguyễn Thị Kim Phượng (ch.b.), Nguyễn Hoàng Lan, Trần Thị Hiếu Thủy. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 108 tr. : hình vẽ ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 45000đ. - 3000b s639485

1747. Vũ Thị Diệu Linh. Tự học tiếng Pháp cho người mới bắt đầu / Vũ Thị Diệu Linh. - H. : Hồng Đức, 2026. - 315 tr. : minh họa ; 24 cm. - 229000đ. - 2000b s640962

KHOA HỌC TỰ NHIÊN

1748. Bài tập cơ bản và nâng cao Khoa học tự nhiên 8 / Cao Cự Giác (ch.b.), Nguyễn Văn Cần, Nguyễn Thanh Mai, Nguyễn Huỳnh Hữu Tài. - Tái bản lần 3. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2026. - 180 tr. : minh họa ; 27 cm. - 90000đ. - 2000b s637573

1749. Bài tập Khoa học tự nhiên 6 / Vũ Văn Hùng (ch.b.), Nguyễn Hữu Chung, Nguyễn Thu Hà... - Tái bản lần thứ 5. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 123 tr. : minh họa ; 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 19000đ. - 269100b s639807

1750. Bài tập Khoa học tự nhiên 7 / Vũ Văn Hùng (ch.b.), Nguyễn Thị Thanh Chi, Ngô Tuấn Cường... - Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 143 tr. : minh họa ; 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 20000đ. - 207100b s639808

1751. Bài tập Khoa học tự nhiên 9 / Vũ Văn Hùng (ch.b.), Nguyễn Văn Biên, Nguyễn Thu Hà... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 196 tr. : minh họa ; 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 26000đ. - 172900b s639809

1752. Bài tập phát triển năng lực Khoa học tự nhiên 7 : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 / Nguyễn Thị Hồng Liên, Vũ Quang (ch.b.), Vương Thị Minh Châu... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 219 tr. : minh họa ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 55000đ. - 3000b s639449

1753. Bài tập phát triển năng lực Khoa học tự nhiên 7 : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 / Nguyễn Thị Hồng Liên, Vũ Quang (ch.b.), Vương Thị Minh Châu... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 219 tr. : minh họa ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 55000đ. - 3000b s639450

1754. Bài tập phát triển năng lực Khoa học tự nhiên 9 : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 / Nguyễn Thị Hồng Liên, Đỗ Thị Quỳnh Mai, Vũ Quang (ch.b.)... - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 223 tr. : minh họa ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 65000đ. - 3000b s639451

1755. Giáo dục STEM lớp 6 / Lê Anh Vinh (ch.b.), Tô Thị Vân Anh, Nguyễn Trí Dũng... - Tái bản lần thứ 2, có chỉnh lí. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 55 tr. : minh họa ; 27 cm. - 35000đ. - 3000b s638923

1756. Giáo dục STEM lớp 7 / Lê Anh Vinh (ch.b.), Tô Thị Vân Anh, Nguyễn Trí Dũng... - Tái bản lần thứ 2, có chỉnh lí. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 55 tr. : minh họa ; 27 cm. - 35000đ. - 3000b s638924

1757. Giáo dục STEM lớp 8 / Lê Anh Vinh (ch.b.), Tô Thị Vân Anh, Nguyễn Trí Dũng... - Tái bản lần thứ 2, có chỉnh lí. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 59 tr. : minh họa ; 27 cm. - 35000đ. - 3000b s638925

1758. Giáo dục STEM lớp 9 / Lê Anh Vinh (ch.b.), Tô Thị Vân Anh, Nguyễn Trí Dũng... - Tái bản lần thứ 2, có chỉnh lí. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 55 tr. : minh họa ; 27 cm. - 35000đ. - 3000b s638926

1759. Hoạt động giáo dục STEM lớp 6 / Tường Duy Hải (ch.b.), Nguyễn Văn Biên, Trần Minh Đức... - Tái bản lần thứ 7. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 91 tr. : minh họa ; 26 cm. - 44000đ. - 5000b s639606

1760. Hoạt động giáo dục STEM lớp 7 / Nguyễn Anh Thuần (ch.b.), Nguyễn Văn Biên, Trần Minh Đức... - Tái bản lần thứ 7. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 87 tr. : minh họa ; 26 cm. - 44000đ. - 5000b s639607

1761. Hoạt động giáo dục STEM lớp 8 / Đoàn Văn Thước (ch.b.), Nguyễn Văn Biên, Trần Minh Đức... - Tái bản lần thứ 7. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 83 tr. : minh họa ; 26 cm. - 42000đ. - 5000b s639608

1762. Hoạt động giáo dục STEM lớp 9 / Nguyễn Văn Biên (ch.b.), Trần Minh Đức, Trương Duy Hải... - Tái bản lần thứ 6. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 71 tr. : minh họa ; 26 cm. - 42000đ. - 5000b s639609

1763. Hoạt động giáo dục STEM lớp 10 / Trương Duy Hải (ch.b.), Trần Ngọc Chát, Trần Minh Đức... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 80 tr. : minh họa ; 26 cm. - 42000đ. - 2000b s639610

1764. Hoạt động giáo dục STEM lớp 11 / Trương Duy Hải (ch.b.), Trần Ngọc Chát, Trần Minh Đức... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 80 tr. : minh họa ; 26 cm. - 42000đ. - 2000b s639611

1765. Hoạt động giáo dục STEM lớp 12 / Trương Duy Hải (ch.b.), Trần Ngọc Chát, Trần Minh Đức... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 56 tr. : minh họa ; 26 cm. - 37000đ. - 2000b s639612

1766. Houlou-Garcia, Antoine. Quả táo không rơi trúng đầu Newton : Vén màn "drama" khoa học qua tư liệu gốc / Antoine Houlou-Garcia ; Thu Huệ dịch. - H. : Kim Đồng, 2026. - 227 tr. ; 21 cm. - 70000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Pháp: Et la pomme ne tomba pas sur la tête de Newton - Ces petits mensonges qui ont fait l'histoire des sciences. - Thư mục: tr. 201-223 s637731

1767. Hội thảo Khoa học quốc gia: Khoa học tự nhiên và ứng dụng trong thời đại số (lần thứ 3) = The 3rd national symposium on natural sciences and applications in the digital age / Lê Hằng Anh, Lê Lệ Hằng, Phạm Bá Đức... - H. : Tri thức, 2026. - xx, 1071 tr. : minh họa ; 30 cm. - 50b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp... - Thư mục trong chính văn s637539

1768. Hướng dẫn thực hiện nghiên cứu khoa học kỹ thuật ở trường trung học / Nguyễn Thanh Nga (ch.b.), Nguyễn Lâm Duy, Nguyễn Huỳnh Duy Khang... - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh, 2026. - 159 tr. : minh họa ; 24 cm. - 145000đ. - 200b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh. - Thư mục: tr. 158-159 s637519

1769. Khoa học tự nhiên 6 / Vũ Văn Hùng (tổng ch.b.), Đinh Đoàn Long, Lê Kim Long (ch.b.)... - Tái bản lần thứ 5. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 195 tr. : minh họa ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 24800đ. - 133800b

Đầu bìa sách ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo s639445

1770. Khoa học tự nhiên 7 / Vũ Văn Hùng (tổng ch.b.), Mai Văn Hưng, Lê Kim Long (ch.b.)... - Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 180 tr. : minh họa ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 22900đ. - 148200b

Đầu bìa sách ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo s639446

1771. Khoa học tự nhiên 8 / Vũ Văn Hùng (tổng ch.b.), Mai Văn Hưng, Lê Kim Long (ch.b.)... - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 196 tr. : minh họa ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 25000đ. - 123400b

Đầu bìa sách ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo s639447

1772. Khoa học tự nhiên 9 / Vũ Văn Hùng (tổng ch.b.), Nguyễn Văn Biên, Lê Trọng Huyền (ch.b.)... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 227 tr. : minh họa ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 27500đ. - 113500b

Đầu bìa sách ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo s639448

1773. Marie Curie : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 6+ / Tranh, lời: Neung In Publishing Company ; Nguyễn Kim Dung dịch. - Tái bản lần thứ 21. - H. : Kim Đồng, 2026. - 159 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - (Danh nhân thế giới. Chuyện kể về 10 nhân vật EQ). - 30000đ. - 10000b

Tên sách tiếng Anh: EQ Biography series - Marie Curie s637760

1774. Marie Curie - Nhà bác học nữ duy nhất giành 2 giải Nobel : Truyện tranh về 10 danh nhân nổi tiếng thế giới. - H. : Văn học, 2026. - 32 tr. : tranh màu ; 23 cm. - (Những thiên tài làm thay đổi thế giới). - 45000đ. - 3000b s640279

1775. Nâng cao và phát triển Khoa học tự nhiên 8 / Lê Trọng Huyền, Vũ Thị Minh Tuyền. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - 33000đ. - 2000b

T.1. - 2026. - 84 tr. : hình vẽ, bảng s639810

1776. Rasmus Hoài Nam. Giai thoại về các thiên tài : Hành trình khám phá tài năng / Rasmus Hoài Nam b.s. - Tái bản lần thứ 3. - H. : Văn học, 2026. - 163 tr. : ảnh ; 21 cm. - 65000đ. - 1000b s640376

1777. Sổ tay Trọng tâm kiến thức Khoa học tự nhiên 6 / Mai Thị Phương (ch.b.), Trần Hoàng Dương, Nguyễn Thị Hà... - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 60 tr. : hình vẽ, bảng ; 21 cm. - 80000đ. - 3000b s639799

1778. Sổ tay Trọng tâm kiến thức Khoa học tự nhiên 7 / Mai Thị Phương (ch.b.), Trần Hoàng Dương, Nguyễn Thị Hà... - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 60 tr. : hình vẽ, bảng ; 21 cm. - 80000đ. - 3000b s639800

1779. Sổ tay Trọng tâm kiến thức Khoa học tự nhiên 8 / Mai Thị Phương (ch.b.), Trần Hoàng Dương, Nguyễn Thị Hà... - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 72 tr. : hình vẽ, bảng ; 21 cm. - 99000đ. - 3000b s639801

1780. Sổ tay Trọng tâm kiến thức Khoa học tự nhiên 9 / Mai Thị Phương (ch.b.), Trần Hoàng Dương, Nguyễn Thị Hà... - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 72 tr. : hình vẽ, bảng ; 21 cm. - 95000đ. - 3000b s639802

1781. Stabler, David. Thời thơ ấu của các nhà khoa học tài danh : Chuyện thật chưa kể : Dành cho lứa tuổi 7+ / David Stabler ; Minh họa: Anoosha Syed ; Lâm Hương dịch. - Tái bản lần thứ 3. - H. : Kim Đồng, 2026. - 207 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - 50000đ. - 2000b s637707

1782. Tomáš Tuma. Atlas lật mở tương tác cho trẻ em - Thế giới vận hành : Dành cho trẻ 7 - 14 tuổi / Lời, tranh: Tomáš Tuma ; Nguyễn Đức Toàn dịch. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 32 tr. : minh họa ; 26 cm. - 186000đ. - 3000b s639955

1783. Tôn Tịnh. Thí nghiệm khoa học / Tôn Tịnh ; Snow dịch. - H. : Dân trí, 2026. - 64 tr. : tranh vẽ ; 26 cm. - (Bách khoa toàn thư vui nhộn). - 98000đ. - 5000b s640101

1784. Vở thực hành Khoa học tự nhiên 6 / Vũ Văn Hùng (ch.b.), Nguyễn Đức Hiệp, Nguyễn Thùy Linh, Lê Kim Long. - Tái bản lần thứ 5. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 25000đ. - 10000b

T.1. - 2026. - 60 tr. : minh họa s639452

1785. Vở thực hành Khoa học tự nhiên 6 / Vũ Văn Hùng (ch.b.), Nguyễn Đức Hiệp, Trần Thị Thanh Huyền... - Tái bản lần thứ 5. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 28000đ. - 10000b

T.2. - 2026. - 72 tr. : minh họa s639453

1786. Vở thực hành Khoa học tự nhiên 8 / Vũ Văn Hùng (ch.b.), Nguyễn Văn Biên, Nguyễn Thu Hà... - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 28000đ. - 10000b

T.1. - 2026. - 64 tr. : minh họa s639454

1787. Vở thực hành Khoa học tự nhiên 8 : Sách học sinh / Vũ Văn Hùng (ch.b.), Nguyễn Văn Biên, Nguyễn Thùy Linh... - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 33000đ. - 10000b

T.2. - 2026. - 80 tr. : minh họa s639455

TOÁN HỌC

1788. Bài tập phát triển năng lực Toán 6 : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới / Ngô Hoàng Long (ch.b.), Trần Cường, Phạm Anh Minh... - H. : Đại học Sư phạm. - 24 cm. - 32000đ. - 2000b

T.1. - 2026. - 82 tr. : hình vẽ, bảng s638533

1789. Bài tập phát triển năng lực Toán 6 : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới / Ngô Hoàng Long (ch.b.), Trần Cường, Phạm Anh Minh... - H. : Đại học Sư phạm. - 24 cm. - 32000đ. - 2000b

T.2. - 2026. - 99 tr. : hình vẽ, bảng s638534

1790. Bài tập phát triển năng lực Toán 7 : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới / Ngô Hoàng Long (ch.b.), Trần Cường, Phạm Anh Minh... - H. : Đại học Sư phạm. - 24 cm. - 40000đ. - 1000b

T.2. - 2026. - 131 tr. : minh họa s638536

1791. Bài tập phát triển năng lực Toán 9 : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới / Ngô Hoàng Long (ch.b.), Trần Cường, Phạm Anh Minh... - H. : Đại học Sư phạm. - 24 cm. - 48000đ. - 1000b

T.1. - 2026. - 155 tr. : hình vẽ, bảng s640798

1792. Bài tập phát triển năng lực Toán 9 : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới / Ngô Hoàng Long (ch.b.), Trần Cường, Phạm Anh Minh... - H. : Đại học Sư phạm. - 24 cm. - 45000đ. - 1000b

T.2. - 2026. - 144 tr. : hình vẽ, bảng s640799

1793. Bài tập Toán 6 / Nguyễn Huy Đoan (ch.b.), Nguyễn Cao Cường, Doãn Minh Cường... - Tái bản lần thứ 5. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 20000đ. - 132500b

T.2. - 2026. - 140 tr. : minh họa s639834

1794. Bài tập Toán 6 - Ôn luyện thông minh / Cung Thế Anh (ch.b.), Trần Phương Dung, Nguyễn Thị Ngân... - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - 27000đ. - 30000b

T.1. - 2026. - 136 tr. : minh họa s639093

1795. Bài tập Toán 6 - Ôn luyện thông minh / Cung Thế Anh (ch.b.), Trần Phương Dung, Nguyễn Thị Ngân... - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - 27000đ. - 30000b

T.2. - 2026. - 127 tr. : minh họa s639094

1796. Bài tập Toán 7 / Nguyễn Huy Đoan (ch.b.), Cung Thế Anh, Nguyễn Cao Cường...
- Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 19000đ. - 73400b
T.1. - 2026. - 136 tr. : minh họa s639835
1797. Bài tập Toán 7 / Nguyễn Huy Đoan (ch.b.), Cung Thế Anh, Nguyễn Cao Cường...
- H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 15000đ. - 66500b
T.2. - 2026. - 104 tr. : hình vẽ, bảng s639870
1798. Bài tập Toán 7 - Ôn luyện thông minh / Cung Thế Anh (ch.b.), Trần Phương Dung, Bùi Kim My... - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - 27000đ. - 30000b
T.1. - 2026. - 140 tr. : minh họa s639095
1799. Bài tập Toán 7 - Ôn luyện thông minh / Cung Thế Anh (ch.b.), Trần Phương Dung, Bùi Kim My... - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - 27000đ. - 30000b
T.2. - 2026. - 131 tr. : hình vẽ, bảng s639096
1800. Bài tập Toán 8 / Cung Thế Anh, Nguyễn Huy Đoan (ch.b.), Nguyễn Cao Cường...
- Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 17000đ. - 70600b
T.1. - 2026. - 112 tr. : minh họa s639836
1801. Bài tập Toán 8 / Cung Thế Anh, Nguyễn Huy Đoan (ch.b.), Nguyễn Cao Cường...
- Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 21000đ. - 60900b
T.2. - 2026. - 140 tr. : minh họa s639871
1802. Bài tập Toán 8 - Ôn luyện thông minh / Cung Thế Anh (ch.b.), Trần Phương Dung, Bùi Kim My... - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - 28000đ. - 30000b
T.1. - 2026. - 139 tr. : minh họa s639097
1803. Bài tập Toán 8 - Ôn luyện thông minh / Cung Thế Anh (ch.b.), Trần Phương Dung, Bùi Kim My... - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - 28000đ. - 30000b
T.2. - 2026. - 144 tr. : hình vẽ, bảng s639098
1804. Bài tập Toán 9 / Cung Thế Anh, Nguyễn Huy Đoan (ch.b.), Nguyễn Cao Cường...
- Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 19000đ. - 160000b
T.2. - 2026. - 144 tr. : hình vẽ, bảng s639837
1805. Bài tập Toán 9 / Cung Thế Anh, Nguyễn Huy Đoan (ch.b.), Nguyễn Cao Cường...
- Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 19000đ. - 54000b
T.2. - 2026. - 144 tr. : hình vẽ, bảng s639838
1806. Bài tập Toán 9 - Ôn luyện thông minh / Cung Thế Anh (ch.b.), Trần Phương Dung, Nguyễn Thị Hương... - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - 28000đ. - 30000b
T.1. - 2026. - 164 tr. : hình vẽ, bảng s639099
1807. Bài tập Toán 9 - Ôn luyện thông minh / Cung Thế Anh (ch.b.), Trần Phương Dung, Nguyễn Thị Hương... - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - 28000đ. - 30000b
T.2. - 2026. - 163 tr. : minh họa s639100
1808. Bài tập Toán 10 / Cung Thế Anh, Trần Văn Tấn, Đặng Hùng Thắng (ch.b.)... - Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 18000đ. - 34800b
T.1. - 2026. - 127 tr. : hình vẽ, bảng s639839

1809. Bài tập Toán 10 / Cung Thế Anh, Trần Văn Tấn, Đặng Hùng Thắng (ch.b.)... - Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 19000đ. - 36800b

T.2. - 2026. - 140 tr. : hình vẽ, bảng s639840

1810. Bài tập Toán 10 - Ôn luyện thông minh / Cung Thế Anh (ch.b.), Nguyễn Thành Anh, Nguyễn Thị Hường... - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - 29000đ. - 30000b

T.1. - 2026. - 135 tr. : hình vẽ, bảng s639101

1811. Bài tập Toán 10 - Ôn luyện thông minh / Cung Thế Anh (ch.b.), Nguyễn Thành Anh, Nguyễn Thị Hường... - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - 29000đ. - 30000b

T.2. - 2026. - 131 tr. : hình vẽ, bảng s639102

1812. Bài tập Toán 11 / Cung Thế Anh, Trần Văn Tấn, Đặng Hùng Thắng (ch.b.)... - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 22000đ. - 10000b

T.1. - 2026. - 152 tr. : hình vẽ, bảng s639841

1813. Bài tập Toán 11 - Ôn luyện thông minh / Cung Thế Anh (ch.b.), Nguyễn Thành Anh, Nguyễn Thị Hường... - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - 29000đ. - 30000b

T.1. - 2026. - 156 tr. : hình vẽ, bảng s639103

1814. Bài tập Toán 11 - Ôn luyện thông minh / Cung Thế Anh (ch.b.), Nguyễn Thành Anh, Nguyễn Thị Hường... - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - 29000đ. - 30000b

T.2. - 2026. - 144 tr. : hình vẽ, bảng s639104

1815. Bài tập Toán 12 - Ôn luyện thông minh / Cung Thế Anh (ch.b.), Nguyễn Thị Hường, Đỗ Lâm, Trần Quốc Tuấn. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - 29000đ. - 15000b

T.1. - 2026. - 164 tr. : hình vẽ, bảng s639105

1816. Bài tập Toán 12 - Ôn luyện thông minh / Cung Thế Anh (ch.b.), Nguyễn Thị Hường, Đỗ Lâm, Trần Quốc Tuấn. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - 29000đ. - 15000b

T.2. - 2026. - 160 tr. : hình vẽ, bảng s639106

1817. Bồi dưỡng năng lực tự học Toán 6 : Biên soạn theo chương trình, sách giáo khoa mới / Đặng Đức Trọng, Nguyễn Đức Tấn (ch.b.), Phạm Lê Quốc Thắng... - Tái bản lần 7. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2026. - 200 tr. : minh họa ; 27 cm. - 89000đ. - 3000b s637574

1818. Các bài toán xác suất nâng cao về đường đi ngẫu nhiên dành cho học sinh chuyên Toán THCS : Song ngữ Việt - Anh = Advanced probability problems on random paths for gifted secondary school Mathematics students : Bilingual Vietnamese - English / Lương Duy Nhật Minh, Phạm Đức Minh, Nguyễn Hoàng Bảo Ngân... - Phiên bản thứ 2. - Huế : Nxb. Thuận Hóa, 2026. - 425 tr. : hình vẽ, bảng ; 25 cm. - 368000đ. - 200b

Thư mục: tr. 421-424 s637496

1819. Các dạng toán và phương pháp giải Toán 6 : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 / Tôn Thân (ch.b.), Huỳnh Ngọc Thanh, Nguyễn Vũ Thanh, Nguyễn Thành Khoa. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - 60000đ. - 3000b

T.1. - 2026. - 204 tr. : minh họa s639038

1820. Các dạng toán và phương pháp giải Toán 7 : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 / Tôn Thân (ch.b.), Huỳnh Ngọc Thanh, Đặng Thị Thu Huệ... - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - 65000đ. - 3000b

T.1. - 2026. - 199 tr. : hình vẽ, bảng s639039

1821. Các dạng toán và phương pháp giải Toán 9 : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 / Tôn Thân (ch.b.), Huỳnh Ngọc Thanh, Đặng Thị Thu Huệ... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - 68000đ. - 3000b
T.2. - 2026. - 187 tr. : minh họa s639040
1822. Chuyên đề học tập Toán 10 / Hà Huy Khoái (tổng ch.b.), Cung Thế Anh, Trần Văn Tấn (ch.b.)... - Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 63 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 7600đ. - 258900b s639051
1823. Chuyên đề học tập Toán 11 / Hà Huy Khoái (tổng ch.b.), Cung Thế Anh, Trần Văn Tấn (ch.b.)... - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 83 tr. : minh họa ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 9900đ. - 192800b s639052
1824. Chuyên đề học tập Toán 12 / Hà Huy Khoái (tổng ch.b.), Cung Thế Anh, Đặng Hùng Thắng (ch.b.)... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 72 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 8800đ. - 107100b s639053
1825. Đặng Hùng Thắng. Mở đầu về lý thuyết xác suất và các ứng dụng : Giáo trình dùng cho các trường đại học và cao đẳng / Đặng Hùng Thắng. - Tái bản lần thứ 13. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 219 tr. : hình vẽ, bảng ; 21 cm. - 50000đ. - 1000b
Phụ lục: tr. 192-215. - Thư mục: tr. 216 s639831
1826. Đề học tốt Toán 6 / Doãn Minh Cường (ch.b.), Nguyễn Cao Cường, Bùi Thanh Liêm... - Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 45000đ. - 5000b
T.1. - 2026. - 108 tr. : hình vẽ, bảng s639044
1827. Đề học tốt Toán 9 / Doãn Minh Cường (ch.b.), Nguyễn Cao Cường, Bùi Thanh Liêm... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 51000đ. - 3000b
T.1. - 2026. - 124 tr. : hình vẽ, bảng s639045
1828. Giải mã bài tập môn Toán, Anh lớp 7 : Định hướng nội dung chuẩn Chương trình SGK mới... / Ngô Thị Thu Hằng, Đặng Thị Phương Thảo, Nguyễn Minh Phương. - H. : Dân trí, 2026. - 195 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 125000đ. - 30000b s640088
1829. Giải mã phần thi toán học & xử lý số liệu : Theo định hướng của kì thi ĐGNL Quân đội (QDA) / Nguyễn Chí Tâm. - H. : Tri thức, 2026. - 111 tr. : minh họa ; 27 cm. - 250000đ. - 2000b s637546
1830. Giải tích II: Hàm số nhiều biến số : Bài giảng dành cho sinh viên các ngành Kỹ thuật / Trần Thị Kim Oanh, Phan Xuân Thành, Lê Chí Ngọc, Nguyễn Thị Thu Hương. - H. : Bách khoa Hà Nội, 2026. - 115 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - 40000đ. - 1000b
ĐTTS ghi: Đại học Bách khoa Hà Nội. Khoa Toán - Tin. - Thư mục: tr. 115 s638492
1831. Giáo trình Đại số tuyến tính / Nguyễn Đăng Hoa Nghiêm, Trần Thị Hồng Nga, Cao Thị Bé Oanh, Nguyễn Phan Tú. - H. : Bách khoa Hà Nội, 2026. - 199 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 68000đ. - 1000b
ĐTTS ghi: Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ. - Thư mục: tr. 199 s638491
1832. Giúp bé phát triển tiềm năng Toán học : 3 tuổi / MiLoKids b.s. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 67 tr. : bảng, tranh màu ; 29 cm. - 45000đ. - 3000b s638738
1833. Hướng dẫn học và giải các dạng bài tập Toán 6 : Biên soạn theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới / Trịnh Văn Bằng. - H. : Đại học Sư phạm. - 24 cm. - 65000đ. - 1000b
T.1. - 2026. - 136 tr. : hình vẽ, bảng s640802

1834. Hướng dẫn ôn luyện thi vào lớp 10 môn Toán : Theo định hướng phát triển năng lực / Trần Xuân Hùng (ch.b.), Phạm Xuân Bình, Trần Đình Cư... - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 200 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 70000đ. - 1000b s639778

1835. Hướng dẫn ôn tập và làm bài thi vào lớp 10 môn Toán : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 / Vũ Thị Liên Hương (ch.b.), Trần Ngọc Duy, Phạm Việt Huy... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 196 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 59000đ. - 6300b s639781

1836. Hướng dẫn ôn thi tốt nghiệp Trung học phổ thông môn Toán : Biên soạn theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 / Phạm Đức Tài (ch.b.), Nguyễn Thành Anh, Nguyễn Ngọc Hải... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 224 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 98000đ. - 3000b s639529

1837. Hướng dẫn ôn thi tốt nghiệp Trung học phổ thông môn Toán năm học 2025 - 2026 / Cung Thế Anh (ch.b.), Vũ Thị Ngọc Huyền, Đỗ Lâm... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 220 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 100000đ. - 4000b s639535

1838. Hướng dẫn ôn thi tốt nghiệp Trung học phổ thông môn Toán năm học 2025 - 2026 / Trần Văn Tấn (ch.b.), Nguyễn Đạt Đăng, Phạm Anh Minh... - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 259 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 85000đ. - 5000b s639528

1839. Hướng dẫn ôn thi vào lớp 10 môn Toán / Lương Ngọc Tiến, Phạm Sỹ Nam (ch.b.), Nghiêm Xuân Lực... - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 200 tr. : minh họa ; 27 cm. - 70000đ. - 5000b s638661

1840. Hướng dẫn ôn thi vào lớp 10 môn Toán : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 / Lê Anh Vinh (ch.b.), Phạm Hồng Diệp, Lê Đức Hải... - Tái bản lần thứ 1, có chỉnh lý, bổ sung. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 164 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 50000đ. - 10000b s639521

1841. Hướng dẫn ôn thi vào lớp 10 môn Toán : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 / Trần Mạnh Tường (ch.b.), Phạm Văn Vượng, Trần Văn Lực... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 171 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 60000đ. - 2500b s639048

1842. Hướng dẫn ôn thi vào lớp 10 môn Toán theo định hướng phát triển năng lực / Huỳnh Ngọc Thanh, Trần Quốc Tú, Lưu Hồng Phong... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 224 tr. : minh họa ; 27 cm. - 75000đ. - 12000b s639524

1843. Kỹ thuật giải nhanh bài toán hay & khó: Giải tích 12 : Bồi dưỡng học sinh giỏi, chuyên Toán. Luyện thi THPT Quốc gia / Nguyễn Duy Hiếu. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2026. - 583 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 248000đ. - 1500b s640773

1844. Kiến thức trọng tâm môn Toán trung học cơ sở / Lê Phong Phú (ch.b.), Nguyễn Hữu Nghĩa, Nguyễn Văn Ngự... - Tái bản lần thứ 1, có chỉnh lý bổ sung. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 144 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 49000đ. - 7000b s639786

1845. Làm thế nào để đo các hình? : Một cuốn sách về hình học : Dành cho thiếu nhi / Lời: Madeline J. Hayes, Lucy D. Hayes ; Tranh: Srimalie Bassani ; Trang Rose dịch. - H. : Kim Đồng, 2026. - 32 tr. : tranh màu ; 21 cm. - 35000đ. - 2000b s637864

1846. Nâng cao và phát triển Toán 8 theo chuyên đề : Chuyên đề Toán nâng cao theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới. Bồi dưỡng học sinh giỏi Toán 8 / Lương Đức Trọng, Nguyễn Thanh Vân. - H. : Đại học Sư phạm, 2026. - 194 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 145000đ. - 3000b s638699

1847. Nâng cao và phát triển Toán 9 theo chuyên đề : Chuyên đề Toán nâng cao theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới. Bồi dưỡng học sinh giỏi Toán 9 / Lương Đức Trọng,

Nguyễn Thanh Vân. - H. : Đại học Sư phạm, 2026. - 259 tr. : minh họa ; 27 cm. - 175000đ. - 30000b s638700

1848. Nền tảng Toán 8 / Hà Quang Hưng, Bùi Đức Thịnh, Chu Đình Mong... - H. : Dân trí, 2026. - 447 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - (Sách ID - Một cuộc cách mạng Sách). - 200000đ. - 30000b s640106

1849. Nền tảng Toán 11 / Lê Văn Tuấn, Nguyễn Thế Duy, Bùi Quyết Tiến, Vũ Khánh Linh. - H. : Dân trí, 2026. - 415 tr. : minh họa ; 27 cm. - (Sách ID - Một cuộc cách mạng Sách). - 200000đ. - 30000b s640105

1850. Nền tảng Toán học / Lê Văn Tuấn, Nguyễn Thế Duy, Phạm Nhật Huy. - H. : Dân trí, 2026. - 394 tr. : minh họa ; 27 cm. - (Sách ID - Một cuộc cách mạng Sách). - 200000đ. - 50000b s640104

1851. Nguyễn Thị Thu Hà. Giáo trình Toán cao cấp 2 / Nguyễn Thị Thu Hà (ch.b.), Đoàn Vương Nguyên, Nguyễn Đức Phương. - Tái bản lần 2. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Công nghiệp Tp. Hồ Chí Minh, 2026. - 221 tr. ; 24 cm. - 55000đ. - 5000b
Thư mục cuối chính văn s640036

1852. Nguyễn Văn Khuê. Giáo trình Giải tích hàm / Nguyễn Văn Khuê, Lê Mậu Hải. - H. : Đại học Sư phạm, 2026. - 155 tr. ; 24 cm. - 70000đ. - 500b
Thư mục: tr. 155 s637483

1853. Ôn luyện cơ bản và nâng cao Toán 6 : Biên soạn theo Chương trình GDPT mới. Bám sát SGK Kết nối tri thức với cuộc sống / Nguyễn Thị Tuyền, Ngô Thị Hà, Đỗ Anh Thư. - Tái bản lần 3. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 27 cm. - 80000đ. - 1000b
T.1. - 2026. - 171 tr. : minh họa s638839

1854. Ôn luyện cơ bản và nâng cao Toán 7 : Biên soạn theo Chương trình GDPT mới. Bám sát SGK Kết nối tri thức với cuộc sống / Nguyễn Thị Tuyền, Ngô Thị Hà, Đỗ Anh Thư, Trần Thủy Trúc. - Tái bản lần 3. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 27 cm. - 80000đ. - 1000b
T.1. - 2026. - 159 tr. : minh họa s638840

1855. Ôn luyện cơ bản và nâng cao Toán 7 / Nguyễn Thị Tuyền, Đỗ Anh Thư, Trần Thủy Trúc, Phạm Thị Huyền Trang. - Tái bản lần 3. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 27 cm. - 80000đ. - 2000b
T.2. - 2026. - 153 tr. : minh họa s638841

1856. Ôn luyện cơ bản và nâng cao Toán 8 : Biên soạn theo Chương trình GDPT mới. Bám sát SGK Kết nối tri thức với cuộc sống / Nguyễn Thị Tuyền, Ngô Thị Hà, Phạm Thị Huyền Trang, Đinh Thị Mỹ Bình. - Tái bản lần 3. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 27 cm. - 80000đ. - 1000b
T.1. - 2026. - 175 tr. : minh họa s638842

1857. Ôn tập thi vào lớp 10 môn Toán / Nguyễn Văn Lựu (ch.b.), Đỗ Văn Hoàn, Mai Thị Ngọc, Phạm Thị Thủy. - Tái bản lần thứ 2, có chỉnh lí, bổ sung. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 176 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 39000đ. - 20000b s639773

1858. Ôn tập thi vào lớp 10 môn Toán năm học 2026 - 2027 : Theo Chương trình GDPT 2018 / Lê Đại Hải, Đinh Hữu Lâm, Tạ Hữu Phơ, Bùi Mạnh Tùng. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 144 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 45000đ. - 25000b s639775

1859. Ôn tập, kiểm tra Toán 10 : Theo cấu trúc, định dạng đề thi mới / Hoa Ánh Tường, Huỳnh Phát Lợi (ch.b.), Vũ Đức Hiếu... - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 224 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 79000đ. - 2000b s639842

1860. Ôn tập, kiểm tra Toán 11 : Theo cấu trúc, định dạng đề thi mới / Hoa Ánh Tường, Huỳnh Phát Lợi (ch.b.), Vũ Đức Hiếu... - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 224 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 79000đ. - 2000b s639843

1861. Ôn thi vào lớp 10 môn Toán năm học 2026 - 2027 / Trần Văn Tấn (ch.b.), Nguyễn Tiến Dũng, Phạm Anh Minh... - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 227 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 69000đ. - 30000b s638668

1862. Phân loại và giải chi tiết các dạng bài tập Toán 6 : Biên soạn theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới / Phạm Hoàng, Phan Hoàng Ngân. - H. : Đại học Sư phạm. - 24 cm. - 125000đ. - 1500b

T.2. - 2026. - 271 tr. : hình vẽ, bảng s638280

1863. Phương pháp tư duy tìm cách giải toán Hình học 7 : Biên soạn theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới : Dùng chung cho các bộ SGK hiện hành / Nguyễn Toàn Anh. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2026. - 304 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 138000đ. - 1500b s638577

1864. Rèn kĩ năng học tốt Toán 6 : Hỗ trợ phát triển năng lực giải Toán / Nguyễn Đức Tấn (ch.b.), Nguyễn Thị Kim Yến Chi, Tạ Hoàng Đồng. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 231 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 90000đ. - 3000b s638734

1865. Rèn kĩ năng học tốt Toán 7 : Hỗ trợ phát triển năng lực giải Toán / Nguyễn Đức Tấn (ch.b.), Nguyễn Thị Kim Yến Chi, Tạ Hoàng Đồng. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 207 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 85000đ. - 3000b s638735

1866. 63 đề ôn thi vào lớp 10 môn Toán : Biên soạn theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới 2018 và cấu trúc đề thi của Sở Giáo dục và Đào tạo Thanh Hóa / Trần Mạnh Tường (ch.b.), Cao Thế Anh, Lê Trí Dũng... - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 236 tr. : hình vẽ, bảng ; 30 cm. - 139000đ. - 10700b s638659

1867. Singh, Simon. Định lý cuối cùng của Fermat = Fermat's enigma : Hành trình đi tìm lời giải cho bài toán khó bậc nhất trong lịch sử / Simon Singh ; Dịch: Phạm Văn Thiều, Phạm Việt Hưng. - In lần thứ 9. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2026. - 399 tr. : hình vẽ, ảnh ; 21 cm. - (Khoa học khám phá). - 140000đ. - 1000b

Phụ lục: tr. 388-399 s640870

1868. Sổ tay Trọng tâm kiến thức Toán 6 / Lê Anh Vinh (ch.b.), Đặng Thị Thu Huệ, Vũ Văn Luân... - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 72 tr. : hình vẽ, bảng ; 21 cm. - 82000đ. - 5000b s639791

1869. Sổ tay Trọng tâm kiến thức Toán 7 / Lê Anh Vinh (ch.b.), Đặng Thị Thu Huệ, Vũ Văn Luân... - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 56 tr. : hình vẽ, bảng ; 21 cm. - 65000đ. - 5000b s639792

1870. Sổ tay Trọng tâm kiến thức Toán 8 / Lê Anh Vinh (ch.b.), Đặng Thị Thu Huệ, Vũ Văn Luân... - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 60 tr. : hình vẽ, bảng ; 21 cm. - 69000đ. - 5000b s639793

1871. Sổ tay Trọng tâm kiến thức Toán 9 / Lê Anh Vinh (ch.b.), Đặng Thị Thu Huệ, Vũ Văn Luân... - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 48 tr. : hình vẽ, bảng ; 21 cm. - 56000đ. - 5000b s639794

1872. Sổ tay Trọng tâm kiến thức Toán 10 / Lê Anh Vinh (ch.b.), Đặng Thị Thu Huệ, Vũ Văn Luân... - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 76 tr. : hình vẽ, bảng ; 21 cm. - 43000đ. - 3000b s639758

1873. Sổ tay Trọng tâm kiến thức Toán 11 / Lê Anh Vinh (ch.b.), Đặng Thị Thu Huệ, Vũ Văn Luân... - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 88 tr. : hình vẽ, bảng ; 21 cm. - 49000đ. - 3000b s639759

1874. Sổ tay Trọng tâm kiến thức Toán 12 / Lê Anh Vinh (ch.b.), Đặng Thị Thu Huệ, Vũ Văn Luân... - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 52 tr. : hình vẽ, bảng ; 21 cm. - 31000đ. - 3000b s639760

1875. Tạ Quang Bửu - Người đặt nền móng cho các ngành Khoa học tự nhiên : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 7+ / Lời: Nguyễn Như Mai ; Tranh: Nguyễn Hoàng Tấn. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Kim Đồng, 2026. - 31 tr. : tranh màu ; 21 cm. - (Danh nhân khoa học Việt Nam). - 30000đ. - 2000b s637725

1876. Take note! Toán 6 : Biên soạn theo Chương trình Sách giáo khoa Kết nối tri thức với cuộc sống / Mai Quỳnh (ch.b.), Thanh Lan. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 60 tr. : minh họa ; 21 cm. - 68000đ. - 10000b s638364

1877. Take notes Toán 12 : Biên soạn theo Chương trình Sách giáo khoa mới / Minh Quang b.s. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 92 tr. : hình vẽ, bảng ; 21 cm. - 60000đ. - 3000b s638330

1878. The Gamma. Một góc nhìn xa hơn về tập hợp : Tiếp cận mở rộng và phi chuẩn / The Gamma. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, 2026. - 802 tr. ; 27 cm. - 999000đ. - 1000b

Thư mục: tr. 793-802 s637647

1879. Thư viện hình ảnh đầu tiên - Hình dạng và vật dụng : Song ngữ Anh - Việt. - H. : Văn học, 2025. - 19 tr. : hình vẽ ; 13 cm. - 50000đ. - 20000b s640613

1880. Thư viện hình ảnh đầu tiên - Số đếm và rau củ quả : Song ngữ Anh - Việt. - H. : Văn học, 2025. - 19 tr. : hình vẽ ; 13 cm. - 50000đ. - 20000b s640618

1881. Toán 6 / Hà Huy Khoái (tổng ch.b.), Nguyễn Huy Đoan (ch.b.), Nguyễn Cao Cường... - Tái bản lần thứ 5. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 15900đ. - 250100b

Đầu bìa sách ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo

T.1. - 2026. - 123 tr. : minh họa s639134

1882. Toán 6 / Hà Huy Khoái (tổng ch.b.), Nguyễn Huy Đoan (ch.b.), Nguyễn Cao Cường... - Tái bản lần thứ 5. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 14400đ. - 248300b

Đầu bìa sách ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo

T.2. - 2026. - 111 tr. : minh họa s639135

1883. Toán 6 - Các bài toán thực tế / Huỳnh Ngọc Thanh (ch.b.), Tô Thị Vân Anh, Nguyễn Trí Dũng... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 96 tr. : minh họa ; 24 cm. - 40000đ. - 2000b s639844

1884. Toán 7 / Hà Huy Khoái (tổng ch.b.), Nguyễn Huy Đoan (ch.b.), Cung Thế Anh... - Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - 15400đ. - 207100b

ĐTTS ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo

T.1. - 2026. - 120 tr. : minh họa s639136

1885. Toán 7 / Hà Huy Khoái (tổng ch.b.), Nguyễn Huy Đoan (ch.b.), Cung Thế Anh... - Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - 14900đ. - 204000b

ĐTTS ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo

T.2. - 2026. - 116 tr. : minh họa s639137

1886. Toán 7 - Các bài toán thực tế / Huỳnh Ngọc Thanh (ch.b.), Tô Thị Vân Anh, Nguyễn Trí Dũng... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 91 tr. : minh họa ; 24 cm. - 40000đ. - 2000b s639845

1887. Toán 8 / Hà Huy Khoái (tổng ch.b.), Cung Thế Anh, Nguyễn Huy Đoan (ch.b.)... - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - 16000đ. - 173700b

ĐTTS ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo

T.1. - 2026. - 124 tr. : minh họa s639138

1888. Toán 8 / Hà Huy Khoái (tổng ch.b.), Cung Thế Anh, Nguyễn Huy Đoan (ch.b.)... - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - 17900đ. - 171500b

ĐTTS ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo

T.2. - 2026. - 139 tr. : minh họa s639139

1889. Toán 8 - Các bài toán thực tế / Huỳnh Ngọc Thanh (ch.b.), Tô Thị Vân Anh, Nguyễn Thị Tuyết Hạnh... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 95 tr. : minh họa ; 24 cm. - 45000đ. - 2000b s639846

1890. Toán 9 / Hà Huy Khoái (tổng ch.b.), Cung Thế Anh, Nguyễn Huy Đoan (ch.b.)... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - 15500đ. - 176100b

ĐTTS ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo

T.1. - 2026. - 120 tr. : minh họa s639140

1891. Toán 9 / Hà Huy Khoái (tổng ch.b.), Cung Thế Anh, Nguyễn Huy Đoan (ch.b.)... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - 17000đ. - 170400b

ĐTTS ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo

T.2. - 2026. - 131 tr. : minh họa s639141

1892. Toán 9 - Các bài toán thực tế / Huỳnh Ngọc Thanh (ch.b.), Tô Thị Vân Anh, Nguyễn Thị Tuyết Hạnh... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 108 tr. : minh họa ; 24 cm. - 45000đ. - 2000b s639847

1893. Toán 10 / Hà Huy Khoái (tổng ch.b.), Cung Thế Anh, Trần Văn Tấn (ch.b.)... - Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - 12800đ. - 184200b

ĐTTS ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo

T.1. - 2026. - 103 tr. : minh họa s639142

1894. Toán 11 / Hà Huy Khoái (tổng ch.b.), Cung Thế Anh, Trần Văn Tấn (ch.b.)... - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - 16200đ. - 143600b

ĐTTS ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo

T.1. - 2026. - 131 tr. : minh họa s639143

1895. Toán 12 / Hà Huy Khoái (tổng ch.b.), Cung Thế Anh, Trần Văn Tấn (ch.b.)... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - 12500đ. - 249300b

ĐTTS ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo

T.1. - 2026. - 100 tr. : minh họa s639144

1896. Toán 12 / Hà Huy Khoái (tổng ch.b.), Cung Thế Anh, Trần Văn Tấn (ch.b.)... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - 11700đ. - 250400b

ĐTTS ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo

T.2. - 2026. - 95 tr. : minh họa s639145

1897. Toán thông minh và phát triển lớp 8 / Ngô Long Hậu, Hoàng Mạnh Hà, Lều Mai Hiên. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2026. - 172 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 79000đ. - 1500b s638508

1898. Toán tư duy : Dành cho trẻ em 3 - 4 tuổi / Thanh Hương. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 112 tr. : hình vẽ ; 27 cm. - (Trò chơi Toán học. Học mà chơi, chơi mà học). - 98000đ. - 5000b s638766

1899. Toán tư duy - Giúp con giỏi Toán : Dành cho trẻ em 5 - 7 tuổi / Thanh Hương b.s. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 128 tr. : minh họa ; 30 cm. - 110000đ. - 5000b s638722

1900. Trọng điểm kiến thức lớp 10 - Môn Toán : Định hướng nội dung chuẩn Chương trình SGK mới... / Lê Đức Thiệu, Nguyễn Thị Linh Trang. - H. : Dân trí, 2026. - 183 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - 180000đ. - 10000b s640090

1901. Tự học - Nâng cao kiến thức Toán 7 : Cơ bản - nâng cao - ôn tập - tự luận và trắc nghiệm / Lê Hồng Đức (ch.b.), Đỗ Hoàng Hà, Lê Hoàng Nam... - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 311 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 130000đ. - 3000b s638730

1902. Tự học - Nâng cao kiến thức Toán 8 : Cơ bản - nâng cao - ôn tập - tự luận và trắc nghiệm / Lê Hồng Đức (ch.b.), Đỗ Hoàng Hà, Lê Hoàng Nam... - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 423 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 155000đ. - 3000b s638731

1903. Võ Thị Thanh Hà. Giáo trình Toán cao cấp 1 / Võ Thị Thanh Hà (ch.b.), Lê Văn Lai. - Tái bản lần 2. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Công nghiệp Tp. Hồ Chí Minh, 2026. - 236 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 60000đ. - 5000b

Thư mục cuối chính văn s640045

1904. Vở thực hành Toán 7 / Nguyễn Huy Đoan (ch.b.), Nguyễn Cao Cường, Trần Mạnh Cường... - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 39000đ. - 10000b

T.1. - 2026. - 100 tr. : minh họa s639109

1905. Vở thực hành Toán 8 / Nguyễn Huy Đoan (ch.b.), Nguyễn Cao Cường, Trần Mạnh Cường... - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 42000đ. - 10000b

T.1. - 2026. - 104 tr. : minh họa s639072

1906. Vở thực hành Toán 9 / Cung Thế Anh (ch.b.), Doãn Minh Cường, Lưu Bá Thắng, Đặng Thị Minh Thu. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 47000đ. - 10000b

T.1. - 2026. - 128 tr. : hình vẽ, bảng s639073

1907. Vở thực hành Toán 9 / Cung Thế Anh (ch.b.), Nguyễn Cao Cường, Trần Mạnh Cường... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 49000đ. - 10000b

T.2. - 2026. - 139 tr. : minh họa s639074

THIÊN VĂN HỌC

1908. Cuốn sách khổng lồ về các Ngôi sao và các Hành tinh = Big book of stars and planets : Dành cho trẻ em từ 5 - 15 tuổi / Emily Bone ; Tranh: Fabiano Fiorin ; Quách Cẩm Phương dịch. - In lần thứ 10. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 26 tr. : tranh màu ; 29 cm. - (Tủ sách Tương tác). - 168000đ. - 1000b s638813

1909. Hughes, Catherine D. Cuốn sách lớn đầu tiên của tớ - Vũ trụ : Dành cho lứa tuổi 5+ / Catherine D. Hughes ; Minh họa: David A. Aguilar ; Dịch: Đặng Tuấn Duy, Nguyễn Thị Thu Trang. - Tái bản lần thứ 9. - H. : Kim Đồng, 2026. - 127 tr. : tranh màu ; 21 cm. - (National geographic kids). - 150000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Anh: First big book of space s637868

1910. Khám phá vũ trụ : Chuyến du hành vũ trụ bí ẩn đầy thú vị! / Phương Hạ dịch. - H. : Mỹ thuật, 2026. - 59 tr. : hình vẽ, ảnh ; 29 cm. - 145000đ. - 2000b
Tên sách tiếng Anh: My space book s638665

1911. Nguyễn Gia Trọng. Giáo trình Thực tập định vị vệ tinh / Nguyễn Gia Trọng (ch.b.), Phạm Ngọc Quang. - H. : Giao thông vận tải, 2026. - 140 tr. : minh họa ; 27 cm. - 280000đ. - 50b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Mở - Địa chất. - Thư mục cuối mỗi chương s638847

1912. Sobel, Dava. Con gái Galileo = Galileo's daughter : Một bi kịch về khoa học, đức tin và tình yêu / Dava Sobel ; Ch.b.: Phạm Văn Thiều... ; Phạm Văn Thiều dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2026. - 504 tr. : ảnh, tranh vẽ ; 20 cm. - (Khoa học và khám phá). - 280000đ. - 1000b

Thư mục: tr. 477-483 s640843

1913. Trịnh Diên Tuệ. 10 vạn câu hỏi vì sao dành cho thiếu nhi - Vũ trụ và trái đất / Trịnh Diên Tuệ ; Tuệ Văn dịch. - In lần 5. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2026. - 124 tr. : tranh màu ; 23 cm. - 60000đ. - 3000b

Tên sách tiếng Trung: 幼儿十万个为什么 s640900

VẬT LÝ

1914. Bài tập Vật lí 10 / Bùi Gia Thịnh (ch.b.), Tô Giang, Nguyễn Xuân Quang, Nguyễn Văn Thụ. - Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 119 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 17000đ. - 79600b s639811

1915. Bài tập Vật lí đại cương : Biên soạn theo Chương trình của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành năm 1990 : Dùng cho các trường đại học các khối công nghiệp, công trình, thủy lợi, giao thông vận tải / Lương Duyên Bình (ch.b.), Nguyễn Hữu Hò, Lê Văn Nghĩa, Nguyễn Tung. - Tái bản lần thứ 28. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 21 cm. - 42000đ. - 1500b

T.1: Cơ - Nhiệt. - 2026. - 198 tr. : hình vẽ, bảng s639788

1916. Bài tập Vật lí đại cương : Biên soạn theo Chương trình của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành năm 1990 : Dùng cho các trường đại học các khối công nghiệp, công trình thủy lợi, giao thông vận tải / Lương Duyên Bình (ch.b.), Nguyễn Hữu Hò, Lê Văn Nghĩa, Nguyễn Quang Sinh. - Tái bản lần thứ 26. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 21 cm. - 42000đ. - 1500b

T.2: Điện - Dao động - Sóng. - 2026. - 154 tr. : hình vẽ, bảng. - Phụ lục: tr. 152-153 s639789

1917. Bồi dưỡng học sinh giỏi Vật lí 10 : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới. Dùng cho kì thi học sinh giỏi cấp tỉnh - thành phố / Nguyễn Xuân Trị, Đoàn Văn Lượng, Nguyễn Đức Thành... - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2026. - 279 tr. : minh họa ; 27 cm. - 170000đ. - 2000b s638701

1918. Chuyên đề học tập Vật lí 10 / Vũ Văn Hùng (tổng ch.b.), Nguyễn Quang Báu (ch.b.), Phạm Kim Chung, Đặng Thanh Hải. - Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 79 tr. : minh họa ; 27 cm. - 9500đ. - 126100b

ĐTTS ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo s638753

1919. Chuyên đề học tập Vật lí 11 / Vũ Văn Hùng (tổng ch.b.), Đặng Thanh Hải (ch.b.), Tường Duy Hải... - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 59 tr. : minh họa ; 27 cm. - 7800đ. - 62300b

ĐTTS ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo s638754

1920. Chuyên đề học tập Vật lí 12 / Vũ Văn Hùng (tổng ch.b.), Đặng Thanh Hải (ch.b.), Nguyễn Chính Cường... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 67 tr. : minh họa ; 27 cm. - 8900đ. - 31000b

ĐTTS ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo s638755

1921. Hướng dẫn ôn thi tốt nghiệp Trung học phổ thông môn Vật lí năm học 2025 - 2026 / Đặng Thanh Hải (ch.b.), Nguyễn Chính Cường, Nguyễn Thu Hằng, Lê Khắc Quỳnh. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 160 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 75000đ. - 6000b s639541

1922. Hướng dẫn trả lời câu hỏi và bài tập Vật lí lớp 9 - Khoa học tự nhiên : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới / Mai Trọng Ý. - H. : Đại học Sư phạm, 2026. - 139 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - 68000đ. - 1500b s638276

1923. Lương Duyên Bình. Bài tập Vật lí đại cương : Biên soạn theo Chương trình của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành năm 1990 : Dùng cho các trường đại học kĩ thuật (Công nghiệp, Xây dựng, Kiến trúc, Thủy lợi, Giao thông vận tải, Mỏ địa chất, Sư phạm kĩ thuật Công nghiệp...) / Lương Duyên Bình (ch.b.), Nguyễn Hữu Hồ, Lê Văn Nghĩa. - Tái bản lần thứ 25. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 21 cm. - 58000đ. - 1000b

T.3: Quang học - Vật lí lượng tử. - 2026. - 223 tr. : hình vẽ, bảng s639790

1924. Nguyễn Đăng Nhật. Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong dạy học Vật lí : Sách chuyên khảo / Nguyễn Đăng Nhật. - Huế : Đại học Huế, 2026. - 205 tr. : minh họa ; 24 cm. - 200000đ. - 50b

Thư mục cuối mỗi chương s640346

1925. Nguyễn Văn Hợp. Giáo trình Cơ học lượng tử / Nguyễn Văn Hợp (ch.b.), Lê Viết Hòa. - H. : Đại học Sư phạm, 2026. - 387 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 160000đ. - 500b

Thư mục: tr. 382-383 s638567

1926. Nikola Tesla : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 6+ / Lời: Kim Seung-Min ; Tranh: Choi Byeong-Guk ; Nguyễn Thị Lan Anh dịch. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Kim Đồng, 2026. - 183 tr. : tranh màu ; 21 cm. - (Chuyện kể về danh nhân thế giới). - 60000đ. - 3000b

Tên sách tiếng Anh: Who? Nikola Tesla s637747

1927. Ôn tập, kiểm tra Vật lí 11 : Theo cấu trúc, định dạng đề thi mới / Phùng Việt Hải, Nguyễn Thị Thanh Nga, Lê Tấn Ri... - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 183 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 79000đ. - 2000b s639803

1928. Phân loại và phương pháp giải bài tập Vật lí 10 theo chủ đề : Biên soạn theo Chương trình SGK mới năm 2026 : Dùng cho học sinh lớp 10 và ôn thi THPT Quốc gia / Lê Văn Thành. - H. : Khoa học Tự nhiên và Công nghệ, 2026. - 243 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 96000đ. - 1000b s640756

1929. Sổ tay Trọng tâm kiến thức Vật lí 10 / Lý Vương Ngọc Minh, Trần Hoàng Nghiêm. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 56 tr. : hình vẽ, bảng ; 21 cm. - 33000đ. - 3000b s639764

1930. Sổ tay Trọng tâm kiến thức Vật lí 11 / Lý Vương Ngọc Minh, Trần Hoàng Nghiêm. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 52 tr. : hình vẽ, bảng ; 21 cm. - 31000đ. - 3000b s639765

1931. Sổ tay Trọng tâm kiến thức Vật lí 12 / Lý Vương Ngọc Minh, Trần Hoàng Nghiêm. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 44 tr. : hình vẽ, bảng ; 21 cm. - 27000đ. - 3000b s639766

1932. Thư viện hình ảnh đầu tiên - Màu sắc loài hoa : Song ngữ Anh - Việt. - H. : Văn học, 2025. - 19 tr. : ảnh màu ; 13 cm. - 50000đ. - 20000b s640614

1933. Tuyệt đỉnh bồi dưỡng học sinh giỏi qua các kì thi Olympic Vật lí 10 : Giải chi tiết, phân tích, bình luận, hướng dẫn làm bài dành cho học sinh lớp 10 và chuyên Lí : Tài liệu tham khảo cho giáo viên / Lê Văn Vinh. - H. : Dân trí. - 24 cm. - 126000đ. - 1900b

T.1. - 2026. - 406 tr. : minh họa s640092

1934. Tự học Vật lí 11 / Lại Đắc Hợp, Bùi Văn Đăng, Hoàng Quốc Hoàn... - H. : Dân trí. - 27 cm. - (Sách ID - Một cuộc cách mạng Sách). - 200000đ. - 10000b

T.1. - 2026. - 383 tr. : hình vẽ, bảng s640103

1935. Vật lí 10 / Vũ Văn Hùng (tổng ch.b.), Bùi Gia Thịnh (ch.b.), Phạm Kim Chung... - Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 139 tr. : minh họa ; 27 cm. - 17100đ. - 141700b

ĐTTS ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo s638751

1936. Vật lí 12 / Vũ Văn Hùng (tổng ch.b.), Nguyễn Văn Biên (ch.b.), Trần Ngọc Chất... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 123 tr. : minh họa ; 27 cm. - 15200đ. - 165200b

ĐTTS ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo s638752

1937. Wilhelm Roentgen : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 6+ / Lời: Oh Youngseok ; Tranh: Lee Jongwon ; Nguyễn Thị Hồng Hà dịch. - Tái bản lần thứ 7. - H. : Kim Đồng, 2026. - 158 tr. : ảnh, tranh màu ; 21 cm. - (Chuyện kể về danh nhân thế giới). - 60000đ. - 3000b

Tên sách tiếng Anh: Who? Wilhelm Conrad Roentgen. - Phụ lục cuối chính văn s637713

HÓA HỌC

1938. Bài tập Hóa học 10 / Lê Kim Long, Đặng Xuân Thư (ch.b.), Nguyễn Thu Hà... - Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 127 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 17000đ. - 42300b s639812

1939. Bài tập Hóa học 11 / Đặng Xuân Thư (ch.b.), Lê Thị Hồng Hải, Nguyễn Văn Hải... - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 136 tr. : minh họa ; 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 24000đ. - 14000b s639813

1940. Bài tập Hóa học 12 / Đặng Xuân Thư (ch.b.), Nguyễn Thị Thanh Chi, Ngô Tuấn Cường... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 148 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 20000đ. - 5000b s639814

1941. Bồi dưỡng học sinh giỏi Hóa học 11 theo chuyên đề / Nguyễn Xuân Trường, Quách Văn Long, Hoàng Thị Thúy Hương. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 24 cm. - 168000đ. - 1500b

T.1: Hóa học đại cương và vô cơ. - 2026. - 368 tr. : hình vẽ, bảng s640772

1942. Chuyên đề học tập Hóa học 10 / Lê Kim Long (tổng ch.b.), Đặng Xuân Thư (ch.b.), Ngô Tuấn Cường... - Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 75 tr. : minh họa ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 9100đ. - 103200b s639407

1943. Chuyên đề học tập Hóa học 11 / Lê Kim Long (tổng ch.b.), Đặng Xuân Thư (ch.b.), Nguyễn Hữu Chung... - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 56 tr. : minh họa ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 7300đ. - 64200b s639408

1944. Chuyên đề học tập Hóa học 12 / Lê Kim Long (tổng ch.b.), Đặng Xuân Thư (ch.b.), Nguyễn Thị Thanh Chi... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 51 tr. : minh họa ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 7000đ. - 30000b s639409

1945. Hóa học 10 / Lê Kim Long (tổng ch.b.), Đặng Xuân Thư (ch.b.), Nguyễn Thu Hà...
- Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 119 tr. : minh họa ; 27 cm. - 14900đ. - 245300b

ĐTTS ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo s638756

1946. Hóa học 11 / Lê Kim Long (tổng ch.b.), Đặng Xuân Thư (ch.b.), Nguyễn Đăng Đạt...
- Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 155 tr. : minh họa ; 27 cm. - 19300đ. - 186100b

ĐTTS ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo s638757

1947. Hoàng Nhâm. Hóa học vô cơ cơ bản / Hoàng Nhâm. - Tái bản lần thứ 15. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - 126000đ. - 700b

T.3: Các nguyên tố chuyển tiếp. - 2025. - 327 tr. : hình vẽ, bảng. - Thư mục: tr. 304
s638856

1948. Hợp chất siêu phân tử: Từ nghiên cứu cơ bản đến ứng dụng / Phạm Thị Lan, Nguyễn Thị Thu Hà (ch.b.), Nguyễn Tuấn Anh, Trần Đại Lâm. - H. : Khoa học Tự nhiên và Công nghệ, 2026. - 203 tr. : minh họa ; 21 cm. - (Bộ sách Đại học và Sau đại học). - 175000đ. - 200b

Đầu bìa sách ghi: Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam. - Thư mục: tr. 195-203 s640760

1949. Hướng dẫn ôn thi tốt nghiệp Trung học phổ thông môn Hóa học năm học 2025 - 2026 / Nguyễn Văn Hải (ch.b.), Nguyễn Thị Thanh Chi, Lê Trọng Huyền... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 168 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 80000đ. - 5000b s639536

1950. Nguyễn Điền Trung. Thực tập Hóa lí / Nguyễn Điền Trung (ch.b.), Hoàng Hải Yến. - Cần Thơ : Đại học Cần Thơ, 2026. - 92 tr. : minh họa ; 24 cm. - 70000đ. - 50b

Thư mục: tr. 92 s640031

1951. Nguyễn Thị Anh Thư. Giáo trình Điện hóa học / Nguyễn Thị Anh Thư, Hoàng Văn Đức. - Huế : Đại học Huế, 2026. - vi, 177 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 150000đ. - 100b

ĐTTS ghi: Đại học Huế. Trường Đại học Sư phạm. - Thư mục: tr. 169. - Phụ lục: tr. 170-177 s637604

1952. Ôn tập, kiểm tra Hóa học 10 : Theo cấu trúc, định dạng đề thi mới / Tổng Đức Huy, Trần Quang Huy, Lương Công Thắng, Nguyễn Thị Lánh. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 219 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 79000đ. - 2000b s639804

1953. Ôn tập, kiểm tra Hóa học 11 : Theo cấu trúc, định dạng đề thi mới / Tổng Đức Huy, Trần Quang Huy, Lương Công Thắng, Nguyễn Thị Lánh. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 215 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 79000đ. - 2000b s639805

1954. Sổ tay Trọng tâm kiến thức Hóa học 10 / Mai Thị Phương, Phạm Bảo Quý. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 52 tr. : hình vẽ, bảng ; 21 cm. - 31000đ. - 3000b s639767

1955. Sổ tay Trọng tâm kiến thức Hóa học 12 / Mai Thị Phương, Nguyễn Thị Thanh Phúc. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 80 tr. : hình vẽ, bảng ; 21 cm. - 45000đ. - 3000b s639768

1956. Take notes - Hóa học THCS / Thùy Dương b.s. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 48 tr. : minh họa ; 20 cm. - 60000đ. - 3000b s638361

1957. Thế giới nguyên tố - Lửa / Sakédemy ; Minh họa: Tổng Tất Tuệ. - H. : Kim Đồng, 2026. - 91 tr. : tranh vẽ ; 19 cm. - 40000đ. - 2000b

Thư mục: tr. 91 s638178

1958. Thế giới nguyên tố - Nước / Sakédemy ; Minh họa: Tổng Tất Tuệ. - H. : Kim Đồng, 2026. - 100 tr. : tranh vẽ ; 19 cm. - 40000đ. - 2000b

Thư mục: tr. 100 s638179

1959. Tuyển tập chọn lọc 50 đề tham khảo thi tốt nghiệp Trung học phổ thông môn Hóa học : Biên soạn theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo / Cao Cự Giác (ch.b.), Nguyễn Trí Ngân, Phạm Duy Nghĩa. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2026. - 410 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 162000đ. - 2000b s637564

KHOA HỌC VỀ TRÁI ĐẤT

1960. Các phương pháp trường thế trong nghiên cứu cấu trúc sâu vỏ Trái đất: Áp dụng tại khu vực Biển Đông Việt Nam và lân cận / Trần Văn Khả (ch.b.), Nguyễn Kim Dũng, Lê Đình Nam... - H. : Khoa học Tự nhiên và Công nghệ, 2026. - 203 tr. : minh họa ; 24 cm. - (Bộ sách chuyên khảo Biển và Công nghệ biển). - 180000đ. - 200b

Đầu bìa sách ghi: Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam. - Thư mục: tr. 183-203 s640767

1961. Hành trình khám phá - Gió : 6+ / Lời: Thanh Hà ; Minh họa: Phạm Cường. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2026. - 24 tr. : tranh màu ; 26 cm. - 33000đ. - 1500b s640850

1962. Hành trình khám phá - Mây : 6+ / Lời: Thanh Hà ; Minh họa: Phạm Cường. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2026. - 24 tr. : tranh màu ; 26 cm. - 33000đ. - 1500b s640847

1963. Hành trình khám phá - Mưa : 6+ / Lời: Thanh Hà ; Minh họa: Châu Phạm. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2026. - 24 tr. : tranh màu ; 26 cm. - 33000đ. - 1500b s640848

1964. Hành trình khám phá - Sét : 6+ / Lời: Thanh Hà ; Minh họa: Châu Phạm. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2026. - 24 tr. : tranh màu ; 26 cm. - 33000đ. - 1500b s640849

1965. Haraštová, Helena. Tò mò muốn biết... trên sa mạc : 3 - 6 tuổi / Helena Haraštová ; Tranh: Justyna Hołubowska-Chrzęszczak ; Phương Chi dịch. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 13 tr. : tranh màu ; 21 cm. - 66000đ. - 5000b

Tên sách tiếng Anh: Desert s639952

1966. Khám phá Trái Đất : Những điều kì diệu về hành tinh xanh / Khánh Vân dịch. - H. : Mỹ thuật, 2026. - 59 tr. : hình vẽ, ảnh ; 29 cm. - 145000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Anh: Planet earth s638666

1967. Oldřich Růžička. Atlas lật mở tương tác cho trẻ em - Hành tinh Trái Đất : Dành cho trẻ em 7 - 14 tuổi / Lời: Oldřich Růžička ; Tranh: Tomáš Tůma ; Dịch: Nguyễn Đức Toàn. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 36 tr. : minh họa ; 26 cm. - 186000đ. - 3000b s639953

1968. Phạm Thị Thu Hằng. Đặc điểm kiến tạo và địa động lực các bồn trũng giai đoạn Kainozoi khu vực Tư Chính - Vũng Mây / Phạm Thị Thu Hằng. - H. : Khoa học Tự nhiên và Công nghệ, 2026. - 300 tr. : minh họa ; 24 cm. - (Bộ sách chuyên khảo Biển và Công nghệ biển). - 230000đ. - 200b

Đầu bìa sách ghi: Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam. - Thư mục: tr. 241-248. - Phụ lục: tr. 249-300 s640766

1969. Thế giới nguyên tố - Đất / Sakédemy ; Minh họa: Tống Tất Tuệ. - H. : Kim Đồng, 2026. - 83 tr. : tranh vẽ ; 19 cm. - 40000đ. - 2000b

Thư mục: tr. 83 s638177

SINH VẬT HÓA THẠCH VÀ ĐỜI SỐNG TIỀN SỬ

1970. Hughes, Catherine D. Cuốn sách lớn đầu tiên của tớ - Khủng long : Dành cho lứa tuổi 5+ / Catherine D. Hughes ; Minh họa: Franco Tempesta ; Nguyễn Thị Ngọc Anh dịch. -

Tái bản lần thứ 9. - H. : Kim Đồng, 2026. - 127 tr. : tranh màu ; 21 cm. - (National geographic kids). - 150000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Anh: First big book of dinosaurs s637867

KHOA HỌC VỀ SỰ SỐNG, SINH VẬT HỌC

1971. Bài tập Sinh học 11 / Phạm Văn Lập (ch.b.), Nguyễn Thị Hồng, Trần Thị Thanh Huyền... - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 120 tr. : minh họa ; 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 22000đ. - 7000b s639815

1972. Bài tập Sinh học 12 / Phạm Văn Lập (ch.b.), Đào Thị Minh Châu, Trần Văn Kiên... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 111 tr. : minh họa ; 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 16000đ. - 4000b s639816

1973. Bartíková, Petra. Tò mò muốn biết... trên mặt nước : 3 - 6 tuổi / Petra Bartíková, Marcel Králik ; Hồng Tú dịch. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 13 tr. : tranh màu ; 23 cm. - 66000đ. - 5000b

Tên sách tiếng Anh: At the water s639947

1974. Bùi Văn Ngọc. Tồn thương DNA và tương tác ảnh hưởng trao đổi chất tế bào / Bùi Văn Ngọc. - H. : Khoa học Tự nhiên và Công nghệ, 2026. - 278 tr. : minh họa ; 24 cm. - (Bộ sách Đại học và Sau đại học). - 225000đ. - 200b

Đầu bìa sách ghi: Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam. - Thư mục: tr. 219-236. - Phụ lục: tr. 249-278 s640763

1975. Cabrol, Nathalie A. Sự sống bí ẩn trong vũ trụ = The secret life of the universe : Hành trình tìm kiếm nguồn gốc và giới hạn của sự sống dưới góc nhìn của nhà sinh học vũ trụ / Nathalie A. Cabrol ; Lê Thủy Giang dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2026. - 372 tr. : ảnh, tranh vẽ ; 20 cm. - 180000đ. - 1000b

Tên sách tiếng Pháp: À l'aube de nouveaux horizons. - Thư mục: tr. 368-371 s640845

1976. Cao Thị Huệ. Thực hành Hóa sinh học / Cao Thị Huệ (ch.b.), Trịnh Đình Khá, Trần Thị Phương Liên. - H. : Bách khoa Hà Nội, 2026. - 104 tr. : minh họa ; 24 cm. - 230000đ. - 60b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Thủy lợi. Khoa Hóa và Môi trường. Bộ môn Công nghệ sinh học. - Thư mục: tr. 100. - Phụ lục: tr. 101-103 s638495

1977. Chuyên đề học tập Sinh học 10 / Phạm Văn Lập (tổng ch.b.), Phạm Thị Hương, Dương Minh Lam. - Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 75 tr. : minh họa ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 10800đ. - 22000b s639413

1978. Chuyên đề học tập Sinh học 11 / Phạm Văn Lập (tổng ch.b.), Lê Đình Tuấn (ch.b.), Phan Thị Thu Hiền... - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 60 tr. : minh họa ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 9000đ. - 13000b s639414

1979. Chytilová, Lenka. Tò mò muốn biết... trong rừng thẳm : 3 - 6 tuổi / Lời: Lenka Chytilová, Helena Haraštová ; Tranh: Justyna Hołubowska-Chrząszczak ; Phương Chi dịch. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 13 tr. : tranh màu ; 21 cm. - 66000đ. - 5000b

Tên sách tiếng Anh: Jungle s639944

1980. Đánh giá tính tồn thương hệ sinh thái phục vụ phát triển bền vững và bảo tồn đa dạng sinh học khu vực Vườn Quốc gia Pù Mát, tỉnh Nghệ An / Nguyễn Văn Hồng, Vương Hồng Nhật (ch.b.), Lại Vĩnh Cẩm, Nguyễn Duy Hưng. - H. : Khoa học Tự nhiên và Công nghệ, 2026. - 403 tr. : minh họa ; 24 cm. - (Bộ sách chuyên khảo Tài nguyên thiên nhiên và Môi trường Việt Nam). - 260000đ. - 200b

Đầu bìa sách ghi: Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam. - Thư mục: tr. 377-390. - Phụ lục: tr. 391-403 s640759

1981. Đặng Diễm Hồng. Quang hợp và huỳnh quang chlorophyll a / Đặng Diễm Hồng. - H. : Khoa học Tự nhiên và Công nghệ, 2026. - 287 tr. : minh họa ; 24 cm. - (Bộ sách Đại học và Sau đại học). - 245000đ. - 200b

Đầu bìa sách ghi: Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam. - Thư mục: tr. 265-287 s640762

1982. Đinh Minh Quang. Giáo trình Thiết kế thí nghiệm và xử lý số liệu trong sinh học = Experimental design and data analysis for biologists / Ch.b.: Đinh Minh Quang, Nguyễn Hữu Đức Tôn. - Cần Thơ : Đại học Cần Thơ, 2026. - 99 tr. : minh họa ; 24 cm. - 67000đ. - 300b
Thư mục: tr. 94-99 s640033

1983. Giáo trình Hóa sinh học / Cao Thị Huệ (ch.b.), Trịnh Đình Khá, Trần Thị Phương Liên, Lục Quang Tuấn. - H. : Bách khoa Hà Nội, 2026. - 275 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 467000đ. - 60b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Thủy lợi. Khoa Hóa và Môi trường. Bộ môn Công nghệ sinh học. - Thư mục: tr. 273. - Phụ lục: tr. 274-275 s638645

1984. Huỳnh Văn Tiền. Đa dạng các loài rong ở vùng biển Phú Quốc, Việt Nam / Huỳnh Văn Tiền (ch.b.), Trần Vũ Phương. - Cần Thơ : Đại học Cần Thơ, 2026. - xi, 145 tr. : minh họa ; 27 cm. - 200000đ. - 100b

Thư mục: tr. 130-145 s637577

1985. Hướng dẫn ôn thi tốt nghiệp Trung học phổ thông môn Sinh học năm học 2025 - 2026 / Trần Mạnh Hùng, Nguyễn Thùy Linh, Nguyễn Thị Hằng Nga, Lê Anh Quyết. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 203 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 95000đ. - 3000b s639539

1986. Lữ Đào. Sinh học trực quan - Sổ tay mindmap cô Lữ Đào. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2026. - 77 tr. : ảnh, sơ đồ ; 21 cm. - 300b s640993

1987. Nguyễn Quốc Thịnh. Giáo trình Sinh hóa thủy sản / Nguyễn Quốc Thịnh (ch.b.), Trần Minh Phú. - Cần Thơ : Đại học Cần Thơ, 2026. - 132 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - 120000đ. - 100b

Thư mục: tr. 108-111. - Phụ lục: tr. 112-132 s640030

1988. Sách hướng dẫn thực hành Kỹ thuật sinh học phân tử / B.s.: Văn Hồng Thiện (ch.b.), Trịnh Ngọc Nam, Phạm Tấn Việt... - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Công nghiệp Tp. Hồ Chí Minh, 2026. - 64 tr. : bảng ; 24 cm. - 40000đ. - 500b

Thư mục: tr. 60-64 s640053

1989. Sinh học 11 / Phạm Văn Lập (tổng ch.b.), Lê Đình Tuấn (ch.b.), Trần Thị Thanh Huyền... - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 187 tr. : minh họa ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 23100đ. - 172200b s639410

1990. Sinh học 12 / Phạm Văn Lập (tổng ch.b.), Đào Thị Minh Châu, Trần Văn Kiên... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 195 tr. : minh họa ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 26000đ. - 157153b s639412

1991. Sinh học 12 / Phạm Văn Lập (tổng ch.b.), Đào Thị Minh Châu, Trần Văn Kiên... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 195 tr. : minh họa ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 24100đ. - 132900b s639411

1992. Sổ tay Trọng tâm kiến thức Sinh học 10 / Trần Hoàng Dương, Nguyễn Thị Hà. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 56 tr. : hình vẽ ; 21 cm. - 33000đ. - 3000b s639769

1993. Sổ tay Trọng tâm kiến thức Sinh học 11 / Trần Hoàng Dương, Nguyễn Thị Hà. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 56 tr. : hình vẽ ; 21 cm. - 33000đ. - 3000b s639770

1994. Sổ tay Trọng tâm kiến thức Sinh học 12 / Trần Hoàng Dương, Nguyễn Thị Hà. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 56 tr. : hình vẽ ; 21 cm. - 33000đ. - 3000b s639771

1995. Trần Anh Quân. Giáo trình Cơ sở Địa sinh thái - Địa môi trường / Trần Anh Quân, Đỗ Thị Hải (ch.b.), Đỗ Văn Bình. - H. : Giao thông vận tải, 2026. - 194 tr. : minh họa ; 27 cm. - 322000đ. - 30b

Thư mục: tr. 187-194 s638846

1996. Trong khu rừng = In the jungle : Sách chuyển động : Dành cho trẻ em từ 0 - 6 tuổi / Minh họa: Jenny Wren ; Thùy Dương dịch. - In lần thứ 6. - H. : Văn học, 2026. - 8 tr. : tranh màu ; 17 cm. - (Tủ sách Tương tác). - 119000đ. - 1000b s640659

1997. Trọng điểm kiến thức lớp 10 - Môn Sinh : Định hướng nội dung chuẩn Chương trình SGK mới... / Bùi Danh Quyết, Đào Thị Hương. - H. : Dân trí, 2026. - 175 tr. : minh họa ; 24 cm. - 180000đ. - 10000b s640091

1998. Vi nấm nội sinh trên thực vật lớp Thông (Pinopsida) ở Việt Nam: Đa dạng, sinh tổng hợp hoạt chất sinh học và thông tin di truyền hệ gen / Vũ Thị Hạnh Nguyên (ch.b.), Phí Quyết Tiến, Quách Ngọc Tùng... - H. : Khoa học Tự nhiên và Công nghệ, 2026. - 401 tr. : minh họa ; 24 cm. - (Bộ sách chuyên khảo Tài nguyên thiên nhiên và Môi trường Việt Nam). - 300000đ. - 200b

Đầu bìa sách ghi: Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam. - Thư mục cuối mỗi chương s640758

THỰC VẬT

1999. Nguyễn Thị Kim Liên. Giáo trình Thực vật thủy sinh / Ch.b.: Nguyễn Thị Kim Liên, Vũ Ngọc Út. - Cần Thơ : Đại học Cần Thơ, 2026. - 191 tr. : minh họa ; 24 cm. - 134000đ. - 200b

Thư mục cuối mỗi chương s640032

2000. Thực vật đất ngập nước Đồng bằng sông Cửu Long / Trần Triết, Nguyễn Phi Nga, Hoàng Việt... - H. : Nông nghiệp, 2026. - 318 tr. : minh họa ; 25 cm. - 600000đ. - 300b s640056

2001. Trần Thị Ngọc Diệp. Giáo trình Thực vật có hoa / Trần Thị Ngọc Diệp (ch.b.), Bùi Hồng Quang, Trần Thị Mai Lan. - H. : Khoa học Tự nhiên và Công nghệ, 2026. - 311 tr. : minh họa ; 24 cm. - 200000đ. - 100b

Thư mục cuối mỗi chương s640753

ĐỘNG VẬT

2002. Bartíková, Petra. Tò mò muốn biết... dưới lòng đất : 3 - 6 tuổi / Petra Bartíková, Marcel Králik ; Hồng Tú dịch. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 13 tr. : tranh màu ; 23 cm. - 66000đ. - 5000b

Tên sách tiếng Anh: Underground s639945

2003. Bartíková, Petra. Tò mò muốn biết... trên cây cao : 3 - 6 tuổi / Petra Bartíková, Magdaléna Takáčová ; Hồng Tú dịch. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 13 tr. : tranh màu ; 23 cm. - 66000đ. - 5000b

Tên sách tiếng Anh: Tree s639949

2004. Bartíková, Petra. Tò mò muốn biết... trong tổ kiến : 3 - 6 tuổi / Petra Bartíková, Magdaléna Takáčová ; Hồng Tú dịch. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 15 tr. : tranh màu ; 23 cm. - 66000đ. - 5000b

Tên sách tiếng Anh: Anthill s639948

2005. Bartíková, Petra. Tò mò muốn biết... trong tổ ong : 3 - 6 tuổi / Petra Bartíková, Martin Šojdr ; Hồng Tú dịch. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 15 tr. : tranh màu ; 23 cm. - 66000đ. - 5000b

Tên sách tiếng Anh: Beehive s639946

2006. Garguláková, Magda. Tò mò muốn biết... trong gốc cây : 3 - 6 tuổi / Magda Garguláková ; Tranh: Martin Šojdr ; Phương Chi dịch. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 13 tr. : tranh màu ; 23 cm. - 66000đ. - 5000b

Tên sách tiếng Anh: Stump s639950

2007. Píro, Radka. Tò mò muốn biết... trên thảo nguyên : 3 - 6 tuổi / Radka Píro ; Tranh: Justyna Hołubowska-Chrząszczak ; Phương Chi dịch. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 13 tr. : tranh màu ; 21 cm. - 66000đ. - 5000b

Tên sách tiếng Anh: Savannah s639951

2008. Quiz! Khoa học kì thú: Bò sát - Lưỡng cư : Dành cho lứa tuổi 6+ / Tranh, lời: An Kwang-hyeon ; Sun Tzô dịch. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Kim Đồng, 2026. - 191 tr. : tranh màu ; 21 cm. - (Tủ sách Bổ trợ kiến thức nhà trường). - 75000đ. - 3000b

Tên sách tiếng Hàn: 퀴즈! 과학상식 28. 파충류, 양서류 s637704

2009. Vì sao khi bay, ong lại kêu vo ve? : Sách dành cho trẻ 2 - 5 tuổi / Simon Couchman ; Thu Nga dịch. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 19 tr. : tranh vẽ ; 23 cm. - 32000đ. - 3000b s639935

CÔNG NGHỆ

2010. Chuyên đề học tập Công nghệ 10 - Thiết kế và công nghệ / Lê Huy Hoàng (tổng ch.b.), Nguyễn Quốc Cường (ch.b.), Phạm Văn Sơn. - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 59 tr. : minh họa ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 10000đ. - 9000b

Đầu bìa sách ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo s639439

2011. Công nghệ 7 / Lê Huy Hoàng (tổng ch.b.), Đồng Huy Giới (ch.b.), Cao Bá Cường... - Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 83 tr. : minh họa ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 10100đ. - 383900b

Đầu bìa sách ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo s639429

2012. Công nghệ 8 / Lê Huy Hoàng (tổng ch.b.), Đặng Văn Nghĩa (ch.b.), Đặng Thị Thu Hà... - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 107 tr. : minh họa ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 13300đ. - 334800b

Đầu bìa sách ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo s639430

2013. Công nghệ 9 - Định hướng nghề nghiệp / Lê Huy Hoàng (tổng ch.b.), Phạm Mạnh Hà (ch.b.), Nguyễn Xuân An... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 35 tr. : minh họa ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 4600đ. - 291000b

Đầu bìa sách ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo s639433

2014. Công nghệ 10 - Thiết kế và công nghệ / Lê Huy Hoàng (tổng ch.b.), Đặng Thị Thu Hà, Nguyễn Hồng Sơn... - Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 135 tr. : minh họa ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 18100đ. - 58000b

Đầu bìa sách ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo s639435

2015. Khám phá và phát minh : 5+ / Tân Mỹ dịch. - H. : Mỹ thuật, 2026. - 22 tr. : tranh màu ; 27 cm. - (Bách khoa thư qua từng trang lật mở). - 185000đ. - 2000b s638667

2016. Tuyển tập báo cáo Hội nghị khoa học lần thứ 9: Khoa học công nghệ và xu hướng ứng dụng công nghệ số vào sự phát triển bền vững trong thời đại hiện nay / Cao Hải An, Trần Thị Hoàn, Vũ Ngọc Hà... - H. : Công Thương, 2026. - 346 tr. : minh họa ; 28 cm. - 100b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh s637598

2017. Vở thực hành Công nghệ 8 / Đặng Văn Nghĩa (ch.b.), Đặng Thị Thu Hà, Nguyễn Hồng Sơn... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 68 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 30000đ. - 5000b s639443

Y HỌC

2018. Âm thực theo dưỡng sinh Trung Hoa / Đông A Sáng biên dịch. - H. : Hồng Đức, 2026. - 224 tr. : hình vẽ ; 19 cm. - 95000đ. - 1000b

Thư mục: tr. 223 s640719

2019. Barkley, Russell A. Nuôi dạy trẻ mắc chứng rối loạn tăng động giảm chú ý ADHD / Russell A. Barkley ; Trâm Vũ dịch. - In lần 6. - H. : Công Thương, 2026. - 306 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 139000đ. - 1500b

Tên sách tiếng Anh: 12 principles for raising a child with ADHD. - Thư mục: tr. 293-305 s637489

2020. Bennett, Max. Lược sử trí khôn - Từ giun biển đến ChatGPT : Dành cho tuổi trưởng thành / Max Bennett ; Nguyễn Việt Long dịch. - H. : Kim Đồng, 2026. - 421 tr. : minh họa ; 24 cm. - 195000đ. - 1500b

Tên sách tiếng Anh: A brief history of intelligence : Evolution, AI, and the five breakthroughs that made our brains. - Thư mục: tr. 399-400 s637792

2021. Cẩm nang Kỹ năng - Kỹ năng sinh tồn / Xuân Linh, Gia Linh, Minh An... - H. : Kim Đồng, 2026. - 69 tr. : ảnh, tranh màu ; 21 cm. - (Tủ sách Kiến thức và kỹ năng sống - Báo TNT&N). - 50000đ. - 4300b s637750

2022. Cẩm nang thực hành trị liệu - Các vấn đề tâm lý phổ biến / Lê Văn Thịnh, Dương Thị Tuệ, Nguyễn Phương Lan, Trần Đức Hưng. - H. : Văn hóa dân tộc, 2026. - 402 tr. : bảng ; 24 cm. - 499000đ. - 1000b

Thư mục: tr. 400-402 s639988

2023. Chăm sóc người bệnh tích cực : Dành cho đào tạo ngành Điều dưỡng trình độ đại học / Ngô Huy Hoàng (ch.b.), Nguyễn Thị Minh Chính, Nguyễn Thị Minh Hà... - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 119 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 500b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định. - Thư mục: tr. 115 s639904

2024. Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi : Dành cho đào tạo ngành Điều dưỡng trình độ đại học / Ngô Huy Hoàng (ch.b.), Nguyễn Thị Xuân Dung, Phạm Thị Thúy Liên... - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 120 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 500b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định. - Thư mục: tr. 117 s639903

2025. Cuốn sách khổng lồ về cơ thể người = Big book of the body : Dành cho trẻ em từ 5 - 15 tuổi / Minna Lacey ; Tranh: Peter Allen ; Quách Cẩm Phương dịch. - In lần thứ 9. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 29 tr. : tranh màu ; 29 cm. - (Tủ sách Tương tác). - 168000đ. - 1000b s638812

2026. Đặng Văn Ngữ - Tận hiến cả cuộc đời : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 7+ / Lời: Nguyễn Như Mai ; Tranh: Nguyễn Hoàng Tấn. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Kim Đồng, 2026. - 31 tr. : tranh màu ; 21 cm. - (Danh nhân khoa học Việt Nam). - 30000đ. - 2000b

Thư mục cuối chính văn s637746

2027. Đặng Văn Tú. Bí quyết điều trị vật lý trị liệu hiệu quả / Đặng Văn Tú. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 131 tr. : bảng ; 24 cm. - 198000đ. - 300b s639902

2028. Farrington, Shanti. Sang chấn dưới lăng kính tâm lý học / Shanti Farrington, Alison Woodward ; Hoàng Thi dịch. - H. : Kim Đồng, 2026. - 135 tr. : hình vẽ ; 21 cm. - 45000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Anh: The Psychology of trauma s637830

2029. Fitzgerald, Patrick. Làm bạn với mãn kinh = Making friends with menopause / Patrick Fitzgerald, Sarah Rayner ; Thái Dương dịch. - Thanh Hóa : Nxb. Thanh Hóa, 2026. - 238 tr. ; 21 cm. - 168000đ. - 1000b s638631

2030. Giáo trình Chăm sóc sức khỏe người bệnh da liễu : Dành cho đối tượng sinh viên Điều dưỡng / Mai Bá Hoàng Anh, Nguyễn Thị Trà My, Võ Tường Thảo Vy, Mai Thị Cẩm Cát. - Huế : Đại học Huế, 2026. - 122 tr. : ảnh, bảng ; 27 cm. - 90000đ. - 400b

ĐTTS ghi: Đại học Huế. Trường Đại học Y - Dược. Bộ môn Da liễu. - Thư mục cuối mỗi bài s637603

2031. Giáo trình Châm cứu học : Dành cho sinh viên ngành Y học cổ truyền hệ chính quy / B.s.: Đoàn Văn Minh (ch.b.), Trần Nhật Minh, Nguyễn Văn Hưng... - Huế : Đại học Huế, 2026. - xii, 361 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 150000đ. - 500b

ĐTTS ghi: Đại học Huế. Trường Đại học Y - Dược. - Thư mục cuối mỗi bài. - Phụ lục: tr. 316-345 s637602

2032. Giáo trình Điều dưỡng nội khoa : Dành cho học viên sau đại học, chuyên ngành Điều dưỡng / B.s.: Nguyễn Thanh Liêm, Nguyễn Văn Tuấn (ch.b.), Lương Thanh Điền... - Cần Thơ : Đại học Cần Thơ, 2026. - 280 tr. : minh họa ; 27 cm. - 320000đ. - 100b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Y Dược Cần Thơ. Bộ môn Điều dưỡng hệ Nội - Cộng đồng. - Thư mục: tr. 279-280 s638684

2033. Giáo trình Module 14 - Hệ sinh sản : Dành cho chương trình đào tạo Bác sĩ Y khoa / B.s.: Lê Minh Tâm (ch.b.), Nguyễn Thị Châu Anh, Lê Chuyển... - Huế : Đại học Huế, 2026. - xii, 265 tr. : minh họa ; 27 cm. - 170000đ. - 500b

ĐTTS ghi: Đại học Huế. Trường Đại học Y Dược. - Thư mục cuối mỗi bài s637601

2034. Giáo trình Sinh lý học trẻ em lứa tuổi mầm non / Mai Văn Hưng (ch.b.), Trần Thị Minh, Trần Văn Thế, Nguyễn Ngọc Mưu. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2026. - 265 tr. : minh họa ; 24 cm. - (Tủ sách Khoa học). - 140000đ. - 600b

Thư mục: tr. 263-265 s638574

2035. Giáo trình Sinh lý học trẻ em tiểu học / Mai Văn Hưng (ch.b.), Nguyễn Vũ A Sa, Trần Văn Thế, Nguyễn Ngọc Mưu. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2026. - 266 tr. : minh họa ; 24 cm. - (Tủ sách Khoa học). - 145000đ. - 600b

Thư mục: tr. 265-266 s638575

2036. Giáo trình Triệu chứng học ngoại khoa : Sách dành cho đào tạo đại học / Nguyễn Mạnh Khánh, Phùng Ngọc Hòa, Trần Quốc Tuấn... ; B.s.: Lê Ngọc Thành (ch.b.)... - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2026. - 502 tr. : minh họa ; 27 cm. - 350000đ. - 300b

ĐTTS ghi: Đại học Quốc gia Hà Nội. Trường Đại học Y Dược. - Thư mục cuối mỗi bài s638815

2037. Harris, Russ. ACT - Liệu pháp chấp nhận và cam kết = ACT made simple: An easy-to-read primer on acceptance and commitment therapy / Russ Harris ; Dịch: Nguyễn Trung Nghĩa... - H. : Dân trí, 2026. - 572 tr. ; 24 cm. - 479000đ. - 800b

Phụ lục: tr. 567-572 s640087

2038. Học thuyết điều dưỡng : Dùng cho đào tạo sau đại học / B.s.: Trương Tuấn Anh, Mai Thị Lan Anh (ch.b.), Lê Thanh Tùng... - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 191 tr. : bảng ; 27 cm. - 100b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định. - Thư mục cuối mỗi bài s638860

2039. Huyền Linh. Dậy thì không gì phải sợ: Cẩm nang con gái / Huyền Linh. - H. : Văn học, 2026. - 123 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - 82000đ. - 3000b s640210

2040. Huỳnh Hải. Tự chữa bệnh đơn giản / Huỳnh Hải. - H. : Hồng Đức, 2026. - 290 tr. : minh họa ; 21 cm. - 160000đ. - 1000b s640925

2041. Khám phá cơ thể người : Một cỗ máy tinh vi / Ngô Hiền dịch. - H. : Mỹ thuật, 2026. - 60 tr. : hình vẽ, ảnh ; 29 cm. - 145000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Pháp: À la découverte du corps humain s638664

2042. Lâm Khắc Kỷ. Sách hướng dẫn thực hành Hóa sinh dinh dưỡng / Lâm Khắc Kỷ (ch.b.), Võ Văn Thiệp. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Công nghiệp Tp. Hồ Chí Minh, 2026. - 55 tr. : bảng ; 24 cm. - 40000đ. - 500b

Thư mục: tr. 55 s640048

2043. Leschziner, Guy. Bảy đại tội : Góc nhìn sinh học về bản tính người / Guy Leschziner ; Hà Yên dịch. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 390 tr. ; 24 cm. - 269000đ. - 1500b

Tên sách tiếng Anh: Seven deadly sins s638374

2044. 100 bài tập thực hành can thiệp cho trẻ rối loạn phổ tự kỷ / Trần Lương (ch.b.), Huỳnh Thị Thanh Hương, Nguyễn Thị Bích Phượng, Lê Ngọc Hóa. - Cần Thơ : Đại học Cần Thơ, 2026. - 128 tr. : minh họa ; 24 cm. - 192000đ. - 100b

Thư mục: tr. 128 s640730

2045. Nguyễn Hải Minh. Chuẩn HL7 và ứng dụng : Sách chuyên khảo / Nguyễn Hải Minh. - Thái Nguyên : Đại học Thái Nguyên, 2026. - 182 tr. : minh họa ; 24 cm. - 162000đ. - 100b

ĐTTS ghi: Đại học Thái Nguyên. Trường Đại học Công nghệ thông tin và Truyền thông. - Thư mục: tr. 181-182 s638294

2046. Nguyễn Thanh Thảo. Hình ảnh học các bệnh lý sọ não thường gặp : Sách tham khảo / Nguyễn Thanh Thảo. - Tái bản lần thứ 3. - Huế : Đại học Huế, 2026. - xii, 339 tr. : minh họa ; 27 cm. - 400000đ. - 300b

Đầu bìa sách ghi: Đại học Huế. Trường Đại học Y - Dược. Bộ môn Chẩn đoán hình ảnh. - Thư mục: tr. 295-339 s637607

2047. Nguyễn Thị Huỳnh Dung. Con không sợ niềng răng : Tương tác sáng tạo dành cho trẻ 6 - 15 tuổi / Nguyễn Thị Huỳnh Dung. - H. : Thế giới, 2026. - 172 tr. : tranh màu ; 19 cm. - 190000đ. - 1000b s640699

2048. Nguyễn Văn Tuấn. Hiểu về nguy cơ trong y khoa : Tại sao chúng ta sợ điều hiếm gặp nhưng xem nhẹ điều thường gặp? / Nguyễn Văn Tuấn. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2026. - 150 tr. : hình vẽ ; 19 cm. - 109000đ. - 3000b

Thư mục: tr. 143-148 s640693

2049. Pfender, April. Luân xa : Cân bằng cảm xúc và đánh thức năng lượng tự chữa lành : Sách tham khảo / April Pfender ; Khánh Trang dịch. - H. : Văn học, 2026. - 267 tr. : hình vẽ ; 19 cm. - (Tủ sách Huyền học). - 149000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Anh: Essential chakra meditation: Awaken your healing power with meditation and visualization s640562

2050. Phẫu thuật miệng II : Sách dùng cho sinh viên Răng Hàm Mặt / B.s.: Nguyễn Phú Thắng (ch.b.), Hoàng Kim Loan, Phạm Thị Tuyết Nga... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 295 tr. : minh họa ; 27 cm. - 180000đ. - 500b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Y Hà Nội. Viện Đào tạo Răng Hàm Mặt. - Thư mục cuối mỗi bài s638858

2051. Quiz! Khoa học kì thú: Bệnh tật - Vi khuẩn : Dành cho lứa tuổi 6+ / Tranh, lời: An Quang Huyn ; Thanh Thủy dịch. - Tái bản lần thứ 10. - H. : Kim Đồng, 2026. - 197 tr. : tranh màu ; 21 cm. - (Tủ sách Bổ trợ kiến thức nhà trường). - 75000đ. - 3000b

Tên sách tiếng Hàn: 퀴즈! 과학 상식: 질병 세균; Tên sách tiếng Anh: Quiz science common sense: Disease, bacteria s637705

2052. Rogers, Sally J. Mô hình can thiệp sớm Denver cho trẻ tự kỷ = Early start denver model for young children with autism : Thúc đẩy kỹ năng ngôn ngữ, học tập và tương tác / Sally J. Rogers, Geraldine Dawson ; Vũ Thị Mai Anh dịch ; Nguyễn Thanh Liêm h.đ. - In lần thứ 4. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2026. - 591 tr. : hình vẽ, bảng ; 20 cm. - (Y học. Sức khỏe). - 210000đ. - 1000b

Phụ lục: tr. 449-564. - Thư mục: tr. 565-585 s640869

2053. Satoru Yamada. Một môi do đường / Satoru Yamada ; Như Nữ dịch. - H. : Thế giới, 2026. - 226 tr. : hình vẽ ; 19 cm. - 119000đ. - 2000b

Thư mục: tr. 218-224 s640700

2054. Sức khỏe môi trường : Dùng cho đào tạo ngành Điều dưỡng, Hộ sinh trình độ đại học / B.s.: Trần Văn Long, Lê Thế Trung (ch.b.), Đỗ Minh Sinh... - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 207 tr. : minh họa ; 27 cm. - 500b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định. - Thư mục: tr. 205-206 s638861

2055. Tra Vĩ. Massage kinh lạc huyết vị toàn thư / Tra Vĩ ; Nhật Hà dịch. - Thanh Hóa : Nxb. Thanh Hóa, 2026. - 375 tr. : minh họa ; 24 cm. - 258000đ. - 1000b

Phụ lục: tr. 369-375 s638637

2056. Trần Quý Thắng. Nhật ký tuổi dậy thì - Bạn gái tự tin trưởng thành : 10 - 15 tuổi / B.s.: Trần Quý Thắng, Jackie Nguyễn. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 70 tr. : minh họa ; 24 cm. - 40000đ. - 3000b s638442

2057. Trần Quý Thắng. Nhật ký tuổi dậy thì - Bạn trai tự tin trưởng thành : 10 - 15 tuổi / B.s.: Trần Quý Thắng, Jackie Nguyễn. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 63 tr. : minh họa ; 24 cm. - 40000đ. - 3000b s638443

2058. Trần Văn Huy. Giáo trình sau đại học: Bệnh học Gan Mật Tụy / Trần Văn Huy (ch.b.), Phan Trung Nam, Vĩnh Khánh. - Huế : Đại học Huế, 2026. - 285 tr. : minh họa ; 24 cm. - 250000đ. - 500b

ĐTTS ghi: Đại học Huế. Trường Đại học Y - Dược. Bộ môn Nội. - Thư mục sau mỗi bài s637444

2059. Tư vấn dinh dưỡng : Dùng cho đào tạo ngành Dinh dưỡng trình độ đại học / B.s.: Lê Thanh Tùng, Lê Thế Trung (ch.b.), Nguyễn Trọng Hưng... - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 123 tr. : bảng ; 24 cm. - 100b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định. - Phụ lục: tr. 118-120. - Thư mục: tr. 121-123 s639884

2060. Vì sao trông mình lại thế này? : Một cuốn sách về di truyền học : Dành cho thiếu nhi / Lời: Victoria Rea ; Tranh: Srimalie Bassani ; Trang Rose dịch. - H. : Kim Đồng, 2026. - 32 tr. : tranh màu ; 21 cm. - 35000đ. - 2000b s637865

2061. Vương Thừa Ân. Thuốc quý ở quanh ta / Vương Thừa Ân. - H. : Hồng Đức, 2026. - 195 tr. : hình vẽ ; 21 cm. - 99000đ. - 1000b
Phụ lục: tr. 174-194. - Thư mục: tr. 195 s640920

2062. Zen Phan. Ăn chay - Hành trình chuyển hóa thân tâm / Zen Phan. - H. : Công Thương, 2026. - 137 tr. ; 21 cm. - 138000đ. - 1000b
Phụ lục: tr. 131-133 s639980

KỸ THUẬT

2063. Anh em nhà Wright - Tiên phong trong lĩnh vực hàng không : Truyện tranh về 10 danh nhân nổi tiếng thế giới. - H. : Văn học, 2026. - 32 tr. : tranh màu ; 23 cm. - (Những thiên tài làm thay đổi thế giới). - 45000đ. - 3000b s640281

2064. Bài giảng Điều khiển robot công nghiệp / Phạm Đức Đại (ch.b.), Hoàng Duy Khang, Vũ Minh Quang... - H. : Bách khoa Hà Nội, 2026. - 295 tr. : minh họa ; 27 cm. - 408000đ. - 90b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Thủy lợi. Khoa Điện - Điện tử. - Thư mục cuối mỗi chương s638655

2065. Chuyên đề học tập Công nghệ 11 - Công nghệ cơ khí / Lê Huy Hoàng (tổng ch.b.), Thái Thế Hùng (ch.b.), Phùng Xuân Lan, Trương Đức Phúc. - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 59 tr. : minh họa ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 10000đ. - 3000b

Đầu bìa sách ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo s639440

2066. Công nghệ 9 - Trải nghiệm nghề nghiệp: Mô đun Lắp đặt mạng điện trong nhà / Lê Huy Hoàng (tổng ch.b.), Đặng Văn Nghĩa (ch.b.), Vũ Thị Ngọc Thúy... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 43 tr. : minh họa ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 5600đ. - 161500b

Đầu bìa sách ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo s639432

2067. Công nghệ 11 - Công nghệ cơ khí / Lê Huy Hoàng (tổng ch.b.), Thái Thế Hùng (ch.b.), Hồ Hữu Hải... - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 139 tr. : minh họa ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 18700đ. - 68600b

Đầu bìa sách ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo s639436

2068. Công nghệ 12 - Công nghệ Điện - Điện tử / Lê Huy Hoàng (tổng ch.b.), Đinh Triều Dương (ch.b.), Phạm Duy Hưng... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 144 tr. : minh họa ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 19800đ. - 69700b

Đầu bìa sách ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo s639438

2069. Cuốn sách khổng lồ về tên lửa và các thiết bị vũ trụ = Big book of rockets and spacecraft : Với 4 trang gấp khổng lồ : Dành cho trẻ từ 5 - 15 tuổi / Louie Stowell ; Tranh: Gabriele Antonini ; Thu Phong dịch. - In lần thứ 8. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 28 tr. : tranh màu ; 29 cm. - (Tủ sách Tương tác). - 168000đ. - 1000b s638814

2070. Đặng Huỳnh Giao. Giáo trình Công nghệ vật liệu hữu cơ - kim loại / Đặng Huỳnh Giao (ch.b.), Đoàn Văn Hồng Thiện, Lê Thị Anh Thư. - Cần Thơ : Đại học Cần Thơ, 2026. - xxiv, 405 tr. : hình vẽ ; 27 cm. - 180000đ. - 200b

Thư mục: tr. 335-405 s637559

2071. Giáo trình Công nghệ sơn ô tô / Kiều Đức Trinh (ch.b.), Nguyễn Ngọc Linh, Nguyễn Thị Thế Nguyên... - H. : Bách khoa Hà Nội, 2026. - 259 tr. : minh họa ; 27 cm. - 343000đ. - 90b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Thủy lợi. Bộ môn Kỹ thuật ô tô. - Thư mục: tr. 258-259 s638654

2072. Giáo trình Công nghệ xây dựng công trình bê tông / Dương Đức Tiên (ch.b.), Đinh Hoàng Quân, Dương Thị Thanh Hiền... - H. : Bách khoa Hà Nội, 2026. - 229 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 305000đ. - 90b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Thủy lợi. Bộ môn Công nghệ và Quản lý xây dựng. - Thư mục: tr. 229 s638644

2073. Giáo trình Cơ điện tử ô tô / Nguyễn Đức Ngọc (ch.b.), Đinh Ngọc Ân, Đặng Ngọc Duyên, Nguyễn Tuấn Anh. - H. : Bách khoa Hà Nội, 2026. - 259 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 405000đ. - 70b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Thủy lợi. Bộ môn Kỹ thuật ô tô. - Thư mục: tr. 251. - Phụ lục: tr. 252-259 s638648

2074. Giáo trình Mạch điện 1 / Nguyễn Quang Thuấn (ch.b.), Nguyễn Văn Vinh, Trần Hùng Cường, Nguyễn Công Chính. - H. : Bách khoa Hà Nội, 2026. - 219 tr. : hình vẽ ; 27 cm. - 265000đ. - 100b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Thủy lợi. Khoa Điện - Điện tử. Bộ môn Kỹ thuật Điện - Điện tử. - Thư mục: tr. 219 s638643

2075. Giáo trình Máy điện / Lê Quang Cường (ch.b.), Trần Hùng Cường, Đinh Hải Lĩnh, Nguyễn Nhất Tùng. - H. : Bách khoa Hà Nội, 2026. - 347 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 505000đ. - 70b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Thủy lợi. Khoa Điện - Điện tử. Bộ môn Kỹ thuật Điện - Điện tử. - Thư mục: tr. 347 s638651

2076. Giáo trình Ứng dụng BIM trong xây dựng / Trần Văn Toàn (ch.b.), Lê Thái Bình, Mai Lâm Tuấn... - H. : Bách khoa Hà Nội, 2026. - 263 tr. : minh họa ; 27 cm. - 309000đ. - 90b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Thủy lợi. Khoa Công trình. Bộ môn Công nghệ và Quản lý xây dựng. - Thư mục: tr. 262-263 s638656

2077. Hoàng Ngọc Cường. Cấu trúc, trạng thái và tính chất cơ lý polyme / Hoàng Ngọc Cường. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, 2026. - 402 tr. : minh họa ; 29 cm. - 65000đ. - 200b

ĐTTS ghi: Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh. Trường Đại học Khoa học tự nhiên s637648

2078. Hoàng Xuân Bình. Điều khiển quá trình / Hoàng Xuân Bình, Trần Tiến Lương (ch.b.), Phạm Thị Hồng Anh. - Hải Phòng : Nxb. Hàng hải, 2026. - 139 tr. : hình vẽ, bảng ; 25 cm. - 96000đ. - 100b s640028

2079. James Watt : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 6+ / Lời: Yun Sang Seok ; Tranh: Kim Hyun Gi ; Ngọc Anh dịch. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Kim Đồng, 2026. - 181 tr. : minh họa ; 21 cm. - (Chuyện kể về danh nhân thế giới). - 60000đ. - 3000b

Tên sách tiếng Anh: Who? James Watt s637714

2080. Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia lần VII: Khoa học và Công nghệ Giao thông vận tải trong kỷ nguyên số và tự động hóa 2026 = Proceedings of the 7th national conference on transportation, science and technology in the era of digitalization and automation 2026 / Văn Bá Tài, Đào Thanh Quân, Hồ Xuân Trường... - H. : Giao thông vận tải, 2026. - xvi, 728 tr. : minh họa ; 30 cm. - 30b

ĐTTS ghi: Đại học Giao thông vận tải Thành phố Hồ Chí Minh. - Thư mục trong chính văn s637537

2081. Ngô Quang Vĩ. Bài giảng Nhập môn về kỹ thuật robot và điều khiển thông minh / Ngô Quang Vĩ (ch.b.), Thân Ngọc Hoàn, Lê Trung Dũng. - H. : Bách khoa Hà Nội, 2026. - 271 tr. ; 27 cm. - 400000đ. - 70b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Thủy lợi. Khoa Điện - Điện tử. Bộ môn Kỹ thuật Robot và Hệ thống thông minh. - Thư mục: tr. 270. - Phụ lục: tr. 271 s638653

2082. Nguyễn Công Huy. Người lính phi công kể chuyện: Anh hùng Vũ Xuân Thiều và chuyến bay bất tử / Nguyễn Công Huy. - H. : Kim Đồng, 2026. - 161 tr. : ảnh ; 21 cm. - 55000đ. - 2000b s637709

2083. Nguyễn Lan Hương. Công nghệ sửa chữa và lắp dựng máy nâng chuyển / Nguyễn Lan Hương. - Hải Phòng : Nxb. Hàng hải, 2026. - 311 tr. : minh họa ; 25 cm. - 168000đ. - 20b
Thư mục: tr. 310-311 s638297

2084. Nguyễn Ngọc Huyền. Hệ thống thủy nông ở vùng Tây Nam Bộ từ năm 1954 đến năm 2015 : Sách chuyên khảo / Nguyễn Ngọc Huyền. - H. : Khoa học xã hội, 2026. - 235 tr. ; 24 cm. - 200000đ. - 250b

Thư mục: tr. 181-203. - Phụ lục: tr. 204-235 s640020

2085. Nguyễn Văn Dũng. Giáo trình Kỹ thuật cao áp / Nguyễn Văn Dũng (ch.b.), Đỗ Nguyễn Duy Phương. - Cần Thơ : Đại học Cần Thơ, 2026. - 268 tr. : minh họa ; 24 cm. - 50b
Thư mục: tr. 267-268 s640034

2086. Ninh Đức Tồn. Dung sai và lắp ghép / Ninh Đức Tồn. - Tái bản lần thứ 17. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 174 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 75000đ. - 700b
Phụ lục: tr. 133-172. - Thư mục: tr. 173 s638855

2087. Phạm Công Duy. Tài liệu học tập Thí nghiệm truyền động điện = Electric drives lab / Phạm Công Duy. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Công nghiệp Tp. Hồ Chí Minh, 2026. - 66 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 30000đ. - 500b
Thư mục: tr. 66 s640051

2088. Phan Hữu Chiến. Giáo trình Lý thuyết điều khiển tự động dùng cho trình độ đại học / B.s.: Phan Hữu Chiến, Lê Văn Tùng (ch.b.), Bùi Thị Thêm. - H. : Công Thương, 2026. - 211 tr. : hình vẽ, bảng ; 30 cm. - 200000đ. - 100b

ĐTTS ghi: Bộ Công Thương. Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh. - Thư mục: tr. 207 s637599

2089. Phan Văn Hưng. Quản lý hiệu quả năng lượng hàng hải / Phan Văn Hưng. - Hải Phòng : Nxb. Hàng hải, 2026. - 223 tr. : hình vẽ, bảng ; 25 cm. - 125000đ. - 20b
Thư mục cuối mỗi chương s640029

2090. Quản lý chất thải rắn sinh hoạt: Từ lý luận đến thực tiễn / Dương Thị Thanh Xuyên (ch.b.), Đỗ Văn Mạnh, Nguyễn Tuấn Minh... - H. : Khoa học Tự nhiên và Công nghệ, 2026. - 255 tr. : minh họa ; 24 cm. - 150000đ. - 200b
Thư mục: tr. 247-255 s640765

2091. Quiz! Khoa học kì thú - Tên lửa, vệ tinh nhân tạo : Dành cho lứa tuổi 6+ / Tranh: Oh Soo-jin ; Lời: Ha Jong-joon ; Hà Linh dịch. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Kim Đồng, 2026. - 171 tr. : tranh màu ; 21 cm. - (Tủ sách Bỏ trợ kiến thức nhà trường). - 75000đ. - 3000b

Tên sách tiếng Hàn: 퀴즈! 과학상식 16. 로켓·인공위성 s637759

2092. Sách hướng dẫn thực hành Điều khiển máy điện / Dương Hữu Phước (ch.b.), Bạch Thanh Quý, Phạm Hoàng Đạt, Vũ Hoàng Hải. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Công nghiệp Tp. Hồ Chí Minh, 2026. - 105 tr. : minh họa ; 24 cm. - 50000đ. - 500b

Phụ lục: tr. 89-104. - Thư mục: tr. 105 s640050

2093. Sách hướng dẫn thực hành Xử lý khí, thông gió và không chế tiếng ồn / B.s.: Trần Thị Tường Vân, Nguyễn Chí Hiếu (ch.b.), Bùi Thị Ngọc Phương, Trần Thị Hiền. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Công nghiệp Tp. Hồ Chí Minh, 2026. - 115 tr. : minh họa ; 24 cm. - 75000đ. - 300b

Thư mục: tr. 109-110. - Phụ lục: tr. 111-115 s640052

2094. Trần Đăng Thành. Vật liệu perovskite nền mangan: Tương tác từ, hiệu ứng từ nhiệt và định hướng ứng dụng trong công nghệ làm lạnh bằng từ trường / Trần Đăng Thành. - H. : Khoa học Tự nhiên và Công nghệ, 2026. - 254 tr. : minh họa ; 24 cm. - (Bộ sách chuyên khảo Ứng dụng và Phát triển công nghệ cao). - 220000đ. - 200b

Đầu bìa sách ghi: Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam. - Thư mục: tr. 235-254 s640761

2095. Trịnh Chất. Tính toán thiết kế hệ dẫn động cơ khí / Trịnh Chất, Lê Văn Uyển. - Tái bản lần thứ 16. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - 80000đ. - 500b

T.2. - 2026. - 231 tr. : hình vẽ, bảng. - Phụ lục: tr. 214-226. - Thư mục: tr. 227-229 s638854

2096. Trương Việt Hùng. Giáo trình Thiết kế cầu bê tông cốt thép / Trương Việt Hùng (ch.b.), Đặng Việt Đức, Nguyễn Quốc Bảo. - H. : Bách khoa Hà Nội, 2026. - 287 tr. : minh họa ; 27 cm. - 365000đ. - 90b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Thủy lợi. Bộ môn Công trình giao thông. - Thư mục: tr. 287 s638650

2097. Vật liệu nanocomposite từ tính: Tổng hợp, tính chất và ứng dụng : Sách chuyên khảo / Nguyễn Văn Cường (ch.b.), Võ Thế Kỳ, Đoàn Văn Đạt, Hồ Văn Minh Hải. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Công nghiệp Tp. Hồ Chí Minh, 2026. - 237 tr. : minh họa ; 24 cm. - 95000đ. - 200b

Thư mục cuối mỗi chương s640044

2098. Vì sao cầu không sập? : Một cuốn sách về kiến trúc và kỹ thuật công trình / Lời: Jennifer Shand ; Tranh: Srimalie Bassani ; Trang Rose dịch. - H. : Kim Đồng, 2026. - 32 tr. : tranh màu ; 21 cm. - 35000đ. - 2000b s637862

2099. Xử lý ảnh viễn thám, nguyên lý và ứng dụng : Sách tham khảo / Đặng Thanh Tùng, Phạm Anh Tuấn (ch.b.), Đào Văn Khánh... - H. : Tài nguyên Môi trường và Bản đồ Việt Nam, 2026. - 186 tr. : minh họa ; 24 cm. - 170000đ. - 100b

Thư mục: tr. 183-186 s638623

NÔNG NGHIỆP

2100. Công nghệ 9 - Trải nghiệm nghề nghiệp: Mô đun Trồng cây ăn quả / Lê Huy Hoàng (tổng ch.b.), Đồng Huy Giới (ch.b.), Bùi Thị Thu Hương, Đào Quang Nghị. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 67 tr. : minh họa ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 8600đ. - 65900b

Đầu bìa sách ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo s639431

2101. Công nghệ 10 - Công nghệ trồng trọt / Lê Huy Hoàng (tổng ch.b.), Đồng Huy Giới (ch.b.), Lê Ngọc Anh... - Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 144 tr. : minh họa ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 19700đ. - 69800b

Đầu bìa sách ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo s639434

2102. Công nghệ 12 - Lâm nghiệp - Thủy sản / Lê Huy Hoàng (tổng ch.b.), Đồng Huy Giới (ch.b.), Nguyễn Xuân Cảnh... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 144 tr. : minh họa ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 20000đ. - 7000b

Đầu bìa sách ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo s639437

2103. Gạo lứt: Sản xuất hữu cơ và giảm phát thải khí nhà kính / Nguyễn Văn Khoa, Lê Minh Đức (ch.b.), Vũ Phương Liên... - H. : Nông nghiệp, 2026. - 158 tr. : minh họa ; 21 cm. - 125000đ. - 200b

Thư mục cuối mỗi chương. - Phụ lục: tr. 102-109 s638560

2104. Giáo trình Bệnh truyền nhiễm gia súc / Trương Phúc Vinh (ch.b.), Quách Thị Thanh Tâm, Đặng Mai Phúc, Tân Bích Phượng. - H. : Nông nghiệp, 2026. - 390 tr. : minh họa ; 24 cm. - 395000đ. - 100b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vĩnh Long s640055

2105. Giáo trình Hóa lý đất / Nguyễn Thanh Bình (ch.b.), Nguyễn Xuân Tòng, Lê Bá Long... - Tái bản lần 1. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Công nghiệp Tp. Hồ Chí Minh, 2026. - 287 tr. : minh họa ; 24 cm. - 120000đ. - 300b

Thư mục cuối mỗi chương s640046

2106. Hạt giống hóa vườn cây như thế nào? : Một cuốn sách dạy làm vườn : Dành cho thiếu nhi / Lời: Clayton Tobias Grider ; Tranh: Srimalie Bassani ; Trang Rose dịch. - H. : Kim Đồng, 2026. - 32 tr. : tranh màu ; 21 cm. - 35000đ. - 2000b s637863

2107. Nguyễn Đăng Toàn Chương. Cây địa liền - Nghiên cứu và kỹ thuật sản xuất tại phía Tây tỉnh Gia Lai / Nguyễn Đăng Toàn Chương, Trần Đăng Hòa, Nguyễn Đình Thi. - Huế : Đại học Huế, 2026. - 110 tr. : ảnh, sơ đồ ; 24 cm. - 135000đ. - 200b

Thư mục: tr. 109-110 s637503

2108. Nguyễn Huy Sơn. Cách trồng cây ba kích tím / Nguyễn Huy Sơn. - H. : Nông nghiệp, 2025. - 39 tr. : ảnh ; 21 cm. - 50000đ. - 1000b

Chương trình "1001 cách làm ăn". - Thư mục: tr. 38-39 s638557

2109. Nguyễn Huy Sơn. Cách trồng cây hoàng đằng / Nguyễn Huy Sơn, Phạm Hữu Hạnh. - H. : Nông nghiệp, 2025. - 39 tr. : ảnh ; 21 cm. - 50000đ. - 1000b

Chương trình "1001 cách làm ăn". - Thư mục: tr. 38-39 s638552

2110. Nguyễn Huy Sơn. Cách trồng cây hồi / Nguyễn Huy Sơn. - H. : Nông nghiệp, 2025. - 51 tr. : ảnh, tranh vẽ ; 21 cm. - 50000đ. - 1000b

Chương trình "1001 cách làm ăn". - Thư mục: tr. 51 s638558

2111. Nguyễn Huy Sơn. Cách trồng cây quế / Nguyễn Huy Sơn. - H. : Nông nghiệp, 2025. - 51 tr. : ảnh, tranh vẽ ; 21 cm. - 50000đ. - 1000b

ĐTTS ghi: Hiệp hội Mác-ca Việt Nam. - Chương trình "1001 cách làm ăn". - Thư mục: tr. 51 s638559

2112. Nguyễn Huy Sơn. Cách trồng cây tam thất / Nguyễn Huy Sơn, Phạm Quang Tuyền, Giang Thị Thanh. - H. : Nông nghiệp, 2025. - 39 tr. : minh họa ; 21 cm. - 50000đ. - 1000b

Chương trình "1001 cách làm ăn". - Thư mục: tr. 38-39 s638264

2113. Nguyễn Huy Sơn. Cách trồng cây thảo quả / Nguyễn Huy Sơn, Phùng Nhuệ Giang. - H. : Nông nghiệp, 2025. - 39 tr. : minh họa ; 21 cm. - 50000đ. - 1000b

Chương trình "1001 cách làm ăn". - Thư mục: tr. 38-39 s638263

2114. Nguyễn Huy Sơn. Cách trồng cây trà hoa vàng gân lõm / Nguyễn Huy Sơn, Trần Đức Mạnh. - H. : Nông nghiệp, 2025. - 39 tr. : ảnh ; 21 cm. - 50000đ. - 1000b

ĐTTS ghi: Hiệp hội Mác-ca Việt Nam. - Chương trình "1001 cách làm ăn" s638265

2115. Nguyễn Minh Anh Tuấn. Đặc điểm di truyền học - Một số tính trạng ở cây lúa : Sách chuyên khảo / Nguyễn Minh Anh Tuấn. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 379 tr. : bảng ; 24 cm. - 285000đ. - 100b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Tân Trào. - Thư mục: tr. 292-379 s639876

2116. Nguyễn Thị Minh Huệ. Kỹ thuật trồng một số loại cây dược liệu : Sách chuyên khảo / Nguyễn Thị Minh Huệ. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 119 tr. ; 24 cm. - 128000đ. - 100b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Tân Trào. - Thư mục: tr. 119 s639890

2117. Nông nghiệp và chuyển đổi số : Truy xuất nguồn gốc sản phẩm nông nghiệp sử dụng công nghệ Blockchain / Lê Ngọc Danh, Huỳnh Văn Tùng (ch.b.), Ngô Anh Tuấn... - H. : Nông nghiệp, 2026. - 377 tr. : minh họa ; 21 cm. - 199000đ. - 500b

Thư mục: tr. 374-377 s640054

2118. Phan Văn Thắng. Cách trồng cây sa nhân tím / Phan Văn Thắng, Nguyễn Huy Sơn. - H. : Nông nghiệp, 2025. - 39 tr. : ảnh ; 21 cm. - 50000đ. - 1000b

Chương trình "1001 cách làm ăn". - Thư mục: tr. 38-39 s638551

2119. Thư viện hình ảnh đầu tiên - Trái cây và đồ dùng của bé : Song ngữ Anh - Việt. - H. : Văn học, 2025. - 19 tr. : hình vẽ ; 13 cm. - 50000đ. - 20000b s640615

2120. Thực hành công nghệ sinh học nấm ăn, nấm dược liệu và vi tảo / Nguyễn Thị Diệu Hạnh (ch.b.), Phạm Tấn Việt, Nguyễn Ngọc Ân... - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Công nghiệp Tp. Hồ Chí Minh, 2026. - 165 tr. : minh họa ; 24 cm. - 62000đ. - 500b

Thư mục: tr. 128-130 s640043

2121. Trần Mạnh Báo. Chuyện kể trên cánh đồng / Trần Mạnh Báo. - H. : Văn học, 2026. - 415 tr. : ảnh ; 24 cm. - 288000đ. - 5000b s640230

QUẢN LÝ NHÀ CỬA VÀ GIA ĐÌNH

2122. Bài giảng Quản trị lễ tân : Dùng cho chương trình đào tạo bậc đại học / B.s.: Trần Thị Trương (ch.b.), Lê Thị Minh Toàn, Lê Thị Tuyết Dung... - H. : Kinh tế - Tài chính, 2026. - 253 tr. : minh họa ; 24 cm. - 165000đ. - 500b

ĐTTS ghi: Bộ Tài chính. Trường Đại học Tài chính - Kế toán. - Thư mục: tr. 253 s638288

2123. Bài tập Công nghệ 6 / Lê Huy Hoàng (ch.b.), Trương Thị Hồng Huệ, Lê Xuân Quang... - Tái bản lần thứ 5. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 51 tr. : minh họa ; 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 10000đ. - 8000b s639570

2124. Bích Ngọc. Kỹ năng tự lập / Bích Ngọc b.s. - H. : Văn học, 2026. - 57 tr. : tranh màu ; 24 cm. - (Tủ sách Bồi dưỡng kỹ năng sống). - 41000đ. - 3000b s640209

2125. Bùi Sao. Kỹ năng giao tiếp / Bùi Sao b.s. ; Tranh: Trần Đình. - H. : Văn học, 2026. - 51 tr. : tranh màu ; 23 cm. - (Kỹ năng cho bé). - 48000đ. - 1000b s640267

2126. Bùi Sao. Kỹ năng tinh thần / Bùi Sao b.s. ; Tranh: Trần Đình. - H. : Văn học, 2026. - 47 tr. : tranh màu ; 23 cm. - (Kỹ năng cho bé). - 48000đ. - 1000b s640265

2127. Bùi Sao. Kỹ năng tự bảo vệ mình / Bùi Sao b.s. ; Tranh: Trần Đình. - H. : Văn học, 2026. - 51 tr. : tranh màu ; 23 cm. - (Kỹ năng cho bé). - 48000đ. - 1000b s640264

2128. Bùi Sao. Kỹ năng tự lập / Bùi Sao b.s. ; Tranh: Trần Đình. - H. : Văn học, 2026. - 55 tr. : tranh màu ; 23 cm. - (Kỹ năng cho bé). - 48000đ. - 1000b s640266
2129. Cao Thị Hồng Phương. Bước chậm cùng con : Hành trình của một người mẹ đồng hành cùng con khác biệt / Cao Thị Hồng Phương. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2026. - 188 tr. ; 21 cm. - 146000đ. - 1000b
Phụ lục: tr. 181-188 s640886
2130. Cẩm nang con gái : Tự bảo vệ mình là quan trọng nhất : 35 điều con gái tuổi dậy thì cần biết / Luha Books. - H. : Kinh tế - Tài chính, 2026. - 127 tr. : tranh vẽ ; 24 cm. - 168000đ. - 3000b s638286
2131. Cẩm nang con trai : Tự bảo vệ mình là quan trọng nhất : Những rung động đầu đời và sự tôn trọng các bạn gái / Luha Books. - H. : Kinh tế - Tài chính, 2026. - 128 tr. : tranh vẽ ; 24 cm. - 168000đ. - 3000b s638287
2132. Cẩm nang sản phẩm - Oriflame : Vươn mình rạng rỡ. - H. : Hồng Đức, 2026. - 143 tr. : ảnh màu ; 21 cm. - 24000đ. - 10000b s640976
2133. Cẩm nang sinh hoạt bằng tranh cho bé : Dành cho lứa tuổi 0 đến 7 / Hội Nghiên cứu Khoa học đời sống trẻ em Nhật Bản b.s. ; Tranh: Chika Kitamori ; Kusumi Hue dịch. - Tái bản lần thứ 12. - H. : Kim Đồng. - 23 cm. - (Tủ sách Làm cha mẹ). - 36000đ. - 3000b
T.1. - 2026. - 46 tr. s637822
2134. Cẩm Tuyết. 50 thực đơn nấu ăn gia đình / Cẩm Tuyết. - H. : Hồng Đức, 2026. - 151 tr. : ảnh ; 21 cm. - 65000đ. - 2000b s640924
2135. Có gì nhận nấy, không hờn không dỗi! / Heath McKenzie. - H. : Văn học, 2026. - 26 tr. : tranh vẽ ; 22 cm. - (Tủ sách Dạy con ứng xử). - 69000đ. - 2000b
Tên sách tiếng Anh: You get what you get and you don't get upset! s640244
2136. Con không cần phải thích con chỉ cần ăn thôi / Heath McKenzie. - H. : Văn học, 2026. - 24 tr. : tranh vẽ ; 22 cm. - (Tủ sách Dạy con ứng xử). - 69000đ. - 2000b
Tên sách tiếng Anh: You don't have to like it, you just have to eat it! s640247
2137. Cố hết sức mình còn lại thì đừng lo! / Heath McKenzie. - H. : Văn học, 2026. - 22 tr. : tranh vẽ ; 22 cm. - (Tủ sách Dạy con ứng xử). - 69000đ. - 2000b
Tên sách tiếng Anh: Try your best forget the rest s640248
2138. Công nghệ 6 / Lê Huy Hoàng (tổng ch.b.), Trương Thị Hồng Huệ, Lê Xuân Quang... - Tái bản lần thứ 5. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 75 tr. : minh họa ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 10000đ. - 490500b
Đầu bìa sách ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo s639428
2139. Gậy gộc và sỏi đá có thể làm con gãy xương nhưng lời nói (không bao giờ) làm con tổn thương / Heath McKenzie. - H. : Văn học, 2026. - 22 tr. : tranh vẽ ; 22 cm. - (Tủ sách Dạy con ứng xử). - 69000đ. - 2000b
Tên sách tiếng Anh: Sticks and stones may break my bones but words (can never) hurt me! s640249
2140. Lê Thị Hải. Sổ tay Ăn dặm của mẹ : Giải đáp mọi câu hỏi của mẹ về ăn dặm / Lê Thị Hải. - H. : Thế giới, 2026. - 267 tr. : minh họa ; 21 cm. - 139000đ. - 2000b
Phụ lục: tr. 259-267 s640377
2141. Lê Văn Thịnh. Mỗi cha mẹ là một nhà giáo dục : Dành cho cha mẹ có con từ 0 - 3 tuổi / Lê Văn Thịnh, Nguyễn Thị Mận, Khương Phương Anh. - H. : Văn hóa dân tộc, 2026. - 275 tr. : bảng ; 24 cm. - 286000đ. - 1000b
Thư mục: tr. 274-275 s639989

2142. Mẹ hỏi bé trả lời - Bé thông minh học cùng mẹ : 4 - 5 tuổi / Lời: YosBook ; Tranh: Beibei Xiong ; Hoàng Anh dịch. - Tái bản lần thứ 12. - H. : Kim Đồng, 2026. - 92 tr. : tranh màu ; 13 cm. - 30000đ. - 5000b s638198

2143. Mẹ hỏi bé trả lời - Hỏi đáp rèn trí thông minh : 1 - 2 tuổi / Thanh Anh b.s. ; Thanh Vân dịch. - Tái bản lần thứ 6. - H. : Kim Đồng, 2026. - 100 tr. : tranh màu ; 14 cm. - 36000đ. - 5000b

Tên sách tiếng Anh: 200 questions for intellectual development s638199

2144. Mẹ hỏi bé trả lời - Hỏi đáp rèn trí thông minh : 2 - 3 tuổi / Thanh Anh b.s. ; Thanh Vân dịch. - Tái bản lần thứ 6. - H. : Kim Đồng, 2026. - 100 tr. : tranh màu ; 14 cm. - 36000đ. - 5000b

Tên sách tiếng Anh: 200 questions for intellectual development s638200

2145. Mẹ hỏi bé trả lời - Hỏi đáp rèn trí thông minh : 3 - 4 tuổi / Thanh Anh b.s. ; Thanh Vân dịch. - Tái bản lần thứ 6. - H. : Kim Đồng, 2026. - 100 tr. : tranh màu ; 14 cm. - 36000đ. - 5000b

Tên sách tiếng Anh: 200 questions for intellectual development s638201

2146. Mẹ hỏi bé trả lời - Hỏi đáp rèn trí thông minh : 4 - 5 tuổi / Thanh Anh b.s. ; Thanh Vân dịch. - Tái bản lần thứ 6. - H. : Kim Đồng, 2026. - 100 tr. : tranh màu ; 14 cm. - 36000đ. - 5000b

Tên sách tiếng Anh: 200 questions for intellectual development s638202

2147. Mẹ hỏi bé trả lời - Hỏi đáp rèn trí thông minh : 5 - 6 tuổi / Thanh Anh b.s. ; Thanh Vân dịch. - Tái bản lần thứ 6. - H. : Kim Đồng, 2026. - 100 tr. : tranh màu ; 14 cm. - 36000đ. - 5000b

Tên sách tiếng Anh: 200 questions for intellectual development s638203

2148. Ngọc Lan. Cô gái ơi! Em nên bảo vệ bản thân mình như thế nào? : Hướng dẫn tự bảo vệ bản thân dành riêng cho con gái / Ngọc Lan. - H. : Dân trí, 2026. - 179 tr. : tranh vẽ ; 23 cm. - 420000đ. - 5000b s640071

2149. Nguyễn Hoàng Oanh. 100 từ đầu tiên của bé : Hành trình xây ngôn ngữ, gieo tư duy và kết nối cảm xúc / Nguyễn Hoàng Oanh, Cao Bích Thủy ; Minh họa: Phan Giang. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 30 tr. : bảng, tranh màu ; 30 cm. - 248000đ. - 3000b s638724

2150. Nguyễn Thị Bắc Thái. Giao tiếp tốt - Biết tự lập : Kỹ năng sinh tồn thông minh của trẻ / Nguyễn Thị Bắc Thái b.s. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2026. - 103 tr. ; 19 cm. - 40000đ. - 3000b s638230

2151. Nguyễn Thị Bắc Thái. Thói quen tốt - Biết ứng xử / Nguyễn Thị Bắc Thái b.s. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2026. - 111 tr. : hình vẽ ; 19 cm. - (Kỹ năng sinh tồn thông minh của trẻ). - 40000đ. - 3000b s638229

2152. Nhận biết - Tập nói : Dành cho trẻ 12 - 36 tháng tuổi / Chu Thị Hồng Nhung, Đặng Thị Lê Na. - Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - 15000đ. - 4000b

Q.1. - 2026. - 19 tr. : hình vẽ, tranh màu s639178

2153. Nhận biết - Tập nói : Dành cho trẻ 12 - 36 tháng tuổi / Chu Thị Hồng Nhung, Đặng Thị Lê Na. - Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - 15000đ. - 3500b

Q.2. - 2026. - 20 tr. : minh họa s639179

2154. Nhận biết - Tập nói : Dành cho trẻ 12 - 36 tháng tuổi / Chu Thị Hồng Nhung, Đặng Thị Lê Na. - Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - 15000đ. - 3500b

Q.3. - 2026. - 23 tr. : tranh màu s639180

2155. Noritake Suzuki. Bách khoa toàn thư về "rắc rối" / Noritake Suzuki ; Xuân Phan dịch. - H. : Văn học. - 21 cm. - 115000đ. - 2000b
T.1. - 2026. - 47 tr. : tranh màu s640273
2156. Noritake Suzuki. Bách khoa toàn thư về "rắc rối" / Noritake Suzuki ; Xuân Phan dịch. - H. : Văn học. - 21 cm. - 115000đ. - 2000b
T.2. - 2026. - 47 tr. : tranh màu s640274
2157. Quế Chi Era. Nguyên tắc nghề làm mẹ = Principles of parenting / Quế Chi Era, Trần Trọng Thủy. - Huế : Đại học Huế, 2026. - 105 tr. : hình vẽ, sơ đồ ; 21 cm. - 168000đ. - 1000b s637502
2158. Thông dong cùng lớn / Khuất Thị Hải Oanh, Khuê Nguyễn, Đậu Thị Huyền... - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 100 tr. : hình vẽ, ảnh ; 26 cm. - (Lionbooks; No.7). - 169000đ. - 500b
Thư mục: tr. 100 s638338
2159. Thực hành kỹ năng sống dành cho học sinh lớp 6 / Huỳnh Văn Sơn (ch.b.), Nguyễn Thanh Huân, Nguyễn Hữu Long... - Tái bản lần thứ 6. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 71 tr. : minh họa ; 27 cm. - 25000đ. - 3000b
ĐTTS ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo s638949
2160. Thực hành kỹ năng sống dành cho học sinh lớp 8 / Huỳnh Văn Sơn (ch.b.), Mai Mỹ Hạnh, Mai Hiền Lê... - Tái bản lần thứ 5. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 67 tr. : minh họa ; 27 cm. - 25000đ. - 3000b
ĐTTS ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo s638950
2161. Tiền không mọc trên cây / Heath McKenzie. - H. : Văn học, 2026. - 27 tr. : tranh vẽ ; 22 cm. - (Tủ sách Dạy con ứng xử). - 69000đ. - 2000b
Tên sách tiếng Anh: Money doesn't grow on trees s640245
2162. Trạm dừng yêu thương / Thủy Nguyễn, Vùng Đen, Kiến Nhỏ... - H. : Kim Đồng. - 26 cm. - (Tủ sách Kiên thức và kỹ năng sống. Báo Thiếu niên Tiền Phong và Nhi đồng). - 40000đ. - 6000b
Q.26. - 2026. - 62 tr. : hình vẽ, ảnh s637540
2163. Trần Công Ba. Giáo dục nhân bản theo độ tuổi : Sau khi sinh cho tới 11 tuổi / Trần Công Ba b.s. - H. : Hồng Đức. - 21 cm. - 50000đ. - 2000b
T.2. - 2026. - 321 tr. : hình vẽ, bảng. - Thư mục: tr. 295-307 s640915
2164. Trần Công Ba. Giáo dục nhân bản theo độ tuổi : Sau khi sinh cho tới 11 tuổi / Trần Công Ba b.s. - H. : Hồng Đức. - 21 cm. - 45000đ. - 2000b
T.3. - 2026. - 231 tr. : hình vẽ, bảng. - Thư mục: tr. 214-225 s640916
2165. Trần Tuấn Hồng. Dũng cảm lên bạn nhỏ = Be brave, little one! : Song ngữ Việt - Anh / Trần Tuấn Hồng ; Đặng Hồng Quân dịch. - H. : Văn học, 2026. - 23 tr. : tranh màu ; 22 cm. - (Bộ sách Kỹ năng giúp trẻ tư duy tích cực - Làm chủ cảm xúc = Life skills for kids: Positive thinking & managing emotions). - 32000đ. - 2000b s640241
2166. Trần Tuấn Hồng. Gặp trở ngại, nhưng mình chẳng sợ = I'm not afraid of facing obstacles! : Song ngữ Việt - Anh / Trần Tuấn Hồng ; Đặng Hồng Quân dịch. - H. : Văn học, 2026. - 23 tr. : tranh màu ; 22 cm. - (Bộ sách Kỹ năng giúp trẻ tư duy tích cực - Làm chủ cảm xúc = Life skills for kids: Positive thinking & managing emotions). - 32000đ. - 2000b s640240
2167. Trần Tuấn Hồng. Học cách tìm ra giải pháp = Learning to find solutions : Song ngữ Việt - Anh / Trần Tuấn Hồng ; Đặng Hồng Quân dịch. - H. : Văn học, 2026. - 23 tr. : tranh màu ; 22 cm. - (Bộ sách Kỹ năng giúp trẻ tư duy tích cực - Làm chủ cảm xúc = Life skills for kids: Positive thinking & managing emotions). - 32000đ. - 2000b s640236

2168. Trần Tuấn Hồng. Mình không còn sợ đau nữa! = I'm not afraid of pain anymore! : Song ngữ Việt - Anh / Trần Tuấn Hồng ; Đặng Hồng Quân dịch. - H. : Văn học, 2026. - 23 tr. : tranh màu ; 22 cm. - (Bộ sách Kỹ năng giúp trẻ tư duy tích cực - Làm chủ cảm xúc = Life skills for kids: Positive thinking & managing emotions). - 32000đ. - 2000b s640239

2169. Trần Tuấn Hồng. Mình muốn chấm dứt tính xấu! = I want to stop my bad habits : Song ngữ Việt - Anh / Trần Tuấn Hồng ; Đặng Hồng Quân dịch. - H. : Văn học, 2026. - 23 tr. : tranh màu ; 22 cm. - (Bộ sách Kỹ năng giúp trẻ tư duy tích cực - Làm chủ cảm xúc = Life skills for kids: Positive thinking & managing emotions). - 32000đ. - 2000b s640242

2170. Trần Tuấn Hồng. Mình sẽ không nhút nhát nữa = I won't be shy anymore : Song ngữ Việt - Anh / Trần Tuấn Hồng ; Đặng Hồng Quân dịch. - H. : Văn học, 2026. - 23 tr. : tranh màu ; 22 cm. - (Bộ sách Kỹ năng giúp trẻ tư duy tích cực - Làm chủ cảm xúc = Life skills for kids: Positive thinking & managing emotions). - 32000đ. - 2000b s640238

2171. Trần Tuấn Hồng. Mình yêu những lúc "xa thơm" = I love our sweet little goodbyes : Song ngữ Việt - Anh / Trần Tuấn Hồng ; Đặng Hồng Quân dịch. - H. : Văn học, 2026. - 23 tr. : tranh màu ; 22 cm. - (Bộ sách Kỹ năng giúp trẻ tư duy tích cực - Làm chủ cảm xúc = Life skills for kids: Positive thinking & managing emotions). - 32000đ. - 2000b s640243

2172. Trần Tuấn Hồng. Nào bé con, tự tin lên nhé! = Come on, little one, be confident! : Song ngữ Việt - Anh / Trần Tuấn Hồng ; Đặng Hồng Quân dịch. - H. : Văn học, 2026. - 23 tr. : tranh màu ; 22 cm. - (Bộ sách Kỹ năng giúp trẻ tư duy tích cực - Làm chủ cảm xúc = Life skills for kids: Positive thinking & managing emotions). - 32000đ. - 2000b s640235

2173. Trần Tuấn Hồng. Nói dối khiến mình không vui : Lies don't make me happy : Song ngữ Việt - Anh / Trần Tuấn Hồng ; Đặng Hồng Quân dịch. - H. : Văn học, 2026. - 23 tr. : tranh màu ; 22 cm. - (Bộ sách Kỹ năng giúp trẻ tư duy tích cực - Làm chủ cảm xúc = Life skills for kids: Positive thinking & managing emotions). - 32000đ. - 2000b s640232

2174. Trần Tuấn Hồng. Tha thứ giúp mình yên lòng = Forgiveness brings peace to the heart : Song ngữ Việt - Anh / Trần Tuấn Hồng ; Đặng Hồng Quân dịch. - H. : Văn học, 2026. - 23 tr. : tranh màu ; 22 cm. - (Bộ sách Kỹ năng giúp trẻ tư duy tích cực - Làm chủ cảm xúc = Life skills for kids: Positive thinking & managing emotions). - 32000đ. - 2000b s640234

2175. Trần Tuấn Hồng. Thua thì mình làm lại thôi! = If you lose, just try again! : Song ngữ Việt - Anh / Trần Tuấn Hồng ; Đặng Hồng Quân dịch. - H. : Văn học, 2026. - 23 tr. : tranh màu ; 22 cm. - (Bộ sách Kỹ năng giúp trẻ tư duy tích cực - Làm chủ cảm xúc = Life skills for kids: Positive thinking & managing emotions). - 32000đ. - 2000b s640233

2176. Trần Tuấn Hồng. Vì sao cần quan tâm đến người khác? = Why should we care about others? : Song ngữ Việt - Anh / Trần Tuấn Hồng ; Đặng Hồng Quân dịch. - H. : Văn học, 2026. - 23 tr. : tranh màu ; 22 cm. - (Bộ sách Kỹ năng giúp trẻ tư duy tích cực - Làm chủ cảm xúc = Life skills for kids: Positive thinking & managing emotions). - 32000đ. - 2000b s640237

2177. Triệu Thị Chơí. Nấu ăn gia đình : 30 thực đơn ngày thường, 52 món ăn ngày Chủ nhật / Triệu Thị Chơí. - H. : Hồng Đức, 2026. - 214 tr., 8 tr. ảnh : bảng ; 21 cm. - 65000đ. - 1000b s640919

2178. Trung thực là cách tốt nhất / Heath McKenzie. - H. : Văn học, 2026. - 26 tr. : tranh vẽ ; 22 cm. - (Tủ sách Dạy con ứng xử). - 69000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Anh: Honesty is the best policy s640246

2179. Tuệ Minh. Cha mẹ thông thái: Cùng con chinh phục tuổi ẵm ưong / Tuệ Minh b.s. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2026. - 107 tr. : hình vẽ ; 19 cm. - (Bộ sách Tâm lý thiếu niên). - 40000đ. - 3000b s638226

2180. Tuệ Minh. Cha mẹ thông thái: Cùng con gái bước qua tuổi dậy thì / Tuệ Minh b.s. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2026. - 105 tr. : hình vẽ ; 19 cm. - (Bộ sách Tâm lý thiếu niên). - 40000đ. - 3000b s638227

2181. Tuệ Minh. Cha mẹ thông thái: Cùng con trai bước qua tuổi dậy thì / Tuệ Minh b.s. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2026. - 107 tr. : hình vẽ ; 19 cm. - (Bộ sách Tâm lý thiếu niên). - 40000đ. - 3000b s638222

2182. Tuệ Minh. Dạy con đúng cách: Gieo mầm hạnh phúc - Gặt hái yêu thương / Tuệ Minh b.s. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2026. - 115 tr. : hình vẽ ; 19 cm. - (Bộ sách Kỹ năng làm cha mẹ). - 40000đ. - 3000b s638225

2183. Tuệ Minh. Dạy con đúng cách: Không đánh, không mắng / Tuệ Minh b.s. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2026. - 107 tr. : hình vẽ ; 19 cm. - (Bộ sách Kỹ năng làm cha mẹ). - 40000đ. - 3000b s638224

2184. Tuệ Minh. Dạy con đúng cách: Kỷ luật không nước mắt / Tuệ Minh b.s. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2026. - 111 tr. : hình vẽ ; 19 cm. - (Bộ sách Kỹ năng làm cha mẹ). - 40000đ. - 3000b s638223

2185. Tuệ Minh. Dạy con đúng cách: Trẻ tự quản - Gia đình hạnh phúc / Tuệ Minh b.s. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2026. - 119 tr. : hình vẽ ; 19 cm. - (Bộ sách Kỹ năng làm cha mẹ). - 40000đ. - 3000b s638228

2186. Vợ thực hành Công nghệ 6 / Lê Huy Hoàng (tổng ch.b.), Trương Thị Hồng Huệ, Lê Xuân Quang... - Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 72 tr. : minh họa ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 28000đ. - 3000b s639441

2187. Vợ thực hành Công nghệ 7 / Đồng Huy Giới (ch.b.), Cao Bá Cường, Bùi Hữu Đoàn... - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 44 tr. : minh họa ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 20000đ. - 3000b s639442

2188. Xoay xoay xoay - Đi tìm màu sắc : Dành cho trẻ em từ 0 - 6 tuổi / Minh họa: Nathalie Choux ; Thành Đạt dịch. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 12 tr. : hình vẽ ; 21 cm. - (Tủ sách Tương tác). - 145000đ. - 1000b

Tên sách tiếng Pháp: Mon imagier-jeu des couleurs s638445

QUẢN LÝ VÀ QUAN HỆ CÔNG CỘNG

2189. Áp dụng nguyên tắc kế toán quản trị quốc tế vào khu vực công ở Việt Nam - Thực trạng và định hướng : Sách chuyên khảo / B.s.: Ngô Thanh Hoàng, Nguyễn Đào Tùng, Đinh Trọng Thắng (ch.b.)... - H. : Kinh tế - Tài chính, 2026. - 160 tr. : bảng ; 30 cm. - 2000b
Thư mục: tr. 155-159 s638675

2190. Bùi Bình. Sổ tay Thuế thực chiến nâng cao : Cẩm nang rà soát báo cáo tài chính và tự tin làm việc với Thanh tra thuế, Bảo hiểm xã hội / Bùi Bình. - H. : Kinh tế - Tài chính, 2026. - 280 tr. : bảng ; 27 cm. - 300000đ. - 1000b s638672

2191. Burg, Bob. Người dám cho đi = The go-giver : Câu chuyện nhỏ về một ý tưởng kinh doanh thành công / Bob Burg, John David Mann ; Dịch: Dương Hoàng Thanh Giang, Nguyễn Thị Trúc Quỳnh. - In lần thứ 32. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2026. - 148 tr. ; 21 cm. - 65000đ. - 3000b s640853

2192. Cẩm nang Hướng dẫn thực hành Ủy ban Kiểm toán / Nguyễn Anh Tuấn, Đồng Thị Thu Hương, Nguyễn Thế Mạnh... - H. : Công Thương, 2026. - 347 tr. : minh họa ; 24 cm. - (Tủ

sách SGD: Lãnh đạo, quản trị, ESG)(Bộ cẩm nang dành cho Hội đồng quản trị). - 259000đ. - 1000b

Phụ lục: tr. 225-345. - Thư mục: tr. 346-347 s639981

2193. Gallo, Carmine. Bí mật của người kể chuyện = The storyteller's secret : Nghệ thuật kể chuyện của diễn giả TED và những huyền thoại kinh doanh / Carmine Gallo ; Ngô Thế Vinh dịch. - Tái bản lần thứ 4. - H. : Thế giới, 2026. - 439 tr. ; 21 cm. - 199000đ. - 3000b s640381

2194. Giáo trình Marketing quốc tế / B.s.: Dư Thị Chung (ch.b.), Nguyễn Thị Hồng Hoa, Trịnh Thị Hồng Minh, Nguyễn Thị Thúy. - H. : Hồng Đức, 2026. - 313 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 87000đ. - 1000b

ĐTTS ghi: Bộ Tài chính. Trường Đại học Tài chính - Marketing. - Thư mục: tr. 313 s640943

2195. Giáo trình Phân tích báo cáo tài chính / B.s.: Vũ Duy Hào (ch.b.), Đỗ Hồng Nhung, Trần Thị Thanh Tú... - H. : Công Thương, 2026. - 379 tr. : minh họa ; 25 cm. - 88000đ. - 1000b

ĐTTS ghi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Trung tâm Nghiên cứu khoa học và Đào tạo chứng khoán. - Thư mục cuối mỗi chương. - Phụ lục: tr. 324-379 s640010

2196. Giáo trình Quản lý học / B.s.: Nguyễn Thị Ngọc Huyền, Đoàn Thị Thu Hà, Đỗ Thị Hải Hà (ch.b.)... - Tái bản lần thứ 7. - H. : Đại học Kinh tế Quốc dân, 2026. - 975 tr. : minh họa ; 24 cm. - 322000đ. - 500b

ĐTTS ghi: Đại học Kinh tế Quốc dân. Trường Kinh tế và Quản lý công. Khoa Khoa học Quản lý. - Thư mục cuối mỗi chương s638564

2197. Giáo trình Quản trị học / Nguyễn Thị Dung, Phạm Bảo Dương, Nguyễn Thực Huy (ch.b.)... - H. : Đại học Kinh tế Quốc dân, 2026. - 266 tr. : minh họa ; 29 cm. - 246000đ. - 500b

ĐTTS ghi: Bộ Nông nghiệp & Môi trường. Trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang. - Thư mục: tr. 264-266 s638844

2198. Giáo trình Tư vấn tài chính và bảo lãnh phát hành chứng khoán / Đoàn Thanh Hà (ch.b.), Nguyễn Đức Trung, Ngô Hướng... - H. : Công Thương, 2026. - 474 tr. : minh họa ; 25 cm. - 95000đ. - 1000b

ĐTTS ghi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Trung tâm Nghiên cứu khoa học và Đào tạo chứng khoán. - Thư mục cuối mỗi chương. - Phụ lục: tr. 465-474 s640009

2199. Hà Sơn Tùng. Giáo trình Quản trị chiến lược / Ch.b.: Hà Sơn Tùng, Ngô Kim Thanh. - Tái bản lần thứ 11. - H. : Đại học Kinh tế Quốc dân, 2026. - xvi, 562 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 186000đ. - 600b

ĐTTS ghi: Đại học Kinh tế Quốc dân. Trường Kinh doanh. Khoa Quản trị kinh doanh. - Thư mục cuối mỗi chương s638562

2200. Heath, Dan. Tư duy đầu nguồn = Upstream : Giải quyết vấn đề từ trong trứng nước / Dan Heath ; Lan Anh dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2026. - 436 tr. : minh họa ; 21 cm. - 180000đ. - 1000b

Phụ lục: tr. 375-377 s640842

2201. Inamori Kazuo. Cách sống : Từ bình thường trở nên phi thường / Inamori Kazuo ; Phạm Hữu Lợi dịch. - In lần 31. - H. : Công Thương, 2026. - 226 tr. ; 21 cm. - 99000đ. - 8000b
Tên sách tiếng Anh: A compass to fulfillment s637472

2202. Jantsch, John. Doanh nhân suy ngẫm : 365 ngày nuôi dưỡng tâm hồn và phát triển cho doanh nghiệp / John Jantsch ; Quốc Đạt dịch. - Thanh Hóa : Nxb. Thanh Hóa, 2026. - 424 tr. ; 24 cm. - 339000đ. - 1000b

Tên sách tiếng Anh: The self-reliant entrepreneur s639962

2203. Kỹ yếu Hội thảo khoa học quốc gia: Quản lý Tài chính - Kế toán trong bối cảnh pháp lý và công nghệ mới / Trần Thị Kim Anh, Phạm Vũ Thanh Nhân, Trần Linh Giang... - Hải Phòng : Nxb. Hàng hải, 2026. - 719 tr. : minh họa ; 30 cm. - 15b

Đầu bìa sách ghi: Trường Đại học Ngoại thương... - Thư mục cuối mỗi bài s638845

2204. Michalowicz, Mike. Dòng tiền gắn liền lợi nhuận : Hóa giải nghịch lý kinh doanh có lãi mà không thấy tiền / Mike Michalowicz ; Nhóm Alpha books dịch. - Tái bản lần thứ 7. - H. : Công Thương, 2026. - 281 tr. : bìa ; 24 cm. - 199000đ. - 3000b

Tên sách tiếng Anh: Profit first. - Phụ lục: tr. 274-281 s637491

2205. Mối liên hệ giữa marketing xanh trên mạng xã hội và ý định quay trở lại của du khách nội địa ở Việt Nam : Sách tham khảo / Trương Tấn Quân, Nguyễn Hữu Hoàng Thọ, Hoàng Đức Sinh (ch.b.)... - Huế : Đại học Huế, 2026. - 154 tr. : hình vẽ, bìa ; 24 cm. - 168000đ. - 50b

Thư mục: tr. 126-147. - Phụ lục: tr. 148-154 s637504

2206. 1 ngày bằng 48 giờ : Sổ tay quản lý thời gian hiệu quả / Instant Research Institute ; Minh Minh dịch. - Tái bản lần 7. - H. : Văn học, 2026. - 206 tr. : minh họa ; 21 cm. - 72000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Trung: 如何把一天过成48小时: 职场第一颗. 时间管理 s640374

2207. Ngô Tùng Thông. Câu chuyện về di sản : Gieo mầm minh triết / Ngô Tùng Thông. - H. : Văn học, 2026. - 350 tr. ; 21 cm. - 219000đ. - 1000b

Tên sách tiếng Anh: Legacy beyond inheritance s640120

2208. Nguyễn Duy Tân. Lãnh đạo minh triết : Tích hợp đa văn hóa Đông Tây cho lãnh đạo doanh nghiệp thời AI / Nguyễn Duy Tân. - H. : Hồng Đức, 2026. - 240 tr. : minh họa ; 21 cm. - 268000đ. - 1000b s640930

2209. Nguyễn Hoàng Phương. Cẩm nang Các mô hình công cụ marketing cho SMEs / Nguyễn Hoàng Phương, Lê Minh Thái. - H. : Hồng Đức, 2026. - 319 tr. : minh họa ; 21 cm. - 398000đ. - 1000b

Phụ lục: tr. 314-315. - Thư mục: tr. 316-319 s640897

2210. Nguyễn Hoàng Phương. Marketing cho SMEs : Từ chiến lược đến thực thi / Nguyễn Hoàng Phương, Nguyễn Tất Nghĩa. - Tái bản, cập nhật. - H. : Công Thương, 2026. - 411 tr. : minh họa ; 24 cm. - 558000đ. - 1000b

Thư mục: tr. 411 s639983

2211. Nguyễn Khoa Hồng Thành. Thương hiệu bước qua thao túng để chữa lành : Ứng dụng tâm lý học chiều sâu trong xây dựng thương hiệu / Nguyễn Khoa Hồng Thành. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2026. - 256 tr. ; 21 cm. - 115000đ. - 1500b

Thư mục: tr. 229. - Phụ lục: tr. 239-253 s640836

2212. Nguyễn Minh Triết. Giải mã video marketing : Từ ý tưởng đến triển khai / Nguyễn Minh Triết. - H. : Công Thương, 2026. - 147 tr. : minh họa ; 24 cm. - 200000đ. - 1000b s639985

2213. Nguyễn Tấn Bình. Quyết định đầu tư : Thẩm định dự án. Định giá doanh nghiệp / Nguyễn Tấn Bình. - H. : Kinh tế - Tài chính, 2026. - 734 tr. : bìa, biểu đồ ; 24 cm. - 780000đ. - 2000b

Phụ lục cuối mỗi chương. - Thư mục: tr. 734 s638485

2214. Phạm Duy Hưng. Giáo trình Lý thuyết kiểm toán / Ch.b.: Phạm Duy Hưng, Trần Thị Diên. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 235 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - 200000đ. - 100b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Tân Trào. - Thư mục: tr. 234-235 s639885

2215. Phạm Thị Ngọc Mai. Giáo trình Bán hàng chuyên nghiệp nâng cao / Phạm Thị Ngọc Mai b.s. - H. : Hồng Đức, 2026. - 329 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 198000đ. - 300b

ĐTTS ghi: Bộ Tài chính. Trường Đại học Tài chính - Marketing. - Thư mục cuối mỗi chương s640944

2216. Phan Trọng Bình. Nghề truyền thông thị giác: Truyền sao cho thông? / Phan Trọng Bình. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2026. - 284 tr. ; 21 cm. - 125000đ. - 1000b s640840

2217. Sách hướng dẫn quản trị vận hành & công nghệ / B.s.: Trần Quốc Tuấn (ch.b.), Nguyễn Thanh Lâm, Trần Nguyễn Kim Đan... - H. : Hồng Đức, 2026. - 373 tr. : minh họa ; 21 cm. - 106000đ. - 1000b

ĐTTS ghi: Bộ Tài chính. Trường Đại học Tài chính - Marketing. - Thư mục: tr. 371-373 s640913

2218. Schaefer, Mark W. Táo bạo và liều lĩnh trong marketing : Cú hích thương hiệu, bước nhảy doanh số = Audacious : How humans win in an AI marketing world / Mark Schaefer ; Trang Anh dịch. - H. : Công Thương, 2026. - 387 tr. : hình vẽ, ảnh ; 21 cm. - 198000đ. - 2000b s639997

2219. Sharp, Byron. Con đường tăng trưởng thương hiệu : Sự thật đằng sau các chương trình quảng cáo, khuyến mại và khách hàng thân thiết / Byron Sharp ; Trịnh Thu Hằng dịch ; Đoàn Đức Thuận h.đ. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Công Thương, 2026. - 306 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 249000đ. - 3000b

Tên sách tiếng Anh: How brands grow : What marketers don't know s640006

2220. Sweeney, Benjamin. Hướng dẫn triển khai Lean Six Sigma = Lean Six Sigma quickstart guide / Benjamin Sweeney ; Mai Chí Trung dịch. - Tái bản lần 2. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2026. - 193 tr. : minh họa ; 23 cm. - (Tủ sách Doanh trí). - 190000đ. - 500b

Phụ lục: tr. 167-193 s640832

2221. Tài liệu học tập: Tiếng Trung đàm phán thương mại / B.s.: Nguyễn Trọng Đông, Hoàng Thị Thái Huyền, Nguyễn Thị Ngọc Liên, Nguyễn Tuấn Hải. - H. : Công Thương, 2026. - 80 tr. : bảng ; 27 cm. - 100000đ. - 500b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội. Khoa Tiếng Trung và Tiếng Nhật s637591

2222. Tammy Dinh. Khi sản phẩm chưa thành công : Góc nhìn từ R&D - Tổ chức - Thị trường : Dành cho nhà quản lý, người làm sản phẩm và lãnh đạo doanh nghiệp / Tammy Dinh. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - vi, 118 tr. ; 20 cm. - 179000đ. - 299b s638399

2223. Tammy Dinh. Nghệ thuật xây dựng hệ thống : Quyết định lãnh đạo và hệ quả tổ chức : Dành cho nhà quản lý, người làm sản phẩm và lãnh đạo doanh nghiệp / Tammy Dinh. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - vi, 58 tr. ; 20 cm. - 119000đ. - 299b s638400

2224. Templar, Richard. Việc hôm nay chớ để ngày mai : Đừng để sự trì hoãn làm hỏng mọi việc / Richard Templar ; Đức Anh dịch. - Tái bản lần thứ 9. - H. : Thế giới, 2026. - 226 tr. ; 18 cm. - 99000đ. - 3000b

Tên sách tiếng Anh: How to get things done without trying too hard s640708

2225. Trần Ngọc Lâm. Giáo trình Tài chính khởi nghiệp = Entrepreneurial finance / Trần Ngọc Lâm ch.b. - H. : Kinh tế - Tài chính, 2026. - 622 tr. : minh họa ; 24 cm. - 490000đ. - 3000b

Thư mục: tr. 622 s640738

2226. Trung Đình. Kiến tạo doanh nghiệp gia đình trăm năm: Triết lý truyền thừa và kế nghiệp từ Nhật Bản = Building a century-lasting family business: Japanese philosophy of legacy and succession / Trung Đình, Phạm Ngọc Tuấn. - H. : Công Thương, 2026. - 297 tr. : minh họa ; 21 cm. - 285000đ. - 1000b

Phụ lục: tr. 293-294. - Thư mục: tr. 295-297 s637485

2227. Văn phòng trên mây, tư duy ngoài hộp : Vận hành trong thời đại số / Đội ngũ Book Hunter. - H. : Văn học, 2026. - 157 tr. ; 21 cm. - 150000đ. - 1000b s640197

2228. Vi Xuân Học. Giáo trình Xây dựng và quản lý dự án / Vi Xuân Học (ch.b.), Trần Thị Thanh Vân. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 139 tr. : minh họa ; 24 cm. - 165000đ. - 100b
ĐTTS ghi: Trường Đại học Tân Trào. - Thư mục: tr. 138-139 s639886

2229. Vitale, Joe. Thôi miên bằng ngôn từ : Nghệ thuật quyến rũ và thuyết phục khách hàng chỉ bằng ngôn từ của bạn / Joe Vitale ; Phúc Lâm dịch. - H. : Hồng Đức, 2026. - 335 tr. ; 24 cm. - 218000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Anh: Hypnotic writing. - Thư mục: tr. 326-332 s640942

2230. Vở luyện viết nhanh tốc ký cho học sinh từ lớp 6 : Kiểu viết đứng / Hoàng Quỳnh Mai. - H. : Dân trí, 2026. - 60 tr. ; 24 cm. - 45000đ. - 10000b s640073

2231. Watkins, Michael D. Đường đi của sói - Trí tuệ của cáo - Mưu lược chim ưng / Michael D. Watkins ; Hoài Thu dịch. - H. : Công Thương, 2026. - 294 tr. : bảng, sơ đồ ; 21 cm. - 209000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Anh: The six disciplines of strategic thinking : Leading your organization into the future s637461

2232. Zaid, Yaniv. Thánh kinh marketing - Bí thuật chốt đơn dân sale cần biết = The 21st century sales bible / Yaniv Zaid ; Trang Ngô dịch. - Tái bản. - H. : Dân trí, 2026. - 542 tr. ; 21 cm. - 268000đ. - 1000b s640078

KỸ THUẬT HÓA HỌC

2233. Cẩm nang xăng sinh học E10. - H. : Công Thương, 2026. - 16 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - 500b

Đầu bìa sách ghi: Bộ Công Thương s637465

2234. Giáo trình Công nghệ chế biến sản phẩm thủy sản truyền thống / Trương Thị Mộng Thu, Lê Thị Minh Thủy (ch.b.), Trần Thanh Trúc, Nguyễn Thị Như Hạ. - Cần Thơ : Đại học Cần Thơ, 2026. - 173 tr. : minh họa ; 24 cm. - 20000đ. - 50b

Thư mục cuối mỗi chương s638272

2235. Giáo trình Kỹ thuật các quá trình sinh học trong công nghệ thực phẩm = Bioprocess engineering in food technology / Nguyễn Công Hà (ch.b.), Hà Thanh Toàn, Tống Thị Ánh Ngọc, Nguyễn Nhật Minh Phương. - Cần Thơ : Đại học Cần Thơ, 2026. - 254 tr. : minh họa ; 24 cm. - 100000đ. - 100b

Thư mục: tr. 222-254 s638271

2236. Giáo trình Phân tích thực phẩm / Lê Nhất Tâm (ch.b.), Đoàn Như Khuê, Phạm Minh Tuấn, Nguyễn Thị Hương. - Tái bản lần 2 có sửa chữa, bổ sung. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Công nghiệp Tp. Hồ Chí Minh, 2026. - 189 tr. : minh họa ; 24 cm. - 100000đ. - 1000b

Thư mục cuối mỗi chương s640037

2237. Giáo trình Vật lý thực phẩm / B.s.: Đoàn Như Khuê (ch.b.), Nguyễn Khắc Kiệm, Trương Hoàng Duy... - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Công nghiệp Tp. Hồ Chí Minh, 2026. - 238 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 95000đ. - 500b

Thư mục cuối mỗi chương s640049

2238. Hoàng Ngọc Cương. Thực hành phân tích hóa học và hóa sinh thực phẩm = Food biochemistry in practice : A laboratory guide / Hoàng Ngọc Cương (ch.b.), Stanislav Rizevsky, Đỗ Thái Huy Trường. - H. : Khoa học Tự nhiên và Công nghệ, 2026. - 172 tr. : minh họa ; 24 cm. - 150000đ. - 500b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Bình Dương. Khoa Công nghệ thực phẩm. - Thư mục: tr. 171-172 s640754

2239. Hoàng Thị Ngọc Diệp. Tiếng Anh chuyên ngành Kỹ thuật công nghệ hóa học = English for chemical engineering and technology / Hoàng Thị Ngọc Diệp ; Phạm Thị Dương h.d. - Hải Phòng : Nxb. Hàng hải, 2026. - 152 tr. : hình vẽ, bảng ; 25 cm. - 106000đ. - 100b

Thư mục: tr. 151 s640027

2240. Nguyễn Duy Thịnh. Cách chế biến các sản phẩm từ đậu tương : Sữa đậu nành, đậu phụ, xì dầu, tương / Nguyễn Duy Thịnh, Đặng Thị Thanh Quyên. - H. : Nông nghiệp, 2025. - 43 tr. : minh họa ; 21 cm. - 50000đ. - 1000b

Chương trình "1001 cách làm ăn" s638556

2241. Nguyễn Duy Thịnh. Cách chế biến lương thực : Gạo, ngô, sắn, khoai lang / Nguyễn Duy Thịnh, Đặng Thị Thanh Quyên. - H. : Nông nghiệp, 2025. - 63 tr. : minh họa ; 21 cm. - 62000đ. - 1000b

Chương trình "1001 cách làm ăn" s638555

2242. Nguyễn Duy Thịnh. Cách chế biến rau - quả và thịt - cá / Nguyễn Duy Thịnh, Đặng Thị Thanh Quyên. - H. : Nông nghiệp, 2025. - 63 tr. : minh họa ; 21 cm. - 62000đ. - 1000b

Chương trình "1001 cách làm ăn" s638554

2243. Nguyễn Duy Thịnh. Cách chế biến sữa và sản xuất bánh kẹo / Nguyễn Duy Thịnh, Đặng Thị Thanh Quyên. - H. : Nông nghiệp, 2025. - 47 tr. : minh họa ; 21 cm. - 50000đ. - 1000b

Chương trình "1001 cách làm ăn" s638553

2244. Nguyễn Minh Anh Tuấn. Giáo trình Công nghệ sinh học / Nguyễn Minh Anh Tuấn, Hoàng Thị Thu Hoàn (ch.b.), Nguyễn Thị Dung. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 287 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 230000đ. - 100b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Tân Trào. - Thư mục: tr. 284-287 s639806

2245. Nguyễn Thị Thủy Tiên. Hoạt độ nước: Lý thuyết và ứng dụng trong công nghệ thực phẩm : Sách tham khảo / Nguyễn Thị Thủy Tiên (ch.b.), Hoàng Minh Tuấn, Lê Thị Ly Na. - Huế : Đại học Huế, 2026. - 109 tr. : minh họa ; 24 cm. - 125000đ. - 50b

ĐTTS ghi: Đại học Huế. Trường Đại học Nông Lâm. - Thư mục: tr. 103-106. - Phụ lục: tr. 107-109 s637513

2246. Sách giáo trình Công nghệ sản xuất thực phẩm lên men / Nguyễn Quang Vinh (ch.b.), Nguyễn Minh Trung, Mai Thị Hải Anh, Lê Cao Linh Chi. - H. : Khoa học Tự nhiên và Công nghệ, 2026. - 494 tr. : minh họa ; 24 cm. - 100000đ. - 100b

Thư mục: tr. 485-494 s640757

2247. Sách hướng dẫn thực hành Vật lý thực phẩm / B.s.: Nguyễn Khắc Kiệm (ch.b.), Đoàn Như Khuê, Trương Hoàng Duy... - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Công nghiệp Tp. Hồ Chí Minh, 2026. - 88 tr. : minh họa ; 24 cm. - 60000đ. - 500b

Thư mục cuối mỗi bài. - Phụ lục: tr. 85-88 s640047

2248. Thực hành phân tích thực phẩm / Lê Nhất Tâm (ch.b.), Đoàn Như Khuê, Nguyễn Thị Hương, Phạm Minh Tuấn. - Tái bản lần 2 có sửa chữa, bổ sung. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Công nghiệp Tp. Hồ Chí Minh, 2026. - 97 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 50000đ. - 1000b

NGHỆ THUẬT, MỸ THUẬT VÀ NGHỆ THUẬT TRANG TRÍ

2249. Âm nhạc 6 / Hoàng Long, Đỗ Thị Minh Chính (tổng ch.b.), Vũ Mai Lan (ch.b.)... - Tái bản lần thứ 5. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 67 tr. : minh họa ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 8300đ. - 300000b s638879

2250. Âm nhạc 7 / Hoàng Long, Đỗ Thị Minh Chính (tổng ch.b.), Vũ Mai Lan (ch.b.)... - Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 67 tr. : minh họa ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 8300đ. - 406300b s638880

2251. Âm nhạc 8 / Hoàng Long (tổng ch.b.), Vũ Mai Lan (ch.b.), Bùi Minh Hoa... - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 67 tr. : minh họa ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 7900đ. - 339600b s638881

2252. Âm nhạc 9 / Hoàng Long (tổng ch.b.), Bùi Minh Hoa, Vũ Mai Lan... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 67 tr. : minh họa ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 7900đ. - 13000b s638882

2253. Bài tập Mỹ thuật 6 / Đoàn Thị Mỹ Hương, Đinh Gia Lê (ch.b.), Phạm Duy Anh... - Tái bản lần thứ 5. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 63 tr. : minh họa ; 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 12000đ. - 16000b s639589

2254. Bài tập Mỹ thuật 7 / Nguyễn Xuân Nghị (ch.b.), Phạm Duy Anh, Đoàn Thị Mỹ Hương, Vũ Thị Thanh Hương. - Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 63 tr. : minh họa ; 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 12000đ. - 5000b s639590

2255. Bài tập Mỹ thuật 8 / Đinh Gia Lê (ch.b.), Phạm Duy Anh, Trương Triều Dương, Đoàn Thị Mỹ Hương. - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 63 tr. : minh họa ; 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 12000đ. - 1500b s639591

2256. Bài tập Mỹ thuật 9 / Đinh Gia Lê (ch.b.), Phạm Duy Anh, Đoàn Thị Mỹ Hương, Trương Triều Dương. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 63 tr. : minh họa ; 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 10000đ. - 25000b s639592

2257. Bài tập Mỹ thuật 9 / Đinh Gia Lê (ch.b.), Phạm Duy Anh, Trương Triều Dương, Đoàn Thị Mỹ Hương. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 63 tr. : minh họa ; 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 10000đ. - 5000b s639593

2258. Bé tô màu - Rau, củ, quả / Hoàng Sơn. - Thanh Hóa : Nxb. Thanh Hóa, 2026. - 16 tr. : tranh vẽ ; 27 cm. - 15000đ. - 5000b s638797

2259. Bé tô màu 9999 : Tô màu sáng tạo 2 - 6 tuổi : Song ngữ Anh - Việt / Thanh Hương. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 159 tr. : tranh vẽ ; 19x21 cm. - 99000đ. - 5000b s638381

2260. Bé tô màu Hello Sanrio và Kuromi. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2025. - 16 tr. : tranh vẽ ; 27 cm. - 12000đ. - 10000b s638658

2261. Bé tô màu sáng tạo - Các loại hoa / Huyền Linh. - H. : Văn học, 2026. - 20 tr. : tranh vẽ ; 20 cm. - 31000đ. - 10000b s640316

2262. Bé tô màu sáng tạo - Các loại ô tô / Huyền Linh. - H. : Văn học, 2026. - 20 tr. : tranh vẽ ; 20 cm. - 31000đ. - 10000b s640318

2263. Bé tô màu sáng tạo - Động vật hoang dã / Huyền Linh. - H. : Văn học, 2026. - 20 tr. : tranh vẽ ; 20 cm. - 31000đ. - 10000b s640313

2264. Bé tô màu sáng tạo - Động vật nuôi / Huyền Linh. - H. : Văn học, 2026. - 20 tr. : tranh vẽ ; 20 cm. - 31000đ. - 10000b s640320

2265. Bé tô màu sáng tạo - Khủng long / Huyền Linh. - H. : Văn học, 2026. - 20 tr. : tranh vẽ ; 20 cm. - 31000đ. - 10000b s640314

2266. Bé tô màu sáng tạo - Phương tiện giao thông / Huyền Linh. - H. : Văn học, 2026. - 20 tr. : tranh vẽ ; 20 cm. - 31000đ. - 10000b s640315

2267. Bé tô màu sáng tạo - Siêu nhân / Huyền Linh. - H. : Văn học, 2026. - 20 tr. : tranh vẽ ; 20 cm. - 31000đ. - 10000b s640317

2268. Bé tô màu sáng tạo - Trái cây / Huyền Linh. - H. : Văn học, 2026. - 20 tr. : tranh vẽ ; 20 cm. - 31000đ. - 10000b s640319

2269. Bé tô màu và học tiếng Anh theo chủ đề: An toàn giao thông : Bé thỏa sức sáng tạo phát triển IQ - EQ - CQ : Dành cho học sinh mầm non / ABBooks. - Thanh Hóa : Nxb. Thanh Hóa, 2026. - 16 tr. : tranh vẽ ; 27 cm. - 12000đ. - 10000b s637582

2270. Bé tô màu và học tiếng Anh theo chủ đề: Bò sát và côn trùng : Bé thỏa sức sáng tạo phát triển IQ - EQ - CQ : Dành cho học sinh mầm non / ABBooks. - Thanh Hóa : Nxb. Thanh Hóa, 2026. - 16 tr. : tranh vẽ ; 27 cm. - 12000đ. - 10000b s637583

2271. Bé tô màu và học tiếng Anh theo chủ đề: Các loại rau củ : Bé thỏa sức sáng tạo phát triển IQ - EQ - CQ : Dành cho học sinh mầm non / ABBooks. - Thanh Hóa : Nxb. Thanh Hóa, 2026. - 16 tr. : tranh vẽ ; 27 cm. - 12000đ. - 10000b s637579

2272. Bé tô màu và học tiếng Anh theo chủ đề: Động vật hoang dã : Bé thỏa sức sáng tạo phát triển IQ - EQ - CQ : Dành cho học sinh mầm non / ABBooks. - Thanh Hóa : Nxb. Thanh Hóa, 2026. - 16 tr. : tranh vẽ ; 27 cm. - 12000đ. - 10000b s637580

2273. Bé tô màu và học tiếng Anh theo chủ đề: Động vật nuôi : Bé thỏa sức sáng tạo phát triển IQ - EQ - CQ : Dành cho học sinh mầm non / ABBooks. - Thanh Hóa : Nxb. Thanh Hóa, 2026. - 16 tr. : tranh vẽ ; 27 cm. - 12000đ. - 10000b s637584

2274. Bé tô màu và học tiếng Anh theo chủ đề: Phương tiện giao thông : Bé thỏa sức sáng tạo phát triển IQ - EQ - CQ : Dành cho học sinh mầm non / ABBooks. - Thanh Hóa : Nxb. Thanh Hóa, 2026. - 16 tr. : tranh vẽ ; 27 cm. - 12000đ. - 10000b s637585

2275. Bé tô màu và học tiếng Anh theo chủ đề: Thế giới đồ chơi : Bé thỏa sức sáng tạo phát triển IQ - EQ - CQ : Dành cho học sinh mầm non / ABBooks. - Thanh Hóa : Nxb. Thanh Hóa, 2026. - 16 tr. : tranh vẽ ; 27 cm. - 12000đ. - 10000b s637578

2276. Bé tô màu và học tiếng Anh theo chủ đề: Trái cây : Bé thỏa sức sáng tạo phát triển IQ - EQ - CQ : Dành cho học sinh mầm non / ABBooks. - Thanh Hóa : Nxb. Thanh Hóa, 2026. - 16 tr. : tranh vẽ ; 27 cm. - 12000đ. - 10000b s637581

2277. Boba sticker book / Phương Anh dịch. - H. : Mỹ thuật, 2026. - 7 tr. : tranh màu ; 25 cm. - 45000đ. - 5000b s638321

2278. Chibi - Tình bạn diệu kỳ : Tô màu Chibi / Little Rainbow. - H. : Văn học, 2026. - 64 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - 68000đ. - 6000b s640443

2279. Chú chó bên hiên nhà / Lulu Mayo. - In lần thứ 2. - H. : Văn học, 2026. - 60 tr. : tranh vẽ ; 23 cm. - 60000đ. - 1000b s640440

2280. Coco & Giáng sinh vui vẻ = Coco & merry christmas : Sách tô màu phong cách Coco Wikyo / Jenny, Wikyo. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 64 tr. : tranh vẽ ; 20 cm. - 60000đ. - 5000b s638408

2281. Coco & góc nhỏ dễ thương = Coco & cute little corner : Sách tô màu phong cách Coco Wikyo / Jenny, Wikyo. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 64 tr. : tranh vẽ ; 20 cm. - 60000đ. - 5000b s638407

2282. Coco & lễ hội Halloween = Coco & Halloween festival : Sách tô màu phong cách Coco Wikyo / Jenny, Wikyo. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 64 tr. : tranh vẽ ; 20 cm. - 60000đ. - 5000b s638406

2283. Coco & những người bạn thân thiết = Coco & cozy friends : Sách tô màu phong cách Coco Wikyo / Jenny, Wikyo. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 64 tr. : tranh vẽ ; 20 cm. - 60000đ. - 5000b s638405

2284. Coco & thế giới cổ tích = Coco & fairy tale world : Sách tô màu phong cách Coco Wikyo / Jenny, Wikyo. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 64 tr. : tranh vẽ ; 20 cm. - 60000đ. - 5000b s638404

2285. Cuốn sách tô màu đầu tiên của tớ: Côn trùng : Dành cho trẻ em từ 3 - 9 tuổi / Lời: Kirsteen Robson ; Minh họa: Jenny Brown ; Minh Trang dịch. - In lần thứ 5. - H. : Văn học, 2026. - 32 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - (Tủ sách Sáng tạo). - 25000đ. - 1000b s640422

2286. Cuốn sách tô màu đầu tiên của tớ: Động vật : Dành cho trẻ em từ 3 - 9 tuổi / Lời: Kirsteen Robson ; Minh họa: Jenny Brown ; Minh Trang dịch. - In lần thứ 6. - H. : Văn học, 2026. - 32 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - (Tủ sách Sáng tạo). - 25000đ. - 1000b s640425

2287. Cuốn sách tô màu đầu tiên của tớ: Halloween : Dành cho trẻ em từ 3 - 9 tuổi / Lời: Kirsteen Robson ; Minh họa: Jenny Brown ; Minh Trang dịch. - In lần thứ 4. - H. : Văn học, 2026. - 32 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - (Tủ sách Sáng tạo). - 25000đ. - 1000b s640424

2288. Cuốn sách tô màu đầu tiên của tớ: Khu vườn xinh đẹp : Dành cho trẻ em từ 3 - 9 tuổi / Lời: Kirsteen Robson ; Minh họa: Jenny Brown ; Minh Trang dịch. - In lần thứ 6. - H. : Văn học, 2026. - 32 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - (Tủ sách Sáng tạo). - 25000đ. - 1000b s640421

2289. Cuốn sách tô màu đầu tiên của tớ: Khủng long : Dành cho trẻ em từ 3 - 9 tuổi / Lời: Kirsteen Robson ; Minh họa: Jenny Brown ; Minh Trang dịch. - In lần thứ 6. - H. : Văn học, 2026. - 32 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - (Tủ sách Sáng tạo). - 25000đ. - 1000b s640423

2290. Cuốn sách tô màu đầu tiên của tớ: Phương tiện giao thông : Dành cho trẻ em từ 3 - 9 tuổi / Lời: Kirsteen Robson ; Minh họa: Jenny Brown ; Minh Trang dịch. - In lần thứ 6. - H. : Văn học, 2026. - 32 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - (Tủ sách Sáng tạo). - 25000đ. - 1000b s640426

2291. Dương Thị Ngọc Bích. Nghề điêu khắc đá non nước Ngũ Hành Sơn: Truyền thống và biến đổi : Sách chuyên khảo / Dương Thị Ngọc Bích. - H. : Công an nhân dân, 2026. - 247 tr. : ảnh, bảng ; 21 cm. - 128000đ. - 100b

Thư mục: tr. 212-223. - Phụ lục: tr. 224-247 s638519

2292. Em tập tô màu - Chủ đề: Các loài chim / Chính Bình. - Tái bản lần 1. - Thanh Hóa : Nxb. Thanh Hóa, 2026. - 16 tr. : tranh vẽ ; 27 cm. - 12000đ. - 10000b s637586

2293. Em tập tô màu - Chủ đề: Đôrêmon / Chính Bình. - Tái bản. - Thanh Hóa : Nxb. Thanh Hóa, 2026. - 16 tr. : tranh vẽ ; 27 cm. - 12000đ. - 10000b s637587

2294. Giáo dục Văn hóa - Nghệ thuật lớp 6 / Nguyễn Khắc Khanh (ch.b.), Nguyễn Quang Thiều, Phạm Thị Ngọc Bích... - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 68 tr. : minh họa ; 27 cm. - 200b s639153

2295. Giáo dục Văn hóa - Nghệ thuật lớp 6 / Nguyễn Khắc Khanh (ch.b.), Nguyễn Quang Thiều, Phạm Thị Ngọc Bích... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 68 tr. : minh họa ; 27 cm. - 35000đ. - 3000b s639165

2296. Giáo dục Văn hóa - Nghệ thuật lớp 7 / Nguyễn Khắc Khanh (ch.b.), Nguyễn Quang Thiều, Phạm Thị Ngọc Bích... - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 68 tr. : minh họa ; 27 cm. - 200b s639154

2297. Giáo dục Văn hóa - Nghệ thuật lớp 7 / Nguyễn Khắc Khanh (ch.b.), Nguyễn Quang Thiều, Phạm Thị Ngọc Bích... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 68 tr. : minh họa ; 27 cm. - 35000đ. - 3000b s639166

2298. Giáo dục Văn hóa - Nghệ thuật lớp 8 / Nguyễn Khắc Khanh (ch.b.), Nguyễn Quang Thiều, Phạm Thị Ngọc Bích... - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 68 tr. : minh họa ; 27 cm. - 200b s639155

2299. Giáo dục Văn hóa - Nghệ thuật lớp 8 / Nguyễn Khắc Khanh (ch.b.), Nguyễn Quang Thiều, Phạm Thị Ngọc Bích... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 68 tr. : minh họa ; 27 cm. - 35000đ. - 3000b s639167

2300. Giáo dục Văn hóa - Nghệ thuật lớp 9 / Nguyễn Khắc Khanh (ch.b.), Nguyễn Quang Thiều, Phạm Thị Ngọc Bích... - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 68 tr. : minh họa ; 27 cm. - 200b s639156

2301. Giáo dục Văn hóa - Nghệ thuật lớp 9 / Nguyễn Khắc Khanh (ch.b.), Nguyễn Quang Thiều, Phạm Thị Ngọc Bích... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 68 tr. : minh họa ; 27 cm. - 35000đ. - 3000b s639168

2302. Giáo dục Văn hóa - Nghệ thuật lớp 10 / Nguyễn Khắc Khanh (ch.b.), Nguyễn Quang Thiều, Phạm Thị Ngọc Bích... - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 68 tr. : minh họa ; 27 cm. - 200b s639157

2303. Giáo dục Văn hóa - Nghệ thuật lớp 10 / Nguyễn Khắc Khanh (ch.b.), Nguyễn Quang Thiều, Phạm Thị Ngọc Bích... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 68 tr. : minh họa ; 27 cm. - 35000đ. - 3000b s639169

2304. Giáo dục Văn hóa - Nghệ thuật lớp 11 / Nguyễn Khắc Khanh (ch.b.), Nguyễn Quang Thiều, Phạm Thị Ngọc Bích... - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 68 tr. : minh họa ; 27 cm. - 200b s639158

2305. Giáo dục Văn hóa - Nghệ thuật lớp 11 / Nguyễn Khắc Khanh (ch.b.), Nguyễn Quang Thiều, Phạm Thị Ngọc Bích... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 68 tr. : minh họa ; 27 cm. - 35000đ. - 3000b s639170

2306. Giáo dục Văn hóa - Nghệ thuật lớp 12 / Nguyễn Khắc Khanh (ch.b.), Nguyễn Quang Thiều, Phạm Thị Ngọc Bích... - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 68 tr. : minh họa ; 27 cm. - 200b s639159

2307. Giáo dục Văn hóa - Nghệ thuật lớp 12 / Nguyễn Khắc Khanh (ch.b.), Nguyễn Quang Thiều, Phạm Thị Ngọc Bích... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 68 tr. : minh họa ; 27 cm. - 35000đ. - 3000b s639171

2308. Giuse Nguyễn. Mùa phụng ca / Giuse Nguyễn. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai. - 21 cm. - 200000đ. - 500b
T.1. - 2026. - 830 tr. s641001

2309. Giuse Nguyễn. Mùa phụng ca / Giuse Nguyễn. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai. - 21 cm. - 200000đ. - 500b
T.2. - 2026. - 673 tr. s641002

2310. 200 miếng bóc dán thông minh : Bé học tiếng Anh : 2 - 6 tuổi / Ngọc Linh b.s. - In lần thứ 9. - H. : Văn học, 2026. - 25 tr., 6 tr. đề can : hình vẽ, ảnh ; 25x26 cm. - (Tủ sách Sáng tạo)(Bóc dán hình thông minh). - 55000đ. - 2000b s640444

2311. 200 miếng bóc dán thông minh : Bé học toán : 2 - 6 tuổi / Ngọc Linh b.s. - In lần thứ 12. - H. : Văn học, 2026. - 25 tr., 6 tr. đề can : hình vẽ, ảnh ; 25x26 cm. - (Tủ sách Sáng tạo)(Bóc dán hình thông minh). - 55000đ. - 2000b s640446

2312. 200 miếng bóc dán thông minh : Từ điển bằng hình cho trẻ em - Các loài động vật : 2 - 6 tuổi / Phùng Vi Diễm, Vương Vĩnh Tuệ ; Tuệ Văn dịch. - In lần thứ 12. - H. : Văn học, 2026. - 25 tr., 6 tr. đề can : hình vẽ, ảnh ; 25x26 cm. - (Tủ sách Sáng tạo)(Bóc dán hình thông minh). - 55000đ. - 2000b s640445

2313. Họa sĩ nhí - Bé trong vườn trái cây / Minh Tâm. - Thanh Hóa : Nxb. Thanh Hóa, 2026. - 24 tr. : tranh vẽ ; 24 cm. - 13000đ. - 5000b s639966

2314. Huỳnh Hữu Danh. Chuyện kể về hát bội / Huỳnh Hữu Danh. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2026. - 188 tr., 10 tr. ảnh màu ; 21 cm. - 99000đ. - 300b s640819

2315. Ice cream sticker book / Phương Anh dịch. - H. : Mỹ thuật, 2026. - 7 tr. : tranh màu ; 25 cm. - 45000đ. - 5000b s638320

2316. Kí họa đáng người từ những nét cơ bản = A line at a time / Crabit Notebuck b.s. ; Minh họa: Quy. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 81 tr. : tranh màu ; 21 cm. - 199000đ. - 1000b s638396

2317. Kí họa hoa từ những nét cơ bản = A line at a time / Crabit Notebuck b.s. ; Minh họa: Quy. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 79 tr. : tranh màu ; 21 cm. - 199000đ. - 1000b s638397

2318. Kí họa mèo từ những nét cơ bản = A line at a time / Crabit Notebuck b.s. ; Minh họa: Quy. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 77 tr. : tranh màu ; 21 cm. - 199000đ. - 1000b s638395

2319. Ludwig Van Beethoven : Truyện tranh về 10 danh nhân nổi tiếng thế giới. - H. : Văn học, 2026. - 32 tr. : tranh màu ; 23 cm. - (Những thiên tài làm thay đổi thế giới). - 45000đ. - 3000b s640280

2320. Meo meo phơi nắng / Lulu Mayo. - In lần thứ 2. - H. : Văn học, 2026. - 60 tr. : tranh vẽ ; 23 cm. - 60000đ. - 1000b s640441

2321. Mĩ thuật 7 / Nguyễn Xuân Nghị (tổng ch.b.), Đoàn Thị Mỹ Hương (ch.b.), Phạm Duy Anh, Vũ Thị Thanh Hương. - Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 71 tr. : minh họa ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 8800đ. - 410300b

Đầu bìa sách ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo s638961

2322. Mĩ thuật 9 / Đinh Gia Lê (tổng ch.b.), Đoàn Thị Mỹ Hương (ch.b.), Phạm Duy Anh, Trương Triều Dương. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 71 tr. : minh họa ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 9900đ. - 196911b s638962

2323. Mĩ thuật 10 - Hội họa / Nguyễn Xuân Nghị (tổng ch.b.), Phạm Duy Anh (ch.b.), Lê Trần Hậu Anh. - Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 32 tr. : minh họa ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 6000đ. - 1500b

Đầu bìa sách ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo s638963

2324. Mĩ thuật 11 - Đồ họa (tranh in) / Đinh Gia Lê (tổng ch.b.), Phạm Duy Anh, Trịnh Sinh (ch.b.)... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 31 tr. : minh họa ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 6000đ. - 4000b s638965

2325. Mĩ thuật 11 - Hội họa / Đinh Gia Lê (tổng ch.b.), Phạm Duy Anh, Trịnh Sinh (ch.b.)... - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 31 tr. : minh họa ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 6000đ. - 500b

Đầu bìa sách ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo s638964

2326. 100 cuốn sách tranh Việt Nam để yêu và nhớ : Nhìn lại dòng chảy 20 năm của sách tranh Việt Nam = 100 Vietnamese picture books two decades of stories, art, and imagination / B.s.: Thiên Nhi, Thanh Tâm, Đinh Thanh... - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 91 tr. : minh họa ; 30 cm. - 200000đ. - 200b

ĐTTS ghi: Lễ hội sách tranh thiếu nhi Việt Nam 2026 = Vietnam children's picturebook festival 2026 s638723

2327. Một triệu chú gấu / Lulu Mayo. - In lần thứ 2. - H. : Văn học, 2026. - 60 tr. : tranh vẽ ; 23 cm. - 60000đ. - 1000b s640439

2328. Ngôi nhà nhỏ dưới đại dương xanh : Sách tô nét tạo hình. - H. : Văn học, 2026. - 64 tr. : tranh màu ; 19x27 cm. - 68000đ. - 2500b s640605

2329. Những người bạn nhỏ của tôi - Những khoảnh khắc ngọt ngào / Clémentine Dérodit ; Phương Nhung dịch. - Tái bản lần 1. - H. : Mỹ thuật, 2026. - 63 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - (Tô màu ấm áp). - 60000đ. - 2500b s638322

2330. Những người bạn nhỏ của tôi - Thật tuyệt vời khi được ở nhà / Clémentine Dérodit ; Phương Nhung dịch. - H. : Mỹ thuật, 2026. - 63 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - (Tô màu ấm áp). - 60000đ. - 2500b s638323

2331. One piece - Sách tô màu chính thức phiên bản Live action. - H. : Dân trí, 2026. - 80 tr. : tranh vẽ ; 25 cm. - 136000đ. - 1000b s640100

2332. Phan Lê Chung. Nhiếp ảnh tạo hình : Sách chuyên khảo / Ch.b.: Phan Lê Chung, Nguyễn Thị Hiền Lê. - Huế : Đại học Huế, 2026. - 212 tr. : ảnh ; 24 cm. - 300000đ. - 200b
Thư mục: tr. 209-211 s637510

2333. Phan Trung Hiếu. 55 năm văn học nghệ thuật Hà Tĩnh (1969 - 2024) / B.s.: Phan Trung Hiếu, Nguyễn Tùng Linh. - Nghệ An : Nxb. Nghệ An, 2026. - 287 tr. : ảnh, bảng ; 21 cm. - 500b

ĐTTS ghi: Hội Liên hiệp Văn học Nghệ thuật Hà Tĩnh s639957

2334. Qua lăng kính của một chú mèo : Phiên bản tô màu / Chaiyapat Tongkambunjong ; Nhím dịch. - Tái bản. - H. : Văn học, 2026. - 87 tr. : tranh vẽ ; 19x24 cm. - 109000đ. - 1000b s640442

2335. Sách tô màu - Thế giới của trà sữa Boba / Phương Anh dịch. - H. : Mỹ thuật, 2026. - 48 tr. : tranh vẽ ; 23 cm. - 55000đ. - 3000b s638308

2336. Sách tô màu - Trà sữa trân châu xinh yêu : Sticker, giải đố, mê cung... và nhiều trò chơi khác nữa! / Phương Anh dịch. - H. : Mỹ thuật, 2026. - 48 tr. : hình vẽ ; 23 cm. - 55000đ. - 3000b s638305

2337. Spy x family: Điệp vụ tô màu - Family : Dành cho lứa tuổi 14+ / Tatsuya Endo ; Tecchan dịch. - H. : Kim Đồng, 2026. - 36 tr. : tranh vẽ ; 26 cm. - 50000đ. - 5000b s637805

2338. Tolstoy, Leo. Nghệ thuật là gì? / Leo Tolstoy ; Đào Minh Quốc dịch. - H. : Văn học, 2026. - 275 tr. ; 21 cm. - 250000đ. - 1000b

Phụ lục: tr. 263-275 s640195

2339. Tô màu Doraemon - Chiếc nón phép thuật / Hoàng Sơn. - Thanh Hóa : Nxb. Thanh Hóa, 2026. - 16 tr. : tranh vẽ ; 24 cm. - 12000đ. - 5000b s639965

2340. Tô màu Doraemon & Shizuka - Với cỗ máy thời gian / Hoàng Sơn. - Thanh Hóa : Nxb. Thanh Hóa, 2026. - 16 tr. : tranh vẽ ; 24 cm. - 12000đ. - 5000b s639963

2341. Tô màu nhân vật công chúa - Nàng tiên cá Ariel và những người bạn / Nguyễn Công Sơn. - Thanh Hóa : Nxb. Thanh Hóa, 2026. - 16 tr. : tranh vẽ ; 24 cm. - 12000đ. - 5000b s639964

2342. Trang điểm blind box - Người bạn bí ẩn : Hãy trang điểm cho các bạn ấy thật xinh : Sách tô màu và tặng kèm sticker / Huyền Linh. - H. : Văn học, 2026. - 24 tr. : tranh vẽ ; 22 cm. - 43000đ. - 5000b s640275

2343. Trang điểm blind box - Nhân vật được yêu thích nhất! : Hãy trang điểm cho các bạn ấy thật xinh : Sách tô màu và tặng kèm sticker / Huyền Linh. - H. : Văn học, 2026. - 22 tr. : tranh vẽ ; 22 cm. - 43000đ. - 5000b s640277

2344. Trang điểm blind box - Những người bạn đáng yêu : Hãy trang điểm cho các bạn ấy thật xinh : Sách tô màu và tặng kèm sticker / Huyền Linh. - H. : Văn học, 2026. - 22 tr. : tranh vẽ ; 22 cm. - 43000đ. - 5000b s640276

2345. Trang điểm blind box - Vũ trụ bling bling : Hãy trang điểm cho các bạn ấy thật xinh : Sách tô màu và tặng kèm sticker / Huyền Linh. - H. : Văn học, 2026. - 22 tr. : tranh vẽ ; 22 cm. - 43000đ. - 5000b s640278

2346. Trần Thị Tuyết Nhung. Giáo trình Phân tích tác phẩm mỹ thuật / Trần Thị Tuyết Nhung (ch.b.), Trang Thanh Hiền, Trần Thị Hoàng Ngân. - H. : Đại học Sư phạm, 2026. - 147 tr. : minh họa ; 24 cm. - 95000đ. - 500b

Thư mục: tr. 142-144 s640812

2347. Trưởng thành cùng bạn / Booklife. - H. : Văn học, 2026. - 76 tr. : tranh vẽ ; 19x24 cm. - 99000đ. - 5000b s640462

2348. Từ Hào. Bí quyết hội họa - Ký họa chân dung : Cơ bản, thực tế, toàn diện, dễ hiểu, dễ học / B.s.: Từ Hào, Tạ Tiên Lâm ; Dịch: Mai Đỗ, Thu Hường. - Thanh Hóa : Nxb. Thanh Hóa, 2026. - 47 tr. : tranh vẽ ; 27 cm. - 85000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Trung: 速写 s638788

2349. Vincent van Gogh : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 6+ / Lời: Oh Youngseok ; Tranh: ChungBe Studio ; Nguyễn Thị Thắm dịch. - Tái bản lần thứ 12. - H. : Kim Đồng, 2026. - 150 tr. : tranh màu ; 21 cm. - (Chuyện kể về danh nhân thế giới). - 55000đ. - 3000b

Tên sách tiếng Anh: Who? Vincent van Gogh. - Phụ lục cuối chính văn s637712

2350. Vivre card - Thẻ dữ liệu nhân vật One piece : Booster pack - Băng hải tặc của "Tứ hoàng" Big Mom!! : Dành cho lứa tuổi 15+ / Eiichiro Oda ; Takara dịch. - H. : Kim Đồng, 2026. - 28 tr. : tranh màu ; 18 cm. - 25000đ. - 6000b s637968

2351. Vivre card - Thẻ dữ liệu nhân vật One piece - Index set / Eiichiro Oda ; Ningchan dịch. - H. : Kim Đồng, 2026. - 28 tr. : tranh màu ; 18 cm. - 6000b s637915

2352. Vũ Thúy Mai. Guzheng Đông Phương Mai : Guzheng cho người mới bắt đầu kỹ thuật nền tảng & bài tập căn bản / B.s.: Vũ Thúy Mai (ch.b.), Linh Xuân. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 83 tr. : hình vẽ, bảng ; 29 cm. - 280000đ. - 200b

Thư mục: tr. 82 s638803

THỂ THAO, NGHỆ THUẬT VUI CHƠI GIẢI TRÍ VÀ BIỂU DIỄN

2353. Ancelotti, Carlo. Giấc mơ: Phá kỷ lục Champions League / Carlo Ancelotti, Chris Brady ; Nguyễn Dương Hiếu dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2026. - 288 tr., 8 tr. ảnh màu ; 23 cm. - 185000đ. - 1000b

Tên sách tiếng Anh: The Dream: Breaking Champions League records. - Phụ lục: tr. 263-275 s640846

2354. Brick, Noel. Chạy bộ dưới lăng kính tâm lý học / Noel Brick, Stuart Holliday ; Hoàng Long dịch. - H. : Kim Đồng, 2026. - 206 tr. ; 21 cm. - 65000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Anh: The psychology of running s637829

2355. Câu đố giúp bé phát triển tư duy / Tuệ An b.s. ; Minh họa: Minh Khang. - H. : Văn học, 2026. - 31 tr. : hình vẽ ; 23 cm. - (Giúp bé phát triển khả năng giao tiếp và tư duy ngôn ngữ). - 27000đ. - 3000b s640186

2356. Cùng con vui luyện tư duy toán học : 5 - 8 tuổi / Võ Thị Bảo Ngọc. - H. : Công Thương. - 23 cm. - 89000đ. - 1500b

T.1. - 2026. - 75 tr. : hình vẽ, bảng s640000

2357. Cùng con vui luyện tư duy toán học : 5 - 8 tuổi / Võ Thị Bảo Ngọc. - H. : Công Thương. - 23 cm. - 89000đ. - 1500b

T.2. - 2026. - 71 tr. : hình vẽ, bảng s640001

2358. Cùng con vui luyện tư duy toán học : 5 - 8 tuổi / Võ Thị Bảo Ngọc. - H. : Công Thương. - 23 cm. - 89000đ. - 1500b

T.3. - 2026. - 71 tr. : hình vẽ, bảng s640002

2359. Cùng con vui luyện tư duy toán học : 5 - 8 tuổi / Võ Thị Bảo Ngọc. - H. : Công Thương. - 23 cm. - 89000đ. - 1500b

T.4. - 2026. - 75 tr. : hình vẽ, bảng s640003

2360. Cùng con vui luyện tư duy toán học : 5 - 8 tuổi / Võ Thị Bảo Ngọc. - H. : Công Thương. - 23 cm. - 89000đ. - 1500b

T.5. - 2026. - 79 tr. : hình vẽ, bảng s640004

2361. Dương Diên Hồng. Cờ tướng lý kỳ đạo / Dương Diên Hồng. - H. : Hồng Đức, 2026. - 123 tr. : hình vẽ, bảng ; 19 cm. - 68000đ. - 1000b s640721

2362. Dương Diên Hồng. Cờ tướng tàn chiến cuộc / Dương Diên Hồng b.s. - Tái bản. - H. : Hồng Đức, 2026. - 119 tr. : hình vẽ, bảng ; 19 cm. - 68000đ. - 1000b s640720

2363. Đỗ Xuân Duyệt. Phát triển thể lực chuyên môn cho nữ vận động viên bóng chuyền trẻ ở Việt Nam giai đoạn chuyên môn hóa sâu : Sách chuyên khảo / Đỗ Xuân Duyệt. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 219 tr. : minh họa ; 24 cm. - 240000đ. - 100b s639899

2364. Đối lập ngộ nghĩnh: Cao - Thấp : Dành cho lứa tuổi 0 - 6 / Lời: Thu Ngân ; Tranh: Huyền Thu. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Kim Đồng, 2026. - 16 tr. : tranh màu ; 19 cm. - 20000đ. - 2000b s638206

2365. Đối lập ngộ nghĩnh: Đen - Trắng : Dành cho lứa tuổi 0 - 6 / Lời: Thu Ngân ; Tranh: Huyền Thu. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Kim Đồng, 2026. - 16 tr. : tranh màu ; 19 cm. - 20000đ. - 2000b s638209

2366. Đối lập ngộ nghĩnh: Ít - Nhiều : Dành cho lứa tuổi 0 - 6 / Lời: Thu Ngân ; Tranh: Huyền Thu. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Kim Đồng, 2026. - 16 tr. : tranh màu ; 19 cm. - 20000đ. - 2000b s638208

2367. Đối lập ngộ nghĩnh: Ngắn - Dài : Dành cho lứa tuổi 0 - 6 / Lời: Thu Ngân ; Tranh: Huyền Thu. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Kim Đồng, 2026. - 16 tr. : tranh màu ; 19 cm. - 20000đ. - 2000b s638207

2368. Đối lập ngộ nghĩnh: To - Nhỏ : Dành cho lứa tuổi 0 - 6 / Lời: Thu Ngân ; Tranh: Huyền Thu. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Kim Đồng, 2026. - 16 tr. : tranh màu ; 19 cm. - 20000đ. - 2000b s638210

2369. Đối lập ngộ nghĩnh: Trước - Sau : Dành cho lứa tuổi 0 - 6 / Lời: Thu Ngân ; Tranh: Huyền Thu. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Kim Đồng, 2026. - 16 tr. : tranh màu ; 19 cm. - 20000đ. - 2000b s638205

2370. Giáo dục thể chất 6 / Hồ Đắc Sơn, Nguyễn Duy Quyết (tổng ch.b.), Ngô Việt Hoàn (ch.b.)... - Tái bản lần thứ 5. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 112 tr. : minh họa ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 13900đ. - 190100b

Đầu bìa sách ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo s638944

2371. Giáo dục thể chất 7 / Nguyễn Duy Quyết (tổng ch.b.), Hồ Đắc Sơn (ch.b.), Vũ Tuấn Anh... - Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 91 tr. : minh họa ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 12200đ. - 335400b

Đầu bìa sách ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo s639488

2372. Giáo dục thể chất 8 / Nguyễn Duy Quyết (tổng ch.b.), Hồ Đắc Sơn (ch.b.), Vũ Tuấn Anh... - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 95 tr. : minh họa ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 12200đ. - 242100b

Đầu bìa sách ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo s639489

2373. Giáo dục thể chất 9 / Nguyễn Duy Quyết (tổng ch.b.), Hồ Đắc Sơn (ch.b.), Vũ Tuấn Anh... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 95 tr. : minh họa ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 12200đ. - 210300b

Đầu bìa sách ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo s639490

2374. Giáo dục thể chất 10 - Bóng chuyền / Trịnh Hữu Lộc (tổng ch.b.), Nguyễn Văn Hùng (ch.b.), Phạm Thị Lệ Hằng. - Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 68 tr. : minh họa ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 10600đ. - 45600b

Đầu bìa sách ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo s639492

2375. Giáo dục thể chất 10 - Cầu lông / Nguyễn Duy Quyết (tổng ch.b.), Ngô Việt Hoàn (ch.b.), Nguyễn Hữu Bình... - Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 75 tr. : minh họa ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 12100đ. - 31000b

Đầu bìa sách ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo s639491

2376. 200+ câu hỏi rèn luyện trí não : 2 - 3 tuổi / Huyền Linh. - H. : Văn học, 2026. - 80 tr. : hình vẽ ; 19 cm. - (Càng chơi càng thông minh). - 57000đ. - 3000b s640609

2377. 200+ câu hỏi rèn luyện trí não : 3 - 4 tuổi / Huyền Linh. - H. : Văn học, 2026. - 81 tr. : hình vẽ ; 19 cm. - (Càng chơi càng thông minh). - 57000đ. - 3000b s640610

2378. 200+ câu hỏi rèn luyện trí não : 4 - 5 tuổi / Huyền Linh. - H. : Văn học, 2026. - 80 tr. : hình vẽ ; 19 cm. - (Càng chơi càng thông minh). - 57000đ. - 3000b s640611

2379. 200+ câu hỏi rèn luyện trí não : 5 - 6 tuổi / Huyền Linh. - H. : Văn học, 2026. - 81 tr. : hình vẽ ; 19 cm. - (Càng chơi càng thông minh). - 57000đ. - 3000b s640612

2380. Hoàng Tuấn Anh. Giáo trình Bóng đá / Hoàng Tuấn Anh (ch.b.), Nguyễn Thị Thủy. - Hải Phòng : Nxb. Hàng hải, 2026. - 141 tr. : minh họa ; 25 cm. - 96000đ. - 20b

Thư mục: tr. 141 s638300

2381. Nguyễn Ngọc Chi. Trái bóng - Trái Đất - Trái tim / Nguyễn Ngọc Chi. - H. : Văn học, 2026. - 247 tr. : ảnh ; 21 cm. - 180000đ. - 100b s640361

2382. Nguyễn Thị Như Quỳnh. Nghiệp vụ đạo diễn phim truyện / Nguyễn Thị Như Quỳnh, Lê Minh Đức. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 279 tr. : minh họa ; 24 cm. - 150b
Thư mục: tr. 276-279 s639901

2383. Oprah Winfrey : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 6+ / Lời: Ahn Hyeongmo ; Tranh: ChungBe Studios ; Nguyễn Thị Thắm dịch. - Tái bản lần thứ 12. - H. : Kim Đồng, 2026. - 188 tr. : ảnh, tranh màu ; 21 cm. - (Chuyện kể về danh nhân thế giới). - 65000đ. - 3000b
Tên sách tiếng Anh: Who? Oprah Winfrey. - Phụ lục cuối chính văn s637715

2384. Phạm Thanh Tùng. Giáo trình Bóng rổ / Phạm Thanh Tùng, Phạm Văn Xương. - Hải Phòng : Nxb. Hàng hải, 2026. - 141 tr. : minh họa ; 25 cm. - 98000đ. - 20b
Thư mục: tr. 141 s638298

2385. Sách tương tác - Bánh cupcake xinh xắn : Sticker dễ thương - Tìm điểm khác biệt - Nốt chấm, mê cung... và nhiều trò chơi khác nữa! / Phương Anh dịch. - H. : Mỹ thuật, 2026. - 48 tr. : hình vẽ ; 23 cm. - 55000đ. - 3000b s638306

2386. Sách tương tác - Những ly kem mát lạnh : Sticker dễ thương - Tìm điểm khác biệt - Nốt chấm, mê cung... và nhiều trò chơi khác nữa! / Phương Anh dịch. - H. : Mỹ thuật, 2026. - 48 tr. : tranh vẽ ; 23 cm. - 55000đ. - 3000b s638307

VĂN HỌC, TU TỪ HỌC VÀ PHÊ BÌNH VĂN HỌC

2387. A Bình Nho. Gặp cậu năm thanh xuân đẹp nhất / A Bình Nho. - H. : Văn học, 2026. - 181 tr. ; 19 cm. - 99000đ. - 1500b s640586

2388. A Tồn. Một ngày bình thường mình nói thương nhau / A Tồn. - H. : Văn học, 2026. - 302 tr. ; 21 cm. - 135000đ. - 2000b
Tên thật tác giả: Huỳnh Vĩ Toàn s640194

2389. Albom, Mitch. Những ngày thứ ba với thầy Morrie : Dành cho lứa tuổi 10+ / Mitch Albom ; Nguyễn Hữu Gia Bảo dịch. - Tái bản lần thứ 3. - H. : Kim Đồng, 2026. - 239 tr. ; 21 cm. - 75000đ. - 1500b
Tên sách tiếng Anh: Tuesdays with Morrie s637743

2390. Ăn một mình, ai quý? : Truyện tranh : Dành cho bé 2 - 4 tuổi / Stella Ernes ; Thu Nga dịch. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 31 tr. : tranh màu ; 24 cm. - (Bé ngoan có biết?). - 34000đ. - 5000b
Tên sách tiếng Anh: Vili's favorite cakes s639931

2391. Âm thanh phố phường - Tu tu xình xịch = The sound of streets - Rumbling rumbling : Truyện tranh : Song ngữ Việt - Anh : Dành cho trẻ từ 0 - 6 tuổi / Suzuki Mika. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 24 tr. : tranh màu ; 20 cm. - (Bộ sách Nuôi dưỡng tâm hồn bé). - 39000đ. - 7000b s638385

2392. Ba chị em lợn con : Kỹ năng hợp tác : Truyện tranh : Dành cho trẻ 4 - 8 tuổi / Lời: Se Sil Kim ; Tranh: Geun Park ; Lê Ngọc dịch. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 31 tr. : tranh màu ; 25 cm. - (Nhà lãnh đạo nhí). - 29000đ. - 3000b
Tên sách tiếng Hàn: 아기 돼지 세자매와 늑대; Tên sách tiếng Anh: The three pig sisters s639938

2393. Bá Canh. Cánh buồm trong thơ : Thơ và tiểu luận tuyển chọn / Bá Canh. - Nghệ An : Nxb. Nghệ An, 2026. - 143 tr. ; 21 cm. - 94000đ. - 500b

Tên thật tác giả: Nguyễn Bá Canh s640057

2394. Bạch Tô. Chỉ cần tốt hơn mình của ngày hôm qua / Bạch Tô ; Cao Bích Thủy dịch. - H. : Văn học, 2026. - 159 tr. ; 17 cm. - 96000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Trung: 让未来的你 · 喜欢现在拼命的自己 s640578

2395. Backman, Fredrik. Những kẻ âu lo = Anxious people : Tiểu thuyết / Fredrik Backman ; Hoàng Anh dịch. - In lần thứ 10. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2026. - 543 tr. ; 20 cm. - 180000đ. - 2000b s640860

2396. Bài tập Ngữ văn 6 / Bùi Mạnh Hùng (ch.b.), Nguyễn Linh Chi, Nguyễn Thị Ngân Hoa... - Tái bản lần thứ 5. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 13000đ. - 50000b

T.1. - 2026. - 80 tr. : bảng s639691

2397. Bài tập Ngữ văn 6 / Bùi Mạnh Hùng (ch.b.), Phan Huy Dũng, Nguyễn Thị Ngân Hoa, Đặng Lưu. - Tái bản lần thứ 5. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 14000đ. - 46700b

T.2. - 2026. - 88 tr. : hình vẽ, bảng s639692

2398. Bài tập Ngữ văn 6 - Ôn luyện thông minh / Lê Quang Hưng, Nguyễn Thị Hồng Vân (ch.b.), Bùi Thị Diễm... - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - 27000đ. - 30000b

T.1. - 2026. - 87 tr. : bảng s639380

2399. Bài tập Ngữ văn 6 - Ôn luyện thông minh / Lê Quang Hưng, Nguyễn Thị Hồng Vân (ch.b.), Bùi Thị Diễm... - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - 27000đ. - 30000b

T.2. - 2026. - 96 tr. : bảng s639381

2400. Bài tập Ngữ văn 7 / Bùi Mạnh Hùng (ch.b.), Nguyễn Thị Ngân Hoa, Nguyễn Thị Mai Liên... - Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 17000đ. - 31700b

T.1. - 2026. - 116 tr. : hình vẽ, bảng s639693

2401. Bài tập Ngữ văn 7 / Bùi Mạnh Hùng (ch.b.), Dương Tuấn Anh, Nguyễn Linh Chi... - Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 15000đ. - 26000b

T.2. - 2026. - 103 tr. : hình vẽ, bảng s639694

2402. Bài tập Ngữ văn 7 - Ôn luyện thông minh / Lê Quang Hưng, Nguyễn Thị Hồng Vân (ch.b.), Bùi Thị Diễm... - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - 27000đ. - 30000b

T.1. - 2026. - 99 tr. : bảng s639382

2403. Bài tập Ngữ văn 7 - Ôn luyện thông minh / Lê Quang Hưng, Nguyễn Thị Hồng Vân (ch.b.), Bùi Thị Diễm... - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - 27000đ. - 30000b

T.2. - 2026. - 103 tr. : bảng s639383

2404. Bài tập Ngữ văn 8 / Bùi Mạnh Hùng (ch.b.), Dương Tuấn Anh, Đặng Lưu... - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 15000đ. - 20000b

T.1. - 2026. - 95 tr. : bảng s639695

2405. Bài tập Ngữ văn 8 / Bùi Mạnh Hùng (ch.b.), Phan Huy Dũng, Nguyễn Thị Ngân Hoa... - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 15000đ. - 27000b

T.2. - 2026. - 95 tr. : bảng s639696

2406. Bài tập Ngữ văn 8 - Ôn luyện thông minh / Lê Quang Hưng, Nguyễn Thị Hồng Vân (ch.b.), Bùi Thị Diễm... - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - 28000đ. - 30000b
T.1. - 2026. - 95 tr. : bảng s639384
2407. Bài tập Ngữ văn 8 - Ôn luyện thông minh / Lê Quang Hưng, Nguyễn Thị Hồng Vân (ch.b.), Bùi Thị Diễm... - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - 28000đ. - 30000b
T.2. - 2026. - 99 tr. : bảng s639385
2408. Bài tập Ngữ văn 9 / Bùi Mạnh Hùng (ch.b.), Dương Tuấn Anh, Đặng Lưu... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 13000đ. - 1500b
T.1. - 2026. - 95 tr. : hình vẽ, bảng s639697
2409. Bài tập Ngữ văn 9 / Bùi Mạnh Hùng (ch.b.), Phan Huy Dũng, Nguyễn Thị Ngân Hoa... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 13000đ. - 2000b
T.2. - 2026. - 95 tr. : bảng s639698
2410. Bài tập Ngữ văn 9 - Ôn luyện thông minh / Lê Quang Hưng, Nguyễn Thị Hồng Vân (ch.b.), Trần Thị Kim Dung... - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - 28000đ. - 30000b
T.1. - 2026. - 107 tr. : bảng s639386
2411. Bài tập Ngữ văn 9 - Ôn luyện thông minh / Lê Quang Hưng, Nguyễn Thị Hồng Vân (ch.b.), Trần Thị Kim Dung... - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - 28000đ. - 30000b
T.2. - 2026. - 103 tr. : bảng s639387
2412. Bài tập Ngữ văn 10 / Phan Huy Dũng, Bùi Mạnh Hùng (ch.b.), Hà Văn Minh... - Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 13000đ. - 6000b
T.1. - 2026. - 83 tr. : bảng s639699
2413. Bài tập Ngữ văn 10 / Phan Huy Dũng, Bùi Mạnh Hùng (ch.b.), Đặng Lưu... - Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 12000đ. - 7000b
T.2. - 2026. - 71 tr. : hình vẽ, bảng s639700
2414. Bài tập Ngữ văn 10 - Ôn luyện thông minh / Lê Quang Hưng, Nguyễn Thị Hồng Vân (ch.b.), Bùi Thị Diễm... - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - 29000đ. - 30000b
T.1. - 2026. - 100 tr. : bảng s639388
2415. Bài tập Ngữ văn 10 - Ôn luyện thông minh / Lê Quang Hưng, Nguyễn Thị Hồng Vân (ch.b.), Bùi Thị Diễm... - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - 29000đ. - 30000b
T.2. - 2026. - 87 tr. : bảng s639389
2416. Bài tập Ngữ văn 11 - Ôn luyện thông minh / Lê Quang Hưng, Nguyễn Thị Hồng Vân (ch.b.), Bùi Thị Diễm... - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - 29000đ. - 30000b
T.1. - 2026. - 99 tr. : bảng s639390
2417. Bài tập Ngữ văn 11 - Ôn luyện thông minh / Lê Quang Hưng, Nguyễn Thị Hồng Vân (ch.b.), Bùi Thị Diễm... - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - 29000đ. - 30000b
T.2. - 2026. - 91 tr. : bảng s639391
2418. Bài tập Ngữ văn 12 - Ôn luyện thông minh / Lê Quang Hưng, Nguyễn Thị Hồng Vân (ch.b.), Nguyễn Thị Hào... - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - 29000đ. - 15000b
T.1. - 2026. - 104 tr. : bảng s639392
2419. Bài tập Ngữ văn 12 - Ôn luyện thông minh / Lê Quang Hưng, Nguyễn Thị Hồng Vân (ch.b.), Nguyễn Thị Hào... - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - 29000đ. - 15000b

- T.2. - 2026. - 88 tr. : bảng s639393
2420. Bài tập phát triển năng lực Ngữ văn 6 : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới / Nguyễn Việt Hùng (ch.b.), Phạm Phương Chi, Nguyễn Thị Phương Dung... - H. : Đại học Sư phạm. - 24 cm. - 32000đ. - 2000b
- T.1. - 2026. - 95 tr. : minh họa s638531
2421. Bài tập phát triển năng lực Ngữ văn 6 : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới / Nguyễn Việt Hùng (ch.b.), Phạm Phương Chi, Nguyễn Thị Phương Dung... - H. : Đại học Sư phạm. - 24 cm. - 32000đ. - 2000b
- T.2. - 2026. - 99 tr. : bảng s638532
2422. Bài tập phát triển năng lực Ngữ văn 7 / Đoàn Thị Kim Nhung, Nguyễn Thị Phước Mỹ, Nguyễn Thị Hoài Dung. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 27 cm. - 102000đ. - 1000b
- T.1. - 2026. - 208 tr. : bảng s637565
2423. Bài tập phát triển năng lực Ngữ văn 9 : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới / Nguyễn Việt Hùng (ch.b.), Phạm Phương Chi, Nguyễn Thế Hưng... - H. : Đại học Sư phạm. - 24 cm. - 32000đ. - 1000b
- T.1. - 2026. - 87 tr. : minh họa s640796
2424. Bài tập phát triển năng lực Ngữ văn 9 : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới / Nguyễn Việt Hùng (ch.b.), Phạm Phương Chi, Nguyễn Thế Hưng... - H. : Đại học Sư phạm. - 24 cm. - 32000đ. - 1000b
- T.2. - 2026. - 71 tr. : minh họa s640797
2425. Bạn bè của Peppa : Truyện tranh : Tuổi 2+ / Phương Nhung dịch. - H. : Mỹ thuật, 2026. - 11 tr. : tranh màu ; 9 cm. - (Peppa Pig. Thư viện yêu thích của tớ). - 29750đ. - 3000b s638257
2426. Bạn mới của Peppa : Truyện tranh : Tuổi 2+ / Phương Anh dịch. - H. : Mỹ thuật, 2026. - 13 tr. : tranh màu ; 9 cm. - (Peppa Pig. Thư viện đầu tiên của tớ). - 29750đ. - 3000b s638250
2427. Bạn Taco sắp vụn vỡ rồi : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 5+ / Viết: Brenda S. Miles ; Vẽ: Monika Filipina ; Khoa Thư dịch. - H. : Kim Đồng, 2026. - 38 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - (Vun trồng cảm xúc). - 50000đ. - 2000b s637852
2428. Bảng xếp hạng quân vương : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 15+ / Sousuke Toka ; Vương Hải Yến dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 45000đ. - 2500b
- T.20. - 2026. - 219 tr. : tranh vẽ s638119
2429. Bardugo, Leigh. Móng vuốt quạ đen : Dành cho tuổi trưởng thành / Leigh Bardugo ; Hoàng Anh dịch. - Tái bản lần thứ 4. - H. : Kim Đồng. - 23 cm. - 100000đ. - 1500b
- Tên sách tiếng Anh: Six of crows
- T.2: Phi vụ bất khả. - 2026. - 237 tr. : tranh vẽ s637838
2430. Bardugo, Leigh. Móng vuốt quạ đen : Dành cho tuổi trưởng thành / Leigh Bardugo ; Hoàng Anh dịch. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Kim Đồng. - 23 cm. - 120000đ. - 1500b
- Tên sách tiếng Anh: Crooked kingdom: A sequel to six of crows
- T.3: Mưu ma chúc quý. - 2026. - 295 tr. : tranh vẽ s637839
2431. Bardugo, Leigh. Móng vuốt quạ đen : Dành cho tuổi trưởng thành / Leigh Bardugo ; Hoàng Anh dịch. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Kim Đồng. - 23 cm. - 120000đ. - 1500b
- Tên sách tiếng Anh: Crooked kingdom: A sequel to six of crows
- T.4: Giang hồ hiểm ác. - 2026. - 313 tr. : tranh vẽ s637840

2432. Baum, L. Frank. Phù thủy xứ Oz : Dành cho lứa tuổi nhi đồng / L. Frank Baum ; Phong Diệp dịch. - H. : Kim Đồng, 2026. - 197 tr. ; 19 cm. - (Văn học Mỹ. Tác phẩm chọn lọc). - 60000đ. - 1500b

Dịch theo bản tiếng Anh: The wonderful wizard of Oz s638193

2433. Bảy chuyện kể về hậu duệ của rồng = Seven little sons of the dragon : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 15+ / Ryoko Kui ; Ruyuha Kyouka dịch. - H. : Kim Đồng, 2026. - 254 tr. : tranh vẽ ; 18 cm. - 55000đ. - 2000b s638114

2434. 7 viên ngọc rồng = Dragon ball : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 13+ / Akira Toriyama ; Barbie Ayumi h.đ. - Tái bản lần thứ 11. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 5000b
T.16: Kì phùng địch thủ. - 2026. - 185 tr. : tranh vẽ s638115

2435. 7 viên ngọc rồng = Dragon ball : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 13+ / Akira Toriyama ; Barbie Ayumi h.đ. - Tái bản lần thứ 11. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 5000b
T.34: Người thừa kế của Goku. - 2026. - 187 tr. : tranh vẽ s638116

2436. Bắt mỗi nhanh lên, thần lằn ơi! : Truyện tranh : Sách cho trẻ 0 - 4 tuổi / Kate Stone ; Thu Nga dịch. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 14 tr. : tranh màu ; 15 cm. - (Bộ sách Chuyển động). - 45000đ. - 5000b

Tên sách tiếng Anh: Hungry little lizard s640517

2437. Beastars : Truyện tranh : Dành cho tuổi trưởng thành / Paru Itagaki ; Ukatomai dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 35000đ. - 5700b
T.12. - 2026. - 199 tr. : tranh vẽ s637950

2438. Beastars : Truyện tranh : Dành cho tuổi trưởng thành / Paru Itagaki ; Ukatomai dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 35000đ. - 5200b
T.13. - 2026. - 197 tr. : tranh vẽ s637951

2439. Beastars : Truyện tranh : Dành cho tuổi trưởng thành / Paru Itagaki ; Ukatomai dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 35000đ. - 5200b
T.14. - 2026. - 198 tr. : tranh vẽ s637952

2440. Beastars : Truyện tranh : Dành cho tuổi trưởng thành / Paru Itagaki ; Ukatomai dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 35000đ. - 4800b
T.15. - 2026. - 196 tr. : tranh vẽ s637953

2441. Beastars : Truyện tranh : Dành cho tuổi trưởng thành / Paru Itagaki ; Ukatomai dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 35000đ. - 4800b
T.16. - 2026. - 199 tr. : tranh vẽ s637954

2442. Bệnh án của thần linh / Nguyên tác: Sosuke Natsukawa ; Minh họa: Saburou Ishikawa ; Tuyết Quỳnh dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 18 cm. - 89000đ. - 3000b
T.1. - 2026. - 248 tr. : tranh vẽ s640702

2443. Bí mật ngày mưa : Truyện tranh : Một câu chuyện để chia sẻ & cùng nhau trải nghiệm / Ruth Symons ; Minh họa: Seb Braun ; Ngọc Hà dịch. - H. : Mỹ thuật, 2026. - 31 tr. : tranh màu ; 25 cm. - (Lớp học rừng xanh của cô Cú Mèo). - 45000đ. - 2000b s638302

2444. Bí quyết đạt điểm cao môn Văn : Luyện thi THPT Quốc gia / Tạ Đức Hiền, Hoàng Ngọc Đức, Lê Bảo Châu... - Tái bản lần thứ 8. - H. : Hồng Đức, 2026. - 396 tr. ; 24 cm. - 178000đ. - 1000b s640977

2445. Biệt thự Hoa Hồng : Truyện tranh : Dành cho nhi đồng / Tranh, lời: Kim Ji An ; Thùy Dung dịch. - H. : Kim Đồng, 2026. - 56 tr. : tranh vẽ ; 24 cm. - (Những đóa hoa hạnh phúc). - 65000đ. - 2000b

- Tên sách tiếng Hàn: 장미저택; Tên sách tiếng Anh: The Rose mansion s637821
2446. Bình Gia Huy. Qua xứ sở mù sương / Bình Gia Huy. - H. : Văn học. - 21 cm. - 129000đ. - 500b
Q.1: Nam và dòng sông Thames. - 2026. - 154 tr. : tranh vẽ s640113
2447. Black, Holly. Vị vua hiểm ác / Holly Black ; Thủy Tiên dịch. - H. : Văn học, 2026. - 349 tr. ; 24 cm. - 209000đ. - 2000b
Tên sách tiếng Anh: The wicked king s640223
2448. Blue box : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 15+ / Kouji Miura ; Nhi An dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 40000đ. - 5700b
T.13: Sẵn sàng thử thách. - 2026. - 189 tr. : tranh vẽ s638054
2449. Blue box : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 15+ / Kouji Miura ; Nhi An dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 40000đ. - 5700b
T.14: Cách biệt 1 năm. - 2026. - 189 tr. : tranh vẽ s638055
2450. Blue box : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 15+ / Kouji Miura ; Nhi An dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 40000đ. - 5600b
T.15: Không có chuyện đó đâu. - 2026. - 185 tr. : tranh vẽ s638056
2451. Blue box : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 15+ / Kouji Miura ; Nhi An dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 40000đ. - 5600b
T.16: Hiệp cuối. - 2026. - 189 tr. : tranh vẽ s638057
2452. Bluelock : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 14+ / Nguyên tác: Muneyuki Kaneshiro ; Minh họa: Yusuke Nomura ; Yoda dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 35000đ. - 5000b
T.16. - 2026. - 184 tr. : tranh vẽ s638052
2453. Bluelock : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 14+ / Nguyên tác: Muneyuki Kaneshiro ; Minh họa: Yusuke Nomura ; Yoda dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 35000đ. - 5000b
T.28. - 2026. - 184 tr. : tranh vẽ s638053
2454. Bluelock: Episode Nagi : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 14+ / Nguyên tác: Muneyuki Kaneshiro ; Minh họa: Kota Sannomiya ; Yoda dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 35000đ. - 14000b
T.1. - 2026. - 196 tr. : tranh vẽ s638050
2455. Bluelock: Episode Nagi : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 14+ / Nguyên tác: Muneyuki Kaneshiro ; Minh họa: Kota Sannomiya ; Yoda dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 35000đ. - 14000b
T.2. - 2026. - 190 tr. : tranh vẽ s638051
2456. Bỏ yêu con như khoảng cách đến Mặt Trăng và trở về : Truyện tranh / Em Bruce, Julia Seal. - H. : Văn học, 2026. - 22 tr. : tranh màu ; 18 cm. - (Truyện kể trước giờ ngủ). - 69000đ. - 3000b
Tên sách tiếng Anh: I love you to the Moon and back s640623
2457. Bộ lông sắc màu từ họa sĩ Thỏ = The colourful hair by the designer of Rabbit : Truyện tranh : Song ngữ Việt - Anh : Dành cho trẻ 0 - 6 tuổi / Mina T b.s. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 23 tr. : tranh màu ; 20x21 cm. - (Ehon - Phong cách Nhật Bản). - 39000đ. - 3000b s638383

2458. Bồi dưỡng Ngữ văn 6 / Nguyễn Đăng Điệp (ch.b.), Nguyễn Đức Tâm An, Đỗ Việt Hùng... - Tái bản lần thứ 2, có chỉnh lí, bổ sung. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 39000đ. - 2000b
T.2. - 2026. - 76 tr. : minh họa. - Thư mục cuối mỗi bài s639251
2459. Bồi dưỡng Ngữ văn 7 / Thanh Mai (ch.b.), Thuận An, Đỗ Việt Hùng... - Tái bản lần thứ 2, có chỉnh lí, bổ sung. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 39000đ. - 2000b
T.2. - 2026. - 79 tr. : bảng. - Thư mục cuối mỗi bài s639252
2460. Bồi dưỡng Ngữ văn 8 / Nguyễn Đăng Điệp (ch.b.), Nguyễn Đức Tâm An, Cao Thị Hào... - Tái bản lần thứ 2, có chỉnh lí, bổ sung. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 39000đ. - 2000b
T.1. - 2026. - 84 tr. : hình vẽ, bảng. - Thư mục cuối mỗi bài s639253
2461. Bồi dưỡng Ngữ văn 8 / Nguyễn Đăng Điệp (ch.b.), Nguyễn Đức Tâm An, Cao Thị Hào... - Tái bản lần thứ 2, có chỉnh lí, bổ sung. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 39000đ. - 2000b
T.2. - 2026. - 79 tr. : hình vẽ, bảng. - Thư mục cuối mỗi bài s639254
2462. Bồi dưỡng Ngữ văn 10 : Biên soạn theo Chương trình GDPT mới / Nguyễn Thị Lâm, Trịnh Thị Hương Giang, Đoàn Thị Minh Huyền... - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2026. - 144 tr. : bảng ; 24 cm. - 68000đ. - 1500b s640784
2463. Bronte, Charlotte. Jane Eyre / Charlotte Bronte ; Thanh Loan dịch ; Minh họa: Fritz Eichenberg. - H. : Văn học, 2026. - 623 tr. ; 24 cm. - 220000đ. - 2000b s640221
2464. Bronte, Emily. Đôi gió hú / Emily Bronte ; Nguyễn Thị Thảo Linh dịch. - H. : Văn học, 2026. - 539 tr. ; 21 cm. - 139000đ. - 1000b s640145
2465. Bùi Ngọc Phúc. Linh Sơn cô tự : Tiểu thuyết / Bùi Ngọc Phúc. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 527 tr. ; 23 cm. - 255000đ. - 500b s638369
2466. Bùi Việt Thắng. Thi pháp tiểu thuyết hiện đại : Tiểu luận - Phê bình / Bùi Việt Thắng. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 613 tr. ; 21 cm. - (Tác phẩm văn học). - 1450b s640490
2467. Bungo stray dogs - Văn hào lưu lạc : Truyện tranh : 16+ / Nguyên tác: Asagiri Kafka ; Minh họa: Harukawa Sango ; Phương Thanh dịch. - H. : Văn học. - 18 cm. - 60000đ. - 1000b
T.4. - 2026. - 178 tr. : tranh vẽ s640551
2468. Bungo stray dogs - Văn hào lưu lạc : Truyện tranh : 16+ / Nguyên tác: Asagiri Kafka ; Minh họa: Harukawa Sango ; Thanh Trà dịch. - H. : Văn học. - 18 cm. - 60000đ. - 1000b
T.11. - 2026. - 167 tr. : tranh vẽ s640552
2469. Bungo stray dogs - Văn hào lưu lạc : Truyện tranh : 16+ / Nguyên tác: Asagiri Kafka ; Minh họa: Harukawa Sango ; Thanh Trà dịch. - H. : Văn học. - 18 cm. - 60000đ. - 1000b
T.13. - 2026. - 156 tr. : tranh vẽ s640553
2470. Bungo stray dogs - Văn hào lưu lạc : Truyện tranh : 16+ / Nguyên tác: Asagiri Kafka ; Minh họa: Harukawa Sango ; Thanh Trà dịch. - H. : Văn học. - 18 cm. - 60000đ. - 1000b
T.18. - 2026. - 193 tr. : tranh vẽ s640554
2471. Bungo stray dogs - Văn hào lưu lạc : Truyện tranh : 16+ / Nguyên tác: Asagiri Kafka ; Minh họa: Harukawa Sango ; Quang Minh dịch. - H. : Văn học. - 18 cm. - 60000đ. - 1000b
T.21. - 2026. - 190 tr. : tranh vẽ s640555

2472. Búp trên cành : Tuyển tập thơ - văn thiếu nhi Thái Bình 1973 - 1998 / Kim Chuông, Bùi Lan Anh, Lã Thị Lan Anh... ; Trần Huyền Tâm ch.b. - H. : Văn học, 2026. - 295 tr. ; 21 cm. - 218000đ. - 1000b s640148

2473. Búp trên cành: Những tác phẩm đoạt giải : Tuyển tập thơ - văn thiếu nhi Thái Bình 1973 - 1988 / Bùi Lan Anh, Bùi Thị Vân Anh, Phạm Thị Lan Anh... ; Trần Huyền Tâm ch.b. - H. : Văn học, 2026. - 183 tr. ; 21 cm. - 188000đ. - 1000b s640149

2474. Búp trên cành: Viết tiếp ước mơ : Thơ và văn xuôi / Bùi Lan Anh, Phạm Thị Lan Anh, Đào Thanh Bình... ; Trần Huyền Tâm ch.b. - H. : Văn học, 2026. - 243 tr. ; 21 cm. - (Tuyển tập văn thơ thiếu nhi; T.1). - 186000đ. - 500b s640150

2475. Burnett, Frances Hodgson. Công chúa nhỏ : Dành cho lứa tuổi 7+ / Frances Hodgson Burnett ; Hà Ly dịch. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Kim Đồng, 2026. - 334 tr. ; 19 cm. - (Văn học Mỹ. Tác phẩm chọn lọc). - 85000đ. - 1500b s638190

2476. Burnett, Frances Hodgson. Khu vườn bí mật / Frances Hodgson Burnett ; Lê Thị Oanh dịch ; Minh họa: Triệu Yến Vy. - Tái bản. - H. : Văn học, 2026. - 384 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - (Văn học cổ điển - Đông A Classic). - 110000đ. - 2000b s640390

2477. Bút phá 8+ Ngũ văn : Theo bí kíp Học sinh giỏi Quốc gia : Dành cho học sinh THPT / Hồng Hạnh. - H. : Văn học, 2026. - 279 tr. ; 12 cm. - 99000đ. - 5000b s640642

2478. Bữa bọn, ai khen ngoan? : Truyện tranh : Dành cho bé 2 - 4 tuổi / Stella Ernes ; Thu Nga dịch. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 31 tr. : tranh màu ; 24 cm. - (Bé ngoan có biết?). - 34000đ. - 5000b

Tên sách tiếng Anh: Ants in Mili's bed s639933

2479. Cá sấu sợ nước : Truyện tranh : Dành cho trẻ 3 - 7 tuổi / Christine Beigel, Hervé Le Goff ; Hồng Tú dịch. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 19 tr. : tranh màu ; 20 cm. - (Truyện hay bà kể hằng đêm; T.4). - 23000đ. - 3000b

Tên sách tiếng Pháp: Mamie poule raconte - Le crocodile qui avait peur de l'eau s639916

2480. Cái đuôi của Shibu = Shibu's tail : Song ngữ Việt - Anh : Truyện tranh / Lời: Tess Thomas ; Tranh: Kamwei Fong ; Gấu Tím dịch. - H. : Văn học, 2026. - 45 tr. : tranh vẽ ; 24 cm. - 128000đ. - 1000b s640198

2481. Cái Tết của Mèo con : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 6+ / Truyện: Nguyễn Đình Thi ; Tranh: Ngô Mạnh Lân. - Tái bản lần thứ 3. - H. : Kim Đồng, 2026. - 63 tr. : tranh màu ; 24 cm. - 60000đ. - 2000b s637793

2482. Cảm ơn nhé vì đã làm bạn của mình : Truyện tranh / Em Bruce, Natalie Merhed. - H. : Văn học, 2026. - 22 tr. : tranh màu ; 18 cm. - (Truyện kể trước giờ ngủ). - 69000đ. - 3000b

Tên sách tiếng Anh: Thank you for being my friend s640628

2483. Cao Duy Sơn. Truyện ngắn / Cao Duy Sơn. - H. : Văn học, 2026. - 729 tr. ; 24 cm. - 350000đ. - 1000b s640229

2484. Cao Nguyên Quyền. Vịn đồ lưng đêm : Thơ / Cao Nguyên Quyền. - H. : Văn học, 2026. - 135 tr. : tranh vẽ ; 23 cm. - 200000đ. - 500b s640191

2485. Cáo, Thỏ và Gà trống : Truyện tranh / Minh Long b.s. - Tái bản lần thứ 15. - H. : Văn học, 2026. - 16 tr. : tranh màu ; 27 cm. - (Truyện tranh tuổi thần tiên). - 15000đ. - 3000b s640428

2486. Carter, Chris. Sát nhân thập giá : 18+ / Chris Carter ; Bạc Hà dịch. - H. : Văn học, 2026. - 439 tr. ; 21 cm. - 179000đ. - 1500b

Tên sách tiếng Anh: The crucifix killer s640119

2487. Cầu kính, ai chơi cùng? : Truyện tranh : Dành cho bé 2 - 4 tuổi / Stella Ernes ; Thu Nga dịch. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 31 tr. : tranh màu ; 24 cm. - (Bé ngoan có biết?). - 34000đ. - 5000b

Tên sách tiếng Anh: Where is Kili's friends s639932

2488. Cắm trại dưới ánh trăng : Truyện tranh : Một câu chuyện để chia sẻ & cùng nhau trải nghiệm / Ruth Symons ; Minh họa: Seb Braun ; Ngọc Hà dịch. - H. : Mỹ thuật, 2026. - 31 tr. : tranh màu ; 25 cm. - (Lớp học rừng xanh của cô Cú Mèo). - 45000đ. - 2000b s638304

2489. Cắm trại trong vườn : Truyện tranh = Camping in the garden : Picture books. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2025. - 25 tr. : tranh màu ; 21 cm. - 2000b s638505

2490. Cẩn chồi ẩm áp : Truyện tranh : Một câu chuyện để chia sẻ & cùng nhau trải nghiệm / Ruth Symons ; Minh họa: Seb Braun ; Ngọc Hà dịch. - H. : Mỹ thuật, 2026. - 31 tr. : tranh màu ; 25 cm. - (Lớp học rừng xanh của cô Cú Mèo). - 45000đ. - 2000b s638303

2491. Cẩm nang kiến thức Ngữ văn trung học cơ sở / Nguyễn Thị Bích, Nguyễn Thị Hảo (ch.b.), Thái Phan Vàng Anh... - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 252 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 95000đ. - 1000b s639897

2492. Cẩm nang kiến thức Ngữ văn trung học phổ thông / Nguyễn Thị Bích, Nguyễn Thị Hảo (ch.b.), Thái Phan Vàng Anh... - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 228 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 95000đ. - 1000b s639896

2493. Câu chuyện thời hoa lửa - Ký ức sống mãi / Lê Hiệp, Nữ Vương, Võ Ba... - H. : Kim Đồng, 2026. - 335 tr. : ảnh ; 23 cm. - 216000đ. - 1500b s637834

2494. Cậu bạn ham đọc sách : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi thiếu nhi / Lời: Sỹ Hiếu ; Tranh: Cloud Pillow. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Kim Đồng, 2026. - 19 tr. : tranh vẽ ; 26 cm. - (Gương thiếu nhi làm theo lời Bác). - 30000đ. - 2000b s637851

2495. Cậu bé say mê toán học : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi thiếu nhi / Lời: Thanh Hà ; Tranh: Cloud Pillow. - Tái bản lần thứ 4. - H. : Kim Đồng, 2026. - 18 tr. : tranh vẽ ; 26 cm. - (Gương thiếu nhi làm theo lời Bác). - 30000đ. - 2000b s637850

2496. Cây gia đình : Truyện tranh = A family tree : Picture books. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2026. - 27 tr. : tranh màu ; 21 cm. - 2000b s638497

2497. Cha mẹ nâng bước con đi : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi thiếu nhi / Lời: Thanh Hà ; Tranh: Cloud Pillow. - Tái bản lần thứ 4. - H. : Kim Đồng, 2026. - 19 tr. : tranh màu ; 26 cm. - (Gương thiếu nhi làm theo lời Bác). - 30000đ. - 2000b s637853

2498. Chàng băng giá và nàng lạnh lùng : Truyện tranh : 13+ / Tonogaya Miyuki ; Mạnh Đức dịch. - H. : Nxb. Hà Nội. - 21 cm. - 65000đ. - 1000b

T.2. - 2026. - 125 tr. : tranh vẽ s638360

2499. Chàng Yugami không có bạn bè : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 14+ / Jun Sakura ; Vương Hải Yến dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 35000đ. - 7000b

T.1. - 2026. - 165 tr. : tranh vẽ s638112

2500. Charles Nguyen. Nhà thám trình : Hành trình khai phá - Hợp nhất và tái sinh / Charles Nguyen, Lucia Nguyen. - H. : Công Thương, 2026. - 275 tr. : tranh màu ; 21 cm. - 500000đ. - 2000b s637463

2501. Chẳng may đi lạc thì sao? : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi thiếu nhi / Lời: Hoàng Hoành ; Tranh: Kẹo Bông ; Nguyễn Thanh Vân dịch. - Tái bản lần thứ 4. - H. : Kim Đồng, 2026. - 35 tr. : tranh màu ; 20x21 cm. - (Bé an toàn mỗi ngày). - 35000đ. - 2000b s637860

2502. Châu Hoài Thanh. Tiếng gọi dĩ vãng : Tập truyện ngắn / Châu Hoài Thanh. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 239 tr. ; 21 cm. - 109000đ. - 2000b
 Tên thật tác giả: Nguyễn Thị Thu s638344
2503. Châu Hồng Thủy. Châu Hồng Thủy tuyển tập. - H. : Nxb. Hội Nhà văn. - 21 cm. - (Tác phẩm văn học). - 1450b
 T.1: Truyện ngắn - Ký - Kịch. - 2025. - 614 tr. : ảnh s640491
2504. Châu Sa Đáy Mắt. Đám trẻ vượt đại dương đen / Châu Sa Đáy Mắt. - H. : Văn học, 2026. - 254 tr. ; 19 cm. - 116000đ. - 2000b s640585
2505. Châu Thị Vịnh. Đạo với thời gian : Thơ / Châu Thị Vịnh. - H. : Văn học, 2026. - 103 tr. ; 21 cm. - 130000đ. - 1000b s640170
2506. Chế Lan Viên. Bay theo đường dân tộc đang bay - Từ gác Khuê Văn đến quán Trung Tân. Ngoại vi thơ : Tiểu luận - Phê bình - Tùy bút - Tạp văn / Chế Lan Viên. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 630 tr. ; 21 cm. - (Tác phẩm văn học). - 1450b
 Tên thật tác giả: Phan Ngọc Hoan s640487
2507. Chiếc túi của mẹ : Truyện tranh / Lời: Sara Şahinkanat ; Tranh: Ayşe İnan ; Hoài An dịch. - H. : Kim Đồng, 2026. - 28 tr. : tranh màu ; 27 cm. - 45000đ. - 2000b
 Tên sách tiếng Thổ Nhĩ Kỳ: Annemin cantasi s637544
2508. Chinh phục bài nghị luận xã hội : Viết văn không bắn khoăn : Ver 2 / Phạm Thị Bích Lộc, Trần Thực Vi. - Tái bản. - H. : Văn học, 2026. - 203 tr. : bìa ; 15 cm. - 99000đ. - 1000b
 Phụ lục: tr. 170-201. - Thư mục: tr. 202-203 s640658
2509. Chó sói ham kẹo ngọt : Truyện tranh : Dành cho trẻ 3 - 7 tuổi / Christine Beigel, Hervé Le Goff ; Hồng Tú dịch. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 19 tr. : tranh màu ; 20 cm. - (Truyện hay bà kể hằng đêm; T.8). - 23000đ. - 3000b
 Tên sách tiếng Pháp: Mamie poule raconte - Le loup qui aimait trop les bonbons s639919
2510. Chớ bắt nạt bạn! : Truyện tranh : Dành cho trẻ 3 - 7 tuổi / Lời: Manisa Palakawong ; Tranh: Plan For Kids ; Chung Quý dịch. - Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 23 tr. : tranh màu ; 20 cm. - (Khủng long nhỏ bỏ thói quen xấu). - 24500đ. - 3000b s639924
2511. Chú robot tưởng mình là người : Truyện tranh : Dành cho thiếu nhi / Truyện: Lê Anh Vinh ; Minh họa: Mèo Zushi. - H. : Kim Đồng, 2026. - 96 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - 55000đ. - 2000b s637653
2512. Chú thuật hồi chiến : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 17+ / Gege Akutami ; Vũ Trụ 19 dịch ; Liên Vũ h.đ. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 5000b
 T.12: Biến cố Shibuya - Giáng linh. - 2026. - 189 tr. : tranh vẽ s638101
2513. Chú thuật hồi chiến : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 17+ / Gege Akutami ; Vũ Trụ 19 dịch ; Liên Vũ h.đ. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 5000b
 T.13: Biến cố Shibuya - Sấm rền. - 2026. - 188 tr. : tranh vẽ s638102
2514. Chú thuật hồi chiến : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 17+ / Gege Akutami ; Vũ Trụ 19 dịch ; Liên Vũ h.đ. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 5000b
 T.14: Biến cố Shibuya - Đúng sai. - 2026. - 188 tr. : tranh vẽ s638103
2515. Chú thuật hồi chiến : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 17+ / Gege Akutami ; Vũ Trụ 19 dịch ; Liên Vũ h.đ. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 5000b
 T.19: Kết giới Tokyo số 1 - Người đàn ông giận dữ. - 2026. - 203 tr. : tranh vẽ s638104

2516. Chú thuật hồi chiến : Limited edition : Truyện tranh / Gege Akutami ; Vũ Trụ 19 dịch ; Liên Vũ h.đ. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 65000đ. - 13000b
T.27. - 2026. - 183 tr. : tranh vẽ s638107
2517. Chú thuật hồi chiến : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 17 / Gege Akutami ; Vũ Trụ 19 dịch ; Liên Vũ h.đ. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 38000b
T.27: Kể sống còn ngốc nghếch!.. - 2026. - 183 tr. : tranh vẽ s638105
2518. Chú thuật hồi chiến : Limited edition : Truyện tranh / Gege Akutami ; Vũ Trụ 19 dịch ; Liên Vũ h.đ. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 65000đ. - 13000b
T.28. - 2026. - 188 tr. : tranh vẽ s638108
2519. Chú thuật hồi chiến : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 17+ / Gege Akutami ; Vũ Trụ 19 dịch ; Liên Vũ h.đ. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 40000b
T.28: Quyết chiến tại tử địa Shinjuku - Chấp 9 quân. - 2026. - 196 tr. : tranh vẽ s638106
2520. Chukovsky, Korney. Bác sĩ Aibôlít : Dựa theo cốt truyện của Hugh Lofting : Dành cho lứa tuổi 6+ / Korney Chukovsky ; Dịch: Bùi Hùng Hải, Đình Viện. - Tái bản lần thứ 15. - H. : Kim Đồng, 2026. - 149 tr. ; 19 cm. - (Văn học Nga. Tác phẩm chọn lọc). - 30000đ. - 2000b s638194
2521. Chung Cận. Nếu giấc mơ có hạn sử dụng : Tiểu thuyết / Chung Cận ; Bình Nguyên dịch. - H. : Văn học, 2026. - 271 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - 148000đ. - 2000b
Tên sách tiếng Trung: 假如梦有保质期 s640157
2522. Chúng tớ lớn lên cùng nhau = Together we grow : Truyện tranh / Lời: Chiêu Xuân ; Tranh: Thanh Phan ; Chuyển ngữ: Thủy Thần. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 41 tr. : tranh màu ; 20x25 cm. - 148000đ. - 1000b s638398
2523. Chuột Chinpui : Truyện tranh : Sách dành cho trẻ em / Fujiko F. Fujio ; Barbie Ayumi dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 25000đ. - 3000b
T.1. - 2026. - 220 tr. : tranh vẽ s638020
2524. Chuột Chinpui : Truyện tranh : Sách dành cho trẻ em / Fujiko F. Fujio ; Barbie Ayumi dịch. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 25000đ. - 3000b
T.2. - 2026. - 217 tr. : tranh vẽ s638021
2525. Chuột Chinpui : Truyện tranh : Sách dành cho trẻ em / Fujiko F. Fujio ; Barbie Ayumi dịch. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 25000đ. - 3000b
T.3. - 2026. - 227 tr. : tranh vẽ s638022
2526. Chuột Chinpui : Truyện tranh : Sách dành cho trẻ em / Fujiko F. Fujio ; Barbie Ayumi dịch. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 25000đ. - 3000b
T.4. - 2026. - 226 tr. : tranh vẽ s638023
2527. Chuột Típ không muốn chia sẻ đồ chơi : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 0 - 6 / Tranh: Marco Campanella ; Lời: Anna Casalis ; Nguyễn Thị Mỹ Dung dịch. - Tái bản lần thứ 14. - H. : Kim Đồng, 2026. - 26 tr. : tranh màu ; 21 cm. - 25000đ. - 2000b
Tên sách tiếng Italia: Topo Tip: Questo e' mio e ci gioco io! s637817
2528. Chuột Típ không vâng lời : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 0 - 6 / Tranh: Marco Campanella ; Lời: Anna Casalis ; Nguyễn Thị Mỹ Dung dịch. - Tái bản lần thứ 21. - H. : Kim Đồng, 2026. - 27 tr. : tranh màu ; 21 cm. - 25000đ. - 2000b
Tên sách tiếng Italia: Topo Tip fa i capricci s637818

2529. Chuyên đề học tập Ngữ văn 10 / Bùi Mạnh Hùng (tổng ch.b.), Phan Huy Dũng (ch.b.), Trần Ngọc Hiếu... - Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 103 tr. : bảng, tranh vẽ ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 12900đ. - 198700b s639255

2530. Chuyên đề học tập Ngữ văn 11 / Bùi Mạnh Hùng (tổng ch.b.), Phan Huy Dũng (ch.b.), Trần Hạnh Mai... - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 91 tr. : bảng ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 11900đ. - 103900b

Đầu bìa sách ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo s639256

2531. Chuyên đề học tập Ngữ văn 12 / Bùi Mạnh Hùng (tổng ch.b.), Phan Huy Dũng (ch.b.), Nguyễn Thị Diệu Linh... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 91 tr. : minh họa ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 11900đ. - 76000b

Đầu bìa sách ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo s639257

2532. Chuyện kể ở nhà trẻ : Truyện tranh / Lời: Nguyễn Thị Thảo, Ngô Quân Miện, Usinxki ; Tranh: Nguyễn Đình Đăng. - Tái bản lần thứ 14. - H. : Kim Đồng, 2026. - 47 tr. : tranh màu ; 21x30 cm. - 68000đ. - 2000b

Đầu bìa sách ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo. Vụ Giáo dục Mầm non s637808

2533. Chuyện về bà chuột Tít Mít : Truyện tranh : Dành cho thiếu nhi / Beatrix Potter ; Kim Ngọc dịch. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Kim Đồng, 2026. - 59 tr. : tranh màu ; 14 cm. - (Thế giới của thỏ Peter; 11). - 50000đ. - 2000b s638155

2534. Chuyện về bà Tiggy hấp háy : Truyện tranh : Dành cho thiếu nhi / Beatrix Potter ; Kim Ngọc dịch. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Kim Đồng, 2026. - 59 tr. : tranh màu ; 14 cm. - (Thế giới của thỏ Peter; 6). - 50000đ. - 2000b s638150

2535. Chuyện về cô mèo Cục Long Xù : Truyện tranh : Dành cho thiếu nhi / Beatrix Potter ; Ngô Hà Thu dịch. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Kim Đồng, 2026. - 35 tr. : tranh màu ; 14 cm. - (Thế giới của thỏ Peter; 21). - 45000đ. - 2000b s638165

2536. Chuyện về cô vịt ao Jemima : Truyện tranh : Dành cho thiếu nhi / Beatrix Potter ; Ngô Hà Thu dịch. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Kim Đồng, 2026. - 59 tr. : tranh màu ; 14 cm. - (Thế giới của thỏ Peter; 9). - 50000đ. - 2000b s638153

2537. Chuyện về đám thỏ con nhà Lí Lắc : Truyện tranh : Dành cho thiếu nhi / Beatrix Potter ; Ngô Hà Thu dịch. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Kim Đồng, 2026. - 59 tr. : tranh màu ; 14 cm. - (Thế giới của thỏ Peter; 10). - 50000đ. - 2000b s638154

2538. Chuyện về đôi chuột hư đốn : Truyện tranh : Dành cho thiếu nhi / Beatrix Potter ; Ngô Hà Thu dịch. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Kim Đồng, 2026. - 59 tr. : tranh màu ; 14 cm. - (Thế giới của thỏ Peter; 5). - 50000đ. - 2000b s638149

2539. Chuyện về Gừng Nâu và Dưa Muối : Truyện tranh : Dành cho thiếu nhi / Beatrix Potter ; Kim Ngọc dịch. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Kim Đồng, 2026. - 59 tr. : tranh màu ; 14 cm. - (Thế giới của thỏ Peter; 18). - 50000đ. - 2000b s638162

2540. Chuyện về mèo Tom Nhí : Truyện tranh : Dành cho thiếu nhi / Beatrix Potter ; Ngô Hà Thu dịch. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Kim Đồng, 2026. - 59 tr. : tranh màu ; 14 cm. - (Thế giới của thỏ Peter; 8). - 50000đ. - 2000b s638152

2541. Chuyện về một con thỏ hung hăng hư hỏng : Truyện tranh : Dành cho thiếu nhi / Beatrix Potter ; Ngô Hà Thu dịch. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Kim Đồng, 2026. - 35 tr. : tranh màu ; 14 cm. - (Thế giới của thỏ Peter; 20). - 45000đ. - 2000b s638164

2542. Chuyện về ông nhái Jeremy Fisher : Truyện tranh : Dành cho thiếu nhi / Beatrix Potter ; Ngô Hà Thu dịch. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Kim Đồng, 2026. - 59 tr. : tranh màu ; 14 cm. - (Thế giới của thỏ Peter; 7). - 50000đ. - 2000b s638151

2543. Chuyện về sóc Khìn Khìn : Truyện tranh : Dành cho thiếu nhi / Beatrix Potter ; Ngô Hà Thu dịch. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Kim Đồng, 2026. - 59 tr. : tranh màu ; 14 cm. - (Thế giới của thỏ Peter; 2). - 50000đ. - 2000b s638146

2544. Chuyện về thỏ Benjamin : Truyện tranh : Dành cho thiếu nhi / Beatrix Potter ; Ngô Hà Thu dịch. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Kim Đồng, 2026. - 59 tr. : tranh màu ; 14 cm. - (Thế giới của thỏ Peter; 4). - 50000đ. - 2000b s638148

2545. Chuyện về thỏ Peter : Truyện tranh : Dành cho thiếu nhi / Beatrix Potter ; Ngô Hà Thu dịch. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Kim Đồng, 2026. - 73 tr. : tranh màu ; 14 cm. - (Thế giới của thỏ Peter; 1). - 55000đ. - 2000b s638145

2546. Có gì trong quả trứng? : Truyện tranh : 0 - 6 tuổi / Misaki Kirimaru ; Tranh: Michiko Kaito ; Lời: Quỳnh Trang. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 27 tr. : tranh màu ; 20 cm. - (Ehon - Nuôi dưỡng tâm hồn cho bé). - 39000đ. - 5000b s638393

2547. Con tàu của Theseus = Ship of Theseus : Truyện tranh : 18+ / Toshiya Higashimoto ; Thụy Chi dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 19 cm. - 50000đ. - 4000b T.8. - 2026. - 191 tr. : tranh vẽ s640685

2548. Con tàu của Theseus = Ship of Theseus : Truyện tranh : 18+ / Toshiya Higashimoto ; Thụy Chi dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 19 cm. - 50000đ. - 4000b T.9. - 2026. - 191 tr. : tranh vẽ s640686

2549. Con tàu của Theseus = Ship of Theseus : Truyện tranh : 18+ / Toshiya Higashimoto ; Thụy Chi dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 19 cm. - 50000đ. - 4000b T.10. - 2026. - 190 tr. : tranh vẽ s640687

2550. Con tắm cùng bố được không? : Truyện tranh : Sách cho trẻ 2 - 8 tuổi / Lời, tranh: Thỏ Oai Oai ; Phương An dịch. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 29 tr. : tranh màu ; 19 cm. - (Những bài học đầu tiên về giới tính; T.5 : Bảo vệ sự riêng tư). - 28000đ. - 3000b

Tên sách tiếng Trung: 我可以看你洗澡吗? (5) s640511

2551. Củ cải trắng : Tranh truyện thiếu nhi = The white radish : Children's comics / Thùy Trang b.s. ; Minh họa: Đoàn Minh Nghĩa. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 16 tr. : tranh màu ; 24 cm. - (Tủ sách Song ngữ Việt - Anh). - 12000đ. - 10000b s638627

2552. Củ cải trắng : Truyện tranh / Minh Long b.s. - Tái bản lần thứ 13. - H. : Văn học, 2026. - 16 tr. : tranh màu ; 27 cm. - (Truyện tranh tuổi thần tiên). - 15000đ. - 3000b s640430

2553. Cùng đi picnic nào! : Truyện tranh = Let's go on a picnic! : Picture books. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2026. - 17 tr. : tranh màu ; 21 cm. - 2000b s638501

2554. Cuộc phiêu lưu của Đế Út : Truyện tranh : Chuyển thể từ "Đế mèn phiêu lưu ký" của nhà văn Tô Hoài / Chuyển thể: LinhRab. - Tái bản lần thứ 4. - H. : Kim Đồng. - 21 cm. - 70000đ. - 2000b

Tên thật tác giả: Nguyễn Thế Linh

Phần mở đầu. - 2026. - 161 tr. : tranh màu s637752

2555. Cửa sổ tuyết : Truyện tranh : Dành cho thiếu nhi / Naoko Awa ; Tranh: Hasegawa Akari ; Olivia Trịnh dịch. - H. : Kim Đồng, 2026. - 55 tr. : tranh vẽ ; 23 cm. - (Truyện nhỏ đông đầy yêu thương). - 50000đ. - 2000b s637849

2556. Cương Tuyết Ẩn. Hồ sơ tâm lý tội phạm : Dành cho lứa tuổi trưởng thành / Cương Tuyết Ẩn ; Phiêu dịch. - Tái bản lần thứ 5. - H. : Kim Đồng. - 23 cm. - 140000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Trung: 犯罪心理档案

- T.1. - 2026. - 419 tr. s637835
2557. Cương Tuyệt Án. Hồ sơ tâm lý tội phạm : Dành cho lứa tuổi trưởng thành / Cương Tuyệt Án ; An Lạc Group dịch. - Tái bản lần thứ 3. - H. : Kim Đồng. - 23 cm. - 140000đ. - 2000b
 Tên sách tiếng Trung: 犯罪心理档案
 T.3. - 2026. - 427 tr. s637836
2558. Cương Tuyệt Án. Hồ sơ tâm lý tội phạm : Dành cho lứa tuổi trưởng thành / Cương Tuyệt Án ; An Lạc Group dịch. - Tái bản lần thứ 3. - H. : Kim Đồng. - 23 cm. - 140000đ. - 2000b
 Tên sách tiếng Trung: 犯罪心理档案
 T.5. - 2026. - 399 tr. s637837
2559. Dã ngoại thành thoi = Yuru camp : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 14+ / Afro ; Hồng Hà dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 4000b
 T.13. - 2026. - 176 tr. : tranh vẽ s638143
2560. Dahl, Roald. Bác Fox tuyệt vời / Roald Dahl ; Đỗ Văn Tâm dịch ; Minh họa: PQT Studio. - Tái bản lần thứ 6. - H. : Kim Đồng, 2026. - 107 tr. : tranh vẽ ; 20 cm. - 30000đ. - 2000b
 Tên sách tiếng Anh: Fantastic Mr. Fox s637652
2561. Dahl, Roald. Danny nhà vô địch thế giới / Roald Dahl ; Phan Hồng Vân dịch ; Minh họa: PQT Studio. - H. : Kim Đồng, 2026. - 266 tr. : tranh vẽ ; 20 cm. - 65000đ. - 2000b
 Tên sách tiếng Anh: Danny the champion of the world s637654
2562. Dan Da Dan : Truyện tranh : Dành cho tuổi trưởng thành / Yukinobu Tatsu ; Liên Vũ dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 45000đ. - 35000b
 T.1. - 2026. - 206 tr. : tranh vẽ s638085
2563. Dan Da Dan : Truyện tranh : Dành cho tuổi trưởng thành / Yukinobu Tatsu ; Liên Vũ dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 45000đ. - 35000b
 T.2. - 2026. - 198 tr. : tranh vẽ s638086
2564. Dan Da Dan : Truyện tranh : Dành cho tuổi trưởng thành / Yukinobu Tatsu ; Liên Vũ dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 45000đ. - 35000b
 T.3. - 2026. - 207 tr. : tranh vẽ s638087
2565. Dan Da Dan : Truyện tranh : Dành cho tuổi trưởng thành / Yukinobu Tatsu ; Liên Vũ dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 45000đ. - 27000b
 T.4. - 2026. - 206 tr. : tranh vẽ s638088
2566. Dan Da Dan : Truyện tranh : Dành cho tuổi trưởng thành / Yukinobu Tatsu ; Liên Vũ dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 45000đ. - 27000b
 T.5. - 2026. - 206 tr. : tranh vẽ s638089
2567. Dấu ấn hoàng gia : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 15+ / Chieko Hosokawa, Fūmin ; Thu Hằng dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 15000b
 T.47. - 2026. - 209 tr. : tranh vẽ s638034
2568. Dấu ấn hoàng gia : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 15+ / Chieko Hosokawa, Fūmin ; Thu Hằng dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 15000b
 T.48. - 2026. - 211 tr. : tranh vẽ s638035
2569. Dấu ấn hoàng gia : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 15+ / Chieko Hosokawa, Fūmin ; Thu Hằng dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 15000b
 T.49. - 2026. - 205 tr. : tranh vẽ s638036

2570. Dấu ấn hoàng gia : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 15+ / Chieko Hosokawa, Fūmin ; Thu Hằng dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 15000b
T.50. - 2026. - 209 tr. : tranh vẽ s638037
2571. Dấu ấn hoàng gia : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 15+ / Chieko Hosokawa, Fūmin ; Thu Hằng dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 15000b
T.51. - 2026. - 212 tr. : tranh vẽ s638038
2572. Dấu ấn hoàng gia : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 15+ / Chieko Hosokawa, Fūmin ; Thu Hằng dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 15000b
T.52. - 2026. - 210 tr. : tranh vẽ s638039
2573. Dấu ấn hoàng gia : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 15+ / Chieko Hosokawa, Fūmin ; Thu Hằng dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 15000b
T.53. - 2026. - 211 tr. : tranh vẽ s638040
2574. Dấu ấn hoàng gia : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 15+ / Chieko Hosokawa, Fūmin ; Thu Hằng dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 15000b
T.54. - 2026. - 210 tr. : tranh vẽ s638041
2575. Dấu ấn hoàng gia : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 15+ / Chieko Hosokawa, Fūmin ; Thu Hằng dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 15000b
T.55. - 2026. - 211 tr. : tranh vẽ s638042
2576. Dấu ấn hoàng gia : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 15+ / Chieko Hosokawa, Fūmin ; Thu Hằng dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 15000b
T.56. - 2026. - 211 tr. : tranh vẽ s638043
2577. Dấu ấn hoàng gia : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 15+ / Chieko Hosokawa, Fūmin ; Thu Hằng dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 15000b
T.57. - 2026. - 209 tr. : tranh vẽ s638044
2578. Dấu ấn hoàng gia : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 15+ / Chieko Hosokawa, Fūmin ; Thu Hằng dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 15000b
T.58. - 2026. - 208 tr. : tranh vẽ s638045
2579. Dấu ấn hoàng gia : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 15+ / Chieko Hosokawa, Fūmin ; Thu Hằng dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 15000b
T.59. - 2026. - 210 tr. : tranh vẽ s638046
2580. Dấu ấn hoàng gia : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 15+ / Chieko Hosokawa, Fūmin ; Thu Hằng dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 15000b
T.60. - 2026. - 213 tr. : tranh vẽ s638047
2581. Dấu ấn hoàng gia : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 15+ / Chieko Hosokawa, Fūmin ; Thu Hằng dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 15000b
T.61. - 2026. - 213 tr. : tranh vẽ s638048
2582. Dấu ấn hoàng gia : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 15+ / Chieko Hosokawa, Fūmin ; Thu Hằng dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 15000b
T.62. - 2026. - 213 tr. : tranh vẽ s638049
2583. Dế mèn phiêu lưu ký / Nguyên tác: Tô Hoài ; Minh họa: Tạ Huy Long. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Kim Đồng, 2026. - 111 tr. : tranh màu ; 32 cm. - 300000đ. - 2000b s638671
2584. Dịch vụ giao hàng của phù thủy Kiki : Truyện tranh màu / Hayao Miyazaki ; Tiểu thuyết gốc: Eiko Kadono ; Vương Hải Yến dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - (Tủ sách Ghibli). - 75000đ. - 10000b

- Tên sách tiếng Anh: Kiki's delivery service
T.2. - 2026. - 143 tr. : tranh màu s638135
2585. Diễm Liên Khoa. Kiên ngành như thủy : Tiểu thuyết / Diễm Liên Khoa ; Minh Thương dịch. - H. : Văn học, 2026. - 511 tr. ; 24 cm. - 568000đ. - 500b s640365
2586. Diễm Liên Khoa. Kiên ngành như thủy : Tiểu thuyết / Diễm Liên Khoa ; Minh Thương dịch. - H. : Văn học, 2026. - 511 tr. ; 24 cm. - 398000đ. - 1000b s640364
2587. Diễm Liên Khoa. Người tình phu nhân sư trưởng (Vì nhân dân phục vụ) / Diễm Liên Khoa ; Vũ Công Hoan dịch. - H. : Văn học, 2026. - 261 tr. ; 21 cm. - 268000đ. - 1000b s640366
2588. Diễm Liên Khoa. Người tình phu nhân sư trưởng (Vì nhân dân phục vụ) / Diễm Liên Khoa ; Vũ Công Hoan dịch. - H. : Văn học, 2026. - 261 tr. ; 24 cm. - 368000đ. - 500b s640463
2589. Diệp Lạc Vô Tâm. Gặp nhau giữa thanh xuân tươi đẹp : Ấn phẩm đặc biệt kỉ niệm 15 năm Amun / Diệp Lạc Vô Tâm ; Minh họa: Jchan, Ain ; Nguyễn Thị Hải dịch. - H. : Văn học, 2026. - 88 tr. : tranh vẽ ; 20 cm. - 99000đ. - 3000b s640329
2590. Diệp Tích Ngừ. Điềm được - Viên thuốc ngọt ngào mang tên em : Dành cho lứa tuổi 18+ / Diệp Tích Ngừ ; HBN dịch. - H. : Dân trí. - 21 cm. - 196000đ. - 2000b
T.2. - 2026. - 470 tr. s640062
2591. Doãn Hằng. Về nhà ăn bát cháo hành / Doãn Hằng. - Tái bản. - H. : Văn học, 2026. - 204 tr. ; 21 cm. - 105000đ. - 1000b s640382
2592. Doo Vandenis. Hiến tế một trò hư / Doo Vandenis. - H. : Văn học, 2026. - 455 tr. : sơ đồ ; 21 cm. - (Tủ sách Văn học Việt). - 196000đ. - 2000b
Thư mục: tr. 455 s640131
2593. Doraemon : Truyện tranh : Sách dành cho trẻ em / Fujiko F. Fujio ; Giang Hồng dịch. - Tái bản lần thứ 20. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 25000đ. - 10000b
T.4: Nobita và lâu đài dưới đáy biển. - 2026. - 209 tr. : tranh vẽ s637878
2594. Doraemon : Truyện tranh : Sách dành cho trẻ em / Fujiko F. Fujio ; Giang Hồng dịch. - Tái bản lần thứ 20. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 25000đ. - 10000b
T.6: Nobita và cuộc chiến vũ trụ. - 2026. - 189 tr. : tranh vẽ s637879
2595. Doraemon : Truyện tranh : Sách dành cho trẻ em / Fujiko F. Fujio ; Hồng Trang dịch. - Tái bản lần thứ 20. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 25000đ. - 10000b
T.12: Nobita và vương quốc trên mây. - 2026. - 189 tr. : tranh vẽ s637880
2596. Doraemon : Truyện tranh : Sách dành cho trẻ em / Fujiko F. Fujio ; Hồng Trang dịch. - Tái bản lần thứ 20. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 25000đ. - 10000b
T.16: Nobita và chuyến tàu tốc hành ngân hà. - 2026. - 182 tr. : tranh vẽ s637881
2597. Doraemon : Truyện tranh : Sách dành cho trẻ em / Fujiko F. Fujio ; Hồng Trang dịch. - Tái bản lần thứ 20. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 25000đ. - 10000b
T.19: Nobita - Vũ trụ phiêu lưu kí. - 2026. - 185 tr. : tranh vẽ s637882
2598. Doraemon : Truyện tranh : Sách dành cho trẻ em / Fujiko F. Fujio ; Hồng Trang dịch. - Tái bản lần thứ 20. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 25000đ. - 10000b
T.21: Nobita và những dũng sĩ có cánh. - 2026. - 186 tr. : tranh vẽ s637883
2599. Doraemon : Truyện tranh : Sách dành cho trẻ em / Fujiko F. Fujio ; Hồng Trang dịch. - Tái bản lần thứ 20. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 25000đ. - 10000b
T.23: Nobita và những pháp sư gió bí ẩn. - 2026. - 187 tr. : tranh vẽ s637884

2600. Doraemon - Chú mèo máy đến từ tương lai : Tranh truyện dành cho thiếu nhi / Fujiko F. Fujio ; Dịch: Giang Hồng, Hồng Trang. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 25000đ. - 10000b
Tên thật tác giả: Fujimoto Hiroshi
T.7. - 2026. - 191 tr. : tranh vẽ s637905
2601. Doraemon - Chú mèo máy đến từ tương lai : Tranh truyện dành cho thiếu nhi / Fujiko F. Fujio ; Dịch: Giang Hồng, Hồng Trang. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 25000đ. - 10000b
Tên thật tác giả: Fujimoto Hiroshi
T.19. - 2026. - 188 tr. : tranh vẽ s637906
2602. Doraemon - Chú mèo máy đến từ tương lai : Tranh truyện dành cho thiếu nhi / Fujiko F. Fujio ; Dịch: Giang Hồng, Hồng Trang. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 25000đ. - 10000b
Tên thật tác giả: Fujimoto Hiroshi
T.21. - 2026. - 191 tr. : tranh vẽ s637907
2603. Doraemon - Chú mèo máy đến từ tương lai : Tranh truyện dành cho thiếu nhi / Fujiko F. Fujio ; Dịch: Giang Hồng, Hồng Trang. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 25000đ. - 10000b
Tên thật tác giả: Fujimoto Hiroshi
T.22. - 2026. - 191 tr. : tranh vẽ s637908
2604. Doraemon - Chú mèo máy đến từ tương lai : Tranh truyện dành cho thiếu nhi / Fujiko F. Fujio ; Dịch: Giang Hồng, Hồng Trang. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 25000đ. - 10000b
Tên thật tác giả: Fujimoto Hiroshi
T.23. - 2026. - 190 tr. : tranh vẽ s637909
2605. Doraemon - Chú mèo máy đến từ tương lai : Tranh truyện dành cho thiếu nhi / Fujiko F. Fujio ; Dịch: Giang Hồng, Hồng Trang. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 25000đ. - 10000b
Tên thật tác giả: Fujimoto Hiroshi
T.24. - 2026. - 188 tr. : tranh vẽ s637910
2606. Doraemon - Chú mèo máy đến từ tương lai : Tranh truyện dành cho thiếu nhi / Fujiko F. Fujio ; Dịch: Giang Hồng, Hồng Trang. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 25000đ. - 10000b
Tên thật tác giả: Fujimoto Hiroshi
T.35. - 2026. - 190 tr. : tranh vẽ s637911
2607. Doraemon - Chú mèo máy đến từ tương lai : Tranh truyện dành cho thiếu nhi / Fujiko F. Fujio ; Dịch: Giang Hồng, Hồng Trang. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 25000đ. - 10000b
Tên thật tác giả: Fujimoto Hiroshi
T.37. - 2026. - 187 tr. : tranh vẽ s637912
2608. Doraemon - Chú mèo máy đến từ tương lai : Tranh truyện dành cho thiếu nhi / Fujiko F. Fujio ; Dịch: Giang Hồng, Hồng Trang. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 25000đ. - 10000b
Tên thật tác giả: Fujimoto Hiroshi
T.43. - 2026. - 190 tr. : tranh vẽ s637913
2609. Doraemon - Chú mèo máy đến từ tương lai : Tranh truyện dành cho thiếu nhi / Fujiko F. Fujio ; Dịch: Giang Hồng, Hồng Trang. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 25000đ. - 10000b
Tên thật tác giả: Fujimoto Hiroshi
T.44. - 2026. - 191 tr. : tranh vẽ s637914
2610. Doraemon - Tuyển tập tranh truyện màu : Sách dành cho trẻ em / Fujiko F. Fujio ; Giang Hồng dịch. - H. : Kim Đồng. - 21 cm. - 50000đ. - 5000b
T.1. - 2026. - 159 tr. : tranh màu s637700
2611. Doraemon - Tuyển tập tranh truyện màu kỹ thuật số : Sách dành cho trẻ em / Fujiko F. Fujio, Shintaro Mugiwarara. - H. : Kim Đồng. - 21 cm. - 30000đ. - 5000b

- T.4. - 2026. - 63 tr. : tranh màu s637697
2612. Doraemon - Tuyển tập tranh truyện màu kỹ thuật số : Sách dành cho trẻ em / Fujiko F. Fujio, Shintaro Mugiwarara. - H. : Kim Đồng. - 21 cm. - 30000đ. - 5000b
- T.5. - 2026. - 63 tr. : tranh màu s637698
2613. Doraemon - Tuyển tập tranh truyện màu kỹ thuật số : Sách dành cho trẻ em / Fujiko F. Fujio, Shintaro Mugiwarara. - H. : Kim Đồng. - 21 cm. - 30000đ. - 5000b
- T.6. - 2026. - 63 tr. : tranh màu s637699
2614. Doraemon bóng chày : Truyền kì về bóng chày siêu cấp : Truyện tranh : Sách dành cho trẻ em / Fujiko F. Fujio, Mugiwarara Shintaro ; Nguyễn Song Tâm Quyên dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 25000đ. - 3000b
- T.5. - 2026. - 183 tr. : tranh vẽ s637901
2615. Doraemon bóng chày : Truyền kì về bóng chày siêu cấp : Truyện tranh : Sách dành cho trẻ em / Fujiko F. Fujio, Mugiwarara Shintaro ; Nguyễn Song Tâm Quyên dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 25000đ. - 3000b
- T.10. - 2026. - 190 tr. : tranh vẽ s637902
2616. Doraemon bóng chày : Truyền kì về bóng chày siêu cấp : Truyện tranh : Sách dành cho trẻ em / Fujiko F. Fujio, Mugiwarara Shintaro ; Nguyễn Thùy Hương dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 25000đ. - 3000b
- T.21. - 2026. - 181 tr. : tranh vẽ s637903
2617. Doraemon plus : Tranh truyện dành cho thiếu nhi / Fujiko F. Fujio ; Hồng Trang dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 25000đ. - 10000b
- T.1. - 2026. - 189 tr. : tranh vẽ s637898
2618. Doraemon plus : Tranh truyện dành cho thiếu nhi / Fujiko F. Fujio ; Hồng Trang dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 25000đ. - 10000b
- T.5. - 2026. - 191 tr. : tranh vẽ s637899
2619. Doraemon plus : Tranh truyện dành cho thiếu nhi / Fujiko F. Fujio ; Thanh Ngân dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 25000đ. - 10000b
- T.6. - 2026. - 189 tr. : tranh vẽ s637900
2620. Dorami và đội quân Doraemon - 7 bí ẩn của trường đào tạo robot : Truyện tranh / Nguyên tác: Fujiko F. Fujio. - H. : Kim Đồng, 2026. - 122 tr. : tranh màu ; 18 cm. - (Tranh truyện màu Doraemon). - 30000đ. - 5000b s637933
2621. Dostoevsky, Fyodor. Tội ác và hình phạt / Fyodor Dostoevsky ; Cao Xuân Hạo dịch. - Tái bản lần 7. - H. : Văn học, 2026. - 725 tr. ; 24 cm. - 399000đ. - 2000b
Tên thật tác giả: Fyodor Mikhailovich Dostoevsky s640467
2622. Doyle, Arthur Conan. Những cuộc phiêu lưu của Sherlock Holmes / Arthur Conan Doyle ; Dịch: Lê Khánh... - Tái bản lần thứ 9. - H. : Văn học, 2026. - 306 tr. ; 21 cm. - (Classic book collection). - 79000đ. - 2000b s640380
2623. Doyle, Arthur Conan. Những vụ kỳ án của Sherlock Holmes / Arthur Conan Doyle ; Dịch: Lê Khánh... - Tái bản lần thứ 9. - H. : Văn học, 2026. - 613 tr. ; 23 cm. - 180000đ. - 2000b s640411
2624. Doyle, Arthur Conan. Những vụ kỳ án của Sherlock Holmes : Tập truyện / Arthur Conan Doyle ; Thái Hà dịch. - H. : Văn học, 2026. - 526 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - 118000đ. - 1000b s640410

2625. Doyle, Arthur Conan. Sherlock Holmes toàn tập : Trọn bộ 4 tiểu thuyết và 56 truyện ngắn / Arthur Conan Doyle ; Mai Loan dịch. - H. : Văn học. - 24 cm. - 189000đ. - 1500b
T.1. - 2026. - 631 tr. : tranh vẽ s640412
2626. Dragon ball super : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 13+ / Lời: Akira Toriyama ; Tranh: Toyotarou ; Dịch: Barbie Ayumi, Admin Kej. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 5000b
T.1: Các chiến binh của vũ trụ thứ 6. - 2026. - 187 tr. : tranh vẽ s637977
2627. Dragon ball super : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 13+ / Lời: Akira Toriyama ; Tranh: Toyotarou ; Dịch: Barbie Ayumi, Admin Kej. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 5000b
T.12: Thân phận thực sự của Merus. - 2026. - 189 tr. : tranh vẽ s637978
2628. Dragon ball super : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 13+ / Lời: Akira Toriyama ; Tranh: Toyotarou ; Dịch: Barbie Ayumi, Admin Kej. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 5000b
T.16: Chiến binh mạnh nhất vũ trụ. - 2026. - 186 tr. : tranh vẽ s637979
2629. Dragon ball super : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 13+ / Lời: Akira Toriyama ; Tranh: Toyotarou ; Dịch: Barbie Ayumi, Admin Kej. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 5000b
T.21: Đại chiến Dr. Hedon. - 2026. - 186 tr. : tranh vẽ s637980
2630. Dragon ball super : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 13+ / Lời: Akira Toriyama ; Tranh: Toyotarou ; Dịch: Barbie Ayumi, Admin Kej. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 5000b
T.22: Thầy hay - Trò giỏi. - 2026. - 186 tr. : tranh vẽ s637981
2631. Dragon ball super : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 13+ / Lời: Akira Toriyama ; Tranh: Toyotarou ; Dịch: Barbie Ayumi, Admin Kej. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 5000b
T.23: Son Gohan - Siêu tiềm lực khai mở!. - 2026. - 186 tr. : tranh vẽ s637982
2632. Dragon quest - Cuộc phiêu lưu của dũng sĩ Dai = Dragon quest - The adventure of Dai : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 14+ / Nguyên tác: Riku Sanjo ; Họa sĩ: Koji Inada ; NingNing dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 69000đ. - 6000b
T.12: Lục địa Chết II. - 2026. - 318 tr. : tranh vẽ s637969
2633. Dragon quest - Cuộc phiêu lưu của dũng sĩ Dai = Dragon quest - The adventure of Dai : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 14+ / Nguyên tác: Riku Sanjo ; Họa sĩ: Koji Inada ; NingNing dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 69000đ. - 8000b
T.13: Lục địa Chết III. - 2026. - 222 tr. : tranh vẽ s637970
2634. Dưor sư tự sư : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 18+ / Nguyên tác: Hyuganatsu ; Tranh: Nekokurage ; Kịch bản: Itsuki Nanao ; Hide dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 47000đ. - 5000b
T.1. - 2026. - 168 tr. : tranh vẽ s638065
2635. Dưor sư tự sư : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 18+ / Nguyên tác: Hyuganatsu ; Tranh: Nekokurage ; Kịch bản: Itsuki Nanao ; Hide dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 47000đ. - 5000b
T.2. - 2026. - 170 tr. : tranh vẽ s638066

2636. Dược sư tự sự : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 18+ / Nguyên tác: Hyuganatsu ; Tranh: Nekokurage ; Kịch bản: Itsuki Nanao ; Hide dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 47000đ. - 5000b

T.4. - 2026. - 189 tr. : tranh vẽ s638067

2637. Dược sư tự sự : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 18+ / Nguyên tác: Hyuganatsu ; Tranh: Nekokurage ; Kịch bản: Itsuki Nanao ; Thảo Aki dịch. - Tái bản lần thứ 3. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 47000đ. - 5000b

T.5. - 2026. - 172 tr. : tranh vẽ s638068

2638. Dược sư tự sự : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 18+ / Nguyên tác: Hyuganatsu ; Tranh: Nekokurage ; Kịch bản: Itsuki Nanao ; Thảo Aki dịch. - Tái bản lần thứ 3. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 47000đ. - 5000b

T.6. - 2026. - 177 tr. : tranh vẽ s638069

2639. Dược sư tự sự : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 18+ / Nguyên tác: Hyuganatsu ; Tranh: Nekokurage ; Kịch bản: Itsuki Nanao ; Thảo Aki dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 47000đ. - 5000b

T.7. - 2026. - 176 tr. : tranh vẽ s638070

2640. Dược sư tự sự : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 18+ / Nguyên tác: Hyuganatsu ; Tranh: Nekokurage ; Kịch bản: Itsuki Nanao ; Thảo Aki dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 47000đ. - 5000b

T.8. - 2026. - 170 tr. : tranh vẽ s638071

2641. Dược sư tự sự : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 18+ / Nguyên tác: Hyuganatsu ; Tranh: Nekokurage ; Kịch bản: Itsuki Nanao ; Thảo Aki dịch. - Tái bản lần thứ 3. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 47000đ. - 5000b

T.9. - 2026. - 172 tr. : tranh vẽ s638072

2642. Dược sư tự sự : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 18+ / Nguyên tác: Hyuganatsu ; Tranh: Nekokurage ; Kịch bản: Itsuki Nanao ; Thảo Aki dịch. - Tái bản lần thứ 3. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 47000đ. - 5000b

T.10. - 2026. - 174 tr. : tranh vẽ s638073

2643. Dược sư tự sự : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 18+ / Nguyên tác: Hyuganatsu ; Tranh: Nekokurage ; Kịch bản: Itsuki Nanao ; Thảo Aki dịch. - Tái bản lần thứ 3. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 47000đ. - 2000b

T.11. - 2026. - 164 tr. : tranh vẽ s638074

2644. Dược sư tự sự : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 18+ / Nguyên tác: Hyuganatsu ; Tranh: Nekokurage ; Kịch bản: Itsuki Nanao ; Thảo Aki dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 47000đ. - 2000b

T.15. - 2026. - 166 tr. : tranh vẽ s638075

2645. Dược sư tự sự : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 18+ / Nguyên tác: Hyuganatsu ; Tranh: Nekokurage ; Kịch bản: Itsuki Nanao ; Thảo Aki dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 125000đ. - 14000b

T.15: Bản đặc biệt. - 2026. - 166 tr. : tranh vẽ + 1 cuốn tranh minh họa s638076

2646. Dương Hạnh. Trái tim cũng cần một mái hiên / Dương Hạnh, Rán Art. - H. : Văn học, 2026. - 86 tr. : tranh vẽ ; 19x24 cm. - (Tủ sách Người trẻ Việt). - 120000đ. - 2000b s640334

2647. Dương Xuân Thành. Nơi lắng sâu : Thơ / Dương Xuân Thành. - Nghệ An : Nxb. Nghệ An, 2025. - 91 tr. ; 21 cm. - 90000đ. - 200b s640066

2648. Đại pháp sư của thư viện = Magus of the library : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 14+ / Mitsu Izumi ; Ruyuha Kyouka dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 45000đ. - 3500b
T.6. - 2026. - 236 tr. : tranh vẽ s638120
2649. Đám cưới mèo : Truyện tranh : Dành cho thiếu nhi / Naoko Awa ; Tranh: Shuku Nishi ; Olivia Trịnh dịch. - H. : Kim Đồng, 2026. - 39 tr. : tranh vẽ ; 23 cm. - (Truyện nhỏ đông đầy yêu thương). - 50000đ. - 2000b s637841
2650. Đàn chị hay xấu hổ : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 16+ / Makoto Kudo ; Tsubaky dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 38000đ. - 3000b
T.9. - 2026. - 142 tr. : tranh vẽ s638137
2651. Đàn ngỗng trời : Truyện tranh / Minh Long b.s. - Tái bản lần thứ 14. - H. : Văn học, 2026. - 16 tr. : tranh màu ; 27 cm. - (Truyện tranh tuổi thần tiên). - 15000đ. - 3000b s640429
2652. Đáy Giếng. Kể du mục trong vùng ký ức / Đáy Giếng. - H. : Văn học, 2026. - 181 tr. : hình vẽ ; 19 cm. - 99000đ. - 1000b
Tên thật tác giả: Đoàn Xuyên s640655
2653. Đất rừng phương Nam : Chuyển thể từ tiểu thuyết cùng tên của nhà văn Đoàn Giỏi : Truyện tranh : Dành cho thiếu nhi / Tranh, lời chuyển thể: Văn Minh. - H. : Kim Đồng, 2026. - 51 tr. : tranh màu ; 28 cm. - 75000đ. - 2000b s637542
2654. Đeo nhạc cho mèo : Tranh truyện thiếu nhi = Belling the cat : Children's comics / Thùy Trang b.s. ; Minh họa: Đoàn Minh Nghĩa. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 16 tr. : tranh màu ; 24 cm. - (Tủ sách Song ngữ Việt - Anh). - 12000đ. - 10000b s638626
2655. Đề học tốt Ngữ văn 6 / Đặng Lưu, Nguyễn Thị Nương (ch.b.), Phan Huy Dũng, Nguyễn Thị Vĩnh Hà. - Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 41000đ. - 5000b
T.2. - 2026. - 95 tr. : ảnh, bảng s639345
2656. Đề học tốt Ngữ văn 8 / Đặng Lưu (ch.b.), Dương Tuấn Anh, Lê Trà My... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 41000đ. - 5000b
T.1. - 2026. - 96 tr. : bảng s639346
2657. Đề học tốt Ngữ văn 8 / Đặng Lưu (ch.b.), Nguyễn Thị Vĩnh Hà, Nguyễn Thị Mai Liên... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 41000đ. - 3000b
T.2. - 2026. - 96 tr. : minh họa s639347
2658. Đi lạc trong rừng : Truyện tranh = Lost in the jungle : Picture books. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2025. - 19 tr. : tranh màu ; 21 cm. - 2000b s638500
2659. Điềm Thụy. Dây châu ngọc bên cảnh linh lan / Điềm Thụy. - Tái bản. - H. : Văn học, 2026. - 485 tr. ; 24 cm. - 285000đ. - 1000b s640415
2660. Điều ước của chuột chũi : Truyện tranh : Dành cho trẻ 3 - 7 tuổi / Steve Smallman ; Thu Nga dịch. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 24 tr. : tranh màu ; 23 cm. - (Storytime - Truyện hay rèn luyện kỹ năng). - 31000đ. - 3000b
Tên sách tiếng Anh: Monty the hero s639928
2661. Điệu múa chim công có ai thấy không? = Who saw the peacock dance in the jungle? : Truyện tranh : 18+ / Rito Asami ; Tài Thịnh dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 19 cm. - 58000đ. - 3000b
T.7. - 2026. - 191 tr. : tranh vẽ s640689

2662. Đinh Ngọc Lâm. Thả hồn vào sông núi : Tập văn / Đinh Ngọc Lâm. - H. : Văn học, 2026. - 303 tr. ; 21 cm. - 186000đ. - 1000b s640348

2663. Đinh Thu Hà. Sau 00:00 - Giữa những lần đau / Đinh Thu Hà. - H. : Văn học, 2026. - 157 tr. : hình vẽ ; 17 cm. - 89000đ. - 2000b s640582

2664. Đinh Xuân Dũng. Tổ quốc, đồng đội và văn nghệ : Lý luận - Phê bình / Đinh Xuân Dũng. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 279 tr. ; 21 cm. - 1450b s640478

2665. Đoàn Giỏi. Đất rừng phương Nam : Dành cho mọi lứa tuổi / Đoàn Giỏi. - Tái bản lần thứ 11. - H. : Kim Đồng, 2026. - 303 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - 81000đ. - 5000b s637701

2666. Đoàn Xuân Liên. Nắng chiều : Thơ / Đoàn Xuân Liên. - H. : Văn học, 2026. - 151 tr. ; 21 cm. - 120000đ. - 1000b s640154

2667. Đỗ Hùng. Chuyện đời : Tập văn / Đỗ Hùng. - H. : Văn học, 2026. - 263 tr. ; 21 cm. - 228000đ. - 500b s640151

2668. Đối thủ thân yêu : Truyện tranh : 18+ / Nhân Quân 110 ; Hải Lân dịch. - H. : Dân trí. - 21 cm. - 169000đ. - 3000b

Tên sách Tiếng Trung: 亲爱的死对头

T.1. - 2026. - 238 tr. : tranh màu s640080

2669. Đội quân Doraemon : Truyện tranh : Sách dành cho trẻ em / Michiaki Tanaka ; Nguyên tác: Fujiko F. Fujio ; Giang Hồng dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - (Doraemon game comics). - 25000đ. - 5000b

T.2. - 2026. - 195 tr. : tranh vẽ s637885

2670. Đội quân Doraemon : Truyện tranh : Sách dành cho trẻ em / Michiaki Tanaka ; Nguyên tác: Fujiko F. Fujio ; Giang Hồng dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - (Doraemon game comics). - 25000đ. - 5000b

T.3. - 2026. - 191 tr. : tranh vẽ s637886

2671. Đội quân Doraemon đặc biệt : Truyện tranh : Sách dành cho trẻ em / Nguyên tác: Fujiko F. Fujio ; Kịch bản: Masaru Miyazaki ; Tranh: Yukihiro Mitani ; Barbie Ayumi dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - (Doraemon game comics). - 25000đ. - 5000b

T.6. - 2026. - 203 tr. : tranh vẽ s637887

2672. Đông Sơn Hồ Hữu Vinh. Nhớ và quên / Đông Sơn Hồ Hữu Vinh. - H. : Văn học. - 19 cm. - 170000đ. - 200b

Tên thật tác giả: Hồ Hữu Vinh

T.2. - 2026. - 136 tr. s640606

2673. Đức Lâm. Đời dừng cảm của Kim Đồng / Đức Lâm. - Tái bản lần thứ 3. - H. : Kim Đồng, 2026. - 99 tr. ; 19 cm. - (Những anh hùng trẻ tuổi). - 25000đ. - 2000b

Đầu bìa sách ghi: Kỷ niệm 85 năm Ngày thành lập Đội TNTP Hồ Chí Minh (1941 - 2026). - Tên thật tác giả: Nguyễn Lâm s638181

2674. Đừng chạm vào cháu! : Truyện tranh : Sách cho trẻ 2 - 8 tuổi / Lời, tranh: Thỏ Oai Oai ; Phương An dịch. - Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 29 tr. : tranh màu ; 19 cm. - (Những bài học đầu tiên về giới tính; T.7 : Phòng chống xâm hại tình dục). - 28000đ. - 200b

Tên sách tiếng Trung: 不准碰我! (7) s640512

2675. Edogawa Ranpo. Địa ngục gương / Edogawa Ranpo ; Dịch: Rei, Thư Trúc. - Tái bản. - H. : Văn học, 2026. - 222 tr. ; 21 cm. - 175000đ. - 500b

Tên thật tác giả: Hirai Taro s640401

2676. Eggers, Dave. Mắt và nhiệm vụ bất khả thi : Giải thưởng văn học Newbery Medal 2024 / Dave Eggers ; Minh họa: Shawn Harris ; Nguyễn Xuân Hồng dịch. - H. : Kim Đồng, 2026. - 254 tr. ; 21 cm. - 155000đ. - 1500b s637796

2677. Eiichiro Oda. One piece - Chuyện về ACE : Tiểu thuyết : Dành cho lứa tuổi 15+ / Eiichiro Oda, Sho Hinata ; Thúy Kim dịch. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Kim Đồng. - 19 cm. - 60000đ. - 2000b

T.1: Băng hải tặc Spade ra đời. - 2026. - 149 tr. s637916

2678. Eiichiro Oda. One piece - Chuyện về ACE : Tiểu thuyết : Dành cho lứa tuổi 15+ / Eiichiro Oda, Tatsuya Hamazaki ; Takara dịch. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Kim Đồng. - 19 cm. - 60000đ. - 2000b

T.2: Nổi danh ở tân thế giới. - 2026. - 251 tr. s637917

2679. Eiichiro Oda. One piece - Chuyện về Law : Tiểu thuyết : Sách dành cho lứa tuổi 14+ / Eiichiro Oda ; Itsuwa Rei dịch. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Kim Đồng, 2026. - 307 tr. ; 19 cm. - 65000đ. - 2000b s637919

2680. Eiichiro Oda. One piece - Heroines : Tiểu thuyết : Sách dành cho lứa tuổi 14+ / Nguyên tác: Eiichiro Oda ; Tiểu thuyết: Jun Esaka ; Minh họa: Sayaka Suwa ; Itsuwa Rei dịch. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Kim Đồng, 2026. - 185 tr. : tranh vẽ ; 19 cm. - 65000đ. - 2000b s637918

2681. Em đến cùng mưa = With you and the rain : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 12+ / Ko Nikaido ; Altair dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 38000đ. - 2500b

T.7. - 2026. - 126 tr. : tranh vẽ s638136

2682.Ếch Khum Xanh Lá. Mong em đừng quên mình cũng là bông hoa /Ếch Khum Xanh Lá. - H. : Văn học, 2026. - 107 tr. : tranh vẽ ; 17 cm. - 99000đ. - 1500b

Tên thật tác giả: Phạm Vũ Thư s640580

2683. Frieren - Pháp sư tiền táng : Bản đặc biệt : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 14+ / Nguyên tác: Kanehito Yamada ; Minh họa: Tsukasa Abe ; Gou dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 55000đ. - 12000b

T.13. - 2026. - 190 tr. : tranh vẽ + 1 cuốn tranh minh họa s638007

2684. Frieren - Pháp sư tiền táng : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 14+ / Nguyên tác: Kanehito Yamada ; Minh họa: Tsukasa Abe ; Gou dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 45000đ. - 14000b

T.13. - 2026. - 190 tr. : tranh vẽ s638006

2685. Fujiko F. Fujio. Tiểu thuyết Doraemon - Nobita và lâu đài dưới đáy biển : Sách dành cho trẻ em / Nguyên tác: Fujiko F. Fujio ; Biên kịch: Isao Murayama ; Thu Hằng dịch. - H. : Kim Đồng, 2026. - 203 tr. ; 19 cm. - 60000đ. - 10000b

Tên thật tác giả: Hiroshi Fujimoto s637894

2686. Garber, Stephanie. Legendary - Trò chơi vừa mới bắt đầu... / Stephanie Garber ; Hán Nhật Minh dịch. - H. : Văn học, 2026. - 462 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - 199000đ. - 2000b s640122

2687. Gấu con và trời mưa - Tí tách tí tách = The little bear and the rain - Drip-drop Drip-drop : Truyện tranh : Song ngữ Việt - Anh : Dành cho trẻ từ 0 - 6 tuổi / Suzuki Mika. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 24 tr. : tranh màu ; 20 cm. - (Ehon)(Bộ sách Nuôi dưỡng tâm hồn bé). - 39000đ. - 7000b s638394

2688. Gấu túi ưa nói bậy : Truyện tranh : Dành cho trẻ 3 - 7 tuổi / Christine Beigel, Hervé Le Goff ; Hồng Tú dịch. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 19 tr. : tranh màu ; 20 cm. - (Truyện hay bà kể hằng đêm; T.6). - 23000đ. - 3000b

Tên sách tiếng Pháp: Mamie poule raconte - L'ours qui voulait son doudou s639917

2689. Gia đình của Peppa : Truyện tranh : Tuổi 2+ / Phương Nhung dịch. - H. : Mỹ thuật, 2026. - 13 tr. : tranh màu ; 9 cm. - (Peppa Pig. Thư viện yêu thích của tớ). - 29750đ. - 3000b s638255

2690. Gia đình Mèo Cam - Một ngày ở bảo tàng : Truyện tranh : Cuốn sách lật mở hấp dẫn. Với hơn 140 vật lật mở / Lucy Brownridge ; Minh họa: Eunyoung Seo ; Minh Thư dịch. - H. : Mỹ thuật, 2026. - 25 tr. : tranh màu ; 28 cm. - 190000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Anh: Cat family at the museum s638669

2691. Giá Oản Chúc. Phùng Thanh / Giá Oản Chúc ; Tô Ngọc Hà dịch. - Tái bản lần 1. - H. : Văn học, 2026. - 583 tr. ; 24 cm. - 335000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Trung: 逢青 s640420

2692. Giai Du. Lầy : Nỗi oan của thần linh / Giai Du. - H. : Văn học, 2026. - 230 tr. ; 21 cm. - (Tủ sách Văn học Việt). - 145000đ. - 1000b s640180

2693. Gialinh. Đón mình về lại / Gialinh. - H. : Văn học, 2026. - 187 tr. : hình vẽ ; 19 cm. - 128000đ. - 1000b s640587

2694. Góc nhỏ của Han. Biết đâu ngày mai có cầu vồng / Góc nhỏ của Han. - H. : Văn học, 2026. - 227 tr. ; 21 cm. - 109000đ. - 1000b s639998

2695. Gokurakugai : Truyện tranh : 16+ / Yuto Sano ; Luci dịch. - H. : Văn học. - 18 cm. - 275000đ. - 2000b

T.1. - 2026. - 172 tr. : tranh vẽ s640566

2696. Gokurakugai : Truyện tranh : 16+ / Yuto Sano ; Luci dịch. - H. : Văn học. - 18 cm. - 65000đ. - 10000b

T.2. - 2026. - 180 tr. : tranh vẽ s640567

2697. Gokurakugai : Truyện tranh : 16+ / Yuto Sano ; Luci dịch. - H. : Văn học. - 18 cm. - 65000đ. - 10000b

T.3. - 2026. - 198 tr. : tranh vẽ s640568

2698. Gokurakugai : Truyện tranh : 16+ / Yuto Sano ; Luci dịch. - H. : Văn học. - 18 cm. - 65000đ. - 10000b

T.4. - 2026. - 188 tr. : tranh vẽ s640569

2699. Grin, Alexander. Cánh buồm đỏ thắm / Alexander Grin ; Linh Tâm dịch. - H. : Văn học, 2026. - 166 tr. ; 19 cm. - 99000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Nga: Алые паруса s640656

2700. Hà Quảng. Tuyển tập văn học Hà Tĩnh (Từ thế kỷ XII đến thế kỷ XXI) / Hà Quảng (ch.b.), Lê Văn Tùng, Phạm Quang Ái. - Nghệ An : Nxb. Nghệ An. - 24 cm. - 400b

ĐTTS ghi: Hội Liên hiệp Văn học Nghệ thuật Hà Tĩnh

T.1. - 2025. - 487 tr. s640064

2701. Há mỏ to ra, bồ nông ơi! : Truyện tranh : Sách cho trẻ 0 - 4 tuổi / Kathy Knight, Kate Stone ; Thu Nga dịch. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 12 tr. : tranh màu ; 15 cm. - (Bộ sách Chuyển động). - 45000đ. - 5000b

Tên sách tiếng Anh: Pelican's bill s640518

2702. 21Emon : Truyện tranh / Fujiko F. Fujio ; Hitokiri dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 25000đ. - 3000b
 Tên thật tác giả: Fujimoto Hiroshi
 T.1. - 2026. - 187 tr. : tranh vẽ s637923
2703. 21Emon : Truyện tranh / Fujiko F. Fujio ; Hitokiri dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 25000đ. - 3000b
 Tên thật tác giả: Fujimoto Hiroshi
 T.2. - 2026. - 185 tr. : tranh vẽ s637924
2704. 21Emon : Truyện tranh / Fujiko F. Fujio ; Hitokiri dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 25000đ. - 3000b
 Tên thật tác giả: Fujimoto Hiroshi
 T.3. - 2026. - 187 tr. : tranh vẽ s637925
2705. 21Emon : Truyện tranh / Fujiko F. Fujio ; Hitokiri dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 25000đ. - 3000b
 Tên thật tác giả: Fujimoto Hiroshi
 T.4. - 2026. - 189 tr. : tranh vẽ s637926
2706. Hải ly nhỏ bên dòng sông xanh : Dám nghĩ, dám làm : Truyện tranh : Dành cho trẻ 4 - 8 tuổi / Lời: Won Gyeong Lee ; Tranh: Hye Won Yang ; Lê Ngọc dịch. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 27 tr. : tranh màu ; 25 cm. - (Nhà lãnh đạo nhí). - 29000đ. - 3000b
 Tên sách tiếng Hàn: 초록 강 꼬마 비버; Tên sách tiếng Anh: Little beaver from the green river s639937
2707. Haikyuu!! : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 12+ / Haruichi Furudate ; Ruyuha Kyouka dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 40000đ. - 2000b
 T.1: Hinata và Kageyama. - 2026. - 193 tr. : tranh vẽ s638077
2708. Haikyuu!! : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 12+ / Haruichi Furudate ; Ruyuha Kyouka dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 40000đ. - 2000b
 T.36: Chiến thắng của tôi. - 2026. - 183 tr. : tranh vẽ s638078
2709. Haikyuu!! : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 12+ / Haruichi Furudate ; Ruyuha Kyouka dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 40000đ. - 2000b
 T.37: Lễ hội kết thúc. - 2026. - 191 tr. : tranh vẽ s638079
2710. Haikyuu!! : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 12+ / Haruichi Furudate ; Ruyuha Kyouka dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 40000đ. - 2000b
 T.38: Task focus. - 2026. - 191 tr. : tranh vẽ s638080
2711. Haikyuu!! : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 12+ / Haruichi Furudate ; Ruyuha Kyouka dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 40000đ. - 2000b
 T.39: Gã khổng lồ tí hon. - 2026. - 191 tr. : tranh vẽ s638081
2712. Haikyuu!! : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 12+ / Haruichi Furudate ; Ruyuha Kyouka dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 40000đ. - 2000b
 T.40: Khăng định. - 2026. - 179 tr. : tranh vẽ s638082
2713. Haikyuu!! : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 12+ / Haruichi Furudate ; Ruyuha Kyouka dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 40000đ. - 2000b
 T.41: Gã khổng lồ tí hon vs... - 2026. - 183 tr. : tranh vẽ s638083
2714. Haikyuu!! : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 12+ / Haruichi Furudate ; Ruyuha Kyouka dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 40000đ. - 2000b

- T.45: Những kẻ thách đấu. - 2026. - 211 tr. : tranh vẽ s638084
2715. Hamuo. Hell Mode - Game thủ xuất chúng tung hoành chốn Dị giới hỗn nguyên / Hamuo ; Minh họa: Mo ; Đại Ca Nhím dịch. - H. : Dân trí. - 19 cm. - 140000đ. - 2500b
 Tên sách tiếng Nhật: ヘルモード- やり込み好きのゲーマーは廃設定の異世界で無双する
 T.1. - 2025. - 361 tr. s640108
2716. Hàn Mặc Tử. Nhớ thương : Tuyển tập thơ / Hàn Mặc Tử. - H. : Văn học, 2026. - 119 tr. ; 21 cm. - 58000đ. - 2000b
 Tên thật tác giả: Nguyễn Trọng Trí s639995
2717. Hành trình đi tìm mẹ : Truyện tranh / Tranh, truyện: Gomyang ; Quỳnh Anh dịch. - H. : Văn học. - 21 cm. - 225000đ. - 3000b
 T.2. - 2026. - 346 tr. : tranh màu s640178
2718. Harvey, Samantha. Quỹ đạo / Samantha Harvey ; Trần Khánh Nguyên dịch. - H. : Văn học, 2026. - 221 tr. : hình vẽ ; 21 cm. - 145000đ. - 2000b
 Tên sách tiếng Anh: Orbital s640116
2719. Hân Nhiên. Những cô nàng đũa = Miss chopsticks / Hân Nhiên ; Tất An dịch. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 332 tr. ; 21 cm. - 188000đ. - 2000b
 Tên thật tác giả: Tất Hân Nhiên s638365
2720. Hậu cung : Truyện tranh : 18+ / Fumi Yoshinaga ; Thư Trúc dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 19 cm. - 70000đ. - 3000b
 T.1. - 2026. - 197 tr. : tranh vẽ s640688
2721. Hemingway, Ernest. Ông già và biển cả / Ernest Hemingway ; Hiền Trang dịch. - H. : Văn học, 2026. - 133 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - 62000đ. - 1500b
 Tên sách tiếng Anh: The old man and the sea s640373
2722. Hemingway, Ernest. Ông già và biển cả / Ernest Hemingway ; Lê Huy Bắc dịch. - Tái bản lần 7. - H. : Văn học, 2026. - 147 tr. ; 21 cm. - 42000đ. - 2000b
 Dịch theo nguyên bản tiếng Anh: The old man and the sea s640372
2723. Higashino Keigo. Bản sao / Higashino Keigo ; Bảo Trâm dịch. - H. : Dân trí, 2026. - 503 tr. ; 21 cm. - 229000đ. - 2000b s640069
2724. Higashino Keigo. Biệt thự cô lập trên núi tuyết / Higashino Keigo ; Ngọc Châu dịch. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 298 tr. ; 21 cm. - 170000đ. - 1500b
 Tên sách tiếng Nhật: ある閉ざされた雪の山荘で s640641
2725. Hikaru - Kì thủ cờ vây : Ultimate edition : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 12+ / Nguyên tác: Yumi Hotta ; Minh họa: Takeshi Obata. - H. : Kim Đồng. - 21 cm. - 80000đ. - 15000b
 T.4. - 2026. - 214 tr. : tranh vẽ s637748
2726. Hikaru - Kì thủ cờ vây : Ultimate edition : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 12+ / Nguyên tác: Yumi Hotta ; Minh họa: Takeshi Obata. - H. : Kim Đồng. - 21 cm. - 80000đ. - 15000b
 T.5. - 2026. - 234 tr. : tranh vẽ s637749
2727. Hình vuông ở đâu nhỉ? = Where is the square : Truyện tranh : Song ngữ Việt - Anh : Dành cho trẻ từ 0 - 6 tuổi / Suzuki Mika. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 24 tr. : tranh màu ; 20 cm. - (Bộ sách Nuôi dưỡng tâm hồn bé). - 39000đ. - 7000b s638388

2728. Hoa chúc trắng : Truyện tranh : 18+ / Shinobu Takayama ; Calibri8 dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 19 cm. - 60000đ. - 5000b
T.2. - 2026. - 191 tr. : tranh vẽ s640675
2729. Hoa chúc trắng : Truyện tranh : 18+ / Shinobu Takayama ; Calibri8 dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 19 cm. - 60000đ. - 4300b
T.3. - 2026. - 175 tr. : tranh vẽ s640676
2730. Hoài Khánh. Những nẻo đường màu lá : Thơ / Hoài Khánh. - H. : Văn học, 2026. - 95 tr. ; 21 cm. - 90000đ. - 1000b s640124
2731. Hoàng An An Thịnh. Muôn thuở : Thơ / Hoàng An An Thịnh. - H. : Văn học, 2026. - 119 tr. ; 19 cm. - 100000đ. - 100b
Tên thật tác giả: Trần An Thịnh s640607
2732. Hoàng Hương. Chuyện thế gian : Tập truyện / Hoàng Hương. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 239 tr. ; 21 cm. - 109000đ. - 2000b
Bút danh tác giả: Hoàng Mạc Ninh s638342
2733. Hoàng Kim Đáng. Tình thơ - Ảnh nghệ / Hoàng Kim Đáng. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 131 tr. : ảnh ; 20 cm. - 245000đ. - 500b s638382
2734. Hoàng Nhật Tuyên. Hiệp sĩ Gà Lông Tía : Dành cho lứa tuổi 6+ / Hoàng Nhật Tuyên. - H. : Kim Đồng, 2026. - 137 tr. ; 21 cm. - (Tủ sách Tuổi thần tiên). - 45000đ. - 1500b s637778
2735. Hoàng Quốc Hải. Bảo táp triều Trần : Tiểu thuyết lịch sử / Hoàng Quốc Hải. - H. : Nxb. Hội Nhà văn. - 21 cm. - (Tác phẩm văn học). - 1450b
T.1: Bảo táp cung đình. - 2025. - 479 tr. s640498
2736. Hoàng Quốc Hải. Bảo táp triều Trần : Tiểu thuyết lịch sử / Hoàng Quốc Hải. - H. : Nxb. Hội Nhà văn. - 21 cm. - (Tác phẩm văn học). - 1450b
T.2: Đuổi quân Mông Thát. - 2025. - 343 tr. s640499
2737. Hoàng Quốc Hải. Bảo táp triều Trần : Tiểu thuyết lịch sử / Hoàng Quốc Hải. - H. : Nxb. Hội Nhà văn. - 21 cm. - (Tác phẩm văn học). - 1450b
T.3: Thăng Long nổi giận. - 2025. - 519 tr. s640500
2738. Hoàng Văn Phong. Vượt sóng gió / Hoàng Văn Phong. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 121 tr. ; 21 cm. - 99000đ. - 500b s638327
2739. Học viện siêu anh hùng = My hero academia : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 15+ / Kohei Horikoshi ; Ruyuha Kyouka dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 2000b
T.13: Cái thứ "Kosei" ấy. - 2026. - 179 tr. : tranh vẽ s637983
2740. Học viện siêu anh hùng = My hero academia : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 15+ / Kohei Horikoshi ; Ruyuha Kyouka dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 12000b
T.40: Kết thúc một thời đại, và... - 2026. - 193 tr. : tranh vẽ s637984
2741. Học viện siêu anh hùng : Bản đặc biệt = My hero academia : Truyện tranh / Kohei Horikoshi ; Ruyuha Kyouka dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 150000đ. - 10000b
T.40: Kết thúc một thời đại, và... - 2026. - 193 tr. : tranh vẽ s637986
2742. Học viện siêu anh hùng - Ultra archive = My hero academia : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 15+ / Kohei Horikoshi ; Ruyuha Kyouka dịch. - H. : Kim Đồng, 2026. - 207 tr. : tranh vẽ ; 18 cm. - 45000đ. - 2000b s637985
2743. Horimiya : Truyện tranh : 13+ / Hero, Hagiwara Daisuke ; Đinh Thị Nhung dịch. - H. : Văn học. - 18 cm. - 60000đ. - 1000b

- T.1. - 2025. - 168 tr. : tranh vẽ s640571
2744. Horimiya : Truyện tranh : 13+ / Hero, Hagiwara Daisuke ; Đinh Thị Nhung dịch. - H. : Văn học. - 18 cm. - 60000đ. - 1000b
- T.3. - 2026. - 174 tr. : tranh vẽ s640572
2745. Horimiya : Truyện tranh : 13+ / Hero, Hagiwara Daisuke ; Đinh Thị Nhung dịch. - H. : Văn học. - 18 cm. - 60000đ. - 1000b
- T.5. - 2026. - 171 tr. : tranh vẽ s640573
2746. Horimiya : Truyện tranh : 13+ / Hero, Hagiwara Daisuke ; Đinh Thị Nhung dịch. - H. : Văn học. - 18 cm. - 60000đ. - 1000b
- T.9. - 2026. - 172 tr. : tranh vẽ s640574
2747. Horimiya : Truyện tranh : 13+ / Hero, Hagiwara Daisuke ; Đinh Thị Nhung dịch. - H. : Văn học. - 18 cm. - 60000đ. - 1000b
- T.11. - 2026. - 176 tr. : tranh vẽ s640575
2748. Horimiya : Truyện tranh : 13+ / Hero, Hagiwara Daisuke ; Đinh Thị Nhung dịch. - H. : Văn học. - 18 cm. - 60000đ. - 1000b
- T.12. - 2026. - 173 tr. : tranh vẽ s640576
2749. Horimiya : Truyện tranh : 13+ / Hero, Hagiwara Daisuke ; Đinh Thị Nhung dịch. - H. : Văn học. - 18 cm. - 60000đ. - 1000b
- T.14. - 2026. - 165 tr. : tranh vẽ s640577
2750. Hosseini, Khaled. Ngàn mặt trời rực rỡ / Khaled Hosseini ; Nguyễn Thị Hương Thảo dịch. - H. : Văn học, 2026. - 456 tr. ; 21 cm. - 160000đ. - 3000b
- Dịch từ nguyên bản tiếng Anh: A thousand splendid suns s640448
2751. Host Club trường Ouran : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 15+ / Bisco Hatori ; Sachi dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 35000đ. - 10000b
- T.3. - 2026. - 182 tr. : tranh vẽ s637997
2752. Host Club trường Ouran : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 15+ / Bisco Hatori ; Sachi dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 35000đ. - 13000b
- T.4. - 2026. - 183 tr. : tranh vẽ s637998
2753. Host Club trường Ouran : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 15+ / Bisco Hatori ; Sachi dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 35000đ. - 13000b
- T.5. - 2026. - 171 tr. : tranh vẽ s637999
2754. Host Club trường Ouran : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 15+ / Bisco Hatori ; Sachi dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 35000đ. - 12000b
- T.6. - 2026. - 187 tr. : tranh vẽ s638000
2755. Host Club trường Ouran : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 15+ / Bisco Hatori ; Sachi dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 35000đ. - 12000b
- T.7. - 2026. - 192 tr. : tranh vẽ s638001
2756. Hồ Chí Minh. Nhật ký trong tù / Hồ Chí Minh. - Tái bản lần thứ 13. - H. : Văn học, 2026. - 299 tr. ; 21 cm. - 80000đ. - 2000b s640368
2757. Hồ Chí Minh. Nhật ký trong tù / Hồ Chí Minh. - Tái bản lần thứ 8. - H. : Văn học, 2026. - 175 tr. ; 21 cm. - 48000đ. - 3000b s640369
2758. Hồ Phương. Cha và con : Tiểu thuyết về Bác Hồ và cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc : Dành cho lứa tuổi 11+ / Hồ Phương. - Tái bản lần thứ 15. - H. : Kim Đồng, 2026. - 375 tr. : ảnh ; 24 cm. - 100000đ. - 2000b s637786

2759. Hồ Quang Vũ. Ông nội tôi : Truyện lịch sử viết về gia đình lão thành cách mạng Hồ Văn Phú / Hồ Quang Vũ. - Nghệ An : Nxb. Nghệ An, 2026. - 207 tr. : ảnh ; 24 cm. - 100b s639961

2760. Hồ Thủy Giang. Nơi ấy mù sương : Tập truyện ngắn / Hồ Thủy Giang. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 194 tr. ; 21 cm. - 109000đ. - 2000b s638345

2761. Hòn Oda da Shiba : Truyện tranh : 18+ / Una Megurogawa ; Fiona dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 19 cm. - 55000đ. - 2000b
T.8. - 2026. - 141 tr. : tranh vẽ s640683

2762. Hòn Oda da Shiba : Truyện tranh : 18+ / Una Megurogawa ; Fiona dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 19 cm. - 55000đ. - 2000b
T.9. - 2026. - 141 tr. : tranh vẽ s640684

2763. Hồng Thanh Quang. Cúc muện : Thơ / Hồng Thanh Quang. - H. : Văn học, 2026. - 140 tr. ; 23 cm. - 199000đ. - 1000b s640190

2764. Huỳnh Trọng Khang. Đề Ngạn không mưa : Dành cho tuổi trưởng thành / Huỳnh Trọng Khang. - H. : Kim Đồng, 2026. - 198 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - 70000đ. - 2000b s637660

2765. Hứa Đại Bằng. Những dấu chân chết chóc : FBI và 21 vụ án thể kỷ / Hứa Đại Bằng ; Diệu Thúy dịch. - H. : Văn học, 2026. - 318 tr. ; 21 cm. - 148000đ. - 1500b

Tên sách tiếng Trung: 犯罪现场调查 s640127

2766. Hướng dẫn học và làm bài Ngữ văn 9 : Theo Chương trình GDPT mới / Kiều Bắc, Nguyễn Thị Hoa, Nguyễn Quốc Khánh. - H. : Đại học Sư phạm. - 24 cm. - 105000đ. - 2000b
T.1. - 2026. - 227 tr. : minh họa s640806

2767. Hướng dẫn ôn luyện thi vào lớp 10 môn Ngữ văn : Theo định hướng phát triển năng lực / Nguyễn Thị Hạnh Thủy (ch.b.), Lê Thị Hồng Giang, Trần Công Văn. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 200 tr. : bảng ; 24 cm. - 70000đ. - 1000b s639777

2768. Hướng dẫn ôn tập và làm bài thi vào lớp 10 môn Ngữ văn : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 / Nguyễn Ngọc Thái (ch.b.), Quảng Trọng Bạch, Nguyễn Tấn Dũng... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 132 tr. ; 24 cm. - 55000đ. - 6000b s639780

2769. Hướng dẫn ôn thi tốt nghiệp Trung học phổ thông môn Ngữ văn năm học 2025 - 2026 / Ngô Văn Tuấn (ch.b.), Nguyễn Thị Hương Thủy, Nguyễn Thị Minh Thương. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 220 tr. : minh họa ; 27 cm. - 85000đ. - 5000b s639527

2770. Hướng dẫn ôn thi tốt nghiệp Trung học phổ thông môn Ngữ văn năm học 2025 - 2026 / Nguyễn Thị Hào (ch.b.), Nguyễn Thị Bích, Nguyễn Tuệ Tâm, Nguyễn Thị Hương Thủy. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 195 tr. : minh họa ; 27 cm. - 90000đ. - 2000b s639538

2771. Hướng dẫn ôn thi vào lớp 10 môn Ngữ văn / Thái Xuân Thiện (ch.b.), Trần Thị Hạnh Trang, Lê Thị Ánh Linh... - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 200 tr. : ảnh, bảng ; 27 cm. - 70000đ. - 5000b s638660

2772. Hướng dẫn ôn thi vào lớp 10 môn Ngữ văn : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 / Nguyễn Thị Nương (ch.b.), Thiên Di, Lê Thị Hồng Quế... - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 176 tr. ; 27 cm. - 55000đ. - 10000b s639520

2773. Hướng dẫn ôn thi vào lớp 10 môn Ngữ văn : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 / Trịnh Trọng Nam (ch.b.), Nguyễn Thị Hoa, Nguyễn Quốc Khánh, Nguyễn Lý Tường. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 199 tr. : bảng ; 27 cm. - 70000đ. - 10000b s639050

2774. Hướng dẫn ôn thi vào lớp 10 môn Ngữ văn : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 / Trịnh Trọng Nam (ch.b.), Nguyễn Thị Hoa, Nguyễn Quốc Khánh, Nguyễn Lý Tường. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 199 tr. : bảng ; 27 cm. - 70000đ. - 4000b s639049

2775. Hướng dẫn ôn thi vào lớp 10 môn Ngữ văn theo định hướng phát triển năng lực / Nguyễn Văn Thư (ch.b.), Lương Thị Hiền, Lê Văn Hiệp... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 168 tr. ; 27 cm. - 59000đ. - 10000b s639523

2776. Hữu Mai. Vùng trời : Tiểu thuyết / Hữu Mai. - H. : Nxb. Hội Nhà văn. - 21 cm. - (Tác phẩm văn học). - 1450b

Tên thật tác giả: Trần Hữu Mai

T.1. - 2025. - 582 tr. s640489

2777. Hy Hy. Sơ tình : Đời người dài hay ngắn, không phải đo bằng năm tháng, mà đo bằng thời gian ở bên cạnh một người / Hy Hy. - H. : Văn học, 2026. - 103 tr. ; 19 cm. - 69000đ. - 1000b s640584

2778. Itto - Con lốc sân cỏ : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 14+ / Motoki Monma ; Song Tâm Quyên dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 25000đ. - 2000b

T.3: Còn 8 phút nữa!. - 2026. - 207 tr. : tranh vẽ s637992

2779. Itto - Con lốc sân cỏ : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 14+ / Motoki Monma ; Song Tâm Quyên dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 25000đ. - 2000b

T.4: Cú sút thịnh nộ!. - 2026. - 195 tr. : tranh vẽ s637993

2780. Itto - Con lốc sân cỏ : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 14+ / Motoki Monma ; Song Tâm Quyên dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 25000đ. - 2000b

T.5: Thể dục và Kungfu!. - 2026. - 179 tr. : tranh vẽ s637994

2781. Itto - Con lốc sân cỏ : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 14+ / Motoki Monma ; Song Tâm Quyên dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 25000đ. - 2000b

T.6: Giây phút quyết định!. - 2026. - 177 tr. : tranh vẽ s637995

2782. Itto - Con lốc sân cỏ : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 14+ / Motoki Monma ; Song Tâm Quyên dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 25000đ. - 2000b

T.7: Đẳng cấp quốc gia!. - 2026. - 188 tr. : tranh vẽ s637996

2783. Kafka, Franz. Franz Kafka - Tuyển tập tác phẩm / Dịch: Nguyễn Văn Dân... - H. : Văn học, 2026. - 805 tr. ; 24 cm. - 589000đ. - 800b s640231

2784. Kagome027. Bí mật của lá đỏ : Dành cho lứa tuổi nhi đồng / Kagome027. - H. : Kim Đồng, 2026. - 89 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - (Tủ sách Tuổi thần tiên). - 35000đ. - 1500b

Tên thật tác giả: Nguyễn Ngọc Hoàng Lan s637755

2785. Kagurabachi : Truyện tranh : 18+ / Takeru Hokazono ; Uyên Hồng dịch. - H. : Văn học. - 18 cm. - 60000đ. - 1000b

T.2: Enten vs Kuregumo. - 2026. - 206 tr. : tranh vẽ s640563

2786. Kagurabachi : Truyện tranh : 18+ / Takeru Hokazono ; Uyên Hồng dịch. - H. : Văn học. - 18 cm. - 60000đ. - 8000b

T.6: Đêm muộn. - 2026. - 213 tr. : tranh vẽ s640564

2787. Kagurabachi : Truyện tranh : 18+ / Takeru Hokazono ; Uyên Hồng dịch. - H. : Văn học. - 18 cm. - 60000đ. - 8000b

T.7: Đánh đêm. - 2026. - 189 tr. : tranh vẽ s640565

2788. Kawabata Yasunari. Xứ tuyết / Kawabata Yasunari ; Uyên Thiễm dịch. - H. : Văn học, 2026. - 186 tr. ; 21 cm. - 112000đ. - 2000b
Dịch từ nguyên tác tiếng Nhật: 雪国 s640402
2789. Keyes, Daniel. Nhân cách thứ 5 / Daniel Keyes ; Hiếu Văn dịch. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 415 tr. ; 24 cm. - 239000đ. - 5000b
Tên sách tiếng Anh: The fifth sally s638371
2790. Kết duyên với thần chết - Hạnh phúc 7 ngày cuối cùng : Truyện tranh : Dành cho tuổi trưởng thành / Hako Ichiiro ; Nhật Ái dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 50000đ. - 6000b
T.1. - 2026. - 206 tr. : tranh vẽ s638113
2791. Khách sạn Hoa Tulip : Truyện tranh : Dành cho nhi đồng / Tranh, lời: Kim Ji An ; Thùy Dung dịch. - H. : Kim Đồng, 2026. - 48 tr. : tranh vẽ ; 24 cm. - (Những đóa hoa hạnh phúc). - 60000đ. - 2000b
Tên sách tiếng Hàn: 튜립 호텔; Tên sách tiếng Anh: The Tulip hotel s637820
2792. Khái Hưng. Nửa chừng xuân : Tiểu thuyết / Khái Hưng. - H. : Văn học, 2026. - 262 tr. ; 21 cm. - (Tinh hoa văn chương Việt). - 118000đ. - 500b s640351
2793. Khám phá làng quê : Truyện tranh : Phát triển trí não cho trẻ 2 - 5 tuổi / Lời, tranh: Xiaobaibala ; Minh Thanh dịch. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 27 tr. : tranh màu ; 21 cm. - 35000đ. - 5000b s639940
2794. Khám phá ngôi nhà : Truyện tranh : Phát triển trí não cho trẻ 2 - 5 tuổi / Lời, tranh: Xiaobaibala ; Minh Thanh dịch. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 27 tr. : tranh màu ; 21 cm. - 35000đ. - 5000b s639941
2795. Khám phá nông trại : Truyện tranh : Phát triển trí não cho trẻ 2 - 5 tuổi / Lời, tranh: Xiaobaibala ; Minh Thanh dịch. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 27 tr. : tranh màu ; 21 cm. - 35000đ. - 5000b s639942
2796. Khang Sao Sáng. Ngược bè : Tập truyện an ninh / Khang Sao Sáng. - H. : Văn học, 2026. - 195 tr. ; 21 cm. - 170000đ. - 200b s640350
2797. Khánh Phương. Rèn phẩm chất - Nhận thành công: Đoàn kết, chia sẻ / Khánh Phương ; Minh họa: TNA Art Crew. - H. : Văn học, 2026. - 67 tr. : tranh màu ; 23 cm. - 71000đ. - 5000b s640256
2798. Khánh Phương. Rèn phẩm chất - Nhận thành công: Khiêm tốn / Khánh Phương ; Minh họa: TNA Art Crew. - H. : Văn học, 2026. - 67 tr. : tranh màu ; 23 cm. - 71000đ. - 5000b s640250
2799. Khánh Phương. Rèn phẩm chất - Nhận thành công: Kiên định / Khánh Phương ; Minh họa: TNA Art Crew. - H. : Văn học, 2026. - 67 tr. : tranh màu ; 23 cm. - 71000đ. - 5000b s640254
2800. Khánh Phương. Rèn phẩm chất - Nhận thành công: Lòng biết ơn / Khánh Phương ; Minh họa: TNA Art Crew. - H. : Văn học, 2026. - 67 tr. : tranh màu ; 23 cm. - 71000đ. - 5000b s640255
2801. Khánh Phương. Rèn phẩm chất - Nhận thành công: Tinh thần trách nhiệm / Khánh Phương ; Minh họa: TNA Art Crew. - H. : Văn học, 2026. - 67 tr. : tranh màu ; 23 cm. - 71000đ. - 5000b s640253
2802. Khánh Phương. Rèn phẩm chất - Nhận thành công: Trung thực / Khánh Phương ; Minh họa: TNA Art Crew. - H. : Văn học, 2026. - 67 tr. : tranh màu ; 23 cm. - 71000đ. - 5000b s640251

2803. Khánh Phương. Rèn phẩm chất - Nhận thành công: Tự tin / Khánh Phương ; Minh họa: TNA Art Crew. - H. : Văn học, 2026. - 67 tr. : tranh màu ; 23 cm. - 71000đ. - 5000b s640252

2804. Khi bạn không chơi cùng : Truyện tranh : Dành cho trẻ 3 - 7 tuổi / Viết lời: Avril McDonald ; Minh họa: Tatiana Minina ; Hương Mai dịch. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 32 tr. : tranh màu ; 18x24 cm. - (Mạnh mẽ vượt qua cảm xúc tiêu cực). - 36000đ. - 3000b

Tên sách tiếng Anh: The wolf is not invited s640526

2805. Khi mình lớn khôn : Truyện tranh : Tuổi 2+ / Khánh Vân dịch. - H. : Mỹ thuật, 2026. - 13 tr. : tranh màu ; 9 cm. - (Peppa Pig. Thư viện đầu tiên của tớ). - 29750đ. - 3000b s638253

2806. Khi thường xuyên sợ hãi : Truyện tranh : Dành cho trẻ 3 - 7 tuổi / Viết lời: Avril McDonald ; Minh họa: Tatiana Minina ; Hương Mai dịch. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 32 tr. : tranh màu ; 18x24 cm. - (Mạnh mẽ vượt qua cảm xúc tiêu cực). - 36000đ. - 3000b

Tên sách tiếng Anh: The wolf and the baby dragon s640525

2807. Khi "trai" đẹp hẹn hò : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 17+ / Nana Aokawa ; Miêu Mạn dịch. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 45000đ. - 2000b T.1. - 2026. - 146 tr. : tranh vẽ s638125

2808. Khi "trai" đẹp hẹn hò : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 17+ / Nana Aokawa ; Miêu Mạn dịch. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 45000đ. - 2000b T.2. - 2026. - 154 tr. : tranh vẽ s638126

2809. Khi "trai" đẹp hẹn hò : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 17+ / Nana Aokawa ; Miêu Mạn dịch. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 45000đ. - 2000b T.3. - 2026. - 162 tr. : tranh vẽ s638127

2810. Khi "trai" đẹp hẹn hò : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 17+ / Nana Aokawa ; Miêu Mạn dịch. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 45000đ. - 2000b T.4. - 2026. - 162 tr. : tranh vẽ s638128

2811. Khi "trai" đẹp hẹn hò : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 17+ / Nana Aokawa ; Miêu Mạn dịch. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 45000đ. - 2000b T.5. - 2026. - 146 tr. : tranh vẽ s638129

2812. Khi "trai" đẹp hẹn hò : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 17+ / Nana Aokawa ; Miêu Mạn dịch. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 45000đ. - 2000b T.6. - 2026. - 146 tr. : tranh vẽ s638130

2813. Khi "trai" đẹp hẹn hò : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 17+ / Nana Aokawa ; Miêu Mạn dịch. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 45000đ. - 2000b T.7. - 2026. - 142 tr. : tranh vẽ s638131

2814. Khi "trai" đẹp hẹn hò : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 17+ / Nana Aokawa ; Miêu Mạn dịch. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 45000đ. - 2000b T.8. - 2026. - 145 tr. : tranh vẽ s638132

2815. Khi "trai" đẹp hẹn hò : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 17+ / Nana Aokawa ; Miêu Mạn dịch. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 45000đ. - 2000b T.9. - 2026. - 145 tr. : tranh vẽ s638133

2816. Khiếu Quang Bảo. Chuyện này chỉ có ba người biết : Tiểu thuyết / Khiếu Quang Bảo. - H. : Văn học, 2026. - 237 tr. ; 19 cm. - 109000đ. - 1000b s640588

2817. Kho tàng của bố = Loving eyes : Truyện tranh / Lời: Bùi Phương Tâm ; Tranh: Hoàng Giang. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Kim Đồng, 2026. - 44 tr. : tranh màu ; 27 cm. - 80000đ. - 1500b s637545

2818. Không, không, khủng long ơi! : Truyện tranh : Sách cho trẻ 0 - 4 tuổi / Kate Stone ; Thu Nga dịch. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 12 tr. : tranh màu ; 15 cm. - (Bộ sách Chuyển động). - 45000đ. - 5000b

Tên sách tiếng Anh: No, no, dinos! s640519

2819. Khúc hát đêm thâu : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 16+ / Kotoyama ; Ruyuha Kyouka dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 35000đ. - 7000b

T.3. - 2026. - 199 tr. : tranh vẽ s638002

2820. Khúc hát đêm thâu : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 16+ / Kotoyama ; Ruyuha Kyouka dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 35000đ. - 6000b

T.4. - 2026. - 185 tr. : tranh vẽ s638003

2821. Khúc hát đêm thâu : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 16+ / Kotoyama ; Ruyuha Kyouka dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 35000đ. - 6000b

T.5. - 2026. - 185 tr. : tranh vẽ s638004

2822. Khúc hát đêm thâu : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 16+ / Kotoyama ; Ruyuha Kyouka dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 35000đ. - 5500b

T.6. - 2026. - 181 tr. : tranh vẽ s638005

2823. Khủng long nhỏ không còn lo xa : Truyện tranh : Sách cho trẻ 3 - 7 tuổi / Lời: Rachel Bright ; Tranh: Chris Chatterton ; Thu Huyền dịch. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 28 tr. : tranh màu ; 23 cm. - (Chẳng có gì đáng sợ). - 32000đ. - 3000b

Tên sách tiếng Anh: The worrysaurus s639925

2824. Khương Chi Ngư. Eo thon nhỏ : Tiểu thuyết / Khương Chi Ngư ; Lưu Văn dịch. - In lần thứ 2. - H. : Văn học, 2026. - 607 tr. ; 24 cm. - 286000đ. - 1000b

Tên sách tiếng Trung: 小蛮腰 s640217

2825. Kì Ju Lee. Sự dung dị của ngôn từ / Kì Ju Lee ; Phan Ngân Hà dịch. - Tái bản. - H. : Văn học, 2026. - 214 tr. ; 21 cm. - 109000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Hàn: 보편의 단어 s640112

2826. Kì nghỉ trên du thuyền của Peppa : Truyện tranh : Tuổi 2+ / Minh Thư dịch. - H. : Mỹ thuật, 2026. - 13 tr. : tranh màu ; 9 cm. - (Peppa Pig. Thư viện đầu tiên của tớ). - 29750đ. - 3000b s638252

2827. Kỹ năng đọc - hiểu và viết văn bản Ngữ văn 6 : Ngữ liệu ngoài sách giáo khoa / Nguyễn Thị Thúy, Nguyễn Thị Thu Hà. - H. : Đại học Sư phạm, 2026. - 184 tr. : minh họa ; 27 cm. - 120000đ. - 1000b s637553

2828. Kỹ năng đọc - hiểu và viết văn bản Ngữ văn 9 : Ngữ liệu ngoài sách giáo khoa / Nguyễn Thị Thúy, Nguyễn Thị Thu Hà. - H. : Đại học Sư phạm, 2026. - 188 tr. : bảng, sơ đồ ; 27 cm. - 120000đ. - 1000b s637554

2829. Kiến thức trọng tâm môn Ngữ văn trung học cơ sở / Nguyễn Thị Hồng Nam (ch.b.), Nguyễn Văn A, Vũ Thị Kim Hồng... - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 168 tr. ; 24 cm. - 49000đ. - 5000b s639785

2830. Kill blue : Truyện tranh : 16+ / Tadatoshi Fujimaki ; Thanh Bình dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 18 cm. - 50000đ. - 3000b

T.1: Đến trường nào. - 2026. - 191 tr. : tranh vẽ s640664

2831. King, Stephen. Vùng chết = The dead zone / Stephen King ; Hiếu Văn dịch. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 639 tr. ; 24 cm. - 359000đ. - 2000b s638375
2832. Kinney, Jeff. Nhật ký chú bé nhút nhát / Jeff Kinney ; Giang Vũ dịch. - Tái bản lần thứ 18. - H. : Văn học. - 21 cm. - 55000đ. - 3500b
 Tên sách tiếng Anh: Diary of a wimpy kid
 T.1. - 2026. - 221 tr. : tranh vẽ s640450
2833. Kinney, Jeff. Nhật ký chú bé nhút nhát = Diary of a wimpy kid / Jeff Kinney ; Minh Vũ dịch. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Văn học. - 21 cm. - 55000đ. - 3000b
 T.2.1: Rowley phiêu lưu ký. - 2026. - 221 tr. : tranh vẽ s640125
2834. Kinney, Jeff. Nhật ký chú bé nhút nhát / Jeff Kinney ; Giang Vũ dịch. - Tái bản lần thứ 15. - H. : Văn học. - 21 cm. - 55000đ. - 3500b
 Tên sách tiếng Anh: Diary of a wimpy kid: Rodrick rules
 T.2: Luật của Rodrick. - 2026. - 221 tr. : tranh vẽ s640451
2835. Kinney, Jeff. Nhật ký chú bé nhút nhát / Jeff Kinney ; Tommy Trần dịch. - Tái bản lần thứ 13. - H. : Văn học. - 21 cm. - 55000đ. - 3500b
 Tên sách tiếng Anh: Diary of a wimpy kid: The last straw
 T.3: Giọt nước tràn ly. - 2026. - 221 tr. : tranh vẽ s640452
2836. Kinney, Jeff. Nhật ký chú bé nhút nhát / Jeff Kinney ; Tommy Trần dịch. - Tái bản lần thứ 12. - H. : Văn học. - 21 cm. - 55000đ. - 3500b
 Tên sách tiếng Anh: Diary of a wimpy kid: Dog days
 T.4: Mùa hè tuyết rơi. - 2026. - 221 tr. : tranh vẽ s640453
2837. Kinney, Jeff. Nhật ký chú bé nhút nhát / Jeff Kinney ; Tommy Trần dịch. - Tái bản lần thứ 10. - H. : Văn học. - 21 cm. - 55000đ. - 3500b
 Tên sách tiếng Anh: Diary of a wimpy kid: The ugly truth
 T.5: Sự thật phũ phàng. - 2026. - 221 tr. : tranh vẽ s640454
2838. Kinney, Jeff. Nhật ký chú bé nhút nhát / Jeff Kinney ; Tommy Trần dịch. - Tái bản lần thứ 9. - H. : Văn học. - 21 cm. - 55000đ. - 3000b
 Tên sách tiếng Anh: Diary of a wimpy kid: Cabin fever
 T.6: Mặc kệ. - 2026. - 221 tr. : tranh vẽ s640455
2839. Kinney, Jeff. Nhật ký chú bé nhút nhát / Jeff Kinney ; Vân Khánh dịch. - Tái bản lần thứ 8. - H. : Văn học. - 21 cm. - 55000đ. - 3500b
 Tên sách tiếng Anh: Diary of a wimpy kid: Hard luck
 T.8: Số nhỏ. - 2026. - 221 tr. : tranh vẽ s640456
2840. Kinney, Jeff. Nhật ký chú bé nhút nhát / Jeff Kinney ; Jean dịch. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Văn học. - 21 cm. - 55000đ. - 3500b
 Tên sách tiếng Anh: Diary of a wimpy kid: Partypooper
 T.20: Chúa tể tiệc tùng. - 2026. - 221 tr. : tranh vẽ s640457
2841. Komi - Nữ thần sợ giao tiếp : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 15+ / Tomohito Oda ; Real dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 11000b
 T.30. - 2026. - 197 tr. : tranh vẽ s638058
2842. Komi - Nữ thần sợ giao tiếp : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 15+ / Tomohito Oda ; Real dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 11000b
 T.31. - 2026. - 189 tr. : tranh vẽ s638059
2843. Komi - Nữ thần sợ giao tiếp : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 15+ / Tomohito Oda ; Real dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 11000b

- T.32. - 2026. - 189 tr. : tranh vẽ s638060
2844. Komi - Nữ thần sợ giao tiếp : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 15+ / Tomohito Oda ; Real dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 10000b
- T.33. - 2026. - 189 tr. : tranh vẽ s638061
2845. Komi - Nữ thần sợ giao tiếp : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 15+ / Tomohito Oda ; Real dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 10000b
- T.34. - 2026. - 189 tr. : tranh vẽ s638062
2846. La Bốc Hoa Thố Tử. Nhiệm vụ hệ thống của nhân vật phản diện : 18+ / La Bốc Hoa Thố Tử ; Cao Bá Phù dịch. - H. : Dân trí. - 21 cm. - 199000đ. - 2000b
- Dịch từ nguyên bản tiếng Trung: 反派攻略
- T.1. - 2026. - 454 tr. s640070
2847. La Bruyère, Jean de. Chân dung các kiểu người / Jean de La Bruyère ; Phong Chi dịch. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 411 tr. ; 24 cm. - 329000đ. - 1000b s638373
2848. La Quán Trung. Tam quốc diễn nghĩa : Tiểu thuyết chương hồi / La Quán Trung ; Phan Kế Bính dịch ; Bùi Kỳ h.đ. - Tái bản. - H. : Văn học. - 24 cm. - 87500đ. - 1000b
- T.1. - 2026. - 387 tr. s640470
2849. La Quán Trung. Tam quốc diễn nghĩa : Tiểu thuyết chương hồi / La Quán Trung ; Phan Kế Bính dịch ; Bùi Kỳ h.đ. - Tái bản. - H. : Văn học. - 24 cm. - 87500đ. - 1000b
- T.2. - 2026. - 403 tr. s640471
2850. La Quán Trung. Tam quốc diễn nghĩa : Tiểu thuyết chương hồi / La Quán Trung ; Phan Kế Bính dịch ; Bùi Kỳ h.đ. - Tái bản. - H. : Văn học. - 24 cm. - 87500đ. - 1000b
- T.3. - 2026. - 415 tr. s640472
2851. La Quán Trung. Tam quốc diễn nghĩa : Tiểu thuyết chương hồi / La Quán Trung ; Phan Kế Bính dịch ; Bùi Kỳ h.đ. - Tái bản. - H. : Văn học. - 24 cm. - 87500đ. - 1000b
- T.4. - 2026. - 395 tr. s640473
2852. Là S'more thôi đã đủ tuyệt vời : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 5+ / Viết: Brenda S. Miles ; Vẽ: Monika Filipina ; Khoa Thư dịch. - H. : Kim Đồng, 2026. - 37 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - (Vun trồng cảm xúc). - 50000đ. - 2000b s637856
2853. Lã Nguyên. Nguyễn Duy - Nhà thơ hiện đại kinh điển Việt Nam / Lã Nguyên. - H. : Khoa học xã hội, 2026. - 218 tr. ; 21 cm. - 700b
- Phụ lục: tr. 147-212 s640743
2854. Lã Nhâm Thìn. Phân tích tác phẩm văn học trung đại Việt Nam từ góc nhìn thể loại / Lã Nhâm Thìn. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 287 tr. ; 24 cm. - 150000đ. - 700b s639900
2855. Lam hỏa diệt quỷ : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 17+ / Kazue Kato ; Đạm Nguyệt dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 25000đ. - 1700b
- T.31. - 2026. - 188 tr. : tranh vẽ s637961
2856. Lam hỏa diệt quỷ : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 17+ / Kazue Kato ; Đạm Nguyệt dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 25000đ. - 1700b
- T.32. - 2026. - 201 tr. : tranh vẽ s637962
2857. Làm gì có quái vật! : Truyện tranh : Sách cho trẻ 3 - 7 tuổi / Lời: Norbert Landa ; Tranh: Tim Warnes ; Thu Huyền dịch. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 27 tr. : tranh màu ; 23 cm. - (Chẳng có gì đáng sợ!). - 32000đ. - 2000b
- Tên sách tiếng Anh: The great monster hunt s639926

2858. Làm gì có quái vật! : Truyện tranh : Sách cho trẻ 3 - 7 tuổi / Lời: Norbert Landa ; Tranh: Tim Warnes ; Thu Huyền dịch. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 27 tr. : tranh màu ; 23 cm. - (Chẳng có gì đáng sợ!). - 32000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Anh: The great monster hunt s639927

2859. Làm thế nào nhỉ? : Truyện tranh : Phát triển trí não cho trẻ 2 - 5 tuổi / Lời, tranh: Xiaobaibala ; Minh Thanh dịch. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 27 tr. : tranh màu ; 21 cm. - 35000đ. - 5000b s639943

2860. Lang thang giữa thế gian hoang tàn : Truyện tranh : 18+ / Tsukumizu ; Vương Hải Yến dịch. - H. : Văn học. - 18 cm. - 32500đ. - 5000b

T.1. - 2026. - 152 tr. : tranh vẽ s640556

2861. Lang thang giữa thế gian hoang tàn : Truyện tranh : 18+ / Tsukumizu ; Vương Hải Yến dịch. - H. : Văn học. - 18 cm. - 32500đ. - 5000b

T.2. - 2026. - 154 tr. : tranh vẽ s640557

2862. Lang thang giữa thế gian hoang tàn : Truyện tranh : 18+ / Tsukumizu ; Vương Hải Yến dịch. - H. : Văn học. - 18 cm. - 32500đ. - 5000b

T.3. - 2026. - 154 tr. : tranh vẽ s640558

2863. Lang thang giữa thế gian hoang tàn : Truyện tranh : 18+ / Tsukumizu ; Vương Hải Yến dịch. - H. : Văn học. - 18 cm. - 32500đ. - 5000b

T.4. - 2026. - 154 tr. : tranh vẽ s640559

2864. Lang thang giữa thế gian hoang tàn : Truyện tranh : 18+ / Tsukumizu ; Vương Hải Yến dịch. - H. : Văn học. - 18 cm. - 32500đ. - 5000b

T.5. - 2026. - 148 tr. : tranh vẽ s640560

2865. Lang thang giữa thế gian hoang tàn : Truyện tranh : 18+ / Tsukumizu ; Vương Hải Yến dịch. - H. : Văn học. - 18 cm. - 32500đ. - 5000b

T.6. - 2026. - 143 tr. : tranh vẽ s640561

2866. Lạp Miên Hoa Đường Địch Thố Tử. Năm ấy tôi mở vườn bách thú : 18+ / Lạp Miên Hoa Đường Địch Thố Tử ; Muối dịch. - H. : Văn học. - 24 cm. - 177000đ. - 2000b

Dịch từ nguyên bản tiếng Trung: 我开动物园那些年

T.1. - 2026. - 502 tr. s640225

2867. Lạp Miên Hoa Đường Địch Thố Tử. Năm ấy tôi mở vườn bách thú : 18+ / Lạp Miên Hoa Đường Địch Thố Tử ; Muối dịch. - H. : Văn học. - 24 cm. - 178000đ. - 2000b

Dịch từ nguyên bản tiếng Trung: 我开动物园那些年

T.2. - 2026. - 470 tr. s640226

2868. Lạp Miên Hoa Đường Địch Thố Tử. Sau khi làm Vô Thường bán thời gian thì tôi hot / Lạp Miên Hoa Đường Địch Thố Tử ; Tổ Nhiên dịch. - H. : Dân trí. - 24 cm. - 209000đ. - 1000b

Dịch từ nguyên bản tiếng Trung: 兼职无常后我红了

T.2. - 2026. - 422 tr. s640072

2869. Lê Duy Nghĩa. Năm Gấu : Truyện ký / Lê Duy Nghĩa. - H. : Công an nhân dân, 2026. - 175 tr. ; 21 cm. - 109b

Thư mục: tr. 174-175 s638512

2870. Lê Đình Ky. Truyện Kiều và chủ nghĩa hiện thực / Lê Đình Ky. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2026. - 438 tr. ; 24 cm. - (Tùng thư Khoa học Xã hội và Nhân văn). - 200b

ĐTTS ghi: Đại học Quốc gia Hà Nội. Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn
s640786

2871. Lê Huy Bắc. Văn học Âu Mỹ / Lê Huy Bắc. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 299 tr. : bìa ; 24 cm. - 140000đ. - 2000b

Thư mục: tr. 298-299 s639898

2872. Lê Nghĩa Thành. Cùng nhau ngắm sao trời : Dành cho lứa tuổi 12+ / Lê Nghĩa Thành ; Minh họa: Ahni. - H. : Văn học, 2026. - 79 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - 35000đ. - 1500b

Tên thật tác giả: Lê Thị Hồng Nhung s637656

2873. Lê Ngọc Mai. Sổ đoạt hồn / Lê Ngọc Mai. - H. : Văn học, 2026. - 349 tr. ; 21 cm. - (Tủ sách Văn học Việt). - 149000đ. - 1000b s640177

2874. Lê Ngọc Mai. Trăng máu / Lê Ngọc Mai. - H. : Văn học, 2026. - 288 tr. ; 19 cm. - 139000đ. - 1000b s640592

2875. Lê Thành Nghị. Hai bờ sông văn : Tiểu luận phê bình / Lê Thành Nghị. - H. : Văn học, 2026. - 383 tr. ; 23 cm. - 210000đ. - 300b s640363

2876. Lê Thành Nghị. Mưa trong thành phố. Mùa không gió. Bóng người trong bóng núi : Thơ - Tiểu luận / Lê Thành Nghị. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 399 tr. ; 21 cm. - 1450b s640477

2877. Lê Thị Kim Sơn. Buổi trời nhuộm đỏ : Truyện dài / Lê Thị Kim Sơn. - H. : Văn học, 2026. - 199 tr. ; 21 cm. - 150000đ. - 1000b s640181

2878. Lê Vi Thủy. Dạ quỳnh : Tập truyện ngắn / Lê Vi Thủy. - H. : Văn học, 2026. - 215 tr. ; 21 cm. - 150000đ. - 1000b s640135

2879. Lê Hằng. Huyền thoại trên đồi cao : Dành cho lứa tuổi 6+ / Lê Hằng. - H. : Kim Đồng, 2026. - 182 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - (Tủ sách Tuổi thần tiên). - 55000đ. - 1500b

Tên thật tác giả: Lê Thị Lê Hằng s637745

2880. Lê Thu. Đi qua miền nhớ : Tiểu thuyết / Lê Thu. - H. : Văn học, 2026. - 287 tr. ; 20 cm. - 150000đ. - 500b

Tên thật tác giả: Trần Lê Thu s640161

2881. Lên đường nào! = Let's go : Truyện tranh : Song ngữ Việt- Anh : Dành cho trẻ từ 0 - 6 tuổi / Mina T b.s. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 23 tr. : tranh màu ; 20 cm. - (Ehon - Phong cách Nhật Bản). - 39000đ. - 2000b s638333

2882. London, Jack. Tiếng gọi của hoang dã / Jack London ; Dịch: Lâm Hoài, Võ Quang. - Tái bản lần thứ 5. - H. : Văn học, 2026. - 159 tr. ; 21 cm. - 48000đ. - 2000b s640657

2883. Love bullet : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 15+ / Inee ; Gou dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 45000đ. - 8000b

T.1. - 2026. - 190 tr. : tranh vẽ s638142

2884. Lỗ Tấn. Chuyện cũ viết lại = 故事新編 / Lỗ Tấn ; Ngô Trần Trung Nghĩa dịch. - H. : Văn học, 2026. - 247 tr. : ảnh ; 21 cm. - 98000đ. - 700b

Phụ lục: tr. 213-246 s640143

2885. Lớp học của Peppa : Truyện tranh : Tuổi 2+ / Phương Nhung dịch. - H. : Mỹ thuật, 2026. - 11 tr. : tranh màu ; 9 cm. - (Peppa Pig. Thư viện yêu thích của tớ). - 29750đ. - 3000b s638256

2886. Lớp Văn Cô Quỳnh Anh. 30 ngày bút tốc môn Ngữ văn thi vào lớp 10 / Lớp Văn Cô Quỳnh Anh. - H. : Văn học, 2026. - 187 tr. : bìa ; 21 cm. - 129000đ. - 2000b s640399

2887. Lữ Mai. Bốn mùa Việt Nam : Thơ thiếu nhi / Lữ Mai ; Tranh: Tâm Lê, Hoàng Vi. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 111 tr. : tranh màu ; 19 cm. - 150000đ. - 2000b s640513
2888. Lữ Mai. Hy vọng từ Tổ quốc : Trường ca - Tản văn / Lữ Mai. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 343 tr. ; 21 cm. - (Tác phẩm văn học). - 1450b
Tên thật tác giả: Lữ Thị Mai s640480
2889. Lữ Mai. Mùa rêu đỏ / Lữ Mai. - H. : Văn học, 2026. - 194 tr. ; 21 cm. - 100000đ. - 1200b s640162
2890. Ma Văn Kháng. Đồng bạc trắng hoa xòe : Tiểu thuyết / Ma Văn Kháng. - H. : Văn học, 2026. - 545 tr. ; 21 cm. - 190000đ. - 500b s640128
2891. Mai Ngọc Tài. Bí mật một tình yêu : Tiểu thuyết / Mai Ngọc Tài. - H. : Văn học, 2026. - 293 tr. ; 23 cm. - 160000đ. - 1000b s640222
2892. Mai Văn Phấn. Chiều kích của tưởng tượng : Tiểu luận - Phê bình / Mai Văn Phấn. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 949 tr. ; 21 cm. - (Tác phẩm văn học). - 1450b s640492
2893. Mai Văn Phấn. Nơi cội nguồn thế giới : Thơ - Trường ca / Mai Văn Phấn. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 574 tr. ; 21 cm. - (Tác phẩm văn học). - 1450b s640483
2894. Mai Văn Phấn. Trái đất là giọt sương : Thơ / Mai Văn Phấn. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 461 tr. ; 21 cm. - 1450b s640475
2895. Maii. Người bình thường tập lớn / Maii. - Tái bản. - H. : Văn học, 2026. - 166 tr. ; 17 cm. - 92000đ. - 1000b s640643
2896. Malot, Hector. Trong gia đình / Hector Malot ; Dịch: Huỳnh Lý, Mai Hương ; Minh họa: Henri Lanos. - Tái bản. - H. : Văn học, 2026. - 426 tr. ; 21 cm. - (Văn học cổ điển - Đông A Classic). - 120000đ. - 2000b s640391
2897. Marriagetoxin - Mai mới cho độc sư : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 17+ / Story: Joumyaku ; Art: Mizuki Yoda ; Ruyuha Kyouka dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 40000đ. - 2000b
T.3. - 2026. - 213 tr. : tranh vẽ s638117
2898. Marriagetoxin - Mai mới cho độc sư : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 17+ / Story: Joumyaku ; Art: Mizuki Yoda ; Ruyuha Kyouka dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 40000đ. - 2000b
T.4. - 2026. - 185 tr. : tranh vẽ s638118
2899. Mặc Hương Đồng Khứu. Hệ thống tự cứu của nhân vật phản diện : Tiểu thuyết : Dành cho 18+ / Mặc Hương Đồng Khứu ; Thạch Thảo dịch. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 1055 tr. ; 24 cm. - 699000đ. - 1818b
Tên sách tiếng Trung: 人渣反派自救系统 s638380
2900. McFadden, Freida. Đừng bao giờ nói dối / Freida McFadden ; Thanh Hoa dịch. - Tái bản. - H. : Văn học, 2026. - 344 tr. ; 21 cm. - 152000đ. - 1500b
Tên sách tiếng Anh: Never lie s640111
2901. Mẹ yêu con bây giờ và mãi mãi : Truyện tranh / Em Bruce, Janet Samuel. - H. : Văn học, 2026. - 22 tr. : tranh màu ; 18 cm. - (Truyện kể trước giờ ngủ). - 69000đ. - 3000b
Tên sách tiếng Anh: I love you now and forever s640626
2902. Mèo siêu đỉnh hôm nay lại buồn thình : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 15+ / Hitsuzi Yamada ; Thanh Ngân dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 6000b
T.1. - 2026. - 127 tr. : tranh vẽ s638063

2903. Mèo siêu đỉnh hôm nay lại buồn thình : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 15+ / Hitsuzi Yamada ; Thanh Ngân dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 8000b
T.2. - 2026. - 120 tr. : tranh vẽ s638064
2904. Mình thích được làm Capybara : Truyện tranh / Em Bruce, Natalie Merheb. - H. : Văn học, 2026. - 22 tr. : tranh màu ; 18 cm. - (Truyện kể trước giờ ngủ). - 69000đ. - 3000b
Tên sách tiếng Anh: I love being a Capybara s640627
2905. Mình thích được làm một chú kì nhông Axolotl : Truyện tranh / Em Bruce, Natalie Merheb. - H. : Văn học, 2026. - 22 tr. : tranh màu ; 18 cm. - (Truyện kể trước giờ ngủ). - 69000đ. - 3000b
Tên sách tiếng Anh: I love being an Axolotl s640620
2906. Mình thích được làm một chú lười : Truyện tranh / Em Bruce, Roksana Barwinska. - H. : Văn học, 2026. - 22 tr. : tranh màu ; 18 cm. - (Truyện kể trước giờ ngủ). - 69000đ. - 3000b
Tên sách tiếng Anh: I love being a sloth s640622
2907. Mình thích được làm rái cá biển : Truyện tranh / Em Bruce, Roksana Barwinska. - H. : Văn học, 2026. - 22 tr. : tranh màu ; 18 cm. - (Truyện kể trước giờ ngủ). - 69000đ. - 3000b
Tên sách tiếng Anh: I love being a sea otter s640621
2908. Mitchell, Margaret. Cuốn theo chiều gió = Gone with the wind / Margaret Mitchell ; Vũ Kim Thư dịch. - Tái bản lần thứ 3. - H. : Văn học, 2026. - 1070 tr. ; 24 cm. - 395000đ. - 1000b s640474
2909. Mitsuda Shinzo. Khu nhà ma ám / Mitsuda Shinzo ; Quỳnh Anh dịch. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 454 tr. ; 21 cm. - 229000đ. - 2000b s638349
2910. Monster - Deluxe edition : Truyện tranh : Dành cho tuổi trưởng thành / Naoki Urasawa ; Liên Vũ dịch. - H. : Kim Đồng. - 21 cm. - 125000đ. - 5000b
T.1. - 2026. - 424 tr. : tranh vẽ s637782
2911. Monster - Deluxe edition : Truyện tranh : Dành cho tuổi trưởng thành / Naoki Urasawa ; Liên Vũ dịch. - H. : Kim Đồng. - 21 cm. - 125000đ. - 10000b
T.4. - 2026. - 412 tr. : tranh vẽ s637783
2912. Monster - Deluxe edition : Truyện tranh : Dành cho tuổi trưởng thành / Naoki Urasawa ; Liên Vũ dịch. - H. : Kim Đồng. - 21 cm. - 125000đ. - 22000b
T.5. - 2026. - 404 tr. : tranh vẽ s637784
2913. Mộc An. Chuyện cá mập lạc vào bờ : Dành cho lứa tuổi 6+ / Mộc An. - H. : Kim Đồng, 2026. - 141 tr. : hình vẽ ; 21 cm. - (Tủ sách Tuổi thần tiên). - 45000đ. - 1500b
Tên thật tác giả: Nguyễn Thị Nguyệt Trinh s637769
2914. Mộc Tô Lý. Thi đại học toàn cầu : Tiểu thuyết : 18+ / Mộc Tô Lý ; Tình Thiên dịch. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 1324 tr. ; 24 cm. - 588000đ. - 1000b
Tên sách tiếng Trung: 全球高考 s638379
2915. Mộng Tiêu Nhị. Cưới trước yêu sau / Mộng Tiêu Nhị ; Thục Quyên dịch. - H. : Văn học. - 24 cm. - 239000đ. - 2000b
Tên sách tiếng Trung: 先婚后爱
T.1. - 2026. - 454 tr. s640214
2916. 155 bài làm Văn chọn lọc 8 / Tạ Đức Hiền, Lê Thuận An, Nguyễn Kim Hoa, Phạm Đức Minh. - Tái bản lần 7. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2026. - 299 tr. : bảng ; 24 cm. - 135000đ. - 1500b s640787

2917. Mr Tan. Quầy hàng ma ám ven đường / Mr Tan ; Hải Lân dịch. - Tái bản. - H. : Thế giới, 2026. - 172 tr. ; 19 cm. - 139000đ. - 2000b

Tên thật tác giả: Từ Nghi Hàm. - Tên sách tiếng Trung: 歡迎光臨 鬧鬼路邊攤: 細思極恐的驚悚鬼話 s640709

2918. Mùa hè kỳ lạ : Truyện tranh / Nguyễn Phạm Tú Trinh, Phạm Hoàng Giang. - In lần 2. - H. : Văn học, 2026. - 23 tr. : tranh màu ; 26 cm. - 100b s640447

2919. 13 kỳ án có thật: Kẻ sát nhân mang gương mặt thân quen / Khảo Lợi, Lotti, Trần Ca Nam... ; Minh Hoa dịch. - H. : Văn học, 2026. - 326 tr. : hình vẽ ; 21 cm. - 139000đ. - 1500b

Tên sách tiếng Trung: 真实案件才更残忍 s640137

2920. Mỹ vị hầm ngục = Delicious in dungeon : Truyện tranh : 16+ / Kui Ryoko ; Ngô Quế Đan dịch. - H. : Văn học. - 18 cm. - 60000đ. - 1000b

T.2. - 2026. - 191 tr. : tranh vẽ s640549

2921. Mỹ vị hầm ngục = Delicious in dungeon : Truyện tranh : 16+ / Kui Ryoko ; Ngô Quế Đan dịch. - H. : Văn học. - 18 cm. - 60000đ. - 1000b

T.4. - 2026. - 191 tr. : tranh vẽ s640550

2922. Nam Cao. Chí Phèo : Tập truyện ngắn / Nam Cao. - Tái bản lần thứ 8. - H. : Văn học, 2026. - 194 tr. ; 18 cm. - 50000đ. - 2000b

Tên thật tác giả: Trần Hữu Tri s640650

2923. Nam Cao. Đời thừa : Tập truyện ngắn / Nam Cao. - Tái bản lần thứ 6. - H. : Văn học, 2026. - 134 tr. ; 18 cm. - 42000đ. - 2000b

Tên thật tác giả: Trần Hữu Tri s640651

2924. Nam Cao. Tuyển tập Nam Cao. - Tái bản lần thứ 7. - H. : Văn học, 2026. - 667 tr. ; 21 cm. - 155000đ. - 2000b s640405

2925. Naruto : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 14+ / Masashi Kishimoto ; Anh Việt dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 2000b

Q.6: Quyết tâm của Sakura!! - 2026. - 180 tr. : tranh vẽ s637971

2926. Naruto : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 14+ / Masashi Kishimoto ; Anh Việt dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 2000b

Q.35: Cặp đôi mới!! - 2026. - 191 tr. : tranh vẽ s637972

2927. Naruto : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 14+ / Masashi Kishimoto ; Anh Việt dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 2000b

Q.45: Chiến trường làng Lá!! - 2026. - 184 tr. : tranh vẽ s637973

2928. Naruto : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 14+ / Masashi Kishimoto ; Hitokiri dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 2000b

Q.53: Naruto ra đời. - 2026. - 188 tr. : tranh vẽ s637974

2929. Naruto : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 14+ / Masashi Kishimoto ; Hitokiri dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 2000b

Q.55: Khai màn đại chiến!. - 2026. - 188 tr. : tranh vẽ s637975

2930. Naruto : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 14+ / Masashi Kishimoto ; Hitokiri dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 2000b

Q.57: Naruto xung trận...!! - 2026. - 178 tr. : tranh vẽ s637976

2931. Nelson, Jandy. Khi thế giới chao nghiêng / Jandy Nelson ; Danh Huy dịch. - H. : Văn học, 2026. - 591 tr. ; 24 cm. - 335000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Anh: When the world tips over s640219

2932. Neruda, Jan. Những câu chuyện về khu phố nhỏ ven sông : Truyện ngắn / Jan Neruda ; Dịch: Bình Slavická, Dương Tất Từ. - H. : Văn học, 2026. - 386 tr. ; 21 cm. - 120000đ. - 500b

Dịch từ nguyên bản tiếng Séc: Povídky malostranské. - Phụ lục: tr. 370-386 s640117

2933. Nếu con là con trai... : Truyện tranh : Sách cho trẻ 2 - 8 tuổi / Lời, tranh: Thỏ Oai Oai ; Phương An dịch. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 29 tr. : tranh màu ; 19 cm. - (Những bài học đầu tiên về giới tính; T.4: Đặc điểm giới tính). - 28000đ. - 3000b

Tên sách tiếng Trung: 如果我是男孩... s640509

2934. Nếu không chấp hành luật lệ giao thông thì sao? : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi thiếu nhi / Lời: Hoàng Hoành ; Tranh: Kẹo Bông ; Nguyễn Thanh Vân dịch. - Tái bản lần thứ 3. - H. : Kim Đồng, 2026. - 35 tr. : tranh màu ; 20x21 cm. - (Bé an toàn mỗi ngày). - 35000đ. - 2000b s637859

2935. Nếu không tuân thủ nội quy thì sao? : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi thiếu nhi / Lời: Hoàng Hoành ; Tranh: Kẹo Bông ; Nguyễn Thanh Vân dịch. - Tái bản lần thứ 3. - H. : Kim Đồng, 2026. - 34 tr. : tranh màu ; 20x21 cm. - (Bé an toàn mỗi ngày). - 35000đ. - 2000b s637861

2936. Nếu nghịch lửa bừa bãi thì sao? : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi thiếu nhi / Lời: Hoàng Hoành ; Tranh: Kẹo Bông ; Nguyễn Thanh Vân dịch. - Tái bản lần thứ 3. - H. : Kim Đồng, 2026. - 35 tr. : tranh màu ; 20x21 cm. - (Bé an toàn mỗi ngày). - 35000đ. - 2000b s637857

2937. Nghệ thuật dẫn chứng : 1700 dẫn chứng nghị luận xã hội dành cho học sinh THCS và THPT / Lê Thị Minh Thúy. - Tái bản. - H. : Văn học, 2026. - 230 tr. : bìa ; 24 cm. - 186000đ. - 2000b s640459

2938. Nghịch nước thì sao? : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi thiếu nhi / Lời: Hoàng Hoành ; Tranh: Kẹo Bông ; Nguyễn Thanh Vân dịch. - Tái bản lần thứ 3. - H. : Kim Đồng, 2026. - 35 tr. : tranh màu ; 20x21 cm. - (Bé an toàn mỗi ngày). - 35000đ. - 2000b s637858

2939. Ngô Đình Lân. Hương quê : Thơ / Ngô Đình Lân. - Nghệ An : Nxb. Nghệ An, 2026. - 151 tr. ; 21 cm. - 150000đ. - 100b s640065

2940. Ngô Tất Tố. Tắt đèn : Tiểu thuyết / Ngô Tất Tố. - Tái bản lần thứ 10. - H. : Văn học, 2026. - 182 tr. ; 18 cm. - 50000đ. - 2000b s640654

2941. Ngô Tất Tố. Tuyển tập Ngô Tất Tố / S.t., b.s., chú giải: Cao Đắc Diễm, Ngô Thị Thanh Lịch. - Tái bản lần thứ 4. - H. : Văn học, 2026. - 719 tr. ; 21 cm. - 165000đ. - 2000b s640407

2942. Ngô Tất Tố. Vua Tây Chúa Nguyễn / Ngô Tất Tố. - H. : Văn học, 2026. - 193 tr. ; 21 cm. - 100000đ. - 1200b s640343

2943. Ngôi làng dưới vòm cỏ - Chuyến dã ngoại bất ngờ : Truyện tranh : Dành cho thiếu nhi / Nicoletta Costa ; Bùi Thị Thái Dương dịch. - H. : Kim Đồng, 2026. - 16 tr. : tranh vẽ ; 23 cm. - 25000đ. - 2000b s637844

2944. Ngôi làng dưới vòm cỏ - Nỗi buồn của Bọ Rùa Nhí : Truyện tranh : Dành cho thiếu nhi / Nicoletta Costa ; Bùi Thị Thái Dương dịch. - H. : Kim Đồng, 2026. - 16 tr. : tranh vẽ ; 23 cm. - 25000đ. - 2000b s637847

2945. Ngôi làng dưới vòm cỏ - Xin chào người bạn mới : Truyện tranh : Dành cho thiếu nhi / Nicoletta Costa ; Bùi Thị Thái Dương dịch. - H. : Kim Đồng, 2026. - 16 tr. : tranh vẽ ; 23 cm. - 25000đ. - 2000b s637846

2946. Ngôi làng dưới vòm cỏ - Xin chào nhà Dế Nhỏ! : Truyện tranh : Dành cho thiếu nhi / Nicoletta Costa ; Bùi Thị Thái Dương dịch. - H. : Kim Đồng, 2026. - 16 tr. : tranh vẽ ; 23 cm. - 25000đ. - 2000b s637845

2947. Ngôi làng hoa hồng đại : Truyện tranh : Dành cho thiếu nhi / Naoko Awa ; Tranh: Kazue Takahashi ; Olivia Trịnh dịch. - H. : Kim Đồng, 2026. - 47 tr. : tranh vẽ ; 23 cm. - (Truyện nhỏ đong đầy yêu thương). - 50000đ. - 2000b s637842

2948. Ngủ ngon nhé... Đừng để rệp giường cắn nha! : Truyện tranh / Em Bruce, Beatrice Tinarelli. - H. : Văn học, 2026. - 22 tr. : tranh màu ; 18 cm. - (Truyện kể trước giờ ngủ). - 69000đ. - 3000b

Tên sách tiếng Anh: Don't let the bed bugs bite! s640625

2949. Ngũ thi 2 : Thơ - Văn / Nguyễn Tiến Ban, Nguyễn Huy Hồng, Đoàn Minh Ngọc... - H. : Văn học, 2026. - 269 tr. ; 21 cm. - 198000đ. - 1000b s640129

2950. Nguyên Hồng. Bỉ vỏ : Tiểu thuyết / Nguyên Hồng. - Tái bản lần thứ 4. - H. : Văn học, 2026. - 231 tr. ; 18 cm. - 58000đ. - 2000b

Tên thật tác giả: Nguyễn Nguyên Hồng s640653

2951. Nguyên Hồng. Những ngày thơ ấu / Nguyên Hồng. - H. : Văn học, 2026. - 128 tr. ; 21 cm. - (Quốc ngữ thi thư). - 45000đ. - 1500b s640349

2952. Nguyên Hồng. Những ngày thơ ấu : Hồi kí / Nguyên Hồng. - Tái bản lần thứ 5. - H. : Văn học, 2026. - 114 tr. ; 18 cm. - 34000đ. - 2000b

Tên thật tác giả: Nguyễn Nguyên Hồng s640652

2953. Nguyên Hồng. Truyện ngắn Nguyên Hồng. - Tái bản. - H. : Văn học, 2026. - 234 tr. ; 21 cm. - (Danh tác Việt Nam). - 73000đ. - 2000b s640394

2954. Nguyễn Chí Bền. Trở lại Hà Nội : Tản văn & thơ / Nguyễn Chí Bền. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 131 tr. ; 21 cm. - 300b

Các bút danh chính của tác giả: Nguyễn Phương Thảo, Nhị Hà s638354

2955. Nguyễn Chí Ngoan. Nhái Bầu vừa trôi, vừa lớn : Dành cho lứa tuổi 6+ / Nguyễn Chí Ngoan. - H. : Kim Đồng, 2026. - 151 tr. ; 21 cm. - (Tủ sách Tuổi thần tiên). - 45000đ. - 1500b s637744

2956. Nguyễn Du. Truyện Kiều / Nguyễn Du ; Hiệu khảo: Bùi Kỳ, Trần Trọng Kim. - H. : Văn học, 2026. - 194 tr. ; 21 cm. - 80000đ. - 1000b s640155

2957. Nguyễn Đăng Giáp. Xương rồng trên cát : Thơ / Nguyễn Đăng Giáp. - H. : Quân đội nhân dân, 2026. - 427 tr. : ảnh ; 16 cm. - 516b s638237

2958. Nguyễn Đăng Văn. Khoảng trời không yên lặng : Thơ / Nguyễn Đăng Văn. - H. : Văn học, 2026. - 187 tr. ; 21 cm. - 156000đ. - 1000b s640354

2959. Nguyễn Đăng Văn. Xa gái mười năm ta nhắc lại tên mình : Tập bút ký, ký / Nguyễn Đăng Văn. - H. : Văn học, 2026. - 255 tr. ; 21 cm. - 1000b s640353

2960. Nguyễn Hải Yến. Kim Trang Tây du kí : Dành cho lứa tuổi 10+ / Nguyễn Hải Yến. - H. : Kim Đồng, 2026. - 262 tr. ; 19 cm. - (Văn học Tuổi hoa). - 70000đ. - 1500b s638186

2961. Nguyễn Huy Thiệp. Cánh buồm nâu thuở ấy / Nguyễn Huy Thiệp. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2026. - 419 tr. ; 21 cm. - 205000đ. - 2000b

Phụ lục ảnh cuối chính văn s637807

2962. Nguyễn Hữu Bản. Đất nở hoa - Hương thơm ngát : Thơ / Nguyễn Hữu Bản. - Nghệ An : Nxb. Nghệ An, 2025. - 175 tr., 12 tr. ảnh ; 21 cm. - 300b s640058

2963. Nguyễn Hữu Nam. Phù sinh ký mộng / Nguyễn Hữu Nam. - H. : Văn học, 2026. - 530 tr. ; 24 cm. - (Tủ sách Văn học Việt). - 229000đ. - 1000b s640218

2964. Nguyễn Khắc Nguyệt. Lái tăng xuyên Việt / Nguyễn Khắc Nguyệt. - H. : Văn học, 2026. - 510 tr. : ảnh ; 21 cm. - 188000đ. - 500b s640121

2965. Nguyễn Minh Khiêm. Trường ca làng Thọ Lọc / Nguyễn Minh Khiêm. - H. : Văn học, 2026. - 127 tr. ; 21 cm. - 1000b s640134

2966. Nguyễn Ngọc Ký. Tôi đi học / Nguyễn Ngọc Ký. - Tái bản lần thứ 17. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2026. - 173 tr. : ảnh, tranh vẽ ; 21 cm. - (Hạt giống tâm hồn). - 76000đ. - 3000b s640385

2967. Nguyễn Nguyên Phương. Tuyển thơ Lung linh lục bát / Nguyễn Nguyên Phương. - Huế : Nxb. Thuận Hóa, 2026. - 199 tr. : hình vẽ ; 21 cm. - 150000đ. - 300b

Phụ lục ảnh: tr. 185-191 s637500

2968. Nguyễn Nhật Ánh. Bong bóng lên trời : Truyện dài / Nguyễn Nhật Ánh. - In lần thứ 62. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2026. - 175 tr. ; 20 cm. - 95000đ. - 3000b s640864

2969. Nguyễn Nhật Ánh. Chúc một ngày tốt lành : Truyện / Nguyễn Nhật Ánh ; Minh họa: Đỗ Hoàng Tường. - In lần thứ 29. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2026. - 282 tr. ; 20 cm. - 125000đ. - 3000b s640862

2970. Nguyễn Nhật Ánh. Chuyện tình thị trấn : Truyện dài / Nguyễn Nhật Ánh ; Minh họa: Đỗ Hoàng Tường. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2026. - 358 tr. : tranh vẽ ; 20 cm. - 150000đ. - 60000b s640838

2971. Nguyễn Nhật Ánh. Chuyện tình thị trấn : Truyện dài / Nguyễn Nhật Ánh ; Minh họa: Đỗ Hoàng Tường. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2026. - 360 tr. : tranh màu ; 20 cm. - 285000đ. - 20000b s640851

2972. Nguyễn Nhật Ánh. Cô gái đến từ hôm qua : Truyện dài / Nguyễn Nhật Ánh. - In lần thứ 73. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2026. - 221 tr. : tranh vẽ ; 20 cm. - 85000đ. - 3000b s640866

2973. Nguyễn Nhật Ánh. Đảo mộng mơ : Truyện / Nguyễn Nhật Ánh ; Minh họa: Đỗ Hoàng Tường. - Tái bản lần thứ 39. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2026. - 254 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - 75000đ. - 3000b s640867

2974. Nguyễn Nhật Ánh. Đi qua hoa cúc : Truyện dài / Nguyễn Nhật Ánh. - In lần thứ 54. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2026. - 231 tr. ; 20 cm. - 105000đ. - 3000b s640863

2975. Nguyễn Nhật Ánh. Kính vạn hoa / Nguyễn Nhật Ánh. - Tái bản lần thứ 24. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 40000đ. - 2000b

T.1: Nhà ảo thuật. - 2026. - 139 tr. : tranh vẽ s638168

2976. Nguyễn Nhật Ánh. Kính vạn hoa / Nguyễn Nhật Ánh ; Minh họa: Đỗ Hoàng Tường. - Tái bản lần thứ 25. - H. : Kim Đồng. - 21 cm. - 86000đ. - 2000b

T.1: Nhà ảo thuật. Những con gấu bông. Thám tử nghiệp dư. - 2026. - 342 tr. : tranh vẽ s637825

2977. Nguyễn Nhật Ánh. Kính vạn hoa / Nguyễn Nhật Ánh. - Tái bản lần thứ 24. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 40000đ. - 2000b

- T.2: Những con gấu bông. - 2026. - 151 tr. : tranh vẽ s638169
2978. Nguyễn Nhật Ánh. Kính vạn hoa / Nguyễn Nhật Ánh. - Tái bản lần thứ 24. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 40000đ. - 2000b
- T.3: Thám tử nghiệp dư. - 2026. - 159 tr. : tranh vẽ s638170
2979. Nguyễn Nhật Ánh. Kính vạn hoa / Nguyễn Nhật Ánh. - Tái bản lần thứ 24. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 40000đ. - 2000b
- T.4: Ông thầy nóng tính. - 2026. - 143 tr. : tranh vẽ s638171
2980. Nguyễn Nhật Ánh. Kính vạn hoa / Nguyễn Nhật Ánh ; Minh họa: Đỗ Hoàng Tường. - Tái bản lần thứ 25. - H. : Kim Đồng. - 21 cm. - 86000đ. - 2000b
- T.5: Khu vườn trên mái nhà. Thủ môn bị từ chối. Thi sĩ hạng ruồi. - 2026. - 330 tr. : tranh vẽ s637776
2981. Nguyễn Nhật Ánh. Kính vạn hoa / Nguyễn Nhật Ánh. - Tái bản lần thứ 24. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 40000đ. - 2000b
- T.5: Xin lỗi mày, Tai To!. - 2026. - 159 tr. : tranh vẽ s638172
2982. Nguyễn Nhật Ánh. Kính vạn hoa / Nguyễn Nhật Ánh. - Tái bản lần thứ 24. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 40000đ. - 2000b
- T.6: Người bạn lạ lòng. - 2026. - 139 tr. : tranh vẽ s638173
2983. Nguyễn Nhật Ánh. Kính vạn hoa / Nguyễn Nhật Ánh. - Tái bản lần thứ 20. - H. : Kim Đồng. - 19 cm. - 135000đ. - 2000b
- T.9: Hiệp sĩ ngủ ngày. Tiết mục bất ngờ. Phù thủy. - 2026. - 606 tr. s638197
2984. Nguyễn Nhật Ánh. Kính vạn hoa / Nguyễn Nhật Ánh ; Minh họa: Đỗ Hoàng Tường. - Tái bản lần thứ 23. - H. : Kim Đồng. - 21 cm. - 86000đ. - 2000b
- T.9: Hiệp sĩ ngủ ngày. Tiết mục bất ngờ. Phù thủy. - 2026. - 326 tr. : tranh vẽ s637777
2985. Nguyễn Nhật Ánh. Kính vạn hoa / Nguyễn Nhật Ánh ; Minh họa: Đỗ Hoàng Tường. - Tái bản lần thứ 23. - H. : Kim Đồng. - 21 cm. - 86000đ. - 2000b
- T.10: Mùa hè bận rộn. Hoa tí muội. Quán kem. - 2026. - 326 tr. : tranh vẽ s637779
2986. Nguyễn Nhật Ánh. Kính vạn hoa / Nguyễn Nhật Ánh ; Minh họa: Đỗ Hoàng Tường. - Tái bản lần thứ 22. - H. : Kim Đồng. - 21 cm. - 86000đ. - 2000b
- T.12: Cháu của bà. Trúng số độc đắc. Mười lăm ngọn nến. - 2026. - 322 tr. : tranh vẽ s637780
2987. Nguyễn Nhật Ánh. Thăng quỹ nhỏ : Truyện dài / Nguyễn Nhật Ánh. - In lần thứ 63. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2026. - 227 tr. ; 20 cm. - 110000đ. - 3000b s640865
2988. Nguyễn Nhật Ánh. Tôi là Bê-tô : Truyện / Nguyễn Nhật Ánh ; Minh họa: Đỗ Hoàng Tường. - In lần thứ 63. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2026. - 229 tr. : tranh vẽ ; 20 cm. - 95000đ. - 5000b s640861
2989. Nguyễn Nhuận Hồng Phương. Thi khúc chiều phai / Nguyễn Nhuận Hồng Phương. - H. : Văn học, 2026. - 135 tr. ; 15 cm. - 168000đ. - 1000b s640603
2990. Nguyễn Phan Hách. Cuồng phong : Tiểu thuyết / Nguyễn Phan Hách. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 551 tr. ; 21 cm. - (Tác phẩm văn học). - 1450b s640486
2991. Nguyễn Phan Hách. Làng quan họ : Thơ / Nguyễn Phan Hách. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 503 tr. ; 21 cm. - (Tác phẩm văn học). - 1450b s640501
2992. Nguyễn Quang Hưng. Giữ lấy văn nghệ đồng hành / Nguyễn Quang Hưng. - H. : Văn học. - 21 cm. - 100000đ. - 1200b
- T.1: Bình luận văn nghệ. - 2026. - 195 tr. s640168

2993. Nguyễn Quốc Thắng. Theo cánh én bay / Nguyễn Quốc Thắng. - Nghệ An : Nxb. Nghệ An, 2026. - 79 tr. ; 21 cm. - 200b s639960
2994. Nguyễn Quốc Trung. Dòng sông bên chùa : Tiểu thuyết / Nguyễn Quốc Trung. - H. : Văn học, 2026. - 253 tr. ; 21 cm. - 98000đ. - 700b s640341
2995. Nguyễn Thanh Tâm. Những mảnh ghép của huyền thoại : Tuyển chọn - Giới thiệu 141 tác giả thơ Việt Nam đương đại / Nguyễn Thanh Tâm. - H. : Văn học, 2026. - 667 tr. ; 20 cm. - 270000đ. - 1000b s640201
2996. Nguyễn Thi. Người mẹ cầm súng : Tập truyện, ký / Nguyễn Thi. - H. : Văn học, 2026. - 294 tr. ; 21 cm. - 99000đ. - 1000b s640130
2997. Nguyễn Thị Phương. Quê hương : Thơ / Nguyễn Thị Phương. - Nghệ An : Nxb. Nghệ An, 2026. - 21 cm. - 150000đ. - 200b T.5. - 2026. - 223 tr., 6 tr. ảnh màu : ảnh s640060
2998. Nguyễn Thị Thanh Chung. Giải nghĩa chữ Hán trong thơ Đường và thơ trung đại Việt Nam / Nguyễn Thị Thanh Chung. - In lần thứ 3. - H. : Đại học Sư phạm, 2026. - 567 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 280000đ. - 1000b Phụ lục: tr. 422-553. - Thư mục: tr. 554-567 s640810
2999. Nguyễn Thiện Thuật. Trăm năm thương nhớ : Thơ / Nguyễn Thiện Thuật. - H. : Văn học, 2026. - 160 tr. : ảnh ; 21 cm. - 100000đ. - 500b s640183
3000. Nguyễn Thúy Hằng. Cảm xúc giao mùa : Thơ - Văn xuôi / Nguyễn Thúy Hằng. - H. : Văn học, 2026. - 171 tr. ; 21 cm. - 188000đ. - 200b s640347
3001. Nguyễn Tiến Chai. Vòng đời nghiệt ngã : Tiểu thuyết / Nguyễn Tiến Chai. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 227 tr. ; 21 cm. - 150000đ. - 300b s638348
3002. Nguyễn Trãi. Hoa xuân và những bài thơ chữ Nôm : Tuyển tập thơ / Nguyễn Trãi. - H. : Văn học, 2026. - 131 tr. ; 21 cm. - 63000đ. - 2000b s639996
3003. Nguyễn Trí. Bãi vàng, đá quý, trầm hương. Hoa xương rồng : Truyện ngắn - Tiểu thuyết / Nguyễn Trí. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 502 tr. ; 21 cm. - (Tác phẩm văn học). - 1450b s640485
3004. Nguyễn Trí Huân. Chim én bay. Năm 1975 họ đã sống như thế : Tiểu thuyết / Nguyễn Trí Huân. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 518 tr. ; 21 cm. - (Tác phẩm văn học). - 1450b s640482
3005. Nguyễn Trọng Chí. Quê hương & chinh chiến : Thơ / Nguyễn Trọng Chí. - H. : Văn học. - 20 cm. - 100000đ. - 500b T.2. - 2026. - 115 tr. s640153
3006. Nguyễn Trọng Chí. Tình yêu & chinh chiến : Thơ / Nguyễn Trọng Chí. - H. : Văn học. - 20 cm. - 100000đ. - 500b T.1. - 2026. - 111 tr. : tranh vẽ s640152
3007. Nguyễn Trường Lịch. Vẻ đẹp văn chương và tầm cao văn hóa / Nguyễn Trường Lịch. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2026. - 207 tr. ; 21 cm. - 141000đ. - 1000b s638597
3008. Nguyễn Văn Á. Bóng núi : Thơ / Nguyễn Văn Á. - H. : Văn học, 2026. - 267 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - 350000đ. - 2000b s640156
3009. Nguyễn Văn Học. Cái chết của vua câm : Tập truyện ngắn / Nguyễn Văn Học. - H. : Văn học, 2026. - 315 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - 138000đ. - 2000b s640193

3010. Nguyễn Văn Học. Cánh chim không mỏi / Nguyễn Văn Học. - H. : Văn học, 2026. - 195 tr. ; 21 cm. - 100000đ. - 1200b s640167
3011. Nguyễn Văn Thắng. Em vẽ Bác Hồ : Tập thơ viết về Bác Hồ dành cho thiếu nhi / Nguyễn Văn Thắng ; Vẽ bìa, minh họa: Hải Nam. - H. : Văn học, 2026. - 89 tr. : hình vẽ ; 17x19 cm. - 99000đ. - 300b s640619
3012. Nguyễn Viết Ba. Về với nguồn cội / Nguyễn Viết Ba. - H. : Hồng Đức, 2026. - 180 tr., 7 tr. ảnh màu ; 21 cm. - 300b
Thư mục: tr. 107-108 s640892
3013. Nguyễn Việt Anh. Chầm chậm trưởng thành, thông dong rực rỡ : Song ngữ Việt - Anh / Nguyễn Việt Anh ; Khuất Việt Anh dịch. - Tái bản. - H. : Văn học, 2026. - 238 tr. : hình vẽ ; 17 cm. - 109000đ. - 1000b s640644
3014. Nguyễn Xuân Thủy. Đại náo nhà ông ngoại : Truyện dài : Dành cho lứa tuổi 10+ / Nguyễn Xuân Thủy. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Kim Đồng, 2026. - 233 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - 65000đ. - 1500b s637659
3015. Ngữ văn 6 / Bùi Mạnh Hùng (tổng ch.b.), Nguyễn Thị Ngân Hoa (ch.b.), Nguyễn Linh Chi... - Tái bản lần thứ 5. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 17400đ. - 177400b
Đầu bìa sách ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo
T.1. - 2026. - 135 tr. : minh họa. - Phụ lục: tr. 132-135 s639266
3016. Ngữ văn 6 : Dành cho buổi học thứ hai / Nguyễn Thị Thu Thủy (ch.b.), Đỗ Thị Mỹ Phương, Phan Thị Hồng Xuân. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - 30000đ. - 5000b
T.1. - 2026. - 75 tr. : bảng s639372
3017. Ngữ văn 6 : Dành cho buổi học thứ hai / Nguyễn Thị Thu Thủy (ch.b.), Đỗ Thị Mỹ Phương, Phan Thị Hồng Xuân. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - 30000đ. - 5000b
T.2. - 2026. - 75 tr. : hình vẽ, bảng s639373
3018. Ngữ văn 7 / Bùi Mạnh Hùng (tổng ch.b.), Phan Huy Dũng, Nguyễn Thị Ngân Hoa (ch.b.)... - Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 17800đ. - 204300b
Đầu bìa sách ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo
T.1. - 2026. - 139 tr. : minh họa. - Phụ lục: tr. 135-139 s639267
3019. Ngữ văn 7 : Dành cho buổi học thứ hai / Nguyễn Thị Thu Thủy (ch.b.), Đỗ Thị Mỹ Phương. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - 30000đ. - 5000b
T.1. - 2026. - 75 tr. : bảng s639374
3020. Ngữ văn 7 / Bùi Mạnh Hùng (tổng ch.b.), Phan Huy Dũng, Nguyễn Thị Ngân Hoa (ch.b.)... - Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 17000đ. - 201700b
Đầu bìa sách ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo
T.2. - 2026. - 135 tr. : minh họa. - Phụ lục: tr. 123-135 s639268
3021. Ngữ văn 7 : Dành cho buổi học thứ hai / Nguyễn Thị Thu Thủy (ch.b.), Đỗ Thị Mỹ Phương. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - 30000đ. - 5000b
T.2. - 2026. - 75 tr. : minh họa s639375
3022. Ngữ văn 8 / Bùi Mạnh Hùng (tổng ch.b.), Nguyễn Thị Ngân Hoa, Đặng Lưu (ch.b.)... - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 16900đ. - 160700b
Đầu bìa sách ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo

- T.1. - 2026. - 131 tr. : minh họa s639269
3023. Ngữ văn 8 : Dành cho buổi học thứ hai / Nguyễn Thị Thu Thủy (ch.b.), Nguyễn Thị Hải, Nguyễn Thị Ngọc Tâm. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - 30000đ. - 5000b
T.1. - 2026. - 80 tr. : bảng s639376
3024. Ngữ văn 8 : Dành cho buổi học thứ hai / Nguyễn Thị Thu Thủy (ch.b.), Nguyễn Thị Hải, Nguyễn Thị Ngọc Tâm. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - 30000đ. - 5000b
T.2. - 2026. - 75 tr. : bảng s639377
3025. Ngữ văn 9 : Dành cho buổi học thứ hai / Nguyễn Thị Thu Thủy (ch.b.), Nguyễn Thị Hải, Nguyễn Thị Ngọc Tâm. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - 30000đ. - 5000b
T.1. - 2026. - 79 tr. : bảng s639378
3026. Ngữ văn 9 / Bùi Mạnh Hùng (tổng ch.b.), Nguyễn Thị Ngân Hoa, Đặng Lưu (ch.b.)... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 19000đ. - 149000b
Đầu bìa sách ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo
T.2. - 2025. - 147 tr. : minh họa. - Phụ lục: tr. 138-147 s639276
3027. Ngữ văn 9 / Bùi Mạnh Hùng (tổng ch.b.), Nguyễn Thị Ngân Hoa, Đặng Lưu (ch.b.)... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 17900đ. - 173000b
Đầu bìa sách ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo
T.2. - 2026. - 147 tr. : minh họa. - Phụ lục: tr. 138-147 s639270
3028. Ngữ văn 9 : Dành cho buổi học thứ hai / Nguyễn Thị Thu Thủy (ch.b.), Nguyễn Thị Hải, Nguyễn Thị Ngọc Tâm. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - 30000đ. - 5000b
T.2. - 2026. - 75 tr. : bảng s639379
3029. Ngữ văn 10 / Bùi Mạnh Hùng (tổng ch.b.), Phan Huy Dũng (ch.b.), Trần Ngọc Hiếu... - Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 16500đ. - 192100b
Đầu bìa sách ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo
T.2. - 2026. - 135 tr. : minh họa s639271
3030. Ngữ văn 11 / Bùi Mạnh Hùng (tổng ch.b.), Phan Huy Dũng (ch.b.), Trần Ngọc Hiếu... - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 19800đ. - 139500b
Đầu bìa sách ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo
T.1. - 2026. - 163 tr. : minh họa s639272
3031. Ngữ văn 11 / Bùi Mạnh Hùng (tổng ch.b.), Phan Huy Dũng (ch.b.), Trần Ngọc Hiếu... - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 16100đ. - 290000b
Đầu bìa sách ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo
T.2. - 2026. - 131 tr. : minh họa s639273
3032. Ngữ văn 12 / Bùi Mạnh Hùng (tổng ch.b.), Phan Huy Dũng (ch.b.), Nguyễn Thị Diệu Linh... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 20300đ. - 120700b
Đầu bìa sách ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo
T.1. - 2026. - 167 tr. : minh họa s639274

3033. Ngủ văn 12 / Bùi Mạnh Hùng (tổng ch.b.), Phan Huy Dũng (ch.b.), Nguyễn Thị Diệu Linh... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 17100đ. - 252800b

Đầu bìa sách ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo

T.2. - 2026. - 139 tr. : minh họa s639275

3034. Ngựa vẫn không chịu đi học : Truyện tranh : Dành cho trẻ 3 - 7 tuổi / Christine Beigel, Hervé Le Goff ; Hồng Tú dịch. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 19 tr. ; 20 cm. - (Truyện hay bà kể hàng đêm; T.7). - 23000đ. - 3000b

Tên sách tiếng Pháp: Mamie poule raconte - Le Zèbre qui ne voulait pas aller à l'école s639918

3035. Nhiệm vụ tối thượng nhà Yozakura : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 16+ / Hitsuji Gondaira ; AnHD dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 3800b

T.25: Hifumi VS Kyoichiro. - 2026. - 191 tr. : tranh vẽ s637964

3036. Nhiệm vụ tối thượng nhà Yozakura : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 16+ / Hitsuji Gondaira ; AnHD dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 3700b

T.26: Taiyo và Asa. - 2026. - 198 tr. : tranh vẽ s637965

3037. Nhiệm vụ tối thượng nhà Yozakura : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 16+ / Hitsuji Gondaira ; AnHD dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 3700b

T.27: Kế hoạch của Asa. - 2026. - 187 tr. : tranh vẽ s637966

3038. Nhiệm vụ tối thượng nhà Yozakura : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 16+ / Hitsuji Gondaira ; AnHD dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 3600b

T.28: Vợ chồng gia chủ nhà Yozakura đời thứ 10. - 2026. - 188 tr. : tranh vẽ s637967

3039. Nhím con vào lớp một : Truyện tranh : Dành cho trẻ 3 - 7 tuổi / Heidi Howarth, Daniel Howarth ; Thu Nga dịch. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 24 tr. : tranh màu ; 23 cm. - (Storytime - Truyện hay rèn luyện kỹ năng). - 31000đ. - 3000b

Tên sách tiếng Anh: Little hedgehog's big day s639930

3040. Nhỏ Waffle cứ mãi dẫn đo : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 5+ / Viết: Brenda S. Miles ; Vẽ: Monika Filipina ; Khoa Thư dịch. - H. : Kim Đồng, 2026. - 38 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - (Vun trồng cảm xúc). - 50000đ. - 2000b s637855

3041. Nhóc Bơ sao cứ âu lo : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 5+ / Viết: Brenda S. Miles ; Vẽ: Monika Filipina ; Khoa Thư dịch. - H. : Kim Đồng, 2026. - 39 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - (Vun trồng cảm xúc). - 50000đ. - 2000b s637854

3042. Những bài làm văn tiêu biểu 8 : Gọn rõ, thiết thực, dễ hiểu, dễ học. Tham khảo đề tự học tốt, làm bài hay / Nguyễn Xuân Lạc s.t, tuyển chọn. - H. : Đại học Sư phạm, 2026. - 96 tr. ; 24 cm. - 49000đ. - 1500b s638537

3043. Những điều Peppa yêu thích : Truyện tranh : Tuổi 2+ / Phương Nhung dịch. - H. : Mỹ thuật, 2026. - 11 tr. : tranh màu ; 9 cm. - (Peppa Pig. Thư viện yêu thích của tớ). - 29750đ. - 3000b s638254

3044. Những họa sĩ tài năng = Amazing painters : Truyện tranh. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2025. - 15 tr. : tranh màu ; 21 cm. - 2000b s638499

3045. Những ngày thường bất ổn của Yano : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 16+ / Yui Tamura ; Trần Anh Ly dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 45000đ. - 2400b

T.7. - 2026. - 173 tr. : tranh vẽ s638138

3046. Những ngày thường bất ổn của Yano : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 16+ / Yui Tamura ; Trần Anh Ly dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 45000đ. - 2300b

- T.8. - 2026. - 173 tr. : tranh vẽ s638139
3047. Những ngày thường bất ổn của Yano : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 16+ / Yui Tamura ; Trần Anh Ly dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 45000đ. - 2300b
T.9. - 2026. - 173 tr. : tranh vẽ s638140
3048. Những người bạn đáng yêu : Truyện tranh : Sách cho trẻ 0 - 4 tuổi / Heather Brown ; Thu Nga dịch. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 10 tr. : tranh màu ; 15 cm. - (Ú oà, mở ra!). - 50000đ. - 5000b
Tên sách tiếng Anh: Peek-a-boo too s640516
3049. Những người bạn đặc biệt : Truyện tranh : Sách cho trẻ 0 - 4 tuổi / Heather Brown ; Thu Nga dịch. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 12 tr. : tranh màu ; 15 cm. - (Ú oà, mở ra!). - 50000đ. - 5000b
Tên sách tiếng Anh: Hatch s640514
3050. Những người bạn không lồ : Truyện tranh : Sách cho trẻ 0 - 4 tuổi / Heather Brown ; Thu Nga dịch. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 10 tr. : tranh màu ; 15 cm. - (Ú oà, mở ra!). - 50000đ. - 5000b
Tên sách tiếng Anh: Peek-a-boo zoo s640515
3051. Những người khốn khổ : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 6+ / Nguyên tác: Victor Hugo ; Tranh, lời: Neung In Publishing Company ; Nguyễn Thị Thắm dịch. - Tái bản lần thứ 18. - H. : Kim Đồng, 2026. - 207 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - (Danh tác thế giới). - 40000đ. - 2000b
Tên sách tiếng Anh: World classic - Les misérables s637762
3052. Ninh Ngạn Trác. Tầm vị kí / Ninh Ngạn Trác ; Dịch: Phạm Thị Hồng Minh, Trịnh Hiền Thương. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 251 tr. : ảnh ; 21 cm. - 147000đ. - 1000b s639832
3053. Nisekoi - Cặp đôi giả tạo : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 16+ / Naoshi Komi ; Tanpopo Team dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 40000đ. - 5800b
T.14: Chì gái. - 2026. - 198 tr. : tranh vẽ s637927
3054. Nisekoi - Cặp đôi giả tạo : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 16+ / Naoshi Komi ; Tanpopo Team dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 40000đ. - 5800b
T.15: Hoa khôi. - 2026. - 190 tr. : tranh vẽ s637928
3055. Nisekoi - Cặp đôi giả tạo : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 16+ / Naoshi Komi ; Tanpopo Team dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 40000đ. - 5800b
T.16: Giống hệt. - 2026. - 190 tr. : tranh vẽ s637929
3056. Nisekoi - Cặp đôi giả tạo : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 16+ / Naoshi Komi ; Tanpopo Team dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 40000đ. - 5800b
T.17: Tiểu thư. - 2026. - 189 tr. : tranh vẽ s637930
3057. Nisekoi - Cặp đôi giả tạo : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 16+ / Naoshi Komi ; Tanpopo Team dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 40000đ. - 5500b
T.18: Chì mạng. - 2026. - 188 tr. : tranh vẽ s637931
3058. Nobita Tây du kí : Truyện tranh : Sách dành cho trẻ em / Nguyên tác: Fujiko F. Fujio. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - (Tranh truyện màu Doraemon). - 30000đ. - 5000b
T.1. - 2026. - 127 tr. : tranh màu s637876
3059. Nobita Tây du kí : Truyện tranh : Sách dành cho trẻ em / Nguyên tác: Fujiko F. Fujio. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - (Tranh truyện màu Doraemon). - 30000đ. - 5000b
T.2. - 2026. - 115 tr. : tranh màu s637877

3060. Nobita và binh đoàn người sắt - Đôi cánh thiên thần : Truyện tranh : Sách dành cho trẻ em / Nguyên tác: Fujiko F. Fujio ; Kịch bản: Higashi Shimizu ; Hitokiri dịch. - H. : Kim Đồng, 2026. - 143 tr. : tranh màu ; 18 cm. - (Doraemon movie story màu). - 35000đ. - 5000b s637897

3061. Nobita và cuộc đại thủy chiến ở xứ sở người cá : Truyện tranh : Sách dành cho trẻ em / Nguyên tác: Fujiko F. Fujio ; Tranh: Yasunori Okada ; Nguyễn Song Tâm Quyên dịch. - H. : Kim Đồng, 2026. - 193 tr. : tranh vẽ ; 18 cm. - (Doraemon movie story). - 30000đ. - 5000b s637889

3062. Nobita và hiệp sĩ không gian - Vũ trụ anh hùng kí : Truyện tranh : Sách dành cho trẻ em / Nguyên tác: Fujiko F. Fujio ; Tranh: Shintaro Mugiware ; Hanami dịch. - H. : Kim Đồng, 2026. - 189 tr. : tranh vẽ ; 18 cm. - (Doraemon movie story). - 30000đ. - 5000b s637890

3063. Nobita và hòn đảo diệu kì - Cuộc phiêu lưu của loài thú : Truyện tranh : Sách dành cho trẻ em / Nguyên tác: Fujiko F. Fujio ; Hitokiri dịch. - H. : Kim Đồng, 2026. - 143 tr. ; 18 cm. - (Doraemon movie story màu). - 35000đ. - 5000b s637893

3064. Nobita và hòn đảo diệu kì - Cuộc phiêu lưu của loài thú : Truyện tranh : Sách dành cho trẻ em / Nguyên tác: Fujiko F. Fujio ; Tranh: Shintaro Mugiware ; Thanh Ngân dịch. - H. : Kim Đồng, 2026. - 187 tr. : tranh vẽ ; 18 cm. - (Doraemon movie story). - 30000đ. - 5000b s637891

3065. Nobita và những hiệp sĩ không gian - Space Heroes : Truyện tranh : Sách dành cho trẻ em / Nguyên tác: Fujiko F. Fujio ; Thanh Ngân dịch. - H. : Kim Đồng, 2026. - 143 tr. : tranh vẽ ; 18 cm. - (Doraemon movie story màu). - 35000đ. - 5000b s637896

3066. Nobita và viện bảo tàng bảo bối : Truyện tranh : Sách dành cho trẻ em / Nguyên tác: Fujiko F. Fujio ; Tranh: Shintaro Mugiware ; Thanh Ngân dịch. - H. : Kim Đồng, 2026. - 177 tr. : tranh vẽ ; 18 cm. - (Doraemon movie story). - 30000đ. - 5000b s637888

3067. Nơi dãy núi điên dại : Truyện tranh : Dành cho tuổi trưởng thành / H. P. Lovecraft, Tanabe Gou ; Miếu Mạn dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 40000đ. - 4000b
T.1. - 2026. - 156 tr. : tranh vẽ s637870

3068. Nơi dãy núi điên dại : Truyện tranh : Dành cho tuổi trưởng thành / H. P. Lovecraft, Tanabe Gou ; Miếu Mạn dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 40000đ. - 4000b
T.2. - 2026. - 140 tr. : tranh vẽ s637871

3069. Nơi dãy núi điên dại : Truyện tranh : Dành cho tuổi trưởng thành / H. P. Lovecraft, Tanabe Gou ; Miếu Mạn dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 40000đ. - 4000b
T.3. - 2026. - 166 tr. : tranh vẽ s637872

3070. Nụ hôn chúc ngủ ngon : Truyện tranh / Em Bruce, Shelly Cox. - H. : Văn học, 2026. - 22 tr. : tranh màu ; 18 cm. - (Truyện kể trước giờ ngủ). - 69000đ. - 3000b
Tên sách tiếng Anh: The goodnight kiss s640624

3071. Ny An. Hầm trú bão : Tập truyện ngắn / Ny An. - H. : Văn học, 2026. - 207 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - 150000đ. - 1000b s640174

3072. One piece : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 15+ / Eiichiro Oda ; Takara dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 25000đ. - 9000b
T.110: Làn sóng thời đại. - 2026. - 203 tr. : tranh vẽ s638097

3073. One piece : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 15+ / Eiichiro Oda ; Takara dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 25000đ. - 9000b
T.111: Cuộc phiêu lưu ở Elbaph. - 2026. - 223 tr. : tranh vẽ s638098

3074. One piece : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 15+ / Eiichiro Oda ; Takara dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 22000b
T.111: Cuộc phiêu lưu ở Elbaph. - 2026. - 221 tr. : tranh vẽ s638099
3075. One piece - Bếp chiến Sanji : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 16+ / Nguyên tác: Eiichiro Oda ; Truyện: Yuto Tsukuda ; Tranh: Shun Saeki ; Ning Chan dịch. - H. : Kim Đồng, 2026. - 231 tr. : tranh vẽ ; 18 cm. - 35000đ. - 3000b s638111
3076. One piece - Special edition : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 15+ / Eiichiro Oda ; Takara dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 200000đ. - 15000b
T.110: Làn sóng thời đại. - 2026. - 203 tr. : tranh vẽ s638100
3077. One piece party : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 15+ / Ei Andoh ; Nguyên tác: Eiichiro Oda ; Takara dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 3000b
T.1. - 2026. - 179 tr. : tranh vẽ s638090
3078. One piece party : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 15+ / Ei Andoh ; Nguyên tác: Eiichiro Oda ; Takara dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 3000b
T.2. - 2026. - 185 tr. : tranh vẽ s638091
3079. One piece party : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 15+ / Ei Andoh ; Nguyên tác: Eiichiro Oda ; Takara dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 3000b
T.3. - 2026. - 176 tr. : tranh vẽ s638092
3080. One piece party : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 15+ / Ei Andoh ; Nguyên tác: Eiichiro Oda ; Takara dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 3000b
T.4. - 2026. - 178 tr. : tranh vẽ s638093
3081. One piece party : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 15+ / Ei Andoh ; Nguyên tác: Eiichiro Oda ; Takara dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 3000b
T.5. - 2026. - 178 tr. : tranh vẽ s638094
3082. One piece party : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 15+ / Ei Andoh ; Nguyên tác: Eiichiro Oda ; Takara dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 3000b
T.6. - 2026. - 177 tr. : tranh vẽ s638095
3083. One piece party : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 15+ / Ei Andoh ; Nguyên tác: Eiichiro Oda ; Takara dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 8000b
T.7. - 2026. - 178 tr. : tranh vẽ s638096
3084. One punch man : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 16+ / One ; Vẽ tranh: Yusuke Murata ; Dịch: Barbie Ayumi, Mokey King. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 5000b
T.1: Chỉ một cú đấm. - 2026. - 195 tr. : tranh vẽ s638024
3085. One punch man : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 16+ / One ; Vẽ tranh: Yusuke Murata ; Dịch: Barbie Ayumi, Mokey King. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 5000b
T.11: Đại quái trùng. - 2026. - 206 tr. : tranh vẽ s638025
3086. One punch man : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 16+ / One ; Vẽ tranh: Yusuke Murata ; Dịch: Barbie Ayumi, Mokey King. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 5000b
T.14: Bên bờ tuyệt vọng. - 2026. - 207 tr. : tranh vẽ s638026
3087. One punch man : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 16+ / One ; Vẽ tranh: Yusuke Murata ; Dịch: Barbie Ayumi, Mokey King. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 5000b

- T.15: Những kẻ trong bóng tối. - 2026. - 205 tr. : tranh vẽ s638027
3088. One punch man : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 16+ / One ; Vẽ tranh: Yusuke Murata ; Dịch: Barbie Ayumi, Mokey King. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 5000b
- T.25: Kị sĩ Cơ khí. - 2026. - 191 tr. : tranh vẽ s638028
3089. One punch man : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 16+ / One ; Vẽ tranh: Yusuke Murata ; Dịch: Barbie Ayumi, Mokey King. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 5000b
- T.26: Chưa từng biết tới. - 2026. - 191 tr. : tranh vẽ s638029
3090. One punch man : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 16+ / One ; Vẽ tranh: Yusuke Murata ; Dịch: Barbie Ayumi, Mokey King. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 2000b
- T.27: Tatsumaki toàn phần công lực. - 2026. - 186 tr. : tranh vẽ s638030
3091. One punch man : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 16+ / One ; Vẽ tranh: Yusuke Murata ; Dịch: Barbie Ayumi, Mokey King. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 2000b
- T.29: Phất cờ trời dậy. - 2026. - 189 tr. : tranh vẽ s638031
3092. One punch man : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 16+ / One ; Vẽ tranh: Yusuke Murata ; Dịch: Barbie Ayumi, Mokey King. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 2000b
- T.31: Luyện ngực vô song để vương hỏa thiêu pháo. - 2026. - 220 tr. : tranh vẽ s638032
3093. One punch man : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 16+ / One ; Vẽ tranh: Yusuke Murata ; Dịch: Barbie Ayumi, Mokey King. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 5000b
- T.32: Ban phước. - 2026. - 223 tr. : tranh vẽ s638033
3094. Orange Lime Dog. Kẻ ngang bướng gặp người yêu chiều - Nhật ký tình yêu : Truyện tranh / Orange Lime Dog ; Nguyễn Thùy Dung dịch. - H. : Văn học, 2026. - 204 tr. : tranh màu ; 17 cm. - 153000đ. - 2000b
- Tên sách tiếng Trung: 我爱你,就像小狗陷进沙发里 s640579
3095. Ostrovski, Nikolai Alekseevich. Thép đã tôi thế đấy / Nikolai A. Ostrovsky ; Dịch: Thép Mới, Huy Vân. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Kim Đồng, 2026. - 469 tr. ; 24 cm. - (Tủ sách Thanh niên). - 150000đ. - 2000b
- Dịch từ bản tiếng Nga: Как закалялась сталь s637787
3096. Ostrovski, Nikolai Alekseevich. Thép đã tôi thế đấy / Nikolai A. Ostrovsky ; Dịch: Thép Mới, Huy Vân. - Tái bản lần thứ 8. - H. : Văn học, 2026. - 554 tr. ; 21 cm. - 168000đ. - 2000b
- Tên sách tiếng Nga: Как закалялась сталь s640370
3097. Ostrovski, Nikolai Alekseevich. Thép đã tôi thế đấy / Nikolai A. Ostrovsky ; Đào Minh Hiệp dịch. - Tái bản. - H. : Văn học, 2026. - 590 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - 178000đ. - 2000b
- Dịch từ bản tiếng Nga: Как закалялась сталь s640360
3098. Ostrovski, Nikolai Alekseevich. Thép đã tôi thế đấy : Tiểu thuyết / Nikolai A. Ostrovsky ; Dịch: Thép Mới, Huy Vân. - In lần thứ 9. - H. : Văn học, 2026. - 514 tr. ; 24 cm. - 139000đ. - 1000b s640414
3099. Ouida. Chú chó vùng Flanders / Ouida ; Thiên Nga dịch. - H. : Văn học, 2026. - 238 tr. ; 21 cm. - 110000đ. - 1500b

Tên thật tác giả: Maria Louise Ramé s640171

3100. Ôn tập thi vào lớp 10 môn Ngữ văn / Ngụy Thị Bình (ch.b.), Nguyễn Thị Minh Duyên, Nguyễn Thị Bích Liên... - Tái bản lần thứ 1, có chỉnh lí, bổ sung. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 172 tr. ; 24 cm. - 39000đ. - 20000b s639772

3101. Ôn tập thi vào lớp 10 môn Ngữ văn năm học 2026 - 2027 : Theo Chương trình GDPT 2018 / Nguyễn Thị Nương, Doãn Thị Đông, Nguyễn Thị Tuyết Mai. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 148 tr. : bảng ; 24 cm. - 45000đ. - 22000b s639776

3102. Ôn thi vào lớp 10 môn Ngữ văn năm học 2026 - 2027 / Lê Thị Minh Nguyệt (ch.b.), Nguyễn Thị Anh Đào, Lê Thị Hồng Đăng... - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 199 tr. : bảng ; 27 cm. - 69000đ. - 30000b s639046

3103. Ông chủ nhà quê trở thành kiếm thánh : Đám đê từ thành danh không cho tôi yên ổn dạy kiếm dưới quê : Truyện tranh : 17+ / Nguyên tác: Shigeru Sagazaki, Tetsuhiro Nabeshima ; Minh họa: Kazuki Sato ; Tuyết Mai dịch. - H. : Văn học. - 18 cm. - 55000đ. - 5000b

T.7. - 2026. - 176 tr. : tranh vẽ s640570

3104. Ở bản, ai chịu được? : Truyện tranh : Dành cho bé 2 - 4 tuổi / Stella Ernes ; Thu Nga dịch. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 31 tr. : tranh màu ; 24 cm. - (Bé ngoan có biết?). - 34000đ. - 5000b

Tên sách tiếng Anh: Fleas in Bili's fur s639934

3105. Ở cửa hàng tạp hóa : Truyện tranh = In the grocery store : Picture books. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2025. - 21 tr. : tranh màu ; 21 cm. - 2000b s638496

3106. Ở sân chơi : Truyện tranh = In the playground : Picture books. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2025. - 21 tr. : tranh màu ; 21 cm. - 2000b s638504

3107. Ở sở thú : Truyện tranh = At the zoo : Picture books. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2025. - 23 tr. : tranh màu ; 21 cm. - 2000b s638503

3108. Ở tiệm cà phê = At the café : Truyện tranh. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2025. - 25 tr. : tranh màu ; 21 cm. - 2000b s638498

3109. Park Ji Yuong. Tiệm giặt là nửa đêm / Park Ji Yuong ; Hồng Liên dịch. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 382 tr. ; 21 cm. - 200000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Hàn: 고독사 워크숍 s638366

3110. Paul, Ann Whitford. Cẩm nang sáng tác sách tranh : Lộ trình thực tiễn: Từ sáng tác đến xuất bản / Ann Whitford Paul b.s. ; Bùi Kim Ngân biên dịch. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 413 tr. : hình vẽ ; 21 cm. - 225000đ. - 1000b s638351

3111. Paz, Marcela. Papelucho - Anh trai híp-pi của tớ / Marcela Paz ; Dịch, h.đ.: Nguyễn Thị Kim Dung... ; Minh họa: Rommy Rivera. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 160 tr. : bảng, tranh vẽ ; 19 cm. - 59000đ. - 5000b

Dịch từ nguyên bản tiếng Tây Ban Nha: Mi hermano hippie, por Papelucho s640523

3112. Paz, Marcela. Papelucho - Em gái Ji của tớ / Marcela Paz ; Dịch, h.đ.: Nguyễn Thị Kim Dung... ; Minh họa: Rommy Rivera. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 116 tr. : bảng, tranh vẽ ; 19 cm. - 59000đ. - 5000b

Dịch từ nguyên bản tiếng Tây Ban Nha: Mi hermana Ji, por Papelucho s640524

3113. Pea đang làm gì thế? : Truyện tranh = What's Pea doing? : Picture books. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2026. - 19 tr. : tranh màu ; 21 cm. - 2000b s638502

3114. Peppa đi hái táo : Truyện tranh : Tuổi 2+ / Đức Toàn dịch. - H. : Mỹ thuật, 2026. - 13 tr. : tranh màu ; 9 cm. - (Peppa Pig. Thư viện đầu tiên của tớ). - 29750đ. - 3000b s638251
3115. Phạm Công Thắng. Khoảng lặng giữa cuộc chiến : Tập truyện ngắn / Phạm Công Thắng. - H. : Văn học, 2026. - 239 tr. ; 21 cm. - 150000đ. - 500b s640142
3116. Phạm Hải Đăng. Huyền sử Bãi Á : Truyện truyền thuyết dân gian vùng đất Bãi Á - Bản Nguyên / Phạm Hải Đăng. - H. : Văn hóa dân tộc, 2026. - 117 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - 199000đ. - 10000b s639990
3117. Phạm Hồ. Những truyện hay viết cho thiếu nhi : Bê và Sáo. Chú bé Người và ông Trăng. Ngựa thần từ đâu đến... / Phạm Hồ. - Tái bản lần thứ 9. - H. : Kim Đồng, 2026. - 253 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - 65000đ. - 2000b s637742
3118. Phạm Thắng. Đội Thiếu niên tình báo Bát Sắt / Phạm Thắng. - Tái bản lần thứ 11. - H. : Kim Đồng, 2026. - 179 tr. ; 19 cm. - 40000đ. - 2000b
 Đầu bìa sách ghi: Kỷ niệm 85 năm Ngày thành lập Đội TNTP Hồ Chí Minh (1941 - 2026) s638189
3119. Phan Văn Khoa. Mưa trên thảo nguyên xanh / Phan Văn Khoa. - Huế : Nxb. Thuận Hóa, 2026. - 219 tr. ; 21 cm. - 110000đ. - 500b s637460
3120. Phán Duyệt Tây. Tỉnh giấc tan mộng người bên gối đã không còn / Phán Duyệt Tây. - H. : Văn học, 2026. - 238 tr. ; 21 cm. - 125000đ. - 1000b s640085
3121. Phù Ninh. Lãng đăng mây ngàn : Tiểu thuyết / Phù Ninh. - H. : Công an nhân dân, 2026. - 208 tr. ; 21 cm. - 95000đ. - 80b s638511
3122. Phùng Quán. Tuổi thơ dữ dội : Dành cho lứa tuổi 10+ / Phùng Quán. - H. : Kim Đồng, - 21 cm. - 80000đ. - 10000b
 T.1. - 2026. - 398 tr. s637823
3123. Phùng Quán. Tuổi thơ dữ dội : Dành cho lứa tuổi 10+ / Phùng Quán. - Tái bản lần thứ 22. - H. : Kim Đồng, - 21 cm. - 80000đ. - 10000b
 T.2. - 2026. - 398 tr. s637661
3124. Phương Trà. Một ngày rực rỡ : Truyện ngắn / Phương Trà. - H. : Văn học, 2026. - 157 tr. ; 21 cm. - 120000đ. - 1000b
 Tên thật tác giả: Trịnh Thị Phương Trà s640136
3125. Porter, Eleanor H. Hùng đông / Eleanor H. Porter ; Thanh Yên dịch. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2026. - 349 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - 180000đ. - 1000b s640890
3126. Potter, Beatrix. Bác thợ may thành Gloucester : Dành cho thiếu nhi / Beatrix Potter ; Kim Ngọc dịch. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Kim Đồng, 2026. - 59 tr. : tranh màu ; 14 cm. - (Thế giới của thỏ Peter; 3). - 50000đ. - 2000b s638147
3127. Potter, Beatrix. Chuyện về bánh nướng và khuôn thiếc : Dành cho thiếu nhi / Beatrix Potter ; Kim Ngọc dịch. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Kim Đồng, 2026. - 59 tr. : tranh màu ; 14 cm. - (Thế giới của thỏ Peter; 17). - 50000đ. - 2000b s638161
3128. Potter, Beatrix. Chuyện về chú lợn Ngoan Ngoãn : Dành cho thiếu nhi / Beatrix Potter ; Kim Ngọc dịch. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Kim Đồng, 2026. - 83 tr. : tranh màu ; 14 cm. - (Thế giới của thỏ Peter; 15). - 65000đ. - 2000b s638159
3129. Potter, Beatrix. Chuyện về Johnny thành thị : Dành cho thiếu nhi / Beatrix Potter ; Kim Ngọc dịch. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Kim Đồng, 2026. - 59 tr. : tranh màu ; 14 cm. - (Thế giới của thỏ Peter; 13). - 50000đ. - 2000b s638157

3130. Potter, Beatrix. Chuyện về lão Tod : Dành cho thiếu nhi / Beatrix Potter ; Kim Ngọc dịch. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Kim Đồng, 2026. - 82 tr. : tranh màu ; 14 cm. - (Thế giới của thỏ Peter; 14). - 65000đ. - 2000b s638158

3131. Potter, Beatrix. Chuyện về nhóc lợn Robinson : Dành cho thiếu nhi / Beatrix Potter ; Kim Ngọc dịch. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Kim Đồng, 2026. - 121 tr. : tranh màu ; 14 cm. - (Thế giới của thỏ Peter; 19). - 70000đ. - 2000b s638163

3132. Potter, Beatrix. Chuyện về Samuel Râu Ria hay Chiếc bánh pút-đinh cuộn : Dành cho thiếu nhi / Beatrix Potter ; Ngô Hà Thu dịch. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Kim Đồng, 2026. - 80 tr. : tranh màu ; 14 cm. - (Thế giới của thỏ Peter; 16). - 65000đ. - 2000b s638160

3133. Potter, Beatrix. Chuyện về Timmy rón rén : Dành cho thiếu nhi / Beatrix Potter ; Kim Ngọc dịch. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Kim Đồng, 2026. - 59 tr. : tranh màu ; 14 cm. - (Thế giới của thỏ Peter; 12). - 50000đ. - 2000b s638156

3134. Potter, Beatrix. Thơ của cô chuột Táo Tí Tọ : Dành cho thiếu nhi / Beatrix Potter ; Kim Ngọc dịch. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Kim Đồng, 2026. - 35 tr. : tranh màu ; 14 cm. - (Thế giới của thỏ Peter; 22). - 45000đ. - 2000b s638166

3135. Potter, Beatrix. Thơ của cô thỏ Cọng Mùi Thơm : Dành cho thiếu nhi / Beatrix Potter ; Kim Ngọc dịch. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Kim Đồng, 2026. - 35 tr. : tranh màu ; 14 cm. - (Thế giới của thỏ Peter; 23). - 45000đ. - 2000b s638167

3136. Pounder, Sibéal. Wonka : Lấy cảm hứng từ cuốn sách Charlie và nhà máy sô cô la của Roald Dahl : Sách dành cho lứa tuổi thiếu niên / Sibéal Pounder ; Kịch bản: Simon Farnaby, Paul King ; Minh Quân dịch. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Kim Đồng, 2026. - 255 tr. ; 20 cm. - 85000đ. - 2000b s637655

3137. Pretty guardian Sailor Moon : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 14+ / Naoko Takeuchi ; Barbie Ayumi dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 40000đ. - 2000b
T.1. - 2026. - 218 tr. : tranh vẽ s638008

3138. Pretty guardian Sailor Moon : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 14+ / Naoko Takeuchi ; Barbie Ayumi dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 40000đ. - 2000b
T.2. - 2026. - 230 tr. : tranh vẽ s638009

3139. Pretty guardian Sailor Moon : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 14+ / Naoko Takeuchi ; Barbie Ayumi dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 40000đ. - 2000b
T.3. - 2026. - 231 tr. : tranh vẽ s638010

3140. Pretty guardian Sailor Moon : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 14+ / Naoko Takeuchi ; Barbie Ayumi dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 40000đ. - 2000b
T.4. - 2026. - 239 tr. : tranh vẽ s638011

3141. Pretty guardian Sailor Moon : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 14+ / Naoko Takeuchi ; Barbie Ayumi dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 40000đ. - 2000b
T.5. - 2026. - 242 tr. : tranh vẽ s638012

3142. Pretty guardian Sailor Moon : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 14+ / Naoko Takeuchi ; Barbie Ayumi dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 40000đ. - 2000b
T.6. - 2026. - 234 tr. : tranh vẽ s638013

3143. Pretty guardian Sailor Moon : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 14+ / Naoko Takeuchi ; Barbie Ayumi dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 40000đ. - 2000b
T.7. - 2026. - 248 tr. : tranh vẽ s638014

3144. Pretty guardian Sailor Moon : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 14+ / Naoko Takeuchi ; Barbie Ayumi dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 40000đ. - 2000b
T.8. - 2026. - 231 tr. : tranh vẽ s638015
3145. Pretty guardian Sailor Moon : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 14+ / Naoko Takeuchi ; Barbie Ayumi dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 40000đ. - 2000b
T.9. - 2026. - 259 tr. : tranh vẽ s638016
3146. Pretty guardian Sailor Moon : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 14+ / Naoko Takeuchi ; Barbie Ayumi dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 40000đ. - 2000b
T.10. - 2026. - 237 tr. : tranh vẽ s638017
3147. Pretty guardian Sailor Moon : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 14+ / Naoko Takeuchi ; Barbie Ayumi dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 40000đ. - 2000b
T.11. - 2026. - 235 tr. : tranh vẽ s638018
3148. Pretty guardian Sailor Moon : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 14+ / Naoko Takeuchi ; Barbie Ayumi dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 40000đ. - 2000b
T.12. - 2026. - 260 tr. : tranh vẽ s638019
3149. Puzo, Mario. Bó già = The godfather / Mario Puzo ; Ngọc Thứ Lang dịch. - Tái bản. - H. : Văn học, 2026. - 534 tr. ; 24 cm. - 250000đ. - 2000b s640468
3150. Quà tặng bà : Khả năng thuyết phục : Truyện tranh : Dành cho trẻ 4 - 8 tuổi / Lời: Hye Da Lee ; Tranh: I Hyeon Kim ; Lê Ngọc dịch. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 27 tr. : tranh màu ; 25 cm. - (Nhà lãnh đạo nhí). - 29000đ. - 3000b
Tên sách tiếng Hàn: 이다의 선물; Tên sách tiếng Anh: Ida's present s639936
3151. Quả táo sáng bóng của Peppa : Truyện tranh : Tuổi 2+ / Đức Toàn dịch. - H. : Mỹ thuật, 2026. - 10 tr. : tranh màu ; 20 cm. - (Peppa Pig). - 80000đ. - 2000b s638301
3152. Quái vật phiêu du = Monster out : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 6+ / Lời: Trang Hoàng ; Tranh: Phạm Quang Phúc. - H. : Kim Đồng, 2026. - 68 tr. : tranh vẽ ; 25 cm. - 115000đ. - 2000b s638215
3153. Quê Hương. Những truyện hay viết cho thiếu nhi / Quê Hương. - H. : Kim Đồng, 2026. - 285 tr. ; 21 cm. - 85000đ. - 1500b
Tên thật tác giả: Hoàng Thị Thương s637740
3154. Quý Diệp Nghiên. Hoa chuông gió / Quý Diệp Nghiên. - H. : Văn học, 2026. - 238 tr. ; 21 cm. - 168000đ. - 500b
Tên thật tác giả: Đinh Thị Thúy Nga s640882
3155. Rasmus Hoài Nam. Những thăng trầm trong cuộc đời và sự nghiệp của Andersen / Rasmus Hoài Nam. - H. : Văn học, 2026. - 173 tr. ; 21 cm. - (Kể chuyện cuộc đời các thiên tài). - 60000đ. - 1000b s640358
3156. Rasmus Hoài Nam. Victor Hugo - Cây đại thụ của nền văn học lãng mạn Pháp / Rasmus Hoài Nam. - H. : Văn học, 2026. - 115 tr. : ảnh ; 21 cm. - (Kể chuyện cuộc đời các thiên tài). - 40000đ. - 1000b s640359
3157. Rắc rối đáng yêu = Lovely complex : Truyện tranh : 12+ / Aya Nakahara ; Fiona dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 18 cm. - 50000đ. - 3800b
T.16. - 2026. - 182 tr. : tranh vẽ s640668
3158. Rắc rối đáng yêu = Lovely complex : Truyện tranh : 12+ / Aya Nakahara ; Fiona dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 18 cm. - 50000đ. - 3800b
T.17. - 2026. - 202 tr. : tranh vẽ s640669

3159. Rắc rối đáng yêu : Plus edition : Truyện tranh : 12+ / Aya Nakahara ; Fiona dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 18 cm. - 115000đ. - 3800b
T.17. - 2026. - 202 tr. : tranh vẽ s640670
3160. Reid, Taylor Jenkins. Bảy người chồng của Evelyn Hugo / Taylor Jenkins Reid ; Trần Kiên dịch. - Tái bản. - H. : Văn học, 2026. - 401 tr. ; 24 cm. - 288000đ. - 1000b
Dịch từ nguyên tác tiếng Anh: The seven husbands of Evelyn Hugo s640419
3161. Remarque, Erich Maria. Phía Tây không có gì lạ : Tiểu thuyết / Erich Maria Remarque ; Vũ Hương Giang dịch. - Tái bản. - H. : Văn học, 2026. - 267 tr. ; 21 cm. - 100000đ. - 3000b
Dịch từ nguyên bản tiếng Đức: Im Westen nichts Neues s640215
3162. Roberts, Lauren. Can đảm = Fearless / Lauren Roberts ; Phi Yến dịch. - H. : Văn học, 2026. - 535 tr. ; 24 cm. - (Powerless - Bất lực; Ph.3). - 249000đ. - 2000b s640216
3163. Rowling, J. K. Harry Potter và bảo bối tử thần = Harry Potter and the deathly hallows / J. K. Rowling ; Dịch: Lý Lan, Hương Lan. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2026. - 846 tr. ; 20 cm. - (Harry Potter; T.7). - 595000đ. - 2000b s640878
3164. Rowling, J. K. Harry Potter và chiếc cốc lửa = Harry Potter and the goblet of fire / J. K. Rowling ; Lý Lan dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2026. - 921 tr. ; 20 cm. - (Harry Potter; T.4). - 775000đ. - 2000b s640875
3165. Rowling, J. K. Harry Potter và Hoàng tử lai = Harry Potter and the half - blood prince / J. K. Rowling ; Dịch: Lý Lan, Hương Lan. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2026. - 715 tr. ; 20 cm. - (Harry Potter; T.6). - 575000đ. - 2000b s640877
3166. Rowling, J. K. Harry Potter và hòn đá phù thủy = Harry Potter and the sorcerer's stone / J. K. Rowling ; Lý Lan dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2026. - 365 tr. ; 20 cm. - (Harry Potter; T.1). - 405000đ. - 2000b s640872
3167. Rowling, J. K. Harry Potter và hội Phượng Hoàng = Harry Potter and the Order of the Phoenix / J. K. Rowling ; Lý Lan dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2026. - 1309 tr. ; 20 cm. - (Harry Potter; T.5). - 850000đ. - 2000b s640876
3168. Rowling, J. K. Harry Potter và phòng chứa bí mật = Harry Potter and the chamber of secrets / J. K. Rowling ; Lý Lan dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2026. - 429 tr. ; 20 cm. - (Harry Potter; T.2). - 425000đ. - 2000b s640873
3169. Rowling, J. K. Harry Potter và tên tù nhân ngục Azkaban = Harry Potter and the prisoner of Azkaban / J. K. Rowling ; Lý Lan dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2026. - 559 tr. ; 20 cm. - (Harry Potter; T.3). - 515000đ. - 2000b s640874
3170. Saint-Exupéry, Antoine de. Hoàng tử bé = Le petit prince / Antoine de Saint-Exupéry ; Trần Kim Thanh dịch. - In lần 2. - H. : Văn học, 2026. - 156 tr. : tranh màu ; 19 cm. - (Sách kinh điển). - 119000đ. - 1500b s640379
3171. Sakaguchi Ango. Vụ án sát nhân không liên hoàn / Sakaguchi Ango ; Bảo Trâm dịch ; Bluesky h.đ. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 287 tr. : bìa, sơ đồ ; 21 cm. - 168000đ. - 1000b
Tên sách tiếng Nhật: 不連続殺人事件 s638353
3172. Satsuki Nakamura. Ác nữ nửa vò - Truyền kì hoán hồn đổi xác : Dành cho lứa tuổi 18+ / Satsuki Nakamura ; Minh họa: Kana Yuki ; Hoàng Ly dịch. - H. : Kim Đồng. - 19 cm. - 115000đ. - 2400b
T.4. - 2026. - 407 tr. : tranh vẽ s637922

3173. 66 đề ôn luyện 9 lên 10 môn Ngữ văn : Dùng chung cho cả ba bộ sách giáo khoa mới. Theo cấu trúc đề minh họa của Bộ Giáo dục và Đào tạo / Đoàn Thị Kim Nhung, Trần Thị Lệ Dung, Nguyễn Thị Hoài Dung, Nguyễn Văn Trung. - Tái bản lần 1. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2026. - 328 tr. ; 27 cm. - 140000đ. - 2000b s637575

3174. Shelley, Mary. Frankenstein - Hay Prometheus thời hiện đại : Dành cho tuổi trưởng thành / Mary Shelley ; Nguyễn Thành Long dịch. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Kim Đồng, 2026. - 359 tr. ; 23 cm. - 140000đ. - 2000b

Dịch từ nguyên bản tiếng Anh: Frankenstein; or, The Modern Prometheus s637737

3175. Shin - Cậu bé bút chì : Đặc biệt : Tranh truyện dành cho lứa tuổi 12+ / Yoshito Usui, Uy Studio ; Đỗ Châm dịch. - H. : Kim Đồng. - 21 cm. - 25000đ. - 5000b

T.1. - 2026. - 107 tr. : tranh vẽ s637663

3176. Shin - Cậu bé bút chì : Tranh truyện dành cho lứa tuổi 12+ / Yoshito Usui ; Kim Anh dịch. - H. : Kim Đồng. - 21 cm. - 25000đ. - 5000b

T.1. - 2026. - 123 tr. : tranh vẽ s637664

3177. Shin - Cậu bé bút chì : Tranh truyện dành cho lứa tuổi 12+ / Yoshito Usui ; Kim Anh dịch. - H. : Kim Đồng. - 21 cm. - 25000đ. - 5000b

T.2. - 2026. - 123 tr. : tranh vẽ s637665

3178. Shin - Cậu bé bút chì : Tranh truyện dành cho lứa tuổi 12+ / Yoshito Usui ; Kim Anh dịch. - H. : Kim Đồng. - 21 cm. - 25000đ. - 5000b

T.3. - 2026. - 123 tr. : tranh vẽ s637666

3179. Shin - Cậu bé bút chì : Truyện dài : Dành cho lứa tuổi 12+ / Nguyên tác: Yoshito Usui ; Tranh: Mirei Takata ; Barbie Ayumi dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 25000đ. - 5000b

T.5: Điệp vụ hoàng kim. - 2026. - 161 tr. : tranh vẽ s637932

3180. Shin - Cậu bé bút chì : Truyện dài : Dành cho lứa tuổi 12+ / Nguyên tác: Yoshito Usui ; Tranh: Mirei Takata ; Barbie Ayumi dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 25000đ. - 5000b

T.6: Vị hôn thê đến từ tương lai. - 2026. - 161 tr. : tranh vẽ s638109

3181. Shin - Cậu bé bút chì : Tranh truyện dành cho lứa tuổi 12+ / Yoshito Usui ; Kim Anh dịch. - H. : Kim Đồng. - 21 cm. - 25000đ. - 5000b

T.7. - 2026. - 123 tr. : tranh vẽ s637667

3182. Shin - Cậu bé bút chì : Tranh truyện dành cho lứa tuổi 12+ / Yoshito Usui ; Kim Anh dịch. - H. : Kim Đồng. - 21 cm. - 25000đ. - 5000b

T.8. - 2026. - 123 tr. : tranh vẽ s637668

3183. Shin - Cậu bé bút chì : Tranh truyện dành cho lứa tuổi 12+ / Yoshito Usui ; Kim Anh dịch. - H. : Kim Đồng. - 21 cm. - 25000đ. - 5000b

T.9. - 2026. - 123 tr. : tranh vẽ s637669

3184. Shin - Cậu bé bút chì : Tranh truyện dành cho lứa tuổi 12+ / Yoshito Usui ; Nguyễn Thanh Vân dịch. - H. : Kim Đồng. - 21 cm. - 25000đ. - 5000b

T.10. - 2026. - 123 tr. : tranh vẽ s637670

3185. Shin - Cậu bé bút chì : Tranh truyện dành cho lứa tuổi 12+ / Yoshito Usui ; Hà Thủy dịch. - H. : Kim Đồng. - 21 cm. - 25000đ. - 5000b

T.16. - 2026. - 123 tr. : tranh vẽ s637671

3186. Shin - Cậu bé bút chì : Tranh truyện dành cho lứa tuổi 12+ / Yoshito Usui ; Hà Thủy dịch. - H. : Kim Đồng. - 21 cm. - 25000đ. - 5000b

T.19. - 2026. - 123 tr. : tranh vẽ s637672

3187. Shin - Cậu bé bút chì : Tranh truyện dành cho lứa tuổi 12+ / Yoshito Usui ; Hà Thủy dịch. - H. : Kim Đồng. - 21 cm. - 25000đ. - 5000b
T.20. - 2026. - 123 tr. : tranh vẽ s637673
3188. Shin - Cậu bé bút chì : Tranh truyện dành cho lứa tuổi 12+ / Yoshito Usui ; Vũ Minh Hiền dịch. - H. : Kim Đồng. - 21 cm. - 25000đ. - 5000b
T.22. - 2026. - 123 tr. : tranh vẽ s637674
3189. Shin - Cậu bé bút chì : Truyện dài : Dành cho lứa tuổi 12+ / Nguyên tác: Yoshito Usui ; Tranh: Mirei Takata ; Barbie Ayumi dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 25000đ. - 5000b
T.22: Giải mã bí ẩn Học viện Tenkasu. - 2026. - 156 tr. : tranh vẽ s638110
3190. Shin - Cậu bé bút chì : Tranh truyện dành cho lứa tuổi 12+ / Yoshito Usui ; Vũ Minh Hiền dịch. - H. : Kim Đồng. - 21 cm. - 25000đ. - 5000b
T.24. - 2026. - 123 tr. : tranh vẽ s637675
3191. Shin - Cậu bé bút chì : Tranh truyện dành cho lứa tuổi 12+ / Yoshito Usui ; Nguyễn Thùy Hương dịch. - H. : Kim Đồng. - 21 cm. - 25000đ. - 5000b
T.28. - 2026. - 123 tr. : tranh vẽ s637676
3192. Shin - Cậu bé bút chì : Tranh truyện dành cho lứa tuổi 12+ / Yoshito Usui ; Nguyễn Thùy Hương dịch. - H. : Kim Đồng. - 21 cm. - 25000đ. - 5000b
T.29. - 2026. - 123 tr. : tranh vẽ s637677
3193. Shin - Cậu bé bút chì : Tranh truyện dành cho lứa tuổi 12+ / Yoshito Usui ; Đỗ Thị Châm dịch. - H. : Kim Đồng. - 21 cm. - 25000đ. - 5000b
T.31. - 2026. - 123 tr. : tranh vẽ s637678
3194. Shin - Cậu bé bút chì : Tranh truyện dành cho lứa tuổi 12+ / Yoshito Usui ; Đỗ Thị Châm dịch. - H. : Kim Đồng. - 21 cm. - 25000đ. - 5000b
T.33. - 2026. - 123 tr. : tranh vẽ s637679
3195. Shin - Cậu bé bút chì : Tranh truyện dành cho lứa tuổi 12+ / Yoshito Usui ; Hà Thủy dịch. - H. : Kim Đồng. - 21 cm. - 25000đ. - 5000b
T.36. - 2026. - 123 tr. : tranh vẽ s637680
3196. Shin - Cậu bé bút chì : Tranh truyện dành cho lứa tuổi 12+ / Yoshito Usui ; Hà Thủy dịch. - H. : Kim Đồng. - 21 cm. - 25000đ. - 5000b
T.37. - 2026. - 123 tr. : tranh vẽ s637681
3197. Shin - Cậu bé bút chì : Tranh truyện dành cho lứa tuổi 12+ / Yoshito Usui ; Hà Thủy dịch. - H. : Kim Đồng. - 21 cm. - 25000đ. - 5000b
T.38. - 2026. - 123 tr. : tranh vẽ s637682
3198. Shin - Cậu bé bút chì : Tranh truyện dành cho lứa tuổi 12+ / Yoshito Usui ; Hà Thủy dịch. - H. : Kim Đồng. - 21 cm. - 25000đ. - 5000b
T.44. - 2026. - 123 tr. : tranh vẽ s637683
3199. Shin - Cậu bé bút chì : Tranh truyện dành cho lứa tuổi 12+ / Yoshito Usui ; Hà Thủy dịch. - H. : Kim Đồng. - 21 cm. - 25000đ. - 5000b
T.45. - 2026. - 123 tr. : tranh vẽ s637684
3200. Shin - Cậu bé bút chì : Tranh truyện dành cho lứa tuổi 12+ / Yoshito Usui ; Hà Thủy dịch. - H. : Kim Đồng. - 21 cm. - 25000đ. - 5000b
T.47. - 2026. - 123 tr. : tranh vẽ s637685
3201. Shin - Cậu bé bút chì : Tranh truyện dành cho lứa tuổi 12+ / Yoshito Usui ; Hà Thủy dịch. - H. : Kim Đồng. - 21 cm. - 25000đ. - 5000b

- T.48. - 2026. - 123 tr. : tranh vẽ s637686
3202. Shin - Cậu bé bút chì : Tranh truyện dành cho lứa tuổi 12+ / Yoshito Usui ; Hà Thủy dịch. - H. : Kim Đồng. - 21 cm. - 25000đ. - 5000b
- T.49. - 2026. - 123 tr. : tranh vẽ s637687
3203. Shin - Cậu bé bút chì : Tranh truyện dành cho lứa tuổi 12+ / Yoshito Usui ; Hà Thủy dịch. - H. : Kim Đồng. - 21 cm. - 25000đ. - 5000b
- T.50. - 2026. - 123 tr. : tranh vẽ s637688
3204. Siêu thị cho trái tim : Truyện tranh : Dành cho thiếu nhi / Lời: Ja Hyun ; Tranh: Cha Young Kyung ; Sun Tzô dịch. - H. : Kim Đồng, 2026. - 105 tr. : tranh màu ; 23 cm. - (Nhật kí rèn tính cách). - 90000đ. - 2000b s637802
3205. SingNsong. Góc nhìn của độc giả toàn tri = Omniscient reader's viewpoint : Tiểu thuyết giả tưởng : 18+ / SingNsong ; NCCĐBĐK dịch. - H. : Nxb. Hà Nội. - 24 cm. - 224500đ. - 4000b
- T.1. - 2026. - 551 tr. s638376
3206. SingNsong. Góc nhìn của độc giả toàn tri = Omniscient reader's viewpoint : Tiểu thuyết giả tưởng : 18+ / SingNsong ; NCCĐBĐK dịch. - H. : Nxb. Hà Nội. - 24 cm. - 224500đ. - 4000b
- T.2. - 2026. - 551 tr. s638377
3207. Sinh nhật của lợn con - Lung linh lung linh = The little pig's birthday - Shimmer shimmer : Truyện tranh : Song ngữ Việt - Anh : Dành cho bé từ 0 - 6 tuổi / Suzuki Mika. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 24 tr. : tranh màu ; 20 cm. - (Bộ sách Nuôi dưỡng tâm hồn bé). - 39000đ. - 7000b s638387
3208. Sobotei - Dinh thự ma ám : Truyện tranh : 18+ / Kazuhiro Fujita ; Liên Vũ dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 18 cm. - 45000đ. - 3000b
- T.24. - 2026. - 183 tr. : tranh vẽ s640671
3209. Sóc con đi học : Truyện tranh / Đỗ Thái Thanh. - In lần 3. - H. : Văn học, 2026. - 25 tr. : tranh màu ; 26 cm. - 100b s640432
3210. Sói xanh của Mibu : Truyện tranh : 18+ / Tsuyoshi Yasuda ; Camilius dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 18 cm. - 50000đ. - 4000b
- T.1. - 2026. - 205 tr. : tranh vẽ. - Phụ lục: tr. 204 s640665
3211. Sói xanh của Mibu : Truyện tranh : 18+ / Tsuyoshi Yasuda ; Camilius dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 18 cm. - 50000đ. - 4000b
- T.2. - 2026. - 191 tr. : tranh vẽ s640666
3212. Sói xanh của Mibu : Truyện tranh : 18+ / Tsuyoshi Yasuda ; Camilius dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 18 cm. - 50000đ. - 4000b
- T.3. - 2026. - 191 tr. : tranh vẽ s640667
3213. Soji Shimada. Hokkaido mê trận án / Soji Shimada ; Phan Hương dịch. - H. : Văn học, 2026. - 375 tr. : hình vẽ ; 21 cm. - 125000đ. - 1000b s640147
3214. Song mệnh côi hoàng tuyền : Special cover : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 17+ / Hiromu Arakawa ; Ili Tenjou dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 80000đ. - 8000b
- T.1. - 2026. - 192 tr. : tranh vẽ s637955
3215. Song mệnh côi hoàng tuyền : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 17+ / Hiromu Arakawa ; Ili Tenjou dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 35000đ. - 8000b
- T.1. - 2026. - 192 tr. : tranh vẽ s637956

3216. Song mệnh côi hoàng tuyền : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 17+ / Hiromu Arakawa ; Ili Tenjou dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 35000đ. - 8000b
T.2. - 2026. - 170 tr. : tranh vẽ s637957
3217. Song mệnh côi hoàng tuyền : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 17+ / Hiromu Arakawa ; Ili Tenjou dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 35000đ. - 6000b
T.3. - 2026. - 168 tr. : tranh vẽ s637958
3218. Song mệnh côi hoàng tuyền : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 17+ / Hiromu Arakawa ; Ili Tenjou dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 35000đ. - 6000b
T.4. - 2026. - 171 tr. : tranh vẽ s637959
3219. Song mệnh côi hoàng tuyền : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 17+ / Hiromu Arakawa ; Ili Tenjou dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 35000đ. - 5000b
T.5. - 2026. - 170 tr. : tranh vẽ s637960
3220. Song Phạm. Bầy tôm nhỏ leo cây : Dành cho lứa tuổi 6+ / Thơ: Song Phạm ; Tranh: Hân Phạm. - H. : Kim Đồng, 2026. - 43 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - 55000đ. - 2000b s637819
3221. Sổ tay Trọng tâm kiến thức Ngữ văn 6 / Nguyễn Văn Tùng (ch.b.), Nguyễn Văn Ba, Nguyễn Thị Thu Hiền... - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 76 tr. : hình vẽ ; 21 cm. - 85000đ. - 5000b s639795
3222. Sổ tay Trọng tâm kiến thức Ngữ văn 7 / Nguyễn Văn Tùng (ch.b.), Nguyễn Văn Ba, Nguyễn Thị Thu Hiền... - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 64 tr. : hình vẽ, bảng ; 21 cm. - 73000đ. - 5000b s639796
3223. Sổ tay Trọng tâm kiến thức Ngữ văn 8 / Nguyễn Văn Tùng (ch.b.), Nguyễn Văn Ba, Nguyễn Thị Thu Hiền... - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 60 tr. : hình vẽ, bảng ; 21 cm. - 69000đ. - 5000b s639797
3224. Sổ tay Trọng tâm kiến thức Ngữ văn 9 / Nguyễn Văn Tùng (ch.b.), Nguyễn Văn Ba, Nguyễn Thị Thu Hiền... - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 64 tr. ; 21 cm. - 73000đ. - 5000b s639798
3225. Sổ tay Trọng tâm kiến thức Ngữ văn 10 / Nguyễn Văn Tùng (ch.b.), Nguyễn Văn Ba, Nguyễn Thị Thu Hiền... - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 72 tr. ; 21 cm. - 41000đ. - 3000b s639761
3226. Sổ tay Trọng tâm kiến thức Ngữ văn 11 / Nguyễn Văn Tùng (ch.b.), Nguyễn Văn Ba, Nguyễn Thị Thu Hiền... - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 68 tr. ; 21 cm. - 39000đ. - 3000b s639762
3227. Sổ tay Trọng tâm kiến thức Ngữ văn 12 / Nguyễn Văn Tùng (ch.b.), Nguyễn Văn Ba, Nguyễn Thị Thu Hiền... - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 60 tr. ; 21 cm. - 35000đ. - 3000b s639763
3228. Sơn Tùng. Búp sen xanh / Sơn Tùng ; Minh họa: Văn Cao. - Tái bản lần thứ 35. - H. : Kim Đồng, 2026. - 384 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - 72000đ. - 10000b s637651
3229. Sơn Tùng. Thầy giáo Nguyễn Tất Thành ở trường Dục Thanh : Truyện dài / Sơn Tùng. - Tái bản lần thứ 8. - H. : Kim Đồng, 2026. - 119 tr. : tranh vẽ ; 19 cm. - 30000đ. - 3000b s638180
3230. Spy x family : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 16+ / Tatsuya Endo ; Altair dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 5000b
T.13. - 2026. - 190 tr. : tranh vẽ s637963

3231. Stabler, David. Thời thơ ấu của các đại văn hào : Chuyện thật chưa kể : Dành cho lứa tuổi 7+ / David Stabler ; Minh họa: Doogie Horner ; Nguyên Hương dịch. - Tái bản lần thứ 4. - H. : Kim Đồng, 2026. - 199 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - 50000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Anh: Kid authors : True tales of childhood from famous writers s637708

3232. Stevenson, Robert Louis. Đảo giấu vàng : Dành cho lứa tuổi 6+ / R. L. Stevenson ; Hoàng Lan Châu lược dịch, phóng tác. - Tái bản lần thứ 14. - H. : Kim Đồng, 2026. - 179 tr. ; 19 cm. - (Văn học Scotland. Tác phẩm chọn lọc). - 45000đ. - 2000b s638192

3233. Stowe, Harriet Beecher. Túp lều bác Tom / Harriet Beecher Stowe ; Đỗ Đức Hiểu dịch. - Tái bản lần thứ 12. - H. : Kim Đồng, 2026. - 493 tr. ; 19 cm. - (Văn học Mỹ. Tác phẩm chọn lọc). - 99000đ. - 2000b s638196

3234. Stowe, Harriet Beecher. Túp lều bác Tom / Harriet Beecher Stowe ; Đỗ Đức Hiểu dịch. - Tái bản lần thứ 6. - H. : Văn học, 2026. - 453 tr. ; 21 cm. - 110000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Pháp: La case de l'oncle Tom s640392

3235. Sunsunsun. Arya bàn bên thính thoảng lại trêu ghẹo tôi bằng tiếng Nga : Dành cho lứa tuổi 18+ / Sunsunsun ; Minh họa: Momoco ; Trân Trân dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 95000đ. - 2000b

T.1. - 2026. - 293 tr. : tranh vẽ s637920

3236. Sunsunsun. Arya bàn bên thính thoảng lại trêu ghẹo tôi bằng tiếng Nga : Dành cho lứa tuổi 18+ / Sunsunsun ; Minh họa: Momoco ; Trân Trân dịch. - Tái bản lần thứ 4. - H. : Kim Đồng. - 19 cm. - 95000đ. - 2000b

T.2. - 2026. - 325 tr. : tranh vẽ s637921

3237. Sư tử chỉ thích nói "Không" : Truyện tranh : Dành cho trẻ 3 - 7 tuổi / Christine Beigel, Hervé Le Goff ; Kim Anh dịch. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 19 tr. : tranh màu ; 20 cm. - (Truyện hay bà kể hằng đêm; T.1). - 23000đ. - 3000b

Tên sách tiếng Pháp: Mamie poule raconte - Le lion qui disait toujours non! s639915

3238. Tắm rửa sạch sẽ nào! : Truyện tranh : Dành cho trẻ 3 - 7 tuổi / Lời: Manisa Palakawong ; Tranh: Plan For Kids ; Chung Quý dịch. - Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 23 tr. : tranh màu ; 20 cm. - (Khủng long nhỏ bỏ thói quen xấu). - 24500đ. - 3000b s639923

3239. Tắm chân của bố : Truyện tranh / Lời: Sara Şahinkanat ; Tranh: Ayşe İnan ; Hoài An dịch. - H. : Kim Đồng, 2026. - 36 tr. : tranh màu ; 27 cm. - 50000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Thổ Nhĩ Kỳ: Babamin battaniyesi s637543

3240. Tân Nobita và chuyến phiêu lưu vào xứ quỷ - 7 dũng sĩ phép thuật : Truyện tranh : Sách dành cho trẻ em / Nguyên tác: Fujiko F. Fujio ; Tranh: Yasunori Okada ; Thanh Ngân dịch. - H. : Kim Đồng, 2026. - 192 tr. : tranh vẽ ; 18 cm. - (Doraemon movie story). - 30000đ. - 5000b s637892

3241. Tập san Hương sắc thời gian : 40 năm PTTH Đại Lộc 3 - THPT Chu Văn An (1986 - 2026) / Nguyễn Bá Ngân, Nguyễn Sư Giao, Từ Lâm Chính.... - Huế : Đại học Huế, 2026. - 167 tr. : ảnh ; 25 cm. - 2000b

ĐTTS ghi: Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Đà Nẵng. Trường Trung học phổ thông Chu Văn An s637512

3242. Tèo. Từ đường làng ra đại lộ - Ánh đèn đại lộ / Tèo. - H. : Văn học, 2026. - 303 tr. ; 21 cm. - 199000đ. - 500b s640176

3243. Thạch Lam. Hà Nội 36 phố phường / Thạch Lam. - Tái bản lần thứ 7. - H. : Văn học, 2026. - 166 tr. ; 18 cm. - 50000đ. - 2000b s640649

3244. Thạch Lam. Hai đứa trẻ : Tập truyện ngắn / Thạch Lam. - Tái bản lần thứ 1. - Huế : Nxb. Thuận Hóa, 2026. - 178 tr. ; 18 cm. - 79000đ. - 800b
Tên thật tác giả: Nguyễn Tường Lân s638239
3245. Thám tử lừng danh Conan : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi thiếu niên / Gosho Aoyama. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 35000đ. - 6000b
T.65. - 2026. - 178 tr. : tranh vẽ s637940
3246. Thám tử lừng danh Conan : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi thiếu niên / Gosho Aoyama. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 35000đ. - 6000b
T.66. - 2026. - 177 tr. : tranh vẽ s637941
3247. Thám tử lừng danh Conan : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi thiếu niên / Gosho Aoyama. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 35000đ. - 6000b
T.67. - 2026. - 178 tr. : tranh vẽ s637942
3248. Thám tử lừng danh Conan : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi thiếu niên / Gosho Aoyama. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 35000đ. - 6000b
T.68. - 2026. - 178 tr. : tranh vẽ s637943
3249. Thám tử lừng danh Conan : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi thiếu niên / Gosho Aoyama ; Hương Giang dịch. - Tái bản lần thứ 11. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 25000đ. - 10000b
T.85. - 2026. - 178 tr. : tranh vẽ s637944
3250. Thám tử lừng danh Conan : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi thiếu niên / Gosho Aoyama ; Hương Giang dịch. - Tái bản lần thứ 9. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 25000đ. - 10000b
T.92. - 2026. - 177 tr. : tranh vẽ s637945
3251. Thám tử lừng danh Conan : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi thiếu niên / Gosho Aoyama ; Hương Giang dịch. - Tái bản lần thứ 8. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 25000đ. - 10000b
T.94. - 2026. - 180 tr. : tranh vẽ s637946
3252. Thám tử lừng danh Conan : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi thiếu niên / Gosho Aoyama ; Hương Giang dịch. - Tái bản lần thứ 5. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 25000đ. - 10000b
T.99. - 2026. - 177 tr. : tranh vẽ s637947
3253. Thám tử lừng danh Conan : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi thiếu niên / Gosho Aoyama ; Hương Giang dịch. - Tái bản lần thứ 4. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 25000đ. - 10000b
T.100. - 2026. - 182 tr. : tranh vẽ s637948
3254. Thám tử lừng danh Conan : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi thiếu niên / Gosho Aoyama ; Hương Giang dịch. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 25000đ. - 10000b
T.103. - 2026. - 178 tr. : tranh vẽ s637949
3255. Thám tử lừng danh Conan - 15 phút trầm mặc : Hoạt hình màu : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi thiếu niên / Nguyên tác: Gosho Aoyama ; Tạ Phương Hà dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 60000đ. - 3000b
T.1. - 2026. - 207 tr. : tranh màu s637934
3256. Thám tử lừng danh Conan - 15 phút trầm mặc : Hoạt hình màu : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi thiếu niên / Nguyên tác: Gosho Aoyama ; Tạ Phương Hà dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 60000đ. - 3000b
T.2. - 2026. - 205 tr. : tranh màu s637935
3257. Thám tử lừng danh Conan - Bài thơ tình thầm đỏ : Hoạt hình màu : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi thiếu niên / Nguyên tác: Gosho Aoyama ; Kịch bản: Takahiro Akura ; Hương Giang dịch. - Tái bản lần thứ 4. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 60000đ. - 3000b
T.1. - 2026. - 204 tr. : tranh màu s637936

3258. Thám tử lừng danh Conan - Bài thơ tình thăm dò : Hoạt hình màu : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi thiếu niên / Nguyên tác: Gosho Aoyama ; Kịch bản: Takahiro Akura ; Hương Giang dịch. - Tái bản lần thứ 4. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 60000đ. - 3000b
T.2. - 2026. - 204 tr. : tranh màu s637937

3259. Thám tử lừng danh Conan - Giờ trà của Zero : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi thiếu niên / Takahiro Arai, Gosho Aoyama ; Ukato Mai dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 35000đ. - 5000b
T.6. - 2026. - 146 tr. : tranh vẽ s638141

3260. Thám tử lừng danh Conan - Hoa hướng dương trong biển lửa : Hoạt hình màu : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi thiếu niên / Nguyên tác: Gosho Aoyama ; Tạ Phương Hà dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 60000đ. - 2000b
T.1. - 2026. - 204 tr. : tranh màu s637938

3261. Thám tử lừng danh Conan - Hoa hướng dương trong biển lửa : Hoạt hình màu : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi thiếu niên / Nguyên tác: Gosho Aoyama ; Tạ Phương Hà dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 60000đ. - 2000b
T.2. - 2026. - 205 tr. : tranh màu s637939

3262. Thám tử thừa kế = The hyena has seven lives : Truyện tranh : 18+ / Nguyên tác: Yumie Nishiogi ; Minh họa: You Ikuta ; Aki dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 19 cm. - 55000đ. - 3000b
T.3. - 2026. - 171 tr. : tranh vẽ s640677

3263. Thám tử thừa kế = The hyena has seven lives : Truyện tranh : 18+ / Nguyên tác: Yumie Nishiogi ; Minh họa: You Ikuta ; Aki dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 19 cm. - 55000đ. - 3000b
T.4. - 2026. - 174 tr. : tranh vẽ s640678

3264. Thám tử thừa kế = The hyena has seven lives : Truyện tranh : 18+ / Nguyên tác: Yumie Nishiogi ; Minh họa: You Ikuta ; Aki dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 19 cm. - 55000đ. - 3000b
T.5. - 2026. - 173 tr. : tranh vẽ s640679

3265. Thang máy lên trời : Truyện tranh : Dành cho thiếu nhi / Naoko Awa ; Tranh: Michiko Egashira ; Olivia Trịnh dịch. - H. : Kim Đồng, 2026. - 47 tr. : tranh vẽ ; 23 cm. - (Truyện nhỏ đông đầy yêu thương). - 50000đ. - 2000b s637843

3266. Thanh Bình Nguyễn. Étrange et... Sự thức tỉnh của một tâm hồn xa xứ / Thanh Bình Nguyễn. - H. : Văn học, 2026. - 189 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - 159000đ. - 500b s640160

3267. Thanh Quế. Cát cháy : Tác phẩm chọn lọc dành cho thiếu nhi / Thanh Quế. - Tái bản lần thứ 5. - H. : Kim Đồng, 2026. - 203 tr. ; 19 cm. - (Tủ sách Vàng). - 55000đ. - 2000b
Tên thật tác giả: Phan Thanh Quế s638188

3268. Thân Phương Thu. Chíp chíp và bíp bíp : Tập truyện ngắn / Thân Phương Thu ; Minh họa: Đặng Hồng Quân. - H. : Văn học, 2026. - 125 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - 69000đ. - 1000b s640196

3269. Thân Phương Thu. Những giấc mơ của thỏ Bi Li / Thân Phương Thu ; Minh họa: Phùng Thu Linh. - H. : Văn học, 2026. - 142 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - 99000đ. - 1000b s640133

3270. Thần chú cho trái tim : Truyện tranh : Dành cho thiếu nhi / Lời: Ja Hyun ; Tranh: Cha Young Kyung ; Sun Tzô dịch. - H. : Kim Đồng, 2026. - 96 tr. : tranh màu ; 23 cm. - (Nhật kí rèn tính cách). - 90000đ. - 2000b s637800

3271. Thần thoại xứ tuyết : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 8+ / Miila Westin ; Hoàng Thảo dịch. - H. : Kim Đồng. - 25 cm. - 110000đ. - 2000b
 Tên sách tiếng Phần Lan: Loputon talvi
 T.1: Mùa đông bất tận. - 2026. - 107 tr. : tranh vẽ s637803
3272. Thần thoại xứ tuyết : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 8+ / Miila Westin ; Hoàng Thảo dịch. - H. : Kim Đồng. - 25 cm. - 110000đ. - 2000b
 Tên sách tiếng Phần Lan: Vaarallinen uni
 T.2: Giấc mơ nguy hiểm. - 2026. - 107 tr. : tranh vẽ s637804
3273. Thất Anh Tuấn. Còn ra thế thống gì? / Thất Anh Tuấn ; Mục Mục dịch. - H. : Văn học. - 21 cm. - 199000đ. - 2000b
 Tên sách tiếng Trung: 成何本统
 T.2. - 2026. - 378 tr. : hình vẽ s640126
3274. Ther của Per. Bố mẹ cũng cần được chữa lành / Ther của Per. - Tái bản. - H. : Văn học, 2026. - 215 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - (Tủ sách Người trẻ Việt). - 102000đ. - 1000b s640384
3275. Thị trấn mèo : Truyện tranh / Nekomaki ; R.E.I dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 68000đ. - 5000b
 T.1. - 2026. - 175 tr. : tranh màu s637873
3276. Thị trấn mèo : Truyện tranh / Nekomaki ; R.E.I dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 68000đ. - 5000b
 T.4. - 2026. - 174 tr. : tranh màu s637874
3277. Thị trấn mèo : Truyện tranh / Nekomaki ; R.E.I dịch. - Tái bản lần thứ 7. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 68000đ. - 5000b
 T.5. - 2026. - 174 tr. : tranh màu s637875
3278. Thiên quan tứ phúc : Truyện tranh : 18+ / Truyện: Mặc Hương Đồng Khứu ; Tranh: STARember ; Đào Bạch Liên dịch. - H. : Nxb. Hà Nội. - 21 cm. - 150000đ. - 1000b
 Tên sách tiếng Trung: 天官赐福; Tên sách tiếng Anh: Heaven official's blessings
 T.1. - 2026. - 238 tr. : tranh màu s638422
3279. Thiên quan tứ phúc : Truyện tranh : 18+ / Truyện: Mặc Hương Đồng Khứu ; Tranh: STARember ; Đào Bạch Liên dịch. - H. : Nxb. Hà Nội. - 21 cm. - 150000đ. - 1000b
 Tên sách tiếng Trung: 天官赐福; Tên sách tiếng Anh: Heaven official's blessings
 T.3. - 2026. - 247 tr. : tranh màu s638423
3280. Thiên quan tứ phúc : Truyện tranh : 18+ / Truyện: Mặc Hương Đồng Khứu ; Tranh: STARember ; Đào Bạch Liên dịch. - H. : Nxb. Hà Nội. - 21 cm. - 320000đ. - 2000b
 Tên sách tiếng Trung: 天官赐福; Tên sách tiếng Anh: Heaven official's blessings
 T.6. - 2026. - 222 tr. : tranh màu s638367
3281. Thỏ Bông đi ngủ muộn = Fluffy Bunny goes to bed late : Truyện tranh : Song ngữ Việt - Anh : Dành cho trẻ từ 0 - 6 tuổi / Suzuki Mika. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 24 tr. : tranh màu ; 20 cm. - (Ehon)(Bộ sách Nuôi dưỡng tâm hồn bé). - 39000đ. - 7000b s638389
3282. Thỏ Bông không sợ tiêm = Fluffy Bunny isn't scared of injections : Truyện tranh : Song ngữ Việt - Anh : Dành cho trẻ từ 0 - 6 tuổi / Suzuki Mika. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 24 tr. : tranh màu ; 20 cm. - (Ehon)(Bộ sách Nuôi dưỡng tâm hồn bé). - 39000đ. - 7000b s638384

3283. Thỏ Bông lười ăn rau = Fluffy Bunny lazy to eat vegetables : Truyện tranh : Song ngữ Việt - Anh : Dành cho trẻ từ 0 - 6 tuổi / Suzuki Mika. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 24 tr. : tranh màu ; 20 cm. - (Ehon)(Bộ sách Nuôi dưỡng tâm hồn bé). - 39000đ. - 7000b s638392

3284. Thỏ Bông lười đánh răng = Fluffy Bunny's lazy to brush her teeth : Truyện tranh : Song ngữ Việt - Anh : Dành cho trẻ từ 0 - 6 tuổi / Suzuki Mika. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 24 tr. : tranh màu ; 20 cm. - (Ehon)(Bộ sách Nuôi dưỡng tâm hồn bé). - 39000đ. - 7000b s638390

3285. Thỏ Bông thích đi học = Fluffy Bunny likes going to school : Truyện tranh : Song ngữ Việt - Anh : Dành cho trẻ từ 0 - 6 tuổi / Suzuki Mika. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 24 tr. : tranh màu ; 20 cm. - (Ehon)(Bộ sách Nuôi dưỡng tâm hồn bé). - 39000đ. - 7000b s638391

3286. Thỏ con đi thăm bà ngoại - Vòng vèo vòng vèo = The Bunny visits her grandmother - Tortuosity tortuosity : Truyện tranh : Song ngữ Việt - Anh : Dành cho trẻ từ 0 - 6 tuổi / Suzuki Mika. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 24 tr. : tranh màu ; 20 cm. - (Ehon)(Bộ sách Nuôi dưỡng tâm hồn bé). - 39000đ. - 7000b s638386

3287. Thoòng Dành Kể Chuyện. Địa cầu du ca / Thoòng Dành Kể Chuyện. - H. : Văn học, 2026. - 245 tr. : hình vẽ ; 21 cm. - 120000đ. - 1000b
Tên thật tác giả: Tống Duệ Uyên s640169

3288. Thơ hay cho bé tập nói / Tuệ An b.s. ; Minh họa: Minh Khang. - H. : Văn học, 2026. - 31 tr. : hình vẽ ; 23 cm. - (Giúp bé phát triển khả năng giao tiếp và tư duy ngôn ngữ). - 27000đ. - 3000b s640189

3289. Thơ tuyển chọn Tạp chí Non nước Cao Bằng (2020 - 2025) / Hoàng Thụy Anh, Lưu Tử Anh, Nguyễn Ngọc Minh Anh... - Nghệ An : Nxb. Nghệ An, 2026. - 303 tr. ; 24 cm. - 500b
ĐTTS ghi: Hội Văn học Nghệ thuật tỉnh Cao Bằng s640063

3290. Thời thơ ấu của các thiên tài : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 6+ / Tranh, lời: Sin Ueng Seop ; Nguyệt Minh dịch. - Tái bản lần thứ 19. - H. : Kim Đồng. - 21 cm. - 60000đ. - 2000b

T.3: Những thiên tài yêu thích thám hiểm. - 2026. - 160 tr. : tranh màu s637756

3291. Thời thơ ấu của các thiên tài : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 6+ / Tranh, lời: Sin Ueng Seop ; Nguyễn Kiều Oanh dịch. - Tái bản lần thứ 19. - H. : Kim Đồng. - 21 cm. - 60000đ. - 2000b

T.4: Những thiên tài thích quây phá. - 2026. - 161 tr. : tranh màu s637757

3292. Thời thơ ấu của các thiên tài : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 6+ / Tranh, lời: Sin Ueng Seop ; Nguyễn Kiều Oanh dịch. - Tái bản lần thứ 19. - H. : Kim Đồng. - 21 cm. - 60000đ. - 2000b

T.5: Những thiên tài thông minh từ nhỏ. - 2026. - 161 tr. : tranh màu s637758

3293. Thu Thủy. Những vết sẹo nở hoa : Tự truyện / Thu Thủy. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2026. - 295 tr. ; 19 cm. - 299000đ. - 300b s640590

3294. Thù Vi. Phở dài / Thù Vi ; Giang Hạ dịch. - Tái bản. - H. : Văn học, 2026. - 531 tr. ; 24 cm. - 225000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Trung: 长街 s640417

3295. Thùy Dương. Chân trần. Thức giấc : Tiểu thuyết / Thùy Dương. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 607 tr. ; 21 cm. - 1450b s640476

3296. Thủy cung đáy biển MagMell = Deep sea aquarium MagMell : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 14+ / Kiyomi Sugishita ; Anh Huỳnh dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 40000đ. - 3000b

- T.6. - 2026. - 189 tr. : tranh vẽ s638121
3297. Thủy cung đáy biển MagMell = Deep sea aquarium MagMell : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 14+ / Kiyomi Sugishita ; Anh Huỳnh dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 40000đ. - 3000b
- T.7. - 2026. - 189 tr. : tranh vẽ s638122
3298. Thư Dã. Nghe lời / Thư Dã ; Hyeyangs dịch. - H. : Văn học. - 21 cm. - 225000đ. - 2000b
- Tên sách tiếng Trung: 听话
- T.1. - 2026. - 396 tr. s640132
3299. Thực đơn cho trái tim : Truyện tranh : Dành cho thiếu nhi / Lời: Ja Hyun ; Tranh: Cha Young Kyung ; Sun Tzô dịch. - H. : Kim Đồng, 2026. - 133 tr. : tranh màu ; 23 cm. - (Nhật kí rèn tính cách). - 110000đ. - 2000b s637801
3300. Tiệc tối củ cải hầm : Truyện tranh : Dành cho thiếu nhi / Naoko Awa ; Tranh: Akiko Ayai ; Olivia Trịnh dịch. - H. : Kim Đồng, 2026. - 47 tr. : tranh vẽ ; 23 cm. - (Truyện nhỏ đông đầy yêu thương). - 50000đ. - 2000b s637848
3301. Tình ta ngọt tựa trái dâu : Truyện tranh : 17+ / Irono ; Tomoe dịch. - H. : Nxb. Hà Nội. - 21 cm. - 85000đ. - 3000b
- T.1. - 2026. - 144 tr. : tranh vẽ s638358
3302. Tình ta ngọt tựa trái dâu : Truyện tranh : 17+ / Irono ; Tomoe dịch. - H. : Nxb. Hà Nội. - 21 cm. - 85000đ. - 3000b
- T.2. - 2026. - 145 tr. : tranh vẽ s638359
3303. Tình Bão. Không như cỏ tích : Truyện ngắn / Tình Bão. - H. : Văn học, 2026. - 214 tr. ; 21 cm. - 90000đ. - 700b
- Tên thật tác giả: Trần Thị Lệ Khuyên s640342
3304. Toshikazu Kawaguchi. Khi ký ức còn chưa phai nhạt = 思い出が消えないうちに : Tiểu thuyết / Toshikazu Kawaguchi ; Bảo Chương dịch. - In lần thứ 3. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2026. - 328 tr. ; 20 cm. - 150000đ. - 1000b s640856
3305. Toshikazu Kawaguchi. Khi lời tạ từ còn chưa kịp nói = さよならも言えないうちに : Tiểu thuyết / Toshikazu Kawaguchi ; Lê Thùy Giang dịch. - In lần thứ 2. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2026. - 236 tr. ; 20 cm. - 135000đ. - 1000b s640857
3306. Toshikazu Kawaguchi. Khi tình yêu còn chưa ngỏ lời = 愛しさに気づかぬうちに : Tiểu thuyết / Toshikazu Kawaguchi ; Tama Duy Ngọc dịch. - In lần thứ 2. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2026. - 246 tr. ; 20 cm. - 140000đ. - 1000b s640858
3307. Toshikazu Kawaguchi. Khi yêu thương còn chưa quên lãng = やさしさを忘れぬうちに : Tiểu thuyết / Toshikazu Kawaguchi ; Thiên Lộc dịch. - In lần thứ 2. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2026. - 248 tr. ; 20 cm. - 140000đ. - 1000b s640859
3308. Tô Hoài. Để mèn phiêu lưu ký / Tô Hoài ; Minh họa: Tạ Huy Long. - Tái bản lần thứ 93. - H. : Kim Đồng, 2026. - 190 tr. : tranh vẽ ; 19 cm. - 50000đ. - 10000b
- Tên thật tác giả: Nguyễn Sen s638182
3309. Tô Hoài. Những truyện hay viết cho thiếu nhi : Đám cưới chuột. Võ sĩ Bọ Ngựa. Dê và Lợn... / Tô Hoài. - Tái bản lần thứ 12. - H. : Kim Đồng, 2026. - 302 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - 80000đ. - 2000b
- Tên thật tác giả: Nguyễn Sen s637739

3310. Tôi thắng cấp một mình = Solo leveling : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 17+ /
Nguyên tác: Chugong ; Họa sĩ: Dubu ; Huyền Linh dịch. - H. : Kim Đồng. - 21 cm. - 88000đ. -
2000b

T.5. - 2026. - 165 tr. : tranh vẽ s637832

3311. Tôi thắng cấp một mình = Solo leveling : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 17+ /
Nguyên tác: Chugong ; Họa sĩ: Dubu ; Huyền Linh dịch. - H. : Kim Đồng. - 21 cm. - 88000đ. -
2000b

T.8. - 2026. - 170 tr. : tranh vẽ s637833

3312. Tôi thắng cấp một mình = Solo leveling : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 17+ /
Nguyên tác: Chugong ; Họa sĩ: Dubu ; Huyền Linh dịch. - H. : Kim Đồng. - 21 cm. - 88000đ. -
2000b

T.9. - 2026. - 166 tr. : tranh vẽ s637716

3313. Tôi thắng cấp một mình = Solo leveling : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 17+ /
Nguyên tác: Chugong ; Họa sĩ: Dubu ; Huyền Linh dịch. - H. : Kim Đồng. - 21 cm. - 88000đ. -
2000b

T.11. - 2026. - 152 tr. : tranh vẽ s637717

3314. Tôi thắng cấp một mình = Solo leveling : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 17+ /
Nguyên tác: Chugong ; Họa sĩ: Dubu ; Huyền Linh dịch. - H. : Kim Đồng. - 21 cm. - 88000đ. -
2000b

T.13. - 2026. - 154 tr. : tranh vẽ s637718

3315. Tôi thắng cấp một mình = Solo leveling : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 17+ /
Nguyên tác: Chugong ; Họa sĩ: Dubu ; Huyền Linh dịch. - H. : Kim Đồng. - 21 cm. - 88000đ. -
2000b

T.15. - 2026. - 153 tr. : tranh vẽ s637719

3316. Tôi thắng cấp một mình = Solo leveling : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 17+ /
Nguyên tác: Chugong ; Họa sĩ: Dubu ; Huyền Linh dịch. - H. : Kim Đồng. - 21 cm. - 88000đ. -
2000b

T.17. - 2026. - 169 tr. : tranh vẽ s637720

3317. Tôi thắng cấp một mình = Solo leveling : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 17+ /
Nguyên tác: Chugong ; Họa sĩ: Dubu ; Huyền Linh dịch. - H. : Kim Đồng. - 21 cm. - 88000đ. -
2000b

T.18. - 2026. - 146 tr. : tranh vẽ s637721

3318. Tôi thắng cấp một mình = Solo leveling : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 17+ /
Nguyên tác: Chugong ; Họa sĩ: Dubu ; Huyền Linh dịch. - H. : Kim Đồng. - 21 cm. - 88000đ. -
2000b

T.19. - 2026. - 143 tr. : tranh vẽ s637722

3319. Tôi thắng cấp một mình = Solo leveling : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 17+ /
Nguyên tác: Chugong ; Họa sĩ: Dubu ; Huyền Linh dịch. - H. : Kim Đồng. - 21 cm. - 88000đ. -
2000b

T.21. - 2026. - 162 tr. : tranh vẽ s637723

3320. Tôi thắng cấp một mình = Solo leveling : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 17+ /
Nguyên tác: Chugong ; Họa sĩ: Dubu ; Huyền Linh dịch. - H. : Kim Đồng. - 21 cm. - 88000đ. -
2000b

T.22. - 2026. - 148 tr. : tranh vẽ s637724

3321. Tổng Ngọc Hân. Bí mật dưới chân đèn : Tập truyện ngắn / Tổng Ngọc Hân. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 255 tr. ; 21 cm. - 118000đ. - 2000b s638326

3322. Tổng Ngọc Hân. Bức phù điêu mạ vàng : Truyện ngắn / Tổng Ngọc Hân. - H. : Văn học, 2026. - 243 tr. ; 21 cm. - 98000đ. - 700b s640881

3323. Tổng Phước Bảo. Thành phố của người trẻ : Truyện ngắn / Tổng Phước Bảo. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 367 tr. ; 21 cm. - (Tác phẩm văn học). - 1450b s640508

3324. Tớ không ti mẹ nữa đâu! : Truyện tranh : Sách cho trẻ 2 - 8 tuổi / Lời, tranh: Thỏ Oai Oai ; Phương An dịch. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 29 tr. : tranh màu ; 19 cm. - (Những bài học đầu tiên về giới tính; T.4: Từ bỏ thói quen không phù hợp). - 28000đ. - 3000b

Tên sách tiếng Trung: 我长大要跟你结婚! (4) s640510

3325. Tớ Là Cua Nhỏ. Nếu ai cũng là pháo hoa thì ai sẽ là bầu trời? : Bình thường cũng được, hạnh phúc là được / Tớ Là Cua Nhỏ. - H. : Văn học, 2026. - 183 tr. ; 17 cm. - 88000đ. - 1500b

Tên thật tác giả: Phượng Thy s640581

3326. Tớ là mèo Pusheen : Truyện tranh : Sách dành cho trẻ em / Claire Belton ; Toto dịch. - Tái bản lần thứ 4. - H. : Kim Đồng. - 21 cm. - 80000đ. - 5000b

Tên sách tiếng Anh: The many lives of Pusheen the cat

T.2: Cuộc sống muôn màu của Pusheen. - 2026. - 177 tr. : tranh màu s637650

3327. Trái dấu hút nhau = You and I are polar opposites : Truyện tranh : 12+ / Kocha Agasawa ; Mai Nguyễn dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 19 cm. - 60000đ. - 4000b

T.3. - 2026. - 183 tr. : tranh vẽ s640680

3328. Trái dấu hút nhau = You and I are polar opposites : Truyện tranh : 12+ / Kocha Agasawa ; Mai Nguyễn dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 19 cm. - 60000đ. - 4000b

T.4. - 2026. - 199 tr. : tranh vẽ s640681

3329. Trái dấu hút nhau = You and I are polar opposites : Truyện tranh : 12+ / Kocha Agasawa ; Mai Nguyễn dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 19 cm. - 60000đ. - 4000b

T.5. - 2026. - 191 tr. : tranh vẽ s640682

3330. Trần Chấn Uy. Thơ Trần Chấn Uy. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 509 tr. ; 21 cm. - (Tác phẩm văn học). - 1450b s640494

3331. Trần Đăng Khoa. Trần Đăng Khoa tác phẩm : Thơ. - H. : Nxb. Hội Nhà văn. - 21 cm. - (Tác phẩm văn học). - 1450b

T.1: Thơ. - 2025. - 367 tr. s640495

3332. Trần Đăng Khoa. Trần Đăng Khoa tác phẩm : Tiểu thuyết - Truyện - Ký. - H. : Nxb. Hội Nhà văn. - 21 cm. - (Tác phẩm văn học). - 1450b

T.2: Văn xuôi. - 2025. - 271 tr. s640496

3333. Trần Nguyễn Anh. Chuyến đò đêm xuân / Trần Nguyễn Anh. - H. : Văn học, 2026. - 195 tr. ; 21 cm. - 99000đ. - 1200b s640166

3334. Trần Nguyễn Anh. Nắng qua mái tóc / Trần Nguyễn Anh. - H. : Văn học, 2026. - 189 tr. ; 21 cm. - 99000đ. - 1200b s640165

3335. Trần Quốc Toàn. Cuối đường cổ tích : Truyện thiếu nhi / Trần Quốc Toàn. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 439 tr. ; 21 cm. - (Tác phẩm văn học). - 1450b s640497

3336. Trần Thái. Có những yêu thương không cần níu giữ / Trần Thái. - H. : Thế giới, 2026. - 176 tr. : ảnh, hình vẽ ; 18 cm. - 96000đ. - 1000b s640701
3337. Trần Thế Tuyền. Đất đai tổ quốc : Truyện ngắn - Ký / Trần Thế Tuyền. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 727 tr. : minh họa ; 21 cm. - (Tác phẩm văn học). - 1450b
Bút danh tác giả: Trần Nguyên Trang, Trần Bảo Trân s640488
3338. Trần Việt Trung. Người Công giáo Cộng sản : Tiểu thuyết lịch sử / Trần Việt Trung. - H. : Văn học, 2026. - 615 tr. ; 24 cm. - 200000đ. - 500b s640418
3339. Trữ Sở. Nghịch lý fanservice : Tiểu thuyết : Dành cho 18+ / Trữ Sở ; Mỹ Linh dịch. - H. : Nxb. Hà Nội. - 21 cm. - 378000đ. - 3000b
Tên sách tiếng Trung: 营业悖论
T.1. - 2026. - 508 tr. s638328
3340. Trữ Sở. Nghịch lý fanservice : Tiểu thuyết : Dành cho 18+ / Trữ Sở ; Mỹ Linh dịch. - H. : Nxb. Hà Nội. - 21 cm. - 189000đ. - 3000b
Tên sách tiếng Trung: 营业悖论
T.2. - 2026. - 501 tr. s638329
3341. Trình Quang Phú. Còn với non sông một chữ tình : Bút ký / Trình Quang Phú. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 430 tr. ; 21 cm. - (Tác phẩm văn học). - 1450b s640479
3342. Trình Quang Phú. Đường Bác Hồ đi cứu nước : Truyện ký / Trình Quang Phú. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 607 tr. ; 21 cm. - (Tác phẩm văn học). - 1450b s640502
3343. Trịnh Bích Ngân. Thế giới xô lệch. Đất không cưu mang & những truyện ngắn khác : Tiểu thuyết - Truyện ngắn / Trịnh Bích Ngân. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 679 tr. ; 21 cm. - (Tác phẩm văn học). - 1450b s640484
3344. Trịnh Quỳnh Đông Nghi. Âm sắc thơ Quang Dũng : Tiếp cận từ phương diện nhạc tính / Trịnh Quỳnh Đông Nghi. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, 2026. - 108 tr. : bảng ; 21 cm. - 150000đ. - 100b
Thư mục: tr. 106-108 s637459
3345. Troyepolsky, Gavriil. Con Bim trắng tai đen / Gavriil Troyepolsky ; Dịch: Tuấn Nguyễn, Trần Thư ; Minh họa: Đức Lâm. - Tái bản. - H. : Văn học, 2026. - 317 tr. ; 21 cm. - (Văn học cổ điển - Đông A Classics). - 100000đ. - 2000b s640389
3346. Trở về chương mở đầu với cổ nhân tại trường học phép thuật (Nhưng, độ thiện cảm = 0) : Truyện tranh : Dành cho tuổi trưởng thành / Gin Shirakawa ; Nguyên tác: Eiko Mutsuhana ; Thiết kế nhân vật gốc: Yugiri Aica ; Thảo Aki dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 45000đ. - 6000b
T.1. - 2026. - 160 tr. : tranh vẽ s638144
3347. Trúc Hoài. Từ sông Krông Bông : Tiểu thuyết / Trúc Hoài. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 837 tr. ; 21 cm. - (Tác phẩm văn học). - 1450b s640493
3348. Truyện hay cho bé tập đọc / Tuệ An b.s. ; Minh họa: Minh Khang. - H. : Văn học, 2026. - 31 tr. : hình vẽ ; 23 cm. - (Giúp bé phát triển khả năng giao tiếp và tư duy ngôn ngữ). - 27000đ. - 3000b s640188
3349. Truyện ngắn chọn lọc Báo Nhân dân / Thuận Hữu, Vũ Minh Nguyệt, Cao Năm... - H. : Văn học, 2026. - 303 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - 105000đ. - 600b s640340

3350. Trương Khiết. Ranh giới giữa sói và cừu : 18 câu chuyện tâm lý kể phản diện / Trương Khiết ; Cao Đức Hiếu dịch. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 303 tr. : hình vẽ ; 21 cm. - 145000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Trung: 心理谜罪 s638357

3351. Trương Thị Lệ Khanh. Ân tình giữa dòng ký ức : Tự truyện / Trương Thị Lệ Khanh. - H. : Dân trí, 2026. - 235 tr. : ảnh, tranh vẽ ; 24 cm. - 1000b s640099

3352. Trương Văn Ngọc. Lời ru mệnh mông : Thơ / Trương Văn Ngọc. - H. : Văn học, 2026. - 155 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - 160000đ. - 1000b s640114

3353. Tua nhanh danh tác bằng tranh: Iliad và Odyssey - Hai sử thi kinh điển của phương Tây : Dựa theo nguyên tác của Homer : Truyện tranh / Soledad Bravi ; Hoàng Thanh Thủy dịch. - H. : Kim Đồng, 2026. - 93 tr. : tranh màu ; 21 cm. - 60000đ. - 2000b s637754

3354. Tuế Kiến. Không có người như anh / Tuế Kiến ; Tô Ngọc Hà dịch. - In lần 5. - H. : Văn học. - 21 cm. - 180000đ. - 2500b

Tên sách tiếng Trung: 没有人像你

T.1. - 2026. - 334 tr. s640408

3355. Tuế Kiến. Không có người như anh / Tuế Kiến ; Tô Ngọc Hà dịch. - In lần 5. - H. : Văn học. - 21 cm. - 220000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Trung: 没有人像你

T.2. - 2026. - 340 tr. s640409

3356. Tuyển tập 50 năm nghiên cứu lý luận phê bình Quảng Ngãi (1975 - 2025) / Tế Hanh, Trần Văn Thận, Nguyễn Trung Hiếu... - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 470 tr. ; 24 cm. - 1000b ĐTTS ghi: Hội Văn học Nghệ thuật tỉnh Quảng Ngãi s640506

3357. Tuyển tập 50 năm thơ Quảng Ngãi (1975 - 2025) / Nguyễn Viết Lãm, Tế Hanh, Minh Tân... - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 334 tr. ; 24 cm. - 1000b ĐTTS ghi: Hội Văn học Nghệ thuật tỉnh Quảng Ngãi s640503

3358. Tuyển tập 50 năm truyện, ký Quảng Ngãi (1975 - 2025) / Nguyễn Trung Hiếu, Phong Đăng, Hoài Vũ... - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 494 tr. ; 24 cm. - 1000b ĐTTS ghi: Hội Văn học Nghệ thuật tỉnh Quảng Ngãi s640504

3359. Tuyển tập đề kiểm tra môn Ngữ văn 9 : Theo cấu trúc mới. Bồi dưỡng học sinh giỏi / Kiều Bắc s.t., b.s. - H. : Đại học Sư phạm, 2026. - 247 tr. : bảng ; 24 cm. - 99000đ. - 1500b s638530

3360. Tuyển tập thơ hay cho trẻ mầm non : Minh họa bằng tranh theo chủ đề. Theo chuẩn Giáo dục mầm non / Nguyễn Thị Cúc, Nguyễn Lãm Thắng, Xuân Nùng... ; Hà Phương b.s. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 79 tr. : tranh màu ; 29 cm. - 79000đ. - 3000b s638719

3361. Tuyển tập truyện kể cho trẻ mầm non : Minh họa bằng tranh theo chủ đề. Theo chuẩn Giáo dục mầm non / Hà Phương b.s. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 79 tr. : tranh màu ; 29 cm. - 79000đ. - 3000b s638720

3362. Từ Kim Trần. Tội lỗi không chứng cứ / Từ Kim Trần ; Hương Ly dịch. - Tái bản lần thứ 4. - H. : Văn học, 2026. - 466 tr. ; 21 cm. - 185000đ. - 800b s640449

3363. Tự khúc tình thơ / Nguyễn Tiến Thái, Nguyễn Văn Đình, Mai Ngọc Quỳnh... - Nghệ An : Nxb. Nghệ An, 2025. - 164 tr. ; 21 cm. - 200b s640059

3364. Twain, Mark. Hoàng tử nhỏ và chú bé nghèo khổ / Mark Twain ; Minh Châu dịch. - Tái bản lần thứ 19. - H. : Kim Đồng, 2026. - 121 tr. ; 19 cm. - (Văn học Mỹ. Tác phẩm chọn lọc). - 35000đ. - 1500b s638191

3365. Twoego. Bạn vẫn đang sống tốt chứ? / Twoego ; Bảo Ngọc dịch. - H. : Văn học, 2026. - 206 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - 115000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Hàn: 무덕진다는 것 s640159

3366. Tỷ quậy : Tranh truyện : Dành cho lứa tuổi 6+ / Nguyên tác: Đào Hải ; Lời: Hoài Thu ; Tranh: Nguyễn Quang Toàn. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Kim Đồng. - 21 cm. - 40000đ. - 10000b

T.15. - 2026. - 177 tr. : tranh màu s637763

3367. Ước mơ của gấu nâu : Xác định mục tiêu : Truyện tranh : Dành cho trẻ 4 - 8 tuổi / Lời: Yun Yeong Kim ; Tranh: Gye Man Kim ; Lê Ngọc dịch. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 27 tr. : tranh màu ; 25 cm. - (Nhà lãnh đạo nhí). - 29000đ. - 3000b

Tên sách tiếng Hàn: 꿈꾸는 갈색 곰; Tên sách tiếng Anh: Brown bear's dream s639939

3368. Văn Giá. Mưa ở Bình Dương & những truyện khác : Truyện ngắn / Văn Giá. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 382 tr. ; 21 cm. - (Tác phẩm văn học). - 1450b s640481

3369. Văn Thành Lê. Bên suối, bịt tai nghe gió : Dành cho lứa tuổi 8+ / Văn Thành Lê ; Minh họa: Miah. - Tái bản lần 4. - H. : Kim Đồng, 2026. - 143 tr. : hình vẽ ; 20 cm. - 45000đ. - 2000b s637657

3370. Văn Thành Lê. Trên đồi, mở mắt và mơ : Dành cho lứa tuổi 8+ / Văn Thành Lê. - Tái bản lần 8. - H. : Kim Đồng, 2026. - 154 tr. : tranh màu ; 20 cm. - 78000đ. - 3000b s637658

3371. Văn Tùng. Đội Thiếu niên du kích Thành Huế / Văn Tùng. - Tái bản lần thứ 11. - H. : Kim Đồng, 2026. - 239 tr. ; 19 cm. - 50000đ. - 2000b

Đầu bìa sách ghi: Kỉ niệm 85 năm Ngày thành lập Đội TNTP Hồ Chí Minh (1941 - 2026) s638184

3372. Veil : Truyện tranh : 16+ / Kotteri ; P Pea Peach dịch. - H. : Nxb. Hà Nội. - 21 cm. - 109000đ. - 2000b

T.2. - 2026. - 125 tr. : tranh màu s638401

3373. Veil : Truyện tranh : 16+ / Kotteri ; P Pea Peach dịch. - H. : Nxb. Hà Nội. - 21 cm. - 109000đ. - 2000b

T.3. - 2026. - 125 tr. : tranh màu s638402

3374. Veil : Truyện tranh : 16+ / Kotteri ; P Pea Peach dịch. - H. : Nxb. Hà Nội. - 21 cm. - 119000đ. - 3000b

T.6. - 2026. - 128 tr. : tranh màu s638403

3375. Verne, Jules. Hai vạn dặm dưới biển / Jules Verne ; Đỗ Ca Sơn dịch. - H. : Văn học, 2026. - 431 tr. ; 21 cm. - 99000đ. - 1000b

Tên thật tác giả: Jules Gabriel Verne s640403

3376. Verne, Jules. Hai vạn dặm dưới biển : Dành cho lứa tuổi 10+ / Jules Verne ; Đỗ Ca Sơn dịch. - Tái bản lần thứ 19. - H. : Kim Đồng, 2026. - 449 tr. ; 19 cm. - (Văn học Pháp. Tác phẩm chọn lọc). - 99000đ. - 2000b s638195

3377. Verne, Jules. Hai vạn dặm dưới đáy biển / Jules Verne ; Đỗ Ca Sơn dịch. - Tái bản. - H. : Văn học, 2026. - 403 tr. ; 21 cm. - 123000đ. - 2000b s640400

3378. Verne, Jules. Từ Trái Đất đến Mặt Trăng = From the Earth to the Moon / Jules Verne ; Thanh Yên dịch. - H. : Văn học, 2026. - 211 tr. ; 21 cm. - 68000đ. - 1000b s640404

3379. Verne, Jules. Từ Trái Đất đến Mặt Trăng = From the Earth to the Moon / Jules Verne ; Thanh Yên dịch. - Tái bản. - H. : Văn học, 2026. - 211 tr. ; 21 cm. - 88000đ. - 1000b s640464

3380. Vĩ Ngự. Cú rời đất xanh / Vĩ Ngự ; Hạ Lan dịch. - H. : Nxb. Hà Nội. - 21 cm. - 360000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Trung: 泉起青壤

T.2: Người nhà Dao. - 2026. - 704 tr. s638356

3381. Vĩnh Quyền. Tiếng của rừng : Truyện / Vĩnh Quyền. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2026. - 156 tr. : tranh vẽ ; 20 cm. - 85000đ. - 1000b s640837

3382. Vịt con thoát nạn : Truyện tranh : Dành cho trẻ 3 - 7 tuổi / Malachy Doyle, Janet Samuel ; Thu Nga dịch. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 24 tr. : tranh màu ; 23 cm. - (Storytime - Truyện hay rèn luyện kỹ năng). - 31000đ. - 3000b

Tên sách tiếng Anh: Danny, the duck with no quack s639929

3383. Vòng lặp thứ 7 của tiểu thư phản diện - Cuộc sống hôn nhân tự tại giữa lòng địch quốc : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 16+ / Chuyển thể: Hinoki Kino ; Nguyên tác: Touko Amekawa ; Hoàng Long dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 50000đ. - 3600b

T.6. - 2026. - 176 tr. : tranh vẽ s638123

3384. Vòng lặp thứ 7 của tiểu thư phản diện - Cuộc sống hôn nhân tự tại giữa lòng địch quốc : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 16+ / Chuyển thể: Hinoki Kino ; Nguyên tác: Touko Amekawa ; Hoàng Long dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 50000đ. - 3500b

T.7. - 2026. - 176 tr. : tranh vẽ s638124

3385. Vở thực hành Ngữ văn 6 / Bùi Mạnh Hùng (ch.b.), Nguyễn Linh Chi, Nguyễn Thị Mai Liên... - Tái bản lần thứ 5. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 28000đ. - 10000b

T.1. - 2026. - 76 tr. : hình vẽ, bảng s639326

3386. Vở thực hành Ngữ văn 6 / Bùi Mạnh Hùng (ch.b.), Phan Huy Dũng, Nguyễn Thị Ngân Hoa, Đặng Lưu. - Tái bản lần thứ 5. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 32000đ. - 10000b

T.2. - 2026. - 88 tr. : hình vẽ, bảng s639327

3387. Vở thực hành Ngữ văn 7 / Bùi Mạnh Hùng (ch.b.), Nguyễn Thị Mai Liên, Lê Trà My... - Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 35000đ. - 10000b

T.1. - 2026. - 83 tr. : hình vẽ, bảng s639328

3388. Vở thực hành Ngữ văn 7 / Bùi Mạnh Hùng (ch.b.), Dương Tuấn Anh, Nguyễn Linh Chi... - Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 35000đ. - 10000b

T.2. - 2026. - 87 tr. : bảng s639329

3389. Vở thực hành Ngữ văn 8 / Bùi Mạnh Hùng (ch.b.), Dương Tuấn Anh, Đặng Lưu... - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 40000đ. - 10000b

T.1. - 2026. - 96 tr. : bảng s639330

3390. Vở thực hành Ngữ văn 8 / Bùi Mạnh Hùng (ch.b.), Nguyễn Thị Mai Liên, Đặng Lưu... - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 40000đ. - 10000b

T.2. - 2026. - 99 tr. : bảng s639331

3391. Vở thực hành Ngữ văn 9 / Bùi Mạnh Hùng (ch.b.), Dương Tuấn Anh, Đặng Lưu... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 40000đ. - 5000b

T.1. - 2026. - 100 tr. : bảng s639332

3392. Vở thực hành Ngữ văn 9 / Bùi Mạnh Hùng (ch.b.), Nguyễn Thị Vĩnh Hà, Nguyễn Thị Mai Liên... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 40000đ. - 5000b

T.2. - 2026. - 96 tr. : bảng s639333

3393. Vũ Đức Hương. Đồi là thế! : Thơ tuyển / Vũ Đức Hương. - H. : Thế giới, 2026. - 128 tr. ; 19 cm. - 72000đ. - 150b s640703

3394. Vũ Ngọc Phan. Nhà văn hiện đại : Phê bình văn học / Vũ Ngọc Phan. - H. : Kim Đồng. - 23 cm. - 60000đ. - 1500b

Q.1: Các nhà văn đi tiên phong: Những nhà văn hồi mới có chữ Quốc ngữ... - 2026. - 162 tr. : ảnh chân dung s637732

3395. Vũ Ngọc Phan. Nhà văn hiện đại : Phê bình văn học / Vũ Ngọc Phan. - H. : Kim Đồng. - 23 cm. - 75000đ. - 1500b

Q.2: Các nhà văn đi tiên phong - Các nhà văn độc lập: Các nhà biên khảo... - 2026. - 222 tr. : ảnh chân dung s637733

3396. Vũ Ngọc Phan. Nhà văn hiện đại : Phê bình văn học / Vũ Ngọc Phan. - H. : Kim Đồng. - 23 cm. - 99000đ. - 1500b

Q.3: Những nhà viết bút ký... - 2026. - 321 tr. : ảnh chân dung s637734

3397. Vũ Ngọc Phan. Nhà văn hiện đại : Phê bình văn học / Vũ Ngọc Phan. - H. : Kim Đồng. - 23 cm. - 65000đ. - 1500b

Q.4, T. Thượng: Các tiểu thuyết gia: Tiểu thuyết phong tục... - 2026. - 210 tr. : ảnh chân dung s637735

3398. Vũ Ngọc Phan. Nhà văn hiện đại : Phê bình văn học / Vũ Ngọc Phan. - H. : Kim Đồng. - 23 cm. - 70000đ. - 1500b

Q.4, T. Hạ: Các tiểu thuyết gia: Tiểu thuyết tả chân... - 2026. - 194 tr. : ảnh chân dung s637736

3399. Vũ Thành Sơn. Hòn đảo cướp biển : Tập truyện / Vũ Thành Sơn. - H. : Hồng Đức, 2026. - 191 tr. ; 21 cm. - 169000đ. - 500b s640885

3400. Vũ Thị Hương. Giáo trình Phương pháp dạy học Ngữ văn / Vũ Thị Hương, Chu Thị Thùy Phương (ch.b.), Dương Thị Ngừ. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 243 tr. : bảng ; 24 cm. - 200000đ. - 100b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Tân Trào. - Thư mục: tr. 241-243 s639883

3401. Vũ Trọng Phụng. Giông tố : Tiểu thuyết / Vũ Trọng Phụng. - Tái bản lần thứ 5. - H. : Văn học, 2026. - 363 tr. ; 18 cm. - 86000đ. - 2000b s640647

3402. Vũ Trọng Phụng. Làm đĩ : Tiểu thuyết / Vũ Trọng Phụng. - Tái bản lần thứ 9. - H. : Văn học, 2026. - 226 tr. ; 18 cm. - 57000đ. - 2000b s640648

3403. Vũ Trọng Phụng. Số đỏ / Vũ Trọng Phụng. - Tái bản lần thứ 6. - H. : Kim Đồng, 2026. - 284 tr. : tranh vẽ ; 19 cm. - (Tủ sách Văn học trong nhà trường). - 60000đ. - 2000b s637895

3404. Vũ Trọng Phụng. Số đỏ / Vũ Trọng Phụng. - Tái bản lần thứ 9. - H. : Văn học, 2026. - 255 tr. ; 18 cm. - 63000đ. - 2000b s640646

3405. Vũ Trọng Phụng. Số đỏ : Tiểu thuyết / Vũ Trọng Phụng. - H. : Văn học, 2026. - 235 tr. ; 21 cm. - 60000đ. - 1000b s640393

3406. Vũ Trọng Phụng. Số đỏ : Tiểu thuyết / Vũ Trọng Phụng. - H. : Văn học, 2026. - 269 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - 72000đ. - 2000b s640395

3407. Vũ Tú Nam. Những truyện hay viết cho thiếu nhi : Cây gạo. Cuộc phiêu lưu của Văn Ngạn tướng công. Ong bắt đẽ... / Vũ Tú Nam. - Tái bản lần thứ 8. - H. : Kim Đồng, 2026. - 268 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - 65000đ. - 1500b

Tên thật tác giả: Vũ Tiến Nam s637741

3408. Vương Diễm Nga. 101 truyện hay theo bước bé trai trưởng thành / Vương Diễm Nga ; Tuệ Văn dịch. - Tái bản lần thứ 11. - H. : Văn học, 2026. - 207 tr. : tranh màu ; 23 cm. - 90000đ. - 3000b

Tên sách tiếng Trung: 让男孩受益一生101个成长故事 s640461

3409. Vương Tâm. Nhịp phố bốn mùa hoa : Tập truyện ký / Vương Tâm. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 259 tr. ; 21 cm. - 125000đ. - 2000b s638343

3410. Vương Tâm. Rượu hay người kể chuyện : Tập ký chân dung / Vương Tâm. - H. : Văn học, 2026. - 192 tr. ; 21 cm. - 97000đ. - 1200b s640163

3411. Wharton, Edith. Hạt quả lựu : Tuyển tập : Dành cho tuổi trưởng thành / Edith Wharton ; Bùi Gia Bin dịch. - H. : Kim Đồng, 2026. - 327 tr. ; 23 cm. - 120000đ. - 2000b

Dịch theo nguyên bản tiếng Anh: A journey (1899)... s637738

3412. White, E. B. Charlotte và Wilbur / E. B. White ; Minh họa: Garth Williams ; Nguyễn Quế Dương dịch. - H. : Văn học, 2026. - 227 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - 90000đ. - 1500b

Dịch từ nguyên bản tiếng Anh: Charlotte's web s640367

3413. Wilde, Oscar. Bức tranh Dorian Gray / Oscar Wilde ; Thiên Lương dịch. - H. : Văn học, 2026. - 270 tr. ; 24 cm. - 239000đ. - 2000b

Dịch từ nguyên bản tiếng Anh: The picture of Dorian Gray s640192

3414. Wistoria's wand and sword : Special edition : Truyện tranh : 16+ / Nguyên tác: Fujino Omori ; Minh họa: Toshi Aoi ; Tatsuhiko dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 18 cm. - 150000đ. - 3000b

T.1. - 2026. - 190 tr. : tranh vẽ s640672

3415. Wistoria's wand and sword : Truyện tranh : 16+ / Nguyên tác: Fujino Omori ; Minh họa: Toshi Aoi ; Tatsuhiko dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 18 cm. - 52000đ. - 4000b

T.1. - 2026. - 190 tr. : tranh vẽ s640673

3416. Wistoria's wand and sword : Truyện tranh : 16+ / Nguyên tác: Fujino Omori ; Minh họa: Toshi Aoi ; Tatsuhiko dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 18 cm. - 52000đ. - 4000b

T.2. - 2026. - 189 tr. : tranh vẽ s640674

3417. Xe ben tài giỏi : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 0 đến 6 / Lời: Mijika ; Tranh: Liuzzi ; Mặc Sinh dịch. - Tái bản lần thứ 9. - H. : Kim Đồng, 2026. - 29 tr. : tranh màu ; 20 cm. - (Thế giới xe công trình). - 26000đ. - 5000b s637813

3418. Xe cầu tốt bụng : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 0 đến 6 / Lời: Mijika ; Tranh: Liuzi ; Mặc Sinh dịch. - Tái bản lần thứ 9. - H. : Kim Đồng, 2026. - 29 tr. : tranh màu ; 20 cm. - (Thế giới xe công trình). - 26000đ. - 5000b s637811
3419. Xe chở nước đáng mến : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 0 đến 6 / Lời: Mijika ; Tranh: Liuzi ; Mặc Sinh dịch. - Tái bản lần thứ 8. - H. : Kim Đồng, 2026. - 29 tr. : tranh màu ; 20 cm. - (Thế giới xe công trình). - 26000đ. - 5000b s637812
3420. Xe chở xăng sợ lửa : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 2 - 6 / Lời: Mijika ; Tranh: Tianying ; Nguyễn Thanh Vân dịch. - Tái bản lần thứ 9. - H. : Kim Đồng, 2026. - 23 tr. : tranh màu ; 21 cm. - (Những chiếc xe hiệp sĩ). - 18000đ. - 5000b s637809
3421. Xe đầu kéo được việc : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 2 - 6 / Lời: Mijika ; Tranh: Tianying ; Nguyễn Thanh Vân dịch. - Tái bản lần thứ 9. - H. : Kim Đồng, 2026. - 23 tr. : tranh màu ; 21 cm. - (Những chiếc xe hiệp sĩ). - 18000đ. - 5000b s637810
3422. Xe nâng cừ khôi : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 0 đến 6 / Lời: Mijika ; Tranh: Liuzi ; Mặc Sinh dịch. - Tái bản lần thứ 8. - H. : Kim Đồng, 2026. - 29 tr. : tranh màu ; 20 cm. - (Thế giới xe công trình). - 26000đ. - 5000b s637815
3423. Xe trộn bê tông vất vả : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 0 đến 6 / Lời: Mijika ; Tranh: Liuzi ; Mặc Sinh dịch. - Tái bản lần thứ 9. - H. : Kim Đồng, 2026. - 29 tr. : tranh màu ; 20 cm. - (Thế giới xe công trình). - 26000đ. - 5000b s637814
3424. Xe xúc siêu phạm : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 0 đến 6 / Lời: Mijika ; Tranh: Liuzi ; Mặc Sinh dịch. - Tái bản lần thứ 9. - H. : Kim Đồng, 2026. - 29 tr. : tranh màu ; 20 cm. - (Thế giới xe công trình). - 26000đ. - 5000b s637816
3425. Xóm Chuột có biển : Truyện tranh : Cuốn sách trình thám đầu tiên của bé / Lời: Hà Hoàng Trang ; Minh họa: Quỳnh Anh. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 39 tr. : tranh màu ; 17x22 cm. - 73000đ. - 1000b s638232
3426. Xuân Diệu. Thơ Xuân Diệu. - Tái bản lần thứ 5. - H. : Văn học, 2026. - 179 tr. ; 18 cm. - 45000đ. - 3000b s640645
3427. Xuân Diệu. Thơ Xuân Diệu : Tuyển tập. - H. : Văn học, 2026. - 299 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - (Quốc ngữ thi thư). - 115000đ. - 2000b s640146
3428. Xuân Sách. Đội Thiếu niên du kích Đình Bảng / Xuân Sách. - Tái bản lần thứ 15. - H. : Kim Đồng, 2026. - 315 tr. ; 19 cm. - 65000đ. - 2000b
- Đầu bìa sách ghi: Kỷ niệm 85 năm Ngày thành lập Đội TNTP Hồ Chí Minh (1941 - 2026) s638185
3429. Xuân Trinh. Vết nắng cuối chiều : Thơ / Xuân Trinh. - Huế : Nxb. Thuận Hóa, 2026. - 296 tr. : hình vẽ ; 21 cm. - 100b
- Tên thật tác giả: Bùi Thị Xuân Trinh s637495
3430. Yagisawa Satoshi. Những giấc mơ ở hiệu sách Morisaki / Yagisawa Satoshi ; Trần Quỳnh Anh dịch. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 177 tr. ; 21 cm. - 90000đ. - 1500b
- Dịch từ nguyên bản tiếng Nhật: 森崎書店の日々 s638440
3431. Yona - Công chúa bình minh : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 14+ / Mizuho Kusanagi ; Ruyuha Kyouka dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 25000đ. - 3000b
- T.38. - 2026. - 172 tr. : tranh vẽ s637987
3432. Yona - Công chúa bình minh : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 14+ / Mizuho Kusanagi ; Ruyuha Kyouka dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 25000đ. - 3000b
- T.39. - 2026. - 183 tr. : tranh vẽ s637988

3433. Yona - Công chúa bình minh : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 14+ / Mizuho Kusanagi ; Ruyuha Kyouka dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 25000đ. - 2500b
T.40. - 2026. - 174 tr. : tranh vẽ s637989
3434. Yona - Công chúa bình minh : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 14+ / Mizuho Kusanagi ; Ruyuha Kyouka dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 25000đ. - 2500b
T.41. - 2026. - 183 tr. : tranh vẽ s637990
3435. Yona - Công chúa bình minh : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 14+ / Mizuho Kusanagi ; Ruyuha Kyouka dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 25000đ. - 2500b
T.42. - 2026. - 172 tr. : tranh vẽ s637991

LỊCH SỬ

3436. An Tư công chúa : Theo tác phẩm cùng tên của Nguyễn Huy Tường : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 6+ / Nguyễn Huy Tường, Lê Minh Hải. - Tái bản lần thứ 4. - H. : Kim Đồng, 2026. - 31 tr. : tranh màu ; 21 cm. - (Tranh truyện lịch sử Việt Nam). - 20000đ. - 2000b
Thư mục cuối chính văn s637690
3437. Ánh Dương. Dân ta phải biết sử ta: Cờ đỏ sao vàng - Biểu tượng thiêng liêng đặc biệt của dân tộc Việt Nam / Ánh Dương b.s. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 243 tr. ; 21 cm. - 99000đ. - 2000b
Thư mục: tr. 240-241 s638340
3438. Ánh Dương. 81 ngày đêm thành cổ Quảng Trị - Khúc tráng ca bất tử / Ánh Dương b.s. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 215 tr. ; 21 cm. - 95000đ. - 2000b
Thư mục: tr. 214 s638339
3439. Bác Hồ với những người bạn / Hà Minh Hồng (ch.b.), Nguyễn Thanh Tuyền, Ngô Thị Thu Hoài, Vũ Văn Thuân. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2026. - 176 tr. : ảnh ; 21 cm. - (Di sản Hồ Chí Minh). - 80000đ. - 1000b
Thư mục: tr. 172-175 s640841
3440. Bác Hồ với thiếu niên nhi đồng / Hà Minh Hồng (ch.b.), Trần Thuận, Lưu Văn Quyết, Nguyễn Thanh Tuyền. - In lần thứ 3. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2026. - 128 tr. : ảnh ; 21 cm. - (Di sản Hồ Chí Minh). - 50000đ. - 1000b
Thư mục: tr. 126-127 s640855
3441. Bài tập Lịch sử 10 / Phạm Hồng Tung, Nguyễn Quang Liệu (ch.b.), Trương Thị Bích Hạnh... - Tái bản lần thứ 3, có chỉnh lí, bổ sung. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 100 tr. : ảnh, bảng ; 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 18000đ. - 21000b s639554
3442. Bài tập Lịch sử 11 / Trần Thị Vinh (ch.b.), Hoàng Hải Hà, Nguyễn Thị Thu Thủy... - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 95 tr. : minh họa ; 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 17000đ. - 7000b s639555
3443. Bài tập Lịch sử 12 / Trần Thị Vinh, Phạm Hồng Tung (ch.b.), Trương Thị Bích Hạnh... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 135 tr. : minh họa ; 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 18000đ. - 6000b s639556
3444. Bài tập Lịch sử và Địa lí 6 - Phần Lịch sử / Đinh Ngọc Bảo (ch.b.), Phan Ngọc Huyền, Phạm Thị Thanh Huyền, Hoàng Anh Tuấn. - Tái bản lần thứ 5, có chỉnh lí, bổ sung. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 80 tr. : minh họa ; 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 13000đ. - 99500b s639546

3445. Bài tập Lịch sử và Địa lí 7 - Phần Lịch sử / Nguyễn Thị Côi, Vũ Văn Quân (ch.b.), Phạm Thị Thanh Huyền... - Tái bản lần thứ 4, có chỉnh lí, bổ sung. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 91 tr. : minh họa ; 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 15000đ. - 45000b s639547

3446. Bài tập Lịch sử và Địa lí 8 - Phần Lịch sử / Trịnh Đình Tùng (ch.b.), Nguyễn Ngọc Cơ, Đào Tuấn Thành, Hoàng Thanh Tú. - Tái bản lần thứ 3, có chỉnh lí, bổ sung. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 108 tr. : minh họa ; 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 16000đ. - 28000b s639548

3447. Bài tập Lịch sử và Địa lí 9 - Phần Lịch sử / Nguyễn Ngọc Cơ, Trịnh Đình Tùng (ch.b.), Hoàng Hải Hà... - Tái bản lần thứ 2, có chỉnh lí, bổ sung. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 140 tr. : bảng ; 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 18000đ. - 43300b s639549

3448. Bùi Thị Xuân : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 6+ / Lê Phương Liên, Lê Minh Hải. - Tái bản lần thứ 6. - H. : Kim Đồng, 2026. - 31 tr. : tranh màu ; 21 cm. - (Tranh truyện lịch sử Việt Nam). - 20000đ. - 2000b

Thư mục cuối chính văn s637689

3449. Cao Hùng Trung. An Nam chí nguyên = 安南志原 / Cao Hùng Trung ; Hoa Bằng dịch chú, giới thiệu ; Khảo cứu: Émile Gaspardone, Trương Tú Dân ; Lộc Nguyên hiệu chú. - H. : Đại học Sư phạm, 2026. - 454 tr. : ảnh ; 24 cm. - 350000đ. - 300b

Thư mục: tr. 404-418 s640791

3450. Catroux, Général. Hai màn bi kịch ở Đông Dương / Général Catroux ; Mai Yên Thi dịch ; Trịnh Thị Thu Thủy h.đ. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2026. - 231 tr. ; 22 cm. - 177000đ. - 1000b s637447

3451. Chuyên đề học tập Lịch sử 10 / Vũ Minh Giang, Phạm Hồng Tung (tổng ch.b.), Trương Thị Bích Hạnh, Vũ Thị Phụng. - Tái bản lần thứ 4, có chỉnh lí, bổ sung. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 64 tr. : minh họa ; 27 cm. - 8200đ. - 66000b

Đầu bìa sách ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo s639235

3452. Chuyên đề học tập Lịch sử 11 / Vũ Minh Giang, Phạm Hồng Tung (tổng ch.b.), Trần Thị Vinh (ch.b.)... - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 55 tr. : ảnh, bảng ; 27 cm. - 8000đ. - 36000b

Đầu bìa sách ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo s639236

3453. Chuyên đề học tập Lịch sử 12 / Vũ Minh Giang (tổng ch.b.), Trần Thị Vinh (ch.b.), Nguyễn Thị Mai Hoa... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 55 tr. : minh họa ; 27 cm. - 8000đ. - 28000b

Đầu bìa sách ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo s639237

3454. Hồ Chí Minh. Lịch sử nước ta / Hồ Chí Minh. - In lần thứ 15. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2026. - 115 tr. : tranh vẽ ; 13 cm. - 35000đ. - 2000b s640694

3455. Hồi kí về Bác Hồ - Gần bên Bác và học ở Bác / Việt Phương, Hoàng Hữu Kháng, Võ Viết Định... - Tái bản lần thứ 3. - H. : Kim Đồng, 2026. - 165 tr. : ảnh ; 19 cm. - 40000đ. - 3000b s638183

3456. Hướng dẫn ôn thi tốt nghiệp Trung học phổ thông môn Lịch sử : Biên soạn theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 / Nguyễn Thị Hiền, Ngô Thị Hiền Thúy, Nguyễn Xuân Trường, Trịnh Thị Hoàng Yến. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 148 tr. ; 27 cm. - 71000đ. - 2000b s639531

3457. Hướng dẫn ôn thi tốt nghiệp Trung học phổ thông môn Lịch sử năm học 2025 - 2026 / Trần Thị Vinh (ch.b.), Nguyễn Thị Mai Hoa, Hoàng Thị Hồng Nga... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 187 tr. : bảng ; 27 cm. - 85000đ. - 6000b s639532

3458. Kecir Lepetit, Emmanuelle. Khám phá quốc kì trên thế giới : Khám phá lịch sử và văn hóa các nước. Giải thích về 194 quốc kì trên thế giới. Hơn 250 hình cắt dán : Dành cho lứa tuổi 7+ / Emmanuelle Kecir Lepetit, Claire Wortemann ; Dịch: Minh Nguyệt, Thu Huế. - Tái bản lần thứ 6. - H. : Kim Đồng, 2026. - 124 tr. : ảnh, tranh vẽ ; 27 cm. - 170000đ. - 2000b s637481

3459. Kể chuyện Bác Hồ : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 6+ / B.s.: Hoàng Nguyên Cát, Trần Hà, Lê Phương Liên ; Tranh: Hà Quang Phương. - Tái bản lần thứ 18. - H. : Kim Đồng, 2026. - 54 tr. : tranh màu ; 26 cm. - 70000đ. - 2000b

Thư mục đầu chính văn s637806

3460. Kể chuyện tấm gương Bác Hồ / Tuệ Minh tuyển chọn. - H. : Văn học, 2026. - 191 tr. ; 21 cm. - 97000đ. - 1200b s640344

3461. Kiều Mai Sơn. Những thiếu nhi bên Bác ngày ấy : Chuyện kể về những thiếu nhi được chụp ảnh cùng Bác Hồ / Kiều Mai Sơn. - Tái bản lần thứ 3. - H. : Kim Đồng, 2026. - 78 tr. : ảnh ; 19 cm. - 26000đ. - 3000b s638187

3462. Lam Giang. Bác Hồ - Người Việt Nam đẹp nhất: Cần kiệm - Liêm chính / Lam Giang b.s., tuyển chọn. - H. : Văn học, 2026. - 99 tr. ; 19 cm. - 38000đ. - 3000b

Thư mục: tr. 96-98 s640598

3463. Lam Giang. Bác Hồ - Người Việt Nam đẹp nhất: Đạo đức / Lam Giang b.s., tuyển chọn. - H. : Văn học, 2026. - 99 tr. : ảnh ; 19 cm. - 38000đ. - 3000b

Thư mục: tr. 96-98 s640594

3464. Lam Giang. Bác Hồ - Người Việt Nam đẹp nhất: Đoàn kết, trí tuệ / Lam Giang b.s., tuyển chọn. - H. : Văn học, 2026. - 97 tr. ; 19 cm. - 38000đ. - 3000b

Thư mục: tr. 96-98 s640593

3465. Lam Giang. Bác Hồ - Người Việt Nam đẹp nhất: Giản dị - Thật thà / Lam Giang b.s., tuyển chọn. - H. : Văn học, 2026. - 99 tr. ; 19 cm. - 38000đ. - 3000b

Thư mục: tr. 96-98 s640602

3466. Lam Giang. Bác Hồ - Người Việt Nam đẹp nhất: Khiêm tốn / Lam Giang b.s., tuyển chọn. - H. : Văn học, 2026. - 99 tr. ; 19 cm. - 38000đ. - 3000b

Thư mục: tr. 95-97 s640597

3467. Lam Giang. Bác Hồ - Người Việt Nam đẹp nhất: Khoan dung / Lam Giang b.s., tuyển chọn. - H. : Văn học, 2026. - 99 tr. : ảnh ; 19 cm. - 38000đ. - 3000b

Thư mục: tr. 96-98 s640596

3468. Lam Giang. Bác Hồ - Người Việt Nam đẹp nhất: Kiên cường - Dũng cảm / Lam Giang b.s., tuyển chọn. - H. : Văn học, 2026. - 99 tr. ; 19 cm. - 38000đ. - 3000b

Thư mục: tr. 96-98 s640600

3469. Lam Giang. Bác Hồ - Người Việt Nam đẹp nhất: Lạc quan / Lam Giang b.s., tuyển chọn. - H. : Văn học, 2026. - 99 tr. : ảnh ; 19 cm. - 38000đ. - 3000b

Thư mục: tr. 97-98 s640599

3470. Lam Giang. Bác Hồ - Người Việt Nam đẹp nhất: Nghị lực / Lam Giang b.s., tuyển chọn. - H. : Văn học, 2026. - 99 tr. : ảnh ; 19 cm. - 38000đ. - 3000b

Thư mục: tr. 96-98 s640595

3471. Lam Giang. Bác Hồ - Người Việt Nam đẹp nhất: Yêu thương / Lam Giang b.s., tuyển chọn. - H. : Văn học, 2026. - 99 tr. : ảnh ; 19 cm. - 38000đ. - 3000b

Thư mục: tr. 95-97 s640601

3472. Leckie, Robert. Đệ nhất thế chiến = World War I / Robert Leckie ; Nguyễn Quốc Dũng dịch. - H. : Hồng Đức, 2026. - 247 tr. : minh họa ; 24 cm. - 158000đ. - 1000b s640949

3473. Lê Đức Quy. Tên xưa gọi nhớ : Nguồn gốc, ý nghĩa tên gọi 168 xã, phường, đặc khu tại Thành phố Hồ Chí Minh / Lê Đức Quy, Huỳnh Ai Thy. - Tái bản lần thứ 1. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2026. - 186 tr. ; 17 cm. - 135000đ. - 1000b
Thư mục: tr. 181-182 s640695

3474. Lê Quý Đôn. Kiến văn tiểu lục / Lê Quý Đôn ; Phạm Trọng Điềm dịch, chú ; Vũ Thị Thanh s.t., giới thiệu. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2026. - 828 tr. ; 21 cm. - (Cảo thơm). - 490000đ. - 1000b

Phụ lục: tr. 545-827 s640852

3475. Lê Thị Anh Đào. Châu Á qua góc nhìn văn hóa, lịch sử : Sách chuyên khảo / Lê Thị Anh Đào (ch.b.), Yuza Okazaki, Lê Hà Châm. - Huế : Nxb. Thuận Hóa, 2026. - 277 tr. : minh họa ; 21 cm. - 100b

Thư mục cuối mỗi bài s637499

3476. Lịch sử 10 / Vũ Minh Giang, Phạm Hồng Tung (tổng ch.b.), Nguyễn Nhật Linh... - Tái bản lần thứ 3, có chỉnh lí, bổ sung. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 111 tr. : minh họa ; 27 cm. - 13900đ. - 176100b

Đầu bìa sách ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo s639231

3477. Lịch sử 11 / Vũ Minh Giang, Phạm Hồng Tung (tổng ch.b.), Trần Thị Vinh (ch.b.)... - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 95 tr. : minh họa ; 27 cm. - 12100đ. - 285800b

Đầu bìa sách ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo s639232

3478. Lịch sử thế giới cổ đại / Lương Ninh (ch.b.), Đinh Ngọc Bảo, Đặng Quang Minh... - Tái bản lần thứ 21. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 271 tr. : bản đồ ; 24 cm. - 88000đ. - 1000b

Phụ lục: tr. 246-268. - Thư mục: tr. 269 s639892

3479. Lịch sử văn hóa làng Yên Định xã Tân Định, tỉnh Thanh Hóa / B.s. Lê Văn Long (ch.b.), Lê Văn Gấm, Trịnh Tiến Dũng... - H. : Hồng Đức, 2026. - 222 tr. : ảnh, bảng ; 21 cm. - 300b

Thư mục: tr. 126-222 s640932

3480. Lincoln : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 6+ / Tranh, lời: Neung In Publishing Company ; Nguyễn Thị Thẩm dịch. - Tái bản lần thứ 22. - H. : Kim Đồng, 2026. - 159 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - (Danh nhân thế giới. Chuyện kể về 10 nhân vật EQ). - 30000đ. - 10000b

Tên sách tiếng Anh: EQ Biography series - Abraham Lincoln s637761

3481. Lược sử nước Việt bằng tranh = Viet Nam - A brief history in pictures : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 6+ / Lời: Hiếu Minh, Huyền Trang ; Minh họa: Tạ Huy Long ; Nguyễn Xuân Hồng biên dịch. - Tái bản lần thứ 8. - H. : Kim Đồng, 2026. - 93 tr. : tranh màu ; 24x30 cm. - 196000đ. - 5000b s637795

3482. Lưu Minh Túy. Truyền thống văn hóa xã Thọ Cường / Lưu Minh Túy. - Thanh Hóa : Nxb. Thanh Hóa, 2026. - 260 tr. ; 21 cm. - 320b

Thư mục: tr. 253-255 s640818

3483. Lưu Phước Anh. Chiến công từ trong lòng đất / Lưu Phước Anh ; Tuyển chọn, giới thiệu: Hồ Sơn Đài. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2026. - 839 tr. ; 24 cm. - 800b s637458

3484. Mai Khanh. Bác Hồ - Người Việt Nam đẹp nhất / Mai Khanh b.s., tuyển chọn. - H. : Văn học, 2026. - 191 tr. ; 21 cm. - 100000đ. - 1200b

Thư mục: tr. 187-189 s640345

3485. Mai Thúc Loan : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 6+ / Anh Chi, Lê Minh Hải. - Tái bản lần thứ 11. - H. : Kim Đồng, 2026. - 31 tr. : tranh màu ; 21 cm. - (Tranh truyện lịch sử Việt Nam). - 20000đ. - 2000b

Thư mục cuối chính văn s637691

3486. Nghiên cứu đóng góp của Xuân Quang hầu Nguyễn Khắc Tuấn trong công cuộc kiến quốc dưới triều Nguyễn và đề xuất giải pháp tôn vinh ở Long An / B.s.: Đỗ Thị Hà Thơ (ch.b.), Nguyễn Ngọc Quận, Phạm Đức Thuận... - H. : Khoa học xã hội, 2025. - 351 tr. : minh họa ; 24 cm. - 1000b

ĐTTS ghi: Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh. Sở Khoa học và Công nghệ. - Thư mục: tr. 288-296. - Phụ lục: tr. 297-351 s638642

3487. Nguyễn Bích Ngọc. Cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc - Từ nhân cách lớn đến di sản đất Sen hồng : Sách chuyên khảo / Nguyễn Bích Ngọc. - H. : Lý luận Chính trị, 2026. - 320 tr. : ảnh màu ; 21 cm. - 350000đ. - 100b

Thư mục: tr. 301-308 s638268

3488. Nguyễn Đình Thống. Võ Thị Sáu con người và huyền thoại / Nguyễn Đình Thống. - Tái bản. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2026. - 118 tr. : ảnh ; 21 cm. - 39000đ. - 3000b

Thư mục: tr. 116-118 s640371

3489. Nguyễn Hồ. Hồi ức Nguyễn Hồ. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2026. - 192 tr. ; 21 cm. - 500b s640507

3490. Nguyễn Huy Thắng. Sử ta - Chuyện xưa kể lại / Nguyễn Huy Thắng, Nguyễn Như Mai, Nguyễn Quốc Tín. - Tái bản lần thứ 13. - H. : Kim Đồng. - 21 cm. - 50000đ. - 2000b

T.1: Từ thời các vua Hùng đến khởi đầu nền độc lập, tự chủ. - 2026. - 215 tr. : tranh vẽ. - Thư mục: tr. 212-213 s637765

3491. Nguyễn Huy Thắng. Sử ta - Chuyện xưa kể lại / Nguyễn Huy Thắng, Nguyễn Như Mai, Nguyễn Quốc Tín. - Tái bản lần thứ 13. - H. : Kim Đồng. - 21 cm. - 80000đ. - 2000b

T.2: Từ kỉ nguyên Đại Việt đến đỉnh cao Hồng Đức. - 2026. - 355 tr. : tranh vẽ. - Thư mục: tr. 350-352 s637766

3492. Nguyễn Huy Thắng. Sử ta - Chuyện xưa kể lại / Nguyễn Huy Thắng, Nguyễn Như Mai, Nguyễn Quốc Tín. - Tái bản lần thứ 13. - H. : Kim Đồng. - 21 cm. - 70000đ. - 2000b

T.3: Từ Hậu Lê Thánh Tông đến nhà Tây Sơn suy tàn. - 2026. - 299 tr. : tranh vẽ. - Thư mục: tr. 294-296 s637767

3493. Nguyễn Huy Thắng. Sử ta - Chuyện xưa kể lại / Nguyễn Huy Thắng, Nguyễn Như Mai, Nguyễn Quốc Tín. - Tái bản lần thứ 12. - H. : Kim Đồng. - 21 cm. - 90000đ. - 2000b

T.4: Nhà Nguyễn, thời thuộc Pháp và cuộc cách mạng giải phóng dân tộc. - 2026. - 383 tr. : tranh vẽ. - Thư mục: tr. 377-380 s637768

3494. Nguyễn Phương Bảo An. Kể chuyện danh nhân Việt Nam / Nguyễn Phương Bảo An b.s. - Tái bản lần thứ 13. - H. : Văn học, 2026. - 279 tr. : ảnh, tranh vẽ ; 21 cm. - 75000đ. - 2000b

Thư mục: tr. 278-279 s640388

3495. Nguyễn Thị Thanh Thủy. 70 câu hỏi - đáp về Chiến thắng Điện Biên Phủ / Nguyễn Thị Thanh Thủy b.s. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Kim Đồng, 2026. - 122 tr. ; 15 cm. - 30000đ. - 2000b s637904

3496. Nguyễn Văn Ánh. Lịch sử văn minh thế giới / Nguyễn Văn Ánh. - Tái bản lần thứ 5. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 467 tr. ; 24 cm. - 162000đ. - 500b
Thư mục: tr. 463-467 s639894
3497. Oldřich Růžicka. Atlas lật mở tương tác cho trẻ em - Hy Lạp cổ đại : Dành cho trẻ em 7 - 14 tuổi / Lời: Oldřich Růžicka ; Tranh: Tomáš Tůma ; Nguyễn Đức Toàn dịch. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 36 tr. : minh họa ; 26 cm. - 186000đ. - 3000b s639954
3498. Phạm Ngũ Lão : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 6+ / Anh Chi, Lê Minh Hải. - Tái bản lần thứ 11. - H. : Kim Đồng, 2026. - 31 tr. : tranh màu ; 21 cm. - (Tranh truyện lịch sử Việt Nam). - 20000đ. - 2000b
Thư mục cuối chính văn s637692
3499. Phạm Phúc Vĩnh. Phong trào tẩy chay khách trú năm 1919 ở Nam Kỳ : Sách chuyên khảo / Phạm Phúc Vĩnh. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2026. - 191 tr. ; 24 cm. - 119000đ. - 1000b
Thư mục: tr. 109-113. - Phụ lục: tr. 115-188 s640827
3500. Phạm Văn Trung. Hào khí Nghi Dương / Phạm Văn Trung. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 263 tr. ; 21 cm. - 500b s638352
3501. Quỳnh Cư. Chín chúa mười ba vua nhà Nguyễn - Câu chuyện một triều đại / B.s.: Quỳnh Cư, Trần Việt Quỳnh. - H. : Kim Đồng, 2026. - 252 tr. ; 21 cm. - 70000đ. - 1500b
Thư mục: tr. 252 s637781
3502. Reid, Anthony. Lịch sử Đông Nam Á - Những giao lộ then chốt / Anthony Reid ; Momoki Shiro giới thiệu ; Lê Phạm Hoàng Long dịch ; Trần Anh Đức h.đ. - H. : Công Thương, 2026. - 735 tr. : minh họa ; 24 cm. - (Tủ sách Ký ức). - 750000đ. - 1000b
Tên sách tiếng Anh: A history of Southeast Asia critical crossroads. - Thư mục: tr. 723-735 s640014
3503. Stabler, David. Thời thơ ấu của các Tổng thống Mỹ : Chuyện thật chưa kể : Dành cho lứa tuổi 7+ / David Stabler ; Minh họa: Doogie Horner ; Phạm Nguyên Trường dịch. - Tái bản lần thứ 8. - H. : Kim Đồng, 2026. - 211 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - 50000đ. - 2000b
Tên sách tiếng Anh: Kid presidents : True tales of childhood from America's presidents s637706
3504. Tình cảm của Bác Hồ với các địa phương, ngành nghề và lứa tuổi / B.s.: Lâm Đình Hùng, Bùi Thị Đàm, Phan Thị Quý, Nguyễn Thị An Vinh. - Nghệ An : Nxb. Nghệ An, 2026. - 178 tr. : ảnh ; 24 cm. - 200b
ĐTTS ghi: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Nghệ An. Khu di tích Kim Liên s640061
3505. Tổ chức hành chính ở các tỉnh miền Tây Nam Kỳ (1867 - 1945) : Sách chuyên khảo / Phạm Đức Thuận (ch.b.), Trần Minh Thuận, Dương Văn Triêm... - Huế : Đại học Huế, 2026. - 251 tr. : minh họa ; 24 cm. - 150000đ. - 200b
Thư mục: tr. 226-232. - Phụ lục: tr. 233-251 s637511
3506. Tổng ôn - luyện thi môn Lịch sử / Nguyễn Mạnh Hưởng. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 27 cm. - 250000đ. - 5000b
T.1. - 2026. - 278 tr. : minh họa s637562
3507. Tổng ôn - luyện thi môn Lịch sử / Nguyễn Mạnh Hưởng. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 27 cm. - 250000đ. - 10000b
T.2. - 2026. - 318 tr. : bảng, sơ đồ s637563
3508. Trần Đăng Đàn. Nẻo về nguồn cội / Trần Đăng Đàn. - Nghệ An : Nxb. Nghệ An, 2026. - 286 tr. ; 24 cm. - 180000đ. - 400b

Phụ lục: tr. 282-285 s639958

3509. Trần Nhân Tông : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 6+ / Lê Phương Liên, Tạ Huy Long. - Tái bản lần thứ 9. - H. : Kim Đồng, 2026. - 31 tr. : tranh màu ; 21 cm. - (Tranh truyện lịch sử Việt Nam). - 20000đ. - 2000b

Thư mục cuối chính văn s637693

3510. Trần Trọng Kim. Việt Nam sử lược : Bản đặc biệt / Trần Trọng Kim. - Tái bản lần thứ 7. - H. : Kim Đồng, 2026. - 616 tr. : bản đồ, bảng ; 24 cm. - 250000đ. - 2000b s637869

3511. Tư liệu dạy - học Lịch sử 9 / Trương Ngọc Thoi. - H. : Đại học Sư phạm, 2026. - 168 tr. : bảng ; 24 cm. - 79000đ. - 1500b s638281

3512. Tư trị thông giám / B.s.: Tư Mã Quang (ch.b.), Phạm Tổ Vũ, Lưu Thứ, Lưu Ban ; Bùi Thông dịch ; Nguyễn Đức Vịnh h.đ. - H. : Văn học. - 24 cm. - 389000đ. - 500b

Dịch từ nguyên bản Hán văn cổ: 资治通鉴

T.2. - 2026. - 568 tr. - Thư mục sau trang tên sách. - Phụ lục cuối chính văn s640466

3513. Tư trị thông giám / B.s.: Tư Mã Quang (ch.b.), Phạm Tổ Vũ, Lưu Thứ, Lưu Ban ; Phạm Thành Long dịch ; Nguyễn Đức Vịnh h.đ. - H. : Văn học. - 24 cm. - 389000đ. - 500b

Dịch từ nguyên bản Hán văn cổ: 资治通鉴

T.8. - 2026. - 560 tr. - Thư mục sau trang tên sách. - Phụ lục: tr. 555-560 s640362

3514. Tư trị thông giám / B.s.: Tư Mã Quang (ch.b.), Phạm Tổ Vũ, Lưu Thứ, Lưu Ban ; Bùi Thông dịch ; Nguyễn Đức Vịnh h.đ. - H. : Văn học. - 24 cm. - 429000đ. - 1000b

Dịch từ nguyên bản Hán văn cổ: 资治通鉴

T.12. - 2026. - 687 tr. - Thư mục sau trang tên sách s640228

3515. Văn Phan. Đoàn mật vụ của Ngô Đình Cẩn : Sách tham khảo của lực lượng Công an nhân dân : Ấn bản kỷ niệm / Văn Phan. - H. : Công an nhân dân, 2026. - 141 tr. ; 21 cm. - 159000đ. - 1012b s640983

3516. Việt Nam - Đất nước, con người / Lê Huy Bắc (ch.b.), Phạm Thị Hà, Cao Hoàng Hà... - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 311 tr. : ảnh ; 24 cm. - 140000đ. - 3000b

Thư mục cuối mỗi bài s639905

3517. Võ Nguyên Giáp. Tổng hành dinh trong mùa Xuân toàn thắng : Hồi ức / Võ Nguyên Giáp. - Xuất bản lần thứ 12. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2026. - 335 tr. : ảnh, tranh vẽ ; 21 cm. - 135000đ. - 2000b

Thư mục: tr. 332-334 s637439

3518. Vở thực hành Lịch sử và Địa lí 6 - Phần Lịch sử / Đinh Ngọc Bảo (ch.b.), Phan Ngọc Huyền, Phạm Thị Thanh Huyền. - Tái bản lần thứ 5, có chỉnh lí, bổ sung. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 68 tr. : minh họa ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 32000đ. - 10000b s639241

3519. Vở thực hành Lịch sử và Địa lí 7 - Phần Lịch sử / Nghiêm Đình Vỳ, Phạm Thị Thanh Huyền, Lưu Thị Minh Nguyệt. - Tái bản lần thứ 4, có chỉnh lí, bổ sung. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 80 tr. : minh họa ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 35000đ. - 10000b s639242

3520. Vở thực hành Lịch sử và Địa lí 8 - Phần Lịch sử / Trịnh Đình Tùng (ch.b.), Lưu Thị Minh Nguyệt, Hoàng Thanh Tú. - Tái bản lần thứ 3, có chỉnh lí, bổ sung. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 96 tr. : minh họa ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 40000đ. - 10000b s639243

3521. Vở thực hành Lịch sử và Địa lí 9 - Phần Lịch sử / Trịnh Đình Tùng (ch.b.), Hoàng Hải Hà, Nguyễn Thị Huyền Sâm, Hoàng Thanh Tú. - Tái bản lần thứ 2, có chỉnh lí, bổ sung. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 104 tr. : bảng, sơ đồ ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 40000đ. - 10000b s639244

3522. Vũ Dương Ninh. Lịch sử thế giới cận đại / Vũ Dương Ninh, Nguyễn Văn Hồng. - Tái bản lần thứ 21. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 563 tr. ; 24 cm. - 180000đ. - 500b s639893

ĐỊA LÝ VÀ DU HÀNH

3523. Atlas cho trẻ em : Hơn 100 sticker và một bản đồ địa hình siêu lớn / Thanh Tú dịch. - H. : Mỹ thuật, 2026. - 19 tr. : hình vẽ, bản đồ ; 31 cm. - 80000đ. - 2000b s638670

3524. Bài tập Lịch sử và Địa lí 6 - Phần Địa lí / Đào Ngọc Hùng (ch.b.), Vũ Thị Hằng, Lê Huỳnh, Phí Công Việt. - Tái bản lần thứ 5. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 88 tr. : minh họa ; 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 14000đ. - 92100b s639550

3525. Bài tập Lịch sử và Địa lí 7 - Phần Địa lí / Nguyễn Đình Giang, Phạm Thị Thu Phương (ch.b.), Nguyễn Thị Thu Hiền... - Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 76 tr. : minh họa ; 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 12000đ. - 49300b s639551

3526. Bài tập Lịch sử và Địa lí 8 - Phần Địa lí / Đào Ngọc Hùng (ch.b.), Bùi Thị Thanh Dung, Phạm Thị Thu Phương, Phí Công Việt. - Tái bản lần thứ 3, có chỉnh lí, bổ sung. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 76 tr. : minh họa ; 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 12000đ. - 28000b s639552

3527. Bhutan : Dành cho lứa tuổi 6+ / Viết: Minh Tuấn ; Vẽ: Nguyễn Hào. - Tái bản lần 1. - H. : Kim Đồng, 2026. - 15 tr. : tranh màu ; 19 cm. - (Vòng quanh thế giới). - 12000đ. - 2000b s638211

3528. Chuyên đề học tập Địa lí 10 / Lê Huỳnh (tổng ch.b.), Nguyễn Đình Cừ, Đặng Tiên Dung, Đào Ngọc Hùng. - Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 35 tr. : minh họa ; 27 cm. - 5400đ. - 44500b

Đầu bìa sách ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo s639238

3529. Chuyên đề học tập Địa lí 12 / Lê Huỳnh (tổng ch.b.), Nguyễn Thị Sơn (ch.b.), Đào Ngọc Hùng, Lê Văn Hương. - Tái bản lần thứ 2, có chỉnh lí, bổ sung. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 55 tr. : minh họa ; 27 cm. - 7900đ. - 29000b

Đầu bìa sách ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo s639240

3530. Cuba : Dành cho lứa tuổi 6+ / Viết: Tuấn Huỳnh ; Vẽ: Nguyễn Hào. - Tái bản lần 3. - H. : Kim Đồng, 2026. - 15 tr. : tranh màu ; 19 cm. - (Vòng quanh thế giới). - 12000đ. - 2000b s638213

3531. Địa lí 10 / Lê Huỳnh (tổng ch.b.), Nguyễn Việt Khôi (ch.b.), Nguyễn Đình Cừ... - Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 115 tr. : minh họa ; 27 cm. - 14500đ. - 240200b

Đầu bìa sách ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo s639233

3532. Ferdinand Magellan - Người đầu tiên đi vòng quanh thế giới : Truyện tranh về 10 danh nhân nổi tiếng thế giới. - H. : Văn học, 2026. - 32 tr. : tranh màu ; 23 cm. - (Những thiên tài làm thay đổi thế giới). - 45000đ. - 3000b

Tên sách ngoài bìa: Ferdinand Magellan - Người đầu tiên đi thuyền vòng quanh thế giới s640282

3533. Hành trình theo dấu chân Người. - Nghệ An : Nxb. Nghệ An, 2026. - 24 tr. : minh họa ; 15 cm. - 30000đ. - 3000b

Đầu bìa sách ghi: Đoàn TNCS Hồ Chí Minh - Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An s640608

3534. Hi Lạp : Dành cho lứa tuổi 6+ / Viết: Minh Tuấn ; Vẽ: Nguyễn Hào. - Tái bản lần 6. - H. : Kim Đồng, 2026. - 15 tr. : tranh màu ; 19 cm. - (Vòng quanh thế giới). - 12000đ. - 2000b s638214

3535. Lê Tyna. Cẩm nang sống và làm việc tại Campuchia : Góc nhìn và kinh nghiệm thực tế từ một người Việt đã sống và làm việc nhiều năm tại đây / Lê Tyna. - H. : Công Thương, 2026. - 251 tr. : minh họa ; 21 cm. - 199000đ. - 500b

Phụ lục: tr. 239-251 s637473

3536. Lịch sử và Địa lí 6 / Vũ Minh Giang, Nghiêm Đình Vỳ, Đào Ngọc Hùng (tổng ch.b.)... - Tái bản lần thứ 5, có chỉnh lí, bổ sung. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 199 tr. : minh họa ; 27 cm. - 25200đ. - 259400b

Đầu bìa sách ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo s639227

3537. Lịch sử và Địa lí 7 / Ch.b.: Vũ Minh Giang, Nghiêm Đình Vỳ, Đào Ngọc Hùng (tổng ch.b.)... - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 183 tr. : minh họa ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 24000đ. - 175000b s639224

3538. Lịch sử và Địa lí 7 / Ch.b.: Vũ Minh Giang, Nghiêm Đình Vỳ, Đào Ngọc Hùng (tổng ch.b.)... - Tái bản lần thứ 4, có chỉnh lí, bổ sung. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 183 tr. : minh họa ; 27 cm. - 23300đ. - 218200b

Đầu bìa sách ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo s639228

3539. Lịch sử và Địa lí 8 / Vũ Minh Giang, Nghiêm Đình Vỳ, Đào Ngọc Hùng (tổng ch.b.)... - Tái bản lần thứ 3, có chỉnh lí, bổ sung. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 175 tr. : minh họa ; 27 cm. - 22400đ. - 198500b

Đầu bìa sách ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo s639229

3540. Lịch sử và Địa lí 9 / Ch.b.: Vũ Minh Giang, Nghiêm Đình Vỳ, Đào Ngọc Hùng (tổng ch.b.)... - Tái bản lần thứ 2, có chỉnh lí, bổ sung. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 239 tr. : minh họa ; 27 cm. - 28700đ. - 187700b

Đầu bìa sách ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo s639230

3541. Lương Thị Hải Hà. Phát triển vốn từ vựng tiếng Anh về chủ đề du lịch / Lương Thị Hải Hà. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 115 tr. : bảng ; 24 cm. - 145000đ. - 100b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Tân Trào. - Thư mục: tr. 115 s639891

3542. Mỹ : Dành cho lứa tuổi 6+ / Viết: Hạo Nhiên ; Vẽ: Nguyễn Hào. - Tái bản lần 11. - H. : Kim Đồng, 2026. - 15 tr. : tranh màu ; 19 cm. - (Vòng quanh thế giới). - 12000đ. - 2000b s638212

3543. Quiz! Khoa học kì thú: Nam Cực - Bắc Cực : Dành cho lứa tuổi 6+ / Tranh, lời: Shin Hye Young ; Hồng Hà dịch. - Tái bản lần thứ 5. - H. : Kim Đồng, 2026. - 197 tr. : tranh màu ; 21 cm. - (Tủ sách Bổ trợ kiến thức nhà trường). - 75000đ. - 3000b

Tên sách tiếng Hàn: 퀴즈! 과학 상식20: 남극 - 북극 s637703

3544. Tập bản đồ Bài tập - Thực hành Lịch sử và Địa lí 6: Phần Địa lí : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 / Đào Ngọc Hùng, Phan Văn Phú, Nguyễn Ngọc Ánh, Nguyễn Thanh Xuân. - Tái bản lần thứ 4, có chỉnh lí. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 52 tr. : minh họa ; 27 cm. - 21000đ. - 3000b s639221

3545. Tập bản đồ Bài tập - Thực hành Lịch sử và Địa lí 6: Phần Lịch sử : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 / Phan Ngọc Huyền, Hà Bích Liên, Nguyễn Hải Nam, Vũ Thị

Phượng. - Tái bản lần thứ 4, có chỉnh lí. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 52 tr. : minh họa ; 27 cm. - 21000đ. - 3000b s639218

3546. Tập bản đồ Bài tập - Thực hành Lịch sử và Địa lí 8: Phần Địa lí : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 / Đào Ngọc Hùng, Phan Văn Phú, Nguyễn Ngọc Ánh, Nguyễn Thanh Xuân. - Tái bản lần thứ 1, có chỉnh lí. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 51 tr. : minh họa ; 27 cm. - 21000đ. - 3000b s639222

3547. Tập bản đồ Bài tập - Thực hành Lịch sử và Địa lí 8: Phần Lịch sử : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 / Nguyễn Thị Bích, Phan Ngọc Huyền, Nguyễn Hải Nam, Vũ Thị Phượng. - Tái bản lần thứ 2, có chỉnh lí. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 52 tr. : minh họa ; 27 cm. - 21000đ. - 3000b s639219

3548. Tập bản đồ Bài tập - Thực hành Lịch sử và Địa lí 9: Phần Lịch sử : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 / Phan Ngọc Huyền, Nguyễn Hải Nam, Vũ Thị Phượng, Nguyễn Thị Huyền Sâm. - Tái bản lần thứ 2, có chỉnh lí. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 59 tr. : minh họa ; 27 cm. - 21000đ. - 3000b s639220

3549. Tập bản đồ Địa lí 12 : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 / Lê Huỳnh (ch.b.), Đỗ Anh, Phạm Văn Hải... - Tái bản lần thứ 2, có chỉnh lí, bổ sung. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 40 tr. : minh họa ; 30 cm. - 39000đ. - 5000b s639209

3550. Tập bản đồ Lịch sử và Địa lí lớp 6 - Phần Địa lí / Phí Công Việt, Trương Thị Thu Hiền, Phạm Văn Hải... - Tái bản lần thứ 5. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 39 tr. : minh họa ; 30 cm. - 39000đ. - 10000b s639210

3551. Tập bản đồ Lịch sử và Địa lí lớp 6 - Phần Lịch sử / Đinh Ngọc Bảo (ch.b.), Lưu Hoa Sơn, Lương Thị Hoa... - Tái bản lần thứ 5, có chỉnh lí, bổ sung. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 35 tr. : minh họa ; 30 cm. - 36000đ. - 10000b s639214

3552. Tập bản đồ Lịch sử và Địa lí lớp 7 - Phần Địa lí : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 / Phí Công Việt, Đỗ Anh, Trương Thị Thu Hiền... - Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 35 tr. : minh họa ; 30 cm. - 38000đ. - 10000b s639211

3553. Tập bản đồ Lịch sử và Địa lí lớp 7 - Phần Lịch sử : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 / Nghiêm Đình Vỳ, Lương Thị Hoa, Nguyễn Thị Hòa... - Tái bản lần thứ 4, có chỉnh lí, bổ sung. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 31 tr. : minh họa ; 30 cm. - 37000đ. - 10000b s639215

3554. Tập bản đồ Lịch sử và Địa lí lớp 8 - Phần Địa lí : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 / Phí Công Việt, Phạm Thị Thu Phương (ch.b.), Đỗ Anh... - Tái bản lần thứ 3, có chỉnh lí, bổ sung. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 35 tr. : minh họa ; 30 cm. - 38000đ. - 10000b s639212

3555. Tập bản đồ Lịch sử và Địa lí lớp 8 - Phần Lịch sử : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 / Trịnh Đình Tùng (ch.b.), Phạm Văn Hải, Lưu Hoa Sơn... - Tái bản lần thứ 3, có chỉnh lí, bổ sung. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 35 tr. : minh họa ; 30 cm. - 38000đ. - 10000b s639216

3556. Tập bản đồ Lịch sử và Địa lí lớp 9 - Phần Địa lí : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 / Đào Ngọc Hùng (ch.b.), Đỗ Anh, Phạm Văn Hải... - Tái bản lần thứ 2, có chỉnh lí, bổ sung. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 36 tr. : minh họa ; 30 cm. - 38000đ. - 10000b s639213

3557. Tập bản đồ Lịch sử và Địa lí lớp 9 - Phần Lịch sử : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 / Trịnh Đình Tùng (ch.b.), Hoàng Hải Hà, Phạm Văn Hải... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 31 tr. : minh họa ; 30 cm. - 38000đ. - 10000b s639217

3558. Tập bản đồ và tư liệu Lịch sử 10 : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 / Lương Thị Hoa, Lưu Hoa Sơn, Nguyễn Xuân Trường... - Tái bản lần thứ 3, có chỉnh lí, bổ sung. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 35 tr. : minh họa ; 30 cm. - 38000đ. - 5000b s639206
3559. Tập bản đồ và tư liệu Lịch sử 11 : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 / Trần Thị Vinh (ch.b.), Phạm Văn Hải, Phạm Văn Thọ... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 35 tr. : minh họa ; 30 cm. - 38000đ. - 5000b s639207
3560. Tập bản đồ và tư liệu Lịch sử 12 : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 / Trần Thị Vinh (ch.b.), Phạm Văn Hải, Trần Thị Lý... - Tái bản lần thứ 1, có chỉnh lí, bổ sung. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 31 tr. : minh họa ; 30 cm. - 38000đ. - 5000b s639208
3561. Trần Minh Hợp. Bước, Đài Loan : Dành cho tuổi trưởng thành / Trần Minh Hợp ; Minh họa: Phúc Niên. - H. : Kim Đồng, 2026. - 167 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - 65000đ. - 2000b Phụ lục: tr. 156-167 s637662
3562. Trần Tuyết Hạnh. Giáo trình Tiếng Trung khách sạn nhà hàng = 旅游汉语教程 / Ch.b.: Trần Tuyết Hạnh, Nguyễn Thị Phương Anh. - H. : Công Thương, 2026. - 81 tr. ; 27 cm. - 100000đ. - 200b ĐTTS ghi: Trường Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội. Khoa Tiếng Trung và Tiếng Nhật s637593
3563. Trần Tuyết Hạnh. Giáo trình Tiếng Trung lễ hành = 旅游汉语教程 / Ch.b.: Trần Tuyết Hạnh, Nguyễn Thị Phương Anh. - H. : Công Thương, 2026. - 95 tr. : ảnh ; 27 cm. - 100000đ. - 200b ĐTTS ghi: Trường Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội. Khoa Tiếng Trung và Tiếng Nhật s637592
3564. Trần Vọng Đức. Ở ờ ơ - Gọi miền thương nhớ : Du ký / Trần Vọng Đức. - Huế : Nxb. Thuận Hóa, 2026. - 286 tr. ; 21 cm. - 120000đ. - 500b s637494
3565. Vở thực hành Lịch sử và Địa lí 6 - Phần Địa lí / Đào Ngọc Hùng (ch.b.), Phí Công Việt. - Tái bản lần thứ 5. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 71 tr. : minh họa ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 32000đ. - 10000b s639245
3566. Vở thực hành Lịch sử và Địa lí 7 - Phần Địa lí / Phí Công Việt, Trương Thị Thu Hiền. - Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 59 tr. : minh họa ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 29000đ. - 10000b s639246
3567. Vở thực hành Lịch sử và Địa lí 8 - Phần Địa lí / Phí Công Việt, Phạm Thị Thu Phương, Đỗ Trang Nhung. - Tái bản lần thứ 3, có chỉnh lí, bổ sung. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 68 tr. : minh họa ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 32000đ. - 10000b s639247
3568. Vở thực hành Lịch sử và Địa lí 9 - Phần Địa lí / Nguyễn Trọng Đức, Nguyễn Tú Linh, Tạ Quỳnh Trang. - Tái bản lần thứ 2, có chỉnh lí, bổ sung. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2026. - 92 tr. : bảng, sơ đồ ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 38000đ. - 10000b s639248